

ĐẶNG CHÍ HÙNG

những sự thật
cần phải biết

*CHỨNG TỪ VỀ CHÂN TƯỚNG
CỘNG SẢN VN & HỒ CHÍ MINH*



Tiếp Quê Hương
BOOK CLUB

Virginia 2014

6 * ĐẶNG CHÍ HÙNG



**ĐẶNG CHÍ
HÙNG**

NHỮNG SỰ THẬT CẦN PHẢI BIẾT * 7

Vài Nét về Tác Giả và Tác Phẩm.

Đặng Chí Hùng tên thật Phạm Mạnh Hùng, sinh ngày 16/8/1982 tại Lạc Thủy Hà Sơn Bình, Bắc Việt, trong một gia đình có nhiều người là đảng viên CSVN. Anh tốt nghiệp Đại Học Bách Khoa Hà Nội, khoa Công Nghệ Thông Tin.

Vì tương quan gia đình, anh không kìm nổi bất bình trước các tiết lộ về chân tướng Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam mà theo định kiến vốn có, chỉ là “luận điệu phản động.” Do đó, anh đã quyết định tìm hiểu mọi sự để phân định rõ trắng đen trước công luận.

Nhưng nỗ lực tìm hiểu lại đưa Đặng Chí Hùng tới với hàng loạt sự thật xác minh chân tướng Hồ Chí Minh và đảng CSVN ngược hẳn luận điệu đề cao quen thuộc nghe từ thuở nhỏ. Những chứng cứ không thể chối bỏ cộng thêm thực tế trước mắt khiến anh đã chọn một hướng đi mới. Đó là hướng đi bày tỏ sự thật, và cũng là hướng đi bắt buộc với mọi người Việt Nam còn mong có được cuộc sống con người.

Anh tự lãnh phạt sự nói lên các sự thật phơi trần dã tâm của đảng CSVN, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động bày tỏ lòng yêu nước trước hiểm họa bành trướng Bắc Kinh.

Từ đây Đặng Chí Hùng trở thành đối tượng triệt hạ của CSVN và rơi vào cảnh bị bao vây, đe dọa rồi bị lùng bắt gắt gao. Anh đã phải từ bỏ việc làm rời miền Bắc vào Sài Gòn, rồi lặn lội qua Campuchia và cuối cùng trốn tới Thái Lan. Nhưng đầu năm 2014 tại Vọng Các, Đặng Chí Hùng bị cảnh sát Thái Lan bắt theo yêu cầu của chính quyền Hà Nội. May là tổ chức quốc tế nhân quyền LHQ đã can thiệp, bác bỏ mọi luận điệu kết tội của cộng sản Việt Nam và nhìn nhận anh có quyền xin tị nạn chính trị.



Suốt thời gian lẩn trốn, Đặng Chí Hùng liên tục công bố nhiều bài viết tố giác CSVN phản dân hại nước. Cụ thể Đặng Chí Hùng đã viết hơn 50 bài theo hai chủ đề : *Những Sự Thật Không Thể Chối Bỏ* và *Những Sự Thật Cần Phải Biết*.

Tháng 12/2013, trước khi bị bắt tại Vọng Các, Đặng Chí Hùng đã giao bản thảo cho Tủ Sách Tiếng Quê Hương để ấn hành gửi tới bạn đọc.

Hơn 50 bài của Đặng Chí Hùng có số trang quá dày nên Tủ Sách Tiếng Quê Hương phải phân thành 2 tập với tựa đề chung là *Những Sự Thật Cần Phải Biết*.

Tập đầu đã hoàn tất gồm 14 bài *Những Sự Thật Không Thể Chối Bỏ* và 11 bài *Những Sự Thật Cần Phải Biết*. Tập 2 sẽ gồm hơn 20 bài còn lại của chủ đề *Những Sự Thật Cần Phải Biết*.

Những dòng chữ của Đặng Chí Hùng chỉ cố gắng nói lên các sự thật đã bị vùi lấp bấy lâu bởi một tập đoàn xảo trá mạo danh chính nghĩa để lường gạt mọi người.

Những dòng chữ của anh cũng là tiếng gọi thiết tha cất lên từ trái tim trĩu nặng tình yêu quê hương dân tộc hướng về những đồng bào chung tâm sự với mong ước cùng nhau sớm tìm ra phương cách tiêu trừ ách nạn cộng sản trên đất nước Việt Nam.

Gửi tác phẩm của Đặng Chí Hùng tới các bạn, Tủ Sách Tiếng Quê Hương cũng mang chung mong ước đó.

● Tủ sách
TIẾNG QUÊ HƯƠNG

NGỌN LỬA NHIỆT TÌNH CHO SỰ THẬT và QUÊ HƯƠNG .

● TRẦN PHONG VŨ

Đặng Chí Hùng không phải là người viết chuyên nghiệp. Cụ thể khi viết tập sách này anh không làm công việc của một nhà văn.

Do sự thôi thúc từ lòng yêu nước, yêu sự thật của một công dân và với tư cách một nhân chứng, tác giả ghi lại những gì anh biết, hoặc trực tiếp hoặc do những chứng từ giá trị, khả tín có được trong tầm tay, liên hệ tới những người, những sự việc liên quan tới vận mệnh quê hương, dân tộc suốt ba phần tư thế kỷ vừa qua.

Anh sinh năm 1982, vừa chớm bước qua tuổi tam thập nhi lập. Trong lời tự bạch ghi ngày 22-11-2013, Đặng Chí Hùng cho biết anh xuất thân trong một gia đình cộng sản, có nhiều thương binh, liệt sĩ, đã đóng góp máu xương xây dựng chế độ: *“Bản thân tôi do sinh sau năm 1975 và sinh ở miền Bắc nên không hề biết về những quá khứ đau thương của dân tộc. Tôi cũng không có bất cứ một thân nhân nào thuộc về “phía bên kia” như cách gọi của cộng sản Việt Nam. Ngay từ nhỏ tôi đã giống như bao đứa trẻ khác lớn lên trong môi trường “yêu nước là phải yêu Đảng và Bác.”*

Vì thế, năm 1997 vừa lên lớp 10 bậc trung học, bắt

ngờ đọc được một tài liệu phơi bày sự thật trái ngược về Hồ Chí Minh và chủ nghĩa cộng sản, Đặng Chí Hùng bị “sốc” nặng. Phản ứng ban đầu là bức tức với cảm giác chính mình bị xúc phạm. Điều này thôi thúc đương sự dốc tâm tìm hiểu sự thật. Với nhiệt tâm của tuổi mới lớn, ban đầu anh nuôi tham vọng vạch mặt những phần tử “xấu” đã manh tâm bôi bác ông Hồ, người mà suốt thời thơ ấu cho đến tuổi thiếu niên, cũng như tuyệt đại đa số bạn bè đồng trang lứa, anh coi như thần tượng.

Nhưng thật trớ trêu! Qua các tài liệu, các chứng từ giá trị, trong đó không ít xuất phát từ những văn kiện của chế độ, đã mở mắt cho anh thấy bộ mặt thật tráo trở, lường gạt, buôn dân bán nước của Hồ Chí Minh và cái chủ nghĩa ngoại lai do chính ông ta mang về áp đặt trên quê hương, dân tộc trong hơn 80 năm qua.

Khởi từ nhân vật Hồ Chí Minh, Đặng Chí Hùng lần mò tìm vào những ngõ ngách phức tạp về nhân thân, tư cách và hành động của những lãnh tụ cộng sản Việt Nam, từ Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Duẩn, Lê Đức Thọ... cho tới những khuôn mặt đương quyền ở Hà Nội ngày nay như Nguyễn Phú Trọng, Nguyễn Sinh Hùng, Trương Tấn Sang, Nguyễn Tấn Dũng... để cảm nhận đến tận cùng nỗi đau của một người trẻ từ bao nhiêu năm qua đã bị bùng tai bịt mắt.

Thương cho mình và cả một thế hệ trẻ sinh ra và lớn lên ở miền Bắc bị lường gạt, Đặng Chí Hùng bắt đầu ngó vào miền Nam để khám phá ra rằng tất cả những gì anh được người ta nhồi nhét vào đầu lâu nay về phân nửa đất nước của tiền nhân bên kia bờ sông Bến Hải, đều là ngụy tạo.

Trong lời tự bạch, Đặng Chí Hùng viết:

“... từ đó, tôi đã đi tìm hiểu thêm về cái gọi là “Việt Nam Cộng Hòa” mà cộng sản nói là “ngụy.”

Nhưng thật bất ngờ, VNCH không phải “ngụy” mà chính là một chính thể đã hết mình lo cho tự do và dân chủ của người Việt Nam. Tôi đã bỏ thời gian của mình để đến thăm những chiến trường xưa như Charlie, Tân Cảnh, Khe Sanh hay đến viếng những tướng lĩnh anh hùng như tướng Nguyễn Khoa Nam tại chùa Già Lam và cũng đến thăm những ngôi mộ của những chiến sĩ quân lực VNCH tại Biên Hòa để chứng kiến sự trả thù man rợ với cả người chết của cộng sản.”

Chính từ những phát hiện muộn màng nhưng đối với anh rất giá trị và mới mẻ ấy, Đặng Chí Hùng bắt đầu cầm cùi ghi lại với mục tiêu duy nhất là “... giúp cho người dân trong nước thấy được sự thật là chúng ta đã và đang bị cộng sản lừa dối mấy chục năm qua và đang đẩy chúng ta vào tay của Trung Cộng khát máu. Những bài viết của tôi không có gì quá mới, nhưng tôi chủ trương dùng các bằng chứng của thế giới cộng sản để bẻ gãy những gì đảng cộng sản tuyên truyền láo khoét về lịch sử. Từ đó tôi mong muốn lòng dân sẽ thay đổi và đứng lên đấu tranh cho một Việt Nam tự do và dân chủ, không cộng sản trong một tương lai gần.”



Điều đáng nói về con người Đặng Chí Hùng là tinh thần yêu nước của anh không chỉ giới hạn trong phạm vi người chúng. Anh là người hành động thật sự. Ngoài sự hiện diện trong những cuộc biểu tình chống bá quyền Trung Cộng và những hành vi bán nước của Đảng và Nhà Nước CSVN, trong những năm còn ở trong nước, anh đã nối kết với những thành phần trẻ yêu nước khắp nơi để cùng nhau xây dựng một mạng lưới đấu tranh cho tự do, dân chủ, chống lại chế độ bạo quyền.

Và chuyện phải đến, đã đến.

Đặng Chí Hùng thường xuyên phải đối mặt với

những cuộc rình mò, săn đuổi của công an. Sau khi biết anh thoát qua Thái Lan, Hà Nội đã phái hai nhân viên mật vụ qua tiếp xúc với các giới chức an ninh Thái ở thủ đô Vọng Các, bịa ra những tội danh hình sự gán cho Đặng Chí Hùng với hy vọng dẫn độ anh về Việt Nam để hành tội. Nhưng, mọi lời vu khống của Hà Nội đã không lừa được các giới chức Thái Lan. Nhờ thế anh thoát hiểm và hiện đã được phái đoàn Liên Hiệp Quốc cấp qui chế tị nạn.

Tên thật của tác giả Đặng Chí Hùng là Phạm Mạnh Hùng. Sự kiện anh chọn bút danh Đặng Chí Hùng có những lý do thâm kín. Nhớ lại buổi tối Chúa Nhật ngày 22/12/2013, cá nhân tôi được ký giả Lạc Việt, người điều hợp diễn đàn Paltalk hàng tuần của nhóm truyền thông yểm trợ khối 8406 mời nói chuyện về nhân vật đấu tranh trẻ tuổi này. Chấm dứt phần trình bày, trước khi bước qua phần trao đổi với đông đảo tham dự viên mà phần đông thuộc thành phần trẻ từ Hoa Kỳ, Canada, Âu châu, Úc châu, kể cả Việt Nam, người điều hợp diễn đàn đặt ra cho tôi một câu hỏi bất ngờ: *“Liệu tôi có nghĩ rằng khi chọn bút danh Đặng Chí Hùng, người trẻ họ Phạm có hàm ý muốn noi gương dũng cảm của tác giả Thép Đen, tức nhà văn Đặng Chí Bình, người anh hùng biệt kích nhảy toán ra Bắc đầu thập niên 60, sau đó bị cộng sản tổng giam và đã trở thành biểu tượng của những người tù kiệt xuất một thời của Việt Nam Cộng Hòa?”*

Dù quen biết tác giả *Thép Đen* nhưng tôi không có câu trả lời ngay và hứa sẽ tìm hiểu sau.

Mấy tuần sau đó, tình cờ tôi được một người bạn chuyển cho link video để nghe buổi nói chuyện của Đặng Chí Bình cũng trên diễn đàn Paltalk do ký giả Lạc Việt điều hợp. Và câu hỏi tương tự đã được nêu ra trực tiếp với tác giả *Thép Đen*.

Kết quả thật bất ngờ. Nhà văn, cựu biệt kích nhảy

toán và cũng là người trải qua biết bao trại tù cộng sản suốt 18 năm trường, xác nhận là Phạm Mạnh Hùng đã trực tiếp liên lạc với anh để xin phép được lấy bút danh Đặng Chí Hùng.

Sự kiện này cho thấy hai điều.

Thứ nhất, khi chọn bút danh Đặng Chí Hùng, người thanh niên xuất thân trong một gia đình cộng sản ở miền Bắc này đã công khai bày tỏ ý muốn noi gương quả cảm và tinh thần yêu nước, yêu chuộng sự thật của tác giả *Thép Đen*. Một cách nào đó sự việc cũng nói lên lòng ngưỡng mộ của anh đối với cuộc chiến đấu của quân dân Việt Nam Cộng Hòa trước ngày 30 tháng Tư năm 1975.

Thứ hai, những tác phẩm nặng ký như *Thép Đen*, dù xuất bản ở hải ngoại nhưng vẫn được những người trẻ ở quốc nội, nhất là những thành phần yêu nước đang âm thầm theo đuổi bước đường chống gai chông lại đảng và chế độ cộng sản như Phạm Mạnh Hùng, tìm đọc. Đây quả là một khích lệ lớn lao đối với những người cầm bút ở hải ngoại luôn coi sách báo, ngôn ngữ, văn tự như một phương tiện “chuyển lửa” về quê nhà.

Khi tập sách này đến tay độc giả, Đặng Chí Hùng vẫn còn ở Thái Lan. Chưa biết ngày mai của anh sẽ ra sao. Điều chúng ta có thể biết chắc là những chứng từ sống động trên những trang giấy này sẽ đóng góp một phần không nhỏ vào cuộc đấu tranh cho tự do, dân chủ và quyền làm người trên quê hương Việt Nam.

● TRẦN PHONG VŨ

Nam California

những ngày đầu năm Giáp Ngọ 2014

Đôi dòng tự bạch

● ĐẶNG CHÍ HÙNG

Tôi là một người trẻ, sinh năm 1982 và được sinh trong một gia đình cộng sản. Gia đình tôi có nhiều thương binh và liệt sĩ cống hiến thân thể và xương máu cho chế độ cộng sản. Bản thân tôi do sinh sau năm 1975 và sinh ở miền Bắc nên không hề biết về những quá khứ đau thương của dân tộc. Tôi cũng không có bất cứ một thân nhân nào thuộc về “phía bên kia” như cách gọi của cộng sản Việt Nam.

Ngay từ nhỏ tôi đã giống như bao đứa trẻ khác lớn lên trong môi trường “*yêu nước là phải yêu Đảng và Bác.*” Và tôi cũng đã bị lừa dối phần lớn quãng đời đi học phổ thông của mình rằng: “*Đảng quang vinh và Bác Hồ vĩ đại.*”

Đến năm 1997, khi đó tôi học lớp 10, may mắn cho tôi là tìm đọc được những cuốn sách viết sự thật về Hồ Chí Minh và cộng sản. Lúc đầu tôi thật sự sốc trước những thông tin “*bác có nhiều vợ con, bác là kẻ bán nước.*” Tôi đã từng rửa thầm trong bụng kẻ nào phao những tin này chính là “*phản động.*”

Nhưng khi bước chân vào đại học Bách Khoa Hà Nội năm 2000 thì tôi đã có nhiều thời gian và điều kiện

để tìm kiếm tư liệu về sự thật lịch sử, về cộng sản Việt Nam và Hồ Chí Minh. Lý do tôi muốn tìm hiểu là tôi thắc mắc: *“Tại sao đảng cộng sản nói đảng rất tốt mà người dân cứ nghèo? Tại sao bác Hồ lại giết hàng triệu người trong Cải Cách Ruộng Đất?”*

Và mục đích chính là tìm hiểu để cho lũ *“phản động”* biết họ là những kẻ sai trái khi dám tung tin nhằm nói xấu Bác và Đảng. Nhưng như một định mệnh, sau khi đọc những cuốn sách, những DVD, những văn bản tài liệu thì tôi hoàn toàn thất vọng với những gì đảng cộng sản đã tuyên truyền. Tôi đã nhận ra bộ mặt thật của Hồ Chí Minh và Cộng Sản là độc tài, bán nước, hại dân và chuyên nghề bịp bợm dân tộc tôi ...

Bắt đầu từ đó, tôi đã đi tìm hiểu thêm về cái gọi là *“Việt Nam Cộng Hòa”* mà cộng sản nói là *“ngụy.”* Nhưng thật bất ngờ là VNCH không phải *“ngụy”* mà chính là một chính thể đã hết mình lo cho tự do và dân chủ của người Việt Nam.

Tôi đã bỏ thời giờ của mình đến thăm những chiến trường xưa như Charlie, Tân Cảnh, Khe Sanh hay đến viếng những tướng lĩnh anh hùng như tướng Nguyễn Khoa Nam tại chùa Già Lam và cũng đến thăm các ngôi mộ của những chiến sĩ quân lực VNCH tại Biên Hòa để chứng kiến sự trả thù man rợ với cả người chết của cộng sản.

Đứng trước hiểm họa mất nước, tôi đã đi biểu tình đê phản đối những hành động phi pháp của Tàu Cộng. Nhưng đáng tiếc là cộng sản Việt Nam đã bán nước nên đàn áp chúng tôi thật dã man. Họ không cho chúng tôi cất tiếng nói yêu nước đối với những tên giặc phương Bắc.

Chính vì vậy tôi đã chọn cho mình con đường khác: Tìm hiểu và nghiên cứu, tổng hợp bằng chứng trong vòng 5 năm để viết lên những sự thật mà cộng sản Việt Nam bưng bít, lừa dối dân tộc.

Những bài viết của tôi chỉ nhằm giúp cho người dân trong nước thấy được sự thật là hết thấy đã và đang bị cộng sản lừa dối mấy chục năm qua và đang bị đẩy vào tay Trung Cộng khát máu.

Những bài viết của tôi không có gì quá mới, nhưng tôi chủ trương dùng các bằng chứng của thế giới cộng sản để bẻ gãy những gì đảng cộng sản tuyên truyền láo khoét về lịch sử. Từ đó tôi mong muốn lòng dân sẽ thay đổi và đứng lên đấu tranh cho một Việt Nam tự do và dân chủ, không cộng sản trong một tương lai gần.

Tôi cũng mong muốn rằng, những đóng góp của tôi dù nhỏ bé nhưng sẽ là một chút tình, một chút trách nhiệm của mình cho quê hương Việt Nam mà bất kể lúc nào tôi cũng mang theo hình ảnh trong sâu thẳm trái tim tôi.

● ĐẶNG CHÍ HÙNG

22/11/2013.

Đó là một người bình thường, tôi cũng không phải là sĩ quan. Tôi chỉ chấp nhận làm lịch sử thật lịch sử mà chúng ta đã không hiểu công lao Việt Nam trong lịch sử năm qua.

Viết lại lịch sử, trả lại lịch sử thật lịch sử là trách nhiệm của tất cả chúng ta. Bởi đây là một loạt các tác phẩm văn học rất khác đang góp phần để tạo nên một bộ mặt mới.

Những bài báo lịch sử mà chúng ta học được từ quá khứ cũng chính là những hình ảnh quý báu cho con em chúng ta sau này tránh gặp phải những đau thương trong quá khứ!

Vì thế tôi viết những bài viết này! Cùng sách này xin đồng hành cùng dân tộc của ta để nó được về lịch sử của dân tộc ta!

Đặng Chí Hùng

MỤC LỤC



Ngọn lửa nhiệt tình với sự thật và quê hương	
♦ <i>Trần Phong Vũ</i>	11
Đôi dòng tự bạch	
♦ <i>Đặng Chí Hùng</i>	17
<i>Ch.01</i> – Bác đi tìm đường cứu nước hay cứu “Bác?” ...	27
<i>Ch.02</i> – Hồ Chí Minh và công hàm 1958 ...	37
<i>Ch.03</i> – Bác, Đảng đã bán những gì và để làm gì? ...	55
<i>Ch.04</i> – Nỗi đau Sài Gòn	68
<i>Ch.05</i> – Dù đau đớn vẫn là sự thật!	94
<i>Ch.06</i> – Trí thức cũng chẳng khá hơn	109
<i>Ch.07</i> – Ai đã bán đứng cụ Phan Bội Châu? ...	128
<i>Ch.08</i> – Hồ Chí Minh & âm mưu Hán hóa VN ..	145
<i>Ch.09</i> – Âm mưu triệt tiêu nội lực dân tộc	154
<i>Ch.10</i> – Lừa dối dân tộc!	166
<i>Ch.11</i> – Ngụy tạo về Cách Mạng Mùa Thu	184

Ch.12 – Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn.....	206
Ch.13 – Ai làm cho Huế đau thương?	228
Ch.14 – Người chồng, người cha tối tệ	247
Ch.15 – Sự thật về “Đại Thắng Mùa Xuân 1975.”	267
Ch.16 – VNCH, nạn nhân chính sách	
“ngậm máu phun người”	289
Ch.17 – Nổi dậy hay khủng bố.....	317
Ch.18 – Thống Nhất? — Xảo Ngôn!.....	341
Ch.19 – Mất !	355
Ch.20 – CSVN : Trẻ em là công cụ chiến tranh!.....	363
Ch.21 – Sinh Bắc tử Nam!	377
Ch.22 – Những kẻ cướp ngày	395
Ch.23 – Đàn áp và phỉ báng tôn giáo	414
Ch.24 – Ngu dân và mị dân để giữ đảng.....	434
Ch.25 – Bằng chứng bán nước của CSVN.....	461



NHỮNG SỰ THẬT CẦN PHẢI BIẾT

– **Chương 01:**

**“Bác” đi tìm đường
cứu nước hay cứu bác?**

Trong chuỗi sự kiện về Hồ Chí Minh, xin bắt đầu từ việc đầu tiên đó là việc đi “*tìm đường cứu nước*.” Sự việc này sẽ xoay quanh lá thư xin học trường thuộc địa Pháp với hai vấn đề là : Có lá thư đó hay không và Hồ Chí Minh viết thư với mục đích gì?

Ngày 31/5/2011, tại Sài Gòn diễn ra cuộc hội thảo với chủ đề “*Chủ tịch Hồ Chí Minh – Hành trình tìm đường cứu nước*.” Cuộc hội thảo do 4 cơ quan đứng ra tổ chức: Thành Ủy Đảng CSVN Tp.HCM, Ban Tuyên Giáo Trung Ương, Học Viện Chính Trị Hành Chính Quốc Gia Hồ Chí Minh, Bộ Văn Hóa - Thể Thao và Du Lịch. Các cơ quan tổ chức cuộc hội thảo đều ở tầm cỡ khá cao trong nước nên cuộc hội thảo quy tụ nhiều nhân vật quan trọng của CSVN, kể cả cựu tổng bí thư Lê Khả Phiêu, thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng.

Về sự kiện thanh niên Nguyễn Tất Thành xuống tàu Amiral Latouche-Tréville ngày 5/6/1911 để ra đi, sách *Lịch Sử Việt Nam* của các tác giả là người của đảng CSVN đã viết nguyên văn như sau: “*Sự thất bại của các phong trào Đông Du, Đông Kinh Nghĩa Thục của cuộc vận động Duy Tân và phong trào chống thuế ở các tỉnh Trung Kỳ mà Người (Hồ Chí Minh) từng tham gia khi đang học ở trường Quốc Học Huế, đã thôi thúc Người hướng về các nước Tây Âu, mong muốn được đến “tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những Tự Do, Bình Đẳng, Bác Ái.*”

Sau khi rời Huế vào Phan Thiết ... được ít lâu, lấy tên là Văn Ba, Người xin làm phụ bếp trên chiếc tàu thủy Đô đốc La Tusor Torêvin (La Touche Tréville), thuộc hãng vận tải hợp nhất của Pháp, để đi ra nước ngoài “xem nước Pháp và các nước khác làm như thế nào rồi sẽ trở về giúp đồng bào...” (1)

Sách *Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tiểu Sử Và Sự Nghiệp* giải thích sự ra đi của Hồ Chí Minh cũng có nội dung gần giống như sau: “... Ít lâu sau, Hồ Chủ tịch vào Sài Gòn. Nam Kỳ dưới chế độ thuộc địa cũng chẳng khác gì Trung Kỳ dưới chế độ bảo hộ và Bắc kỳ dưới chế độ nửa thuộc địa, nửa bảo hộ. Ở đâu nhân dân cũng bị áp bức, bóc lột, đồng bào cũng bị đọa đày, khổ nhục. Điều đó càng thôi thúc Hồ Chủ tịch đi sang các nước Âu Tây để xem nhân dân các nước ấy làm như thế nào mà trở nên độc lập, hùng cường, rồi sẽ trở về “giúp đỡ đồng bào” đánh đuổi thực dân Pháp. Ý định ấy của Người đã dẫn Người từng bước đi tới tìm một phương hướng mới cho sự nghiệp cứu nước của nhân dân ta.” (2)

Đồng thời, sách *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, cũng do nhà xuất bản Sự Thật ấn hành, trả lời phỏng vấn của tác giả Trần Dân Tiên, Hồ Chí Minh nói về lý do ra đi như sau: “...Tôi muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta...” (3)

Ở đây có điều oái oăm: Trần Dân Tiên lại chính là Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh đã dùng tên khác viết sách tự ca tụng mình. Thực ra ở Việt Nam cũng như trên thế giới, đã

(1) Nguyễn Khánh Toàn và một nhóm tác giả, *Lịch Sử Việt Nam, tập 2, Hà Nội – Khoa Học Xã Hội, 1985, tr. 145.*

(2) Ban Nghiên Cứu Lịch Sử Đảng Trung Ương, *Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiểu sử và sự nghiệp, in lần thứ tư (có xem lại và bổ sung), Hà Nội, Sự Thật, 1975, tr. 15.*

(3) Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Hà Nội – Sự Thật, 1976, tr. 13.*

có không ít người viết sách về mình, đôi khi đề tự khen, hoặc đề biện hộ cho việc làm của mình, nhưng họ đều đề tên thật, chịu trách nhiệm về những điều họ viết, khác với Hồ Chí Minh dùng một tên khác đề tự ca tụng mình. Như vậy có thể kết luận, qua các sách của nhà cầm quyền cộng sản và qua chính những lời viết của Hồ Chí Minh, ông ta đã ra nước ngoài nhằm mục đích tìm đường cứu nước. Sự thực có phải vậy hay không?

● THƯ XIN HỌC TRƯỜNG THUỘC ĐỊA.

Đây là vấn đề thứ nhất. Tại sao “Bác” Hồ yêu nước, có tinh thần chống Pháp từ bé lại xin nhập học trường thuộc địa là nơi đào tạo quan chức nhằm thực hiện chính sách thực dân của Pháp ở Việt Nam?

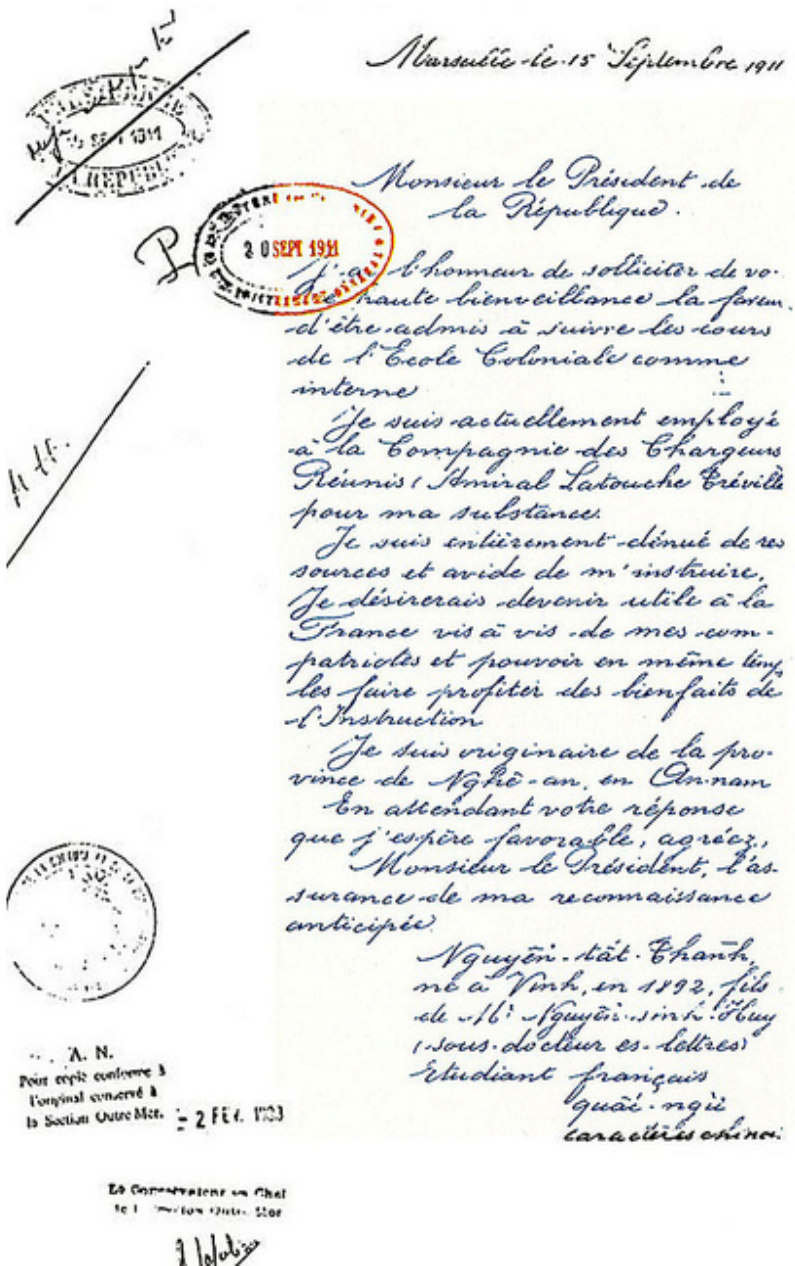
Bấy lâu nay, hình hai lá thư xuất hiện khá nhiều trên Internet với các ghi chú rõ rệt về xuất xứ. Do đó, trước câu hỏi “*nó có thật hay không?*”, có thể trả lời ngay là có thật. Tuy nhiên, vẫn xin đặt vấn đề dưới cái nhìn của dư luận từ cả hai phía “lề trái” và “lề phải.”

Đầu tiên là phía “lề trái.”

Vào tháng 02/1983, hai sử gia Việt Nam, tiến sĩ Nguyễn Thế Anh và Vũ Ngự Chiêu, đã công bố khắp thế giới, một tài liệu quan trọng tại văn khố Pháp liên quan tới giai đoạn 1911 của Nguyễn Tất Thành. Đó là lá thư xin nhập học Trường Thuộc Địa (Ecole Coloniale) viết ngày 15/09/1911 và một lá thư viết tại New York ngày 15/12/1912. Nội dung hai lá thư chứng tỏ Nguyễn Tất Thành bỏ nước ra đi chỉ với mục đích tìm đường làm quan — làm Việt Gian tay sai cho Pháp — để giải quyết chuyện cơm ăn áo mặc của riêng mình, chứ không hề có ý định cứu nước giúp dân như Trần Dân Tiên và sách báo của đảng cộng sản từng ca tụng.

Trong khi đó, cũng không thiếu dẫn chứng từ phía “lề phải” công nhận 2 lá thư trên là có thật.

Đây là hình ảnh hai bức thư liên hệ tới việc này:



Hồ không phải là xuất ngoại để cứu nước mà để tìm đường làm ăn. Bức thư được ông Nguyễn Gia Phụng dịch ra tiếng Việt và đọc trong DVD. Nhưng đưa ra tài liệu này, những người làm DVD không nghĩ đến phản tác dụng của nó. Thứ nhất, họ không tìm hiểu tại sao giám đốc trường thuộc địa lại từ chối đơn xin học của ông Hồ với lý do rất đáng buồn cười: “Mục đích của ông tới đây là để kiếm sống chứ không phải là để đi học”. (4)

Tạm gác phần biện giải cho nội dung lá thư thì ông này đã công nhận lá thư xin học của Hồ Chí Minh là có thật. Vẫn từ “lề phải”, sự công nhận lá thư còn được lập lại với dẫn chứng thêm ý kiến của một tác giả ngoại quốc là William J. Duiker. Trên trang chủ của một nhóm có cái tên rất “Fan Club” của HCM là “*Thế Hệ Hồ Chí Minh*” đã có bài nhắc William J. Duiker từng viết về lá thư Nguyễn Tất Thành xin vào học trường thuộc địa năm 1911 như sau:

“Theo W. J. Duiker, đây là một lá thư do Nguyễn Tất Thành viết. Tuy nhiên, trong Hồ Chí Minh Toàn Tập, không thấy có lá thư này. Để tạo điều kiện bạn đọc tiếp cận và nghiên cứu, chúng tôi trích đăng ý kiến của W. J. Duiker.

Hoan nghênh bạn đọc phản hồi về lá thư theo địa chỉ email: info@thehehochiminh.net

Anh Thành đã trở lại tàu trước khi tàu nhỏ neo; tàu đã đến Cảng Le Havre ngày 15/7, và vài ngày sau đã đến Cảng Dunkerque và cuối cùng trở lại Marseilles, và ở đó cho đến giữa tháng 9. Tại đây, anh đã viết một bức thư gửi cho tổng thống nước Cộng Hòa Pháp. Vì đây là một sự kiện đáng chú ý, tôi xin chép toàn văn thư này... (5)

Dẫn chứng cho thấy 2 lá thư đó là có thật chứ không phải bịa đặt còn nằm ngay trong ý kiến hai phía phê phán

(4) *Sachhiem.net*, hay: <http://giaodiemonline.com/2009/08/hcm.htm>

(5) http://thehehochiminh.wordpress.com/2010/01/03/1911_lathu_truong_thuoc_dia/

hoặc ủng hộ ông Hồ qua nội dung các lá thư.

● “BÁC” VIẾT GÌ TRONG THƯ?

Nội dung 2 lá thư khá giống nhau, xin ghi ra đây phần dịch của cả hai phía ủng hộ và không ủng hộ để bạn đọc thấy. Trước tiên là nội dung lá thư thông qua lời dịch của William J. Duiker phổ biến trên trang chủ của nhóm *theheHoChiMinh* :

Marseilles ngày 15 tháng Chín năm 1911

Thưa Ngài Tổng thống!

Tôi xin hân hạnh yêu cầu Ngài giúp đỡ cho tôi được vào học nội trú tại Trường Thuộc địa.

Hiện nay, để nuôi thân, tôi đang làm việc cho công ty Chargeurs Réunis (Tàu Amiral Latouche – Tréville). Tôi hoàn toàn không còn nguồn lực nào và rất thiết tha muốn có học vấn. Tôi muốn trở nên có ích cho nước Pháp trong quan hệ với đồng bào tôi và đồng thời mong muốn đồng bào tôi thu lợi được từ học hành.

Quê tôi ở tỉnh Nghệ An, Trung Kỳ. Với hy vọng rằng Ngài sẽ phúc đáp theo hướng thuận lợi đề nghị của tôi, tôi xin Ngài Tổng thống nhận sự biết ơn sâu sắc của tôi.

Nguyễn Tất Thành

Sinh tại Vinh, 1892

Con trai của Ông Nguyễn Sinh Huy (tiền sĩ văn chương) Học sinh tiếng Pháp và chữ Nho.

Sau đây là nội dung lá thư dưới bút dịch của những người “lề trái.” Trong bài “*Từ mộng làm quan đến đường cách mạng Hồ Chí Minh và Trường Thuộc Địa*”, hai tác giả Nguyễn Thế Anh và Vũ Ngự Chiêu đã dịch như sau:

“Tôi xin trân trọng thỉnh nguyện lòng hảo tâm của ông ban cho tôi đặc ân được nhận vào học nội trú Trường Thuộc Địa.

Tôi hiện đang làm công trong công ty Chargeurs Réunis để sinh sống (trên tàu Amiral Latouche-Tréville).

Tôi hoàn toàn không có chút tài sản nào, nhưng rất khao khát học hỏi. Tôi ước mong trở nên hữu ích cho nước Pháp đối với đồng bào tôi, đồng thời làm thế nào cho họ hưởng được ích lợi của nền học vấn...” ⁽⁶⁾

Như vậy, nội dung lá thư qua cả lẽ phải và lẽ trái đều giống nhau. Trên thực tế, lá thư trên bị bác nên Nguyễn Tất Thành tiếp tục hành nghề trên các tàu biển.

Ngày 15/12/1912, từ New York, Nguyễn Tất Thành gửi đến viên khâm sứ Pháp tại Huế một lá thư thông thiết xin một đặc ân là ban cho cha là Nguyễn Sinh Sắc, một chức việc nhỏ như giáo thụ hay huân đạo, để ông này có điều kiện sinh sống trong hoàn cảnh nghèo túng sau khi bị cách chức quan — do đánh chết người: “... *cầu mong Ngài (chỉ khâm sứ Pháp) vui lòng cho cha tôi (cha của Thành tức Nguyễn Sinh Sắc) được nhận một công việc như thừa biện ở các bộ, hoặc huân đạo, hay giáo thụ để cha tôi sinh sống dưới sự quan tâm cao quý của Ngài...*” ⁽⁷⁾

Vậy thực chất việc xuất ngoại của Hồ Chí Minh không phải tìm đường cứu nước mà chỉ vì mưu sinh. Chuyện mưu sinh là chuyện thường của con người. Nhưng Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản đã bịa đặt và thần thánh hóa thành cứu nước. Dù vậy, phía ủng hộ ông Hồ đã có những lập luận về lá thư xin nhập học Trường Thuộc Địa qua bài viết của Trần Chung Ngọc như sau: “*Sở dĩ trường thuộc địa bác đơn xin học của ông Hồ vì trong đơn ông Hồ “đã đại dột” viết rõ là mục đích của ông là có thể dùng nền học vấn để giúp ích cho đồng bào của ông, để cho họ được hưởng những hữu ích của nền học vấn mà ông thu thập được. — Je désirerais devenir utile à la France vis à vis de mes compatriotes et pouvoir en même temps les faire profiter des bienfaits de l’instruction. Đó chỉ là một câu để có thể xin vào học*

⁽⁶⁾ *Đặc san Đường Mới, số 1, Paris, tt. 8-25.*

⁽⁷⁾ *Thành Tín (tức Bùi Tín), Mặt thật, CA, Saigon Press 1993, tt.95-96.*

Trường Thuộc Địa. Trường Thuộc Địa là để đào tạo những tay sai phục vụ cho nước Pháp, chứ không phải để phục vụ cho dân thuộc địa. Giám đốc Trường Thuộc Địa không phải là không biết điều này nên đã từ chối với một lý do vốn không phải là lý do, vì nó rất vô lý.”

Hay như trên trang Web *thehehochiminh* viết:

“Tuy nhiên, qua việc anh Thành đã học tại Trường Quốc Học ở Huế, ta thấy hành vi của anh không có gì đáng ngạc nhiên. Sự thù địch của anh đối với ách thống trị thực dân của Pháp ở Đông Dương dường như đã được xác định, song điều rõ ràng là anh vẫn chưa quyết định nên đi theo con đường nào để giải phóng đất nước và, theo lời kể của bản thân anh, anh vẫn thiết tha được học hành để nâng cao hiểu biết tình hình.”

Đó là các luận điệu biện hộ cho Hồ Chí Minh.

Xin nói sơ về Trường Thuộc Địa. Trường thành lập năm 1885 để đào tạo quan chức phục vụ chính quyền ở các nước thuộc địa Pháp. Trường bao gồm một “bộ phận bản xứ” dành cho thân dân thuộc địa với khoảng 20 suất học bổng cho học sinh Đông Dương thuộc Pháp.

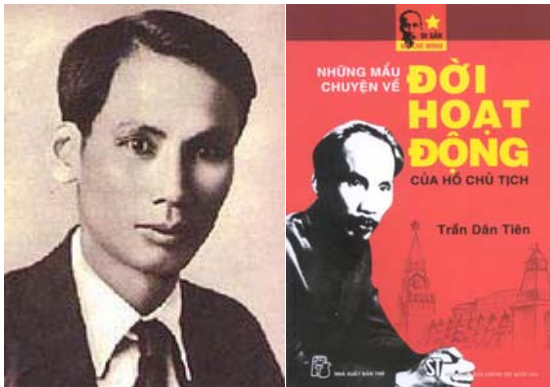
Hồ Chí Minh lúc đó đã là thanh niên nên việc nhận thức rõ ràng về ngôi trường đó là dĩ nhiên. Ông ta biết nó được sinh ra để đào tạo những kẻ đàn áp nhân dân. Sao ông ta lại xin học? Ở Việt Nam, nhất là khi ông ra nước ngoài có thiếu gì trường học văn hóa, nâng cao hiểu biết như lời các tác giả lè phải biện hộ? Sao ông cố xin cho được vào ngôi trường xấu xa đó không phải chỉ một lần mà những hai lần thay vì xin vào trường khác? Vậy mục đích ở đây không phải vào để “tìm hiểu” mà là muốn làm quan kiếm miếng cơm. Mà quan đó là quan “ăn hiếp” nhân dân!

Trần Chung Ngọc và các tác giả biện hộ là vị quan Pháp không cho học vì sợ Hồ Chí Minh học để nâng cao dân trí cho nhân dân. Xin thưa rằng lúc đó ông hiệu trưởng có biết Hồ Chí Minh là ai, anh hùng nào mà sợ ông ta

truyền đạt cho nhân dân chống Pháp? Ngôi trường đó mở cho người Việt thì có Hồ Chí Minh học cũng là chuyện bình thường. Hồ Chí Minh lúc đó chẳng là cái gì mà ông hiệu trưởng Pháp phải “sợ” cả. Hơn nữa, bất cứ lá đơn xin học nào, nhất là với trường quan trọng như Trường Thuộc Địa lúc đó đều phải theo các quy cách nhất định. Cái đơn của Hồ Chí Minh không là ngoại lệ nên câu viết *“Tôi muốn trở nên có ích cho nước Pháp trong quan hệ với đồng bào tôi và đồng thời mong muốn đồng bào tôi thu lợi được từ học hành”* là điều bình thường chứ không phải sự *“dại dột”* như Trần Chung Ngọc viết. Và bạn đọc có thể thấy mối quan hệ giữa Pháp và nhân dân ta lúc đó là quan hệ thực dân và nô lệ, vậy việc Hồ Chí Minh muốn giúp *“lợi ích”* cho nước Pháp trong quan hệ chính là việc dùng chức quan (nếu có) để thay người Pháp cai trị nhân dân.

Trên đây là sự thật đầu tiên về Hồ Chí Minh.

Trước hết, những tài liệu, phân tích của hai phía ủng hộ và chống đối đã chứng minh Hồ Chí Minh có viết thư xin học trường thuộc địa. Kế tiếp, việc ông xin học ở đây nhằm làm quan, có miếng cơm chứ ông chẳng có tư tưởng căm thù Pháp, không có ý định *“tìm đường cứu nước”* như chính ông và đảng Cộng Sản đã bịa đặt. Thực tế này đã nêu ra ít nhất hai câu hỏi: Tại sao suốt bao nhiêu năm, Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản không công khai bức thư?



Tại sao đi kiếm ăn lại tự tôn là *“tìm đường cứu nước”*? Đó là sự lừa dối không thể chấp nhận được.

– 06/06/2012

– **Chương 02 :**
Hồ Chí Minh
và công hàm 1958

Nổi tiếp những sự thật không thể chối bỏ, không thể quên công hàm 1958 qua các khía cạnh công hàm đó có bản nước không và vai trò Hồ Chí Minh. Cho đến nay, nhiều người luôn coi đó là tác phẩm của Phạm Văn Đồng. Sự thực có phải thế không?

● **SỰ THẬT VỀ CÔNG HÀM 1958.**

01.– Tuyên bố của Trung Cộng về chủ quyền ở Hoàng Sa - Trường Sa của Việt Nam.

Ngày 4-9-1958, Chu Ân Lai tuyên bố về chủ quyền lãnh hải và hải đảo của Trung Cộng. Tuyên bố được thông qua trong kỳ họp thứ 100 của Ban Thường trực Quốc Hội Nhân Dân Trung Cộng.⁽⁸⁾

Nội dung đã được dịch ra tiếng Việt và sau đây là bản dịch của dịch giả Trần Đồng Đức:

*Công bố của chính phủ nước
Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa
về lãnh hải ngày 4 tháng 9 năm 1958*

*Ngày 4 tháng 9 năm 1958 đại hội ủy viên thường vụ
đại biểu nhân dân toàn quốc hội nghị thứ 100 thông qua*

⁽⁸⁾ Dẫn chứng về tuyên bố này có thể đọc (bản Hoa ngữ) trên link <http://www.law.hku.hk/conlawhk/sourcebook/10032.htm>), (bản Anh ngữ) trên link <http://www.law.hku.hk/clsourcebook/10033.htm>

quyết định phê chuẩn về tuyên bố lãnh hải của chính phủ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa

Đính kèm:

Công bố của chính phủ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa về lãnh hải.

Chính phủ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa tuyên bố:

** **MỘT** : Lãnh hải của nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa rộng 12 hải lý. Quy định này áp dụng cho toàn bộ lãnh thổ nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa, bao gồm Trung Quốc đại lục cùng với duyên hải của các hải đảo, với Đài Loan cùng các hòn đảo xung quanh cách đại lục bằng hải phận quốc tế, những hòn đảo của khu vực Bành Hồ, quần đảo Đông Sa, **quần đảo Tây Sa (Hoàng Sa), quần đảo Trung Sa, quần đảo Nam Sa (Trường Sa)** và những gì thuộc về những hải đảo của Trung Quốc.*

** **HAI**: Lãnh hải của Trung Quốc đại lục và duyên hải của các đảo được tính theo đường thẳng nối liền những điểm mốc ven bờ làm đường biên cơ sở, thủy vực từ đường biên cơ sở này hướng ra ngoài 12 hải lý là lãnh hải của Trung Quốc. Phần nước thuộc đường biên cơ sở này hướng vào bên trong, bao gồm vịnh Bột Hải, phần trong hải vực Quỳnh Châu, đều là phần nội hải của Trung Quốc. Các đảo thuộc đường biên cơ sở này hướng vào trong, bao gồm đảo Đông Dẫn, đảo Cao Đăng, đảo Mã Tổ, đảo Bạch Khuyển, đảo Điếu Khưu, đảo Kim Môn lớn nhỏ, đảo Nhị Đảo, đảo Đông Định đều thuộc về các đảo thuộc nội hải của Trung Quốc.*

** **BA**: Tất cả phi cơ và thuyền bè quân dụng của ngoại quốc, chưa được chính phủ nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa cho phép, không được tiến nhập vào lãnh hải vào không gian trên lãnh hải. Bất cứ tàu bè ngoại quốc nào vận hành tại lãnh hải của Trung quốc, phải tôn trọng pháp lệnh hữu quan của chính phủ nước cộng hòa nhân dân*

Trung Hoa.

* **BỐN:** *Dựa trên nguyên tắc quy định 2, 3 áp dụng cho cả Đài Loan cùng các hòn đảo xung quanh, những hòn đảo của khu vực Bành Hồ, quần đảo Đông Sa, **quần đảo Tây Sa** (Hoàng Sa), **quần đảo Trung Sa**, **quần đảo Nam Sa** (Trường Sa) và những gì thuộc về những hải đảo của Trung Quốc. Đài Loan và Bành Hồ địa khu hiện nay đang bị Mỹ dùng vũ lực xâm chiếm. Đây là hành vi phi pháp xâm phạm chủ quyền và sự toàn vẹn của lãnh thổ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Đài Loan và Bành Hồ đang chờ đợi để thu hồi, chính phủ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa xử dụng tất cả những phương pháp thích đáng tại một thời điểm thích đáng để thu phục những khu vực này, đây là chuyện nội bộ của Trung Quốc, không cho phép ngoại quốc can thiệp.”⁽⁹⁾*

Bản dịch này rất sát với nguyên bản vì vấn đề chính trong tuyên bố Trung Cộng về chủ quyền đối với các quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa đã được tờ Đại Đoàn Kết, báo của Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam công nhận qua bài viết có đoạn sau: “*Theo lý giải của Trung Quốc, ngày 4-9-1958, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai đã công khai tuyên bố với quốc tế quyết định của chính phủ Trung Quốc về hải phận 12 hải lý kể từ đất liền của Trung Quốc và các đảo ngoài khơi, bao gồm cả quần đảo Tây Sa và Nam Sa (tức quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam).*”⁽¹⁰⁾

Như thế, trong tuyên bố 4-9-1958 của Chu Ân Lai, Trung Quốc rõ ràng đã tuyên bố Hoàng Sa - Trường Sa là của họ. Cả dư luận lẫn hai đảng cộng sản Trung Quốc, cộng sản Việt Nam đều công nhận điều này.

⁽⁹⁾ Chúng tôi in đậm vì Tây Sa - Nam Sa là cách Trung Cộng gọi các quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa của Việt Nam.

⁽¹⁰⁾ Có thể đọc bài báo trên Báo Đất Việt (chi nhánh BQP/CSVN): <http://quocphong.baodatviet.vn/Home/QPCN/Su-that-ve-cong-ham-cua-Thu-tuong-Pham-Van-Dong/2011/156665.datviet>

02.– Công hàm 1958 của Phạm Văn Đồng.

Ngay sau khi Trung Cộng tuyên bố Hoàng Sa - Trường Sa là của họ thì Phạm Văn Đồng lúc đó là thủ tướng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tiến hành việc đưa ra công hàm ký ngày 14-9-1958 gửi tổng lý (thủ tướng) Chu Ân Lai nguyên văn như sau :

THỦ TƯỚNG PHỦ

Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa

Thưa đồng chí Tổng Lý,

Chúng tôi xin trân trọng báo tin để đồng chí Tổng Lý rõ :

Chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ngày 4 tháng 9 năm 1958 của Chính Phủ nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa, quyết định về hải phận Trung Quốc.

Chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà tôn trọng quyết định ấy và sẽ chỉ thị cho các cơ quan Nhà Nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung Quốc, trong mọi quan hệ với nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa trên mặt bể.

Chúng tôi xin kính gửi đồng chí Tổng Lý lời chào rất trân trọng.

Hà Nội ngày 14 tháng 9 năm 1958.

PHẠM VĂN ĐỒNG

Thủ Tướng Chính Phủ

Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa

Công hàm này được báo chí Hà Nội trong đó có tờ Nhân Dân là cơ quan của Đảng CS Việt Nam công bố.

Sáng ngày 21-9-1958, Nguyễn Khang, đại sứ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tại Trung Quốc, đã gặp Cơ Bàng Phi, thứ trưởng Ngoại Giao Trung Cộng để nhờ chuyển công hàm của Phạm Văn Đồng đến Chu Ân Lai.

Trước đó, năm 1956, thứ trưởng Ngoại Giao Ung Văn

Khiêm tiếp phái đoàn ngoại giao Trung Quốc, có tuyên bố với Lý Chí Dân, tham tán sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam rằng chiếu theo tài liệu Việt Nam thì các quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa thuộc về Trung Quốc. Dịp này, Lê Lộc, chủ tịch Châu Á Sự Vụ, nhân có mặt cũng nói thêm là “*Theo sử liệu Việt Nam thì Hoàng Sa và Trường Sa thuộc Trung Quốc từ thời nhà Tống.*” Tạp chí Beijing Review ngày 18-2-1980 đã nhắc lại việc này trong bài *Chủ quyền không thể tranh cãi của Trung Quốc trên các đảo Tây Sa và Nam Sa.*

Năm 1977, cựu thủ tướng Phạm Văn Đồng giải thích quan điểm của ông về công hàm này như sau: “*Đó là thời chiến nên phải nói như vậy thôi.*”

Ngày 2-12-1992, cựu bộ trưởng Ngoại Giao Nguyễn



Mạnh Cầm, trong một cuộc họp báo tại Hà Nội lại nói như sau: *“Các nhà lãnh đạo của ta lúc trước xác nhận về Hoàng Sa và Trường Sa như vậy là do theo hiệp định Genève năm 1954 về vấn đề Đông Dương thì tất cả lãnh thổ từ vĩ tuyến thứ 17 trở vào Nam là thuộc chính quyền miền Nam, kể cả hai quần đảo này.”*

Qua các sự kiện trên, không thể kết luận khác rằng nội dung công hàm Phạm Văn Đồng đã công nhận Hoàng Sa, Trường Sa thuộc Trung Cộng, bởi đây là thông tin từ chính các cơ quan của đảng cộng sản Việt Nam tuyên bố.

03.– Hoàn cảnh lịch sử Việt Nam lúc đó.

Vào thời điểm Trung Cộng tuyên bố chủ quyền tại Hoàng Sa - Trường Sa thì nước Việt chia làm hai. Miền Bắc là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa theo đường lối cộng sản độc tài. Miền Nam là Việt Nam Cộng Hòa theo đường lối dân chủ tự do. Lúc này các đảo Hoàng Sa - Trường Sa thuộc quyền kiểm soát của VNCH. Nhưng trên thực tế, dù VNCH hay VNDCCCH nắm giữ, các đảo đó vẫn là của Việt Nam, chưa bao giờ thuộc chủ quyền Trung Cộng.

Thời điểm này, miền Nam đang tiến hành chính sách Người Cày Có Ruộng và phát triển kinh tế. Miền Bắc dưới sự lãnh đạo độc tài của đảng Cộng Sản đang tranh thủ hậu thuẫn từ Liên Xô - Trung Cộng để tiến hành cuộc chiến chinh phục miền Nam.

Điểm chính ở đây là cả tuyên bố của Trung Cộng và công hàm của Phạm Văn Đồng đều đưa ra sau khi VNCH công bố xác lập chủ quyền tại Hoàng Sa - Trường Sa. Tuyên bố chủ quyền của VNCH đưa ra vào tháng 4-1956. Như vậy, VNCH đã tiếp bước tiền nhân giữ đất biên bao đời của Việt Nam và tuân thủ việc công khai chủ quyền sau hiệp định Geneve 1954. Đảng Cộng Sản Việt Nam rõ ràng không vì lợi ích của dân tộc mà ngược lại, công khai ủng hộ kẻ thù cướp đoạt lãnh thổ Việt Nam. VNCH chỉ chịu mất

quyền kiểm soát đảo Hoàng Sa năm 1974 sau trận hải chiến mà mọi người đã được biết về người anh hùng Ngụy Văn Thà. Sự kiện này không cần nhắc lại nhưng xin đọc một tài liệu của VNCH đưa ra ngày 19/1/1974 ngay khi trận chiến Hoàng Sa đang tiếp diễn để phản đối Trung Cộng xâm lăng:

***Tuyên Cáo của Bộ Ngoại Giao Việt Nam Cộng Hòa
về hành động gây hấn của Trung Cộng
(19-1-1974)***

Sau khi mạo nhận ngày 11-1-1974 chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam Cộng Hòa, Trung Cộng đã đưa hải quân tới khu vực Hoàng Sa, và đổ bộ quân lính lên các đảo Cam Tuyền, Quang Hòa và Duy Mộng. Lực lượng hải quân Trung Cộng gồm 11 chiến đĩnh thuộc nhiều loại và trọng lượng khác nhau, kể cả tàu loại Komar có trang bị hỏa tiễn. Để bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ và nền an ninh quốc gia trước cuộc xâm lăng quân sự này, các lực lượng hải quân Việt Nam Cộng Hòa trấn đóng trong khu vực này đã ra lệnh cho bọn xâm nhập phải rời khỏi khu vực.

Thay vì tuân lệnh, các tàu Trung Cộng, kể từ 18-1-1974, lại có những hành động khiêu khích như đâm thẳng vào các chiến đĩnh Việt Nam.

Sáng nay, ngày 19-1-1974 hồi 10 giờ 20, một hộ tống hạm Trung Cộng thuộc loại Kronstadt đã khai hỏa bắn vào khu trục hạm Trần Khánh Dư mang số HQ-04 của Việt Nam Cộng Hòa. Để tự vệ, các chiến hạm Việt Nam đã phản pháo và gây hư hại cho hộ tống hạm Trung Cộng. Cuộc giao tranh hiện còn tiếp diễn và đang gây thiệt hại về nhân mạng và vật chất cho cả đôi bên.

Hành động quân sự của Trung Quốc là hành vi xâm phạm trắng trợn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa, và một lần nữa vạch trần chánh sách bành trướng đế quốc mà Trung Cộng liên tục theo đuổi, đã được biểu lộ qua cuộc thôn tính

Tây Tạng, cuộc xâm lăng Đại Hàn và Ấn Độ trước kia.

Việc Trung Cộng ngày nay xâm phạm lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa không những chỉ đe dọa chủ quyền và an ninh của Việt Nam Cộng Hòa mà còn là một hiểm họa đối với nền hòa bình và an ninh của Đông Nam Á và toàn thế giới. Với tư cách một nước nhỏ bị một cường quốc vô cớ tấn công, Việt Nam Cộng Hòa kêu gọi toàn thể các dân tộc yêu chuộng công lý và hòa bình trên thế giới hãy cương quyết lên án các hành vi chiến tranh thô bạo của Trung Cộng nhằm vào một quốc gia độc lập và có chủ quyền để buộc Trung Cộng phải tức khắc chấm dứt các hành động nguy hiểm đó. Làm ngor để cho Trung Cộng tự do tiến hành cuộc xâm lấn trắng trợn này là khuyến khích kẻ gây hấn tiếp tục theo đuổi chánh sách bành trướng của chúng và sự kiện này đe dọa sự sống còn của những nước nhỏ đặc biệt là những nước ở Á Châu.

Trong suốt lịch sử, dân tộc Việt Nam đã đánh bại nhiều cuộc ngoại xâm. Ngày nay, chánh phủ và nhân dân Việt Nam Cộng Hòa cũng nhất định bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ quốc gia.”

04.– Kết luận chung về sự kiện này.

Có thể nói công hàm 1958 của Phạm Văn Đồng là công hàm phi pháp và bán nước. Vì trước bản tuyên bố sai phạm ngang ngược của Trung Cộng về chủ quyền đối với các quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa, Phạm Văn Đồng lúc đó là thủ tướng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đã không phản đối mà lại công nhận điều tuyên bố sai phạm là đúng, đặc biệt là công nhận trong một công hàm ngoại giao chính thức. Bản công hàm rõ ràng là công hàm bán nước vì đã tiếp tay cho kẻ thù xâm phạm chủ quyền Việt Nam.

Tính chất này càng lộ rõ hơn qua chính các luận điệu biện hộ sai trái và ngoan cố của phía đảng cộng sản Việt Nam về công hàm này.

Ta sẽ lần lượt nhìn lại 4 điểm chủ yếu trong các luận điệu biện hộ đã được đưa ra.

– Thứ nhất, trên trang chủ *Biendong.net*, trang của chính phủ và những người cộng sản Việt Nam, có bài về công hàm Phạm Văn Đồng với chủ quyền các quần đảo Hoàng Sa – Trường Sa với đoạn viết sau:

“ Công hàm nêu trên của Phạm Văn Đồng có hai nội dung hết sức đơn giản và rõ ràng, đó là ông Phạm Văn Đồng ghi nhận và tán thành việc Trung Quốc mở rộng lãnh hải ra 12 hải lý và chỉ thị cho các cơ quan Việt Nam tôn trọng giới hạn lãnh hải 12 hải lý mà Trung Quốc tuyên bố. Trong công hàm của ông Phạm Văn Đồng không có từ nào, câu nào đề cập đến vấn đề lãnh thổ và chủ quyền, không nêu tên bất kỳ quần đảo nào như Chu Ân Lai đã nêu. Do vậy, chỉ xét về câu chữ thôi cũng dễ dàng nhận thấy rằng mọi suy diễn cho rằng ông Phạm Văn Đồng đã tuyên bố từ bỏ chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và coi đó là bằng chứng khẳng định Việt Nam đã thừa nhận chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo này là xuyên tạc và không có cơ sở pháp lý.” ⁽¹¹⁾

Đúng là về câu chữ không có Hoàng Sa - Trường Sa của Trung Quốc trong công hàm Phạm Văn Đồng. Nhưng tại sao chính phủ VNDCCH không phản đối nội dung bản tuyên bố của Trung Cộng, khi bản tuyên bố khẳng định các quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa thuộc chủ quyền của họ? Ngược lại, bản công hàm ghi rõ *“ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ngày 4 tháng 9 năm 1958, của chính phủ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, quyết định về hải phận của Trung Quốc.”*

Về nguyên tắc, công văn cấp nhà nước không thể có sự nhập nhèm giữa đúng và sai, nhất là về vấn đề lãnh thổ.

⁽¹¹⁾ <http://biendong.net/binh-luan/236-v-cai-gi-la-ong-phm-vn-ng-a-chi-b-ch-quyn-i-vi-hai-qun-o-hoang-sa-va-trng-sa.html>.

Đặc biệt là khi đối phương tuyên bố chủ quyền bao gồm cả phần đất của mình, không lý nào đảng cộng sản và chính phủ VNDCCH lại không biết. Và, càng không thể trả lời mập mờ như thế.

Vấn đề cần nêu ở đây là chủ trương bán nước đã quá rõ. Còn nếu biện hộ bán công hàm chỉ là tuyên bố chung chung thì cho thấy một chính phủ vô trách nhiệm đã đưa ra tuyên bố sai trái như vậy cũng hoàn toàn không thể vô can. Dù cố tình hay “vô ý” như cách lý giải của đảng cộng sản hiện nay cũng có tội với dân tộc.

– Thứ hai, một số ý kiến nói công hàm 1958 không được quốc hội Việt Nam thông qua.

Bài trên *biendong.net*:

“Sự thực là công hàm nêu trên của Phạm Văn Đồng không được đưa ra để Quốc Hội Việt Nam xem xét thông qua. Cho tới nay Trung Quốc cũng không đưa ra được bất kỳ chứng cứ gì minh chứng là công hàm của Phạm Văn Đồng đã được Quốc Hội Việt Nam thông qua.”

Nếu viện lý do này thì rõ ràng Phạm Văn Đồng đã vi hiến và quốc hội cũng vô trách nhiệm. Lý do chỉ cho thấy việc không thông qua quốc hội là có thực vì quốc hội Việt Nam chỉ là công cụ do đảng cộng sản dựng lên. Đại biểu quốc hội đều là nghị gât nên việc không thông qua không phải là vô lý. Nhưng việc một thủ tướng vi hiến, một quốc hội vô trách nhiệm với đất đai của tổ quốc là có tội bán nước. Vì đây là vấn đề đất đai biển đảo quan trọng. Không cho phép bất cứ cá nhân nào làm việc như vậy.

– Thứ ba, ý kiến biện luận khác cho rằng lúc đó hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa là của VNCH chứ không phải của VNDCCH nên công hàm Phạm Văn Đồng không có gì sai. Một bài của tờ Đại Đoàn Kết viết:

“Trong công hàm 1958, thủ tướng Phạm Văn Đồng không hề đề cập đến hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Vì điều đó là không cần thiết, bởi theo hiệp định Genève

1954, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa nằm phía Nam vĩ tuyến 17 tạm thời thuộc quyền quản lý của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa.”

Viện lý do này chỉ càng cho thấy sự sai trái của đảng Cộng Sản Việt Nam. Bởi dù là đất thuộc quyền VNCH hay VNDCCH đều là lãnh thổ Việt Nam nên vẫn là của người Việt Nam chứ không phải của Trung Cộng.

Đảng cộng sản tuyên bố chiến tranh với miền Nam là để giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Việc thống nhất này hẳn bao gồm cả các quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa. Vậy khi đã nghĩ phần đất miền Nam là của Việt Nam thống nhất, sao lại không nghĩ chủ quyền Việt Nam bao gồm cả Hoàng Sa - Trường Sa?

Chỉ có một lý do duy nhất là họ đã coi Hoàng Sa - Trường Sa là của Trung Cộng — vì họ đã bán cho Trung Cộng — hoặc lý do thống nhất đất nước là lừa bịp. Nhưng dù bán đất đảo hay lừa bịp với chiêu bài thống nhất đều có tội với dân tộc.

– Thứ tư, trong dư luận bấy nay — thường từ các bộ đội cộng sản lão thành — có tin là lúc đó Trung Cộng mạnh nên công hàm trên nhằm mượn Trung Cộng giúp để lấy Hoàng Sa - Trường Sa từ tay VNCH cho VNDCCH.

Lý do này quá ấu trĩ, vì qua 4000 năm lịch sử giữ nước, người Việt chưa bao giờ quên ý đồ xâm lăng của giặc Tàu. Nếu dùng mưu đó, đảng Cộng Sản chỉ phạm tội “*công rắn cắn gà nhà*”, tiếp tay cho kẻ thù. Hơn nữa, đảng cộng sản đã không đặt vấn đề dân tộc lên hàng đầu mà chỉ đặt lợi ích của “*Đảng cộng sản anh em*” lên trên.

Ngoài ra, nêu viện lý do này, tại sao đến nay Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam không tuyên bố Trung Cộng đã xâm chiếm Hoàng Sa - Trường Sa mà chỉ dùng ở các lời lẽ chung chung nhai lại của các phát ngôn viên ngoại giao, đặc biệt là đàn áp người biểu tình chống xâm lược.

Nhìn chung, dù viện dẫn nhiều lý do để biện hộ cho

công hàm Phạm Văn Đồng thì vẫn rõ ràng với công hàm trên, đảng cộng sản Việt Nam đã bán nước cho Trung Cộng. Bởi bốn lý do biện luận do đảng cộng sản đang rêu rao đều vô lý, và chỉ cho thấy có tội với dân tộc.

● HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG HÀM 1958.

Công hàm 1958 ký tên Phạm Văn Đồng, thủ tướng VNDCCH nên đến nay Phạm Văn Đồng vẫn là đối tượng bị chỉ trích. Điều này đúng nhưng chỉ là một nửa sự thật, bởi vai trò Hồ Chí Minh trong sự kiện này rất lớn và dễ dàng chứng minh khi nhìn lại hệ thống tổ chức và sinh hoạt đảng cộng sản cùng vị thế lãnh đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

01.– Về hệ thống chính trị của đảng CSVN.

Về vấn đề này đã có không ít bài viết chính thức diễn tả và một bài viết có đoạn tóm lược như sau:

“Cách tổ chức chính trị ở Việt Nam được sắp xếp theo trục dọc với Đảng Cộng Sản giữ địa vị trên hết, không như mô hình tam quyền phân lập như các tổ chức chính phủ dân chủ nghị viện khác ... Hiến Pháp 1992 tái khẳng định vai trò ưu tiên của Đảng Cộng Sản tuy nhiên cũng theo bản hiến pháp đó thì Quốc Hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân và là tổ chức duy nhất nắm quyền lập pháp. Cơ quan này có trách nhiệm to lớn trong việc giám sát mọi chức năng của chính phủ.

Bộ Chính Trị với 15 thành viên hiện nay, được bầu ra vào tháng 1 năm 2011 và do tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng đứng đầu, quyết định chính sách của chính phủ; Ban Bí Thư gồm 10 người giám sát việc thi hành chính sách hàng ngày. Dù đã có một số nỗ lực nhằm giảm sự chông chéo giữa các vị trí của đảng và chính quyền, cách quản lý này hiện vẫn đang được áp dụng và mở rộng.”⁽¹²⁾

⁽¹²⁾ http://vi.wikipedia.org/wiki/Chính_trị_Việt_Nam

Bỏ qua vấn đề số lượng thành viên khác so với năm 1958 thì vai trò của đảng Cộng Sản vẫn là số 1, mà đại diện cho đảng trong mọi quyết định vẫn là Bộ Chính Trị. Do đó, chính phủ Phạm Văn Đồng không thể đơn phương đưa ra bất kỳ quyết định nào, nhất là một vấn đề hệ trọng liên quan đến vận mạng đất nước như vậy. Dù muốn dù không, ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính Trị lúc nào cũng phải cần đến.

Một bài viết trên trang mạng của đảng Cộng Sản Việt Nam đã cho biết về vai trò của Bộ Chính Trị trong tương quan với các cơ cấu chính quyền như sau:

“Nhà Nước Việt Nam có vị trí và vai trò đặc biệt quan trọng trong hệ thống chính trị được quy định bởi chức năng và nhiệm vụ của nó trong hệ thống chính trị, trong đời sống xã hội và được thể hiện trong mối quan hệ giữa Nhà Nước với Đảng và các tổ chức chính trị, xã hội trong hệ thống chính trị. Nhà Nước thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành hiến pháp, pháp luật và chính sách làm công cụ quản lý Nhà Nước đối với mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trong hệ thống chính trị nước ta, Nhà Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam là trụ cột, là công cụ tổ chức thực hiện ý chí và quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, chịu trách nhiệm trước nhân dân quản lý toàn bộ hoạt động của đời sống xã hội. Đó chính là Nhà Nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Mặt khác, Nhà Nước chịu sự lãnh đạo và thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Đảng lãnh đạo Nhà Nước thực hiện và đảm bảo đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.” (13)

Như vậy, dù nhìn vấn đề theo cách nào vẫn phải khẳng định rằng mọi quyết định của một thủ tướng trong hệ thống chính trị Việt Nam như Phạm Văn Đồng không thể không thông qua đảng Cộng Sản do Bộ Chính Trị đại diện

(13) http://www.cpv.org.vn/cpv/Modules/News/NewsDetail.aspx?co_id=30316&cn_id=339033

với vai trò lãnh đạo.

02.– Vai trò Hồ Chí Minh?

Công hàm Phạm Văn Đồng với tư cách thủ tướng Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, vì vậy, chỉ có thể được gửi đến Chu Ân Lai sau khi đã được thông qua, được sự đồng ý và chấp thuận của Bộ Chính Trị.

Hồ Chí Minh lúc đó là tổng bí thư kiêm chủ tịch Nhà Nước, nghĩa là đứng đầu Bộ Chính Trị và đứng đầu chính phủ. Vậy không thể có chuyện Hồ Chí Minh không biết, không có ý kiến gì. Chính Phạm Văn Đồng qua lời giải thích “*đó là thời chiến nên phải nói như vậy thôi*” đã gián tiếp thừa nhận công hàm đó không do riêng ông ta đưa ra mà phải thông qua các cấp lãnh đạo thực sự — tối thiểu là phải có ý kiến chỉ đạo của chính Hồ Chí Minh.

Qua hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo thời điểm đó, không thể có chuyện Hồ Chí Minh không biết, không thông qua công hàm do Phạm Văn Đồng ký.

Nếu cứ giả dụ Phạm Văn Đồng không thông qua quốc hội, không thông qua Bộ Chính Trị liệu có tránh khỏi bị trừng trị không? Nhưng Phạm Văn Đồng vẫn yên vị và Hồ Chí Minh đã đồng thuận với việc ký công hàm này. Có thể nói Phạm Văn Đồng không những không được tự quyết về bản công hàm mà chỉ làm nhiệm vụ thông tin cho Trung Cộng biết “*Chính phủ VNDCCH tán thành ...*” dù chính ông ta có tán thành hay không.

Trên thực tế, chính phủ lúc đó do Hồ Chí Minh đứng đầu và do Đảng lãnh đạo! Về mặt Đảng thì Hồ Chí Minh cũng là nhân vật chóp bu với địa vị chủ tịch kiêm tổng bí thư. Quyền lực của tổng bí thư Đảng cùng với Bộ Chính Trị Đảng luôn luôn là quyền tuyệt đối.

Ví dụ cụ thể là Quốc Hội có thể tha hồ bàn cãi, đưa ra nghị quyết này khác, nhưng khi Đảng bảo Đảng đã quyết, thì mọi vấn đề Quốc Hội bàn cãi rồi đồng thuận, rồi đưa ra

ngiht quyết...đều trở thành trò hề. Vụ bauxite Tây Nguyên là một trong trăm ngàn chuyện nhân tiền không thể chối bỏ.

Hồ Chí Minh là chủ tịch nước, kiêm tổng bí thư Đảng tức nhân vật cầm đầu Bộ Chính Trị. Mọi quyết định nếu không do Hồ Chí Minh và Bộ Chính Trị chỉ đạo thì một chức vụ hữu danh vô thực như vai trò thủ tướng của Phạm Văn Đồng không thể làm gì được. Như vậy, dù chủ đạo hay chỉ đồng thuận thì Hồ Chí Minh không thể chối cãi nổi tội đồng lõa với Phạm Văn Đồng ký một văn bản bán nước, công nhận chủ quyền kẻ thù trên phần đất của chính quê hương. Ngoài ra, có một số ý kiến cho rằng thời điểm đó Hồ Chí Minh bị Lê Duẩn “*nhiep chính*” và chi phối. Những người nêu ý kiến này đổ tội cho Lê Duẩn đã ép Hồ Chí Minh làm việc này. Cần nói ngay là không thể quên hai vấn đề thực tế vào lúc đó.

Thứ nhất, đây là thời điểm Lê Duẩn chỉ là một cán bộ không có vai trò lớn trong lãnh đạo CSVN, vì “*cuối năm 1957, ông ra Hà Nội, vào Ban bí thư Trung Ương Đảng, chủ trì công việc của Ban bí thư và là Phó Ban chuẩn bị văn kiện đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng.*

Tháng 9/1960, tại đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao Động Việt Nam, ông được bầu vào Ban Chấp Hành Trung Ương và Bộ Chính Trị, giữ chức Bí Thư Thứ Nhất Ban Chấp Hành Trung Ương.” ⁽¹⁴⁾

Như vậy, mãi năm 1960 Lê Duẩn mới có vai trò đáng kể, còn khi Phạm Văn Đồng ký bản công hàm 1958, Lê Duẩn chỉ mới được điều động từ miền Nam ra chưa đầy một năm và chỉ là một cán bộ trong ban bí thư chứ chưa phải là Bí Thư Thứ Nhất như sau này. Trong khi đó, Hồ Chí Minh đang là lãnh tụ được suy tôn cùng cực như một vị thánh với cả một tập thể bộ hạ đầy quyền lực thì bằng cách nào Lê Duẩn có thể ép buộc ông ta làm theo ý mình?

⁽¹⁴⁾ http://vi.wikipedia.org/wiki/Lê_Duẩn

Giả thuyết Hồ Chí Minh bị cô lập nếu đúng thì chỉ có thể xảy từ giữa thập niên 1960 khi vai trò lãnh đạo của Lê Duẩn thực sự rõ rệt sau năm 1960 và cũng là lúc Hồ Chí Minh đã già yếu.

Thứ hai, không thể bỏ qua thực tế là Lê Duẩn vốn có tư tưởng ngả về phía Liên Xô và chống Trung Cộng. Chính Lê Duẩn là một nguyên nhân chủ yếu dẫn đến cuộc chiến biên giới phía Bắc với Trung Cộng vì chủ trương thân Liên Xô nên có hành động ngược chiều với ý hướng của Trung Cộng. Tất nhiên cuộc chiến này còn nhiều nguyên nhân, nhưng thực sự Lê Duẩn là cái gai trong mắt Trung Cộng.

Do đó, bảo Lê Duẩn ép Hồ Chí Minh tán thành công hàm 1958 nhường hải đảo cho Trung Cộng là điều vô lý. Dù muốn dù không, phải nhìn nhận sự thật là Phạm Văn Đồng và Hồ Chí Minh đã thông qua công hàm 1958 để bán đất nước Việt Nam cho Trung Cộng.

Vai trò Hồ Chí Minh trong sự kiện này là hết sức rõ rệt. Vì vậy, sẽ không lầm khi kết luận đảng Cộng Sản Việt Nam mà đại diện trong sự kiện này là Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng là những tội đồ của dân tộc.

– 13/6/2013

TUYÊN - CÁO

CỦA BỘ NGOẠI-GIAO VNCH

VỀ HÀNH ĐỘNG GÂY HẤN CỦA TRUNG-CỘNG

(19-1-1974)

Sau khi mạo nhận ngày 11-1-1974, chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng-Sa và Trường-Sa của Việt-Nam Cộng-Hòa, Trung-Cộng đã đưa Hải-quân tới khu vực Hoàng-Sa, và đã bố quân lính lên các đảo Cam-Tuyền, Quang-Hòa và Duy-Mộng.

Lực lượng Hải-quân Trung-Cộng gồm 11 chiến đình thuộc nhiều loại và trọng lượng khác nhau, kể cả một tàu loại Komar có trang bị hỏa tiễn.

Để bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ và nền an ninh quốc gia trước cuộc xâm lăng quân sự này, các lực lượng Hải-quân Việt-Nam Cộng-Hòa trấn đóng trong khu vực này đã ra lệnh cho bọn xâm nhập phải rời khỏi khu vực.

Thay vì tuân lệnh, các tàu Trung-Cộng, kể từ 19-1-1974, lại có những hành động khiêu khích như đâm thẳng vào các chiến đình Việt-Nam.

Sáng ngày nay 19-1-1974 hồi 10 giờ 20, một hộ-tống-hạm Trung-Cộng thuộc loại Kromstadt đã khai hỏa bắn vào khu-trục-hạm "Trần-Khánh-Dư" mang số HQ-04 của Việt-Nam Cộng-Hòa. Để tự vệ, các chiến hạm Việt-Nam đã phản pháo và gây hư hại cho hộ-tống-hạm Trung-Cộng. Cuộc giao tranh hiện còn tiếp diễn và đang gây thiệt hại về nhân mạng và vật chất cho cả đôi bên.

Các hành động quân sự của Trung-Cộng là hành vi xâm phạm trắng trợn vào lãnh thổ Việt-Nam Cộng-Hòa, và một lần nữa vạch trần chính sách hành trưởng đế quốc mà Trung-Cộng liên tục theo đuổi, đã được biểu lộ qua cuộc thôn tính Tây Tạng, cuộc xâm lăng Đại-Hân và Ấn-Độ trước kia.

Việc Trung-Cộng ngày nay xâm phạm lãnh thổ Việt-Nam Cộng-Hòa không những chỉ đe dọa chủ quyền và an ninh của Việt-Nam Cộng-Hòa, mà còn là một hiểm họa đối với nền hòa bình và ổn cố của Đông-Nam-Á và toàn thế giới.

Với tư cách một nước nhỏ bị một cường quốc vô cớ tấn công, Việt-Nam Cộng-Hòa kêu gọi toàn thể các dân tộc yêu chuộng công lý và hòa bình trên thế giới hãy cương quyết lên án các hành vi chiến tranh thô bạo của Trung-Cộng nhằm vào một quốc gia độc lập và có chủ quyền để buộc Trung-Cộng phải tức khắc chấm dứt các hành động nguy hiểm đó. Làm nger để cho Trung-Cộng tự do tiến hành cuộc xâm lấn trắng trợn này là khuyến khích kẻ gây hấn tiếp tục theo đuổi chính sách hành trưởng của chúng và sự kiện này đe dọa sự sống còn của những nước nhỏ đặc biệt là những nước ở Á-Châu.

Trong suốt lịch sử, dân tộc Việt-Nam đã đánh bại nhiều cuộc ngoại xâm. Ngày nay, chính-phủ và nhân dân Việt-Nam Cộng-Hòa cũng nhất định bảo vệ sự toàn vẹn của lãnh thổ quốc gia.

THỦ TƯỚNG PHỦ
NƯỚC VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG-HÒA

Thưa Đồng chí Tổng lý,

Chúng tôi xin trân trọng báo tin để Đồng chí Tổng lý rõ :

Chính phủ nước Việt-nam Dân chủ Cộng hoà ghi nhận và tán thành bản tuyên bố, ngày 4 tháng 9 năm 1958, của Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung-hoa, quyết định về hải phận của Trung-quốc.

Chính phủ nước Việt-nam Dân chủ Cộng hoà tôn trọng quyết định ấy và sẽ chỉ thị cho các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung-quốc, trong mọi quan hệ với nước Cộng hoà Nhân dân Trung hoa trên mặt bể.

Chúng tôi xin kính gửi Đồng chí Tổng lý lời chào rất trân trọng./.

Hà-nội, ngày 14 tháng 9 năm 1958



Kính gửi :

Đồng chí CHU AN LAI

Tổng lý Quốc vụ viện

Nước Cộng hoà Nhân dân Trung-hoa
tại

BAC-KINH.

PHẠM VĂN ĐỒNG
Thủ tướng Chính phủ
Nước Việt - nam Dân chủ Cộng hoà

ANNEXE 4

La note adressée le 14 septembre 1958 par le premier ministre vietnamien Pham Van Dong au premier ministre Zhou Enlai.

– **Chương 03 :**

**Bác, Đảng đã bán những gì
và để làm gì?**

Xin tiếp tục với việc đề cập đến lý do có công hàm 1958 và những hệ lụy đến bây giờ.

Với dẫn chứng thu góp từ hai phía, Đảng và người dân, lý do nổi bật nhất thúc đẩy có công hàm 1958 — hay công hàm bán nước — chính là ý đồ của Đảng Cộng Sản, cụ thể là của lãnh tụ Hồ Chí Minh chủ trương gây chiến với VNCH để thực hiện chiếm đoạt miền Nam

Trong dư luận từng có ý kiến cho rằng Hồ Chí Minh là người Tàu và gián điệp Trung Cộng. Đây là một nghi vấn đòi hỏi nhiều thời gian và tài liệu để có thể làm sáng tỏ thực hư ra sao nên xin gác qua không xét tới. Vì thế, trong bài này, Hồ Chí Minh vẫn là người Việt Nam, sinh quán tại Nghệ An, rời quê hương qua Pháp với mục đích mưu sinh và từng có lúc nuôi ý định được nhập học Trường Thuộc Địa để làm quan. Do mong ước bất thành vì đơn xin học không được chấp thuận nên phải sống cuộc đời trôi nổi và cuối cùng gặp Quốc Tế Thứ 3 trở thành đảng viên Cộng Sản rồi về nước. Bối cảnh bài viết cũng xin dừng lại ở thời điểm có công hàm 1958 để không đi xa khỏi chủ đề đã định.

Như đã trình bày, công hàm 14/9/1958 là một công hàm bán nước của Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản mà người ký tên là Phạm Văn Đồng. Tại sao họ phải bán nước, cụ thể là bán các hải đảo cho Trung Cộng?

Một lý do từng được nêu ra là cảnh chia đôi đất nước đặt miền Bắc trước thúc đẩy cấp bách của công cuộc giải phóng miền Nam, hoặc ít nhất là cần sự tiếp sức của Trung Cộng trước nguy cơ miền Nam được Hoa Kỳ hỗ trợ sẽ “Bắc tiến.” Nền tảng thực tế của lý do trên ra sao?

● BỐI CẢNH HAI MIỀN NAM - BẮC

01– Về đời sống và kinh tế.

Giai đoạn này, miền Bắc bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội như tuyên truyền của cộng sản. Thời gian từ 1953 đến 1957 đã diễn ra cuộc *Cải Cách Ruộng Đất* man rợ, gây tang thương oan trái trong nhân dân. Đây là cuộc đấu tố theo kiểu cách mạng văn hóa đập khuôn từ Trung Cộng. Trên thực tế, thời điểm này đảng cộng sản Việt Nam được các quốc gia phe xã hội chủ nghĩa ủng hộ về vật chất, tiền bạc, con người để khôi phục sản xuất. Nhưng cũng ở thời điểm này, một điều cần chú ý là khối cộng sản đang muốn nhuộm đỏ cả thế giới và miền bắc Việt Nam là bàn đạp bành trướng tại Đông Nam Á.

Trong khi đó, miền Nam vừa thành lập nền đệ nhất cộng hòa với sự hỗ trợ của Hoa Kỳ nhằm khôi phục kinh tế và nâng cao dân trí. Vào thời điểm miền Bắc tiến hành *Cải Cách Ruộng Đất* gây tai họa thì miền Nam cũng tiến hành cải cách ruộng đất với chương trình “*Người cày có ruộng*” thực sự mang lại niềm vui cho nhân dân. Chính vì có các chính sách hợp lý và chế độ dân chủ nên miền Nam đã phát triển nhanh chóng. Bằng chứng là Sài Gòn được tiếp tục ca ngợi là Hòn Ngọc Viễn Đông.

Nhìn chung, khoảng cách về kinh tế và đời sống giữa hai miền Nam - Bắc là một thực tế hiển nhiên không thể chối bỏ ngay cả với những người dân miền Bắc từng có thời gian tin theo luận điệu tuyên truyền cộng sản là miền Nam nghèo đói, túng quẫn cùng cực vì bị bóc lột. Thực tế ấy đã khiến hết thảy người miền Bắc ngớ ngàng sau năm 1975 khi

được tận mắt chứng kiến cảnh sống sung túc của người dân miền Nam. Cụ thể qua các số liệu, kết luận trên cũng được chứng minh qua nhận xét sau:

“ Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đã tích cực triển khai chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu. Các hàng rào thuế quan và phi thuế quan được dựng lên để bảo hộ một loạt ngành công nghiệp nhẹ. Kết quả phải kể đến nhà máy giấy đầu tiên ở Việt Nam: nhà máy giấy Cogido An Hảo (1961) ở Biên Hòa, thỏa mãn 30-40% nhu cầu tiêu thụ giấy trong nước; hai xưởng dệt Vinatexco và Vimytex với năng suất 13,2 triệu mét vải mỗi năm; nhà máy thủy tinh Khánh Hội năng suất 15.000 tấn/năm; hai nhà máy xi măng, một ở Hà Tiên, một ở Thủ Đức với năng suất 540.000 tấn mỗi năm; và đập thủy điện Đa Nhim, hoàn thành năm 1961. Đồng thời, các loại máy móc, kim loại — những đầu vào cho các ngành được bảo hộ — được ưu tiên nhập khẩu. Trong khi hạn chế nhập khẩu, xuất khẩu được khuyến khích. Một số mặt hàng xuất khẩu còn được chính quyền trợ cấp. Ngay cả tỷ giá hối đoái cũng được điều chỉnh thuận lợi cho xuất khẩu (thông qua trù đi một mức phụ đảm).

Ở nông thôn thì Cải Cách Ruộng Đất (lúc đó gọi là Cải Cách Điền Địa) được triển khai từ năm 1955 và kéo dài tới cuối năm 1960. Những ruộng đất của địa chủ bỏ hoang sẽ bị thu hồi và cấp cho tá điền. Địa chủ không được phép sở hữu quá 100 hecta đất (riêng các đồn điền dù hơn 100 ha vẫn được phép). Số dư ngoài 100 ha sẽ bị buộc phải bán cho chính quyền để bán lại cho tá điền. Tá điền được yêu cầu lập hợp đồng khai thác ruộng đất với địa chủ, gọi là khế ước tá điền trong đó có ghi mức địa tô mà tá điền phải trả cho địa chủ. Thời hạn khế ước là 5 năm, có tái ký. Tá điền có quyền trả đất và phải báo trước chủ đất 6 tháng. ⁽¹⁵⁾

⁽¹⁵⁾ http://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_tế_Việt_Nam_Cộng_Hòa

Về thu nhập, theo “số liệu kinh tế - GDP” bình quân ở miền Nam trước 1975 là 150.USD. Thu nhập này chưa cao, nhưng đã cao hơn mức thu nhập thời đó ở Thái Lan, Bangladesh, Ấn Độ và Pakistan. Trong khi đó 36 năm sau, GDP bình quân đầu người của Việt Nam cỡ 1100 USD vẫn thua xa Thái Lan với khoảng 4000 USD.

Về giáo dục đại chúng, theo tiến sĩ Nguyễn Tiến Hưng, năm 1973, tỉ lệ dân số biết đọc, biết viết tại miền Nam là 70%, rất cao so với các nước Á châu láng giềng hồi đó. Hiện nay, tỉ lệ dân số biết đọc, biết viết được cho biết là 90%. Với ba mươi sáu năm không chiến tranh mà chỉ tăng 20% thì tiếng nói của những con số này đã rõ. Ngoài ra, việc tự do báo chí, lập đoàn lập hội, phản kháng chính phủ cũng tạo cho miền Nam một đời sống chính trị thoải mái và tự do. Ở đó con người có quyền của con người đúng nghĩa, tuy chưa hoàn thiện, nhưng so với miền Bắc là cả một trời tương phản. Như thế, chỉ có một kết luận là miền Nam hơn hẳn miền Bắc về mặt kinh tế và đời sống. Trước thực tế này, không có lý do gì miền Bắc với đời sống cay cực hơn, kinh tế chậm tiến hơn lại phải đi “giải phóng” cho miền Nam trù phú, giàu mạnh hơn. Cho nên sẽ phải nói lý do “giải phóng” miền Nam về mặt kinh tế và đời sống hoàn toàn bị bác bỏ.

02.– Về mặt quân sự.

Đặc biệt về quân sự, có ý kiến cho rằng VNDCCH lúc đó sợ VNCH sẽ Bắc tiến. Trên thực tế, quân đội VNCH chủ yếu lo bảo vệ đất nước. Họ chưa đủ trang bị và quân số để thành “nguy cơ” cho miền Bắc. Ví dụ: sau 1968, quân đội VNCH mới được trang bị M16, trong khi quân đội VNDCCH có AK47 từ trước.

Xin dẫn chứng thống kê sau:

“Năm 1956: Bộ Tổng Tham Mưu dời vào trại Trần Hưng Đạo, gần cổng vào phi trường Tân Sơn Nhất, và bắt đầu cải tiến toàn bộ cơ cấu tổ chức.

Các tiểu đoàn bộ binh được tổ chức lại thành 4 sư đoàn dã chiến (1, 2, 3, 4) và 6 sư đoàn khinh chiến (11, 12, 13, 14, 15, 16). Mỗi sư đoàn khoảng hơn 5.000 người. Pháo binh có thêm tiểu đoàn 23, 25, 34.

Tiểu Đoàn 34 là đơn vị đầu tiên được trang bị đại bác 155 mm. Cùng năm 1956, mỗi sư đoàn bộ binh được trang bị thêm 2 tiểu đoàn pháo binh với 18 khẩu 105 mm. Không quân tiếp nhận thêm căn cứ Tân Sơn Nhất và căn cứ Biên Hòa. Cả hai đổi thành Căn Cứ Trại Lực Không Quân số 2 và số 3. Hải quân bắt đầu tiếp nhận tàu chiến từ hải quân Hoa Kỳ gồm 31 chiến hạm với 193 chiến đĩnh.”⁽¹⁶⁾

Với 10 sư đoàn mà mỗi sư đoàn chỉ có quân số trừ 5000 người thì trên thực tế lúc này quân lực VNCH chỉ có 50 ngàn binh sĩ tức đủ quân số cho tổ chức 5 sư đoàn đứng nghĩa. Trong khi đó, về mức tiếp trợ Hoa Kỳ dành cho VNCH thì có ghi nhận như sau:

“Sự thật là sau cuộc chiến tranh Triều Tiên, Mỹ không có khả năng can thiệp quân sự trực tiếp vào Đông Dương. Thái độ cứng rắn của Mỹ ở hội nghị Gionevơ chẳng qua là do Mỹ sợ Pháp vì bị thua ở chiến trường, có nhiều khó khăn về chính trị, kinh tế, tài chính, có thể chấp nhận một giải pháp không có lợi cho việc Mỹ nhảy vào Đông Dương sau này.”⁽¹⁷⁾

Như vậy lý do áp lực quân sự từ VNCH không có cơ sở thực tế. Vì Mỹ đã không có khả năng can thiệp vào Việt Nam lúc đó như tài liệu cộng sản vừa trích dẫn, và trên thực tế, Mỹ chỉ tham chiến sau nhiều năm miền Bắc phát động cuộc chiến. Do đó, nhìn lại bối cảnh quân sự cho đến năm 1958 là thời điểm có công hàm bán nước, thì miền Bắc luôn

⁽¹⁶⁾http://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Qu%C3%A2n_l%E1%BB%B1c_Vi%E1%BB%87t_Nam_C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a

⁽¹⁷⁾ *Sự thật về quan hệ Việt Nam- Trung Quốc trong 30 năm qua — Nxb Sự Thật - Cơ quan của Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam.*

nắm thể chủ động trong khi miền Nam dù nhận viện trợ Mỹ vẫn chưa đủ sức gây sức ép! Cho nên luận điệu viện dẫn áp lực quân sự từ phía VNCH chỉ là một cách ngụy biện không hơn không kém

Một nghi vấn cũng được nêu ra là phải chăng giới lãnh đạo miền Bắc nhìn sai thực tế đời sống miền Nam?

Phải nói ngay là toàn thể người dân miền Bắc đều mù tịt về đời sống miền Nam do bị các chính sách kìm hãm bùng tai bịt mắt triệt để. Riêng giới lãnh đạo Cộng Sản với hệ thống gián điệp chẳng chịt, luôn có đầy đủ mọi loại thông tin, lại không phải tay mơ, thì việc họ nắm chắc thực tế đời sống miền Nam là hiển nhiên.

Nếu là một chính quyền theo đúng tôn chỉ “Vì Dân” thì họ biết thừa rằng chẳng có lý do gì cần “giải phóng” miền Nam mà ngược lại cần tập trung mọi khả năng để giảm nhẹ những gánh nặng cay cực do nghèo đói, ngu dốt ...đang vây hãm đời sống người dân miền Bắc. Nhưng họ đã vận dụng mọi phương tiện thông tin tuyên truyền ngụy tạo hình ảnh một đời sống miền Nam đen tối tận cùng trong bi đát, đói rét, đoạ đầy để hô hào “giải phóng” bằng cách tiến hành chiến tranh gieo rắc đau thương tang tóc cho người dân cả hai miền đất nước, đặc biệt là trong khi chính họ đã nhìn rõ họ không chịu một áp lực quân sự nào.

Viện lý do chiến tranh, lý do cần giải phóng miền Nam tới mức phải dâng hiến một phần lãnh thổ cho ngoại bang rõ ràng không đủ sức thuyết phục và cũng không che giấu nổi chân tướng phản dân hại nước của giới lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam. Đã có quá nhiều dẫn chứng về động cơ thúc đẩy mọi tiêu hướng hành động của họ là *ý thức hệ và quyền lực*. Mọi người từng nghe nhắc câu trả lời của Hồ Chí Minh khi một nhà báo ngoại quốc hỏi về Ngô Đình Diệm, người lãnh đạo chế độ VNCH tại miền Nam. Hồ Chí Minh đã nêu nhận xét: “*Ông Diệm cũng là người yêu nước nhưng theo cách của ông ấy.*” Như thế, ông Diệm không phản bội

dân tộc thì vì cớ gì phải giải phóng?

Trả lời cho câu hỏi này là câu tuyên bố nổi tiếng của Lê Duẩn: *“Ta đánh miền Nam là đánh cho Liên Xô, cho Trung Quốc.”* Cuộc chiến mà đảng Cộng Sản tuyên truyền là “giải phóng” miền Nam và thống nhất đất nước chỉ đơn thuần là cuộc chiến cho ý thức hệ cộng sản do Liên Xô – Trung Cộng chỉ huy, nhằm bành trướng quyền lực đỏ và hoàn toàn phi nghĩa với Việt Nam. Lý do “thống nhất” cũng không chấp nhận được, vì tiến tới thống nhất không thiếu gì thông lộ hoà bình mà Đức Quốc là một chứng cứ. Hơn thế, khi ký công hàm 1958, Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản đã cho thấy lý do “thống nhất” chỉ là một trò hề. Vì không thể thống nhất bằng cách cắt đất đai tổ quốc dâng cho ngoại bang để được tiếp tay tàn sát đồng bào ruột thịt.

● TRUNG QUỐC MUA BẰNG CÁI GÌ?

Phải nhìn nhận Trung Cộng đã giúp VNDCCH rất nhiều, từ vật dụng nhỏ nhất đến súng đạn, tàu chiến, xe tăng... để tiến hành cuộc chiến chiếm miền Nam gây đau thương cho dân tộc. Người miền Bắc đều biết từ kim khâu, đá lửa, mũ cối tới đại liên 12,7, xe tăng K63, T59 ...đều do Trung Cộng viện trợ. Sau đây là lời kể lại của cựu đại sứ Việt Nam Dương Danh Dy tại Trung Cộng: *“Những người ở lứa tuổi tôi (và trẻ hơn hai mươi, hai năm tuổi) hiện nay đều không quên những viện trợ to lớn của nhân dân Trung Quốc anh em cho chúng ta trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Từ vũ khí đạn dược đến gạo ăn vài mặc, từ ô tô, tàu thủy, máy bay đến chiếc xe đạp, máy khâu, từ gói mì chính đến cái kim sợi chỉ... không sao kể hết. Tôi còn nhớ, từ chiếc mũ cối và đôi dép cao su Việt Nam đưa mẫu sang, các kỹ sư và công nhân Trung Quốc đã chế tạo cho quân đội ta và nhân dân ta những chiếc mũ cối và đôi dép lốp nổi tiếng một thời..... Ít người Việt Nam được biết những con tàu Giải Phóng tải trọng chỉ có 50 tấn nhưng dùng động cơ*

mạnh tới 800 mã lực (nghĩa là có tốc độ rất nhanh) để có thể từ một cảng miền Bắc chở vũ khí, lương thực... vào cập bến tại một nơi ở vùng giải phóng miền Nam rồi trở lại ngay miền Bắc trong đêm đã được các kỹ sư và công nhân một nhà máy đóng tàu Trung Quốc thiết kế, chế tạo xong trong thời gian ngắn kỷ lục theo yêu cầu của chúng ta.”⁽¹⁸⁾

Viện trợ Trung Cộng cho VNDCCH không chỉ giới hạn trong vấn đề súng đạn, chiến cụ mà bao gồm nhiều lãnh vực. Tất nhiên, viện trợ đó không hoàn toàn do “*tình anh em đồng chí*” và không nhằm mục tiêu nào. Trên thực tế, lời tuyên bố của Lê Duẩn đã chỉ rõ mục tiêu được đặt vào cuộc chiến Việt Nam là mở rộng biên cương quyền lực để chế Độ tại vùng Đông Nam Á. Với riêng Trung Cộng, vị trí chiến lược quan trọng và trữ lượng dầu khí của Biển Đông đã thúc đẩy mưu đồ chiếm đoạt vùng biển này biểu hiện qua tuyên bố 4-9-1958 của Trung Quốc về chủ quyền lãnh hải. Trung Cộng không che giấu mục tiêu và Hồ Chí Minh cùng tập đoàn Cộng Sản Việt Nam cũng nhìn thấy rõ — đó là chưa kể rất có thể Trung Cộng đã đặt thẳng vấn đề như điều kiện viện trợ. Và, mười ngày sau, 14-9-1958, dưới sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh, đã có bản công hàm Phạm Văn Đồng.

● BÁC VÀ ĐẢNG ĐÃ BÁN NHỮNG GÌ?

Trên thực tế, để đảng cộng sản Việt Nam đủ sức chiến đấu cho mục tiêu bành trướng quyền lực Đỏ — *đánh cho Liên Xô, cho Trung Quốc* — thì Liên Xô, Trung Cộng phải viện trợ vũ khí, quân trang, quân dụng, lương thực... Do đó, Liên Xô, Trung Cộng viện trợ Việt Nam là nhiệm vụ tất yếu. Tuy nhiên, Trung Cộng với truyền thống Đại Hán lại trải nhiều thời kỳ chiếm lĩnh Việt Nam 4000 năm trước nên không bỏ qua cơ hội mở rộng ranh giới. Hơn nữa, không kể

⁽¹⁸⁾ <http://www.baomoi.com/Chuyen-it-biet-ve-quan-he-Viet--Trung-thoi-chong-Mỹ/122/3269339.epi>

nắm quyền nào tại Bắc Kinh không thấy viễn ảnh tương lai của Hán tộc tùy thuộc phần lớn vào cửa ngõ phương Nam là Biển Đông của Việt Nam. Từ đây, nhu cầu cần giúp đỡ, đặc biệt cần vũ khí của đảng Cộng Sản Việt Nam, đã mở ra cơ hội tốt đẹp cho Bắc Kinh đòi hỏi chia xẻ chủ quyền về lãnh hải và hải đảo tại Biển Đông và Hồ Chí Minh cùng tập đoàn bộ hạ đã đáp ứng đòi hỏi đó. Chính vì vậy đã có công hàm 1958. Sở dĩ công hàm này mang nội dung mập mờ, vì đảng Cộng Sản Việt Nam luôn tự xưng vì dân tộc và đứng vững được là nhờ khai thác tinh thần yêu nước của người dân nên không thể để lộ chân tướng công cụ cho đế chế Đỏ. Nhưng việc Hồ Chí Minh và tập đoàn bộ hạ đồng thuận với đòi hỏi của Trung Cộng gần như đã được xác nhận bởi chính lời biện giải của Phạm Văn Đồng năm 1977: *“Lúc đó là thời chiến nên phải nói như vậy thôi.”* Lời biện giải đó đã cho thấy Trung Cộng thực sự yêu sách về lãnh hải và hải đảo và đảng Cộng Sản Việt Nam đã chấp thuận yêu sách và giữa hai bên đã hoàn tất một việc mua bán theo cách hàng hoá là biển, đảo của tổ quốc và tiền thu là vũ khí, đạn dược ... của ngoại bang. Một tài liệu chính thức của Cộng Sản Việt Nam phổ biến khi Bắc Kinh – Hà Nội đang xích mích đã gián tiếp nhìn nhận sự thực này với thú nhận cay đắng:

“Những người cầm quyền Trung Quốc, xuất phát từ lợi ích dân tộc, họ có giúp Việt Nam khi nhân dân Việt Nam chiến đấu chống Mỹ, nhưng cũng xuất phát từ lợi ích dân tộc, họ không muốn Việt Nam thắng Mỹ và trở nên mạnh, mà chỉ muốn Việt Nam yếu, lệ thuộc Trung Quốc ... Họ lợi dụng xương máu của nhân dân Việt Nam để buôn bán với Mỹ... Họ muốn chia rẽ Việt Nam với Liên Xô và các nước XHCN khác.” ⁽¹⁹⁾

Qua thú nhận trên, CSVN chưa dám nói rõ Trung

⁽¹⁹⁾ *Sự Thật Về Quan Hệ Việt Nam–Trung Quốc Trong 30 Năm Qua* — Nxb. Sự Thật, Hà Nội – trg. 73.

Cộng đòi hỏi gì, nhưng cũng gợi nhắc về ý đồ Trung Cộng đối với Biển Đông quanh diễn tiến về đảo Bạch Long Vĩ. Đảo này nằm trong vịnh Bắc Bộ, cách cảng Hải Phòng 120 cây số đã bị Trung Cộng đưa quân tiếp quản năm 1955 khi Pháp triệt thoái theo hiệp định Genève 1954. Ngay sau khi tiếp quản, Trung Cộng đã xây các công sự kiên cố với ý đồ chiếm giữ lâu dài. Nhưng năm 1957, Trung Cộng lại trao trả cho Việt Nam trước khi tuyên bố công khai về chủ quyền lãnh hải. Về việc Trung Cộng trao trả hòn đảo này, một chuyên gia cộng sản là Hoàng Việt từng trả lời đài VOA:

“VOA: ...Vài ngày qua chúng tôi đọc được trên internet lời kêu gọi của một số người Trung Quốc đòi thực hiện những cuộc biểu tình ở các thành phố lớn Trung Quốc như Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu ... vào ngày chủ nhật tới đây để phản đối điều mà họ cho là Việt Nam xâm phạm chủ quyền biển đảo của họ ở Biển Đông. Những người này cũng nói tới chuyện gọi là “lấy lại” đảo Bạch Long Vĩ, nơi mà năm ngoài chủ tịch Việt Nam Nguyễn Minh Triết đã đến thăm và đưa ra một tuyên bố cứng rắn bày tỏ quyết tâm bảo vệ lãnh thổ. Ông nghĩ sao về diễn tiến này?”

HOÀNG VIỆT: *Trước nhất, tôi không hiểu vì sao những người đó họ nói như vậy. Bởi vì như vậy thì có hai khả năng xảy ra: thứ nhất là họ không hiểu vấn đề liên quan tới luật pháp quốc tế, và thứ hai là họ có thể bẻ cong nó đi. Bởi vì cho đến bây giờ chưa bao giờ có tranh cãi pháp lý chính thức về chủ quyền đảo Bạch Long Vĩ cả. Bạch Long Vĩ là hoàn toàn của Việt Nam. Năm 1957, lúc đó Trung Quốc chiếm nhưng rồi trao lại cho chính quyền Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.”⁽²⁰⁾*

Trung Cộng trao trả đảo Bạch Long Vĩ chỉ vì đảo này ở quá gần cảng Hải Phòng dễ khiến đảng Cộng Sản Việt

⁽²⁰⁾ <http://biendong.net/su-kien/375-tranh-chp-bin-ong-phng-vn-thc-s-hoan-g-vit-v-cong-ham-phm-vn-ng.html>

Nam lộ mặt bán đất cho Trung Cộng đồng thời cũng có thể khiến quốc tế gây áp lực với Trung Cộng về hành vi xâm lược, đi ngược các luật lệ quốc tế. Đáng kể hơn là vị thế đảo này không là gì so với tầm mức quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa mà Trung Cộng đang muốn chiếm đoạt vào lúc đó. Trên thực tế, vào lúc đó chính Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam không có động thái nào tỏ ra thắc mắc về đảo Bạch Long Vĩ mà còn im lặng gần như đã sẵn sàng nhường cho Trung Quốc.

Như vậy, trao các đảo ở Biển Đông cho Trung Cộng để có vũ khí tiến hành cuộc chiến chống miền Nam đối với Hồ Chí Minh và CSVN là việc sẵn sàng chấp thuận. Vì mục đích của Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản đã được chính họ xác nhận là vì ý hệ và quyền lực Cộng Sản. Cho nên thú nhận trên chỉ trách cứ Trung Cộng vì quyền lợi dân tộc của họ mà chia rẽ Việt Nam với Liên Xô chứ không hề đau xót về việc dân tộc Việt Nam đã phải đổ xương máu vô nghĩa. Nhìn riêng về Hồ Chí Minh thì cuồng vọng cá nhân và tính hiếu chiến đã hơn một lần tự biểu lộ qua những câu thơ như:

Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào

Tiến lên, chiến sĩ đồng bào...

Thật khó tìm nổi chứng cứ biểu hiện tình cảm xót thương của Hồ Chí Minh với đồng bào, với dân tộc. Cho nên, Yelsin một người ngoại quốc đã nói về ông Hồ: *“Ông đánh đánh đến nhiều sự kiện trọng đại nhất của quốc gia, gây những lỗi lầm to lớn nhất!”* Và, một trong những lỗi lầm đó là *“bán nước và gây chiến tranh phi nghĩa.”*

Khó ai có thể quên ngay sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hồ Chí Minh đã công khai nhìn nhận vừa hoàn thành nhiệm vụ với Quốc Tế Cộng Sản : *“Nhận chỉ thị của Quốc Tế Cộng Sản giải quyết vấn đề cách mạng ở nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ.”* Hồ Chí Minh đã tự chọn tách rời khỏi hàng ngũ dân tộc để phụng sự lý tưởng và quyền lực Cộng Sản nên không có gì ngạc nhiên khi chỉ đạo công hàm

bán nước để có vũ khí tàn sát chính dân tộc mình. Trước sự thực không thể chối bỏ này, thắc mắc về tính thực, hư của việc Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản bán biển, đảo cho Trung Cộng không còn đứng vững và cần thay bằng thắc mắc là người Việt chưa quên bốn phận con dân đối với đất nước phải làm gì trước tình trạng biển, đảo bị Trung Cộng chiếm đóng? Chắc chắn câu trả lời đến từ hết thảy chỉ là: Phải dành lại Hoàng Sa - Trường Sa và triệt tiêu đường ranh lưỡi bò. Đây là mục tiêu của mọi người dân Việt Nam.

Để đạt mục tiêu, với nhận định chủ quan qua thực tế, tôi thấy cần phải hoàn tất ít nhất 3 công việc cụ thể.

Thứ nhất, công hàm 1958 không thông qua Quốc Hội là vi hiến. Thêm nữa, lúc đó Hoàng Sa - Trường Sa không thuộc quyền của VNDCCH nên về pháp lý vẫn có cơ sở để đòi lại. Việc này không biện hộ cho hành vi bán nước của Hồ Chí Minh nhưng là khe hở pháp lý cần nắm lấy.

Thứ hai, đảng Cộng Sản Việt Nam là con nuôi của Trung Cộng nên chứng minh hành vi vi hiến, bán nước của đảng này và ông Hồ, đồng thời lật đổ đảng này là việc cần thiết để có một chính phủ dân chủ hợp hiến, đồng thuận đứng lên vì dân tộc sẽ tạo được sức mạnh đoàn kết đủ tầm mức để đối phó với Trung Cộng.

Thứ ba, chính phủ dân chủ mới sẽ tạo thế quốc tế bằng nỗ lực mở rộng bang giao, cụ thể là liên kết với khối ASEAN và Mỹ để có đồng minh, đồng thời đoàn kết với đồng bào trên khắp thế giới gây áp lực với Trung Cộng.

Suy nghĩ trên hoàn toàn do nhận thức chủ quan, nhưng tôi hy vọng sẽ không xa cách với các điều kiện cụ thể khởi từ thực tế tình hình hiện nay, nhất là khi Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản đã lộ diện thủ phạm gây ra cuộc chiến phi nghĩa mạo danh “giải phóng” miền Nam để nâng cao quyền lực đế chế đỏ và bán biển, đảo tổ tiên đòi lấy vũ khí Trung Cộng gây đau thương cho dân tộc.

– 15/06/2012



Vài
hình ảnh
cuộc sống
Miền Nam
←



và
Miền Bắc
↓



NHỮNG SỰ THẬT CẦN PHẢI BIẾT * 67

– *Chương 04 :*

Nỗi đau Cải Cách

Sự thật về cái gọi là “*Cải Cách Ruộng Đất*” man rợ ở miền Bắc không còn mới lạ với mọi người. Nhưng lâu nay, người cộng sản hoặc bênh vực cho cộng sản vẫn đổ tội cho Trường Chinh, Lê Văn Lương... có khuyết điểm tức là các hậu quả tệ hại chỉ do sai phạm cá nhân chứ không liên hệ đến đảng Cộng Sản và lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Vì thế cần nhìn lại vai trò và trách nhiệm của Hồ Chí Minh cùng đảng Cộng Sản trong sự kiện dẫn đến cái chết của gần 200,000 người dân vô tội với những di hại còn kéo dài trong đời sống xã hội Việt Nam..

A. TRÒ CHƠI VỚI XÁC NGƯỜI.

01.– Bối cảnh lịch sử và vấn đề

cải cách nông nghiệp tại miền Bắc:

Đảng cộng sản do Hồ Chí Minh chỉ đạo đã thực hiện Cải Cách Ruộng Đất trong tính toán theo đúng tinh thần của “đàn anh” Trung Cộng. Điều này không có gì đáng ngạc nhiên vì mục tiêu của các chế độ Cộng Sản là đảo lộn toàn bộ tổ chức xã hội bằng cách triệt để phế bỏ mọi quyền tư hữu của con người. Và cách thức thúc đẩy quần chúng quen thuộc của Cộng Sản là kích động bản năng thù hận với chủ trương phân chia giai cấp biến thành phần này thành kẻ thù của thành phần khác tạo nên các cuộc tàn sát man rợ giữa những người cùng chung huyết mạch.

Sách lược đấu tranh cộng sản luôn gồm 2 giai đoạn là Cách Mạng Dân Tộc Dân Chủ và Cách Mạng Xã Hội Chủ Nghĩa. Cách Mạng Dân Tộc Dân Chủ là giai đoạn mở đầu với mục tiêu tranh đoạt quyền lực nên nêu cao chiêu bài Dân Tộc Dân Chủ để thu hút quần chúng tạo sức mạnh. Khi đã nắm được quyền lực thì chuyển qua giai đoạn Cách Mạng Xã Hội Chủ Nghĩa tức là giai đoạn tổ chức và củng cố hệ thống chuyên chế độc quyền lãnh đạo, tận diệt tận gốc rễ mọi xu hướng đối lập.

Trên thực tế, năm 1945 đảng CSVN trong vỏ bọc Mặt Trận Việt Minh cướp được chính quyền đã thi thố nhiều thủ đoạn, mánh lới tiêu diệt các lực lượng và đảng phái quốc gia dân tộc. Tuy nhiên giai đoạn 1946-1950, đảng này bị tách biệt với phong trào Cộng Sản Quốc Tế chưa được Liên Xô - Trung Cộng chi viện nên còn yếu và vẫn giấu mặt, đồng thời phải nhận sự hợp tác của các thành phần không cộng sản trong hàng ngũ Việt Minh.

Tháng 10/1949, cộng sản Trung Quốc chiếm Hoa lục, biên giới Việt - Hoa mới thông thương. Trung Cộng bắt đầu viện trợ vũ khí và đưa cán bộ huấn luyện qua giúp Cộng Sản Việt Nam. Lúc này, đảng cộng sản Việt Nam cũng tương đối nắm vững tình hình trong nước nên có thể thi hành các biện pháp có tính cách Cộng Sản mà trước đây chưa thể làm vì chưa đủ sức chống đỡ sự phản đối của quần chúng và các tổ chức quốc gia, dân tộc.

Do đó, chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất cùng một số chiến dịch khác chỉ khởi sự từ 1950, khi đảng cộng sản Việt Nam liên hệ được với Trung Cộng để có thể bước vào đoạn hai trong sách lược đấu tranh tức giai đoạn tổ chức và củng cố quyền lực theo đúng chủ trương cộng sản.

Văn kiện đại hội đảng về thực hiện cải cách ruộng đất nêu rõ mục tiêu việc cải cách ruộng đất như sau:

“...Việc đấu tranh giai cấp giữa địa chủ và nông dân đã được đặt ra ngay từ khi thành lập Đảng. Đây là vấn đề

bức thiết cần phải thực hiện trong thời gian tới đây. Chúng ta nhận thấy rằng có từ 90% đến 95% dân chúng Việt Nam là nông dân, và trong số này thì chỉ có khoảng 5% là địa chủ phú nông, còn đa số đều là người làm thuê, làm mướn, tá canh, tá điền. Do đó, chúng ta muốn làm cách mạng xã hội phải lôi cuốn được khối đa số đó, phải thỏa mãn khối đa số đó bằng quyền lợi để tiến hành cách mạng dân tộc, tiến lên chủ nghĩa xã hội..."⁽²¹⁾

Điều này cho thấy đảng cộng sản chỉ muốn lợi dụng số đông nông dân kém hiểu biết làm bàn đạp cho mưu đồ thiết lập chế độ đảng trị với diễn tả hoa mỹ là “*tiến lên chủ nghĩa xã hội*.” Cụ thể là chính quyền Cộng Sản Việt Nam được công nhận bởi Trung Cộng ngày 18/1/1950 và bởi Liên Xô ngày 30/1/1950. Ngay sau đó, tháng 2/1950, Hồ Chí Minh qua Bắc Kinh và Moscow xin viện trợ.

Tại Moscow, Stalin lệnh cho Hồ Chí Minh thực hiện hai việc: thứ nhất là tái công khai đảng cộng sản ⁽²²⁾, thứ hai là đẩy mạnh Cải Cách Ruộng Đất theo đường lối cộng sản. Lúc đó liên lạc Xô - Trung còn bình thường và Việt Nam nằm sát biên giới Trung Cộng nên Stalin chỉ đạo cho Hồ Chí Minh phải cử người sang Trung Cộng học tập phương pháp Cải Cách Ruộng Đất triệt để. ⁽²³⁾

Về nước sau chuyến đi, Hồ Chí Minh triệu tập Đại Hội lần 2 đảng Cộng Sản Đông Dương tại vùng rừng núi Tuyên Quang, tái công khai đảng Cộng Sản dưới danh xưng mới là đảng Lao Động Việt Nam ngày 19/2/1951, do Hồ Chí Minh làm chủ tịch, Trường Chinh làm tổng bí thư. Trong đại hội này, Hồ Chí Minh đã phát biểu: “*Về lý luận,*

⁽²¹⁾ *Nxb Chính Trị của đảng CSVN - trang 5.*

⁽²²⁾ *Tái công khai, vì ngày 11-11-1945 tại Hà Nội, Hồ Chí Minh đã tuyên bố giải tán đảng CS do đại đa số quần chúng VN chống lại CS, khiến sau đó đảng CS phải ẩn danh dưới nhãn hiệu Hội Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Mác.*

⁽²³⁾ *Trang web ban tuyên giáo TƯ' đảng CSVN: <http://tennguoidenphat.net/2012/04/06/về-chuyến-tham-bi-mật-lien-xova-trung-quốc-nam-1950/>.*

đảng Lao Động Việt Nam theo chủ nghĩa Mác-Lênin...lấy tư tưởng Mao Trạch Đông làm kim chỉ nam... Tôi không có tư tưởng ngoài chủ nghĩa Mác-Lênin”. (24)

Cũng trong đại hội này, Hồ Chí Minh nhiều lần tuyên bố: “*Ai có thể sai, chứ đồng chí Stalin và đồng chí Mao Trạch Đông thì không thể sai được.*” (25)

Sau Đại Hội 2, đảng Lao Động gửi cán bộ sang Bắc Kinh tham dự khóa học về chủ nghĩa Mác-Lênin tổ chức cho các đảng cộng sản Á Châu như Indonesia, Mã Lai, Phi Luật Tân, Thái Lan, Pakistan, Nhật Bản... chính là để học phương thức Cải Cách Ruộng Đất theo đường lối Trung Cộng. Phái đoàn trở về được đưa đi tổ chức thí điểm Cải Cách Ruộng Đất với việc phát động chiến dịch “*giảm tô, giảm tức*” ở vài tỉnh Việt Bắc và Thanh Hóa. Trước đó, cuối năm 1949, ban lãnh đạo cộng sản đã đề ra các phong trào *Rèn Cán Chính Quân, Rèn Cán Chính Cơ*. Rèn Cán Chính Quân là rèn luyện cán bộ, chỉnh đốn quân đội. Rèn Cán Chính Cơ là rèn luyện cán bộ, chỉnh đốn cơ quan, nhưng các phong trào này đều không đạt mục tiêu đề ra.

Do đó, sau khi học tập kinh nghiệm Trung Cộng, năm 1950, Hồ Chí Minh và đảng cộng sản đã phát động phong trào *Chỉnh Huấn* theo đường lối cứng rắn quyết liệt trước khi khai diễn chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất.

02.– Các bước thực hiện Cải Cách Ruộng Đất:

► **Giai đoạn khởi động:** Giữa năm 1949, khi sửa soạn chuyển qua giai đoạn phản công quân sự, Việt Minh đã vững mạnh ở vùng nông thôn, nhất là vùng rừng núi Việt Bắc. Lúc đầu, Việt Minh thực hiện cuộc Cải Cách Ruộng Đất thử nghiệm, chỉ kiểm cách tăng gia sản lượng nông nghiệp nhằm cung ứng nhu cầu quân đội càng ngày càng gia

(24) *Hồ Chí Minh Toàn Tập.*

(25) *Nguyễn Minh Cần, Đảng Cộng Sản Việt Nam qua những biến động trong phong trào Cộng Sản Quốc Tế, 2001, tr. 63.*

tăng. Để khuyến khích nông dân ra sức cày bừa, chính phủ VNDCCH ra sắc lệnh số 78/SL ngày 14/7/1949 thành lập *Hội Đồng Giảm Tô*, buộc các chủ đất (gọi là địa chủ) phải giảm thiểu đồng bộ tiền thuê đất (gọi là địa tô) cho tá điền là 25%, có nơi có thể giảm tối đa 35% trong trường hợp tá điền quá nghèo khổ. Sau đó, thông tư liên bộ số 33/NVI ngày 21/8/1949 đưa ra các nguyên tắc chủ yếu về việc phân chia tạm thời cho nông dân ruộng đất tịch thu của điền chủ người Pháp và điền chủ “*Việt gian*” tức người bị kết tội thân Pháp, hoặc không cộng tác với Việt Minh.

► *Giai đoạn thứ hai*: Trong năm 1950, một loạt sắc lệnh nông nghiệp ra đời có tính cách mị dân, nhằm đẩy mạnh sản xuất, phục vụ công cuộc kháng chiến của Việt Minh, bắt đầu bằng sắc lệnh 20/SL ngày 12/2/1950 ra lệnh tổng động viên toàn bộ “*nguồn nhân lực, vật lực (gia súc, công cụ) và tài lực (tiền bạc) cho tổ quốc.*”

Sau đó, ngày 22/5/1950, xuất hiện cùng lúc hai sắc lệnh 89/SL và 90/SL. Sắc lệnh 89/SL quyết định xóa bỏ tất cả hợp đồng vay nợ giữa tá điền với điền chủ ký kết trước 1945, và xóa bỏ cả các hợp đồng ký kết sau 1945 nếu con nợ đã trả đủ 100% số tiền vay, hoặc con nợ đã tử trận vì sự nghiệp của Việt Minh thì gia đình khỏi trả nợ. Sắc lệnh 90/SL ban hành cùng ngày 22/5/1950 quốc hữu hóa tất cả đất đai đã bỏ hoang 5 năm liên tục kể từ ngày ra sắc lệnh.

► *Giai đoạn thứ ba*: Bắt đầu bằng sắc lệnh ngày 20/4/1953, đăng trên Công Báo Việt Minh ngày 20/5/1953. Sắc lệnh này chỉ củng cố “thành quả” của các cuộc cải cách trước. Lần này, giá thuê đất hạ thêm 25% để “*làm thế nào cho tiền thuê đất không thể vượt quá 1/3 lợi tức mùa gặt.*” Luật mới quy định chủ đất không được buộc tá điền đóng thêm tiền cho các phí tổn khác, như tiền thuê dụng cụ hay trâu bò cày bừa (*điều 6*), cấm chủ đất hủy bỏ hợp đồng cũ để ký kết hợp đồng tương tự khác (*điều 14, 16*). Sắc luật nhắc lại việc hủy bỏ hoàn toàn tiền nông dân vay nợ trước

tháng 8/1945 (*điều 17*) và hoãn lại những món nợ của các thành phần ưu đãi của Việt Minh (binh sĩ Việt Minh, người nghèo...) trong trường hợp chủ nợ đang sống trong vùng do phía Quốc Gia kiểm soát (*điều 18*). Với chủ nợ sống tại vùng Việt Minh, các con nợ vay sau 1945 cũng được giảm từ 18 đến 20% (*điều 21*). Sắc lệnh này quyết định tịch thu tất cả tài sản của “*đế quốc*” Pháp, “*Việt gian*” và “*địa chủ ác ôn*” để chia lại cho người không có đất đai nhà cửa, và ưu tiên cho các thành phần nòng cốt của Việt Minh (*điều 25 đến 30*). Cuối cùng, sắc luật này thành lập Ủy Ban Nông Nghiệp các cấp. Ở trung ương, Ủy Ban Nông Nghiệp do thủ tướng đứng đầu, gồm bộ trưởng Canh Nông, bộ trưởng Nội Vụ, đại diện Mặt Trận Liên Việt và hai đại diện Ủy Ban Liên Lạc Nông Dân.

Ở mỗi cấp hành chính, cho đến cấp xã đều có những Ủy Ban Nông Nghiệp gồm những nhân vật tương tự ở mỗi cấp (*điều 35, 36*).

► *Giai đoạn thứ tư*: Khoảng cuối tháng 11 đầu tháng 12/1953, Việt Minh triệu tập đại hội đại biểu đảng Lao Động, và đại hội trung ương đảng tại chiến khu Việt Bắc. Đề tài chính của khóa họp lần này là khẩu hiệu “*Ruộng Đất Cho Người Cày*.” Sau gần một tháng hội họp, kết quả thảo luận được đưa cho quốc hội Việt Minh thông qua trong kỳ họp sau đó để có hình thức dân chủ. Quốc hội này thành lập từ năm 1946 gồm 444 người, lúc đó chỉ có 171 đại biểu dự họp. Đảng Lao Động quyết định thực hiện dần dần cuộc CCRĐ theo kế hoạch được soạn thảo kỹ lưỡng.

Sắc lệnh CCRĐ lần này hơi khác với đường lối cải cách của Liên Xô. Tại Liên Xô, đảng Cộng Sản xóa bỏ hẳn tư hữu đất đai, và nông dân chỉ có “quyền lao động.” Đảng Lao Động theo đường lối cải cách Trung Cộng và Bắc Triều Tiên, trên lý thuyết không xóa hẳn quyền sở hữu đất đai của nông dân mà cho phép dân cày có quyền có đất. Việc này thực sự chỉ có trên lý thuyết, chứ trong thực tế, nhà nước

Cộng Sản quản lý toàn bộ đất đai.

Mở đầu, sắc lệnh ngày 4/12/1953 nêu lên ý nghĩa và mục đích của CCRĐ lần này là “bãi bỏ toàn diện quyền sở hữu đất đai của *Thực Dân Pháp*” và của tất cả những “*đế quốc*” khác, đồng thời thiết lập quy chế sở hữu đất đai của nông dân.” (điều 1). Toàn bộ đất đai của “*thực dân Pháp*”, “*Việt gian*”, “*địa chủ phản động*”, và “*phủ hộ ác ôn*” đều bị tịch thu (điều 1). Đất đai của thành phần dân chủ tiến bộ, kháng chiến và hợp tác với Việt Minh sẽ được trưng dụng. Nhà nước sẽ bồi thường hằng năm khoảng 1,5% tài sản (điều 4). Đối với những điền chủ lẫn tránh chính sách bằng cách sang, bán, chuyển nhượng đất đai sau cuộc CCRĐ lần thứ ba (20/4/1953), Nhà Nước xem đó là hành động bất chính, sẽ trưng dụng đất đai và bồi thường bằng tín phiếu ngân hàng (điều 5). Cuối cùng, sắc lệnh này cấm đoán mọi sự phản kháng cuộc CCRĐ (điều 35), và quy định việc thiết lập tòa án nhân dân đặc biệt để xét xử những thành phần chống lại cuộc CCRĐ.(điều 36).

► *Giai đoạn thứ năm*: Năm 1954, Việt Nam bị chia hai bằng hiệp định Genève ngày 20/7/1954, theo đó Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tức Việt Minh Cộng Sản cai trị phía bắc vĩ tuyến 17, Quốc Gia Việt Nam ở phía Nam. Nói cách khác, Cộng Sản không còn ở rải rác trong các chiến khu khắp Bắc, Trung, Nam Việt Nam mà tập trung tại bắc vĩ tuyến 17 đến biên giới Trung Cộng. Hồ Chí Minh và đảng Lao Động muốn áp đặt chế độ độc tài theo chủ thuyết Mác-Lê trên lãnh thổ miền Bắc. Do đó, họ nhắm thành phần chiếm đại đa số xã hội Việt Nam là nông dân ở thôn quê. Nắm được nông thôn, kho lương thực của dân chúng, Cộng Sản sẽ nắm được thành thị không mấy khó khăn.

Tình hình ruộng đất ở Bắc Việt thay đổi lớn lao sau hiệp định Genève vì khoảng 1 triệu người bỏ đất Bắc di cư vào Nam, để lại toàn bộ điền sản. Sau khi tái tổ chức chính quyền, tạm ổn định tình hình, Hồ Chí Minh ký sắc luật về

CCRĐ ngày 14/6/1955. Sắc luật này dựa căn bản trên hai sắc lệnh tháng 4 và 12/1953, theo đó Nhà Nước tịch thu toàn bộ tài sản (đất đai, nhà cửa, gia súc, nông cụ...) của “*thực dân, địa chủ gian ác, cường hào ác bá, Việt gian, phản động*”; trưng thu không bồi thường và thu mua đất đai, nông cụ, gia súc thuộc các nhân vật “*tiến bộ*”, các địa chủ đã tham gia kháng chiến, các địa chủ thuộc thành phần thương gia hay kỹ nghệ gia; truat hữu đất đai của các tổ chức tôn giáo như Công giáo, Phật giáo (*chương 2*). ⁽²⁶⁾

03.– *Tiến hành:*

Từ 1949 đến 1956, Cộng Sản mở 5 đợt Cải Cách Ruộng Đất. Sau mỗi đợt đều tổ chức hội nghị rút ưu khuyết điểm, rồi tiến hành tiếp đợt khác. Hai đợt đầu (1949 và 1950), thực hiện cải cách nhẹ nhàng để phục vụ nhu cầu lương thực, nuôi quân trong chiến tranh. Khi các đoàn cán bộ qua Bắc Kinh học tập trở về thì các thí điểm CCRĐ được mở ra với tiêu chuẩn ấn định về thành phần xã hội ở nông thôn theo một sắc lệnh do chính quyền Cộng Sản Việt Nam ban hành tháng 3/1953 như sau:

– *Địa chủ* : Người có nhiều ruộng đất mà không trực tiếp canh tác. Địa chủ gồm ba hạng là địa chủ thường (có dưới 5 mẫu ta, đủ ăn, không phạm tội ác ôn dưới thời Pháp thuộc), *địa chủ cường hào ác bá* (hiếp đáp, ngược đãi bần nông và bần cố nông), *địa chủ phản động* (thân Pháp, quan lại phong kiến, liên hệ với các đảng Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt Quốc Dân Đảng...)

– *Phú nông* : Có khoảng 3 mẫu ta, có một con trâu, tự đứng ra canh tác và thuê nông dân trong việc canh tác.

– *Trung nông* : Có dưới 3 mẫu ta, trực canh, đủ sống.

⁽²⁶⁾ Tất cả văn bản được dẫn đều có trong cuốn: “*Tập Hợp Văn Kiện Văn Bản Của Đảng Trước 1975*” (Nxb.Văn Hóa) và một số lưu tại thư viện quốc gia Việt Nam có thể truy cập tại <http://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Sac-lenh-89-SL-an-dinh-the-le-giam-tuc/36584/noi-ung.aspx>.

Trung nông gồm 2 loại là trung nông cấp cao (có dưới 3 mẫu ta, có một con trâu hay bò) và trung nông cấp thấp (có dưới 1 mẫu ta).

– *Bần nông* : Có ít sào đất, không đủ sống, phải làm thuê cho địa chủ hay thuê đất của địa chủ rồi trả địa tô.

– *Bần cố nông* : Không có đất, không có gia súc, không có nông cụ, làm thuê đủ thứ nghề để sống.

Cùng với việc ấn định thành phần là ấn định đường lối đấu tranh lấy bần cố nông làm đối tượng cốt cán trong khi tranh thủ đồng minh là trung nông đồng thời cô lập phú nông để tập trung mũi nhọn vào địa chủ. ⁽²⁷⁾

Kế tiếp là ấn định phương pháp đấu tranh để đạt mục tiêu tận diệt giai cấp địa chủ hiểu theo nghĩa bao gồm mọi thành phần có thể gây nguy hại cho vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản — lúc đó mang tên đảng Lao Động.

Phương pháp đấu tranh được tiến hành là kích động căm thù để thúc đẩy các cuộc tàn sát man rợ với khẩu hiệu “*Thà chết oan mười người còn hơn để sót một địch.*”

Ngày 12/4/1953, Hồ Chí Minh ký ban hành sắc lệnh về trừng trị địa chủ hoạch định tiến trình chiến dịch CCRĐ bao gồm 3 giai đoạn diễn biến như sau:

– *Thứ nhất* : Kích động tâm lý quần chúng chống lại địa chủ bằng cách đưa cán bộ về thực hiện “*tam cùng*” hay “*tam đồng*” với bần nông, để “*thăm nghèo hỏi khổ*” và sau đó “*bắt rế, xâu chuỗi.*”

– *Thứ hai* : Sau khi len lỏi “*bắt rế, xâu chuỗi*” và nhờ thông tin của rế chuỗi này, nắm vững tình hình trong địa bàn hoạt động, cán bộ sẽ đánh giá và xác định lại các thành phần xã hội đã được ủy ban hành chánh địa phương sắp xếp theo sắc lệnh tháng 3/1953 nêu trên. Từ đây, đội công tác mới quyết định các đối tượng bị đấu tố. Đây là cơ hội giải quyết ân oán đã có từ trước, ví dụ rút địa chủ xuống hàng

⁽²⁷⁾ *Hồ sơ của hội đồng CCRĐ - thư viện pháp luật Việt Nam.*

phú nông cho nhẹ tội, hay ngược lại đưa phú nông lên hàng địa chủ cho nặng tội.

– *Thứ ba* : Lập tòa án nhân dân xét xử những kẻ bị coi là có tội. Để việc xét xử đạt kết quả yêu cầu của đảng Lao Động, các bản nông được tổ chức chặt chẽ và chỉ dẫn kỹ càng để chủ động đấu tố.

Năm 1953, đã hoàn tất việc chuẩn bị để tiến hành chiến dịch CCRĐ. Nhưng đầu năm 1954, chiến tranh đến hồi khốc liệt và sắp kết thúc nên nhu cầu quân sự, ngoại giao buộc chiến dịch phải tạm thời đình hoãn.

Sau hiệp định Genève 20/7/1954, đảng Lao Động được phân quyền cai trị toàn bộ lãnh thổ phía Bắc vĩ tuyến 17 và ngay trong năm 1955, chiến dịch CCRĐ được tái tục với giai đoạn 5. Lần này việc tổ chức có quy củ rõ ràng, do Ủy Ban CCRĐ đứng đầu và có các Tòa Án Nhân Dân.

Ủy Ban CCRĐ gồm cấp trung ương và địa phương.

Ủy Ban CCRĐ trung ương do tổng bí thư đảng Lao động là Trường Chinh làm chủ tịch, có ba người phụ tá là Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương đều là ủy viên Bộ Chính Trị và Hồ Viết Thắng, ủy viên Trung Ương đảng. Hồ Viết Thắng giữ chức giám đốc, trực tiếp điều hành cuộc CCRĐ theo mệnh lệnh của Trường Chinh.

Hồ Viết Thắng từng đi học ở Trung Cộng, đã được Trường Chinh giao nhiệm vụ mở *Trung Tâm Đào Tạo Cán Bộ CCRĐ* tại chiến khu Cao Bắc Lạng.

Các Ủy Ban CCRĐ địa phương hay Ủy Ban CCRĐ tỉnh do Hồ Viết Thắng bổ nhiệm những người đã được đào tạo về các tỉnh tổ chức các đoàn CCRĐ.

Trung bình mỗi tỉnh có 10 đoàn, mỗi đoàn có khoảng 100 cán bộ do một đoàn trưởng đứng đầu, quyền hạn tương đương với một bí thư đảng cấp tỉnh, nhận lệnh trực tiếp từ Ban Cải Cách Trung Ương, không qua trung gian hệ thống đảng hay chính quyền địa phương.

Mỗi đoàn gồm nhiều đội, mỗi đội có khoảng 6 hay 7

cán bộ. Đội trưởng được chọn trong số bản nông hay bản cổ nông, nhất là những người đã có kinh nghiệm tham gia các cuộc CCRĐ trước đây.

Các đội có quyền hạn tuyệt đối, nhận lệnh thẳng từ Ủy Ban CCRĐ, đúng như câu tục ngữ lúc đó “*nhất đội nhì trời*”, được quân đội bảo vệ để thi hành công tác, và được nhà cầm quyền địa phương cung cấp đầy đủ tài liệu theo chính sách của đảng và Nhà Nước.⁽²⁸⁾

Phương châm hành động căn bản của các Ủy Ban CCRĐ là khẩu hiệu: “*Thà chết oan mười người còn hơn để sót một địch*.”⁽²⁹⁾ Khẩu hiệu này đã đưa đến việc giết hại tràn lan không biết bao nhiêu lương dân vô tội.

Trong diễn văn đọc tại hội nghị Mặt Trận Tổ Quốc ở Hà Nội ngày 30/10/1956, luật sư Nguyễn Mạnh Tường đã phê phán cuộc cải cách ruộng đất thực hiện phương châm “*thà chết oan 10 người còn hơn để sót một địch*” là phương châm đi ngược quy tắc cơ bản của pháp luật “*thà 10 địch sót còn hơn một người bị kết án oan*.”

Các quy tắc pháp lý cơ bản bị xâm phạm cũng được nêu cụ thể như: không xử phạt các tội đã phạm quá lâu đến nay mới điều tra ra; trách nhiệm của phạm nhân thì chỉ một mình phạm nhân chịu, không quy kết cho vợ con, gia đình; kết án một người phải có bằng chứng xác đáng; thủ tục điều tra, xét xử phải bảo đảm quyền lợi của bị can; bị can có quyền nhờ luật sư bào chữa; phải tôn trọng bị can trong quá trình truy tố và xét xử; khi bị can ra trước tòa không được xiềng xích và không được dùng nhục hình...

Hết thảy các quy tắc pháp lý cơ bản này đều bị trà đạp vì các Đoàn, Đội phóng tay phát động quần chúng đấu tranh CCRĐ đã được chuẩn bị về phương thức hoạt động theo kiểu khủng bố: Bí mật đến một địa phương nào đó, bí mật

⁽²⁸⁾ Lâm Thanh Liêm, *Chính sách CCRĐ Việt Nam (1954-1994)*, tr.184-185

⁽²⁹⁾ *Trích hồ sơ của Hội Đồng CCRĐ – Thư viện pháp luật VN.*

hành động... và gieo rắc tai ương khủng khiếp cho địa phương. Không chỉ địa chủ, phú nông sợ hãi mà ngay cả dân chúng và các cấp chính quyền cũng như quân đội địa phương đều sợ hãi. Vì bất cứ ai đều có thể bị dính tên vào sổ đầu tố và không ai lường đoán trước nổi về hậu quả.

Trong khi đó, việc thiết lập các Toà Án Nhân Dân cũng trà đạp pháp luật. Theo hai sắc lệnh năm 1953 và năm 1955, các tòa án nhân dân được thiết lập ở những vùng có cải cách để xét xử tội phạm trong CCRĐ với các quy định ngoài hẳn mọi tưởng tượng như chánh án là một đội viên trong đội cải cách, biện lý hay công tố là một nông dân hay bần nông từng làm việc (gia nhân, tá điền...) trong nhà của bị cáo, biết rõ lý lịch khổ chủ... Ngoài sự mù tịt về luật pháp, các chánh án, công tố, biện lý...loại này đều dốt nát vì thuộc thành phần thấp kém, vô học vốn chỉ quen với các công việc không cần vận dụng trí não. Thêm nữa, trước khi được cất lên địa vị chánh án, biện lý, công tố...hết thầy đều được kích động lòng hận thù với giới địa chủ và chuẩn bị trước về trò đầu tố bằng cách bịa đặt mọi thứ gọi là tội ác cùng thói hư tật xấu của khổ chủ, nhất là tội dâm ô...

Đặc biệt trong tòa án nhân dân không có vai trò luật sư biện hộ, và cũng chẳng ai dám biện hộ cho bị cáo. Quân đội bảo vệ tòa án và người tham dự đều được sắp đặt trước, hò hét khuyến khích người đóng vai “*công tố*”, bằng cách chửi rủa hoặc tố cáo thêm những “*tội ác*”...

04.– Hậu quả Cải Cách Ruộng Đất:

Tác hại do công cuộc CCRĐ trong đời sống xã hội Việt Nam là sự thật không thể chối bỏ vì chính đảng Cộng Sản đã phải nhìn nhận. Tuy nhiên, cho tới nay, tác hại này gần như chỉ luôn được gói gọn trong hai tiếng “*khuyết điểm*” chứ chưa bao giờ được chỉ rõ cụ thể. Trên thực tế, bằng cái nhìn chung, có thể nêu ra 4 khía cạnh tác hại bao trùm từ phạm vi xây dựng kinh tế đến đạo đức xã hội.

– *Cướp đoạt đất đai* : Theo nguồn tin Liên Xô, cuộc CCRĐ Việt Nam đã tịch thu 702 ngàn mẫu tây ruộng đất, 1 triệu 846 ngàn nông cụ, 107 ngàn trâu bò, 22 ngàn tấn thực phẩm. Những thứ đó chia cho 1 triệu 500 ngàn gia đình nông dân và bần nông. Như thế mỗi gia đình được 0,46 mẫu tây, một nông cụ, và những gia đình 13 người mới nhận được một con trâu hay bò. Theo ký giả Bernard Fall, một gia đình nông dân bốn người cần ít nhất 1,5 mẫu tây để bảo đảm đời sống, đó là chưa kể đến thuế nông nghiệp phải đóng hằng năm.

Riêng tài liệu đảng CSVN từ cuốn *Những Điều Cần Nhìn Lại Sau CCRĐ* cho biết “*Cải Cách Ruộng Đất đã tịch thu của bọn địa chủ và cường hào 760,000 mẫu ruộng đất canh tác, 112,000 con trâu bò và gia súc, 26,000 tấn thực phẩm, lương thực...*”⁽³⁰⁾

Về phân chia đất đai thì theo đơn vị gia đình, dựa trên số thành viên thực sự lao động và không dựa trên giới tính. Tuy nhiên, việc phân chia đất đai chỉ là một chiêu bài tuyên truyền chứ không hề là sự thực. Bởi chỉ một thời gian ngắn sau việc phân chia này, Cộng Sản đã tiến hành tổ chức hợp tác xã nông nghiệp, ép nông dân gia nhập. Thế là tất cả nông dân phía Bắc vĩ tuyến 17 đều phải gia nhập hợp tác xã nông nghiệp và phải nộp cho hợp tác xã tất cả ruộng đất riêng tư của mình. Chẳng những số đất mới được chia, mà cả đất đai do cha ông để lại cũng đều bị lọt vào tay hợp tác xã, tức vào tay nhà cầm quyền Cộng Sản. Toàn thể nông dân trở thành vô sản trong khi nhà cầm quyền Cộng Sản trở thành chủ nhân ông độc quyền sở hữu tất cả ruộng đất nông thôn. CCRĐ đã hiện hình là một tiến trình cướp đất hoàn hảo mà không một nông dân nào dám lên tiếng phản đối vì chưa hết khiếp hãi trước cảnh tra tấn trong CCRĐ không lâu trước đó.

⁽³⁰⁾ Nxb. Văn Hóa của ĐCSVN.

– *Tàn sát người vô tội* : Trong CCRĐ, tất cả địa chủ “Việt gian” hay địa chủ “cường hào ác bá” đều bị tử hình. Nếu những người này đã qua đời trước đó lâu ngày thì vợ con họ bị đem ra xét xử và kết quả không khác. Những địa chủ có liên hệ với các đảng phái quốc gia như Việt Nam Quốc Dân Đảng gọi tắt là Việt Quốc hay Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội gọi tắt là Việt Cách,... dù đã theo Việt Minh tham gia kháng chiến cũng bị tử hình. Cùng chung số phận là những địa chủ đang tham gia các đảng bù nhìn của chế độ Hà Nội như đảng Dân Chủ, đảng Xã Hội... Sau khi kết án, bản án tử hình được thi hành tức khắc và ngay tại chỗ bằng nhiều cách như bị bắn, bị trấn nước, bị phơi nắng và không được ăn uống cho đến chết, hoặc bị đánh đập, bị chôn sống.... Nhiều nạn nhân còn không được phép chôn cất, xác bị để phơi nắng mưa... khiến thân nhân phải hồi lộ các chức việc, rồi ban đêm ăn cắp xác đem đi chôn... Một tư liệu dựa theo tài liệu nước ngoài cho biết số người bị giết trong cuộc CCRĐ năm 1955-1956 ở Bắc Việt từ 120,000 đến 200,000 người. ⁽³¹⁾

Theo tài liệu của đảng Cộng Sản, cuộc CCRĐ đợt 5 (1955-1956) được thực hiện ở 3,563 xã, có khoảng 10 triệu dân, và số người bị sát hại trong đợt này là 172,008 người, trong đó có 123,266 người tức 71,66% sau này được xác nhận đã bị giết oan. ⁽³²⁾

– *Nông nghiệp suy sụp* : Theo tuyên truyền, tiến hành CCRĐ vừa để giành lại quyền lợi cho nông dân vừa để giải quyết những sai lầm của nền nông nghiệp cũ, giúp tăng gia sản lượng nông nghiệp, thắng tiến đời sống dân chúng.

Trên thực tế, cuộc CCRĐ chấm dứt năm 1956 đưa đến kết quả hoàn toàn ngược lại với tình trạng sản lượng giảm

⁽³¹⁾ *Lâm Thanh Liêm, sđd. tt. 203-204.*

⁽³²⁾ *Lịch Sử Kinh Tế Việt Nam 1945-2000 t. 2, 1955-1975 — Hà Nội 2004.*

xuống rõ rệt và đời sống nông dân tụt hậu thê thảm. Lý do vì trong các giai đoạn đầu của cuộc CCRĐ, đất đai bị chia thành nhiều mảnh nhỏ.

Nông dân mới nhận đất chưa có kinh nghiệm tổ chức sản xuất, thiếu tài chánh mua trâu bò dụng cụ, phân bón...để cày cấy. Sau đó, cuối giai đoạn 5, việc suy sụp kéo dài nhiều năm vì nhà nước Cộng Sản đưa ra kế hoạch hợp tác lao động, tổ chức hợp tác xã nông nghiệp và những nông trường quốc doanh tập thể từ khoảng năm 1957, 1958. ⁽³³⁾

— *Đảo lộn luân lý xã hội và tiêu diệt tình người*: Chiến dịch CCRĐ đã khủng bố tinh thần dân chúng, khiến mọi người sợ hãi khép mình vào kỷ luật cai trị Cộng Sản, nhất là đánh tan nề nếp xã hội cũ, làm sụp đổ nền tảng luân lý cổ truyền của dân tộc, tiêu diệt tận gốc rễ tình cảm giữa người với người. Trong khi quyết tâm thực hiện phương châm “*trí phủ địa hào, đào tận gốc, tróc tận ngọn*” — tiêu diệt triệt để bốn thành phần trí thức, phú thương, địa chủ, cường hào — Cộng sản đã khuyến dụ, ép buộc, đe dọa mọi người vu cáo, đấu tố lẫn nhau, dù đó là cha mẹ, vợ chồng, con cái. Do đó, không chỉ xảy ra cảnh đấu tố giữa người với người ngoài xã hội mà trong gia đình cũng xảy ra cảnh đấu tố giữa con cái với cha mẹ, giữa vợ chồng và anh chị em. Lúc đó ở Hà Nội có dư luận còn cho rằng nhà lãnh đạo của đảng Lao Động là tổng bí thư Trường Chinh Đặng Xuân Khu, đã đấu tố cả cha mẹ của ông ta. Vì vậy, ở Hà Nội lưu truyền một câu đối hết sức bất hủ: “*Đấu tố phụ mẫu, tôn thờ Mác-Lê, nhục ầy đòi chề thẳng họ Đặng / Hãm hại sĩ nông, đảo điên văn hóa, tội kia sách chép đưa tên Khu.*”

● KẺ CHỦ MUÒN THỰC SỰ LÀ AI?

Trên thực tế cuộc CCRĐ đã thất bại và là một tội ác. Cho tới nay, tác hại của chiến dịch này thường chỉ nghe

⁽³³⁾ *Bernard Fall, Ho Chi Minh on Revolution.*

nhắc là do Trường Chinh và thuộc cấp của ông ta gây ra. Vì lúc đó Trường Chinh đang là tổng bí thư đảng Lao Động. Nhưng các dẫn chứng sau sẽ soi tỏ kẻ chủ mưu và thủ phạm thực sự là ai.

**01.– Người viết ra cương lĩnh hành động
làm tiền đề cho CCRĐ.**

Hồ Chí Minh là người hiểu rất rõ về nguyện vọng “người cày có ruộng” của nông dân Việt Nam. Khi ở Pháp, do liên hệ với nhóm Phan Chu Trinh – Phan Văn Trường, ông đã có dịp tham gia phổ biến các bài viết lên án thực dân Pháp và các nhà thờ Công Giáo chiếm hữu đất đai. Thời gian hoạt động ở Trung Hoa, ông tiếp thu và nghiên cứu về cách mạng thổ địa tại đây do vừa là phương tiện đấu tranh giai cấp, vừa là cách xây dựng chuyên chế vô sản. Trong lá thư gửi giới lãnh đạo Quốc Tế Nông Dân ngày 08/02/1928, Hồ Chí Minh đã viết: *“Tôi tranh thủ thời gian viết Những Ký Ức Của Tôi về phong trào nông dân, chủ yếu là phong trào Hải Lục Phong, nơi có các xô-viết nông dân. Người anh hùng trong những ký ức của tôi chính là đồng chí Bành Bái, cựu dân ủy nông nghiệp của Xô Viết Quảng Châu và hiện là lãnh tụ của nông dân cách mạng.”*⁽³⁴⁾

Năm 1953 tại hội nghị Nông Hội và Dân Vận Toàn Quốc, Hồ Chí Minh lại nhắc lại: *“... Đồng chí Bành Bái ở Trung Quốc, gia đình đồng chí là đại địa chủ, đại phong kiến, nhưng đồng chí ấy đã tổ chức và lãnh đạo nông dân đấu tranh rất quyết liệt chống địa chủ phong kiến.”*⁽³⁵⁾

Năm 1930, Đảng Cộng Sản Đông Dương — tiền thân của Đảng Cộng Sản Việt Nam — thành lập. Cương lĩnh Đảng này lấy việc chống đế quốc, chống phong kiến, địa chủ, giành ruộng đất về cho nông dân làm sách lược hàng

⁽³⁴⁾ *Hồ Chí Minh Toàn Tập, tập 2 trang 265.*

⁽³⁵⁾ *Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 2 trang 357.*

đầu và sách lược thứ hai của Đảng được ghi rõ: “*Đảng phải thu phục cho được đại đa số dân cày và phải dựa vững vào hạng dân cày nghèo, phải hết sức lãnh đạo cho dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng đánh tróc bọn đại địa chủ và phong kiến*”⁽³⁶⁾

Về chương trình hành động thì hướng đến việc vận dụng thành phần nông dân như diễn tả: “*Đảng tập hợp đa số quần chúng nông dân, chuẩn bị cách mạng thổ địa và lật đổ bọn địa chủ và phong kiến*”⁽³⁷⁾.

Lúc đó Hồ Chí Minh đại diện Quốc Tế Cộng Sản và là người soạn thảo mọi văn kiện thành lập Đảng Cộng Sản Đông Dương. Ít tháng sau, Đảng này đã lãnh đạo nông dân nổi dậy ở nhiều nơi, đặc biệt ở Nghệ An và Hà Tĩnh. Khẩu hiệu “*trí-phú-địa-hào, đào tận gốc, tróc tận rễ*” được dùng làm tiêu đề cho cuộc nổi dậy với mục đích triệt tiêu giai cấp địa chủ và phong kiến.

Như vậy, từ hơn 20 năm trước, Hồ Chí Minh đã vạch rõ đường lối đấu tranh đẫm máu nhằm tiêu diệt thành phần địa chủ mà CCRĐ đầu thập niên 1950 chỉ là bước đi nổi tiếp. Mọi động thái tàn ác trong CCRĐ không hề do khuyết điểm cá nhân nào mà chỉ thể hiện tiêu hướng ấn định bởi cương lĩnh của đảng Cộng Sản. Cương lĩnh đó do Hồ Chí Minh soạn thảo nên phải nói thủ phạm thực sự gây ra các tội ác qua chiến dịch CCRĐ chính là Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, để rõ ràng hơn cần nhìn lại một số hành động cụ thể khác biểu hiện liên hệ giữa Hồ Chí Minh với diễn trình CCRĐ.

02.– Những hành động cụ thể

Ngày 25/01/1953, tại hội nghị 4 Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Lao Động, Hồ Chí Minh chủ tọa, đề ra nhiệm vụ phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện

⁽³⁶⁾ *Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 2 trang 297.*

⁽³⁷⁾ *Hồ Chí Minh Toàn tập, tập 2 trang 299*

giảm tức, đấu tranh chống giai cấp địa chủ phong kiến, tiến đến CCRĐ.

Ngày 12/04/1953, Hồ Chí Minh ban hành sắc lệnh số 150/SL về tịch thu ruộng đất của thực dân Pháp và địa chủ phản động chia lại cho nông dân nghèo.

Ngày 14/11/1953, hội nghị 5 Ban Chấp Hành Trung Ương và hội nghị toàn quốc Đảng Lao Động đã quyết định tiến hành CCRĐ. Trong báo cáo trước Quốc Hội khóa I kỳ 3, Hồ Chí Minh phát biểu: "*Phương châm của Cải Cách Ruộng Đất là phóng tay phát động quần chúng nông dân.*" ⁽³⁸⁾ Cũng trong báo cáo trước Quốc Hội này, Hồ Chí Minh đã ra chỉ tiêu: "*Giai cấp địa chủ phong kiến không đầy 5 phần trăm dân số, mà chúng và thực dân chiếm hết 7 phần 10 ruộng đất...*" ⁽³⁹⁾

Chính chỉ tiêu này và lời kêu gọi "phóng tay" là sự cổ vũ giết người của Hồ Chí Minh mở ra cuộc tàn sát không biết bao con người vô tội.

— *Vụ giết bà Nguyễn Thị Năm* : Thời gian tiến hành giảm tô tiến đến CCRĐ, sáu xã tại huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên được chọn làm thí điểm. Người đầu tiên bị mang ra xử bắn là bà Nguyễn Thị Năm tức bà Cát Hanh Long, là người đã che giấu, nuôi dưỡng các lãnh tụ cộng sản như Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ, Lê Thanh Nghị, Lê Giản... trong thời gian Đảng hoạt động bí mật. Hai con trai bà là Nguyễn Công và Nguyễn Hanh đều theo Việt Minh từ trước 1945. Khi CCRĐ phát động, Nguyễn Công đang là chính ủy trung đoàn và Nguyễn Hanh là đại đội phó bộ đội thông tin.

Trong hồi ký "*Làm Người Rất Khó, Làm Người Xã Hội Chủ Nghĩa Khó Hơn*", cựu phó thủ tướng CHXHCN VN Đoàn Duy Thành cho biết việc bà Năm bị bắn đã gây xôn xao dư luận. Theo Đoàn Duy Thành, việc này có 3 điều

⁽³⁸⁾ – ⁽³⁸⁾ *Hồ Chí Minh Toàn Tập, tập 6 trang 509.*

sai chính sách là :

- Địa chủ kháng chiến được chiếu cố
- Địa chủ kiêm công thương được chiếu cố
- Địa chủ hiến ruộng được chiếu cố.

Và một điều sai đạo lý là “... *bắn một địa chủ là nữ, không phải là cường hào gian ác, trái đạo lý thông thường của người Việt Nam.*”

Ông viết tiếp: “*Sau này khi sửa sai CCRĐ xong, tôi được nghe nhiều cán bộ cao cấp nói lại: “Khi chuẩn bị bắn Nguyễn Thị Năm, Bác Hồ đã can thiệp và nói đại ý: “Chẳng lẽ CCRĐ không tìm được một tên địa chủ, cường hào gian ác là nam giới mà mở đầu đã phải bắn một phụ nữ địa chủ hay sao? Nhưng cán bộ thừa hành báo cáo là đã hỏi cố vấn Trường Chinh và được trả lời là: Hồ đực hay hổ cái, đều ăn thịt người cả!”*

Và thế là cái chết đã đến với bà Năm.

Trong hồi ký “*Những Kỷ Niệm Về Bác Hồ*”, nguyên tổng biên tập báo Nhân Dân, Hoàng Tùng cho biết: “*Chọn địa chủ Nguyễn Thị Năm để làm trước là do có người mách cho cố vấn Trường Chinh. Họp Bộ Chính Trị, Bác nói: “Tôi đồng ý người có tội thì phải xử thôi, nhưng tôi cho là không phải đạo nếu phát súng đầu tiên lại nổ vào một người đàn bà, mà người ấy lại cũng giúp đỡ cho cách mạng, người Pháp nói không nên đánh vào đàn bà, dù chỉ là đánh bằng một cành hoa.” Sau Trường Chinh là cố vấn La Quý Ba đề nghị mãi, Bác nói: “Tôi theo đa số, chứ tôi vẫn cứ cho là không phải.” Và họ cứ thế làm.*”

Trước hết, Hồ Chí Minh có lỗi lớn. Thà rằng không biết gì về chuyện này, và dù không biết, là chủ tịch nước, chủ tịch Đảng cũng phải chịu phần trách nhiệm. Huống hồ Hồ Chí Minh đã biết rõ cụ thể, đã nhận định bà Năm bị xử trí oan, thế mà vẫn giữ im lặng, không can thiệp.

Đây là thái độ vô trách nhiệm.

— *Bài Địa Chủ Ác Ghê*: Trong tập tài liệu *Phát Động*

Quần Chúng Và Tăng Gia Sản Xuất của tác giả C.B. do báo Nhân Dân xuất bản năm 1955, trang 27 và 28, có bài *Địa Chủ Ác Ghê*. Bài này đã đăng trên báo Nhân Dân ngày 21-7-1953 và in lại trong tập tài liệu này. Đúng như nhà báo Thành Tín (Bùi Tín) cho biết, “các phóng viên báo chí các nhà văn hạ phóng tham gia cải cách đã viết sẵn bài tố cáo, lên án, kết tội bà Năm rồi.”

Xin trích đăng toàn bài để bạn đọc cùng suy ngẫm.

“Địa chủ ác ghê.

Thánh hiền dạy rằng: “Vi phú bất nhân.” Ai cũng biết rằng địa chủ thì ác: như bóc lột nhân dân, tô cao lãi nặng, chây lười thuế khóa – thế thôi. Nào ngờ có bọn địa chủ giết người không nháy mắt. Đây là một thí dụ:

Mụ địa chủ Cát Hạnh Long cùng hai đứa con và mấy tên lâu la đã:

– *Giết chết 14 nông dân.*

– *Tra tấn đánh đập hằng chục nông dân, nay còn tàn tật.*

– *Làm chết 32 gia đình gồm có 200 người. Năm 1944, chúng đưa 37 gia đình về đồn điền phá rừng khai ruộng cho chúng. Chúng bắt làm nhiều và cho ăn đói. Ít tháng sau, vì cực khổ quá, 32 gia đình đã chết hết, không còn một người.*

– *Chúng đã hãm chết hơn 30 nông dân. Năm 1945, chúng đưa 65 nông dân bị nạn đói ở Thái Bình về làm đồn điền. Cũng vì chúng cho ăn đói bắt làm nhiều. Ít hôm sau, hơn 30 người đã chết ở xóm Chùa Hang.*

– *Năm 1944-1945, chúng đưa 20 trẻ em mồ côi về nuôi. Chúng bắt các em ở dưới hầm, cho ăn đói mặc rách, bắt làm quá sức lại đánh đập không ngớt. Chỉ mấy tháng, 15 em đã bỏ mạng.”*

Báo Nhân Dân là cơ quan tuyên truyền của Trung Ương Đảng Lao Động Việt Nam nên bài báo phải được duyệt xét kỹ của Trung Ương Đảng trước khi cho phổ biến. Khi đọc bài này, người viết cảm nhận bố cục, hình thức và

văn phong của bài viết rất tương tự với bản Tuyên Ngôn Độc Lập do Hồ Chí Minh đọc tại quảng trường Ba Đình ngày 02/09/1945, phần lên án thực dân Pháp.

Tập tài liệu *Phát Động Quần Chúng Và Tăng Gia Sản Xuất* ghi tên tác giả các bài viết trong đó là C.B. Đây là một trong những bút hiệu của Hồ Chí Minh. Chỉ riêng trong tập 6 (từ 01/1951 đến 07/1954) của bộ *Hồ Chí Minh Toàn Tập* do nhà xuất bản Sự Thật Hà Nội in năm 1989, có 15 bài viết của Hồ Chí Minh ký tên C.B. dù bài *Địa Chủ Ác Ghê* không được nhắc đến trong bộ *Hồ Chí Minh Toàn Tập*.

Tuy nhiên trong *Hồ Chí Minh Biên Niên Tiểu Sử* của nhà xuất bản Sự Thật, tập 5 trang 418 ghi rõ: “*Bài viết của chủ tịch Hồ Chí Minh: Địa Chủ Phản Động Ác Ghê, ký bút danh Đ.X. đăng trên báo Cứu Quốc, số 2459 (ngày 02/11/1953), tố cáo tội ác của một số địa chủ phản động đã cấu kết với thực dân và bù nhìn để phản dân, phản nước, mưu phá hoại chính sách ruộng đất của chính phủ. Chúng là bọn “mặt người dạ thú” và tội ác của chúng là “tuyệt vô nhân đạo.”*”

Như vậy bài viết của Hồ Chí Minh trên báo Nhân Dân đã được đăng lại trên báo Cứu Quốc với bút danh Đ.X.

— *Hồ Chí Minh gọi cuộc tắm máu nhân dân là “Chiến thắng”*: Tại hội nghị Tổng Kết Thành Tích Cải Cách Nông Nghiệp đợt 5, Hồ Chí Minh gửi văn thư đề ngày 1/7/1956 cho đoàn cán bộ CCRĐ, trong đó có đoạn viết: “*Bác thay mặt Đảng và chính phủ gửi lời an ủi gia đình những cán bộ đã hy sinh vì nhiệm vụ, đợt 5 Cải Cách Ruộng Đất rất gay go, phức tạp. Song nhờ chính sách đúng đắn của Đảng và chính phủ, nhờ nông dân hăng hái đấu tranh nên chính sách Cải Cách Ruộng Đất đã thu được thắng lợi to lớn...Giai cấp địa chủ đã bị đánh đổ, các tổ chức ở xã đã được trong sạch hơn v.v...và bản thân cán bộ được thử thách, rèn luyện...*”

Trong lá thư đề ngày 18/08/1956 gửi “*đồng bào nông*

thôn” nhân dịp CCRĐ căn bản đã hoàn thành, Hồ Chí Minh xác định CCRĐ là **“một thắng lợi vô cùng to lớn”** và **“có thắng lợi này là nhờ Đảng và Chính Phủ ta có chính sách đúng đắn.”**

Ông viết tiếp: *“Cải Cách Ruộng Đất là một cuộc đấu tranh giai cấp chống phong kiến, một cuộc cách mạng long trời lở đất, quyết liệt gay go. Lại vì kẻ địch phá hoại điên cuồng; vì một số cán bộ ta chưa nắm vững chính sách, chưa thực đi đúng đường lối quần chúng; vì sự lãnh đạo của trung ương Đảng và Chính Phủ có chỗ thiếu cụ thể, thiếu kiểm tra đôn đốc, cho nên khi CCRĐ đã xảy ra những khuyết điểm sai lầm.”*

Về việc “kẻ địch phá hoại điên cuồng” được ông giải thích: *“Như con giun không biết nhảy, khi ta giẫm lên nó, nó cũng giãy trước khi chết. Giai cấp địa chủ cũng thế.”* ⁽⁴⁰⁾

Mấy năm sau, nhân kỷ niệm 30 năm thành lập đảng CSVN, 06/01/1960, Hồ Chí Minh lại gắn cuộc kháng chiến chống Pháp vào CCRĐ và tuyên bố: *“Buổi đầu kháng chiến, Đảng vẫn tiếp tục thực hiện chính sách giảm tô, giảm tức. Nhưng đến lúc kháng chiến đã phát triển mạnh, cần phải bồi dưỡng hơn nữa lực lượng nhân dân, chủ yếu là nông dân thì Đảng đã cương quyết phát động quần chúng Cải Cách Ruộng Đất hoàn thành thực hiện người cày có ruộng. Nhờ chính sách đúng đắn này, lực lượng kháng chiến ngày càng mạnh thêm và đã liên tục thu được nhiều thắng lợi.”*

Tóm lại, qua quá trình thể hiện từ bài *Địa Chủ Ác Ghê* về vụ án bà Năm tới tuyên bố CCRĐ là “thắng lợi”... chứng tỏ Hồ Chí Minh không ân hận về sai lầm như báo chí cộng sản nhắc. Bản chất CCRĐ là màn kịch đầm máu do Hồ Chí Minh học Trung Cộng và những giọt nước mắt Hồ Chí Minh khóc sau này chỉ là *“nước mắt cá sấu.”*

⁽⁴⁰⁾ *Hồ Chí Minh Toàn Tập, tập 7, trg 507 & tập 8, trg 596.*

03.– Những điểm vô lý

Về mặt hành chính, ngày 2/11/1956, báo Nhân Dân đăng thông báo của hội đồng chính phủ, theo đó:

– Ủy ban CCRĐ không có quyền chỉ đạo nữa, mọi việc sẽ thuộc chính phủ trung ương.

– Hủy bỏ Tòa Án Nhân Dân Đặc Biệt (tức tòa án chuyên đầu tố).

– Hồ Viết Thắng thôi chức phó chủ nhiệm và ủy viên thường trực Ủy Ban CCRĐ Trung Ương, cũng như thứ trưởng Nông Lâm.

– Lê Văn Lương thôi chức thứ trưởng Nội Vụ và chủ nhiệm phòng Nội Chính Chính Phủ.⁽⁴¹⁾

Tuy thế, chẳng bao lâu sau, Trường Chinh được cử làm phó thủ tướng (29/4/1958), rồi chủ tịch Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội (7/7/1960). Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương vẫn giữ các chức vụ quan trọng trong guồng máy cầm quyền Hà Nội, còn Hồ Viết Thắng sau đổi tên là Hồ Thắng, làm thứ trưởng bộ Nông Nghiệp.

Những điều đó chứng tỏ các người này chỉ là kẻ thừa hành chủ trương chính sách của đảng Lao Động lúc đó. Khi chủ trương bị dân phản đối, họ bị làm vật hy sinh để chống đỡ và cứu nguy cho đảng, tạm thời bị huyền chức một thời gian, rồi trọng dụng trở lại. Nếu các kẻ này tự ý làm sai trái chủ trương của đảng Lao Động, thì nếu không bị thủ tiêu hoặc tù tội cũng bị loại luôn, không bao giờ trở lại được chính trường như trường hợp Dương Bạch Mai... trong vụ án mà cộng sản gọi là “*Vụ án tổ chức chống Đảng, chống Nhà Nước ta, đi theo chủ nghĩa xét lại hiện đại và làm tình báo cho nước ngoài.*”

Cho nên có thể bảo Hồ Chí Minh đã dùng “kẻ thế thân” để trốn tránh tội ác của mình vì trên thực tế, chính ông là kẻ chủ mưu và chạy tội khi bị nhân dân lên án.

⁽⁴¹⁾ *Chính Đạo, I-C, sđd. tr. 106.*

04.–Nhận xét chung

CCRĐ là cuộc hành quyết đẫm máu nhân dân vô tội. Nó không chỉ ảnh hưởng đến đời sống nhân dân mà còn ảnh hưởng lâu dài đến kinh tế cùng nền tảng đạo đức. Sự thực đã được chứng minh ở 3 luận điểm:

— Hồ Chí Minh vạch ra cương lĩnh đảng, CCRĐ.

— Sự việc cụ thể khi xử án bà Năm, bài báo “Địa chủ ác ghê”

— Tuyên bố sau CCRĐ và sự vô lý trong việc “xử lý” những người bị cho là có tội trong CCRĐ chứng tỏ một điều: Nếu thực sự “ân nhân” như đã nói thì không thể tuyên bố “CCRĐ là thắng lợi” và những vị như Trường Chinh... không bao giờ có thể ngóc đầu dậy được.

Do đó, phải khẳng định: *CCRĐ là do Hồ Chí Minh chủ trương và điều hành. Hồ Chí Minh là thủ phạm đứng đầu trong một chiến dịch bắt chước toàn bộ theo mô hình lẫn cổ vắn tại chỗ của đảng cộng sản Trung Quốc, dẫn đến cái chết của gần 200,000 người dân vô tội và phá hủy toàn bộ những giá trị đạo đức, quan hệ giữa người và người mà hệ quả đã kéo dài cho mãi đến ngày hôm nay.*

– 18/06/2012





Vài hình ảnh ↑
đấu tố CCRĐ
và màn kịch nước mắt
của
Hồ Chí Minh

← Nạn nhân CCRĐ:
Nguyễn Thị Năm

- Chương 05 :

Dù đau đớn vẫn là sự thật!

Không có gì buồn hơn khi phải khơi lại ký ức buồn. Đó là tâm trạng chung của tất cả.

Tuy nhiên, lịch sử là sự thật cần phải tôn trọng.

Và chúng ta phải chấp nhận cho trái tim rỉ máu khi viết về sự thật đó với ước mong nỗi đau này là nén hương lòng cho những oan hồn trong CCRĐ và được khơi lại chỉ nhằm mục đích không còn những nỗi đau tương tự trong tương lai. Chấp nhận điều này chính là cố biến nỗi đau thành sức mạnh đứng lên lật đổ kẻ thủ ác để nỗi đau chỉ có một lần...!

Do đó, tiếp theo những dòng về nỗi đau Cải Cách, xin được trình bày về những cay đắng mà dân tộc ta đã bị đảng cộng sản bùng bít bấy lâu để bạn đọc có thể theo dõi tường tận tội ác mà đảng cộng sản và Hồ Chí Minh gây ra cho dân tộc. Rất mong đóng góp này sẽ đến tay những người còn tin vào các luận điệu tuyên truyền bóp méo lịch sử, như một đóng góp vào con đường dẫn đến xã hội dân chủ thực sự.

● SỰ CAO THUẾ NẶNG VÀ RUỘNG ĐẤT VÀO TAY AI?

Như thực tế chứng minh, đảng Cộng Sản với cái tên trá hình ban đầu “Đảng Lao Động” và cái tên thực sự sau này là “Đảng Cộng Sản” chỉ là thủ đoạn đánh lừa nhân dân ta. Khẩu hiệu “*Người cày có ruộng*” họ trưng ra khác hẳn với thực tế. Đơn giản nó chỉ là khẩu hiệu mà thôi. Vì sao?

Xin hãy nhìn qua một số khía cạnh sau đây.

01.– Vấn đề lý thuyết và chuẩn bị

Về mặt chủ trương, đầu năm 1951, Hồ Chí Minh đến Moscow nhận lệnh của Stalin và Mao Trạch Đông về làm CCRĐ. Trong hai năm chuẩn bị 1952-1953, đảng Cộng Sản thực tế chỉ có nguyên hình thức đã làm tại Trung Cộng, rồi luật hóa các chính sách đó để cưỡng bức người dân phải theo pháp luật mà họ áp đặt. Trên thực tế họ đưa ra liên tiếp hơn 10 sắc lệnh trong thời gian ngắn khoảng 2 năm. Một vấn đề lớn như CCRĐ cần phải có thí điểm, rút kinh nghiệm, bổ sung, điều chỉnh chứ sao có thể quyết định ồ ạt mà không cần biết đến hậu quả như vậy?

Đơn giản vì đảng cộng sản Việt Nam cam tâm làm chư hầu cho Trung Cộng, coi việc CCRĐ như một cuộc dạo chơi chính sách, thử nghiệm cướp đất của nhân dân. Vậy thì làm gì có chuyện dân cày có đất. Đó chỉ là khẩu hiệu suông.

Trong hai năm chuẩn bị, đảng cộng sản không hề để thời gian điều tra nghiên cứu xem thực tế tình hình ruộng đất, nhà cửa, phân bố dân cư và trình độ lao động. Họ chỉ chờ ra quyết định để áp đặt những điều vô nghĩa. Điều đó cho thấy đảng cộng sản không hề nghĩ đến việc cho “*người cày có ruộng*” thật sự, “*có ruộng*” lâu dài để nền kinh tế phát triển, để thật sự cải thiện đời sống người dân. Đơn giản, họ chỉ nghĩ bây giờ đảng cộng sản nắm được chính quyền rồi, đã có “*chuyên chính vô sản*” và muốn làm sao cũng được, người dân phải cúi đầu chịu.

Chính vì vậy phải làm “*cuộc cách mạng long trời lở đất*” để “*tiêu diệt giai cấp địa chủ*”, để mọi tầng lớp phải khiếp đảm, tạo điều kiện thuận lợi thực hiện nhiệm vụ của chuyên chính vô sản như Lenin đã dạy cho họ là “*xây dựng chủ nghĩa xã hội, bước đầu của chủ nghĩa cộng sản.*” Cái đích mà Đảng cộng sản nhắm không phải “*người cày có ruộng*” mà chính là thực hiện nhiệm vụ của chuyên chính

vô sản. Qua điều này, đảng cộng sản thực sự là kẻ cướp, muốn cướp của nhân dân ngay từ trong suy nghĩ. Họ chỉ nghĩ cho bản thân chủ nghĩa cộng sản, không hề có chút tình thương giành cho dân tộc. Đó là một tội ác.

02.– Các vấn đề thực tế trong và sau CCRĐ

— *Vấn đề thuế nông nghiệp*: Thuế nông nghiệp tính trung bình 17 kg lúa trên một đầu người trong gia đình theo số liệu từ cuốn *Lịch Sử Kinh Tế Việt Nam*, xuất bản tại Hà Nội năm 2004. Thuế đóng bằng lúa phơi khô, quạt sạch, gánh đến nạp kho cơ quan thu thuế. Điều khiến nông dân khổ sở là cách cân của cán bộ cộng sản luôn vượt quá mức quy định. Theo *Lịch Sử Kinh Tế Việt Nam*, “*thuế này tính theo phương thức lũy tiến hằng năm, nên năm sau cao hơn năm trước. Thuế nông nghiệp có thể đóng bằng tiền, và giá lúa quy định cao hơn giá thị trường.*”

Nhiều nông dân không chịu nổi thuế nông nghiệp, trả lại đất được phân phối nhưng không ai nhận. Nông dân phải tiếp tục giữ đất để canh tác trong khi thiếu hỗ trợ về vốn, lúa giống, dụng cụ canh tác, trâu bò..., mức sản xuất xuống thấp hơn so với trước kia. Như vậy, chính sách thuế do cộng sản đặt ra với nông dân còn cay nghiệt hơn mức sưu cao thuế nặng thời Pháp thuộc và cho thấy đảng cộng sản thực chất chỉ là một dạng thực dân bóc lột kiểu mới.

— *Vấn đề sở hữu ruộng đất*: Như đã đề cập, đất đai sau khi cải cách lại rơi vào tay nhà nước. Chính quyền tổ chức hợp tác xã nông nghiệp, ép nông dân phải gia nhập. Quá khiếp sợ trước cảnh tra tấn trong CCRĐ, không một ai dám phản đối. Thế là tất cả nông dân bắc vĩ tuyến 17 đều gia nhập hợp tác xã, ruộng đất riêng tư của nông dân đều phải nộp cho hợp tác xã, và trở thành ruộng đất tập thể của hợp tác xã. Không chỉ phần đất được chia mà cả đất đai do cha ông để lại cũng lọt vào tay hợp tác xã, tức vào tay nhà cầm quyền cộng sản. Toàn thể nông dân trở thành vô sản,

còn nhà cầm quyền thành chủ nhân độc quyền tất cả ruộng đồng nông thôn. Thật là tiến trình cướp đất hoàn hảo mà không nông dân nào dám lên tiếng. Và như tài liệu của đảng cộng sản, ⁽⁴²⁾ “*Cải Cách Ruộng Đất đã tịch thu của bọn địa chủ và cường hào 760 ngàn mẫu ruộng đất canh tác, 112,000 con trâu bò và gia súc, 26,000 tấn thực phẩm, lương thực...*” Như vậy trong thực tế, nông dân đã bị đảng cộng sản lừa bịp khéo léo. Đảng cộng sản đã kích động bằng “*người cày có ruộng*” rồi sau CCRĐ đã “*sửa sai*” bằng cách thu lại ruộng đất của chính những nông dân này thông qua cái gọi là hợp tác xã nông nghiệp. Trong cuốn *Lịch Sử Kinh Tế Việt Nam* có đoạn: “*Năm 1959 có 55% hộ nông nghiệp vào hợp tác xã. Đến năm 1960 đã có 2.404.800 (85,83% hộ nông dân) làm việc trong 40.200 hợp tác xã cấp xóm, cấp thôn.*”

Năm 1961, các hợp tác xã trên nhập lại thành hợp tác xã quy mô cấp xã. “*Cuối năm 1960 đầu 1961, ở các thành phố, thị xã, thị trấn đã có 263.600 hộ thủ công (81%) vào hợp tác xã thủ công, 102.000 hộ tiểu thương (45,1%) vào hợp tác xã mua bán.*” ⁽⁴³⁾

Thu nhập bình quân đầu người ở các hộ xã viên hợp tác xã nông nghiệp có sự bất bình thường về cơ cấu. Trong tổng thu nhập của họ, khoản thu nhập trong hợp tác xã nhỏ hơn thu nhập ngoài hợp tác xã, trong khi 95% ruộng đất và toàn bộ công cụ trâu, bò, cày, bừa... đều nhập vào tập thể.

Phần 5% ruộng đất chia về các hộ chỉ tạo thêm thu nhập phụ mà thường là các thửa ruộng đầu thừa đuôi thẹo. “*Năm 1961: Tổng thu nhập bình quân đầu người là 11,50 đồng/tháng, trong đó thu nhập trong hợp tác xã là 4,5 đồng, còn thu nhập ngoài hợp tác xã là 7,0 đồng.*” ⁽⁴⁴⁾

⁽⁴²⁾ *Những Điều Cần Nhìn Lại Sau CCRĐ* - Nxb Văn Hóa.

⁽⁴³⁾ *Lịch Sử Kinh Tế Việt Nam* – Hà Nội 2004.

⁽⁴⁴⁾ *Lịch Sử Kinh Tế Việt Nam* – Hà Nội 2004.

Tóm lại, sau cải cách ruộng đất, người dân ngoài việc bị giết oan vô tội và còn chịu cảnh sưu cao thuế nặng từ chính quyền luôn tự xưng là cách mạng, và còn bị cướp đất một cách “hợp pháp.” Đời sống nhân dân bị o ép khó khăn và khổ sở dưới ách thống trị của đảng cộng sản.

● NHỮNG CON SỐ BIẾT NÓI

Thông kê của nhà nước trong cuốn *Lịch Sử Kinh Tế Việt Nam* tập 2 ghi đã có 172.008 người bị quy vào thành phần địa chủ và phú nông là những người bị xếp vào loại kẻ thù của nhân dân, bị “đào tận gốc, tróc tận rễ” nếu không bị bắn tại chỗ thì cũng lãnh án tù rồi chết trong nhà giam.

Con số này có thể thiếu chính xác do thống kê sai số là tất yếu, nhưng số nạn nhân không thể thấp hơn vì được ghi trong *Văn Kiện Đảng Toàn Tập* do nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia ấn hành, và vì không nói gì đến số người bị kết án là Quốc Dân Đảng bị bắn ngay tại chỗ. Trong số này, có cả những đảng viên cộng sản trung kiên mà trước khi chết vẫn hô to khẩu hiệu “*đảng Cộng Sản muôn năm.*” Hơn nữa, sai số không thể quá lớn trong thống kê của nhà nước. Như vậy có thể nói số người bị giết ít nhất là khoảng gần 200.000.

Năm 1956 là năm Hồ Chí Minh và đảng Lao Động công khai lên tiếng nhận sai sót trong quá trình thực hiện Cải Cách Ruộng Đất, rồi thực hiện một số biện pháp kỷ luật và tiến hành sửa sai. Bản thống kê chính thức cho biết “*trong số 172.008 người bị quy là địa chủ và phú nông trong cải cách ruộng đất thì 123.266 người bị quy sai, tức là bị oan. Tính theo tỷ lệ là 71,66%.*”

Chưa bao giờ và ở đâu tỷ lệ giữa số bị oan và nạn nhân lại cao đến thế. Nhà thơ cộng sản Tố Hữu lúc đó là trưởng ban tuyên truyền trung ương đảng sau này đã phải nói: “*Không thể tả hết được những cảnh tượng bi thảm mà những người bị quy oan là địa chủ, ác bá (thực tế là trung nông) phải chịu đựng ở những nơi được phát động.*”

Và như đã nêu về 2 nguồn dữ liệu xin nhắc lại ở đây. Dựa vào tài liệu các nước ngoài, giáo sư Lâm Thanh Liêm cho rằng số người bị giết trong CCRĐ năm 1955-1956 ở Bắc Việt có thể từ 120 ngàn người đến 200 ngàn người.

Trong khi đó, cuốn *Lịch Sử Kinh Tế Việt Nam 1945-2000* tập 2, viết về giai đoạn 1955-1975 đã cho biết “CCRĐ đợt 5 (1955-1956) được thực hiện ở 3,563 xã, có khoảng 10 triệu dân, và tổng số người bị sát hại trong CCRĐ đợt này lên đến 172,008 người, trong đó có 123,266 người (71,66%) sau này được xác nhận đã bị giết oan.”

Bổ sung cho những sự thật không thể chối bỏ này là thống kê sau về tội ác của đảng CSVN : “*Tổng cộng chiến dịch Giảm Tô tịch thu của địa chủ, phú nông 31.110 tấn thóc tô, 15.475 ha ruộng, 8.246 trâu bò. Tổng cộng chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất tịch thu của địa chủ 810.000 ha ruộng, 106.448 trâu bò, 1.846.000 nông cụ, 148.565 ngôi nhà. Số tài sản này được phân chia cho 2.104.138 hộ bản nông, trung bình mỗi hộ được 0,38 ha, 0,87 nông cụ, 0,071 ngôi nhà. Số lượng người bị giết trong chương trình Cải Cách Ruộng Đất là không thể thống kê chính xác và còn gây tranh cãi. Nhưng theo chủ trương ở một số địa phương phải tìm cho ra tỷ lệ 5% địa chủ, "Việt gian" để mang ra đấu tố thì con số sẽ không ít.*”(45)

Cuốn *Ownership Regimes in Vietnam* nêu số người chết là “165,230 người bị bắt oan sai” và “có khoảng 70% trong số này bị giết hại bằng tử hình tại chỗ hoặc chết trong ngục tù.” Dù với số nào thì vẫn là con số khủng khiếp mà đảng cộng sản đã gây ra ở miền Bắc trong thời gian thực hiện Cải Cách Ruộng Đất. Với những con số đau thương này, dân ta cần nhìn thấu đáo hơn về đảng CSVN. Họ là những kẻ diệt chủng man rợ ngay cả với đồng bào mình còn dã man hơn cả Hitler vì Hitler không giết người Đức.

(45) vi.wikipedia.org/wiki/Cải_cách_ruộng_đất_tại_miền_Bắc_Việt_Nam

● THÊM BẢNG CHỨNG VỀ KẺ CHỦ MƯU.

01.–Hai bức thư Hồ Chí Minh gửi Stalin.

Như đã trình bày, Hồ Chí Minh và đảng cộng sản thực hiện CCRĐ là do *chủ trương của thế giới cộng sản*. Hồ Chí Minh nhận chỉ thị từ Stalin và Mao Trạch Đông để rập khuôn cuộc CCRĐ tại Việt Nam theo khuôn Trung Cộng.

Năm 1949, Trung Cộng chiếm Hoa lục, thành lập nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, thừa nhận chính phủ VNDCCH của Hồ Chí Minh ngày 18/1/1950.

Tiếp theo, Liên Xô thừa nhận ngày 30/1/1950.

Tháng 2/1950, Hồ Chí Minh qua Bắc Kinh và Moscow xin viện trợ.

Gặp Hồ Chí Minh, Stalin ra lệnh làm ngay hai việc: *thứ nhất, tái hiện đảng Cộng Sản và thứ hai, đẩy mạnh CCRĐ theo đường lối Cộng Sản.*⁽⁴⁶⁾ Stalin chỉ đạo Hồ Chí Minh cử người qua Trung Cộng học tập phương pháp CCRĐ triệt để, vì lúc đó mỗi liên lạc Xô - Trung còn bình thường và vì Việt Nam nằm sát biên giới Trung Cộng.

Tài liệu cụ thể là lá thư ngày 31/10/1952 của Hồ Chí Minh gửi xin chỉ thị từ Stalin lưu trên trang Web của Ban Tuyên Giáo Trung Ương đảng Cộng Sản Việt Nam.

Lược dịch như sau:

“Đồng chí Stalin thân mến:

Xin gửi Ngài chương trình Cải Cách Ruộng Đất của Đảng Lao Động Việt Nam. Chương trình hành động được lập bởi chính tôi dưới sự giúp đỡ của đồng chí Lưu Shao Shi, Văn Sha San.

Đề nghị ngài xem xét và cho chỉ dẫn.

Gửi lời chào cộng sản.

Hồ Chí Minh, 31/10/1952

⁽⁴⁶⁾ <http://tennguoidepnhat.net/2012/04/06/về-chuyển-tham-bi-mật-lien-xo-va-trung-quoc-nam-1950>

80

Дорогому товарищу И.В. Сталину

Направляю Вам проект аграрной программы партии Трудящихся Вьетнама. Проект программы был составлен мною при помощи товарищей Лю Шао-цзи и Ван Цзи-сян. Прошу Вас ознакомиться с ним и дать Ваши указания по нему.

С коммунистическим приветом!

(Хо Ши Мин)

31 октября 1952г. *Ho Chi Minh*

Копии посланы тов. Сталину,
Молотову, Громыко.
1. X. 1952. W C-54/04)

Đoạn thư trên rõ ràng khẳng định Hồ Chí Minh đã nhận phạt chửi hùa cho Trung Cộng, Liên Xô và vạch ra chương trình hành động cho thấy Hồ Chí Minh là người cầm đầu tội ác CCRĐ.

Một ngày trước đó, 30/10/1952, Hồ Chí Minh đã gửi bức thư khác về vấn đề CCRĐ cho Stalin.

NHỮNG SỰ THẬT CẦN PHẢI BIẾT * 101

Lược dịch như sau:

Đồng chí Stalin kính mến

Tôi đã bắt đầu soạn thảo đề án cải cách ruộng đất của Đảng Lao Động Việt Nam, và sẽ giới thiệu với đồng chí trong thời gian tới.

Tôi gửi tới đồng chí một số yêu cầu, và hy vọng sẽ nhận được chỉ thị của đồng chí về những vấn đề này.

1. Cử một hoặc 2 đồng chí Liên Xô tới Việt Nam để làm quen và tìm hiểu thực trạng ở đó. Nếu như các đồng chí đó biết tiếng Pháp đủ để có thể giao tiếp với nhiều người. Từ Bắc Kinh tới chỗ chúng tôi đi đường mất khoảng 10 ngày.

2. Chúng tôi muốn gửi tới Liên Xô 50-100 du học sinh, với trình độ văn hóa lớp 9 ở Việt Nam, trong số họ có người là đảng viên và cũng có người chưa phải là đảng viên, độ tuổi của họ từ 17-22. Đồng chí nhất trí về vấn đề này chứ.

3. Chúng tôi muốn nhận từ phía các đồng chí 10 tấn thuốc kí ninh (thuốc sốt rét) cho quân đội và dân thường, có nghĩa rằng 5 tấn trong nửa năm.

4. Chúng tôi cần những loại vũ khí sau:

(a) Pháo cao xạ 37 li cho 4 trung đoàn, tất cả là 144 khẩu và 10 cơ số đạn cho mỗi khẩu pháo.

(b) Pháo trận địa 76,2 li cho 2 trung đoàn, tất cả là 72 khẩu và 10 cơ số đạn cho mỗi khẩu

(c) 200 khẩu súng phòng không 12,7 li và 10 cơ số đạn cho mỗi khẩu.

Sau khi nhận chỉ thị của đồng chí về những vấn đề trên, tôi dự định vào ngày mừng 8 hoặc là mừng 9 tháng 11 sẽ rời khỏi Moscow.

Gửi tới đồng chí lời chào cộng sản và lời chúc tốt đẹp nhất.

Hồ Chí Minh

30-10-1952

86

Дорогому товарищу У.В. Сталину

Я надел составленные праски
краткой программы партии
трудящихся Вьетнама, которой
было представлено Вам несколько
копий.

Обращаюсь к Вам со следующим
просьбой, по которой надеюсь
получить от Вас указаний:

1. Откомандировать в Вьетнам одного
или двух советских товарищей для
организации и изучения политической
ситуации. Если эти товарищи владеют
французским языком, то они могли
бы общаться с более широким кругом
лиц. Из Пекина дослать до нас
необходимое около 10 дней.

2. Хотел бы мы направить в СССР
на учебку 5 дней 4х полков, всего 144 шт. и по
в Вьетнаме 10 боекомплектных к каждой пушке.
них имелось (б) 76.2 мм. полевые пушки для
нее, их двух полков, всего 72 шт. и по 10
Согласно боекомплектных к каждой.

3. Хотел бы 10 (в) 12.7 мм. зенитные пулеметы - 200 шт.
наших и по 10 боекомплектных к каждому.

по пяти После получения от Вас указаний
4. Хотел бы выше-указанным войскам, я
вооружен камерами числа 8^{го} или 9^{го} ноября
(а) выехать из Москвы.

С коммунистическим приветом и
коммунистическими пожеланиями!

! Хо Ши Мин !

30 октября 1952.

胡志明

Bức thư này có 2 điều khá quan trọng.

Điều thứ nhất: *“Tôi bắt đầu soạn thảo đề án cải cách ruộng đất của Đảng Lao Động Việt Nam, và sẽ giới thiệu với đồng chí trong thời gian tới.”* Điều này khẳng định thêm việc Hồ Chí Minh làm chủ hầu và chính ông ta là người thảo đề án khủng khiếp sau này và là kẻ chủ mưu trong CCRĐ đẫm máu.

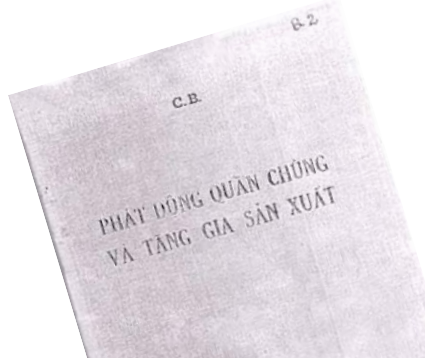
Điều thứ hai: Hồ Chí Minh đã cầu xin Liên Xô cung cấp vũ khí. Như đã từng chứng minh, thực sự trong thời điểm trước 1960, miền Bắc không chịu áp lực quân sự từ Mỹ và VNCH. Như vậy càng có thể khẳng định việc xin vũ khí chính là nhằm gây ra cuộc chiến huynh đệ tương tàn với VNCH. Hồ Chí Minh đã xin vũ khí ở thời điểm không chịu áp lực quân sự nên đây là mưu đồ nhuộm đỏ Việt Nam của phe cộng sản và Hồ Chí Minh là điều lý giải cho sự kiện này. Một điểm đáng lưu ý nữa là cuối thư, Hồ Chí Minh đã ký thêm tiếng Tàu. Hai lá thư trên đều là tài liệu của Cục Lưu Trữ quốc gia Liên Bang Nga ⁽⁴⁷⁾ cho thấy Hồ Chí Minh không chỉ soạn thảo chủ trương CCRĐ theo ý chỉ của Liên Xô và mô hình Trung Cộng mà còn là kẻ chủ mưu gây chiến tại Việt Nam nên vừa có tội lớn trong CCRĐ vừa có thể coi như một dạng tội phạm chiến tranh.

02.– Bút danh C.B là của Hồ Chí Minh

Như đã nêu, Hồ Chí Minh có tội trong cái chết của bà Nguyễn Thị Năm. Chính Hồ Chí Minh đã làm gương cho cán bộ đảng viên trong việc đầu tở này. Năm 1952, trong thí điểm CCRĐ tại 6 xã thuộc huyện Đại Từ Thái Nguyên, tòa án nhân dân đã kết án tử hình Nguyễn Thị Năm tức bà Cát Hanh Long, một ân nhân của đảng Lao Động, người từng che chở, nuôi ăn Hồ Chí Minh và hầu hết các lãnh tụ đảng Lao Động. Khi bị đầu tở, bà kêu cứu đến Hồ Chí Minh.

⁽⁴⁷⁾ [http://www.rusarchives.ru/evants/exh ...tnam1/22.shtml](http://www.rusarchives.ru/evants/exh...tnam1/22.shtml)

Hồ Chí Minh biết chuyện nhưng bỏ mặc cho bà bị giết thê thảm. Chuyện thật đúng với câu tục ngữ: “*Giúp vật, vật trả ân, giúp nhân, nhân trả oán.*” Hồ Chí Minh đã tố cáo cái gọi là “tội ác” của bà Năm trong bài “*Địa chủ ác ghê*” nêu ở trên. Xin thêm bằng chứng bút danh C.B chính là Thê của Hồ Chí Minh qua vài hình ảnh liên quan.



ĐỊA CHỦ ÁC GHE

Thánh hiền dạy rằng: “*Vi phú bất nhân.*” Ai cũng biết rằng địa chủ thì ác: Như bóc lột nông dân, tởn ăn lãi nặng, chửi mắng thuê khố—thú thôi. Nào ngờ có bọn địa chủ giết người không chớp mắt. Đây là một thí dụ:

Mẹ địa chủ Cát-hành-Long cũng hai đứa con và mấy tên lâu la đó:

— Giết chết 14 nông dân.

— Tre tấn đánh đập hằng chục nông dân, nay còn sắn tỵ.

— Lắm chết 32 gia đình gồm có 200 người — Năm 1944, chúng đưa 37 gia đình và đàn điền phá rừng khai ruộng cho chúng. Chúng bắt, làm nhiều, mà cho ăn đói. 11 tháng sau, vì cực khổ quá, 32 gia đình đã chết hết, không còn một người.

— Chúng đã hãm chết hơn 30 nông dân — Năm 1945, chúng đưa 65 nông dân bị nạn đói ở Thái-bình về làm đồn điền. Chúng vì chúng cho ăn đói, bắt làm nhàn. 11 hôm sau, hơn 30 người đã chết ở đồn Chùa Hàng.

— Năm 1944—45, chúng đưa 20 trẻ mồ côi và nuôi. Chúng bắt các em đi ở dưới hầm, cho ăn đói mặc rách, bắt làm quá sức, lại đánh đập không ngớt. Chỉ mấy tháng, 15 em đã bỏ mạng.

Thế là ba mẹ con địa chủ Cát-hành-Long, đã trực tiếp, gián tiếp giết chết ngót 200 đồng bào!

Còn những cách chúng tra tấn nông dân thiếu tổ thiếu mẹ, thì làm nhàn không làm gì bọn thực dân Pháp. Thí dụ:

27

— Trời nồm, chúng bắt nông dân cõng trên, rồi dội nước lạnh vào người. Hoặc bắt đi tắm nước lạnh có lỗ thủng, nước rò từng giọt vào đầu, vào tai, đau buốt tận óc, tựa ruột.

— Chúng trái chốt nông dân, treo lên xà nhà, kéo lún kéo xuống.

— Chúng dùng giống trâu vào mùa nông dân, làm cho gầy rộc, hộc máu. Bơm nước vào bụng, rồi đâm lún bụng cho nó nước ra.

— Chúng đổ nước cá, nước mắm vào mặt nông dân, làm cho nôn sặc lên.

— Chúng lấy nứa đốt vào mình nông dân, làm cho cháy da hồng thối.

— Đó là chưa kể lại phần cách mạng của chúng. Trước kia, mẹ con chúng đã thẳng đồng với Pháp và Nhật để bắt bóc các bộ. Sau Cách mạng tháng-Tám, chúng đã thẳng đồng với giặc Pháp và Việt gian bỏ nhìn để phá hoại kháng chiến.

Trong cuộc phát động quần chúng, đồng bào địa phương đã đưa đủ chứng cứ rõ ràng ra tố cáo. Mẹ con mẹ Cát-hành-Long không thể chối cãi, đã thừa nhận thật cả những tội ác hai nước hợp tác. Thật là:

Viết không hết tội, dù chết hết tre rừng.

Hầu không sạch ác, dù rửa sạch nước biển!

(21-7-1953)

«DÀN BÀ DỄ CÓ MẤY TAY...»

Trong các cuộc phát động quần chúng, người ta thấy rằng địa chủ rất sợ cộng hang ác, gian xảo, ngoan cố, không làm địa chủ được. Một ví dụ:

28

Tập tài liệu *Phát Động Quần Chúng Và Tăng Gia Sản Xuất* ghi tác giả các bài viết trong đó là C.B, một bút hiệu của Hồ Chí Minh và như đã nhắc, riêng tập 6 (từ 01/1951 đến 07/1954) bộ *Hồ Chí Minh Toàn Tập* do Sự Thật in năm 1989, đã có 15 bài viết ký tên C.B. Sự việc cho thấy Hồ Chí Minh đã ngoảnh mặt bỏ ân nhân chết dưới chính bàn tay của mình. Và cũng chính Hồ Chí Minh là người lên án bà Năm — một người có công với cách mạng. Đó là một sự ác độc và vong ân bội nghĩa, không xứng với đạo đức dân tộc.

● KẾT LUẬN CHUNG

Hồ Chí Minh và đảng cộng sản phải chịu trách nhiệm trước dân tộc về cái chết oan ức của gần 200.000 người vô tội và kẻ chủ mưu gây ra những cái chết đó đã được chỉ rõ chính là Hồ Chí Minh.

Biện minh về số người chết ra sao thì vẫn là tội ác vì không phải một người chết oan. Và biện minh do dân trí thấp và bần cố nông nông nổi là gượng ép. Bởi chính Hồ Chí Minh viết cương lĩnh, đề ra kế hoạch hành động với đội ngũ tổ chức từ trung ương đến địa phương, có tòa án của đảng thì đổ tội cho bần cố nông là cực vô lý. Chính quyền tổ chức như vậy mà bần cố nông tự ý thực thi mọi điều được sao? Không! Chính chính quyền đó là kẻ giết người.

Hồ Chí Minh qua bức thư gửi Stalin đã chứng tỏ giấc mộng chư hầu với thế giới cộng sản và giấc mộng quyền lực thông qua chiến tranh. Ông ta là người cầm đầu tổ chức chiến tranh sau này tại Việt Nam. Trên thực tế không chỉ có đau thương từ CCRĐ mà còn rất nhiều bi thảm không thể nêu ra hết.

Đây là bài học xương máu cho dân tộc Việt Nam nhận ra mặt thật của Hồ Chí Minh và đảng cộng sản hầu nỗ lực loại trừ chế độ cộng sản khỏi Việt Nam, tránh cho dân tộc nhận chịu thêm những nỗi đau khôn xiết!.

— 20/06/2012



Ngoài ra, xin bổ sung vài tài liệu quanh cuộc gặp gỡ giữa Hồ Chí Minh với các lãnh tụ khối Cộng Sản Quốc Tế Staline, Khrushchev, Mao Trạch Đông.

01)– Trước tiên là Links của trang <http://tennguoidepnhat.net/2012/04/06/về-chuyến-tham-bi-mật-liên-xo-va-trung-quốc-nam-1950/> ghi lại cuộc gặp giữa Stalin, Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh đã bị đảng xóa mất. Tuy nhiên, một Links khác của Thư Viện Đồng Nai cũng ghi về “*Chuyến đi Liên Xô, Trung Quốc đầu năm 1950 của chủ tịch Hồ Chí Minh*” dù không rõ như links cũ nhưng vẫn mô tả việc Hồ Chí Minh xin vũ khí và Stalin chỉ đạo về CCRD như sau:

“Khi được thông báo về tình hình Việt Nam, Xtalin đã đồng ý với đường lối chiến lược, sách lược của Đảng ta, song cũng ngỏ ý muốn Việt Nam phải nhanh chóng làm cách mạng ruộng đất.

Về quân sự, Xtalin khuyên Việt Nam nên chú trọng toàn bộ vùng rừng núi phía tây, nắm được vùng đó, sẽ nắm được quyền làm chủ đất nước; đồng thời thỏa thuận với Trung Quốc một số giải pháp nhằm hỗ trợ cho cách mạng Việt Nam. Trước mắt, Liên Xô sẽ viện trợ cho Việt Nam một trung đoàn pháo cao xạ 37 ly, một số xe vận tải Môlôtova, thuốc và dụng cụ quân y.”

Thực ra, cả hai lá thư trên vẫn còn lưu ở Cục Lưu Trữ Liên Bang Nga, đồng thời có thể tìm thấy trên <http://diendan.nuocnga.net/showthread.php?p=14989> là trang web do sứ quán Việt Nam tại Nga bảo trợ và thuộc lề đảng.

02)– Cũng ở Link này, có thêm một báo cáo của Hồ Chí Minh với Liên Xô về một chi tiết liên quan đến CCRĐ là việc Hợp Tác Xã hóa như sau:

“Tiếp theo là 2 văn bản có thể nói là rất quý, nếu không được phía Nga giải mật thì chúng ta không bao giờ có dịp được đọc.

Đó là biên bản ghi lại cuộc hội đàm giữa bác Hồ và đồng chí N. Khrushchev - bí thư thứ nhất Đảng CSLX (hồi đó chưa gọi là TBT), tại Pitsunda năm 1956.

Hai bên thông báo cho nhau những vấn đề quốc tế cùng quan tâm và tình hình của mỗi nước. Bác Hồ thông báo với đồng chí Khrushchev là 85% hộ nông dân Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đã vào HTX, quy mô mỗi HTX từ 50 đến 200 hộ nông dân. N. Khrushchev cũng góp ý là không nên thành lập các công xã và tránh mở rộng quá quy mô các HTX."

Н.С.Хрущев. Пока трудно сказать что-либо определенное в отношении даты моего визита в Камбоджу и Бирму. Мы сейчас заняты подготовкой к съезду и решением германской проблемы. Вот когда решим ее, времени будет больше, тогда можно будет обсудить вопрос и о поездке во Вьетнам. Но это будет не скоро. В этом году я должен был посетить КНДР, но не смог поехать. Дальше откладывать эту поездку нельзя. Вероятнее всего, такая поездка будет иметь место в будущем. Одновременно по пути заеду в МНР с тем, чтобы на месте посмотреть, какую помощь можно ей еще оказать. Мы им помогли поднять сельское хозяйство. Сейчас МНР полностью обеспечена своим хлебом и даже продает его за границу.

ХО ТИ МИН благодарит Н.С.Хрущева и советский народ за помощь оказываемую Демократической Республике Вьетнам, особенно рисом. В прошлом году урожай риса в ДРВ был плохим, в результате чего создалась большие трудности в снабжении населения продовольствием. В этом году первый урожай риса хороший. О втором пока ничего не можем сказать, так как иногда за десять дней до сбора он может погибнуть. В заключение Хо Ши Мин спрашивает Н.С.Хрущева, не может ли он еще дать какие-либо советы? Хрущев отвечает, что мало знает Вьетнам. Хотелось бы увидеть его и увидеться с гигантскими рисовыми полями.

Н.С.ХРУЩЕВ отвечает, что мало знает Вьетнам. Хотелось бы только сказать: не создавайте коммуны и не увлекайтесь гигантскими проектами в кооперативном строительстве.

только сказать: не создавайте коммунальные хозяйства в деревнях в кооперативном строительстве.

ХО ШИ МИН говорит, что сейчас в деревне 50 крестьянских семей. В среднем в каждом кооперативе состоит 50 до 200 семей.

крестьянских семей. В среднем в каждой семье 50 до 200 семей.

ХО Ши Мин еще раз сердечно благодарит за беседу и желает доброго здоровья тов. Н.С.Хрущеву.

Беседы записали - М.Подольский и Б.Панков

ЗАПИСЬ БЕСЕД

аря ЦК КПСС тов. Н. С. Хрущева с председателем
ЦК ПТВ тов. Хо Ши Мином

(X) Текст записи тов. Н.С. Хрущевым не просматривался.

ых приветствий тов. Н. С. Хрущев проинформировал
положении дел в промышленности и сельском хозяй-
стве, а также о Советании первых секретарей
тов компартий стран-участниц Варшавского дого-
да в Москве.

ласен ли Запад вести переговоры по германскому

циально западные державы еще не ответили, но
ласны вести переговоры. Это, конечно, пока
«и расчет. Но переговоры несомненно будут.
ые державы к этому, используя для этого все
и дубинку.

7. Кеннеди запросил дополнительные ассигно-

иалисты также пытаются использовать против и пытаются усилить свои позиции на пред- полученных для усиления гонки вооружений но зарабатывают.

что им дорого обойдется.

а расходует только Америка. Англия и дело денег.

мы осуществили ряд мероприятий: на-
значающего группой советских войск в ГДР

В архив
2.11.61 Искерника

– Chương 06 :

TRÍ THỨC CŨNG CHẴNG KHÁ HƠN

Cải Cách Ruộng Đất là cuộc thảm sát với phú nông, địa chủ...trong đó phần lớn là oan sai, còn *Nhân Văn – Giai Phẩm* là câu chuyện trí thức bị tiêu diệt. Lý do rất đơn giản cho sự tiêu diệt đó là họ dám viết, dám nghĩ đúng với những gì họ nhận thấy từ xã hội thối nát của cộng sản. Họ cần nghệ thuật gắn liền với tư tưởng tự do, dân chủ và...đó là cái gai trong mắt cộng sản. Nhắc đến *Nhân Văn – Giai Phẩm* cũng là nhắc lại những sự thật đau đớn của một chế độ muốn ngu dân để cai trị — một chế độ phi nhân tính với những sự thật đáng hổ thẹn cho muôn đời.

● SƠ LƯỢC VỀ NHÂN VĂN GIAI PHẨM

Phong trào Nhân Văn – Giai Phẩm là phong trào được cho là có xu hướng chính trị, đòi tự do dân chủ của một số văn nghệ sĩ và trí thức Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, khởi xướng đầu năm 1955 và bị chính thức dập tắt vào tháng 6 năm 1958. Phong trào này có tờ báo với tên *Nhân Văn*, là tờ báo chuyên về văn hóa, xã hội, có trụ sở tại 27 Hàng Khay, Hà Nội. Chủ nhiệm tờ





báo là Phan Khôi và Trần Duy là thư ký tòa soạn. Cùng thời điểm còn có tạp chí *Giai Phẩm* do một số nhà thơ chủ trương và từ đó hình thành nhóm Nhân Văn – Giai Phẩm.

Mục tiêu hoạt động của nhóm NVGP là giúp cho sự tự do suy nghĩ, tự do sáng tác của giới văn nghệ, hướng tới một quan điểm nghệ thuật vị nghệ thuật thực sự. Nghệ thuật theo tiêu chí của nhóm này phải tách khỏi chủ trương tô hồng cách mạng giả dối trong vai trò văn nô cho chế độ. Xin cùng nhìn lại một số ví dụ nhỏ để thấy chủ trương hết sức hợp lý của nhóm NVGP lúc đó.

Tạp chí *Giai Phẩm Mùa Xuân* tháng Giêng 1956 do nhà thơ Hoàng Cầm và Lê Đạt chủ trương, về sau bị tịch thu, có bài “*Nhất định thắng*” của Trần Dần, miêu tả hoàn cảnh đời sống miền Bắc xã hội chủ nghĩa những ngày đầu đất nước chia cắt. Tác giả bài thơ bị qui kết chống phá, “*bôi đen*” chế độ với những câu thơ:

*Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
trên màu cờ đỏ*

Nhân Văn số 3 ngày 15/10/1956 đăng bài của Trần Đức Thảo về mở rộng dân chủ, phát triển phê bình trong nhân dân. Trần Duy góp tiếng đấu tranh cho tự do dân chủ trong Nhân Văn số 4 ngày 5/11/1956. Trong Nhân Văn số 5, số cuối cùng, Nguyễn Hữu Đang nhận xét về những điều bảo đảm tự do dân chủ trong Hiến Pháp Việt Nam 1946 và so sánh với tình hình thực tế lúc bấy giờ.

Ngày 15/12/1956, Ủy Ban Hành Chính Hà Nội ra thông báo đóng cửa báo Nhân Văn. Số 6 không được in và phát hành. Tổng cộng Nhân Văn ra được 5 số và Giai Phẩm ra được 4 số Tháng Ba, Tháng Tư, Tháng Mười và Tháng Chạp 1956 trước khi phải ngừng xuất bản.

Sau đó, hầu hết văn nghệ sĩ tham gia phong trào Nhân Văn – Giai Phẩm bị đưa ra toà, rồi đi cải tạo, trong số này có người bị giam giữ một thời gian dài, tiếp tục bị giám sát nhiều năm sau khi mãn tù như trường hợp Nguyễn Hữu Đang, Lê Đạt, Trần Dần... và hầu hết đều bị treo bút không được tiếp tục con đường sự nghiệp văn chương. Dư luận chung gọi đây là “*Vụ án Nhân Văn – Giai Phẩm*.”

Đa phần văn nghệ sĩ trong nhóm là những nghệ sĩ nổi tiếng, tinh túy của nền văn học nghệ thuật Việt Nam. Họ thực sự là những trí thức đáng kính với tư tưởng tự do, dân chủ nhưng đã bị đảng cộng sản kìm kẹp, bức bách cả về tư tưởng lẫn thân thể. Ất hẳn mọi người không thể quên nhà thơ Hữu Loan đắm thắm nhưng cương trực với *Màu Tím Hoa Sim* bất hủ. Ông cũng như hàng chục văn nghệ sĩ đã bị đảng cộng sản vu khống, chụp mũ cho tư tưởng chống đảng, phản động. Thực sự họ có tội hay không?

● HỌ KHÔNG PHẢI LÀ PHẢN ĐỘNG.

Nói là phản động thì đảng cộng sản là bậc thầy về chụp mũ và quy kết, nhưng phải hiểu thế nào là phản động. Thực tế một xã hội muốn phát triển và tiến bộ thì phải không ngừng vận động. Phản động ở đây có nghĩa là đứng

yên, không vận động, là chống lại sự tiến bộ đó. Phản động là một từ có nghĩa đen, không có nghĩa bóng, mang ý nghĩa tiêu cực. Tuy nhiên bản thân các văn nghệ sĩ ở đây hoàn toàn hoạt động nghệ thuật theo tư tưởng ôn hòa, dân chủ, tự do nên không thể coi là phản động. Bản thân sự phản ánh trung thực của họ là có lợi cho tiến bộ xã hội. Đảng cộng sản đã đánh đồng khái niệm chống ách độc tài của họ với việc chống lại sự phát triển của xã hội. Đó là sự vu khống vô cùng bẩn thỉu.

01.– Họ đã nói gì?

Phong trào Nhân Văn – Giai Phẩm quy tụ những trí thức can đảm nhất ở miền Bắc Việt Nam trong thời đại của họ. Sau bài thuyết trình của Nguyễn Mạnh Tường, trong hai số Nhân Văn vào tháng 11/1956, Nguyễn Hữu Đang đã hai lần nêu cao chủ trương cần thiết lập một chế độ pháp trị. Ông nêu các điều trong Hiến Pháp 1946 bảo đảm quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do hội họp, tự do cư trú, tự do đi lại vv... cho công dân. Điều 11 nói: *“Tư pháp chưa quyết định thì không được bắt bớ giam cầm người công dân Việt Nam”* nhưng ngay thời đó các nhà trí thức như Phan Khôi, Nguyễn Mạnh Tường, Đặng Đình Hưng cũng bị đi “cải tạo” không thời hạn; các văn nghệ sĩ như Trần Dần, Tử Phác vô cớ bị bắt giam ... NVGP là một đợt bột phát trào lưu tư tưởng dân chủ ở miền Bắc có tiền đề ngay từ khi hình thành nhà nước VNDCCH lưỡng sinh giữa dân chủ tư sản và đảng trị cộng sản tiến dần đến mô hình kiểu chủ nghĩa Mao, phát sinh trên nhiều lĩnh vực đời sống xã hội nhưng mạnh mẽ nhất là lĩnh vực ngôn luận mà lực lượng hăng hái nhất là trí thức khoa học xã hội và văn nghệ sĩ, tập trung quanh tạp chí Nhân Văn và tập san Giai Phẩm.

Sẽ cần phải nghe lại ý kiến của Nguyễn Hữu Đang khi trả lời phỏng vấn của Thụy Khuê tháng 9/1995 về thực chất của phong trào Nhân Văn – Giai Phẩm: *“Thực chất phong*

trào Nhân Văn – Giai Phẩm, nếu đứng về mặt chính trị, thì đó là một cuộc đấu tranh của một số người trí thức, văn nghệ sĩ và một số đảng viên về chính trị nữa, là chống, không phải chống đảng cộng sản đâu, mà là chống cái chủ nghĩa Staline và chống chủ nghĩa Mao Trạch Đông. Sự thâm nhập của chủ nghĩa Staline và chủ nghĩa Mao Trạch Đông đưa đến nhiều hiện tượng — nói là chuyên chính thì chưa đủ — phải nói là cực quyền toàn trị, nó gay gắt ghê lắm... Nó gay gắt ghê lắm!"

Trên *Giai Phẩm Mùa Thu*, Nguyễn Hữu Đang đã mở cuộc phỏng vấn đề các nhà trí thức khác có dịp lên tiếng: Trần Đức Thảo đòi phải có tự do ngôn luận, tự do nghiên cứu, tự do phê bình. Đặng Văn Ngữ viết: *"Dưới một chế độ độc tài không ai dám chỉ trích chính phủ thì còn đâu mà thấy khuyết điểm về tự do dân chủ?"* Đào Duy Anh kêu gọi giới trí thức phải "đấu tranh" cho tự do, chống lại bệnh giáo điều và sùng bái cá nhân. Phan Khôi viết *"Bàn về lãnh đạo văn nghệ"* để phê bình toàn thể việc lãnh đạo xã hội, phơi bày sự thật là một chế độ cộng sản độc tài chính là biến thể của chế độ phong kiến kiểu mới. Ông nêu ví dụ đám cầm đầu văn nghệ lúc đó đã kích thơ Trần Dần viết hoa chữ "Người" là phạm tội, vì chữ "Người" viết hoa chỉ được dùng để nói đến Hồ Chí Minh thôi. Việc này không khác gì việc phạm húy trong tư tưởng phong kiến.

Phong trào Nhân Văn Giai Phẩm chứng tỏ giới trí thức Việt Nam không lãng quên trách nhiệm với lịch sử như ngay đầu thời Pháp thuộc các nho sĩ Nguyễn Đình Chiểu, Phan Đình Phùng, Nguyễn Cao... đã bảo vệ tiết tháo sáng ngời. Họ dùng ngòi bút để nhắc nhở nhân dân về những yếu tố lịch sử trung thực của dân tộc. Họ xứng đáng tiếp nối truyền thống hào hùng của biết bao đời anh linh dân tộc.

Nhóm NVGP cũng cho thấy trí thức Việt Nam không bao giờ quên nhiệm vụ tranh đấu cho tự do và sự thật. Trên Nhân Văn, Trần Đức Thảo viết *"Người trí thức hoạt*

động văn hóa cần tự do như khí trời để thở.” Người trí thức phải đòi hỏi các quyền tự do được phát triển vì đó là “nhiệm vụ số một của mình cũng như của toàn dân.” Trần Dần viết: “Biểu hiệu cao nhất của trách nhiệm người viết là thái độ tôn trọng, trung thành với sự thực... Tôn trọng, trung thành với sự thực vừa là trách nhiệm, vừa là lập trường, vừa là phương pháp làm việc của người viết... Nếu như sự thực ngược lại chính sách, chỉ thị, thì phải viết sự thực chứ không phải là bóp gò sự thật vào (cho đúng) chính sách!”

Trần Dần viết những hàng trên trong bản dự thảo đề trình bày trước hội nghị giới văn nghệ quân đội năm 1955. Tất nhiên bản dự thảo đó không bao giờ được công bố, nhưng nó cho thấy Trần Dần là một chiến sĩ. Riêng Lê Đạt đã dùng những câu thơ đề lên án chế độ độc tài chuyên chế: *“Đem bực công an máy móc đặt giữa tim người – Bất tình cảm ngược xuôi theo đúng luật đi đường nhà nước!”*.

Chỉ lướt qua một số phát biểu, nhóm tác giả trí thức NVGP đã cho thấy họ là những người trung thực, can đảm và có tư tưởng dân chủ, tự do dựa trên lòng yêu nước nồng nàn, có trách nhiệm với dân tộc. Vì vậy, không thể gọi họ là những người phản động như đảng cộng sản chụp mũ.

02.– Những bằng chứng khách quan.

Để nhận rõ các tác phẩm về nhóm NVGP có tội hay không, cần nhìn thẳng vào các bài báo, cuốn sách nói về NVGP một cách trung thực nhất từ nhiều phía.

Trước tiên là cuốn sách *Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam — Trăm hoa đua nở trong đêm Việt Nam* của Georges Boudarel. Boudarel, nay đã qua đời, là nhà giáo, đảng viên cộng sản Pháp, 1947 sang Việt Nam với mục đích tranh đấu chống chính quyền thuộc địa. Sau hai năm dạy học tại Sài Gòn, Boudarel theo Việt Minh, đặc trách nhiệm vụ “cải tạo” tù nhân Pháp ở trại 113. Năm 1966, vì không còn đồng ý với chính quyền Hà Nội, ông trở

về Pháp. Thời gian ở Việt Nam, Boudarel đã gặp nhiều nhà văn nhà thơ, trong đó có những thành viên NVGP và ông đã mang được về Pháp những tờ Nhân Văn, Giai Phẩm, và một số báo ở Hà Nội thời kỳ này. Cuối 1987 đầu 1988, trong bối cảnh “cởi trói cho văn nghệ” của Nguyễn Văn Linh, Boudarel đã viết loạt bài tựa đề *Dissidences intellectuelles au Viêt-Nam L'affaire Nhan Van – Giai Pham — Trí thức phản kháng tại Việt Nam, vụ Nhân Văn Giai Phẩm*, in trên tập san *Sudestasie* số 50, tháng 1/1988 và *Politique Aujourd'hui en Europe*, phụ bản tháng 1/1989, sau đó được biên soạn thành cuốn *Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam*.⁽⁴⁸⁾

Tác phẩm này có đoạn tác giả viết về những người bị chính quyền CSVN gán ghép cho tội danh phản bội chống đảng như sau: “*Sự thật họ không phải là những kẻ hèn nhát. Họ đã dám nói thật những gì họ thấy và họ nghĩ. Họ xứng đáng là những trí thức can đảm.*” Đây là sự khẳng định cho tính trung thực và hết sức thẳng thắn của tác giả Pháp từng theo cộng sản về các nhân vật trong vụ án NVGP.

Nói về sự tự do trong tư tưởng của nhóm này, tác phẩm cũng có đoạn: “*Họ là những nhà dân chủ về tư tưởng. Những ý thức đó dường như là quá xa xỉ với một chế độ độc đảng ở Việt Nam.*”. Điều này khẳng định nhóm NVGP không thể là phản động. Họ chỉ đơn thuần muốn có tự do, dân chủ trong sáng tác nghệ thuật không theo khuôn mẫu của đảng cộng sản áp đặt.

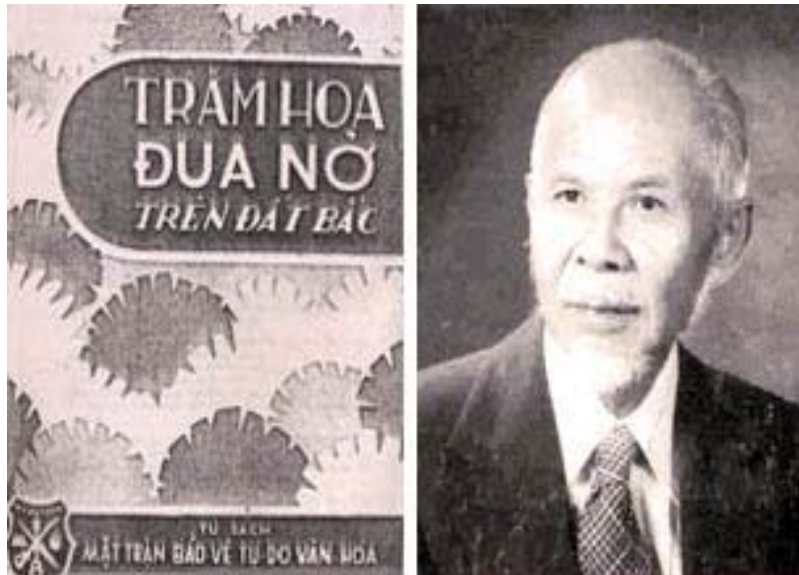
Tiếp đến là tác phẩm “*Trăm hoa đua nở trên đất Bắc*” của Hoàng Văn Chí, tức Mạc Định do Mặt Trận Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa xuất bản tại Sài Gòn năm 1959. Trong tác phẩm này, Hoàng Văn Chí đánh giá về những trí thức từng là chỗ quen biết hết sức sâu sắc. Ông khẳng định như sau “*Thật là bất công khi định tội họ phản bội tổ quốc, họ chỉ phản đối đảng mà thôi!*”

⁽⁴⁸⁾ Jacques Bertoin in năm 1991 tại Paris.

Tác phẩm của Hoàng Văn Chí đến nay vẫn là tác phẩm hoàn chỉnh nhất về phong trào NVGP. Phần lớn những thành viên khác đều có mặt trong tác phẩm này với một tiểu sử khá đầy đủ gồm các chi tiết đáng quý và bài viết tiêu biểu của họ trong thời kỳ Nhân Văn – Giai Phẩm, đặc biệt tiểu sử Phan Khôi và Văn Cao, với những chi tiết không tìm thấy ở đâu, vì Hoàng Văn Chí có liên hệ gia đình với Phan Khôi nên một số dữ kiện chỉ ông biết, không tìm thấy ở những tư liệu khác.

Ngay khi tôi đang viết những dòng này thì ngày 28/06/2012 có cuộc hội thảo về nhà thơ Phùng Cung do Công Ty Văn Hóa & Truyền Thông Nhã Nam phối hợp cùng Trung Tâm Văn Hóa Pháp L'Espace tổ chức buổi tọa đàm giới thiệu tuyển tập thơ *Xem Đêm* của ông.

Cuộc tọa đàm có mặt nhà nghiên cứu Phạm Toàn, nhà phê bình văn học Phạm Xuân Nguyên, nhà văn Thái Kế Toại, nhà thơ Nguyễn Thụy Kha và có ghi lại sự đánh giá của Hoàng Cầm về các tác phẩm của Phùng Cung: “*Nhìn chung ở tập Xem Đêm, mối quan hệ giữa những người miền*



quê nghèo được Phùng Cung diễn tả chân thực đến mức không thể bỏ hoặc thay một từ nào.”⁽⁴⁹⁾

Điều này càng minh chứng bản chất các tác phẩm NVGP không hề có ý chống lại dân tộc mà chỉ đem lại sự thật là điều đảng cộng sản không muốn.

Riêng cuốn *Điều Động Lại* do nhà xuất bản Văn Hóa in năm 1992 cũng khẳng định việc kìm kẹp và kết tội vô lý các cá nhân trong NVGP là một sai lầm. Cuốn sách này lưu trữ tại thư viện quốc gia Việt Nam ở trang 173 viết: *“Sai lầm ở việc nóng vội kết tội NVGP là phản động dẫn đến những động thái xấu cho nền văn học cận đại ở Việt Nam. Họ không phải là những người chống lại dân tộc. Nhận định sai lầm về họ cũng là điều đáng suy ngẫm.”*

Cũng cuốn này còn trích lời của Nguyễn Văn Linh, cựu tổng bí thư đảng CSVN, đánh giá về sai lầm trong NVGP và cởi trói cho tư tưởng của nghệ sĩ nơi trang 265 như sau: *“Hãy cởi trói cho văn nghệ sĩ để tránh những sự cố đáng tiếc lặp lại của Nhân Văn Giai Phẩm.”*

Như vậy, các tác giả trung lập, lẽ dân hay lẽ đảng đều đánh giá sự thẳng ngay, trung thực của các tác giả, tác phẩm NVGP. Họ không có tội như đảng CSVN đã ghép cho họ trong quá khứ. Từ đây có thể thấy từ tư tưởng, lời nói cho đến tác phẩm của nhóm NVGP là thực sự tiến bộ và can đảm. Nhiều phía đánh giá đúng là NVGP không phải phản động, không chống dân tộc. Họ chỉ nói lên sự thật của xã hội miền Bắc dưới ách độc tài của đảng cộng sản thông qua nghệ thuật chân chính và không chấp nhận làm văn nô.

03.– Tội ác!

Tuy nhiên trên thực tế nhóm NVGP đã bị đảng Cộng Sản hành xử ra sao? Một tập tài liệu chính thức của đảng Cộng Sản đã trả lời cho câu hỏi này. Đó là cuốn sách mang

⁽⁴⁹⁾ Tham khảo : <http://bookaholicclub.com/?p=17034>

tựa đề “*Bọn Nhân Văn Giai Phẩm Trước Tòa Án Du Luận*” do nhà xuất bản Sự Thật (⁵⁰), in tháng 6/1959, tại Hà Nội. Cuốn sách tập hợp những bài viết, diễn văn hoặc trích dẫn tố cáo, lên án, buộc tội NVGP của đảng cộng sản Việt Nam. Phần cuối sách có một chương nhỏ, trích “*những lời thú tội*” của các thành viên NVGP, còn toàn thể dành cho phía công tố “phát hiện tội”, với lời lẽ vô cùng khiếm nhã ngay từ miệng, hoặc từ ngòi bút của giới được gọi là “trí thức văn nghệ sĩ” đối với các đồng nghiệp và bạn hữu đã tham gia NVGP.

Tập tư liệu dày 370 trang này — chứng tích một thời mà chữ nghĩa đã đạt tới đỉnh cao của sự bồi bút — còn hữu ích về mặt lịch sử và văn học sử, vì đã mở ra nhiều khía cạnh của vấn đề NVGP như tầm vóc của phong trào, không khí đàn áp đương thời, mức độ khốc liệt của cuộc đấu tố. Đồng thời nó cũng gián tiếp trả lời những lập luận gần đây, cố tình hạ thấp hoặc thu gọn phong trào NVGP thành một cuộc “đánh đấm nội bộ”, tranh giành thế lực cá nhân, không liên hệ gì đến vấn đề tự do tư tưởng. Cuốn sách có đoạn viết:

“Nhóm Nhân Văn – Giai Phẩm phản đối văn nghệ phục vụ chính trị, thực tế là phản đối văn nghệ phục vụ đường lối chính trị cách mạng của giai cấp công nhân. Chúng đòi “tự do, độc lập” của văn nghệ, rêu rao “sự mạng chống đối” của văn nghệ, thực ra chúng muốn lái văn nghệ sang đường lối chính trị phản động.

Nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm



(⁵⁰) Nay là Nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia.

phản đối văn nghệ phục vụ công nông binh, nêu lên “con người” trùu tượng, thực ra chúng đòi văn nghệ trở về chủ nghĩa cá nhân tư sản đòi trụ.

Nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm hẳn học đã kích nền văn nghệ xã hội chủ nghĩa, nhất là văn nghệ Liên Xô, đã kích nền văn nghệ kháng chiến của ta. Thực ra, chúng phản đối chế độ xã hội chủ nghĩa, chúng đòi đi theo chế độ tư bản chủ nghĩa.

Nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm phản đối sự lãnh đạo của Đảng đối với văn nghệ, chúng đòi “trả văn nghệ cho văn nghệ sĩ”, thực ra chúng đòi đưa quyền lãnh đạo văn nghệ vào tay bọn phản cách mạng.”

L luận điệu trên không là gì khác sự quy chụp tảo tợn và trơ trẽn của đảng cộng sản với những văn nghệ sĩ muốn dùng ngòi bút đóng góp cho dân chủ. Hành động đánh phá và quy chụp này cho thấy đảng cộng sản độc tài chính là kẻ thù không đội trời chung của tự do, dân chủ.

Tổ Hữu, khi ấy là ủy viên trung ương Đảng Lao Động, phụ trách công tác văn hóa văn nghệ, tuyên truyền được coi là người dập tắt phong trào Nhân Văn – Giai Phẩm. Trong cuốn *Qua cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại Nhân Văn - Giai Phẩm trên mặt trận văn nghệ*, ⁽⁵¹⁾ Tổ Hữu đã nhận định về phong trào này và những người dính líu như sau:

“Lật bộ áo Nhân Văn - Giai Phẩm thói tha, người ta thấy ra cả một ổ phản động toàn những gián điệp, mật thám, lưu manh, trót-kít, địa chủ tư sản phản động, quần tụ trong những tổ quỷ với những gái điếm, bàn đèn, sách báo chống cộng, phim ảnh khiêu dâm...” và *“Trong cái công ty phản động Nhân Văn – Giai Phẩm ấy thật sự đủ mặt các loại “biệt tính”: từ bọn Phan Khôi, Trần Duy mật thám cũ của thực dân Pháp đến bọn gián điệp Thụy An, từ bọn trót-kít Trương Tửu, Trần Đức Thảo đến bọn phản Đảng*

⁽⁵¹⁾ Nhà xuất bản Văn Hóa, Hà Nội 1958.

Nguyễn Hữu Đang, Trần Dân, Lê Đạt. Một đặc điểm chung là hầu hết bọn chúng đều là những phần tử thuộc giai cấp địa chủ và tư sản phản động, và đều ngoan cố giữ lập trường quyền lợi giai cấp cũ của mình, cố tình chống lại cách mạng và chế độ.”

Tổ Hữu còn viết bản *Báo cáo tổng kết vụ Nhân Văn - Giai Phẩm* với kết luận về tư tưởng chính trị và quan điểm văn nghệ của Nhân Văn–Giai Phẩm như sau:

“Những tư tưởng chính trị thù địch. Kích thích chủ nghĩa cá nhân tư sản, bôi nhọ chủ nghĩa cộng sản. Xuyên tạc mâu thuẫn xã hội, khiêu khích nhân dân chống lại chế độ và Đảng lãnh đạo. Chống lại chuyên chính dân chủ nhân dân, chống lại cách mạng xã hội chủ nghĩa. Gieo rắc chủ nghĩa dân tộc tư sản, gài vào đầu óc sô-vanh chống lại chủ nghĩa quốc tế vô sản.”

Đến đây có thể thấy đội ngũ văn nô của đảng cộng sản đã cố tình nhào nặn lên một hình tượng ngược lại hoàn toàn với những gì được coi là sự thật về NVGP. Đảng cộng sản đã cố tình quy chụp những trí thức dám nói thẳng nói thật về những nghịch lý trong xã hội độc tài cộng sản.

Với văn nghệ do đảng cộng sản lãnh đạo, Trường Chinh là người đưa các quan điểm văn nghệ Mao Trạch Đông vào hoạt động văn hóa cứu quốc từ năm 1943, kiên trì bảo vệ cho tới khi đổi mới, đã tạo ra nhiều vụ án văn nghệ khác, là nhân tố chính làm cho nền văn nghệ Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ tuyên truyền nhưng tụt hậu so với sự phát triển chung của văn nghệ nhân loại. Trường Chinh xuyên suốt các văn kiện từ khởi thủy cho đến sau này đều dựa trên các nguyên lý văn nghệ của Mao Trạch Đông *“bắt văn nghệ phục vụ chính trị, lấy mục tiêu sáng tạo văn nghệ là phục vụ công nông binh, phục vụ tuyên truyền như là một mệnh lệnh tuyệt đối cho văn nghệ sĩ.”* Chưa bao giờ Trường Chinh đưa ra các yếu tố tự do tư tưởng, tự do sáng tác, tự do ngôn luận làm điều kiện cho sự thành công của nền văn hóa xã hội chủ

nghĩa. Đó là chưa nói đến phương pháp lập luận của Trường Chinh đầy nguy hiểm, giả dối, phản khoa học, thực dụng về chính trị. Rất nhiều mệnh đề do Trường Chinh đưa vào vận hành văn nghệ đều đi ngược lại tinh thần của nó. Và chính bản thân Trường Chinh trong nhiều trường hợp cụ thể đối với một số tác phẩm đã thể hiện thái độ thiên cận, quy chụp, trù dập văn nghệ sĩ.

Ngược lại, Nguyễn Hữu Đang và Nguyễn Đình Thi quan niệm: “...để thực hiện nền văn hóa mới, trước hết chúng ta phải củng cố nền độc lập hoàn toàn và làm thực hiện chính thể dân chủ cộng hòa triệt để... Ban bố triệt để quyền tự do tư tưởng và tự do ngôn luận, chính là cởi mở cho văn hóa trở nên sầm uất, và đem một luồng sinh khí mạnh mẽ thổi vào cái văn hóa bao lâu phải sống trong những phòng ngực chật hẹp, thiếu ánh sáng, thiếu hơi nóng của mặt trời. Sách vở và báo chí được xuất bản tự do, nền văn nghệ của ta mới có thể dồi dào phong phú.”

Chính vì có sự khác biệt quá lớn về tư tưởng và những yếu tố chính trị trong việc tồn vong của đảng cộng sản trước những bài viết phơi bày sự thật, đảng cộng sản đã trả thù hèn hạ với những người thuộc nhóm NVGP.

Ngày 10/12/1959, tòa án nhân dân Hà Nội khai mạc phiên tòa xử *Vụ án gián điệp hoạt động phá hoại hiện hành*.

Nội dung bản án kết tội: “Chúng là những tên gián điệp phản cách mạng, phá hoại hiện hành, hoạt động có tổ chức, thực hiện âm mưu của địch, tiến hành những hoạt động chiến tranh tâm lý để hèn nhát, những hoạt động phá hoại thâm độc nhất, để cuối cùng lật đổ chế độ chúng ta ở miền Bắc.”

Kết quả tuyên án như sau:

Nguyễn Hữu Đang 15 năm tù giam, 5 năm quản chế sau khi ra tù.

Lưu Thị Yến tức Thụy An 15 năm tù giam, 5 năm quản chế sau khi ra tù.

Trần Thiếu Bảo tức Minh Đức 10 năm tù giam, 5 năm quản chế sau khi ra tù.

Phan Tại 6 năm tù giam, 3 năm quản chế.

Lê Nguyên Chí 5 năm tù giam, 3 năm quản chế.....

Ngoài ra, sau đó còn tiếp tục có những hoạt động là dư âm hậu quả của NVGP:

Năm 1960: Phùng Cung bị bắt. Lý do: Tiếp tục sáng tác các truyện ngắn có nội dung bất mãn, chống đối, phản động.

Năm 1968: Vụ án xét lại chống Đảng. Bắt giam Hoàng Minh Chính, Vũ Đình Huỳnh, Đặng Kim Giang, Trần Minh Việt, Trần Thư, Vũ Thư Hiên, Lê Trọng Nghĩa, Huy Vân... Nhiều văn nghệ sĩ nhất là những người đi học ở Liên Xô về hoặc có quan hệ với Liên Xô bị đưa vào diện phân biệt đối xử.

Năm 1982: Hoàng Cầm bị bắt cùng Hoàng Hưng vì việc định đưa tập thơ *Về Kinh Bắc* ra nước ngoài. Hoàng Cầm bị giam 18 tháng, Hoàng Hưng bị giam 39 tháng.

Sau này, các thành viên NVGP khi viết hồi ký hoặc phát biểu về quãng đời tăm tối của mình trong lao tù cũng như trong cuộc sống thường nhật đã miêu tả rất rõ về những cái ác mà đảng cộng sản gây ra cho họ.

Luật sư Nguyễn Mạnh Tường qua bài phát biểu rất quan trọng trước Mặt Trận Tổ Quốc Hà Nội ngày 30-10-1956 phân tích những sai lầm của chính quyền từ sai lầm CCRĐ ở nông thôn sang sai lầm trong chế độ mậu dịch ở thị thành, tất cả nằm trong bản chất thiếu dân chủ. Ông chỉ ra nguồn gốc các sai lầm đó và trình bày những nguyên tắc để sửa lại bộ máy pháp luật, chính trị của đất nước. Ông phê phán khải hiệu: “*Thà chết 10 người oan còn hơn để sót một địch không những quá tả một cách vô lý mà còn phản lại cách mạng.*” Năm 1992 tại Paris, nhà xuất bản *Quê Mẹ* in cuốn hồi ký bằng tiếng Pháp của luật sư Nguyễn Mạnh Tường *Un Excommunié — Kẻ bị khai trừ* với tiêu tựa

“*Hanoi 1954-1991: Procès d’un intellectuel — Hà Nội 1954-1991: Kết án một nhà trí thức.*” Cuốn sách nêu lên những sự thật khi bị o ép, theo dõi của đảng cộng sản với tác giả trong cuộc sống đói khổ, thiếu thốn.

Hành vi bỉ ổi của đảng cộng sản còn thể hiện qua cách đối xử bất công tàn nhẫn với nhà thơ Hữu Loan, hay nữ văn sĩ Thụy An đã chịu cảnh mù lòa, tàn tạ trong nhà tù được miêu tả qua cuốn *Thép Đen* của Đặng Chí Bình.

Ngoài ra, nhà xuất bản Văn Nghệ ở Hoa Kỳ năm 2001 xuất bản cuốn *Nhật Ký Trần Dần* với những ghi chép của Trần Dần trong hai thời kỳ CCRĐ và NVGP 1954-1960. Đây là cuốn sách thật nhất về NVGP, về cuộc sống thời kỳ này của dân tộc với các hình ảnh rớm máu không bao giờ thấy ở các tác phẩm tuyên truyền công khai ở miền Bắc. Đồng thời còn có một số tác phẩm khác đề cập đến NVGP như hồi ký *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thu Hiền xuất bản ở Hoa Kỳ....

Với các nhà trí thức yêu nước hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật thì việc quy chụp họ phản động đã có thể coi là một tội ác, vì vũ khí chiến đấu cho công bằng dân chủ xã hội của họ chỉ là ngòi bút và tác phẩm. Cho nên, kết luận vu khống họ như đảng cộng sản đã làm là một tội ác lớn gấp bội. Nhưng chưa dừng lại ở đó. Đảng cộng sản còn bắt họ vào tù và đẩy ải hành hạ họ trong cuộc sống. Đó là một tội ác không thể chấp nhận đối với trí thức.

● NHỮNG KẺ CHỦ MUU

Trường Chinh và đảng cộng sản chính là kẻ thù trực tiếp trong vụ án NVGP. Trường Chinh chủ trương áp đặt tư tưởng của đảng và Mao cho văn nghệ sĩ trí thức. Cùng với Trường Chinh là đội ngũ văn nô Tố Hữu, Đặng Thai Mai ra sức bôi nhọ nhóm NVGP như một “lũ phản động.” Họ dùng đến cả tòa án của độc đảng để đẩy những con người vô tội vào tù. Nhưng trên thực tế, kẻ thủ ác giấu mặt hết sức

nham hiểm là Hồ Chí Minh. Như mọi người đều biết về hệ thống tổ chức đảng cộng sản Việt Nam trong đó, Hồ Chí Minh luôn nắm quyền chỉ đạo và đề ra chủ trương hành động. Trên thực tế từ tháng 9/1956 đến 9/1960, Hồ Chí Minh kiêm nhiệm hai chức chủ tịch Đảng và tổng bí thư. Như vậy NVGP rõ ràng xảy ra vào thời kỳ Hồ Chí Minh là người có quyền lực cao nhất nên ông ta không thể vô can trong sự việc này.

Tại hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng họp từ 25/08/1956 đến 24/09/1956, Trường Chinh bị “*ngghiêm khắc kiểm điểm sai lầm*” trong cuộc CCRĐ, phải tự kiểm thảo và xin từ chức. Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương bị loại khỏi Bộ Chính Trị, Hồ Viết Thắng ra khỏi Ban Chấp Hành Trung Ương nên Hồ Chí Minh kiêm nhiệm chức chủ tịch Đảng và tổng bí thư từ tháng 9/1956 đến 9/1960. Sau đó là thời Lê Duẩn làm tổng bí thư từ tháng 9/1960 đến 7/1986, xảy ra vụ Xét Lại Chống Đảng.

Vụ NVGP xảy ra dưới thời Hồ Chí Minh làm chủ tịch Đảng kiêm tổng bí thư là điều hiển nhiên.

Tháng Giêng 1956, Giai Phẩm Mùa Xuân vừa lộ dạng thể hiện tự do sáng tác, đã bị dập tắt ngay. Vậy có thể hiểu là Trường Chinh giao cho Tố Hữu, người có tư thù với Hoàng Cầm, Trần Dần, Lê Đạt trong việc phê bình tập thơ *Việt Bắc*, xử lý vụ Giai Phẩm Mùa Xuân theo chỉ thị của Hồ Chí Minh.

Ngày 9/12/1956, Hồ Chí Minh ký sắc lệnh báo chí. Đóng cửa Nhân Văn. Phong trào NVGP bị dập tắt lần thứ nhì, tháng 12/1956. Tháng 2/1957 trong Đại Hội Văn Nghệ Toàn Quốc lần 2, họp từ 20 đến 28/02 tại Hà Nội, Trường Chinh kêu gọi đấu tranh “*đập nát âm mưu phản động*” của nhóm NVGP. Như vậy, tháng 8 và 9/1956, có hai sự kiện trùng hợp đáng kể : Trường Chinh phải từ chức tổng bí thư và phong trào NVGP phát triển trở lại.

Nhưng quyết định cho phép Hội Văn Nghệ tổ chức

lớp học tập dân chủ 18 ngày vào tháng 8/1956, theo đường lối Liên Xô rõ ràng không thể do Trường Chinh đã mất chức. Người quyết định về việc này chỉ có thể là Hồ Chí Minh đứng đầu đảng và nhà nước chứ không thể là ai.

Cuối năm 1957, Mao Trạch Đông hạ lệnh đánh phái hữu. Huy Cận và Hà Xuân Trường được cử đi học tập chính sách Trung Quốc. Khi họ trở về, tháng 2/1958 việc thanh trừng NVGP được tổ chức quy mô và toàn diện trong hai lớp đấu tranh Thái Hà.

Lần này nữa, trách nhiệm hẳn cũng đến từ từng cao nhất của cấp lãnh đạo đối với Hồ Chí Minh vì Hồ Chí Minh luôn coi tư tưởng của Mao là kim chỉ nam cho hành động — *Tư tưởng của Mao không thể sai.*

Trả lời câu hỏi chủ tịch Hồ Chí Minh có trách nhiệm như thế nào về vụ NVGP, Nguyễn Hữu Đang từng tuyên bố: *“Cái việc mà người ta cứ nói là việc nọ việc kia là người dưới làm chứ cụ Hồ không biết, cụ Hồ không thực tiễn làm, đó là một cách nói không đúng sự thật. Người ta thấy việc gì mà có dư luận kêu ca, thắc mắc thì không muốn để cái kêu ca thắc mắc đó hướng vào vị lãnh tụ mà người ta suy tôn tuyệt đối. Có thể nói là người ta thần thánh hóa cụ Hồ. Vì cái lý do nó là như thế. Thực chất thì cụ Hồ không phải là người bị vô hiệu hóa trong bộ máy lãnh đạo của đảng và của dân tộc. Cụ Hồ lúc nào cũng là người có đầy đủ quyền hành, lúc nào cụ cũng sáng suốt, linh lợi, lúc nào cụ cũng có uy tín với dân và cũng có quyền đối với các đồng chí trong đảng, đối với những người lãnh đạo.”*

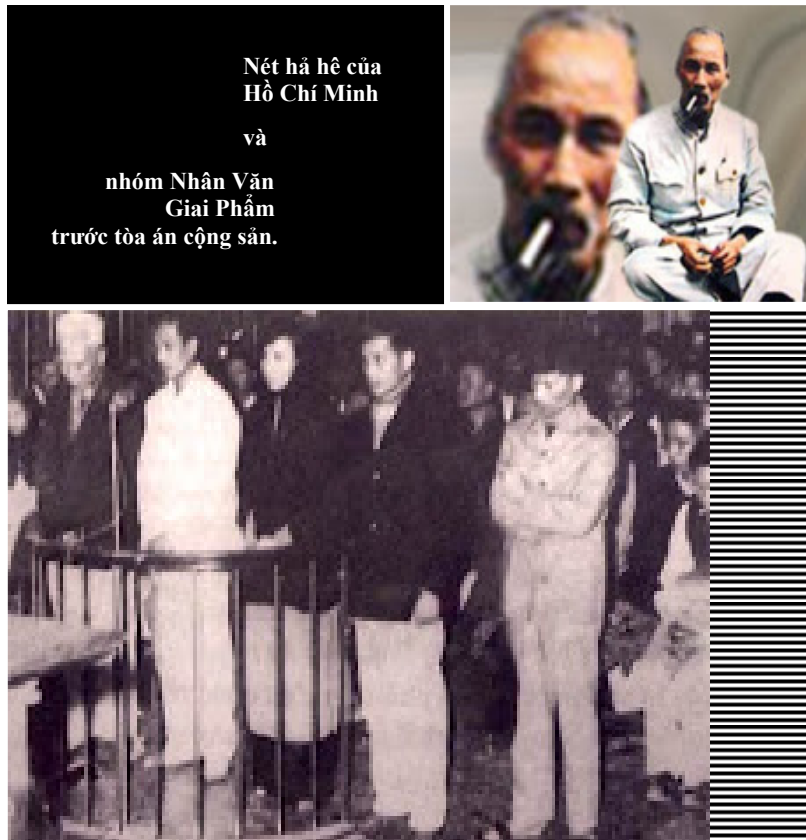
Ngoài ra, Hồ Chí Minh là người viết cuốn *Truyện Về Chiến Sĩ Thi Đua* nhằm đưa ra tư tưởng tiến hành định hướng cho nền văn học phải theo chỉ đạo của đảng, của lãnh tụ nên viết thế nào và viết cái gì. Vậy chính Hồ chí Minh là kẻ chủ trương chống lại NVGP.

Cuốn *Điều Động Lại...* in năm 1992 tại nhà xuất bản Văn Hóa của đảng cộng sản Việt Nam trang 121 có

đoạn: “*Bác Hồ đã chỉ đạo việc cách mạng trong các loại hình nghệ thuật. Không thể để cho việc ca tụng thói hư tật xấu của chủ nghĩa tồn tại trong xã hội chúng ta. Những kẻ chống đối lại đường lối của đảng cần phải nghiêm khắc xem xét lại*”.

Việc này cho thấy Hồ Chí Minh hoàn toàn ủng hộ và còn chỉ đạo cấp dưới về chủ trương xét lại với những nhóm có tư tưởng dân chủ như NVGP.

Tóm lại, Hồ Chí Minh đã dùng ảnh hưởng của mình để tiến hành viết sách định hướng cho nền nghệ thuật nước nhà. Ông ta giữ vai trò quyết định trong vấn đề chính sách và chủ trương trong hệ thống chính trị nên cũng phải chịu



trách nhiệm lớn trong vụ việc NVGP.

Đó là sự thực không thể chối bỏ.

Nhìn chung, sau cuộc Cải Cách Ruộng Đất đẫm máu thì hành động bức bách bỏ tù những nhà trí thức trung chính đã cho thấy chủ trương độc tài độc đoán là nền tảng tư tưởng của chế độ cộng sản Việt Nam.

Hồ Chí Minh và đảng cộng sản không thể vô can đổ lỗi cho đám bần cố nông trong CCRĐ cũng như đổ lỗi cho bất kỳ cá nhân nào trong vụ NVGP. Bởi chính đảng cộng sản dưới sự chỉ đạo của Hồ Chí Minh đã cố tình chụp mũ những con người can đảm trung thực vào vòng lao lý. Chính Hồ Chí Minh đã dung đảng cộng sản để thủ tiêu tinh thần dân tộc và tư tưởng dân chủ tự do. Đây là một tội ác của Hồ Chí Minh và có thể nói *dưới chế độ độc tài đảng trị của Hồ Chí Minh và đảng cộng sản Việt Nam, trí thức cũng chẳng khá hơn đại bộ phận nhân dân!*

– 28/06/2012

– **Chương 07 :**

**AI ĐÃ BÁN ĐÚNG
CỤ PHAN BỘI CHÂU ?**

Phan Bội Châu là một chí sĩ yêu nước nồng nàn của dân tộc ta. Cụ là một nhà nho có tư tưởng tiến bộ và uyên bác. Sự việc cụ bị Pháp bắt vẫn là một ẩn số với nhiều người mặc dù đã có nhiều thông tin cho thấy Hồ Chí Minh chính là kẻ đâm sau lưng cụ Phan.

Xin được tổng hợp các thông tin đã có và các bằng chứng khẳng định Hồ Chí Minh đã bán đứng cụ Phan cho Pháp lấy tiền và cũng là thủ tiêu một người yêu nước không cùng quan điểm với mình!

● **ĐÔI NÉT VỀ CỤ PHAN BỘI CHÂU ⁽⁵²⁾**

Cụ Phan Bội Châu sinh ngày 26 tháng 12 năm 1867 tại làng Đan Nhiễm, xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Cụ tên thật là Phan Văn San tự Hải Thu, còn có tên khác là Phan Sào Nam. Cha của cụ là Phan Văn Phổ, mẹ là Nguyễn Thị Nhàn. Cụ nổi tiếng thông minh từ bé, năm 6 tuổi học 3 ngày thuộc hết Tam Tụng Kinh, 7 tuổi đã đọc hiểu sách Luận Ngữ, 13 tuổi thi đỗ đầu huyện.

Thuở thiếu thời cụ đã sớm có lòng yêu nước.

Năm 17 tuổi, cụ viết *Hịch Bình Tây Thu Bắc* đem dán ở cây đa đầu làng để hưởng ứng việc Bắc Kỳ khởi nghĩa kháng Pháp.

⁽⁵²⁾ http://vi.wikipedia.org/wiki/Phan_Bội_Châu

Năm 19 tuổi, 1885, cụ cùng bạn là Trần Văn Lương lập đội “*Sĩ tử Cần Vương*” gồm hơn 60 người chống Pháp nhưng bị đối phương khủng bố phải giải tán.

Gia cảnh khó khăn, cụ đi dạy học kiếm sống và học thi, nhưng thi suốt 10 năm không đỗ, lại can tội *hoài hiệp văn tự* tức mang văn tự trong áo nên bị kết án *chung thân bất đắc ứng thí* — suốt đời không được dự thi. Năm 1896, cụ vào Huế dạy học, do mến tài cụ, các quan xin vua Thành Thái xóa án nên được dự khoa thi hương Canh Tý 1900 ở Nghệ An và đậu Giải Nguyên.

Sau đó, cụ kết giao với nhiều trí sĩ yêu nước như Nguyễn Thượng Hiền, Huỳnh Thúc Kháng... lập ra hội Duy Tân nhằm củng cố dân trí theo con đường minh trị của Nhật. Cụ là người phát động phong trào Đông Du khuyến khích giới trẻ xuất ngoại tìm hiểu và học tập cách làm của người Nhật trong việc tìm tự do, độc lập cho dân tộc. Cụ cũng có thời gian hoạt động ở Trung Quốc và lúc đó từng quan hệ với Hồ Chí Minh.

Ngày 30 tháng 6 năm 1925, cụ bị Pháp bắt cóc tại Thượng Hải giải về nước xử án tù chung thân. Cảm kích nhiệt huyết cùng tấm lòng yêu nước nồng nàn của Cụ, nhân dân Việt Nam đã lên tiếng. Một phong trào đấu tranh của nhân dân cả nước đòi thả Phan Bội Châu và nhờ sự can thiệp của toàn quyền Varenne, cụ được đưa về an trí tại Bến Ngự, Huế.

15 năm cuối đời, cụ vẫn giữ trọn phẩm cách cao khiết, không ngừng tuyên truyền tinh thần yêu nước bằng văn thơ, nên rất được nhân dân yêu mến. Cụ đã để lại nhiều áng thơ bất hủ cho mọi người nghiền ngẫm đến ngày nay:

SỐNG

Sống tử làm chi đứng chật trời?

Sống nhìn thế giới hỏ chẳng ai?

Sống làm nô lệ cho người khiến?

Sống chịu ngu si để chúng cười?

*Sống tướng công danh, không tướng nước.
Sống lo phú quý chẳng lo đời,
Sống mà như thế đừng nên sống!
Sống tui làm chi đứng chật trời?*

CHẾT

*Chết mà vì nước, chết vì dân,
Chết đáng nam nhi trả nợ trần.
Chết buổi Đông Chu, hồn thất quốc,
Chết như Tây Hán lúc tam phân.
Chết như Hưng Đạo, hồn thành thánh,
Chết tựa Trưng Vương, phách hóa thần.
Chết cụ Tây Hồ danh chẳng chết,
Chết mà vì nước, chết vì dân.*

Cụ Phan là tấm gương sáng về lòng yêu nước nồng nàn, tình cảm vô biên giành cho dân tộc. Và qua những vần thơ, Cụ cho thấy một tinh thần ngoan cường, không khuất phục, một lòng can đảm chiến đấu với giặc thù.

Quan điểm cách mạng của cụ Phan được thể hiện rõ ở tác phẩm “*Lưu Cầu Huyết Lệ Tân Thư*” gồm 5 phần nói về những điều sỉ nhục vì nước mất, quyền mất, thảm họa tương lai, về mở mang dân trí, chấn động dân khí, về vun trồng nhân tài và kỳ vọng ở người đang làm quan, lấy những sự nghiệp bất hủ khuyên lơn họ...

Tác phẩm được xem là có giá trị về phương diện cổ động nhân sĩ và giới cầm quyền có tâm huyết đem tài sức ra giúp nước, đặc biệt là đưa ra một quan điểm khá mới lạ và đầy tính tư duy đổi mới trong bối cảnh dân trí và dân khí cực thấp lúc đó mà cụ Phan đã nhìn thấy.

Bản thân cụ là một nhà nho



nhưng đã vượt qua được những giáo điều cổ hủ để vươn mình tìm đường đi cho dân tộc. Cụ đã biểu hiện là một người yêu nước chân chính không ngừng nỗ lực tìm đường thanh toán ách thực dân để giành lại quyền sống tự chủ cho dân tộc.

Chính vì thế, năm 1912, cụ đã bị thực dân Pháp kết án tử hình vắng mặt và luôn bị mật thám Pháp truy lùng. Do đó dù đang sống lưu vong, cụ Phan luôn luôn phải cảnh giác cao độ, tuyệt đối giấu kín hành tung. Nhưng trong cảnh ngộ đó, giữa tháng 5 năm 1925, cụ đã bất ngờ bị mật thám Pháp bắt cóc đúng lúc đáp xe lửa tới Quảng Châu.

Câu hỏi đặt ra là do đâu mật thám Pháp lại biết chắc chuyến đi của cụ Phan mà chờ sẵn để bắt cóc, trong khi chuyến đi chỉ vài người thân tín được biết?

Trả lời câu hỏi này, tên Lý Thụy đã được nhắc đến. Vậy Lý Thụy là ai?

Một bài trên Việt Báo ⁽⁵³⁾ tìm hiểu 75 đoàn viên Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh có đoạn viết: *“Mùa hè năm 1926, Nguyễn Ái Quốc, lúc này mang bí danh là Lý Thụy cử Hồ Tùng Mậu, người đồng chí thân thiết của mình trở lại Thái Lan chọn một số thiếu niên con em các gia đình yêu nước đưa sang Quảng Châu đào tạo nhằm chuẩn bị cho việc xây dựng Thanh Niên Cộng Sản Đoàn. Đến Thái Lan, Hồ Tùng Mậu liên lạc được với cụ Tú Đăng tức Đặng Thúc Hứa, một sĩ phu chủ chốt trong Quang Phục Hội truyền đạt ý kiến của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc.*

Việc lựa chọn được thực hiện



⁽⁵³⁾ <http://vietbao.vn/The-gioi-tre/Cuoc-thi-tim-hieu-75-nam-lich-su-ve-vang-cua-Doan-TNCS-Ho-Chi-Minh/45180413/275/>

rất thận trọng, duy có một học sinh làm mọi người băn khoăn vì còn nhỏ tuổi quá (mới 12). Song cuối cùng, xét về cả tư chất và thân nhân, Hồ Tùng Mậu quyết định đưa vào danh sách. Đó chính là Lê Hữu Trọng.

Nhóm thiếu niên học sinh đầu tiên người Việt từ Đông Bắc Thái Lan đến Quảng Châu rất sung sướng, vui mừng được gặp ngay đồng chí Lý Thụy. Đúng hơn, đây có thể coi là một cuộc “đoàn tụ” giữa những người thân trong gia đình. Để đảm bảo tính hợp pháp và nguyên tắc bí mật, cả nhóm có bí danh và đều mang họ Lý. Đó là: Lê Hữu Trọng mang bí danh Lý Tự Trọng; Đinh Chương Long mang bí danh Lý Văn Minh; Vương Thúc Thoại mang bí danh Lý Thúc Chát; Hoàng Tự mang bí danh Lý Anh Tự (có lúc đọc lệch là Tợ); Ngô Trí Thông mang bí danh Lý Trí Thông; Ngô Hậu Đức mang bí danh Lý Phương Đức (nữ); Nguyễn Thị Tích mang bí danh Lý Phương Thuận (nữ); Nguyễn Sinh Thản mang bí danh Lý Nam Thanh.

Trên Website diendannuocnga.net có đoạn:

“Ngày 11/01/1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu. Để hợp pháp hóa hoạt động, Người lấy bí danh là Lý Thụy. Ngày 21-6-1925 tại Quảng Châu, báo Thanh Niên – cơ quan ngôn luận của “Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Minh Hội” được thành lập và ra số báo đầu tiên, Người đã lấy bút danh là “Z.A.C”.

Website Tennguoidenhat.net của CSVN viết :

“Tiếp đó, trong những năm 1923-1924, Nguyễn Ái Quốc còn sử dụng thêm một số bút danh và tên gọi khác dưới các bài viết và trong hoạt động cách mạng: Chú Nguyễn, N, S Chon Vang, Cheng Vang, Trần Vương, Ai Qua Que, Nguyễn Hải Khách, Lý Thụy.”

Như thế, các tư liệu đều chứng minh Lý Thụy là một cái tên của Hồ Chí Minh trong thời gian hoạt động ở Trung Quốc và Thái Lan. Nhưng Lý Thụy liên hệ ra sao với việc cụ Phan Bội Châu bị mật thám Pháp bắt?

● CỤ PHAN BỊ BÁN ĐÚNG NHƯ THẾ NÀO ?

01.– Hồ Chí Minh dưới bí danh Lý Thụy có liên hệ với Cụ Phan

Khi cụ Phan hoạt động ở Trung Quốc, cụ đã muốn liên lạc với Hồ Chí Minh lúc đó mang tên Lý Thụy. Cụ Phan chân tình muốn kết hợp với Hồ Chí Minh trong việc chấn hưng dân tộc vì cụ vốn quen biết thân phụ Hồ Chí Minh và cũng rất trọng Hồ Chí Minh như bức thư cụ viết sau đây cho Hồ Chí Minh:

Người cháu rất kính yêu của Bác,

Hôm trước anh Lâm (Đức Thụy) và anh Hồ (Hồ Tùng Mậu) gửi lại thư của Cháu, trong thư có nói tường tận về chuyện ông Hy Mã (Phan Châu Trinh).

Tuy thư đưa trực tiếp trên chuyện thật nhưng ngụ ý thật sâu sắc mà lối lập luận lại dựa trên những ý tưởng lớn, nhân đó mới biết là học vấn, tri thức của cháu nay đã tăng trưởng quá nhiều, quả thực không phải như hai mươi năm về trước.

Nhớ lại hai mươi năm trước đây, khi đến nhà cháu uống rượu gò án ngâm thơ, anh em cháu đều chưa thành niên, lúc đó Phan Bội Châu này đâu có ngờ rằng sau này cháu sẽ trở thành một tiểu anh hùng như thế này. Bây giờ đem so kẻ già này với cháu thì bác thật rất xấu hổ. Nhận được liên tiếp hai lá thư của cháu, bác cảm thấy vừa buồn vừa mừng. Buồn là buồn cho thân bác, mà mừng là mừng cho đất nước ta. Việc thừa kế nay đã có người, người đi sau giỏi hơn kẻ đi trước, trên tiền đồ đen tối sẽ xuất hiện ánh sáng ban mai. Ngày xé đường cùng, chỉ sợ không được thấy ngày đó, làm sao bác không cảm thấy buồn cho chính mình được? Một đời tân khổ, gánh vác công chuyện một mình, được sức lớn của cháu giúp vào thì ắt sẽ có nhiều người hưởng ứng theo. Việc gây dựng lại giang sơn, ngoài cháu có ai để nhờ ủy thác gánh vác trách nhiệm thay mình. Có

được niềm an ủi lớn lao như thế, làm sao bác không cảm thấy vui mừng được.

Bác đang định tìm một dịp tốt về Quảng Đông một chuyến để đàm luận với cháu, không biết cháu còn ở lại Quảng Đông lâu mau, hoặc giả trong tương lai có định đi chỗ khác không? Trong lòng bác có nhiều chuyện muốn hỏi ý kiến cháu, nhưng không gặp mặt thì làm sao có thể bàn cho hết ý được? Làm sao được? Nếu không coi già yếu là đồ bỏ thì cháu viết thư nhiều cho bác, bác thành thật yêu cầu cháu đấy.

Cần nhắc lại là Phan Bội Châu lúc rời nước đã gần bốn mươi (ba mươi chín tuổi đến Nhật) lại không thể tránh khỏi những trách nhiệm này nọ nặng chuyên chú học hành, cho nên tri thức lúc bấy giờ cũng vẫn như xưa. Cháu học vấn rộng rãi, và từng đi nhiều nơi, hơn bác cả chục cả trăm lần. Tri thức và kế hoạch của cháu vượt sức đo lường của bác; không biết cháu có thể chia xẻ cùng bác một hai việc? Bác rất hết sức mong đợi, mong cháu không ngại. Vì nếu không có kế hoạch thì bất quá chỉ làm những khách tha hương than thở không đâu cho hồn cổ quốc, chả giống ông Hy Mã thì cũng giống Phan Bội Châu mà thôi!

Thư bắt tận ngôn, mong cháu hiểu giùm cả những ý không viết thành lời. Chúc cháu bình an.

Ngày 21 tháng 1 lịch ta (14 tháng 2 năm 1925 dương lịch) viết dưới đèn dầu.

Chỗ bác ở đâu nơi đất khách thì Quốc Đảng (Hồ Tùng Mậu) đã biết nên không ghi ở đây.

Thư này nhờ Quốc Đống chuyển giúp.

Bức thư được đăng tại trang Web của sở giáo dục Hà Nam với tựa “Bác Hồ với Cụ Phan Bội Châu - Bức thư Phan Bội Châu gửi Lý Thụy (Nguyễn Ái Quốc)”⁽⁵⁴⁾

Nội dung bức thư của cụ Phan đọng lại hai điều như

⁽⁵⁴⁾ <http://phuly.edu.vn/bacho/chuyen110.htm>

sau: Cụ Phan hết sức quý trọng tuổi trẻ của Lý Thụy, mặc dù cụ có kinh nghiệm trường đời cũng như hoạt động hơn hẳn. Cụ Phan cũng rất mong được hợp tác chia xẻ các kinh nghiệm đấu tranh với Lý Thụy để khỏi phải thành “*Khách tha hương than thở không đâu cho hồn cố quốc*”, đại ý là muốn hợp tác để tranh đấu có ý nghĩa cho độc lập dân tộc.

Nếu hai mươi năm, 1905, trước cụ Phan chủ động ghé nhà bạn và gặp Nguyễn Tất Thành thì thời điểm này, 1924, Lý Thụy là người chủ động.

Đến Quảng Châu sau vụ Phạm Hồng Thái mưu sát toàn quyền Merlin ở Sa Diện, Hồ Chí Minh lúc đó mang tên Nguyễn Ái Quốc tìm gặp các đồng chí của Phạm Hồng Thái. Tại căn nhà nhỏ tồi tàn trong một hẻm phố, Hồ Chí Minh gặp Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Lê Hồng Phong trong nhóm Tâm Tâm Xã. Cả ba cùng quê Nghệ An với Hồ Chí Minh. Trước hết Hồ Chí Minh ca ngợi chiến công bất tử của Phạm Hồng Thái: “*Sự hy sinh của Phạm Hồng Thái sẽ trở thành cánh én báo hiệu mùa xuân sắp về. Tên tuổi của anh sẽ sống mãi*”⁽⁵⁵⁾ Sau khi gặp Tâm Tâm Xã, Hồ Chí Minh được tin do ảnh hưởng của Tôn Trung Sơn, vào tháng 6/1924, Phan Bội Châu đã cải tổ Việt Nam Quang Phục Hội thành lập Quốc Dân Đảng Việt Nam.

Hai sự kiện chính trị trên của những người Việt Nam yêu nước ở Quảng Châu khiến Hồ Chí Minh thấy cần phải chủ động tìm gặp cụ Phan như đã chủ động tìm gặp nhóm Tâm Tâm Xã. Điều này đã được ghi lại trong cuốn sách của Viện Lịch Sử Đảng như sau: “*Đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết thư góp ý kiến với cụ Phan Bội Châu về đường lối và phương pháp cách mạng. Cụ tiếp thu những ý kiến đó, nhưng chưa kịp sửa chữa thì đã bị đế quốc Pháp bắt gửi về nước vào năm 1925...Rất may là Nguyễn Ái Quốc đã có một*

⁽⁵⁵⁾ *Ép-ghê-nhì Ca-bê-lép: Đồng chí Hồ Chí Minh, T.1 – Thanh Niên, Hà Nội 1985 – Tr.195.*

số lần gặp được Phan Bội Châu, khi thì ở Quảng Châu, khi thì ở Thượng Hải (Trung Quốc)...mặc dù các cuộc nói chuyện này không thông suốt ngay tức khắc, song dần dần đã đem lại những kết quả mong muốn. Họ đã đi đến quyết định, là mùa hè năm 1925, sẽ tổ chức hội nghị hạt nhân lãnh đạo của đảng. Hội nghị này đã định số phận sau cùng của Quốc Dân Đảng.”⁽⁵⁶⁾

Như vậy, giữa cụ Phan Bội Châu và Hồ Chí Minh lúc đó mang tên Nguyễn Ái Quốc hay Lý Thụy đã gặp gỡ không chỉ một lần mà khoảng vài ba lần vào cuối năm 1924. Điều đáng lưu ý là giữa họ có sự khác biệt về quan điểm đấu tranh giải phóng dân tộc và đã có quyết định sẽ giải quyết dứt khoát vào dịp hội nghị Việt Nam Quốc Dân Đảng mùa hè 1925 tại Quảng Châu.

02.– Chứng cứ việc Hồ Chí Minh bán đứng cụ Phan cho Pháp.

Với người từng nhúng tay vào đủ loại tội ác như Hồ Chí Minh thì việc bán đứng một người yêu nước do khác chính kiến mà không thể khuất phục, nhất là để thủ đắc vị thế độc tôn không là điều ngạc nhiên. Tuy nhiên, nêu bằng chứng xác thực về hành động này vẫn là điều cần thiết.

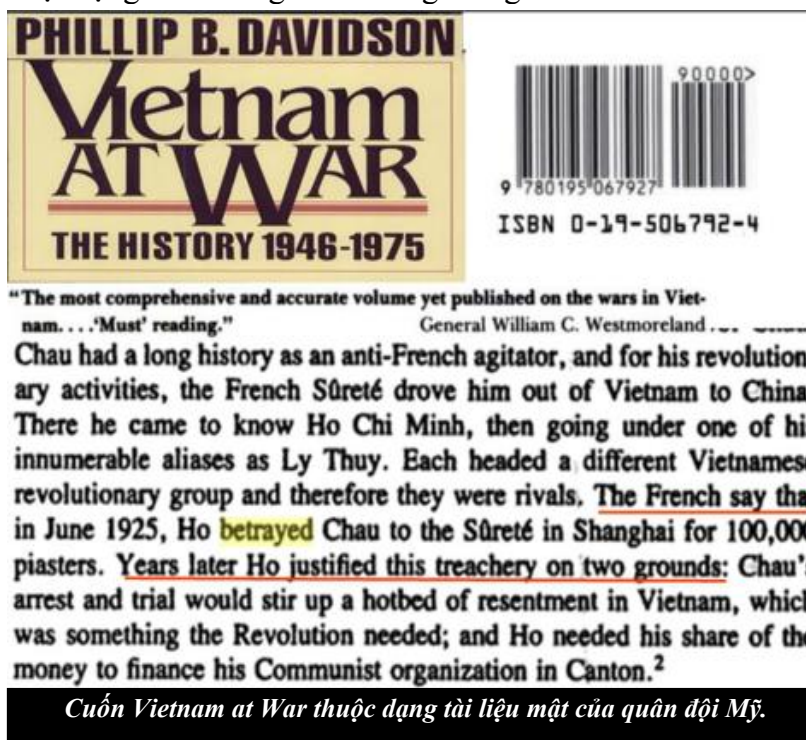
– Đầu tiên, cuốn *Vietnam at War* của Phillip B. Davidson, cựu sĩ quan tình báo Mỹ đã viết: “*The French say that in June 1925, Ho betrayed to the Surete in Shanghai for 100,000 piaster...*” đại ý là Hồ Chí Minh với bí danh Lý Thụy lúc đó đã bán đứng cụ Phan cho mật vụ Pháp tại Thượng Hải.

– Thứ hai, cuốn *A Dragon Embattled* của Joseph Buttinger khẳng định Hồ Chí Minh đã nhận 150.000 đồng bạc Đông Dương từ Pháp và bán cụ Phan. Cuốn sách cũng viết về sự cộng tác của Lâm Đức Thụ với việc làm của Hồ

⁽⁵⁶⁾ *Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tiểu Sử Và Sự Nghiệp – Sự Thật*, Hà Nội 1987.

Chí Minh: “*Lam Duc Thu and Thanh (HCM) split 150,000 piasters, which Thanh later used to fund his own fledgling communist organization, Vietnamese Revolutionary Youth Association... Ho Chi Minh promised to protect Thu with condition that Thu must keep a low and “quiet” life in the village and not to reveal the secret about “activities” of both when they had lived in Hong Kong...*” ⁽⁵⁷⁾

Đoạn sách nói Hồ Chí Minh và Lâm Đức Thụ bán thông tin về cụ Phan cho Pháp với mục đích vừa có tiền vừa triệt tiêu đối thủ chính trị để củng cố tổ chức của Hồ Chí Minh. Đoạn sách cũng ghi Hồ Chí Minh hứa sẽ bảo vệ Lâm Đức Thụ với điều kiện Lâm Đức Thụ phải tuyệt đối giữ kín hoạt động của hai người ở Hong Kong.



⁽⁵⁷⁾ Praeger, New York 1967 – Tập 1.

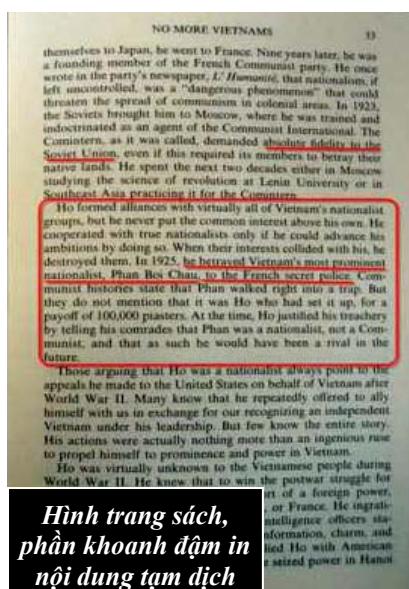
Trên thực tế, khi vụ việc lan truyền, đảng cộng sản có lúc đã tạo dư luận đổ tội cho Lâm Đức Thụ bán cụ Phan. Tuy nhiên việc Hồ Chí Minh hứa bảo vệ Lâm Đức Thụ và yêu cầu Lâm Đức Thụ im lặng để đổi lấy cuộc sống bình yên cho thấy Lâm Đức Thụ không giữ vai trò chủ động trong vụ việc.

– Thứ ba, hồi ký *No more Vietnams* của cựu tổng thống Mỹ Richard Nixon, trang 33 có đoạn viết tạm dịch như sau: “Ông Hồ liên minh với hầu hết phần tử Quốc Gia nhưng ông ta không bao giờ đặt mục tiêu chung lên trên mục tiêu của ông ta. Ông ta liên minh với các nhóm này là để phục vụ cho mục đích củng cố tham vọng của ông ta. Khi có mâu thuẫn, ông ta sẵn sàng tiêu diệt họ.

Năm 1925, ông Hồ phản bội nhà cách mạng lão thành nhất của Việt Nam là Phan Bội Châu cho mật vụ Pháp. Lịch sử của CS đã nói rằng Phan Bội Châu đã sa ngay vào một cái bẫy, nhưng không nói ra cái bẫy đó là của ông Hồ để nhận được hơn 100 ngàn quan Pháp.

Vào thời đó, ông Hồ biện hộ cho sự phản bội của ông ta với các đồng chí của ông ta rằng Phan Bội Châu là một người quốc gia và do đó sẽ trở thành đối thủ trong tương lai.”

Cựu tổng thống Nixon đã chỉ đích danh Hồ Chí Minh bán đứng cụ Phan. Với các tổng thống Mỹ khi đề cập tới người đối lập cũng không bao giờ họ làm một việc bẩn thiu là bôi nhọ đối thủ. Trường hợp tổng thống Nixon viết



sách bằng chính tên mình càng không cho phép viết bừa bãi. Hơn nữa, thông tin mà Nixon sử dụng là thông tin có sự chuẩn hóa từ phía đồng minh Pháp và của tình báo Mỹ.

– Thứ tư là tác phẩm của David Halberstam, ký giả từng có mặt ở Việt Nam và đoạt giải Pulitzer năm 1964 qua các phóng sự chiến trường cũng như vụ đảo chính chính quyền Ngô Đình Diệm. David Halberstam là người thiên tả khiến tổng thống Kennedy từng buộc tờ New York Times đưa ông rời khỏi Việt Nam vì sợ ông làm tăng không khí phản chiến tại đây. Như thế có thể coi David Halberstam là “bạn” của cộng sản. Tuy nhiên ông ta đã viết cuốn “*Ho*” dài 120 trang xuất bản năm 1971 và tái bản năm 1987, trong đó trang 56 cũng khẳng định “*Việc Hồ Chí Minh bán cụ Phan Bội Châu cho mật thám Pháp để lấy 150,000 đồng tiền thưởng là có thật.*”

– Thứ năm là bài báo trên tờ Washington Post viết về vụ việc này. Washington Post là tờ báo nổi tiếng thế giới với các bài viết chất lượng cao và trung thực. Bài viết có đoạn nguyên văn như sau:

“... In Shanghai, Chau met Ho Chi Minh, then operating under the alias Ly Thuy. As heads of rival nationalist, revolutionary groups, they immediately distrusted each other, but in their quarrels Ho struck the first blow. In June 1925, for 100,000 piastres, he betrayed Chau to agents of the Deuxieme Bureau, Surete Generale du Gouvernement General pour l'Indochine (abbreviated as 2d Bureau) – the French police – and he was seized while passing through Shanghai's international settlement. Ly Thuy later rationalized that his was a good act.”

Tạm dịch: “*Tại Thượng Hải, Châu đã gặp Hồ Chí Minh, lúc đó hoạt động dưới bí danh Lý Thụy. Là thủ lĩnh các nhóm đấu tranh quốc gia, cách mạng, họ không tin tưởng nhau ngay lập tức, nhưng trong những tranh cãi của họ, Hồ đánh đòn đầu tiên. Trong tháng Sáu năm 1925 vì*

100.000 đồng bạc, Hồ đã phản bội đầy Châu cho các nhân viên Phòng Nhì thuộc Nha An Ninh chính quyền Đông Dương — Cảnh sát Pháp — và ông Châu đã bị bắt giữ trong khi đi qua vùng tô giới quốc tế Thượng Hải. Lý Thụy sau đó hợp lý hóa hành vi của mình là một hành động tốt...”

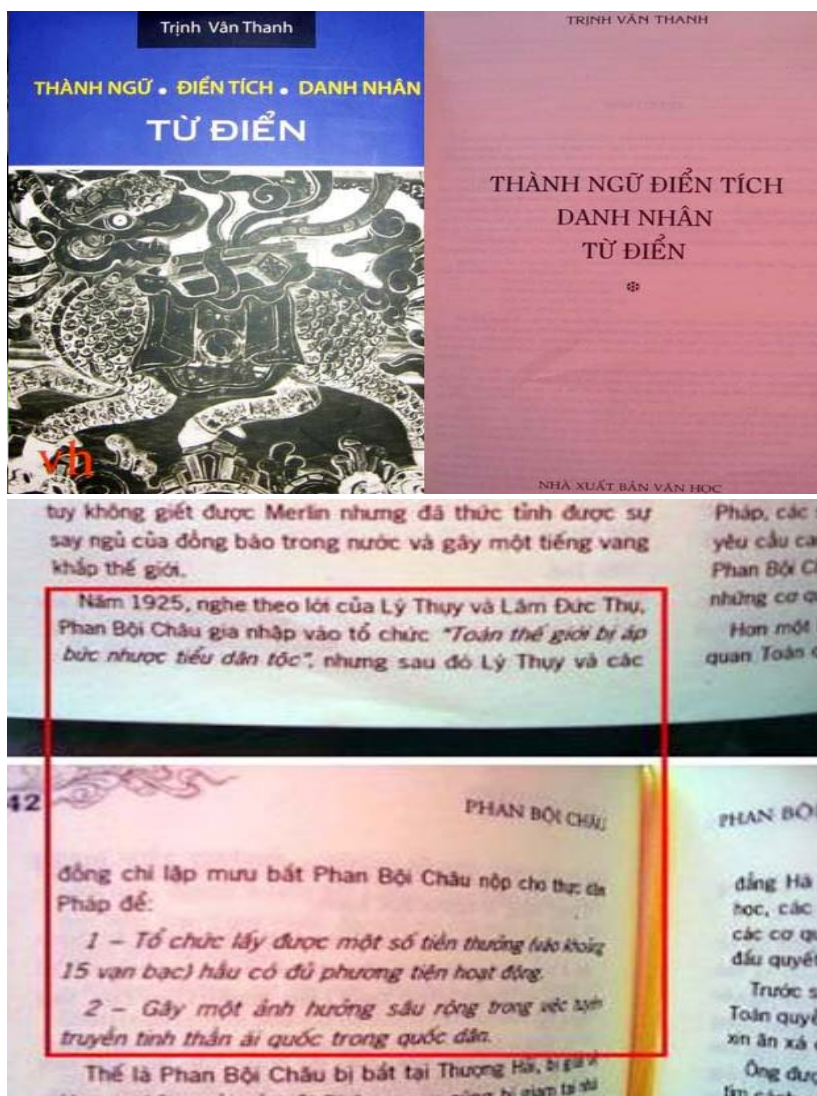
Với ngàn ấy bằng cứ từ các giới báo chí, chính trị quốc tế, sự việc kể như đã được khẳng định. Đó là chưa kể bài viết của Nhượng Tống tại Hà Nội năm 1928 khi chưa ai biết Lý Thụy là người nào và bằng cứ từ các chứng nhân thuộc nhóm Tâm Tâm Xã, trong số có con rể cụ Phan. Tuy nhiên có thể vẫn có lập luận bào chữa các bằng cứ đó xuất phát từ phía đối nghịch với cộng sản dù một người cung cấp là David Halberstam thiên tả luôn ủng hộ cộng sản trong cuộc chiến Việt Nam 1954-1975. Nhưng, lập luận bào chữa trên sẽ mất điểm tựa với bằng cứ khởi từ “lề đảng” sau đây.

– Thứ sáu, năm 2008, nhà xuất bản Văn Học tại Việt Nam ấn hành tác phẩm *Thành Ngữ – Điển Tích – Danh Nhân Từ Điển* của Trịnh Vân Thanh, Trịnh Chuyết, trong mục nói về Phan Bội Châu, trang 742, đã viết: “*Năm 1925, nghe theo lời của Lý Thụy và Lâm Đức Thụ, Phan Bội Châu gia nhập vào tổ chức “Toàn Thế Giới Bị Áp Bức Nhược Tiểu Dân Tộc”, nhưng sau đó Lý Thụy và các đồng chí lập mưu bắt Phan Bội Châu nộp cho thực dân Pháp để:*

–1) Tổ chức lấy được một số tiền thưởng (vào khoảng 15 vạn bạc) hầu có đủ phương tiện hoạt động.

–2) Gây một ảnh hưởng sâu rộng trong việc tuyên truyền tinh thần ái quốc trong quốc dân.

Sách do một nhà xuất bản của nhà nước cộng sản Việt Nam ấn hành tức phải qua kiểm duyệt của đảng và các cơ quan tuyên giáo. Nhưng sự việc vẫn được thông qua có lẽ vì người kiểm duyệt đã quen với luận điệu biện giải từ lâu là “*Bác làm thế để lấy tiền hoạt động, tuyên truyền cho phong trào cách mạng và để thúc đẩy tinh thần yêu nước của người dân khi thấy cụ Phan bị bắt.*”



Đây là luận điệu từng có nhiều năm để tô hồng cho Hồ Chí Minh trong vụ việc này nên trang sách trên đã không gọi vấn đề nào với người kiểm duyệt, vì hành vi đâm sau lưng người yêu nước khác chính kiến đã là hành vi đấu tranh bắt buộc với người cộng sản.

– Thứ bảy là những dòng viết của Hồ Chí Minh dưới bút hiệu Trần Dân Tiên khi nói về cụ Phan Bội Châu: “*Vừa nghiên cứu làm việc để sống, ông Nguyễn (tức Hồ Chí Minh) vẫn ra sức làm việc cho tổ quốc mình. Ông bắt đầu tổ chức đồng bào Việt kiều ở Trung Quốc. Tổ chức này gọi là Hội Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí...Hoạt động của Hội Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí bắt đầu lan vào trong nước. Thực dân Pháp gián tiếp giúp đỡ rất nhiều.*”⁽⁵⁸⁾

Khi dùng bút danh Trần Dân Tiên để ca ngợi mình, Hồ Chí Minh đã lộ một câu tự phơi bày bản chất, đồng thời gián tiếp gợi nhắc vấn đề liên hệ tới trường hợp cụ Phan. Bởi tại sao lại có chuyện Thực Dân Pháp gián tiếp giúp đỡ? Giúp đỡ cái gì? Việc gì?

Sẽ không khó để hiểu rằng Hồ Chí Minh đang ngầm tự ca tụng về quyết định phản bội cụ Phan để được Pháp giúp tiền củng cố tổ chức.

– Thứ tám, một tác giả cũng được coi như “bạn” của đảng cộng sản là William J. Duiker viết về Hồ Chí Minh cố bác bỏ việc Hồ Chí Minh dính vào vụ bán cụ Phan cho Pháp. Duiker viết: “*Chính Phan Bội Châu đã cho biết kẻ chỉ điểm cho Pháp bắt mình là Nguyễn Thượng Huyền.*”

Thực ra, qua những dòng trong *Phan Bội Châu niên biểu*, cụ Phan chỉ cho biết được nghe nói như thế và tin theo chứ không hề xác định bằng chứng nào.

Sự việc này đã được sử gia Phạm Văn Sơn đề cập và cho rằng Phan Bội Châu nghi oan cho Nguyễn Thượng Huyền. Và lại, chính Nguyễn Thượng Huyền đã công khai lên tiếng khi biết nội vụ vào dịp về Việt Nam khoảng năm 1965, và đăng một bài cải chính nói rõ vụ việc trên tờ “*Bách Khoa*” số 73”⁽⁵⁹⁾

⁽⁵⁸⁾ *Bác Hồ Những Năm Tháng ở Nước Ngoài, UNESCO – Hà Nội 1999*

⁽⁵⁹⁾ *Việt Sử Tân Biên – Sài Gòn 1972 – Q.7, tr. 254, 229.*

Như vậy, trong ba người được nêu tên liên hệ đến vụ bán người thì hai người đã lên tiếng.

Nguyễn Thượng Huyền đối diện thẳng với vấn đề để chứng minh sự vô can của mình, còn Lâm Đức Thụ, theo ghi nhận của Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, đã khoe đó là thành tích do chính mình đạt được. Năm 1925, Lâm Đức Thụ là người thân tín của Hồ Chí Minh được dành cho vai trò lãnh đạo cao nhất của Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội nên không thể không bàn với Hồ Chí Minh về mọi công việc. Như thế, nếu cụ Nguyễn Thượng Huyền bán đứng cụ Phan cho Pháp thì đã bị Hồ Chí Minh lúc đó còn sống phản bác khi cụ Huyền khẳng định mình không bán cụ Phan. Chỉ có một lý do khiến Hồ Chí Minh phải im lặng là chính ông ta và Lâm Đức Thụ chủ mưu.

– Thứ chín, trong cuốn sách của tác giả cộng sản Liên Xô được phát hành bởi đảng CSVN có một đoạn đáng chú ý: *“Đồng chí Nguyễn (Lý Thụ) đã có những biện pháp để củng cố vị thế của mình trong tổ chức hội thanh niên yêu nước một cách khôn khéo. Người Pháp tưởng như câu được một con cá to nhưng không hẳn như vậy. Sự việc đó có lợi cho phong trào của đồng chí...”*⁽⁶⁰⁾

Tuy không nói thẳng ra, tác giả cộng sản này đã nhắc đến việc Hồ Chí Minh củng cố phong trào cộng sản bằng việc lừa người Pháp. Sự việc này và biệt danh Lý Thụ trùng với thời điểm Hồ Chí Minh gặp cụ Phan và muốn củng cố tổ chức nên chắc chắn muốn nói đến bán đứng cụ Phan mà tác giả Liên Xô ám chỉ là *“Con cá to.”*

– Thứ mười là văn bản gửi Đệ Tam Quốc Tế ngày 20/4/1935 của Hà Huy Tập, một người cộng sản tiền bối và được đảng cộng sản trọng vọng. Văn bản như sau:

“Trước và sau đại hội của đảng, một số đồng chí khi nói chuyện với nhau thường bàn về đồng chí Nguyễn Ái

⁽⁶⁰⁾ *Ép-ghe-nhi Ca-bê-lép: Đồng chí Hồ Chí Minh– T.2. Thanh Niên, Hà Nội*

Quốc. Họ cho rằng Quốc chịu trách nhiệm về việc mật thám bắt hơn 100 hội viên đoàn thanh niên, bởi vì:

a) Quốc biết rõ Lâm Đức Thụ là một tên khiêu khích nhưng vẫn làm việc với hắn.

b) Quốc đã phạm sai lầm khi yêu cầu mỗi thanh niên nộp hai bức ảnh, ghi rõ tên thật, địa chỉ, tên cha mẹ, ông bà, cụ kỵ cùng với tên của từ 2 đến 10 người bạn.

c) Ở trong nước, ở Xiêm (Thái Lan) và ở trong tù, người ta vẫn còn bàn tán đến trách nhiệm của Quốc, trách nhiệm mà anh ta không dám chối.”

Theo Hà Huy Tập, Hồ Chí Minh đã sai lầm khi đòi hỏi những người gia nhập tổ chức phải khai rõ lý lịch, nộp hình ảnh và tin cậy Lâm Đức Thụ nên những tài liệu này rơi vào tay mật thám Pháp khiến hàng trăm người đã bị bắt. Hồ Chí Minh biết Lâm Đức Thụ là gián điệp nhưng vẫn dung túng để chính các đồng chí của mình bị bắt đã cho thấy có sự đồng mưu bán đứng cho Pháp những người yêu nước trong đó có cụ Phan.

– 29/06/2012

– *Chương 08 :*

**HỒ CHÍ MINH & ÂM MƯU
HÁN HÓA VIỆT NAM**

Như đã thấy, đảng cộng sản Việt Nam đang thực hiện chính sách “hèn với giặc Trung Cộng, ác với nhân dân yêu nước Việt Nam”. Cụ thể là họ im lặng trước các hành động xâm lấn, bắt giữ ngư dân của Trung Cộng. Đề ra luật biển làm một lá bùa mị dân, rồi chính họ cho công an đàn áp người biểu tình ôn hòa ủng hộ cái luật “ảo” đó. Ngoài ra là việc mất ải Nam Quan, thác Bản Giốc, Bôxít Tây Nguyên, người Tàu tràn ngập Việt Nam... và gần đây là chủ trương dạy tiếng Hoa trong trường học. Vấn đề không phải mới, nhưng nhân dân ta thường quan niệm đó là lỗi của những thế hệ đảng viên sau này như Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh... Điều đó đúng nhưng chưa đủ bởi âm mưu Hán hóa toàn diện đã bắt đầu từ lâu rồi.

● **BÀI THƠ CHỮ HÁN ĐẦU TIÊN
CỦA HỒ CHÍ MINH**

Các chương trước đã đề cập đến việc Hồ Chí Minh chỉ đạo việc bán các hải đảo và thực hiện nhiều chính sách theo chủ trương của Trung Cộng. Ngoài ra, một trong hai lá thư của Hồ Chí Minh gửi Stalin để báo cáo về Cải Cách Ruộng Đất và xin viện trợ vũ khí, Hồ Chí Minh từng ký tên bằng chữ Hoa. Cho tới nay đã có hai ý kiến về việc này.

Ý kiến thứ nhất coi Hồ Chí Minh là điệp viên của Trung Cộng trong khi ý kiến thứ hai nêu giả thuyết Hồ Chí

Minh muốn chứng tỏ mức độ Hán hóa của bản thân.

Sẽ hấp tấp và thiếu sót khi coi Hồ Chí Minh là người Hoa mà không nêu ra các bằng cứ chính xác. Do đó, tốt nhất là hãy xét vấn đề theo ý kiến thứ hai.

Cách đây không lâu, trên tờ báo của quân đội nhân dân Việt Nam, An Ninh Biên Giới số 15, trang 24 đã đăng một bài của tác giả Phạm Duy Trường với tiêu đề *Bài báo bằng thơ chữ Hán đầu tiên của Bác Hồ.*⁽⁶¹⁾

Bài báo viết: “*Nhờ sự giới thiệu của văn phòng Bát Lộ Quân ở Quế Lâm (TQ). Một buổi tối tháng 11 năm 1940, Nguyễn Ái Quốc mang bản thảo bài thơ làm bằng chữ Hán “Cứu Trung Quốc thị cứu tự kỷ – Cứu Trung Quốc là tự cứu mình” đến số nhà 12, đường Thái Bình là nơi ở của tổng biên tập tờ Cứu Vọng Nhật Báo tên là Hạ Diễn. Đọc xong bài thơ này, Hạ Diễn rất thích, nhưng Hạ Diễn đề nghị Người cầm về rồi gửi bằng đường bưu điện đến cho tòa báo để phòng khi bọn Quốc Dân Đảng lục soát thì Hạ Diễn có chiếc phong bì đã được đóng con dấu bưu điện mang ra đối phó. Từ đó Nguyễn Ái Quốc thường gửi bài đến tòa báo.*

Cứu Vọng Nhật Báo là một tờ báo do Đảng Cộng Sản Trung

救中國是救自己
平山
日本東方法西斯，
野蠻凶暴又殘酷。
發動了侵華戰爭，
中國人民被荼毒。
人被殺了家被焚
滿地血紅滿山骨。
飛機落彈無可免，
饑寒疾病難生活。
他們艱苦地斗争
保衛民主與和平。
他們需要援助者，
他們需要有同情。
日鬼向世界進攻，
他是人類之公敵。
越南兄弟姊妹阿，
快快起來助中國。
努力幫助中國人，
中國越南如唇齒。
須知唇亡則齒寒，
救中國是救自己。

⁽⁶¹⁾http://phuongcakanh.blogtiengviet.net/2012/05/19/bani_thai_charm_hain_a_aosu_tiaon_carsa.

Quốc lãnh đạo trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, sáng lập ở Thượng Hải tháng 8 năm 1937, năm 1938 rời về Quảng Châu, đầu năm 1939 rời về Quế Lâm vào tháng 10 năm 1940 và trung tuần tháng 12 thì rời Quế Lâm. Nguyễn Ái Quốc đến Quế Lâm vào tháng 10 năm 1940 và trung tuần tháng 12 thì rời Quế Lâm. Trong thời gian đó, Người đã viết cho Cứu Vong Nhật Báo tám bài sau đây với bút danh là Bình Sơn...”

Như vậy, ngay từ bài báo đầu tiên bằng chữ Hán, Hồ Chí Minh đã chọn một tiêu đề bày tỏ tâm ý đặc biệt hướng về Trung Cộng. Tại sao cứu Trung quốc lại là tự cứu mình? Phải chăng Hồ Chí Minh coi Việt Nam chỉ là một phần máu thịt của Trung quốc? Xin cùng tìm hiểu thêm về bài thơ qua bài viết của Phạm Duy Truông :

“Tập chí Hàn Nôm số 1 năm 1990, nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho đăng bài Cứu Trung Quốc Thị Cứu Tự Kỷ đăng trên tờ Cứu Vong Nhật Báo ngày mùng 4 tháng 12 năm 1940. Theo bài viết này, đây là bài thơ chữ Hán sớm nhất của chủ tịch Hồ Chí Minh đăng trên báo. Xin giới thiệu lại cùng bạn đọc nguyên văn bản chữ Hán, được Phác Can phiên âm, dịch nghĩa và dịch thơ:

Cứu Trung Quốc Là Tự Cứu Mình

*Nhật Bản phát xít ở phương Đông,
Dã man cuồng bạo lại tàn hung.
Vào Trung Hoa gây chiến xâm lược,
Nhân dân Trung Quốc khổ vô cùng.
Người thì bị giết, nhà bị thiêu,
Núi đầy xương, đất đầy máu đỏ.
Tàu bay, bom đạn, tránh làm sao?
Đói rét, ốm đau, sống thật khó.
Họ đang đấu tranh rất gian khổ,
Giữ gìn dân chủ và hòa bình.
Họ đang cần có người viện trợ,*

*Họ đang cần được sự đồng tình.
Giặc Nhật tấn công cả thế giới,
Là kẻ thù chung toàn nhân loại.
Mau đứng lên mà giúp Trung Hoa,
Anh chị em Việt Nam ta hồi!
Ra sức giúp cho người Trung Quốc,
Trung Việt khác nào môi với răng.
Nhớ rằng môi hở thì răng buốt,
Cứu Trung Quốc là tự cứu mình.*

BÌNH SƠN

4/12/1940

Suốt bài thơ trên, Hồ Chí Minh toàn kể khổ hộ nhân dân “*Trung Hoa anh em*” mà không hề nhắc đến lầm than của dân tộc Việt Nam nơi quê nhà, thậm chí còn kêu gọi nhân dân Việt Nam đang oằn mình trong đói khổ, chiến tranh phải “giúp đỡ” nhân dân Trung Hoa mà Hồ Chí Minh ca ngợi tinh thần “*môi hở răng buốt*” của kẻ thù ngàn năm với dân tộc. Câu cuối, Hồ Chí Minh lặp lại nội dung tiêu đề bài thơ “*Cứu Trung Quốc là tự cứu mình.*”

Nhìn lại thời điểm 1940, đất nước Việt Nam còn trăm bề khổ sở trong ách thống trị thực dân Pháp. Một người Việt Nam thực sự yêu nước như cách tuyên truyền của đảng cộng sản không thể vô cảm với dân tộc mình trong khi bày tỏ tình thương với kẻ thù truyền thống của dân tộc. Điều này ít nhất cho thấy 3 điều:

– Khẳng định việc Hồ Chí Minh rời bến Nhà Rồng không vì lòng yêu nước mà chỉ đi kiếm ăn cho bản thân.

– Đến năm 1940 Hồ Chí Minh cũng chưa hẳn đã yêu nước như đảng cộng sản ca ngợi mà chỉ quan tâm về ý thức hệ cộng sản tới mức cuồng nhiệt ủng hộ Trung Cộng.

– Và quan trọng hơn là trong bài thơ, Hồ Chí Minh bày tỏ tình yêu giành cho Trung Cộng dạt dào gấp vạn lần giành cho Việt Nam. Nói cách khác Hồ Chí Minh đã tự coi mình và Việt Nam là một phần không thể tách rời của

Trung Hoa như Tô Hữu đã tả: “*Bên kia biên giới là nhà, bên đây biên giới cũng là quê hương.*”

Qua bài thơ đầu tiên bằng chữ Hán, Hồ Chí Minh đã quên hẳn cảnh ngộ Việt Nam đang lâm than khổ cực để bày tỏ tình cảm nồng nàn với Trung Hoa. Tình yêu này chính là bước thể hiện đầu tiên cho âm mưu Hán hóa Việt Nam của Hồ Chí Minh trong thời gian sau.

● CỎ VŨ HÁN HÓA VÀ LÀM CHƯ HẦU CHO TRUNG CỘNG

Đất nước Việt Nam, giang sơn Việt Nam là của toàn dân, của hơn 80 triệu người Việt Nam, con cháu của Bà Trưng, Bà Triệu... đã đổ máu xương suốt hơn bốn ngàn năm mới giữ được độc lập trước giặc Tàu, nhưng Hồ Chí Minh và đảng cộng sản cam tâm tiến hành cuộc Hán hóa, phản bội lại những gì cha ông đã dày công xây dựng.

Việc Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng bán hải đảo Hoàng Sa – Trường Sa cho Trung Cộng lấy vũ khí có thể coi chỉ là một hành động bán nước để thủ đắc quyền lực, làm chư hầu cho Trung Cộng, nhưng chủ trương Hán hóa toàn diện dân tộc bằng các quyết định kinh hãi là sự việc nghiêm trọng gấp ngàn vạn lần.

01.– Việt Minh kêu gọi dùng tiếng Hoa và bỏ chữ quốc ngữ

Nhật báo *Tiếng Dội* của chủ nhiệm Trần Tấn Quốc tại Sài Gòn, năm 1951, số 462, có bài tựa đề “*Việt Minh vận động cho Việt Nam làm chư hầu Trung Quốc*” in nguyên văn tờ truyền đơn do Trường Chinh ký như sau:

*“Ủy Ban Hành Chính Kháng Chiến
Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc
Năm thứ VII — Số: 284/LĐ
Tổng Thư Ký Đảng Lao Động VN
Hồi đồng bào thân mến!*

Tại sao lại nhận vào trong nước Việt Nam yêu mến của chúng ta, là một nước biết bao lâu làm chư hầu cho Trung quốc, cái thứ chữ kỳ quặc của bọn da trắng Tư Bản đem vào!

Tại sao ta lại truyền bá trong dân chúng từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau, cách viết chữ dị kỳ của tên thực dân Alexandre de Rhodes đã đem qua xứ mình như thế?

Không, đồng bào của ta nên loại hẳn cách viết theo lối Âu Tây ấy – một cách viết rõ ràng có mau thật đấy – và ta hãy trở về với thứ chữ của ông bà ta ngày trước, là thứ chữ nho của Trung Quốc.

Vả chẳng, người Trung Hoa, bạn của ta – mà có lẽ là thầy của chúng ta nữa, ta không hổ thẹn mà nhìn nhận như thế – có phải là dân tộc văn minh trước nhất hoàn cầu không? Còn nói gì đến y khoa của Âu Mỹ: Chúng chỉ cắt, đục, khoét, nạo! Có thể thôi!

Hỡi đồng bào yêu mến! Chúng ta hãy gạt bỏ cách chữa bệnh của bọn đế quốc phương Tây đem qua xứ ta!

Ta hãy bỏ nhà bảo sanh của chúng, bỏ bệnh viện của chúng, ta hãy dùng thuốc dán của ông cha ta để lại và nhất là dùng thuốc Tàu danh tiếng khắp cả hoàn cầu!!!!

Ta hãy trở về phương pháp này, trước nữa để ủng hộ các bạn Trung Hoa, sau nữa để loại ra khỏi nước Việt Nam yêu mến của ta bao nhiêu những đồ nhập cảng thực dân như là khoa học, phát minh v.v...

Ta hãy quét sạch lũ “trí thức” đã xuất thân ở các trường Âu Mỹ, đế quốc và thực dân!

Chúc “Tổng phản công” và “Thi hành mọi phương pháp bài trừ thực dân.”

Trường Chinh

Tổng thư ký đảng Lao Động

Đây là văn bản cho thấy đảng cộng sản chủ trương bán nước và Hán hóa dân tộc, kêu gọi làm chư hầu cho Trung Cộng. Việc này là một âm mưu Hán hóa của đảng

cộng sản. Có thể sẽ có ý kiến cho rằng sắc lệnh kêu gọi kia chỉ là thứ bịa đặt nhằm bôi nhọ đảng cộng sản. Trên thực tế đã có không ít bằng chứng khẳng định văn bản trên do Trường Chinh ký là thật.

Trước hết, số báo Tiếng Dội in bài trên nằm trong Thư Viện Tiếng Việt thuộc Bảo Tàng Viện Anh Quốc British Museum – London. Bạn đọc có thể kiểm chứng dễ dàng. Riêng về báo Tiếng Dội và nhà báo Trần Tấn Quốc thì thực tế sinh hoạt báo chí Việt Nam đã xác định tính nghiêm túc không thể chối cãi trong nghề nghiệp. Một chứng cứ cụ thể là sau tháng 4/1975, đảng cộng sản đã tích cực lôi kéo Trần Tấn Quốc tham gia sinh hoạt báo chí và khi Trần Tấn Quốc quyết định bỏ nghề báo, rời Sài Gòn về quê ở Sadec, tờ Đại Đoàn Kết vẫn ghi tên Trần Tấn Quốc như cộng tác viên. Do đó, không thể nói sắc lệnh trên của Trường Chinh là giả tạo.

Thứ hai, tại Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia I, Việt Nam hiện có một văn bản lưu giữ như nội dung bài báo Tiếng Dội đăng. Văn bản này lưu giữ trong kho văn thư của đảng cộng sản Việt Nam. Văn bản mất một phần dưới góc do yếu tố thời gian nên không thể thấy chữ ký của ai nhưng trên đầu sắc lệnh ghi rõ do đảng Lao Động Việt Nam ban hành. Dù không thấy chữ ký của ai nhưng văn bản là của đảng Lao Động và được Trung Tâm Lưu Trữ Quốc Gia lưu trữ nên không thể coi là giả tạo.

Thứ ba là nhắc nhở từ một tác phẩm của nhà xuất bản Trung Ương Trung Quốc xuất bản năm 1997 và tái bản năm 2000. Đây là tác phẩm của Hà Cẩn, một tác giả thuộc Viện Văn Học Trung Quốc, có tựa đề dịch sang tiếng Việt là *Mao Chủ Tịch Của Tôi* dày 438 trang. Trang 126 của cuốn sách này có đoạn viết tạm dịch như sau:

“Mao chủ tịch đánh giá việc Việt Minh đã từng muốn dùng tiếng Trung Quốc thay cho chữ quốc ngữ Việt Nam là một hành động cho thấy trước sau gì Việt Nam sẽ thuộc về chúng ta, ít nhất là về văn hóa.”

Đoạn trên cho thấy chính Mao Trạch Đông đã biết chủ trương bỏ quốc ngữ để dùng tiếng Hoa của Việt Minh và việc Mao dùng hai tiếng Việt Minh để gọi đảng cộng sản Việt Nam đã nêu rõ thời điểm ban hành sắc lệnh kêu gọi của Trường Chinh.

Thứ tư là bản thân con người Trường Chinh luôn tận tín cộng đảng Trung Hoa, đặc biệt là với Mao Trạch Đông. Thời gian thi hành Cải Cách Ruộng Đất, Trường Chinh là nhân vật tích cực nhất trong việc áp dụng các chỉ dẫn của cổ vấn Trung Cộng nên khi nhân dân ta thán đã bị Hồ Chí Minh biến thành một tội đồ trong chiến dịch sửa sai sau đó. Tóm lại, với Trường Chinh thì Trung Cộng luôn là ánh sáng chỉ đường, là vòng tay nâng đỡ nên biến Việt Nam thành một tỉnh của Trung Quốc cũng là một mong muốn.

02.– Ai là kẻ chỉ đạo Trường Chinh?

Có thể nói ngay là Trường Chinh dù giữ vai trò tổng bí thư Đảng cũng không thể tự ý ra một quyết định gì nếu không có chỉ đạo từ Hồ Chí Minh. Trong hệ thống tổ chức đảng cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh luôn là lãnh tụ tối cao với quyền lực tối thượng. Điều này đã được minh chứng khi xét về diễn tiến chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất và đáp ứng tuyên bố chủ quyền lãnh hải của Trung Cộng. Do đó, việc ban hành sắc lệnh kêu gọi nhân dân học tiếng Hoa phải có ý kiến của Hồ Chí Minh.

Xét về con người qua bài thơ trích dẫn, Hồ Chí Minh không giấu giếm tình cảm đối với Trung Cộng trong khi vẫn khẳng định “*Bác Mao luôn đúng*” và “*yêu Trung Quốc là yêu mình*.”

Xét về mặt chính trị, Hồ Chí Minh luôn tự coi là đảng viên Cộng Sản với tinh thần tuyệt đối tuân hành chỉ thị của lãnh tụ Stalin và Mao Trạch Đông.

Hãy đọc những dòng thư Hồ Chí Minh viết cho Stalin ngày 06/6/1938:

“Đồng chí hãy phân tôi đi đâu đó, hay là giữ tôi ở lại đây. Hãy giao cho tôi một việc làm gì mà theo đồng chí cho là có ích?”⁽⁶²⁾

Và một đoạn thư khác gửi Stalin ngày 31/10/1952:

“Đồng chí Stalin kính mến,

Tôi gửi cho đồng chí đề án cải cách ruộng đất của đảng Lao Động Việt Nam.

Đề án này tôi đã hoàn thành với sự giúp đỡ của hai đồng chí Liu Shaoshi và Van szia-Sian. Đề nghị đồng chí tìm hiểu và đưa ra chỉ thị về đề án này.”

Một đảng viên cộng sản gương mẫu tuyệt đối tuân hành chỉ thị từ các lãnh tụ cộng sản quốc tế, đồng thời lại là con người luôn tôn sùng và thương yêu thương quốc Trung Hoa như thể chắc chắn sẵn sàng Hán hóa dân tộc khi nhận thấy điều đó nằm trong ý muốn của các lãnh tụ Bắc Kinh.

Cho nên, văn bản kêu gọi từ bỏ chữ Quốc Ngữ để học chữ Hán dù ký tên Trường Chinh hay tên ai khác thì vẫn phải hiểu có nguồn gốc khởi phát là chỉ thị của Hồ Chí Minh.

Sự kiện này thêm một lần cho thấy Hồ Chí Minh không yêu dân tộc Việt Nam mà chỉ muốn biến dân tộc Việt Nam thành một tỉnh của Trung Cộng!

Đây là một sự thật không thể chối bỏ đồng thời cũng là minh chứng về các luận điệu tuyên truyền xảo trá, lường gạt cả dân tộc của đảng cộng sản Việt Nam suốt gần thế kỷ qua về lòng yêu quê hương, đất nước của Hồ Chí Minh và đảng cộng sản.

– 05/07/2012

⁽⁶²⁾ *Hồ Chí Minh Toàn Tập, t.3 trg 90.*

– *Chương 09 :*

**ÂM MƯU TRIỆT TIÊU
NỘI LỰC DÂN TỘC.**

Triệt hạ nội lực dân tộc là âm mưu từ đâu, bao gồm các mục tiêu nào, do ai thực hiện, thực hiện ra sao? Tất cả thắc mắc trên sẽ được lần lượt trả lời bằng những thực tế thu gom từ các sự việc, các khám phá, các phát biểu, các nhận định thực sự có thẩm quyền liên hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến 2 chủ điểm của vấn đề là thể lực chủ trương và nhân sự thực hiện.

Về thể lực chủ trương xin xác định ngay là đảng Cộng Sản Trung Hoa và nhân sự thực hiện cũng có thể nói thẳng là các thành phần lãnh đạo tối cao của đảng cộng sản Việt Nam với Hồ Chí Minh nắm vai trò tiêu biểu.

● **TRUNG CỘNG VÀ ÂM MƯU
TRIỆT HẠ SINH LỰC VIỆT NAM**

Sẽ không có gì thắc mắc khi xác nhận Trung Cộng đang theo đuổi âm mưu triệt hạ mọi nguồn sinh lực của Việt Nam. Đây là thực tế đã được chứng minh qua lịch sử bang giao giữa Việt Nam với quốc gia lân bang phương Bắc suốt mấy ngàn năm qua. Nếu chỉ tính từ khi triều đại nhà Hán khai nghiệp tại Trung Hoa thì hơn hai mươi thế kỷ bang giao giữa hai nước là hơn hai mươi thế kỷ chỉ ghi khắc chủ trương đè ép tàn khốc của Trung Hoa và những cuộc đối đầu liên tục bằng gươm đao, máu xương giữa hai giống người Hán – Việt.

Trên thực tế đã có những thời kỳ người Hán giành chiến thắng, đặt Việt Nam dưới ách thống trị của họ nhưng cuối cùng thì kẻ xâm lược vẫn bị đuổi về phương Bắc sau những thất bại quân sự thảm thương tại Bạch Đằng, tại Chi Lăng, tại Đống Đa... Tuy vậy, sau khi đảng Cộng Sản Trung Quốc giành được quyền lực thì giấc mơ bành trướng về phía Nam lại lập tức sống lại. Đây không phải ý kiến ghép buộc do đầu óc phân lập của một cá nhân mà là nhận định của nhiều chuyên gia từng có thời gian tìm hiểu hoặc có mặt tại Trung Hoa.

– Thứ nhất là phát biểu của một tướng lãnh cộng sản Việt Nam, tướng Nguyễn Trọng Vĩnh, đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Trung Hoa 13 năm từ 1974 đến 1987. Trang mạng của Học Viện Hành Chính Quốc Gia Việt Nam tại Hà Nội đã phổ biến một bài viết của tướng Nguyễn Trọng Vĩnh, trong đó nói về sự viện trợ của Trung Quốc cho Việt Nam cùng những mưu tính của Trung Quốc như sau: “... Sau khi ta ký hiệp định Giơ-ne-vơ, nước ta chia làm hai miền, Trung Quốc gợi ý ta xây dựng miền Bắc trước và thực hiện trường kỳ mai phục ở chiến trường miền Nam. Ý đồ là giữ chúng ta luôn ở thế yếu thì họ mới dễ khống chế (vì ta chỉ có một nửa nước). Họ không muốn ta hoàn toàn giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, trở thành một nước mạnh tuột khỏi tay Trung Quốc...”

“... Giúp nhiều như vậy, một mặt họ bắt ta phải hàm ơn, phải đi theo; mặt khác, buộc ta phải lệ thuộc họ về phụ tùng nguyên liệu. Vì vậy họ tiếp tục giúp ta về tiền và vật chất mãi đến khi chúng ta giải phóng hoàn toàn miền Nam...”

“... Sau Tết Mậu Thân, khi Mỹ dao động quyết tâm, ta cũng thấy có thời cơ thương lượng, thì Trung Quốc không muốn ta đàm phán mà muốn ta “đánh Mỹ đến người Việt Nam cuối cùng” vừa để cho ta kiệt quệ vừa để Mỹ sa

lấy phải tìm đến Trung Quốc.”⁽⁶³⁾

Ba đoạn trích trên về nhận định của một người nằm trong guồng máy của đảng cho thấy Trung Cộng chỉ muốn kìm hãm sự phát triển của Việt Nam và muốn kéo dài chiến tranh huynh đệ tương tàn. Câu phát biểu *“Trung quốc muốn đánh Mỹ đến người Việt Nam cuối cùng”* thật ngắn gọn nhưng đã nói lên trọn vẹn âm mưu hiểm độc của Trung Cộng trong ý hướng đẩy Việt Nam vào thế kiệt quệ cùng cực về mọi phương diện.

– Thứ hai là vai trò Việt Nam trong chiến lược toàn cầu của Trung Cộng theo diễn tả của tác phẩm *Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 30 năm qua* do nhà xuất bản Sự Thật phát hành cuối năm 1979:

“Trong chiến lược toàn cầu của những người lãnh đạo Trung Quốc, nếu họ coi Liên Xô và Mỹ là những đối tượng chủ yếu cần phải chiến thắng, thì họ coi Việt Nam là một đối tượng quan trọng cần khuất phục và thôn tính để dễ bề đạt được lợi ích chiến lược của họ.”...

Cuốn sách đề cập tới đường biên giới theo bản đồ tự họa của Trung Quốc bao gồm cả Nepal, Miến Điện, Thái Lan, Lào, Campuchia, Việt Nam... đồng thời ghi một lời khẳng định của Mao Trạch Đông trong cuộc họp Bộ Chính Trị đảng Cộng Sản Trung Quốc vào tháng 8 năm 1965:

“Chúng ta phải giành cho được Đông Nam châu Á, bao gồm cả miền Nam Việt Nam, Thái Lan, Miến Điện, Malayxia và Singapore... Một vùng như Đông Nam Châu Á rất giàu, ở đây có nhiều khoáng sản... xứng đáng với sự tốn kém cần thiết để chiếm lấy... Sau khi giành được Đông Nam Châu Á, chúng ta có thể tăng cường được sức mạnh của chúng ta ở vùng này, lúc đó chúng ta sẽ có sức mạnh đương đầu với khối Liên Xô – Đông Âu, gió Đông sẽ thổi bạt gió Tây...”

⁽⁶³⁾ <http://www.hanhchinh.com.vn/forum/showthread.php?t=33483&page=1>

Trích đoạn do chính người cộng sản Việt Nam sưu tập cho thấy họ đã phải nhìn nhận thực tế là ý muốn “khuất phục” Việt Nam của Trung Cộng hay cụ thể hơn là luôn theo đuổi mưu đồ biến Việt Nam thành một phần đất của họ. Cuốn sách nêu thêm một bằng cứ :

“Trong cuộc gặp giữa đại biểu bốn đảng cộng sản Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ và Lào tại Quảng Đông tháng 9 năm 1963, thủ tướng Chu Ân Lai nói: “Nước chúng tôi thì lớn nhưng không có đường ra, cho nên rất mong Đảng Lao Động Việt Nam mở cho một con đường mới xuống Đông Nam Châu Á.”

Từ đây, chính cộng sản Việt Nam đã nhận định về người bạn láng giềng phương Bắc như sau:

“Để làm suy yếu và nắm lấy Việt Nam, họ ra sức phá sự đoàn kết giữa ba nước ở bán đảo Đông Dương, chia rẽ ba nước với nhau, đặc biệt là chia rẽ Lào và Campuchia với Việt Nam. Đồng thời họ cố lôi kéo các nước khác ở Đông Nam Châu Á đối lập với Việt Nam, vu khống, bôi xấu, hòng cô lập Việt Nam với các nước trên thế giới.”

Và:

“Trong 30 năm qua, những người lãnh đạo Trung Quốc coi Việt Nam là một trong những nhân tố quan trọng hàng đầu đối với chiến lược của họ, luôn luôn tìm cách nắm Việt Nam. Muốn như vậy, nước Việt Nam phải là một nước không mạnh, bị chia cắt, không độc lập và lệ thuộc Trung Quốc.” (64)

Như vậy, Trung Cộng không chỉ tìm cách cô lập hóa Việt Nam mà còn muốn đẩy Việt Nam vào một cuộc nội chiến tương tàn để tạo thuận lợi cho họ đạt mục tiêu thôn tính. Trên thực tế, Chu Ân Lai đã thúc đẩy chia đôi Việt Nam tại hội nghị Geneve 1954 và sau đó Trung Cộng đã tích cực viện trợ vũ khí, lương thực cho miền Bắc để gây

(64) <http://www.vnmilitaryhistory.net/index.php?topic=9915.0>

chiến với miền Nam Việt Nam. Đáng kể là thực tế trên đã do chính những người cộng sản Việt Nam nói ra.

– Thứ ba là nhận định của một học giả Nga cũng là đảng viên cộng sản Nga, Ruslan Kobachenko, trong một tác phẩm sưu tập những vấn đề ẩn khuất trong mối tương quan Liên Xô – Trung Cộng và Việt Nam. Tác phẩm do nhà xuất bản Lịch Sử Liên Bang Nga ấn hành năm 1995 — tựa đề dịch ra tiếng Việt là *Liên Xô- Trung Quốc và Việt Nam, Vấn Đề Chưa Được Biết* — trang 235 có đoạn viết : “*Trung Quốc muốn Việt Nam không toàn vẹn và nội chiến. Họ muốn chúng ta (ý nói Liên Xô) phải suy yếu khi đối đầu với Mỹ và Việt Nam là con bài trong tay họ.*”

Điều này cho thấy chính những người cộng sản Nga cũng công nhận Trung Cộng âm mưu triệt hạ Việt Nam bằng cách làm cho Việt Nam suy yếu để lợi dụng cho mục tiêu bành trướng.

– Thứ tư, chính cuốn *Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 30 năm qua* đã nhắc ở trên còn có đoạn mô tả cụ thể về hành vi thực tế của Trung Cộng trong tiến trình triệt tiêu nội lực Việt Nam như sau:

“*Để tăng sức ép đối với Việt Nam, những người lãnh đạo Trung Quốc còn chỉ thị cho sứ quán của họ ở Hà Nội xúi giục, tổ chức người Hoa ở Việt Nam gây rối, chống lại chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Cùng với hàng vạn người thuộc “bộ đội hậu cần” Trung Quốc sang làm đường giúp Việt Nam ở những tỉnh phía Bắc từ năm 1965 đến 1968, bọn phản động người Hoa tuyên truyền cho “tư tưởng Mao Trạch Đông” và “cách*



mạng văn hóa”, xuyên tạc đường lối của Việt Nam, tổ chức các màn lưới gián điệp. Những người cầm quyền Bắc Kinh còn cho những người gọi là “tị nạn cách mạng văn hóa” thâm nhập các tỉnh biên giới phía bắc Việt Nam để làm tình báo và tổ chức các “đội quân ngầm” (Trong cuộc hội đàm cấp cao Việt - Trung tháng 9 năm 1970, chủ tịch Mao Trạch Đông đã thừa nhận trách nhiệm của Trung Quốc đối với các hoạt động không hữu nghị đó. Tháng 11 năm 1977, chủ tịch Hoa Quốc Phong lại một lần nữa, thừa nhận như thế.)”

Các sự việc trên không chỉ nêu trong sách mà còn trích lại trên trang mạng của cộng sản Việt Nam.⁽⁶⁵⁾

Bốn dẫn chứng từ một vị tướng cộng sản Việt Nam, từ sách báo của cộng sản Việt Nam và Liên Xô đã cho thấy Trung Cộng âm mưu triệt tiêu nội lực Việt Nam là hoàn toàn có thật. Nhưng vấn đề quan trọng là ai lo thực hiện âm mưu đó?

● KẼ ĐỒNG MUỖ VỚI TRUNG CỘNG TRIỆT HẠ DÂN TỘC

Trong âm mưu kẻ trên, Trung Cộng muốn bắn một mũi tên trúng hai đích. Đích thứ nhất là Hán hóa Việt Nam chiếm đất, chiếm biển. Nếu không giành được mục đích này, Trung Cộng vẫn cảm chắc đạt mục tiêu thứ hai là làm suy yếu nhân lực, tài lực... tức nội lực Việt Nam.

Diễn biến thực tế Việt Nam từ đầu thập niên 1950 gần như chỉ là các bước đi theo thúc đẩy của Trung Cộng mà hậu quả tác hại nặng nề cho vận mạng đất nước. Trước hết là chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất tàn phá tan hoang nền nông nghiệp, gây ra cái chết oan khuất cho hàng trăm ngàn người vô tội đồng thời đảo lộn toàn bộ khuôn nếp tinh thần xã hội truyền thống Việt Nam. Kế tiếp là vụ án Nhân Văn – Giai Phẩm trấn áp tầng lớp trí thức tiến bộ phá hủy chất

⁽⁶⁵⁾ http://sachhiem.net/LICHSU/NXB_ST/NXBSuThat_3.php.

xám luôn cần thiết cho yêu cầu vươn lên của mọi xã hội con người. Rồi khởi động cuộc chiến huynh đệ tương tàn đẩy hai miền đất nước vào vòng khói lửa, giết hại hàng triệu trai tráng vốn là năng lực tối yếu cho mục tiêu phát triển đời sống. Song song với các sự việc trên là quyết định công nhận lãnh hải tự hoạch của Trung Cộng bằng văn thư chính thức đặt các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa vào tay Bắc Kinh khiến lãnh thổ bị lấn chiếm, tài nguyên thiên nhiên tại những vùng này bị cướp đoạt đồng thời đẩy đất nước vào vòng vây hãm vì mất hết các vị trí chiến lược trọng yếu.

Nhìn lại tất cả các sự việc trên, không sự việc nào nằm ngoài hướng chỉ đạo của Hồ Chí Minh. Do đó sẽ không sợ làm lẫn khi kết luận chính Hồ Chí Minh đã giữ vai trò quan trọng trong việc thực hiện âm mưu triệt tiêu nội lực dân tộc theo thúc đẩy của Trung Cộng.

Tuy nhiên, vẫn có thể dẫn thêm chứng liệu cụ thể cho kết luận trên để làm sáng tỏ hơn việc Hồ Chí Minh đã đồng mưu với Trung Cộng ra sao và do đâu có sự đồng mưu này.

– Thứ nhất có thể là thắc mắc về nhận thức trước âm mưu của Trung Cộng? Trên thực tế, Hồ Chí Minh luôn ngưỡng mộ các lãnh tụ Cộng Sản Quốc Tế qua lời tuyên bố *“đồng chí Stalin và đồng chí Mao Trạch Đông không bao giờ sai”* và sẵn sàng hành động theo lệnh như phát biểu *“Đánh cho Liên Xô, cho Trung quốc”* thì nhận ra âm mưu của Trung Quốc hay không là điều không còn ý nghĩa nữa. Hồ Chí Minh không chỉ ngưỡng mộ Mao Trạch Đông mà còn tích cực thực hiện mọi việc theo chỉ vạch của Trung Cộng khiến chính tướng Nguyễn Trọng Vĩnh đã phải kêu lên về tình trạng nhất nhất rập khuôn theo Trung Cộng:

“Lược lại một đoạn lịch sử quan hệ Trung Quốc - Việt Nam, thì thấy: ngay từ những năm 50 của thế kỷ 20, khi hai nước còn “hữu hảo” lắm, thì họ đã muốn chinh phục ta bằng lý luận tư tưởng Mao Trạch Đông qua nhiều con đường như sách báo, các đoàn cổ vấn, các mối quan hệ qua

lại... Ta cũng có thời kỳ bị ảnh hưởng về lý luận tư tưởng đó. Bằng chứng là lúc đó trong trường Đảng của ta còn có chương trình học tư tưởng Mao Trạch Đông và trong thực tiễn cũng làm nhiều việc theo cách của Trung Quốc như việc cải cách ruộng đất đấu tố địa chủ hoặc việc chinh đồn tổ chức cũng tổ chức đấu tố “phản tinh” trong nội bộ...”

– Thứ hai là mối tương quan đặc biệt với đảng Cộng Sản Trung Quốc của Hồ Chí Minh không chỉ vì yêu Trung Quốc hơn cả đất nước mình như bài thơ *Cứu Trung Quốc là Cứu Minh* bày tỏ mà còn là đảng viên cộng sản Trung quốc. Qua sách báo của đảng CNVN, Hồ Chí Minh từng nhìn nhận sự việc trên như Tô Vinh ghi lại trong một bài viết trên Website của Sở Văn Hóa Thông Tin Nghệ An:

*“... Ở bài viết này (báo Nhân Dân, 1/7/1961, số 2658), Hồ chủ tịch cho biết **Người đã hai lần đứng trong hàng ngũ Đảng CSTQ**. Một lần trong những năm 1924-1927, với chức danh là “tuyên truyền đối ngoại”, viết bài về Đảng CSTQ cho một bài báo bằng chữ Anh và, một lần, vừa là binh nhì trong *Bát Lộ Quân*, vừa là bí thư chi bộ của một đơn vị ở *Hành Dương* (HCM, TT, t.10, tr.365-368. Nxb. CTQG, 2002). ...” (66)*

Đoạn trích của Tô Vinh dựa theo tư liệu chính thức như *Hồ Chí Minh Toàn Tập*, báo *Nhân Dân*...và còn cho thấy ngẫm ý tự hào của Hồ Chí Minh về việc là một đảng viên đảng cộng sản Trung quốc. Với tâm trạng và tương quan đó, chắc chắn không có gì ngăn cản nỗi Hồ Chí Minh làm theo ý muốn của đảng Cộng Sản Trung Quốc, dù ý muốn đó có thể gây nguy hại cho đất nước Việt Nam.

– Thứ ba là một tiết lộ đặc biệt của Mao Trạch Đông được tác giả Hà Cẩn ghi lại trong cuốn *Mao Chủ Tịch Của Tôi* ở trang 154 như sau: “*Việt Nam sẽ chỉ yếu đi nếu họ cứ*

(66) <http://vanhoanghean.vn/van-hoa-va-doi-song/cuoc-song-quanh-ta/2609-chu-tich-ho-chi-minh-va-trung-quoc-trong-nhung-nam-1959-1969.html>.

tiếp tục chiến tranh và bất ổn liên miên. Trung Hoa tin rằng Hồ chủ tịch biết điều này chỉ có lợi cho chúng ta. Nhưng Mao chủ tịch cũng tin tưởng Hồ Chủ Tịch sẽ làm đúng nghĩa vụ của mình.”

Tiết lộ cho thấy Hồ Chí Minh hiểu rõ hậu quả mọi việc làm và Mao Trạch Đông thì đoán chắc Hồ Chí Minh tiếp tục làm dù chỉ có lợi cho Trung Cộng vì Mao tin Hồ Chí Minh “*sẽ làm đúng nghĩa vụ*”. Nghĩa vụ gì? Không có lời nào chỉ rõ nhưng qua thực tế “*tiếp tục chiến tranh*” và gây “*bất ổn liên miên*” không thể là gì khác ngoài việc triệt tiêu nội lực Việt Nam. Như thế, có thể Hồ Chí Minh đã được Mao Trạch Đông giao cho nhiệm vụ làm suy yếu Việt Nam để đổi lấy sự hỗ trợ của Trung Cộng nhằm củng cố quyền lực bản thân và giành phần thắng cho phe cộng sản.

– Thứ tư, tác phẩm của tác giả Nga Kobachenko đã giới thiệu ở trên, trang 298 viết: “*Trung quốc có lợi hơn cả trong cuộc nội chiến ở Việt Nam. Họ vừa có lợi trong việc ăn cắp kỹ thuật sản xuất pháo, xe tăng của chúng ta khi những chuyến hàng gửi đến Hà Nội luôn bị giữ lại Trung Quốc hàng năm trời trước khi đến Việt Nam. Ngoài ra, sự kiệt quệ do nội chiến ở Việt Nam cũng chính là điều mà Trung Quốc mong muốn. Đồng chí Stalin nghĩ Hồ Chí Minh biết điều này nhưng ông ta dường như chỉ nghe theo lời của Mao Trạch Đông.*”

Trích đoạn này rõ ràng hỗ trợ trực tiếp cho tiết lộ của Mao Trạch Đông mà Hà Cẩm đã ghi ở trên và cho thấy ngay cả Stalin cũng biết Hồ Chí Minh tuân hành chỉ đạo của Trung Cộng để làm suy yếu Việt Nam.

– Thứ sáu, Hồ Chí Minh từng tuyên bố: “*Nước Việt Nam là một, sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi.*” Nhưng chính Hồ Chí Minh đã công nhận hiệp định Genève 20/7/1954, chia 2 lãnh thổ Việt Nam không cần trưng cầu ý kiến toàn dân. Việc tự động ký kết chia đôi đất nước, bất luận vì lý do gì vẫn mang tội phản

quốc. Tuy nhiên ý kiến chia đôi Việt Nam là của Chu Ân Lai tức của Trung Cộng nên Hồ Chí Minh không thể làm khác. Trong khi đó, trưởng phái đoàn Quốc Gia Việt Nam là bác sĩ Trần Văn Đỗ đã dứt khoát không ký bản Hiệp Định và bật khóc tuyên bố : *“Chính phủ Việt Nam yêu cầu Hội Nghị ghi nhận một cách chính thức rằng Việt Nam long trọng phản đối cách ký kết Hiệp Định cùng những điều khoản không tôn trọng nguyện vọng sâu xa của dân Việt. Chính phủ Việt Nam yêu cầu Hội Nghị ghi nhận rằng chính phủ tự dành cho mình quyền hoàn toàn tự do hành động để bảo vệ quyền thiêng liêng của dân tộc Việt Nam trong công cuộc thực hiện Thống Nhất, Độc Lập, và Tự Do cho xứ sở.”*

Những dòng nước mắt của đại diện phái đoàn Quốc Gia Việt Nam và việc Hồ Chí Minh tán thành việc chia cắt đất nước đã nói lên sự thật không thể chối bỏ là hướng đường phản quốc của đảng CSVN do Hồ Chí Minh chỉ đạo.

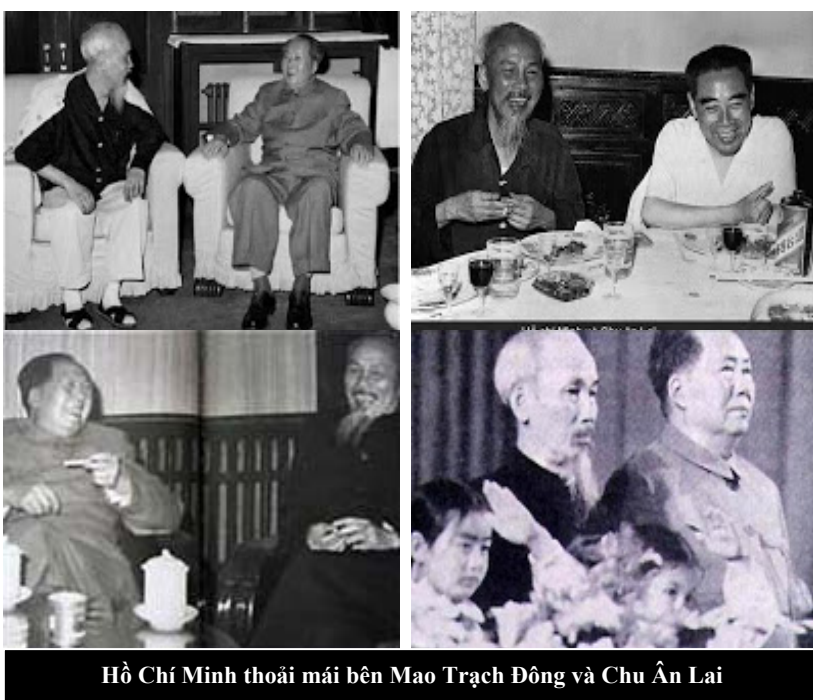
– Thứ bảy, ngay sau khi chia đôi đất nước, Hồ Chí Minh lại phát động *“Dù có đốt cả dải Trường Sơn cũng phải giải phóng miền Nam”* có nghĩa là đã sắp xếp đưa dân tộc vào một cuộc chiến mới với chiêu bài thực hiện thống nhất đất nước do chính đảng cộng sản chủ động chia cắt. Kết quả mưu toan này của Hồ Chí Minh là một cuộc chiến kéo dài gần 20 năm khiến cả hai miền đất nước đều bị đạn bom tàn phá và hơn 3 triệu con dân Việt Nam bỏ mạng một cách uổng phí. Tệ hại hơn nữa là điều kiện sống chung của dân tộc thì đúng như Hồ Chí Minh đã phát biểu là tài nguyên cạn kiệt, núi rừng bị tàn phá, đất nước mang nợ nần. Hậu quả tệ hại này còn di họa đến hiện nay.

Tại sao lại phải gây ra cuộc chiến phi nghĩa với hậu quả như vậy?

Không có lời giải đáp nào thích đáng ngoài lý do Hồ Chí Minh tự đặt mình vào vị thế tuân thủ mọi chỉ thị của Trung Cộng để duy trì được vị thế độc tôn quyền lực cho bản thân và đảng cộng sản dù làm cho suy yếu đất nước.

– Thứ tám, cũng cuốn “*Sự thật về quan hệ Việt Nam – Trung Quốc trong 30 năm qua*” đã trích dẫn một lời tuyên bố của Chu Ân Lai với tổng thống Ai Cập vào ngày 23-6-1965 về tình hình Việt Nam như sau: “*Mỹ càng đưa nhiều quân vào Việt Nam thì chúng tôi càng vui lòng vì chúng tôi biết rằng chúng tôi nắm chúng trong tay, chúng tôi có thể lấy máu chúng. Nếu Ngài muốn giúp đỡ người Việt Nam thì cần khuyến khích Mỹ ném càng nhiều lính Mỹ vào Việt Nam càng tốt.*” ⁽⁶⁷⁾

Đây là bằng chứng cho thấy âm mưu thâm độc của Trung Cộng do chính miệng Chu Ân Lai phát ra, tại sao Hồ Chí Minh vẫn gây chiến với Miền Nam, tạo cơ cho Mỹ đưa quân tới? Tất nhiên ai cũng thấy tham vọng độc chiếm



Hồ Chí Minh thoải mái bên Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai

⁽⁶⁷⁾ http://sachhiem.net/LICHSU/NXB_ST/NXBSuThat_3.php

quyền hành của Hồ Chí Minh và đảng cộng sản, nhưng bên cạnh đó vẫn là vai trò thực hiện nhiệm vụ triệt tiêu nội lực dân tộc do Trung Cộng giao cho?

*

Tóm lại, với tương quan mật thiết với đảng Cộng Sản Trung Hoa, đặc biệt là với tư cách đảng viên Cộng Sản Trung Hoa, Hồ Chí Minh đã tận trung với vai trò thủ hạ của Trung Cộng. Với vai trò này, Hồ Chí Minh đã đưa ra hàng loạt chủ trương đáp ứng nhiệm vụ do Trung Cộng giao phó nhưng cũng là những chủ trương đem lại các hậu quả tàn hại cho đất nước Việt Nam.

Chính vì thế đã có mỗi nghi ngờ Hồ Chí Minh thực sự là một người Tàu được cài vào vị trí lãnh đạo đảng cộng sản Việt Nam để phục vụ yêu cầu của đảng Cộng Sản Trung Quốc. Mỗi nghi ngờ này đã được một tác giả người Hoa tại Đài Loan viết thành sách để công bố trước dư luận, nhưng cho tới nay chính quyền và đảng cộng sản Việt Nam vẫn không có phản ứng nào. Trên thực tế, việc Hồ Chí Minh là người Tàu đội lốt Việt Nam cần có nhiều chứng cứ để làm sáng tỏ thêm. Trên thực tế, việc Hồ Chí Minh là người Tàu đội lốt Việt Nam cần có nhiều chứng cứ để làm sáng tỏ.

Tuy nhiên, ngay lúc này sẽ không có gì thắc mắc khi kết luận Hồ Chí Minh đã tận trung với Trung Cộng và gây quá nhiều hệ lụy cho đất nước Việt Nam. Có thể bảo Hồ Chí Minh chính là tội đồ của dân tộc với hàng loạt sự việc đáp ứng yêu cầu của Trung Cộng kể cả bằng cái giá cắt xén lãnh thổ và sẵn sàng Hán hóa dân tộc. Nếu Hồ Chí Minh thực sự không phải người Tàu thì đúng là một người Việt tồi tệ với dã tâm bán nước và làm “tay trong” cho Trung Cộng trong mưu toan đưa dân tộc vào một ách nô lệ kiêu mới. Nếu dùng đúng từ ngữ có thể coi Hồ Chí Minh như một dạng gián điệp Trung Cộng, loại gián điệp cao cấp và thâm độc.

– 10/07/2012

– **Chương 10 :**
LỪA DỐI DÂN TỘC!

Củ nghĩa cộng sản là một thứ tai hại đối với dân tộc Việt Nam kể từ khi được du nhập bởi Hồ Chí Minh. Thực tế hiển nhiên là đến bây giờ dân tộc ta vẫn đang gánh chịu nhiều tang thương, mất mát. Đảng cộng sản luôn tuyên truyền Hồ Chí Minh là một người yêu nước, dùng chủ nghĩa cộng sản để giành độc lập cho dân tộc nhưng trên thực tế chỉ có những bằng chứng cho thấy Hồ Chí Minh đã lừa đảo cả dân tộc bằng nhiều thủ đoạn núp bóng tinh vi.

● **HOẠT ĐỘNG CHO DÂN TỘC
HAY VÌ LỢI ÍCH BẢN THÂN?**

Trong cuốn *Vừa đi đường vừa kể chuyện* với bút danh Trần Dân Tiên, Hồ Chí Minh tự phong là “*Vị cha già dân tộc*” và ca ngợi mình có lòng yêu nước từ bé, theo chủ nghĩa cộng sản để giải phóng quê hương.

Nhưng mọi hành vi thường nhật cho thấy Hồ Chí Minh chỉ đơn thuần lo phụng dưỡng bản thân và phục vụ chủ nghĩa cộng sản. Sau đây là một số hành vi cụ thể đó.

– Thứ nhất, nhìn ngược lại giữa thập niên 1920, từ nhiều hành động cụ thể đã cất lên những tiếng nói hàm chứa nhiều ý nghĩa về bộ mặt thật của Hồ Chí Minh.

Cuốn *Văn Kiện Đảng Toàn Tập* tập 1 của nhà xuất bản Sự thật có đoạn sau: “*Tháng 11/1927, bác Hồ được Quốc Tế Cộng Sản phái đi Pháp công tác. Bác Hồ rời Moscow đi qua Đức, rồi bí mật đi vào Pháp. Tại Pháp, Bác*

tìm hiểu những cơ sở của đảng cộng sản Pháp tại Đông Nam Á nhằm phối hợp cho chuyển công tác của ông tại Xiêm do Quốc Tế Cộng Sản giao phó ...

*“... Sau 1 tháng rưỡi hoạt động bí mật tại Paris **theo chỉ thị** của Quốc Tế Cộng Sản, Bác trở về Berlin. Ở đây, Quốc Tế Cộng Sản **lại chỉ thị** cho Bác đi Bruxelles, thủ đô nước Bỉ dự hội nghị Quốc Tế Liên Đoàn Chống Đế Quốc. Chuyển đi này do Sa-tô-pa-đi-a-I-a, một đảng viên cộng sản Ấn Độ tổ chức. Đến hội nghị, Bác gặp lại những người đã từng làm việc với Bác vào những năm 1923-1924. Hội nghị chấm dứt, Bác trở về Đức, **chờ chỉ thị của Quốc Tế Cộng Sản** cho chuyển đi về Đông Nam Châu Á. Ở đó, Bác làm phóng viên cho tờ báo Đức Die Welt (Thế Giới)...”*

Điều cần suy xét là đúng lúc này Hồ Chí Minh đã viết thư lên đoàn *Chủ Tịch Quốc Tế Nông Dân* xin tiền với lý do về công tác tại vùng Đông Nam Á. Nhưng theo trích đoạn trên thì lúc này Quốc Tế Cộng Sản chưa quyết định dứt khoát đưa Hồ Chí Minh về Xiêm hoạt động nên lý do viện dẫn để xin tiền chỉ có thể hiểu là dối trá. Thư viết ngày 16/12/1927 như sau:

*Gửi Đoàn Chủ Tịch Quốc Tế Nông Dân,
Các đồng chí thân mến,*

Trong 2 hoặc 3 tuần lễ tôi sẽ trở về Đông Nam Á. Chuyển đi của tôi tốn chừng 500 đôla Mỹ. Vì tôi không có tiền, nên tôi mong các đồng chí giúp tôi. Xin vui lòng trả lời tôi ở địa chỉ như sau: Ông Lai, ở nhà ông Écxten, 21 phố Halesơ, Béclin. Trong thư trả lời này, hãy viết đơn giản “có” hoặc “không.” Nếu là có, hãy gửi tiền đến Ủy ban Trung ương của Đảng Đức, cho “Liwang.” Có hay không có tiền, tôi yêu cầu các đồng chí gửi cho tôi một chương trình tổ chức thực hành để tôi có thể làm việc một cách có ích. Trong khi chờ đợi sự trả lời mà tôi hy vọng có được tức thời, xin các đồng chí thân mến nhận lời chào cách mạng của tôi.

Béclin, ngày 16/12/1927

N. ÁI QUỐC ⁽⁶⁸⁾

Hồ Chí Minh xin 500 Mỹ kim vào thời điểm lương giáo sư đại học tại Mỹ chỉ có 40 Mỹ kim/một tháng, nghĩa là xin hơn gấp 10 lần số lương của một giáo sư đại học để đi công tác, trong khi trên thực tế lúc đó Quốc Tế Cộng Sản chưa có chỉ thị chính thức đưa ông Hồ về Đông Nam Á. Vậy ông ta xin tiền làm gì? Và tại sao lại bịa ra lý do đi công tác? Điều này ít nhất cho thấy tính gian xảo của Hồ Chí Minh đồng thời cho thấy Hồ Chí Minh ưu tư nhiều về miếng ăn, về quyền lực và tận tụy phục vụ Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản mà thôi. Thực ra, ăn uống, tiêu pha là nhu cầu bình thường của con người. Nhưng khi khai khống chuyện đi công tác để moi tiền từ tổ chức thì người làm điều đó có xứng với lời tuyên truyền “*cần, kiệm, liêm, chính*” như đảng cộng sản vẫn rêu rao về con người Hồ Chí Minh không? Bằng chứng cho việc Hồ Chí Minh không đi công tác mà vẫn xin tiền là lá thư xin việc vào tháng 4/1928 tức 4 tháng sau khi viết lá thư xin tiền.

Lá thư này có trong *Hồ Chí Minh Toàn Tập*, tập 2 với tiêu đề *Gửi một đồng chí trong Quốc Tế Cộng Sản*:

Đồng chí thân mến,

Tôi gửi cho đồng chí một bản sao bức thư tôi gửi cho Ban Phương Đông để đồng chí được biết. Đồng thời tôi rất cảm ơn về việc đồng chí quan tâm đến vấn đề của tôi và nhanh chóng trả lời tôi. Đồng chí có thể hình dung nỗi tôi đang sống trong một tình trạng tinh thần và vật chất như thế nào không: biết là có nhiều công việc nhưng không thể làm gì được, ăn không ngồi rồi, không có tiền, sống ngày nào hay ngày ấy mà không được phép hoạt động, v.v...

Ngay cả khi những sự vận động của đồng chí không có kết quả, đồng chí cũng viết cho tôi một chữ gửi Ủy Ban

⁽⁶⁸⁾ *Hồ Chí Minh Toàn Tập* - tập 2, tr. 223-224

Trung Ương Quốc Tế Nông Dân để tôi liệu quyết định. Hôm nay là ngày 12/4, tôi hy vọng nhận được tin tức của đồng chí vào ngày 24 tới. Tôi tin cậy ở đồng chí và gửi đến đồng chí lời chào cộng sản anh em.

NGUYỄN ÁI QUỐC 12/4/1928

Bức thư cho biết từ tháng 12/1927 đến tháng 4/1928, Hồ Chí Minh không được giao việc gì. Như thế bịa đặt lý do đi công tác để xin tiền là lừa dối ngay đồng chí của mình.

– Thứ hai, Hồ Chí Minh từng tự ca ngợi mình là “*yêu nước, thương dân*” chấp nhận mọi gian khổ để đấu tranh đem lại hạnh phúc cho dân tộc.

Thế nhưng, qua những chứng từ còn lưu lại khó có thể tin nổi một chút gì ở những điều tự tôn xưng này. Xin đọc lá thư sau của Hồ Chí Minh cũng in trong *Hồ Chí Minh Toàn Tập*, tập 2:

“Thư gửi Ban Chấp Hành Quốc Tế Cộng Sản,

*Từ lúc tôi tới Mátxcova đã có quyết định rằng sau 3 tháng lưu lại ở đây, tôi sẽ đi Trung Quốc. Bây giờ đã là **tháng thứ chín tôi lưu lại và tháng thứ sáu tôi chờ đợi**, vậy mà việc lên đường của tôi chưa được quyết định. Vậy chuyến đi sẽ là một chuyến đi để khảo sát và nghiên cứu.*

Thiết lập những quan hệ giữa Đông Dương và Quốc Tế Cộng Sản.

B- Thông báo cho Quốc Tế Cộng Sản về tình hình chính trị, kinh tế và xã hội của thuộc địa này.

C- Tiếp xúc với các tổ chức đang tồn tại ở đó, và

D- Tổ chức một cơ sở thông tin và tuyên truyền.

Tôi hành động thế nào để hoàn thành nhiệm vụ này? Số tiền cần thiết cho sự ăn ở của tôi sẽ là bao nhiêu? Hẳn là tôi sẽ phải đổi chỗ luôn, duy trì những mối liên hệ với các giới khác nhau, trả tiền thư tín, mua những ấn phẩm nói về Đông Dương, tiền ăn và tiền trọ, v.v., v.v...

Tôi tính rằng, sau khi tham khảo ý kiến các đồng chí người Trung Quốc phải có một ngân sách xấp xỉ 100 đôla

Mỹ mỗi tháng, không kể hành trình Nga – Trung Quốc (vì tôi không biết giá vé).

Ngày 11/4/1924”

Lá thư trên đã nói lên điều gì?

Ngoài việc cầu xin được giao cho một công việc là mỗi ưu tư về lợi tức thu nhập hàng tháng, cụ thể là lương bổng. Thêm nữa, công việc mà Hồ Chí Minh cầu xin được giao chỉ nhằm “*thiết lập quan hệ giữa các nước Đông Dương với Quốc Tế Cộng Sản*” chứ không hề dính đến đất nước Việt Nam tức ngược hẳn luận điệu mà Hồ Chí Minh đã viết trong cuốn sách *Vừa đi đường vừa kể chuyện* cổ tạo cho mình vóc dáng một người không ngừng ưu tư về dân tộc và quê hương.

– Thứ ba, trong quá trình công tác của mình, Hồ Chí Minh cũng chứng tỏ việc làm cho quốc tế thứ 3 đơn thuần chỉ là công việc làm bình thường của một cá nhân làm công ăn lương đúng nghĩa. Điều này trái hẳn sự “thần thánh” đi tìm đường giải phóng dân tộc mà Hồ Chí Minh và đảng cộng sản ra sức tô vẽ. Lá thư trích sau trong *Hồ Chí Minh Toàn Tập*, tập 2 thêm một lần chứng minh cho sự thực này :

“Gửi đồng chí Pêtorốp, chủ tịch Ban Phương Đông

Tôi đã nhận được bức tối hậu thư của Sở quản lý nhà giục phải trả 40 rúp 35 côpéc về chỗ ở của tôi, không có thì tôi sẽ bị đưa ra tòa. Trong những tháng, tháng mười hai, tháng giêng và tháng hai tôi thuê phòng số 176, ở đây bao giờ cũng có 4 và 5 người thuê. Ban ngày thì tiếng ồn liên tục ngăn trở tôi làm việc. Ban đêm tôi bị rệp ăn thịt, không cho tôi nghỉ ngơi. Từ tháng ba, tôi nhận một phòng nhỏ, rất nhỏ. Sở quản lý nhà buộc tôi gán 13 rúp 74 cho tháng ba, và 11 rúp 61 cho những tháng sau.

Sơ sài không gian hẹp và trang bị nội thất quá đơn sơ với các phòng khác rộng hơn nhiều, tiện nghi hơn, có nhiều đèn, điện thoại, tủ, ghế bành dài, phòng tắm, v.v. và tiền thuê thỏa đáng thì giá mà người ta muốn buộc cho tôi

là hoàn toàn đáng công phần. Vì vậy tôi xin đồng chí vui lòng làm một cuộc điều tra. Và sau cuộc điều tra đó, với mọi quyết định của mọi tòa án, tôi tuân theo tinh thần của đồng chí về công bằng và bình đẳng.

— 3/1924”

Lá thư cho thấy trong quá trình tự phong “*tìm đường cứu nước*” của Hồ Chí Minh thực ra luôn luôn được Quốc Tế Cộng Sản cung cấp nơi ăn chốn ở. Khi được cấp nhà nhỏ quá thì than van, kêu nài xét lại để có điều kiện sinh sống thoải mái hơn. Điều này chứng tỏ Hồ Chí Minh thật ra không có lý tưởng yêu nước mà chỉ đơn thuần là một người bình thường đi làm công ăn lương, khi gặp khổ thì không chịu được. Chi tiết nhỏ nhất này cho thấy Hồ Chí Minh luôn đặt cuộc sống riêng tư bản thân ở tầm mức cực cao nên có thể bảo Hồ Chí Minh đã hy sinh từ bỏ đời mình do yêu nước không? Đồng thời, khi gặp bất kỳ điều gì, Hồ Chí Minh đều viết thư cho Ban Phương Đông của Quốc Tế Cộng Sản thì có thể nói khác với thực tế rằng Hồ Chí Minh chỉ là nhân viên của Quốc Tế Cộng Sản không?

Các ghi nhận này rõ ràng chỉ làm sáng tỏ lý do Hồ Chí Minh rời bên Nhà Rồng mấy chục năm trước. Thực ra, mục đích đi kiếm ăn do gia đình thất thế đã được minh chứng bằng 2 lần viết thư xin làm tay sai cho Pháp nên việc thần thánh hóa như cách tự tô vẽ lý tưởng đi tìm đường cứu nước chỉ là dối trá. Cũng từ đây, sẽ không ngạc nhiên khi Hồ Chí Minh tận trung với Quốc Tế Cộng Sản tới mức sẵn sàng làm tay sai nhuộm đỏ quê hương Việt Nam bằng mọi giá bởi Quốc Tế Cộng Sản chính là nguồn đáp ứng lớn nhất cho mọi yêu cầu thuộc tham vọng bản thân ông ta.

● LỬA DỐI NÚP BÓNG CHỦ NGHĨA DÂN TỘC

Chủ nghĩa dân tộc là chủ nghĩa tôn vinh mọi giá trị dân tộc, là biểu hiện cho sự yêu nước và đồng hành cùng

dân tộc. Đó là một chủ nghĩa nhân bản và là nền tảng cho độc lập, tự do của dân tộc. Cho nên, bất cứ đảng phái nào vì dân tộc cũng phải đặt quyền lợi dân tộc lên trên hết tức là phải trung thành với chủ nghĩa dân tộc. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh chỉ mượn chủ nghĩa dân tộc như thư bình phong để du nhập chủ nghĩa cộng sản hầu độc chiếm quyền lực.

Chúng cứ cho thực tế này không thiếu, nhưng có thể nhìn gọn trong hai khía cạnh biểu thị thái độ của Hồ Chí Minh đối với các tiền bối anh hùng, với nếp sống tinh thần truyền thống của dân tộc và đối với chủ nghĩa cộng sản.

01.– Coi thường các vị anh hùng dân tộc và phỉ báng tôn giáo.

– Thứ nhất, Hồ Chí Minh với tinh thần tự đắc tự tôn nên khi thủ đắc quyền lực đã biểu hiện thái độ vênh vang kiêu hãnh, coi thường hết thảy kẻ cả đối với các bậc tiền nhân dày công vun đắp cho cuộc sống giống nòi và đất nước. Điều này hiển lộ ngay từ năm 1946 khi Hồ Chí Minh viếng đền Kiếp Bạc thờ Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn và sáng tác một bài thơ được thủ hạ lưu truyền với dụng ý đưa Hồ Chí Minh lên ngang hàng, thậm chí cao vượt hơn cả vị tiền bối anh hùng từng được toàn dân xưng tụng là thánh nhân từ nhiều thế kỷ trước.

Bài thơ có tựa đề *Viếng Đền Kiếp Bạc* như sau:

*Vốn tay hào kiệt, vốn anh hùng
Tôi Bác cùng chung nợ kiếm cung
Bác thắng quân Nguyên thanh kiếm bạc
Tôi trừ giặc Pháp ngọn cờ hồng
Bác đưa một nước qua nô lệ
Tôi dắt năm châu đến đại đồng
Bác có linh thiêng cười một tiếng
Mừng tôi cách mạng sắp thành công. ⁽⁶⁹⁾*

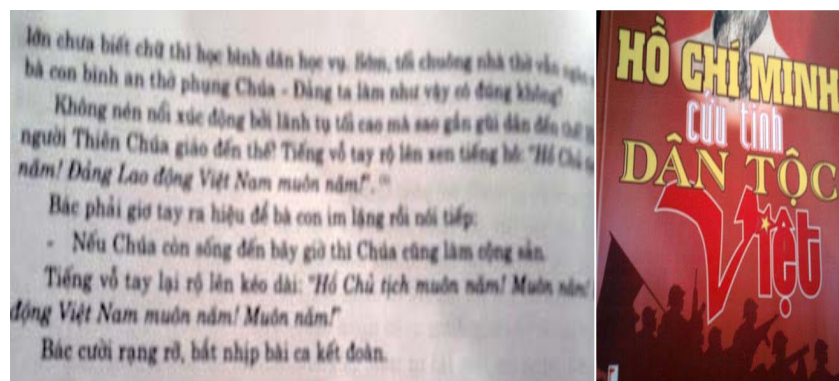
⁽⁶⁹⁾ *Nguyệt san Bất Khuất, số 2 tháng 4-1990, tr. 47.*

Sự hỗn xược của Hồ Chí Minh ở đây hiển hiện từ cách xưng hô ngao ngược “*Tôi – Bác*” với vị tiền bối có mặt từ 5 thế kỷ trước, đã được nhiều thế hệ tôn thờ như bậc Thánh và cách đánh giá mình cao hơn tiền nhân về sự nghiệp đấu tranh vì tiền nhân chỉ “*đưa một nước qua nô lệ*” còn mình “*dắt năm châu đến đại đồng*.”

Hãy hình dung đây là ngôn ngữ của một đứa con, một đứa cháu nói với người cha, người ông đang có mặt để thấy mức độ mất gốc cỡ nào khi có kẻ nói những lời như thế với một danh nhân tiền bối.

Một kẻ mất gốc như vậy có thể là người yêu nước và tận trung với chủ nghĩa dân tộc không? Chắc chắn là không. Và lại, chính Hồ Chí Minh đã xác định rõ về con người mình qua câu “*tôi dắt năm châu đến đại đồng*” tức với Hồ Chí Minh chỉ có chủ nghĩa Cộng Sản, cho nên trước khi trút hơi thở cuối cùng năm 1969, mơ ước của Hồ Chí Minh chỉ là sẽ được gặp Karl Marx, Lenin.

– Thứ hai, ngoài việc hỗn xược với tiền nhân, Hồ Chí Minh còn “*Cộng sản hóa*” cả tôn giáo. Đó là một điều cấm kỵ và hết sức ngược đời. Năm 2008, nhân kỷ niệm 118 năm ngày sinh của Hồ Chí Minh, nhà xuất bản Thanh Niên cho xuất bản cuốn sách “*Hồ Chí Minh – Cứu Tinh Dân Tộc Việt*.” Trang 253-254, cuốn sách trích cuộc nói chuyện của Hồ Chí Minh với giáo dân Vạn Phúc ở Hà Đông với câu Hồ



Chí Minh nói như sau: “*Nếu Chúa còn sống đến bây giờ thì Chúa cũng làm cộng sản.*”⁽⁷⁰⁾

Câu nói đã cho thấy suy tư cùng thái độ của Hồ Chí Minh đối với tôn giáo ra sao. Hoặc tôn giáo không thể so sánh giá trị với chủ nghĩa Cộng Sản hoặc tôn giáo chỉ là một thứ ma túy như luận điệu tuyên truyền cộng sản. Hiểu theo cách nào thì Hồ Chí Minh đã công khai phỉ báng tôn giáo cũng đồng nghĩa với sự phỉ báng truyền thống tinh thần của dân tộc là luôn hướng về các tôn giáo như ánh sáng soi đường đi về nẻo chân thiện cho con người.

– Thứ ba, không chỉ với Chúa mà ngay cả với Phật, Hồ Chí Minh cũng công khai coi thường và phỉ báng. Trong sách giáo khoa của Trường Đại Học Khoa Học Xã Hội Nhân Văn, khoa Tâm Lý Học, nơi trang 46 có đoạn trích lời phê của Hồ Chí Minh về Đức Phật như sau: “*Có đức mà không có tài như ông Bụt (Phật), thì không có hại gì cho xã hội, nhưng cũng chẳng có ích lợi gì cho xã hội.*”

Ở đây không chỉ là sự đánh giá ngạo ngược về biểu tượng của đức từ bi đã trải ngót ba ngàn năm và chắc chắn sẽ kéo dài suốt lịch sử loài người mà còn bày tỏ sự khinh mạn tình thương cùng huệ năng vốn là chỉ tiêu sinh hướng mà đạo Phật mở ra cho con người.

Điều này cũng gợi nhắc một khẩu hiệu trong thời kỳ Cải Cách Ruộng Đất tại miền Bắc Việt Nam giữa thập niên 1950. Đó là “*Tiêu Diệt Trí-Phú-Địa-Hào và Tôn Giáo Lưu Manh.*”

Từ lời nói đến việc làm, Hồ Chí Minh đã tự họa chân dung là con người hoàn toàn xa cách với cội nguồn Việt Nam, vì không chỉ phỉ báng tình thương, dè bủ trí tuệ mà còn cuồng nhiệt cổ vũ tinh thần phân lập tàn ác phi nhân tới mức chụp mũ mọi thành phần khác biệt chính kiến đều là lưu manh để hô hào trừ diệt.

⁽⁷⁰⁾ <http://tiki.vn/ho-chi-minh-cuu-tinh-dan-toc-viet.html>.

Với những sự thật không thể chối bỏ này, đóng góp của Hồ Chí Minh cho đất nước Việt Nam là đình, chùa, nhà thờ... đều bị phá bỏ, đạo lý xã hội bị đảo lộn bị thảm và toàn bộ cuộc sống liên tục bị đẩy sâu xuống đáy vực hèn mạt, xảo trá, vô cảm quay cuồng trong ngu dốt, nghèo đói, nô vong ... nói chung là cuộc sống tha hóa toàn diện.

***02.– Những dẫn chứng khác cho thấy
Hồ Chí Minh chỉ tôn thờ cộng sản.***

Thời điểm Hồ Chí Minh du nhập chủ nghĩa cộng sản đem vào Việt Nam, hầu hết quần chúng Việt Nam chưa hề biết chủ nghĩa cộng sản là gì, ngoại trừ một thiểu số biết về nó đều chối bỏ. Do đó, để đạt mục tiêu cộng sản hóa Việt Nam, Hồ Chí Minh đã bày ra chiêu thức núp bóng chủ nghĩa dân tộc yêu nước.

Chính vì vậy nhân dân ta đã rơi vào cái bẫy lường gạt thông qua cuộc chiến chống Pháp không cần thiết và mạo danh chống Mỹ để làm tăng quyền lực đỏ cho đảng cộng sản và Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, cái bẫy lường gạt của Hồ Chí Minh không phải luôn che mắt được hết thấy mọi người, đặc biệt là với quốc tế.

– Thứ nhất, ngay sau khi chấm dứt thế chiến thứ 2, chính quyền Mỹ đã xác định chủ trương trả lại chủ quyền cho các dân tộc nhược tiểu đang bị đô hộ.

Chính vì vậy, hai quốc gia Âu Châu đồng minh của Mỹ là Anh và Pháp thường bị Mỹ bắt bẻ về đối sách quốc tế với các tiểu nhược quốc vốn là thuộc địa của hai quốc gia này. Người Mỹ đã nhìn ra hiểm họa Cộng Sản từ Liên Bang Xô Viết nên chủ trương trao trả chủ quyền cho các tiểu nhược quốc đồng thời tạo các khối lực khởi phát về kinh tế để ngăn chặn mức lan tràn của hiểm họa Cộng Sản dưới bộ áo nguy trang tranh thủ độc lập chống thực dân. Từ đây, Mỹ đã khó chịu với việc Anh nhân danh nhiệm vụ tước khí giới Nhật tại miền Nam Việt Nam để đưa quân Pháp trở lại Việt

Nam vào tháng 9/1945. Nhưng Mỹ lại lâm thế khó khăn do phát hiện Hồ Chí Minh là người của đệ tam Quốc Tế Cộng Sản. Vì thế, Mỹ không thể dứt khoát ngăn chống chủ trương tái chiếm thuộc địa Việt Nam của De Gaulle và cũng không thể giúp đỡ Việt Nam khi Hồ Chí Minh gửi điện thư cho tổng thống Mỹ mong được hỗ trợ. Thái độ của Mỹ lúc đó là không giúp Pháp và cũng không trả lời lá thư của Hồ Chí Minh gửi ngày 28-12-1946:

Điều này cho thấy Hồ Chí Minh đã bị người Mỹ nhận dạng là tay sai quốc tế cộng sản ngay từ thuở đó.

VIỆT-NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

CHÍNH PHỦ LÂM THỜI

BỘ NGOẠI GIAO

*

HANOI FEBRUARY 28 1946

TELEGRAM

MAN 1

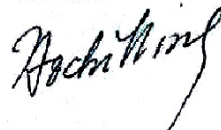
PRESIDENT HOCHIMINH VIETNAM DEMOCRATIC REPUBLIC HANOI

TO THE PRESIDENT OF THE UNITED STATES OF AMERICA WASHINGTON D.C.

ON BEHALF OF VIETNAM GOVERNMENT AND PEOPLE I BEG TO INFORM YOU
THAT IN COURSE OF CONVERSATIONS BETWEEN VIETNAM GOVERNMENT AND FRENCH
REPRESENTATIVES THE LATTER REQUIRE THE SECESSION OF COCHINCHINA AND THE
RETURN OF FRENCH TROOPS IN HANOI STOP MEANWHILE FRENCH POPULATION AND
TROOPS ARE MAKING ACTIVE PREPARATIONS FOR A COUP DE MAIN IN HANOI AND
FOR MILITARY AGGRESSION STOP I THEREFORE MOST EARNESTLY APPEAL TO YOU
PERSONALLY AND TO THE AMERICAN PEOPLE TO INTERFERE URGENTLY IN SUPPORT
OF OUR INDEPENDENCE AND HELP MAKING THE NEGOTIATIONS MORE IN KEEPING WITH
THE PRINCIPLES OF THE ATLANTIC AND SAN FRANCISCO CHARTERS

RESPECTFULLY

HOCHIMINH



– Thứ hai, như đã đề cập ở trên, Hồ Chí Minh từng là đảng viên cộng sản Trung Quốc ngay giữa thập niên 1920 là điều mà một người yêu nước mình không thể làm. Nhưng Hồ Chí Minh không dừng tại đó mà còn luôn tự hào với việc đảng cộng sản Việt Nam chỉ là một bộ phận của cộng sản quốc tế và rất hãnh diện về điều này. Trong *Hồ Chí Minh Toàn Tập*, tập 4 ghi lời giảng dạy của Hồ Chí Minh về Quốc Tế Cộng Sản như sau: “*Đệ Tam Quốc Tế là một đảng Cộng Sản thế giới, các đảng ở các nước như là chi bộ, đều phải nghe theo kế hoạch và quy tắc chung. Việc gì chưa có lệnh và kế hoạch của Đệ Tam Quốc Tế, thì các đảng không được làm.*”

Vậy thì lợi ích dân tộc nằm ở đâu?

Câu hỏi không cần phải trả lời.

– Thứ ba là chuyện *Chỉ Là Cái Nắp Hộp Thuốc Lá* do Nguyễn Minh Cần kể trong cuốn *Đảng Cộng Sản Việt Nam Qua Những Biến Động Trong Phong Trào Cộng Sản Quốc Tế*. Vào thời điểm 1950, Nguyễn Minh Cần giữ chức Ủy Viên Thường Vụ Tỉnh Ủy Thừa Thiên được Trung Ương Đảng Cộng Sản triệu tập ra Việt Bắc dự hội nghị cán bộ đề chuẩn bị Đại Hội 2 vào năm sau. Nguyễn Minh Cần viết:

“*Lúc đó có nhu cầu phải đổi tên Đảng Cộng Sản Đông Dương thành Đảng Lao Động Việt Nam để che giấu bộ mặt cộng sản hầu lôi kéo quần chúng. Sau khi giải thích cho các đảng viên hiểu rõ ích lợi cần phải đổi tên đảng, Hồ Chí Minh giờ cao nắp hộp thuốc lá thơm Craven A về phía có nhãn hiệu và nói: “Đây là Đảng Cộng Sản”, xong ông xoay nắp hộp về phía không có nhãn hiệu và nói: “Còn đây là Đảng Lao Động.” Ông lại lớn tiếng hỏi: “Thế thì các cô, các chú thấy có khác gì nhau không?” Cả hội trường đồng thanh đáp vang: “Dạ không ạ!” Ông mới nghiêm nghị: “Các cô, các chú nên biết rằng việc đổi tên đảng ta, Bác đã xin ý kiến các đồng chí Stalin và Mao Trạch Đông rồi, các đồng chí ấy đã đồng ý. Các cô các chú nên*

biết rằng ai đó thì có thể sai, chứ đồng chí Stalin và đồng chí Mao Trạch Đông thì không thể nào sai được.”

Theo Nguyễn Minh Cần, cả hội trường vỗ tay rầm rầm nhất trí. Lần đó, năm 1950, là hội nghị chuẩn bị cho Đại Hội 2, Hồ Chí Minh đã tuyên bố như vậy. Năm 1951, đúng Đại Hội 2 của Đảng, Hồ Chí Minh cũng lặp lại nguyên văn: “*Ai đó thì có thể sai, chứ đồng chí Stalin và đồng chí Mao Trạch Đông thì không thể nào sai được.*”

Ở đây có thể thấy hai điều. Thứ nhất là việc xin ý kiến Stalin và Mao Trạch Đông trong việc thay tên đảng. Tại sao phải thay tên đảng và thay tên đảng làm sao phải hỏi ý kiến Stalin và Mao? Đó là nhu cầu phải núp bóng chủ nghĩa dân tộc và vai trò tay sai của Hồ Chí Minh đối với các lãnh tụ Cộng Sản Quốc Tế. Thứ hai là sự từng phục tụy đối của Hồ Chí Minh và đảng CSVN đối với các lãnh tụ trên qua lời khẳng định “*Stalin và Mao không thể sai*”.

– Thứ tư, trong “*Vừa đi đường vừa kể chuyện*” trang 76 và 77 đã đưa ra hai điều phơi bày tính gian xảo và ngụy biện của Hồ Chí Minh. Trang 77 viết: “*Bọn đế quốc bịa đặt rằng những người cách mạng đó là tay sai của Đế Tam Quốc Tế, của Liên Xô... Đế quốc Anh cho rằng ông Nguyễn là tay sai của Liên Xô... Pháp-Nhật tuyên truyền âm ỉ Việt Minh là cộng sản, nhận chỉ thị, tiền bạc của Mạc Tư Khoa...*” Trước đó, trang 76 viết: “*Trong thời kỳ đầu, phong trào lan rộng và ăn sâu... Trong những tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, nhân dân Việt Nam đã lật đổ chế độ cai trị của Pháp và phong kiến và lập chính quyền Xô Viết. Họ tuyên bố độc lập và thi hành tự do dân chủ. Những ủy ban xã, ủy ban huyện được dựng nên.*”

Thật khó tin trong cùng một lúc vừa khoe lập được những Làng Đỏ theo kiểu Liên Xô lại vừa gán ghép tính bịa đặt cho người gọi mình là cộng sản, là tay sai Liên Xô. Dù nhìn vấn đề theo cách nào thì ở đây chính Hồ Chí Minh đã tự tố cáo mình là một thứ gian xảo tới mức trắng trợn, một

loại vừa ăn cướp vừa la làng.

– Thứ năm là lãnh tụ Liên Xô Khrushchev tả về con người và hoạt động của Hồ Chí Minh. Cuốn hồi ký *Nikita Khrushchev Remembers* viết: “*Hồ Chí Minh là tông đồ nhiệt thành của tôn giáo Cộng Sản, là vị thánh của chủ nghĩa Cộng Sản, người nhiệt thành xả thân vì đại nghĩa... Các bạn phải tôn kính người này, hãy quỳ gối trước ông ấy để tỏ lòng biết ơn về những đóng góp vô vị lợi của ông ấy cho chính nghĩa Cộng Sản, đã dành cho nó tất cả sức lực và khả năng của mình.*” Cụ thể công lao của Hồ Chí Minh đối với chủ nghĩa cộng sản theo Khrushchev kể là đã khiến được “*người dân Việt Nam đang đổ máu và hiến dâng sinh mạng mình cho lợi ích của phong trào cộng sản thế giới.*”

Lời ca ngợi của lãnh tụ Liên Xô là nét khắc họa chính xác tuyệt hảo về chân dung Hồ Chí Minh.

– Thứ sáu là lời kể của Nguyễn Lương Bằng về các chỉ dẫn của Hồ Chí Minh trong công tác tuyên truyền. Nguyễn Lương Bằng là người thân cận nhiều năm bên Hồ Chí Minh nên đã có cuốn sách *Mãi mãi đi theo con đường của người – Hồi ký về Bác Hồ*.⁽⁷¹⁾

Trang 10 cuốn sách ghi thời gian ở Trung Quốc, mở lớp huấn luyện cán bộ Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở phải vận dụng tinh thần dân tộc như thứ bình phong để đưa chủ nghĩa cộng sản vào Việt Nam như sau: “*Phải khéo léo dẫn đến sự kiện nhân dân Việt Nam đang bị áp bức bóc lột. Đối với chủ điểm này nếu đối phương đồng tình thì dẫn đến kích động. Khi người ta vào tròng rồi thì mới đưa ra chủ nghĩa cộng sản.*”

Bằng lập luận trên, Hồ Chí Minh cho thấy điều quan trọng nhất với ông ta là phải đưa được dân tộc Việt Nam vào cái tròng Cộng Sản qua cách lường gạt bằng chiêu bài yêu nước, thương dân. Chủ trương lừa đảo chính dân tộc

⁽⁷¹⁾ Nxb. Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội 2006.

minh đang sống tang thương thì thật vô nhân đạo.

Nơi trang 17, Nguyễn Lương Bằng ghi Hồ Chí Minh dạy lúc tuyên truyền phải *“Không nên nói vô sản một cách cứng nhắc. Trước mắt chúng ta là phải đánh đổ thực dân Pháp. Cho nên phải khơi dậy lòng yêu nước của mọi người, như thế mới đi vào lòng mọi người.”*

Qua trang 18, Nguyễn Lương Bằng ghi về yêu cầu thể hiện trên mặt trận truyền thông theo lời nhắc của Hồ Chí Minh là cần luôn kêu gọi lòng yêu nước. Nguyễn Lương Bằng kể: *“... Sau đó chúng tôi chỉnh đốn lại bài vở trên tờ báo Kèn Gọi Linh. Từ đấy những số báo, những truyền đơn của chúng tôi có tác dụng trông thấy. Y sĩ Thuyết, sang học thuốc ở Thượng Hải nói trước ngại đọc, vì chỉ thấy nói toàn về cộng sản, bây giờ đã bắt đầu thích đọc, vì thấy các số báo nói về lòng yêu nước.”*

Qua các dẫn chứng trên, Hồ Chí Minh không hề yêu nước mà chỉ muốn đồng chí của mình lợi dụng lòng yêu nước và chủ nghĩa dân tộc để lừa gạt mọi người hầu lôi kéo quần chúng vào vòng chỉ phối của cộng sản.

– Thứ bảy, Hồ Chí Minh luôn khoác cho mình chiếc áo yêu nước, đấu tranh giải phóng dân tộc và không ngừng nỗ lực giấu kín chân tướng cộng sản. Điều này đã hiện rõ từ khi Hồ Chí Minh xâm nhập nhóm Tâm Tâm Xã để biến dần thành Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội đến thời điểm thành lập Mặt Trận Việt Minh như Võ Nguyên Giáp viết trong hồi ký *Những Năm Tháng Không Thế Nào Quên*:

“Đầu tháng Chín, Bác ra mắt nhân dân với danh hiệu chủ tịch Hồ Chí Minh. Đó là bí danh Bác đã dùng mấy năm trước để che mắt bọn Quốc Dân Đảng Trung Hoa. Những người cách mạng đã về sống giữa đồng bào nhưng mọi hoạt động của Đảng vẫn tiến hành theo phương thức bí mật. Cán bộ Đảng chưa ra làm việc công khai. Hầu hết đảng viên đều công tác dưới danh nghĩa cán bộ Việt Minh.”

Chính Hồ Chí Minh đã biết quần chúng Việt Nam

không ưa mà còn chống lại chủ nghĩa cộng sản. Vì thế mới phải giấu tung tích, thậm chí còn công khai tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản như Hồ Chí Minh đã làm tại Hà Nội theo diễn tả của đảng Cộng Sản như sau: *“Ngày 11 tháng 11 năm 1945 Đảng Cộng sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán để giấu sự liên hệ cộng sản với nhà nước mới thành lập, lấy tên gọi mới là Hội Nghiên Cứu Chủ Nghĩa Mác ở Đông Dương, mọi hoạt động công khai của đảng từ đây đều thông qua Mặt Trận Việt Minh. Song trên thực tế, đảng vẫn hoạt động và chỉ đạo công cuộc kháng chiến.”* ⁽⁷²⁾

– Thứ tám là cách hành xử với người đấu tranh theo chủ nghĩa dân tộc yêu nước. Tháng 6/1924, khi gây dựng Cộng Sản Đoàn tại Quảng Châu với 8 đồng chí đầu tiên, Hồ Chí Minh đã nêu sách lược như sau: *“Chúng ta không bao giờ chấp nhận các phần tử dân tộc...Chúng ta chỉ lợi dụng sự bất mãn của họ để phục vụ cuộc cách mạng vô sản.”* Sau khi thành lập đảng Cộng Sản Đông Dương, nghị quyết trung ương đưa ra vào tháng 3-1931 xác định: *“Cuộc đấu tranh giai cấp cần được mở rộng và mọi ảnh hưởng của chủ nghĩa dân tộc phải được phá hủy tận gốc rễ.”*

Trong khi đó, cuốn *Đường Kách Mệnh* là tài liệu Hồ Chí Minh dùng huấn luyện cán bộ viết rất rõ là cách mạng tất yếu phải chịu sự chỉ huy của chủ nghĩa Mác Lênin và cuộc vận động cách mạng trong nước phải kết hợp chặt chẽ với vô sản quốc tế.

Phối hợp hai khía cạnh sách lược trên đã dẫn đến thực tế như Bernard Fall diễn tả: *“Chiến tranh bùng nổ đã đơn giản hóa những khó khăn về chính trị của ông Hồ. Không cần phải đối xử với phe đối lập bằng bàn tay bọc nhung nữa. Cứ việc gọi họ đơn giản là Việt gian ...”* và *“cứ trôi từng chum thả xuống sông cho trôi ra biển.”*

Vì thế đã diễn ra bao nhiêu chuyện thủ tiêu, thanh toán

⁽⁷²⁾ http://vi.wikipedia.org/wiki/Đảng_Cộng_sản_Việt_Nam

người thuộc hàng ngũ dân tộc yêu nước, đặc biệt là chuyện Hồ Chí Minh chỉ đạo Lâm Đức Thụ bán đứng cụ Phan Bội Châu cho mật thám Pháp để vừa có tiền vừa loại khỏi chính trường một nhân vật uy tín với quần chúng nhưng không chấp nhận con đường cộng sản.

– Thứ chín là câu chuyện trong cuốn *Theo Bác Đi Chiến Dịch* của tác giả Ngọc Châu: “Tôi vào giải phóng quân giữa lúc phong trào cách mạng đang lên cao... Đây là lần đầu tiên tôi được học về tôn chỉ mục đích chương trình, điều lệ của Mặt Trận Việt Minh một cách kỹ càng. Vì vậy khi học tôi rất cảm động, nhưng khi học đến đoạn nói trong Mặt Trận Việt Minh có cả đảng cộng sản tham gia thì tôi giật mình! Thật tôi không thể ngờ được là sao Mặt Trận Việt Minh lại có cả đảng cộng sản tham gia! Vừa hay ông cụ bảo phát biểu những điều chưa hiểu, tôi giơ tay ngay. Được ông cụ chỉ định tôi mạnh dạn nói:

- Thưa cụ, tại sao trong Mặt Trận của ta lại có đảng cộng sản?

Lời tôi vừa dứt thì trong lớp đã có nhiều tiếng xì xào. Trước phản ứng đó tôi lo sợ.... Ông cụ ra hiệu cho mọi người giữ trật tự rồi hỏi lại:

- Đồng chí hiểu về đảng cộng sản như thế nào?

- Thưa cụ, cháu chưa hiểu, nhưng nghe nói đảng cộng sản không tốt!

Ông cụ lúc ấy mới chỉ một học viên khác và bảo trả lời câu hỏi ban đầu của tôi:

- Để quốc Pháp, phát xít Nhật ghét cộng sản cũng như ghét Việt Minh ta, do đó, nó dùng mọi điều xấu xa để gán cho cộng sản và Việt Minh ta. Những người cộng sản là những người đánh Pháp, đuổi Nhật kiên quyết nhất trong Mặt Trận Việt Minh!”

Đoạn kể của Ngọc Châu cho thấy thời đó thanh niên gia nhập Việt Minh để đánh Pháp, chết cho tự do và độc lập của Việt Nam mà tiêu biểu như ông Châu đâu có biết đã

mắc mưu lừa của Hồ Chí Minh dùng chủ nghĩa dân tộc yêu nước làm màn che cho chủ nghĩa cộng sản.

– Thứ mười là sự việc phản ánh bản năng vị kỷ hèn mạt của Hồ Chí Minh. Trong hồi ký *Trường Chinh – Một Nhân Cách Lớn, Một Nhà Lãnh Đạo Kiệt Xuất Của Cách Mạng Việt Nam*, trang 172, Trường Chinh viết:

“Bác Hồ chủ trì hội nghị Trung Ương lần thứ 8 tại Khuổi Nậm. Bác không tự giới thiệu mình là Nguyễn Ái Quốc, mà chỉ nói là đại diện Quốc Tế Cộng Sản. Bác Hồ nói đây chưa phải là đại hội đảng nhưng vẫn cử bầu ra Ban Chấp Hành Trung Ương và Tổng Bí Thư. Chúng tôi đề nghị Bác Hồ đảm nhận chức vụ Tổng Bí Thư. Song, Bác nói: Tôi đang làm một số việc của Quốc Tế Cộng Sản, do đó chưa thể giữ chức Tổng Bí Thư Đảng ta được.”

Đó là thời điểm hoạt động ở trong nước gặp nhiều nguy hiểm nên Hồ Chí Minh đã tìm lý do đẩy đàn em vào chỗ chết thay cho mình.



Nhìn lại từ thái độ ngược ngạo mất gốc với tiền nhân, phỉ báng truyền thống tín ngưỡng của dân tộc tới những mưu mánh lường gạt, xảo trá trong khi cố bám víu vào chủ nghĩa Cộng Sản để thủ đắc quyền lực, Hồ Chí Minh đã tự mình họa chân dung chính mình chỉ là một kẻ mưu cầu danh lợi bằng mọi giá, kể cả cái giá đưa dân tộc vào vòng tăm tối.

– 16/07/2012

– **Chương 11 :**

**NGỤY TẠO VỀ
CÁCH MẠNG MÙA THU**

Đảng cộng sản và Hồ Chí Minh đã nắm quyền cai trị bằng đầu mối “*cướp chính quyền*” và sau đó duy trì quyền lực bằng mọi thủ đoạn mị dân.

Đến nay, nhờ đội ngũ bồi bút mang hàm tiến sĩ, giáo sư, sử gia đã nhào nặn nên một cuộc Cách Mạng Mùa Thu hoàn toàn giả tạo.

Chính việc này đã khiến nhiều thế hệ người Việt rơi vào cái bẫy “*Đảng cộng sản và Hồ Chí Minh dù có sai lầm cũng có công kháng Pháp, giải phóng dân tộc.*”

Sự thật có phải như vậy không?

01.– Sơ lược về tình hình thế giới.

Sau khi Mỹ thả 2 quả bom nguyên tử san bằng thành phố Hiroshima ngày 6/8/1945 và Nagasaki ngày 9/8/1945, hoàng đế Nhật tuyên bố đầu hàng vô điều kiện ngày 15/8/1945. Nhờ vậy, đại chiến thế giới lần II do phe Đức – Ý – Nhật chủ xướng từ năm 1939 hoàn toàn chấm dứt.

Bước vào kỷ nguyên mới, Mỹ chủ trương hỗ trợ cao trào tiểu nhược quốc khắp thế giới đang bị các nước thực dân đế quốc Tây Phương đô hộ giành lại độc lập để xây dựng thể chế chính trị theo mô thức dân chủ tự do tư bản.

Cùng lúc đó, khối Quốc Tế Cộng Sản do Liên Xô lãnh đạo cũng khai thác thời cơ, dùng các tay sai người bản xứ lôi cuốn giới công nông vô sản vận dụng bạo lực song hành

với phương thức tuyên truyền xảo quyệt, lôi cuốn quần chúng bằng chiêu bài đấu tranh cách mạng giải phóng quê hương để bành trướng thế lực nhằm nhuộm đỏ toàn cầu với khẩu hiệu tiến lên “thế giới đại đồng.”

02.– Việt Nam đã độc lập không cần cộng sản.

Tại Việt Nam, hai ngày sau khi quân Nhật đảo chính Pháp nắm quyền cai trị Đông Dương, ngày 11-3-1945, vua Bảo Đại được Nhật giúp tái lập Quốc Gia Việt Nam Độc Lập thống nhất cả 3 miền Bắc Trung Nam trong Khối Đại Đông Á do Nhật chủ xướng.

Trần Trọng Kim được Bảo Đại cử làm thủ tướng thành lập chính phủ điều hành quốc gia, ban bố chương trình hưng quốc ngày 8/5/1945, quy định Quốc Kỳ là cờ Quẻ Ly, Quốc Ca là bài *Việt Nam, Minh Châu Trời Đông* của nhạc sĩ Hùng Lô. Như vậy Việt Nam đã độc lập không cần Hồ Chí Minh và đảng cộng sản.

– Đầu tiên, xin đọc đoạn viết sau :

“Ngày 9 tháng 3 năm 1945, khi tình hình chiến tranh Thái Bình Dương thay đổi bất lợi, Nhật đổi chính sách và đảo chính Pháp, bắt giam các tướng lĩnh và tước khí giới của quân đội Pháp ở Đông Dương. Đại sứ Nhật ở Đông Dương là Matsumoto Shunichi giao cho đại diện Pháp là toàn quyền Đông Dương đô đốc Jean Decoux tối hậu thư đòi người Pháp phải chấp nhận vô điều kiện quyền chỉ huy của Nhật trên mọi phương diện. Ở Huế đại úy Kanebo Noburu vào trình báo vua Bảo Đại quyền lực của Pháp đã bị loại.

Cùng chiều hướng đó đế quốc Nhật Bản thỏa thuận trao trả độc lập cho Việt Nam trên danh nghĩa. Hai ngày sau, 11 tháng Ba vua Bảo Đại triệu cố vấn tối cao của Nhật là đại sứ Yokoyama Masayuki vào điện Kiến Trung để tuyên bố nước Việt Nam độc lập.

Cùng đi với Yokoyama là tổng lãnh sự Konagaya

Akira và lãnh sự Watanabe Taizo.

Bản tuyên ngôn đó có chữ ký của sáu vị thượng thư trong Cơ Mật Viện là Phạm Quỳnh, Hồ Đắc Khải, Ứng Úy, Bùi Bằng Đoàn, Trần Thanh Đạt, và Trương Như Đính, nguyên văn chiếu chỉ đề ngày 27 Tháng Giêng ta năm thứ 20 niên hiệu Bảo Đại:

“Theo tình hình thế giới nói chung và hiện tình Á Châu, chính phủ Việt Nam long trọng công bố rằng: Kể từ ngày hôm nay, hòa ước bảo hộ ký kết với nước Pháp được hủy bỏ và vô hiệu hóa. Việt Nam thu hồi hoàn toàn chủ quyền của một quốc gia độc lập.” ⁽⁷³⁾

Như vậy bằng chứng đầu tiên cho thấy sự thực là người Nhật đã trao trả độc lập cho Việt Nam không phải công lao gì của cộng sản.

Khi người Nhật quyết định trao trả tự do, Bảo Đại cũng đã ra chiếu chỉ tuyên bố độc lập và khẳng định hủy những cam kết bảo hộ của Pháp. Đây cũng là một bằng chứng cho thấy chính quyền Bảo Đại ngoài độc lập với Nhật còn độc lập với Pháp.

– Thứ hai, sự kiện Nhật trao trả độc lập cho Việt Nam như kể trên cũng được ghi trên website của tỉnh Thừa Thiên – Huế trong bài giới thiệu về điện Kiến Trung như sau:

“Ngày 9 tháng 3, Nhật đảo chính Pháp và thỏa thuận trao trả độc lập cho Việt Nam. Hai ngày sau, 11 Tháng Ba vua Bảo Đại triệu cố vấn tối cao của Nhật là đại sứ Yokoyama Masayuki vào điện Kiến Trung để tuyên bố nước Việt Nam độc lập. Cùng đi với Yokoyama là tổng lãnh sự Konagaya Akira và lãnh sự Watanabe Taizo.” ⁽⁷⁴⁾

Website của đảng cộng sản cũng phải công nhận sự kiện lịch sử hiển nhiên là Nhật đã trao trả độc lập cho Việt Nam qua vua Bảo Đại.

⁽⁷³⁾ http://vi.wikipedia.org/wiki/Đế_quốc_Việt_Nam.

⁽⁷⁴⁾ <http://dulichhue.com.vn/new/vi/a4841/dien-kien-trung.html>.

Với bằng chứng này, không thể chối bỏ là Việt Nam đã độc lập theo tinh thần Đại Đông Á không còn phụ thuộc vào Pháp, vào Nhật về mặt chính quyền. Nhưng từ trước tới nay đảng cộng sản luôn rêu rao chính quyền Bảo Đại – Trần Trọng Kim là “bù nhìn.”

03.– Chính phủ Trần Trọng Kim có phải bù nhìn không?

Chính phủ Trần Trọng Kim được hoàng đế Bảo Đại thành lập sau ngày 9/3/1945 Nhật đảo chính Pháp chỉ tồn tại một thời gian rất ngắn, từ 17/4/1945 đến 8/8/1945, kể thêm thời gian xử lý thường vụ tới 25/8/1945, tổng cộng hơn bốn tháng. Chính phủ này thường bị Cộng Sản và luôn cả các tác giả sách giáo khoa hay những nhà nghiên cứu ở miền Bắc thời trước và sau 1975 trực tiếp hay gián tiếp gọi là bù nhìn, là Việt gian, là tay sai của Nhật.

Nhưng sự thật có phải như vậy không?

– Đầu tiên và minh chứng rõ rệt nhất cho một chính phủ không phải bù nhìn là việc chính quyền Trần Trọng Kim chỉ tồn tại bốn tháng, nhưng đã hoàn tất nhiều việc lớn trong đó tiêu biểu là việc điều đình thành công với Nhật đòi trả lại toàn bộ ba xứ Bắc-Trung-Nam để thống nhất đất nước, chính thức chấm dứt tình trạng phân chia kéo dài gần một thế kỷ.

Chi tiết về việc này được chính Trần Trọng Kim ghi trong hồi ký *Một Con Gió Bụi* xuất bản năm 1949 tái bản năm 1969 tại Sài Gòn. Một chính phủ đi từ số không, tồn tại vồn vẹn 4 tháng, không có quân đội, chỉ thông qua đàm phán với Phát Xít Nhật hùng mạnh để đạt thành quả như vậy có thể gọi là “bù nhìn” không?

– Thứ hai, hiện nay chính người cộng sản dù chưa dám thú nhận trò vu khống của đảng cộng sản cũng phải gián tiếp nhìn nhận tính chính danh của chính phủ Trần Trọng Kim, ít nhất qua việc Sở Văn Hoá Thông Tin tỉnh

Nghệ An ⁽⁷⁵⁾ phổ biến bài *Huế năm 1945 và chính phủ Trần Trọng Kim* của Lê Xuân Khoa mở đầu như sau: “*Chính phủ Trần Trọng Kim ra đời trong một hoàn cảnh rất tình cờ của lịch sử, không do kết quả tranh đấu cho nền độc lập của Việt Nam dưới sự lãnh đạo của một đảng phái hay một phong trào chính trị nào. Sau gần một thế kỷ bị Pháp đô hộ, lần đầu tiên nước Việt Nam được độc lập (dù mới chỉ một phần) mà không phải hy sinh xương máu.*”

Rõ ràng việc đánh giá nước Việt Nam được độc lập (dù chỉ một phần) mà không phải hy sinh xương máu đã hàm ý công nhận chính phủ Trần Trọng Kim là một chính phủ hợp hiến. Tiếp đó, tác giả viết:

“*Chính phủ Trần Trọng Kim ra đời trong những điều kiện khó khăn về chính trị, an ninh và kinh tế như vậy. Trong phiên họp đầu tiên của hội đồng nội các, bên cạnh công tác khẩn cấp cứu trợ nạn đói ở miền Bắc đã làm ngót hai triệu người thiệt mạng, chính phủ Trần Trọng Kim đã ấn định một chương trình sáu điểm:*

1)- *Chuyển giao tất cả các cơ sở hành chính cho các viên chức Việt Nam.*

2)- *Thâu hồi đất Nam Kỳ và các nhượng địa đã dành cho Pháp.*

3)- *Ấn xá toàn thể các phạm nhân chính trị.*

4)- *Cho phép thành lập các đảng phái chính trị.*

5)- *Miễn thuế cho công chức, thợ thuyền và dân nghèo.*

6)- *Thiết lập các ủy ban tư vấn quốc gia để soạn thảo Hiến Pháp và nghiên cứu cải tổ chính trị, hành chính và giáo dục.*

Chỉ trong thời gian bốn tháng (từ 17/4 đến 16/8), chính phủ Kim đã thực hiện được gần hết chương trình này.

⁽⁷⁵⁾ <http://vanhoanghean.com.vn/van-hoa-va-doi-song/cuoc-song-quanh-ta/3710-hue-nam-1945-va-chinh-phu-tran-trong-kim.html>

Kết quả có thể được tóm tắt như sau:

Cứu đói: Bộ Tiếp Tế do bác sĩ Nguyễn Hữu Thi cầm đầu nỗ lực điều động việc vận tải thóc từ Nam ra Bắc. Lúc này, Pháp đã mất khả năng ngăn cấm việc tiếp tế gạo và, nhờ sự can thiệp của chính phủ Kim, giới quân phiệt Nhật cũng không còn thi hành chính sách độc đoán về sản xuất nông phẩm...”

Như vậy chỉ một thời gian rất ngắn, chính phủ Trần Trọng Kim đã thực thi nhiều điều không phải chính phủ chính danh nào cũng làm nổi. Ngay việc cứu đói hết sức khó khăn cũng đã thực hiện tốt qua đàm phán với Nhật. Gọi một chính phủ làm những điều này là bù nhìn là luận điệu xảo trá cố ý vu khống bôi nhọ.

Có thể sẽ có thắc mắc rằng tác giả Lê Xuân Khoa là một tiến sĩ triết học người Mỹ gốc Việt, từng là phó viện trưởng Viện Đại Học Sài Gòn nên “bênh vực” cho Trần Trọng Kim. Xin nhớ bài viết được đăng tải trên website của đảng cộng sản Việt Nam nên cho thấy đã có sự bắt lực trước tính chính xác của vấn đề.

– Thứ ba, cuốn *Décolonisation du Vietnam: Un Avocat Témoigne* ⁽⁷⁶⁾ trang 62, 63 viết:

“Khoảng tháng 6-1945, khi thủ tướng Kim gặp tổng tư lệnh Tsuchihashi để yêu cầu Nhật dứt khoát trả lại ba tỉnh Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng và toàn bộ đất Nam Kỳ cho Việt Nam, ông đã nói: “Quân đội Nhật đã đánh quân đội Pháp và công nhiên hứa hẹn trả quyền tự chủ cho nước Việt Nam. Bởi vậy tôi không quản tuổi già và sự khó khăn của hoàn cảnh mà đứng ra lập chính phủ. Tôi làm việc một lòng giúp nước tôi, cũng như các ông lo việc giúp nước Nhật... Nếu các ông cho tôi là người làm việc cho nước Nhật, việc

⁽⁷⁶⁾ Paris: L'Harmattan, 1994, hồi ký bằng Pháp văn của luật sư Trịnh Đình Thảo, viết sau năm 1975 và trước khi ông mất năm 1986, nhưng năm 1994 xuất bản ở Pháp, do trưởng nam của ông là luật sư Trịnh Đình Khải đứng tên tác giả.

ấy không phải là phận sự của tôi, tôi sẵn lòng xin lui.”

Lời lẽ của Trần Trọng Kim do luật sư Trịnh Đình Thảo nhắc lại cho thấy ông Kim không làm việc cho Nhật mà chỉ lo giành quyền độc lập cho dân tộc Việt Nam. Việc kết buộc chính phủ Trần Trọng Kim là bù nhìn chỉ thêm một lần gọi nhắc về bản chất xảo trá của đảng cộng sản.

Trên thực tế, chính phủ Trần Trọng Kim mang tiếng thân Nhật, nhưng rõ ràng chỉ khai thác cơ hội Nhật đảo chính Pháp để giành quyền cai trị nhằm dần dần phục hồi độc lập hoàn toàn cho dân tộc. Đó là phương cách thực tế và khôn ngoan trong hoàn cảnh Việt Nam lúc đó. Riêng đảng cộng sản vu không chính phủ Trần Trọng Kim làm “bù nhìn” cho Nhật nhưng chưa bao giờ đưa ra nổi bằng chứng cụ thể nào cho điều họ nói.

04.– Thủ đoạn cướp công của Hồ Chí Minh

Để thực hiện âm mưu cướp chính quyền hợp hiến của thủ tướng Trần Trọng Kim, mặt trận Việt Minh đứng đầu là Hồ Chí Minh đã tiến hành nhiều hành động mờ ám.

Đúng 4 tháng sau ngày chính phủ Trần Trọng Kim ra đời, ngày 17/8/1945, hai ngày sau khi vua Nhật tuyên bố đầu hàng quân Đồng Minh, các đoàn thể và quân chúng Việt Nam họp mít tinh trước Nhà Hát Lớn, Hà Nội để yêu cầu thủ tướng Trần Trọng Kim bỏ quyết định từ chức đưa ra ngày 8/8/1945.

Cuộc mít tinh bị cán bộ cộng sản trà trộn lèo lái biến thành đòi chính phủ Trần Trọng Kim từ chức. Hai ngày sau, 19/8/1945, Việt Minh tổ chức biểu tình trước Nhà Hát Lớn, Hà Nội. Đồng thời, Hồ Chí Minh đưa người vào Huế yêu cầu hoàng đế Bảo Đại trao quyền cho Mặt Trận Việt Minh. Ngày 22/8, Bảo Đại tuyên chiếu thoái vị và ngày 24 trao ấn kiếm cho Trần Huy Liệu, đại diện Mặt Trận Việt Minh. Cùng ngày Bảo Đại thoái vị, Hồ Chí Minh lập chính phủ cách mạng lâm thời tại Hà Nội, tự lãnh chức chủ tịch kiêm

bộ trưởng ngoại giao.

Ngày 2/9/1945, Hồ Chí Minh nhân danh chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đọc bản Tuyên Ngôn Độc Lập trước đông đảo đồng bào dự cuộc mít tinh tại vườn hoa Ba Đình, Hà Nội.

Diễn tiến đó cho thấy Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản không hề đánh Pháp, đuổi Nhật để giành độc lập về cho Việt Nam như tuyên truyền mà chỉ cướp chính quyền từ tay một chính phủ hợp hiến, vào lúc thủ tướng Trần Trọng Kim đã sẵn sàng từ chức từ khi Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng và hoàng đế Bảo Đại đình ninh Mặt Trận Việt Minh là lực lượng đại diện nguyện vọng toàn dân nên không ngần ngại trao quyền cho Mặt Trận này.

Hãy cùng nhìn lại một số sự việc thuở đó.

– Đầu tiên, trong cuốn *British in Vietnam: prelude to disaster, 1945-1946* ấn hành năm 2007, Peter Neville ghi lại nhiều diễn biến tại Việt Nam từ khi Nhật đảo chính Pháp tới ngày Việt Minh cướp chính quyền. Theo Peter Neville, ngày 9/3/1945, đại úy tình báo OSS Mỹ Charles Fenn được gửi qua Đông Dương, đã gặp Hồ Chí Minh tại Côn Minh ngày 17/3/1945 và sau đó kể lại:

“Dường như ông ta (Hồ Chí Minh) đã gặp các ông Hall, Blass và de Sibour (tất cả là sĩ quan tình báo OSS tại Côn Minh) nhưng không biết các ông ấy ở đâu. Tôi hỏi ông muốn họ làm gì cho ông. Ông ta nói – chỉ cần sự nhìn nhận nhóm của ông ta (tức là Việt Minh). Tôi ngờ ngờ đã nghe về nhóm này, họ là cộng sản và tôi hỏi ông Hồ về vấn đề đó. Ông ta nói người Pháp gọi tất cả người An Nam muốn giành độc lập là cộng sản.” (77)

(77) Nguyên văn : *“It seems he has already met Hall, Blass and de Sibour (all OSS officers in Kunming) but got nowhere with any of them. I asked him what he wanted of them. He said – only recognition of his group (called Viet Minh League). I had vaguely heard of this as being communist and asked him about it. He said the French call all Annamites communists who want independence”*

Ghi nhận của Peter Neville cho thấy tổ chức tình báo OSS — tiền thân của CIA — đang giúp Việt Nam giành độc lập nhưng đã nghe biết Hồ Chí Minh là cộng sản. Và trước câu hỏi của Charles Fenn, dù luôn tự hào về lý tưởng cộng sản, Hồ Chí Minh lại chối quanh bằng cách đổ cho người Pháp vu oan. Điều này không những cáo giác dã tâm núp bóng dân tộc để truyền bá chủ nghĩa cộng sản mà còn khẳng định ý hướng triệt hạ mọi chính quyền quốc gia dân tộc để độc chiếm quyền lực cho đảng cộng sản. Cho nên việc vu cáo bôi nhọ chính phủ Trần Trọng Kim để lường gạt dân chúng là điều không ngạc nhiên với Hồ Chí Minh và đảng cộng sản.

— Thứ hai, báo *Cứu Quốc*, về sau đổi tên thành Nhân Dân, số ra ngày 29/8/1945, có bản tin:

“Đêm 25/8/1945, máy truyền thanh vang dậy khắp mọi phố, mọi ngã đường, mọi hang cùng, ngõ hẻm giục đồng bào đứng 11 giờ ngày 26 đi biểu tình nghênh tiếp một số ủy viên trong chính phủ lâm thời và phái bộ điều tra Mỹ mới về Hà Nội. Sôi nổi và thao thức mong đợi...,

Anh Võ Nguyên Giáp bằng một giọng đanh thép, vạch rõ bốn phận của quốc dân trong lúc này là phải gấp đoàn kết, gạt bỏ hằn tư tưởng đảng phái, tôn giáo, giai cấp, mau gây một tinh thần chiến đấu hùng hậu để đối phó với mọi tình thế gay go nghiêm trọng rất có thể xảy ra...”

Võ Nguyên Giáp nhắc sự kiện này đã nói: *“Chúng ta phải đoàn kết và thề quyết hy sinh đến giọt máu cuối cùng để thực hiện sự đoàn kết đó, trong chính phủ lâm thời sẽ có thay đổi và mở rộng phạm vi để đón tiếp các vĩ nhân...”*

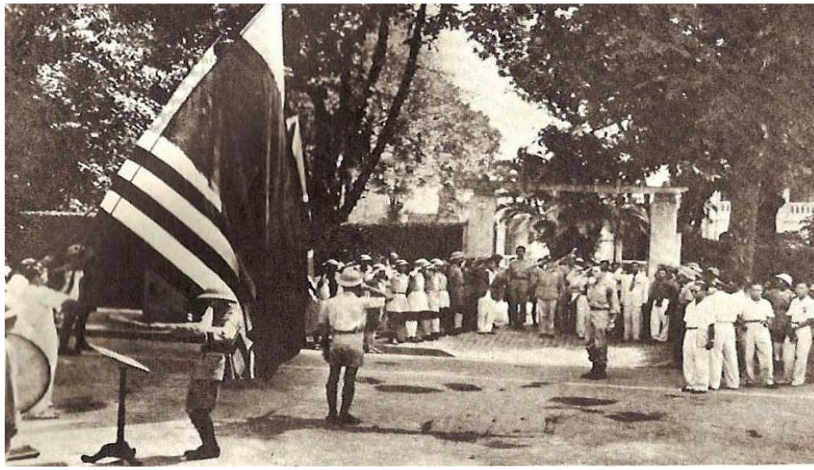
Vấn đề là các vĩ nhân gồm những ai và tại sao phải đón tiếp? Phát biểu của Võ Nguyên Giáp cùng bản tin báo *Cứu Quốc* gợi nhắc yêu cầu đoàn kết dân tộc nên được gọi là “vĩ nhân” có thể hiểu là người đấu tranh khác chính kiến.

Nhưng thực tế hoàn toàn ngược lại gợi nhắc đó. Bởi, Mặt Trận Việt Minh chưa bao giờ ngưng các thủ đoạn thanh

toán, ám sát người khác chính kiến trong khi bằng mọi cách tìm hỗ trợ từ các thế lực quốc tế mà thời điểm đó nổi bật vai trò Mỹ. Cho nên vĩ nhân thực sự với CSVN lúc đó chỉ là phái bộ OSS — Office of Strategic Service — của thiếu tá Archimedes Patti, sĩ quan tình báo Mỹ từng hỗ trợ Hồ Chí Minh. Vì thế, ngày 25/8/1945, qua các phương tiện truyền thanh, báo chí..., Việt Minh liên tục kêu gọi, thúc giục dân chúng ra đường vào ngày 26 để nghênh tiếp phái bộ OSS xuất hiện trong buổi ra mắt phái đoàn Việt Minh tại Hà Nội.

Nói chính xác, lúc đó đảng cộng sản đang cần một chứng cứ chỉ tố tính chính danh của cái chính quyền lâm thời Hồ Chí Minh tự ý thành lập sau khi thủ tướng Trần Trọng Kim từ chức. Hơn ai hết, chính người cộng sản đã thấy rõ quần chúng chưa tin cậy họ như Võ Nguyên Giáp phát biểu là *“tình thế gay go nghiêm trọng rất có thể xảy ra”* nên họ vẫn sợ phản ứng bất ngờ từ các nhân vật trong chính phủ Trần Trọng Kim như nhận định của Hà Cẩn trong tác phẩm *Mao Chủ Tịch Của Tôi* như sau: *“Việt Minh muốn họ thể hiện vai trò chính yếu trong hệ thống chính quyền Việt Nam sau khi có chính phủ lâm thời. Chính Phủ Trần Trọng Kim cần phải bị loại bỏ trước khi họ gây hại cho phong trào cách mạng vô sản mà Mao Chủ Tịch đang điều khiển Việt Minh...”*

Do đó, họ cần sự có mặt của phái bộ OSS để thuyết phục quần chúng là chính phủ Hồ Chí Minh được Mỹ công nhận, đặc biệt là có thêm cái vỏ che Mỹ cho chân tướng cộng sản. Nhưng phái bộ OSS dù đang có mặt tại Hà Nội lại không đến dự buổi ra mắt của Việt Minh nên Hồ Chí Minh đã chữa cháy bằng cách sai Võ Nguyên Giáp cấp tốc hướng dẫn một phái đoàn đến ngay nơi cư ngụ của Patti tại Hà Nội tạo ra cuộc gặp gỡ long trọng với lý do mừng đón phái bộ OSS như thiếu tá Patti kể lại trong cuốn *Why Vietnam*: *“Hồ Chí Minh gửi một phái đoàn chính thức dẫn đầu bởi Võ Nguyên Giáp đến mừng đón phái bộ tình báo OSS Mỹ tới*



Võ Nguyên Giáp chào quốc kỳ Mỹ tại trụ sở OSS

Hà Nội. Trong khi giàn nhạc đánh bài Quốc Ca Hoa Kỳ, ông Giáp và phái đoàn của ông ta đứng cùng với người viết sách này (Patti) và đoàn OSS nghiêm chào cờ Mỹ.”⁽⁷⁸⁾

⁽⁷⁸⁾ Nguyên văn : “26 August 1945, Hanoi. Ho Chi Minh sends an official delegation headed by Vo Nguyen Giap to welcome the American OSS mission to Hanoi. While the band plays the American National Anthem, Giap and his delegation join the author and the OSS team in saluting the American flag.”

Không có tài liệu nào nhắc tới lý do phái bộ OSS không dự buổi ra mắt Mặt Trận Việt Minh nhưng sẽ không ngạc nhiên nếu có sự khẳng định Hoa Thịnh Đốn đã biết rõ tung tích cộng sản của Hồ Chí Minh nên ra lệnh cho thiếu tá Patti. Như vậy, Hồ Chí Minh đã thất bại trong ý đồ lợi dụng Mỹ để hợp thức hóa vai trò lãnh đạo của mình ngay từ thời gian đầu giao tiếp.

– Thứ ba là cần nhìn lại việc Hồ Chí Minh sao chép tuyên ngôn độc lập của Mỹ trong bản tuyên ngôn độc lập đọc ngày 2-9-1945. Tới nay, hai điều thường được nhắc tới cho sự việc trên. Thứ nhất là trò đạo văn vốn đã quen thuộc với Hồ Chí Minh để tiếm đoạt nhiều danh ngôn của cổ nhân đại để như *mười năm trồng cây, trăm năm trồng người, cần kiệm liêm chính* vv... Thứ hai là ý đồ lợi dụng khai thác Mỹ làm một mặt nạ vừa để che giấu bộ mặt cộng sản vừa để hợp thức hóa vai trò lãnh đạo mới cướp đoạt từ chính phủ Trần Trọng Kim.

Điều này hoàn toàn dễ hiểu khi nhìn lại vị thế của Mỹ lúc đó so với 4 đồng minh Anh – Pháp – Nga – Hoa. Chính 4 đồng minh này cũng đang trông đợi sự tiếp giúp của Mỹ để có thể sớm hồi phục. Trong lúc đó, chính phủ lâm thời Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa của Hồ Chí Minh trên thực tế chưa có quốc gia nào công nhận. Tình thế cho thấy sự trông đợi rất lớn ở bàn tay nâng đỡ của Mỹ. Cho nên, trước đó Hồ Chí Minh đã tìm mọi cách giành thiện cảm của thiếu tá Patti để nhờ vả nên việc ăn cắp ý tưởng trong tuyên ngôn độc lập Mỹ có thể coi là thủ thuật cuối cùng nhằm chinh phục đối tượng.

Thủ thuật này thất bại nhưng Hồ Chí Minh không ngừng lại nên từ cuối năm 1945 đến tháng 2/1946, đã viết 8 lá thư gửi tổng thống Truman. Trong những thư này, Hồ Chí Minh đề cập đến nhiều vấn đề kể cả đề cập tới nạn đói để nhờ Hoa Kỳ giúp ...Nhưng không thư nào được Mỹ trả lời chứng tỏ Mỹ đã dứt khoát với Hồ Chí Minh, dù cho tới

lúc đó Hồ Chí Minh vẫn che giấu chân tướng cộng sản, luôn sắm vai người yêu nước, thậm chí còn có thời gian làm công tác tình báo cho OSS với bí danh Lucius.

Như thế, màn kịch yêu nước của Hồ Chí Minh thành công với chính người dân Việt Nam nhưng không che nổi mắt người Mỹ ngay từ khi thế chiến 2 vừa chấm dứt về bản chất cộng sản kiên định của Hồ Chí Minh.

05.– Hồ Chí Minh và huyền thoại chống Pháp.

Cộng sản luôn ca ngợi Hồ Chí Minh và đảng cộng sản chống Pháp, đuổi Nhật. Thực tế đã cho thấy giành lại chủ quyền và thống nhất đất nước là do nỗ lực của chính phủ Trần Trọng Kim trong quá trình đàm phán với Nhật.

Còn việc chống Pháp thì sao?

– Thứ nhất, trong cuốn *British in Vietnam: prelude to disaster, 1945-1946* của Peter Neville có đoạn viết ngay từ tháng 3/1945, Hồ Chí Minh đã nuôi ý đồ lợi dụng danh nghĩa Mỹ để chuẩn bị cho ngày cướp chính quyền và thành lập “chính phủ.” Do đó, trước câu hỏi của Charles Fenn về tương quan với Cộng Sản, Hồ Chí Minh đã đổ cho Pháp vu cáo mình. Tới câu hỏi tiếp của Charles Fenn về vấn đề người Pháp tại Việt Nam, Hồ Chí Minh cho biết tổ chức của mình không chống Pháp. Lý do viện dẫn là Việt Nam đã độc lập nên chống Pháp không còn là nhu cầu cần thiết. Ở trang 52, Peter Neville ghi lại phát biểu của Trường Chinh là “cuộc đảo chính Nhật đã chấm dứt 87 năm chủ nghĩa thực dân Pháp” và lời phát biểu của Hồ Chí Minh : “Con sói Pháp đã bị ăn tươi bởi con sói Nhật hung tợn hơn.”⁽⁷⁹⁾ Như thế, mục tiêu đấu tranh thực sự của đảng cộng sản và Hồ Chí Minh lúc đó không hề là chống Pháp mà chỉ nhằm

⁽⁷⁹⁾“...that the Japanese takeover marked the end of 87 years of French colonialism” và “The French wolf was finally devoured by the Japanese fascist hyena – Con chó sói Pháp đã bị ăn tươi bởi con chó sói fascist Nhật hung tợn hơn.”

thủ đoạt quyền lực mà thôi.

– Thứ hai, mối ưu tư thủ đoạt và độc chiếm quyền lực cũng là mối ưu tư lớn với Hồ Chí Minh vào những ngày kế tiếp. Trước sự im lặng của Mỹ đối với những lá thư gửi đi, Hồ Chí Minh đã đi đêm với viên đại diện Pháp Jean Sainteny giữa lúc quân viễn chinh Pháp đổ bộ đánh chiếm Sài Gòn và các tỉnh phía Nam. Sainteny là đảng viên Xã Hội Pháp đồng minh với đảng Cộng Sản Pháp nên hết sức giúp Hồ Chí Minh. Đảng Xã Hội sau đó còn sáp nhập với đảng Cộng Sản thành một, nhưng quyền lợi của đất nước Pháp với họ vẫn là chủ yếu.

Vì vậy, hội nghị Fontainebleau kéo dài hai tháng không đưa lại kết quả gì. Phái đoàn Việt Nam dự hội nghị do Phạm Văn Đồng cầm đầu, nhưng Hồ Chí Minh cũng đi Pháp với kế hoạch vận động các đồng chí cũ trong đảng Cộng Sản Pháp hỗ trợ. Tuy nhiên, lúc đó, đảng Cộng Sản Pháp không còn ưu thế chính trường nữa như diễn tả sau:

“...Tiếc rằng Đảng Cộng Sản Pháp không chiếm được ưu thế trong nội các. Mùa thu 1946, những kẻ tán thành đường lối cứng rắn đối với nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa chiếm ưu thế trong các giới chính phủ Pháp. Chính vào lúc này vũ đài chính trị Pháp ngã về phe hữu. Trong cuộc bầu cử ngày 2 tháng 6, Đảng Cộng Sản và Đảng Xã Hội Pháp mất đa số trong quốc hội lập hiến và ủy ban hiến pháp, còn người đứng đầu chính phủ không phải là đảng viên xã hội như trước đây nữa mà là Bi-đôn, thủ lĩnh Đảng Phong Trào Cộng Hòa Bình Dân ...”⁽⁸⁰⁾

Sự việc cho thấy Hồ Chí Minh luôn tin cậy tình đồng chí cộng sản và các đảng cộng sản cũng tỏ ra hỗ trợ Hồ Chí Minh trong mục đích thủ đoạt và củng cố quyền lực. Ngoài mục đích này, mọi vấn đề kể cả vận mạng và tương lai dân tộc đều không là điều quan tâm.

⁽⁸⁰⁾ *Đồng chí Hồ Chí Minh – Ca-bê-lép, Hà Nội 1985 – tr. 323*

Điều này cũng giải thích lý do Hồ Chí Minh “*phấn khởi báo tin vui*” cho các đồng chí về “*một thắng lợi lớn*” như sau: “*Đẩy khỏi đất nước mười tám vạn tên chống Cộng khét tiếng, cách mạng đã gạt đi một kẻ thù hết sức nguy hiểm, trút đi một gánh nặng.*” Đây là lời kể của Võ Nguyên Giáp trong hồi ký *Những Năm Tháng Không Thẻ Nào Quên* về việc Hồ Chí Minh ký xong hiệp ước 6/3/1946 thuận cho quân Pháp đổ bộ ra miền Bắc để thay 180.000 quân Quốc Dân Đảng Trung Hoa có nhiệm vụ giải giáp quân Nhật tại Bắc vĩ tuyến 16.

Giữa lúc quân Pháp đang đánh chiếm miền Nam, tấn công lực lượng quốc gia kháng chiến gồm các đoàn thể yêu nước và giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo..., Hồ Chí Minh và đảng cộng sản đã bất chấp sự phản đối của quân chúng ký hiệp ước thuận cho Pháp đưa quân ra miền Bắc chỉ vì sợ sự hiện diện của quân đội Quốc Dân Đảng Trung Hoa sẽ là điểm tựa cho các đoàn thể yêu nước tranh giành quyền lực của đảng cộng sản.

Việc chống Pháp do sau đó Pháp đã đẩy chính Hồ Chí Minh và đảng cộng sản vào thế nguy vong chỉ còn lối thoát cuối cùng là khai thác tình yêu nước của toàn dân để giữ quyền lực mà thôi. Điều này cũng gợi nhắc ý nghĩ của William Duiker trong tác phẩm *Ho Chi Minh A Life* về một hình ảnh Hồ Chí Minh bên lề hội nghị Fontainebleau:

“*Vào đầu tháng 6-1946, đại diện nước Pháp, ông Jean Sainteny đưa Hồ Chí Minh đi từ thành phố Biarritz đến Paris để dự hội nghị hòa bình tại Fontainebleau. Tại đây, ông Hồ và Sainteny chờ đợi máy bay đến khi đang ngồi*



trong phi trường tại Paris. Sainteny, trong hồi ký của ông, đã ghi lại là Hồ Chí Minh tỏ ra lo sợ một cách lạ lùng trên vấn đề hội họp tại Fontainebleau.”

William Duiker không giải thích tình trạng lo sợ của Hồ Chí Minh nhưng lúc đó trọng tâm ưu tư của Hồ Chí Minh chỉ là mong được Pháp thừa nhận nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tức là hợp thức hóa việc nắm quyền của đảng cộng sản tại Việt Nam. Vì thế, Hồ Chí Minh bắt buộc phải lo sợ khi được Sainteny cho biết về sự yếu thế của phe cộng sản trong chính trường Pháp.

Tóm lại, bức hình Hồ Chí Minh chụp với Sainteny tại sân bay Paris với gương mặt vô cùng bất bình thường khiến cả Sainteny lẫn Duiker thắc mắc thực ra chỉ diễn tả một điều đơn giản là Hồ Chí Minh sợ Pháp không chịu công nhận chính phủ do mình cầm đầu tức là chính quyền của ông ta vẫn thiếu căn bản pháp lý. Thành ra không những Hồ Chí Minh không chống Pháp mà còn mong được Pháp hỗ trợ.

– Thứ ba là một gợi nhắc từ tác phẩm *Hỏi và Đáp về Cuộc Đời và Sự Nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh* qua trích đoạn sau:

“Hỏi: Tạm ước 14/9/1946 do ai ký? Nhằm mục đích gì?

Đáp: Tạm ước 14/9/1946 do chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa ký với chính phủ Pháp. Đây là một sách lược ngoại giao tài tình của chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm làm cho nhân dân ta có thêm thời gian để chuẩn bị toàn quốc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược.”⁽⁸¹⁾

Lời giải thích được đưa ra sau khi Hồ Chí Minh về nước với hai bàn tay trắng chỉ là một thủ đoạn che giấu sự bất lực. Thuở đó, trình độ nhận thức chính trị của quần chúng có thể dễ bị gạt với những danh từ như Tạm Ước hay

⁽⁸¹⁾ Nxb Trẻ, Sài Gòn 1999.

Hiệp Ước Sơ Bộ, nhưng trên thực tế chẳng có bản hiệp ước nào mà chỉ có một văn kiện ký kết với Marius Moutet, bộ trưởng Thuộc Địa. Sau 4 tháng vận động vô hiệu, phút chót Hồ Chí Minh giữa đêm khuya vào lúc 2 giờ sáng 14/9/1946, tới gõ cửa nhà riêng Marius Moutet là một đảng viên Xã Hội từng quen biết, nêu ra 11 điều gọi là “*có lợi cho cả hai bên*” như một chứng tích về thiện chí từng phục Pháp để nhờ Marius Moutet thuyết phục chính phủ Pháp sẽ nhận Việt Nam là một quốc gia trong Liên Hiệp Pháp, tức là thừa nhận chính phủ Hồ Chí Minh. Văn kiện thực hiện trong điều kiện như vậy sao có thể gọi là hiệp ước, dù chỉ là tạm ước, giữa 2 quốc gia.

Nhưng đảng CSVN đã ghi lời giải thích trong tài liệu giáo khoa với dụng ý đề cao tài năng lãnh tụ đồng thời xóa đi 4 tháng xuất ngoại uổng phí công quỹ quốc gia của Hồ Chí Minh. Trên thực tế, nhiều sách báo cộng sản đã ghi rõ về 4 tháng Hồ Chí Minh chạy chọt ở Pháp với các đảng viên Cộng Sản và Xã Hội Pháp, qua đó có lá thư ngày 22/9 là ngày lên đường về nước, gửi một nữ đồng chí cộng sản Pháp cầu mong bà ta “*giúp đỡ cách nào để Pháp hợp tác với Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa.*” Đây cũng thêm một bằng chứng cho thấy Hồ Chí Minh không hề chống Pháp mà luôn mong Pháp giúp đỡ để giữ quyền lực vừa cướp đoạt được.

– Thứ tư là nhận định về mong muốn của Hồ Chí Minh lúc đó trong tác phẩm của một học giả cũng là đảng viên cộng sản Đông Đức, A. Schenalder. Tác phẩm *Chủ Thuyết Của Chúng Ta* ấn hành tại Đông Đức năm 1981, trang 168 nhắc đến Hồ Chí Minh và cộng sản Việt Nam như sau: “*Ông Hồ Chí Minh mong muốn người Pháp thừa nhận chính quyền của ông ta như thừa nhận sự thắng thế của quốc tế vô sản hơn là việc chống lại người Pháp.*”

Nhận định này của một người cộng sản cho thấy vào lúc đó, Hồ Chí Minh chỉ mong được người Pháp thừa nhận

vai trò của đảng Cộng Sản Việt Nam chứ không hề mong giải phóng dân tộc, chống Pháp như cộng sản tuyên truyền. Đây có thể coi là cách nói khác của nhận định mà chuyên gia các vấn đề Á Châu, Dennis J. Duncanson đã nêu trong tác phẩm *Government and Revolution in Vietnam* ấn hành tại London năm 1968: “Đảng Cộng Sản Đông Dương không bao giờ là lực lượng đấu tranh yêu nước mà trái lại, còn gần như chống-lại-những-người-chống-thực-dân — almost anti-anti-colonial.”

06.– Về sự kiện Điện Biên Phủ 1954

Vấn đề được đặt ra là tại sao lại có sự kiện Điện Biên Phủ 1954?

Cho đến nay, theo tuyên truyền của đảng CSVN, trận Điện Biên Phủ là chiến công chống ngoại xâm trong lịch sử dân tộc như các trận Bạch Đằng của Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, các trận Chi Lăng, Đống Đa của Lê Lợi, Quang Trung với ý nghĩa biểu trưng cho nỗ lực cứu nguy đất nước khỏi hiểm họa bị đô hộ, bị bóc lột bởi ngoại bang để bảo toàn cuộc sống độc lập, tự do, hạnh phúc cho người dân.

Trên thực tế, cần phải nhìn lại sự kiện này qua nhiều khía cạnh, nhất là tương quan của sự kiện Điện Biên Phủ với yêu cầu giành lại quyền tự chủ và giải phóng dân tộc.

– Thứ nhất, qua tuyên truyền cộng sản, trận Điện Biên Phủ đã kết thúc tham vọng tái chiếm Việt Nam của thực dân Pháp và chứng tỏ ý chí cùng khả năng của đảng Cộng Sản Việt Nam trong công cuộc đấu tranh vệ quốc.

Nhưng qua nhiều sự kiện thực tế, hầu hết đều chứng minh Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản Việt Nam luôn đặt nguyện vọng dân tộc và vận mạng đất nước dưới quyền lợi của đảng Cộng Sản.

Việc Hồ Chí Minh chỉ một thời gian ngắn gửi 8 lá thư cho tổng thống Mỹ và sau đó giành 4 tháng vận động chính giới Pháp nhìn nhận tính hợp pháp của chính phủ cộng sản

Việt Nam đã cho thấy Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản không hề chống Pháp, chống Mỹ mà ngược lại còn cầu xin sự hỗ trợ của các quốc gia này.

Đi xa hơn là Hồ Chí Minh còn trả đáp lên nguyện vọng dân tộc và vận mạng đất nước để chiều theo đòi hỏi của đối tượng mà thực tế đã chứng minh bằng việc ký thỏa ước 6/3/1946 thuận cho quân Pháp đổ bộ vào miền Bắc Việt Nam. Trong hồi ký *Những Năm Tháng Không Thế Nào Quên*, Võ Nguyên Giáp kể ngày 3/3/1946, Thường Vụ Trung Ương Đảng Cộng Sản đã đề ra chủ trương hòa với Pháp với nhận định sẽ đem về cho đảng Cộng Sản hai thắng lợi. Đó là quân đội Quốc Dân Đảng Trung Hoa rút khỏi Việt Nam nên các đảng phái dân tộc sẽ mất ưu thế, đồng thời các thành phần không chấp nhận cộng sản sẽ buộc phải gác lại mối ưu tư về ý thức hệ do bị đẩy vào thế đối mặt với sự hiện diện của quân viễn chinh Pháp tại Bắc vĩ tuyến 16.

Tiết lộ của Võ Nguyên Giáp đã nói rõ đảng Cộng Sản luôn đặt quyền lợi cộng sản lên trên hết thảy. Cũng đừng quên thời điểm kể trên là đã gần 4 tháng sau khi Hồ Chí Minh tuyên bố giải tán đảng Cộng Sản.

Một chứng cứ khác là nhận định của Kobachenko, học giả và đảng viên cộng sản Nga, về cuộc chiến tại Việt Nam. Trong tác phẩm *Liên Xô – Trung Quốc và Việt Nam, Vấn Đề Chưa Được Biết* xuất bản năm 1995, trang 200, Kobachenko viết: “*Người Pháp đã mắc sai lầm lớn khi không chịu công nhận chính quyền cộng sản tại Việt Nam sau ngày 2-9-1945 và điều này dẫn đến thất bại của họ tại Điện Biên Phủ 9 năm sau đó...*”

Như thế, chính đảng viên cộng sản Nga đã khẳng định Hồ Chí Minh và đảng cộng sản Việt Nam không chủ trương chống Pháp ngay giữa thời điểm Pháp đang đưa quân tái chiếm Việt Nam. Mục tiêu của họ chỉ là củng cố việc nắm giữ quyền lực vừa thủ đoạt bằng mọi giá. Dù vậy, tình hình vẫn dẫn đến trận Điện Biên Phủ.

– Thứ hai là những sự kiện xác định hướng đường do Hồ Chí Minh chọn lựa. Đúng như Khrutshev nhận định “*Hồ Chí Minh là tông đồ nhiệt thành của tôn giáo Cộng Sản*” nên không bao giờ rời xa mục tiêu nhuộm đỏ thế giới mà bước đầu là nhuộm đỏ Việt Nam. Chính chủ hướng này của Hồ Chí Minh khiến Mỹ im lặng trước 8 lá thư cầu nài giúp đỡ, mặc dù Mỹ luôn phản đối Pháp về ý đồ phục hồi chế độ thuộc địa.

Riêng với Pháp, chủ hướng của Hồ Chí Minh đã trở thành lý do thúc đẩy tham vọng tái chiếm Việt Nam hoặc ít nhất cũng duy trì ảnh hưởng chính trị trên bán đảo Đông Dương, vì ngăn chống làn sóng đỏ đã được nhận thức là yêu cầu cấp thiết để bảo đảm an toàn cho thế giới. Từ đây, dù Hồ Chí Minh chỉ tập trung vào mục tiêu đoạt quyền lực thì Việt Nam vẫn bị đẩy vào thế phải đối đầu với quân đội Pháp. Đơn giản là thuở đó chính giới Pháp chưa từ bỏ nỗi ý đồ tái lập chế độ thực dân trên bán đảo Đông Dương và phần khác là từ tháng 6/1946, hữu phái giành được ưu thế để có chính phủ Georges Bidault với lập trường dứt khoát chống cộng sản. Tình trạng vàng thau lẫn lộn này đặt Việt Nam vào thế phải ngăn chống Pháp và Hồ Chí Minh cùng đảng cộng sản đã có cơ hội mượn chiêu bài yêu nước để mở rộng thế lực cộng sản như nhận định sau của Ruslan Kobachenko: “*Việt Minh cuối cùng cũng nhận ra rằng chống Pháp là nhiệm vụ hàng đầu để cho người dân Việt Nam công nhận sự thắng thế của chủ nghĩa cộng sản.*”

Đáng kể hơn nữa là với chiêu bài yêu nước, Hồ Chí Minh đã mặc tình tàn sát người quốc gia như tác phẩm *Hồ Chí Minh On Revolution* của Bernard Fall diễn tả: “...*Cứ việc đơn giản gọi họ (phe đối lập) là Việt gian...*” và “*trời từng chum thả xuống sông cho trôi ra biển...*”

Như vậy, giữa lúc máu xương người dân đổ xuống cho nguyện vọng ngăn chống Pháp thì Hồ Chí Minh ký hiệp ước cho quân Pháp đổ bộ ra miền Bắc và khai thác thời cơ

gây tội ác huỷ diệt nhân lực quốc gia để củng cố quyền lực.



Tóm lại, sự kiện Điện Biên Phủ dù được tô điểm bằng hào quang lịch sử và chính nghĩa giải phóng đã hiện nguyên hình là một tai họa cho đất nước Việt Nam bắt nguồn từ chủ hướng phụng sự chủ nghĩa cộng sản của Hồ Chí Minh.

Bởi trên thực tế, Việt Nam đã giành được độc lập từ tháng 3/1945 và nếu Hồ Chí Minh không tận trung với chủ nghĩa cộng sản chưa chắc Mỹ đã im lặng mặc cho Pháp đổ quân vào Việt Nam tháng 9/1945.

— 01-08-2012

– **Chương 12 :**
NƯỚNG DÂN ĐEN
TRÊN NGỌN LỬA HUNG TÀN!

Xin được mượn lời Nguyễn Trãi trong *Bình Ngô Đại Cáo* làm tựa đề cho những dòng ghi lại cái nhìn về khoảng thời gian máu lửa kéo dài trên đất nước Việt Nam từ ngày 23/9/1945 là ngày quân Pháp đổ bộ vào Sài Gòn mở đầu cuộc đánh chiếm các thành phố Bình Dương, Long An, Mỹ Tho ...

Như đã biết, sau khi Nhật đầu hàng, việc giải giới quân đội Nhật tại Đông Dương được giao cho Trung Hoa và Anh phụ trách, lấy vĩ tuyến 16 làm phân ranh. Do đó ngày 23/9/1945 quân Anh tới Sài Gòn và Anh cho quân Pháp đi cùng để chiếm lại miền Nam viện cớ theo các hiệp ước 1862, 1874, triều đình Huế đã nhường hẳn cho Pháp.

Tuy nhiên, sau đêm đảo chính Pháp 9/3/1945, Nhật đã trả chủ quyền cho Việt Nam và ngày 11/9/1945, Bảo Đại đã tuyên bố hủy bỏ mọi hiệp ước mà triều đình Huế ký với Pháp thế kỷ trước, đồng thời yêu cầu Nhật trả lại các vùng nhượng địa cũng như bảo hộ của Pháp bao gồm miền Nam và ba tỉnh Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng.

Do đó, từ ngày 11/3/1945, Việt Nam đã thu hồi toàn bộ lãnh thổ, trở thành quốc gia tự chủ thống nhất cả ba miền Nam - Trung - Bắc khiến Pháp cho là bị mất phần lãnh thổ hải ngoại Cochinchine gồm miền Nam Việt Nam nên nhờ Anh giúp đưa quân giành lại.

Suốt thời gian này, Hồ Chí Minh và đảng cộng sản chỉ có hành vi chống Nhật duy nhất là rải những tờ truyền đơn trong vùng núi rừng Việt Bắc để mong có sự giúp đỡ của Hoa Kỳ — cụ thể là phái bộ OSS — và sau đó tập trung cho kế hoạch giành quyền lực từ chính phủ Trần Trọng Kim.

Từ tháng 9/1945 tới tháng 6/1946, trọng tâm nỗ lực của Hồ Chí Minh vẫn không rời xa việc củng cố quyền lực do Bảo Đại chuyển giao và không vượt khỏi mong đợi được Mỹ hoặc Pháp công nhận vai trò lãnh đạo đất nước. Cho nên, trong lúc các đoàn thể quốc gia hô hào chống Pháp để bảo toàn lãnh thổ, Hồ Chí Minh đã thỏa hiệp với Pháp bằng việc ký thỏa ước 6/3/1946, thuận cho quân Pháp thay thế quân Trung Hoa giải giáp Nhật tại Bắc vĩ tuyến 16 tức Pháp được quyền đổ quân vào miền Bắc Việt Nam. Những thực tế chứng minh cho việc Hồ Chí Minh luôn ưu tư bành trướng ảnh hưởng cộng sản và sẵn sàng bắt tay thỏa hiệp với Pháp không khó tìm.

Báo Thanh Niên ngày 20/12/1926 có lời nhắc của Hồ Chí Minh với các hội viên Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội như sau: *“Dân tộc chỉ là màu sắc chứ không phải bản chất... Chủ nghĩa ái quốc là điều nguy hiểm.”*

Sau đó là lời Hồ Chí Minh chỉ dạy các đồng chí có thể tìm trong bất cứ tài liệu chính thức nào của đảng: *“Chủ nghĩa Lênin là cẩm nang, là địa bàn dành cho chúng ta, những người cách mạng và nhân dân, nó cũng là mặt trời rực sáng soi đường dẫn lối tới thắng lợi cuối cùng, tới xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa.”*

Mục đích đã được chính Hồ Chí Minh nói rõ chỉ là thắng lợi của đảng cộng sản trong việc giành quyền lực. Điều này cũng hiển lộ qua một chỉ thị của Hồ Chí Minh do nữ tác giả Sophie Quinn-Judge ghi lại trong tác phẩm *Hồ Chí Minh, The Missing Years 1919–1941*: *“Trong công tác quần chúng, Đảng cần truyền bá chương trình cách mạng dân chủ tư sản và dùng tình cảm dân tộc để lôi cuốn mọi*

người tán thành phong trào cách mạng công – nông và chấp nhận sự lãnh đạo của Đảng.”

Cùng một hướng diễn tả là những lời Võ Nguyên Giáp kể về việc Hồ Chí Minh ký hiệp ước 6/3/1946 với đại diện Pháp Sainteny. Thời điểm đó các đoàn thể trên khắp nước đều hô hào Nam tiến, hỗ trợ miền Nam chống quân viễn chinh Pháp. Vì thế, tin Hồ Chí Minh ký thỏa ước thuận cho Pháp đưa quân ra miền Bắc đã gây bất bình trong quần chúng như Võ Nguyên Giáp ghi lại: *“Rất nguy hiểm là bọn Việt Nam Quốc Dân Đảng và Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội... Chúng cố tìm cách kích động quần chúng bằng khẩu hiệu “Không điều đình với ai hết. Thắng hay là chết!” Chúng muốn phá cuộc đàm phán giữa ta và Pháp.”*

Mong ước kết thân với Pháp khiến Hồ Chí Minh đưa ra sáng kiến dùng từ *“quốc gia tự do”* do Pháp không công nhận Việt Nam là *“quốc gia độc lập”* đồng thời gác bỏ đòi hỏi Pháp công nhận chủ quyền Việt Nam đối với Nam bộ. Đổi 2 bước lùi thế nhằm để đưa quân Pháp ra miền Bắc do mưu tính đẩy các đoàn thể dân tộc vào thế công chênh hâu giữ vững quyền lực đã cho thấy rõ hướng phụng sự của Hồ Chí Minh.

Nhưng với các thực tế hiển nhiên trên, tại sao cuộc chiến vẫn nổ ra vào cuối năm 1946?

● CUỘC CHIẾN VỚI PHÁP.

– Thứ nhất, không thể phủ nhận tham vọng tái lập chế độ thuộc địa của De Gaulle sau thế chiến II tại Đông Dương. Nhưng bên cạnh đó là hai thực tế với ảnh hưởng không nhỏ: Sự kiệt quệ về mọi mặt của Pháp và chủ trương của Mỹ đòi tháo gỡ gông xiềng thực dân trên thế giới. Hai thực tế này đặt Pháp vào cảnh ngộ không dễ thực thi các chính sách ngược với chủ trương của Mỹ, bởi thiếu viện trợ Mỹ thì Pháp không thể đủ khả năng làm được điều gì.

Nhưng theo Võ Nguyên Giáp, hội nghị Tân Trào của

đảng Cộng Sản vào ngày Nhật tuyên bố đầu hàng đã có nhận định là do “*Sự mâu thuẫn giữa Anh – Pháp – Mỹ và Liên Xô có thể làm cho Anh – Mỹ nhân nhượng với Pháp và để cho Pháp trở về Đông Dương.*”⁽⁸²⁾

Nói cách khác, đảng Cộng Sản đã nhìn thấy nguy cơ gây tai họa cho đất nước nếu họ chọn con đường cộng sản. Nhưng cách đối phó của họ chỉ là che giấu tung tích bằng chiêu bài dân tộc yêu nước và lời tuyên bố đối gạt giải tán đảng cộng sản ngày 11/11/1945 trong khi vẫn kiên thủ vai trò công cụ của đế tam quốc tế cộng sản.

Từ đây cuộc chiến đã trở thành tất yếu vì chọn lựa đường hướng chính trị của Hồ Chí Minh đặt mục tiêu phát triển quyền lực cộng sản lớn hơn vận mạng đất nước.

– Thứ hai là cuộc chiến diễn ra với hình thức chống quân viễn chinh Pháp nhưng trên thực tế không nhắm mục tiêu cứu quốc như cộng sản tuyên truyền. Trong hồi ký ẩn hành năm 2001, Võ Nguyên Giáp đã nhắc bản chỉ thị của Trung Ương Đảng Cộng Sản ngày 25/10/1945 từng vạch rõ “*Kẻ thù cụ thể trước mắt lúc này là bọn phản động Pháp. Bọn phản động này đang tìm mọi cách chống phá phong trào dân chủ tại Pháp. Chúng chủ trương cấu kết với đế quốc Mỹ và đế quốc Anh để bao vây Liên Xô.*”⁽⁸³⁾

Như thế, qua chỉ thị 25/10/1945, đảng CSVN đã nói chỉ chống phái hữu Pháp đang chống đảng cộng sản Pháp, đồng thời quan tâm tới việc Anh – Mỹ bao vây Liên Xô chứ không hề nêu vấn đề chủ quyền dân tộc. Điều này được chính Hồ Chí Minh xác nhận vào dịp mừng chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 qua lời tuyên bố: “*Nhận chỉ thị của Quốc Tế Cộng Sản giải quyết vấn đề cách mạng ở nước ta, tôi đã hoàn thành nhiệm vụ.*”⁽⁸⁴⁾ Nhân vật lãnh đạo quốc

⁽⁸²⁾ *Những năm tháng không thể nào quên – tr.64.*

⁽⁸³⁾ *Những năm tháng không thể nào quên – tr.183.*

⁽⁸⁴⁾ *Web. MTTQVN: <http://www.mattran.org.vn/home/gioithieumt/TLLS001.html>*

gia nói về một chiến công lịch sử của đất nước lại phát biểu chỉ “*hoàn thành nhiệm vụ*” do “*nhận chỉ thị*” từ một thể lực ngoại bang là điều không thể không đặt thành nghi vấn.

– Thứ ba là mục tiêu và vai trò Trung Cộng với cuộc chiến Việt Nam qua Hà Cẩn diễn tả trong *Mao Chủ Tịch Của Tôi*. Theo Hà Cẩn, Trung Cộng coi cuộc chiến với Pháp tại Việt Nam sẽ giúp họ lấy lại các vùng đất Việt Nam mà họ từng chiếm đã bị người Pháp giành lại cho Việt Nam qua hiệp ước Pháp - Thanh. Vì vậy họ cần Việt Minh đối đầu với Pháp, chiến thắng hay thất bại của Việt Minh không quan trọng. Thực sự quan trọng là Trung Cộng sẽ có cơ hội giành lại các phần đất chiếm của Việt Nam từ thời gian trước. Trang 157 cuốn sách của Hà Cẩn ghi như sau:

“Người Pháp đã giúp An Nam chiếm đất đai của Trung Hoa. Việt Minh là đồng minh của Trung Hoa. Trung Hoa đã độc lập, Việt Minh chiến tranh với người Pháp sẽ giúp Trung Hoa đòi lại những phần đất này ...”

Gác lại việc Việt Nam có chiếm đất của Trung Hoa hay không, nhưng qua điều này đã thấy Trung Cộng viện trợ cho CSVN không chỉ vì *nghĩa vụ quốc tế* hay *tình đồng chí*. Vì thế, ngay sau khi chiếm Hoa lục, Trung Cộng tỏ ra tích cực hỗ trợ Việt Nam, và từ chiến dịch biên giới năm 1950 tới trận Điện Biên Phủ đều do cố vấn Trung Cộng lập kế hoạch. Trên thực tế, cho đến nay khi nói về trận Điện Biên Phủ, chính CSVN không thể không nhắc đến những cái tên Vi Quốc Thanh, Trần Canh, La Quý Ba...như sau: “*Mối quan hệ tốt đẹp giữa Bác Hồ với Vi Quốc Thanh được thiết lập từ hồi kháng chiến chống Pháp đầu những năm 50 của thế kỷ XX, khi mà Vi Quốc Thanh sang làm trưởng đoàn cố vấn quân sự Trung Quốc tại Việt Nam theo sự phân công của Đảng và Nhà Nước Trung Quốc.*”⁽⁸⁵⁾

⁽⁸⁵⁾http://www.ngheandost.gov.vn/JournalDetail/ar1367_Gia_dinh_Vi_Quoc_Thanh_voi_ba_lan_sinh_nhat_Bac_Ho_o_Quang_Tay_Trung_Quoc.aspx.

Trường Chinh, Hồ Chí Minh và cố vấn Trung Cộng



Việc Cộng Sản Quốc Tế quan hệ với cuộc chiến Việt Nam cũng có thể thấy qua sự việc rất nhỏ kể sau về sự đóng góp của các đảng cộng sản trong vùng Đông Nam Á:

“Ông Chan Mun Boy với giọng chậm rãi, chân chất như người miền Tây thực thụ kể câu chuyện đời ông: “Tôi sinh ra tại bang Singapore thuộc liên bang Malaysia vào năm 1925. Năm 1945 tức năm 20 tuổi, tôi được vinh dự kết nạp vào Đảng Cộng sản Malaysia. Khi ấy phong trào cộng sản đang lan rộng khắp Đông Nam Á và cũng bị thực dân đế quốc đàn áp dữ dội. Với tinh thần cộng sản quốc tế, năm 1947 tôi được Đảng Cộng sản Malaysia giao một nhiệm vụ quan trọng: tham gia cùng các cán bộ cách mạng VN ở hải ngoại đưa năm chiếc thuyền chở 150 tấn vũ khí, quân trang, quân dụng vượt eo biển Malacca cập bến tại căn cứ Mai Ruột (Thái Lan) viện trợ cho nhân dân VN tiến hành kháng chiến chống Pháp... Là một “chiến binh quốc tế”, Chan

Mun Boy không từ nan bất cứ một nhiệm vụ gì... Khi mới đặt chân lên bờ kênh Vĩnh Tế, Hà Tiên, có ai đó reo lên: “Về tới VN rồi!”, nhưng niềm vui chẳng được bao lâu. Ngay khi đặt chân lên biên giới, chúng tôi lại phải tiếp tục chiến đấu ngay vì bị tàu sắt và máy bay Pháp tập kích liên tục, nhờ có bộ đội chủ lực Hà Tiên hay tin kéo ra ứng cứu nên cả tiểu đoàn được đưa về tập kết an toàn...”⁽⁸⁶⁾



Qua các sự thực trên, có thể khẳng định cuộc chiến với Pháp mà đỉnh điểm là “chiến thắng” Điện Biên Phủ chỉ là cuộc chiến nhằm nhuệng đồ Việt Nam theo lệnh Liên Xô, Trung Cộng. Bởi, như Hồ Chí Minh, Võ Nguyên Giáp đã nói về mục tiêu ngăn chặn vòng vây bao bọc Liên Xô và cần đặt bán đảo Đông Dương dưới ảnh hưởng cộng sản — cụ thể là giành quyền thống trị vùng đất này từ tay Pháp về cho Quốc Tế Cộng Sản. Do đó, cuộc chiến được đánh bóng bằng màu sắc “*cứu quốc, giành độc lập, giải phóng dân tộc*” nhưng thực sự không liên quan tới nguyện vọng đích thực của người Việt Nam.

Trước hết, các màu sắc trên không hề diễn tả thực tế tình hình diễn biến tại bán đảo Đông Dương thời điểm đó. Vì chính tài liệu của đảng Cộng Sản về lịch sử Việt Nam đã viết: “*Trong đêm 9/3, quân Nhật đồng loạt nổ súng và tấn công nhanh chóng đè bẹp sự kháng cự của đối phương. Đến chiều ngày 10/3 thì quân Pháp đầu hàng, phát xít Nhật làm chủ các vùng đô thị lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Huế, Sài Gòn và nhiều tỉnh lỵ... Những đơn vị quân Pháp còn cố thủ ở Cà Mau, Biển Hồ (Campuchia), một số vùng ở Bắc Đông Dương, cũng lần lượt bị thất thủ, chỉ còn một số tàn quân chạy qua biên giới Việt Trung.*

Với sự kiện này, lực lượng quân sự Pháp hoàn toàn

⁽⁸⁶⁾ <http://www.vnmilitaryhistory.net/index.php?topic=457.10>

tan rã, bộ máy thống trị của thực dân Pháp đầu hàng, bị cầm tù hoặc đang tâm làm tay sai cho phát xít Nhật. Trên thực tế toàn bộ Đông Dương đã trở thành thuộc địa của phát xít Nhật.”⁽⁸⁷⁾

Ở đây đã có sự cố tình vùi lấp việc Nhật trao trả chủ quyền cho các nước Đông Dương khiến ngày 11/3/1945, triều đình Huế đã tuyên bố độc lập, xé bỏ mọi hòa ước ký với Pháp thế kỷ trước, đồng thời Campuchia và Lào cũng tuyên bố độc lập ngày 12/3/1945 và 15/3/1945.

Cả 3 quốc gia Đông Dương đều không còn lệ thuộc Pháp, trong khi Nhật không còn vai trò tại đây sau khi tuyên bố đầu hàng Đồng Minh ngày 15/8/1945. Công lao “*đánh thực dân Pháp, đuổi phát xít Nhật để giành độc lập cho Việt Nam*” mà đảng Cộng Sản không ngừng tô vẽ chỉ là những lời dối gạt trắng trợn. Diễn biến sau đó với Hồ Chí Minh chỉ là cố vận động Mỹ, Pháp nhìn nhận tính hợp pháp cho vai trò lãnh đạo được Bảo Đại và chính phủ Trần Trọng Kim nhường lại. Chính từ đây đã hiện ra một nhân tố góp phần bùng nổ cuộc chiến 9 năm dẫn tới trận Điện Biên Phủ. Đó là tư cách đảng viên cộng sản của Hồ Chí Minh và vai trò công cụ của đảng CSVN với Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản.

Chính đảng viên cộng sản Pháp Olivier, tác giả *Đông Dương và Người Pháp* đã cho biết về tầm quan trọng của nhân tố này qua phát biểu : “*Chính phủ Pháp với sự thất bại của đảng cộng sản Pháp không muốn có chiến tranh tại Đông Dương, nhưng họ phạm sai lầm là không công nhận chủ nghĩa cộng sản ở những nước này.*”

Theo Olivier, chiến tranh chỉ bùng nổ do người Pháp không chấp nhận cộng sản xuất hiện tại Đông Dương trong khi Hồ Chí Minh dứt khoát không từ bỏ chủ nghĩa cộng sản. Như vậy, cuộc chiến rõ ràng không liên quan gì đến nguyện

⁽⁸⁷⁾ http://www.lichsvietnam.vn/home.php?option=com_content&task=view&id=269&Itemid=33

vọng cùng vận mạng của dân tộc và đất nước Việt Nam. Olivier là đảng viên cộng sản nên coi đó là sai lầm của người Pháp, nhưng tại sao Hồ Chí Minh luôn tự xưng là người yêu nước lại không thể gạt bỏ chủ nghĩa cộng sản để đất nước tránh tai ương bị đạn bom tàn phá?

Về cuộc chiến 1945-1954, vì thế, phải nói là cuộc chiến hoàn toàn không cần thiết và là một đại họa cho đất nước Việt Nam vì bị đẩy vào vòng tàn phá tóc tang chỉ do một thiểu số phụng sự quyền lực cộng sản

● NỘI CHIẾN PHI NGHĨA

Sau cuộc chiến không cần thiết với Pháp, Hồ Chí Minh và đảng cộng sản còn đẩy đất nước vào cuộc tương tàn 1955-1975 là cuộc chiến chống miền Nam mà đảng cộng sản đặt dưới chiêu bài chống xâm lược với một thay đổi là đưa Mỹ vào thế chỗ của Pháp.

Nhưng ý nghĩa thực sự của cuộc chiến này là gì?

– Đầu tiên xin nhìn lại số người bị giết và mức tàn phá như sau: *“Tùy theo nguồn, số người Việt Nam bị thiệt mạng trong chiến tranh Việt Nam là từ 3 đến 5 triệu, hàng triệu người khác tàn tật và bị thương. Một nửa diện tích rừng của Việt Nam bị phá hủy...”* ⁽⁸⁸⁾

Ghi nhận sơ lược trên chỉ nhắc một phần thảm cảnh mà người dân Việt Nam phải gánh chịu đã lập lại trọn vẹn lời than *“nướng dân đen trên ngọn lửa điêu tàn”* của cổ nhân khi nói về hành động tàn ác của kẻ thù phương Bắc. Điều đáng nói là 600 năm trước, thủ phạm gây tội ác là kẻ thù phương Bắc trong khi cuộc chiến 1955-1975 do chính những kẻ mang dòng máu Việt Nam — cụ thể là Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản — chủ động tiến hành với quyết tâm theo đuổi bằng mọi giá qua nhiều lời tuyên bố của Hồ Chí Minh như *“sẵn sàng đốt cháy cả dải Trường Sơn”* và

⁽⁸⁸⁾ http://vi.wikipedia.org/wiki/Chiến_tranh_Việt_Nam

“thề đánh Mỹ đến người Việt Nam cuối cùng.” Năm 1963, khi Chu Ân Lai hỏi về viễn ảnh cuộc chiến, Hồ Chí Minh đã khẳng định: *“Đừng nói phải đánh 5 năm, 10 năm. Dù có 20 năm, 30 năm, thậm chí 50 năm cũng phải đánh.”*

Suốt thập niên 1960, lời Hồ Chí Minh được liên tục truyền nhắc để diễn tả cuộc chiến như chọn lựa bắt buộc của dân tộc Việt Nam trước hiểm họa đế quốc Mỹ. Nhưng hiểm họa đế quốc Mỹ ra sao và dân tộc Việt Nam có thực sự chọn lựa cuộc chiến không?

– Thứ hai, lời giải nghi vấn trên gắn liền với diễn biến tình hình thời điểm khởi đầu cuộc chiến 1955-1975 mà hai điều quan trọng nhất theo luận điệu cộng sản là Mỹ chủ trương chia đôi Việt Nam và xâm chiếm miền Nam để bóc lột đẩy người dân vào cảnh lầm than, đói rét. Về cảnh lầm than, đói rét của miền Nam thì hết thấy những người — dù là thường dân hay viên chức, cán binh miền Bắc — đặt chân vào miền Nam sau tháng 4-1975 đã có câu trả lời bằng thực tế. Riêng về việc Mỹ chủ trương chia đôi Việt Nam, xin nhắc lại một số sự kiện quanh cuộc chiến Việt Nam 1945-1954 và hội nghị Genève 1954.

Cuộc chiến bùng nổ ngày 23/9/1945 khi Pháp chiếm Sài Gòn với mục tiêu giành lại Nam Kỳ được coi là lãnh thổ Pháp hải ngoại. Mỹ phản đối việc làm của Pháp nhưng bất can dự vì biết Hồ Chí Minh là cộng sản. Khi cuộc chiến lan khắp Việt Nam sau các hiệp ước 6/3/1946 và 14/9/1946 do Hồ Chí Minh ký với Sainteny và Marius Moutet, Mỹ lưu tâm hơn tới vấn đề Việt Nam, tỏ ý sẽ hỗ trợ Pháp với điều kiện Pháp trả độc lập cho Việt Nam. Vì thế, cuối năm 1947, Pháp khởi sự thương thuyết với các đoàn thể Quốc Gia Việt Nam do cựu hoàng Bảo Đại đại diện ký các hiệp ước sơ bộ Hạ Long tháng 12/1947 và 8/1948, hiệp ước Élysée tháng 3/1949 thừa nhận Việt Nam là quốc gia độc lập với lãnh thổ gồm cả Nam kỳ. Từ đây, chính phủ Quốc Gia Việt Nam ra mắt với tư cách pháp nhân chính thức trong khối Liên Hiệp

Pháp. Năm 1949 cũng là năm Trung Cộng thành lập chính phủ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa. Tháng 1/1950, Trung Cộng và Liên Xô cùng lên tiếng thừa nhận chính phủ Hồ Chí Minh chỉ 7 ngày trước khi Mỹ, Anh thừa nhận chính phủ Bảo Đại. Cuộc chiến Việt Nam bắt đầu hiện lộ thực chất đối đầu giữa hai khối tự do và cộng sản. Nhưng trong lúc Trung Cộng tích cực hỗ trợ Hồ Chí Minh từ vũ khí tới nhân lực, vật lực thì Pháp chỉ nhận được từ Mỹ sự trợ giúp giới hạn. Kết cục là trận Điện Biên Phủ với thất bại nghiêng về phía Pháp do Mỹ từ chối yểm trợ không lực theo kế hoạch của giới quân sự Pháp. Dù vậy, cả Nga lẫn Trung Cộng đều e dè sự can thiệp của Mỹ nên hội nghị Genève được triệu tập để chấm dứt cuộc chiến. Hội nghị kéo dài gần 3 tháng từ 26/4/1954 đến 20/7/1954 với các phái đoàn Anh – Pháp – Mỹ – Nga – Trung Cộng – Campuchia – Lào cùng 2 phái đoàn Cộng Sản và Quốc Gia Việt Nam. Tới tới 20/7, hội nghị vẫn bất đồng về ranh giới phân vùng ảnh hưởng Pháp và Việt Minh ở vĩ tuyến 16 theo Việt Minh đề nghị hay vĩ tuyến 19 theo Pháp đề nghị. Cuối cùng, Chu Ân Lai nắm một cục phần vạch ngang vĩ tuyến 17 và tuyên bố đó là chọn lựa cuối cùng. Bản hiệp định được các phái đoàn ký kết, ngoại trừ phái đoàn Quốc Gia Việt Nam và phái đoàn Mỹ. Phái đoàn Mỹ không thỏa thuận về các điều khoản do hội nghị thông qua còn phái đoàn Quốc Gia Việt Nam tuyên bố việc chia đôi đất nước phản lại nguyện vọng dân tộc nên không thể ký, dù rất tôn trọng việc ngưng chiến để tái tạo cuộc sống an bình. Văn kiện về hiệp định Genève giờ này vẫn dễ dàng tìm tại văn khố mọi quốc gia liên hệ nên kết án Mỹ chủ trương chia đôi Việt Nam không chỉ bịp bợm mà còn trắng trợn coi khinh dư luận. Ngoài ra, chính phủ Quốc Gia Việt Nam thành lập từ 1949 theo các hiệp định ký kết với Pháp, được quốc tế thừa nhận tư cách pháp nhân chính thức trong vai trò lãnh đạo phần đất phía Nam vĩ tuyến 17 thì phải diễn giải sao về lý do chống xâm lược Mỹ?

– Thứ ba là tính gắn bó của cuộc chiến với cả hai quốc gia cộng sản Liên Xô và Trung Cộng. Tới nay, không ai còn ngờ vực về việc Nga viện trợ vũ khí và đưa người qua tham chiến tại Việt Nam. Bên cạnh Nga còn có sự hiện diện của quân đội Trung Cộng và Bắc Hàn. Trong hồi ký *Giọt Mưa Trong Biển Cả*, Hoàng Văn Hoan, một đảng viên CSVN lão thành đã ghi rõ: “Từ năm 1965 đến năm 1970, theo yêu cầu của Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam, Mao Chủ tịch và Trung ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã phái hơn ba mươi vạn bộ đội vào Việt Nam.”

Sự kiện này cũng được sử gia Chen Jian ghi trong tác phẩm *Mao's China and the Cold War* là năm 1965, Bắc Kinh đã gửi 320 ngàn quân sang tham chiến tại Việt Nam. Cụ thể hơn là một tờ báo Hong Kong đã thuật lại nguồn tin Reuter về sự tham chiến tại Việt Nam của quân Trung Cộng với chi tiết hơn 4000 người tử vong và thêm khoản chi phí viện trợ hơn 20 tỉ.

Đồng thời, dưới tiêu đề *Nghĩa Trang Liệt Sĩ Triều Tiên ở Bắc Giang*, một bài trên hệ thống truyền tin Cộng Sản Việt Nam xác nhận sự tham chiến của quân Bắc Hàn như sau: “Thiếu tướng Phan Khắc Hy, chính ủy Bộ Tư lệnh Không Quân trong thời gian đó cho biết, được sự đồng ý của chính phủ Việt Nam, năm 1966, Đoàn Không Quân chiến đấu CHDCND Triều Tiên với gần 150 người sang Việt Nam. Đoàn được giao cho trung đoàn 923 (đóng tại Kép, Lạng Giang, Bắc Giang) quản lý. Toàn bộ máy bay, lương thực, thuốc men... do quân đội Việt Nam cung cấp.

Trong số quân nhân Triều Tiên, 24 người được giao máy bay chiến đấu (14 người được giao máy bay MIG 17B, 10 người được giao MIG 17C). 113 người thực hiện nhiệm vụ tham mưu, chính trị, hậu cần dưới sự chỉ huy của thượng tá Kim Chang Xon....”⁽⁸⁹⁾

⁽⁸⁹⁾ ://vnexpress.net/gl/xa-hoi/2012/08/nghia-trang-liet-si-trieu-tien-o-bac-giang/

China admits 320,000 troops fought in Vietnam

HONG KONG (Reuters) — China has admitted for the first time that it sent more than 300,000 combat troops to Vietnam to fight against U.S. forces and their South Vietnamese allies.

The semi-official China News Service said today that China sent 320,000 soldiers to Vietnam during the 1960s. It also spent over \$20 billion to support Hanoi's regular North Vietnamese Army and Viet Cong guerrilla units.

The agency report cited "The History of the People's Republic of China," published by the official State Archives Publishing House, as saying that more than 4,000 Chinese soldiers were killed during the war.

Fighting ended when victorious

insignia.

Presidents Johnson and Nixon were wary of allowing U.S. aircraft to bomb too close to the Chinese border with North Vietnam for fear of involving the Chinese on a larger scale.

During the 10 years of direct U.S. involvement, American troop levels reached over 500,000. Estimates of North Vietnamese Army units varied, but Hanoi maintained throughout the war its soldiers went only as volunteers to help the southern Viet Cong guerrilla movement.

Units from South Korea, Australia, and New Zealand fought alongside U.S. and South Vietnamese soldiers, with logistical support from Thailand and the Philippines.

Phan Khắc Hy (hàng ngồi, thứ 4 từ phải), hai bên là đoàn trưởng và đoàn phó đoàn không quân Bắc Hà



Qua các bằng chứng này, người cộng sản giải thích ra sao về sự có mặt của các đạo quân ngoại quốc bên cạnh họ, khi họ kết án sự có mặt của quân đội Mỹ bên cạnh miền Nam là xâm lược? Chắc chắn sẽ có sự viện dẫn tình đồng chí cộng sản, nhưng thực tế vẫn cho thấy không ít điều cần suy nghĩ.

– Thứ tư là những tài liệu chỉ tỏ ý đồ thực sự của Liên Xô và Trung Cộng trong cuộc chiến chống miền Nam Việt Nam do Hồ Chí Minh phát động. Cuốn *Một Bước Đi Lớn* do nhà xuất bản Quân Đội Liên Bang Nga ấn hành năm 1999 nói về mối ưu tư của Liên Xô thời điểm 1952 có đoạn viết: “*Khả năng rất lớn là Mỹ sẽ có vai trò quan trọng trong việc thiết lập hòa bình ở Đông Nam Á trong đó có Việt Nam. Trung quốc cũng hiểu điều này. Chính vì thế Liên Xô phải chuẩn bị cho tình huống xấu nhất là chủ nghĩa tư bản ngự trị tại nơi mà Liên Xô đang mong muốn xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội...*”

Đây là lúc Hồ Chí Minh viết thư xin Liên Xô viện trợ vũ khí và cuốn sách cũng nhắc đến ý kiến của Stalin như sau: “*Đồng chí Stalin đã thông tin cho Việt Minh thông qua bộ ngoại giao Liên Xô để Việt Minh có đề xuất trong việc chuẩn bị tinh thần chiến đấu lâu dài...*”

Stalin đã dự đoán ý đồ nhuộm đỏ Đông Nam Á sẽ bị Mỹ ngăn trở nên chuẩn bị một cuộc chiến lâu dài mà vai trò chốt thí sẽ do Hồ Chí Minh và đảng cộng sản khoác cho dân tộc Việt Nam. Từ đây đã hiện lên một sự thực không thể chối bỏ là cuộc chiến bắt nguồn từ tham vọng bành trướng chủ nghĩa cộng sản và chỉ nhằm phục vụ đế quốc Đỏ mà thôi. Cũng tương tự là sự thực ẩn sau mối quan hệ với Trung Cộng. Trong tài liệu Đảng Cộng Sản Trung Quốc in năm 1939, Mao Trạch Đông viết: “*Các nước đế quốc sau khi đánh bại Trung Quốc, đã chiếm các nước phụ thuộc của Trung Quốc: Nhật chiếm Triều Tiên, Đài Loan, Lưu Cầu, quần đảo Bành Hồ và Lữ Thuận. Anh chiếm Miến Điện, Butan, Hương Cảng, Pháp chiếm An Nam...*”

Năm 1954, cuốn *Sơ Lược Lịch Sử Trung Quốc Hiện Đại* xuất bản ở Bắc Kinh có bản đồ lãnh thổ Trung Quốc bao gồm các nước Đông Nam Á và vùng biển Đông. Năm 1963, hội đàm với đại biểu Đảng Lao Động Việt Nam ở Vũ Hán, Mao Trạch Đông nói: “*Tôi sẽ làm chủ tịch của 500*

triệu bần nông đưa quân xuống Đông Nam châu Á.”

Tháng 8/1965, tại cuộc họp Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Trung Quốc, Mao Trạch Đông khẳng định: *“Chúng ta phải giành cho được Đông Nam châu Á, bao gồm cả miền Nam Việt Nam, Thái Lan, Miến Điện, Malayxia và Singapo... Một vùng như Đông Nam châu Á rất giàu, ở đây có nhiều khoáng sản... xứng đáng với sự tốn kém cần thiết để chiếm lấy... Sau khi giành được Đông Nam châu Á, chúng ta có thể tăng cường được sức mạnh của chúng ta ở vùng này, lúc đó chúng ta sẽ có sức mạnh đương đầu với khối Liên Xô – Đông Âu, gió Đông sẽ thổi bạt gió Tây...”*

Các chứng liệu trên được nhà xuất bản Sự Thật in năm 1979 tại Hà Nội trong cuốn *Sự Thật Về Quan Hệ Việt Nam – Trung Quốc 30 Năm Qua* không chỉ xác nhận tham vọng xâm chiếm toàn vùng Đông Nam Á của Trung Cộng mà còn cho thấy Đảng CSVN đã biết rõ tham vọng này qua kết luận: *“Đông Nam châu Á là hướng bành trướng cổ truyền trong lịch sử Trung Quốc, là khu vực mà từ lâu những người lãnh đạo nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa ước mơ thôn tính.”* Cũng qua tác phẩm trên, đảng CSVN còn nói về phản ứng của Mỹ với cuộc chiến Việt Nam như sau: *“...Sau cuộc chiến tranh Triều Tiên, Mỹ không có khả năng can thiệp quân sự trực tiếp vào Đông Dương.”*

Hiều biết về ý đồ Trung Cộng như thế, nhưng Hồ Chí Minh và đảng cộng sản vẫn công nhận lãnh hải của Trung Cộng để dâng hiến Biển Đông cùng các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa cho Bắc Kinh, đồng thời tích cực chuẩn bị khởi động cuộc chiến dưới chiêu bài *“đánh Mỹ”* dù đã thấy rõ không có Mỹ mà chỉ là cuộc chiến tương tàn để giành độc quyền thống trị Việt Nam mà thôi.

Dù dè dặt mức nào cũng không thể nói khác là Hồ Chí Minh đã tận trung với chủ nghĩa cộng sản tới độ sẵn sàng đập trên xương máu đồng bào và vận mạng đất nước. Sự thực không thể chối bỏ này góp phần giải thích lý do khiến

Khrushchev gọi *“Hồ Chí Minh là tông đồ nhiệt thành của tôn giáo Cộng Sản, là vị thánh của chủ nghĩa Cộng Sản, người nhiệt thành xả thân vì đại nghĩa...”* với thành tích thúc ép *“người dân Việt Nam đổ máu và hiến dâng sinh mạng mình cho lợi ích của phong trào cộng sản thế giới.”*

– Thứ năm là ý nghĩa chính xác qua đối chiếu thực tế với luận cứ tuyên truyền cộng sản về cuộc chiến. Cho tới nay không mấy ai xa lạ với cái tên *“chống xâm lược Mỹ”* được đặt cho cuộc chiến Việt Nam. Nhưng cuộc chiến đã khởi sự gần tròn mười năm trước khi quân đội Mỹ thực sự có mặt, rõ rệt là được chuẩn bị ngay từ năm 1955.

Theo hiệp định Genève thì 300 ngày sau khi ký hiệp định, tức ngày 20/5/1955, hai bên lâm chiến phải rút hết lực lượng về vùng chỉ định, cụ thể là Pháp và Quốc Gia Việt Nam rút về Nam vĩ tuyến 17 và Việt Minh rút về Bắc vĩ tuyến 17. Pháp và Quốc Gia Việt Nam thực hiện đúng quy định, trong khi Việt Minh thực hiện hai kế hoạch: Một mặt gấp rút tổ chức kết hôn cho cán binh sẽ tập kết ra Bắc, một mặt chôn giấu vũ khí, sắp xếp cài đặt và huấn luyện đặc biệt cho một số cán binh ở lại miền Nam để hoạt động bí mật. Tình báo Mỹ phỏng đoán số cán binh Cộng Sản cài lại miền Nam khoảng từ 5 tới 10 ngàn người, nhưng bản *Tổng Kết Cuộc Kháng Chiến Chống Thực Dân Pháp* ấn hành tại Hà Nội năm 1996 cho biết tổng số cán bộ cài lại miền Nam là 60 ngàn. Tài liệu trên cũng ghi về trường hợp Lê Duẩn như sau: *“Cán bộ và đảng viên được đặt dưới quyền lãnh đạo của đồng chí Lê Duẩn, bí thư Xứ Ủy Nam Bộ. Vào ngày cuối cùng của thời hạn tập kết ở Cà Mau, sau khi chúng ta đánh lừa địch bằng cách giả bộ lên tàu tập kết, đồng chí Lê Duẩn đã tìm cách rời khỏi tàu vào lúc nửa đêm để ở lại.”*

Sự việc cho thấy phía Cộng Sản sắp đặt khởi chiến ngay khi vừa ký xong bản hiệp định Genève 1954. Tài liệu cộng sản còn ghi rõ từ 1956 tới 1959, miền Bắc đã gửi thêm 6000 cán bộ tập kết bí mật trở lại miền Nam để thực hiện

khuyến động bằng khủng bố, ám sát mà thành tích được báo cáo là “1700 viên chức nguy quyền bị hạ năm 1959 và năm 1960 có 4000 tên đến tội.”

Giữa thời gian này, ngày 7/3/1958, Phạm Văn Đồng phổ biến tuyên cáo kêu gọi hai miền họp bàn về giảm quân số, thống nhất đất nước và cực lực đả kích Mỹ tiến hành xâm lược, can thiệp vào nội bộ các quốc gia Đông Nam Á.

Ngày 26/4/1958, VNCH bác bỏ bản tuyên cáo trên và nêu đòi hỏi miền Bắc phải giảm quân số xuống ngang quân số miền Nam, chấm dứt các hành động khủng bố, chấm dứt độc quyền kinh tế vv... Trên thực tế, miền Bắc chỉ nhằm tuyên truyền, vì theo biên giới Lào, nhiều đơn vị quân đội đã được gửi vào Nam từ năm 1956 và sau đó một trực lộ được khai thông dọc dải Trường Sơn để nâng cao mức xâm nhập. Cuối cùng, từ giữa năm 1959, quân đội miền Bắc đã có thể mở các trận đánh tại nhiều vùng thuộc miền Nam.

Rõ rệt hơn là ngày 13/5/1959, hội nghị mở rộng Ban Chấp Hành Trung Ương đảng Cộng Sản lần thứ 15 tại Hà Nội đã thông qua nghị quyết thống nhất đất nước bằng vũ lực và đưa miền Bắc tiến lên xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết này in trên báo Nhân Dân số ra ngày 14/5/1959 được coi như lời tuyên chiến của miền Bắc và cuộc chiến đã trở thành công khai. Từ 1963, cuộc chiến gia tăng cường độ nhưng khúc ngoặt thực sự chỉ khởi từ tháng 8/1964 khi khu trục hạm Maddox của Mỹ tuần thám trong hải phận quốc tế dọc bờ biển Việt Nam bị 3 ngư lôi đình Bắc Việt tấn công lúc 4 giờ chiều 2/8/1964. Hai ngày sau, 4-8, các khu trục hạm Maddox và Turney Joy lại bị tấn công trong hải phận quốc tế khiến Mỹ quyết định oanh tạc Bắc Việt. Qua nhiều cuộc bàn thảo sau đó giữa Mỹ - Việt, chính quyền VNCH đồng ý cho Mỹ đưa quân tới Việt Nam. Tiểu đoàn 9 Thủy Quân Lục Chiến Mỹ là đơn vị đầu tiên đổ bộ xuống bãi biển Nam Ô, Đà Nẵng, ngày 8/3/1965.

Dư luận chung đều cho rằng trở ngại lớn cho Cộng

Sản đã xuất hiện, nhưng khó ai ngờ đây lại chính là điều mà Hà Nội và Bắc Kinh đang mong đợi theo các tài liệu chính thức tiết lộ sau này.

Cuốn *Sự Thật Về Quan Hệ Việt Nam – Trung Quốc Trong 30 Năm Qua* xuất bản tại Hà Nội năm 1979 đã ghi lại câu nói sau của Chu Ân Lai với tổng thống Ai Cập Nasser ngày 23/6-/1965: “*Mỹ càng đưa nhiều quân vào Việt Nam thì chúng tôi càng vui lòng vì chúng tôi biết rằng chúng tôi nắm chúng trong tay, chúng tôi có thể lấy máu chúng. Nếu Ngài muốn giúp đỡ người Việt Nam thì cần khuyến khích Mỹ ném càng nhiều lính Mỹ vào Việt Nam càng tốt.*”

Rõ ràng hơn là tiết lộ về ý đồ của Mao Trạch Đông trong một tác phẩm ấn hành năm 2005 của 2 tác giả Jung Chang và Jon Halliday mà mọi người được biết Jung Chang là một hồng vệ binh trong phong trào Cách Mạng Văn Hóa do Mao Trạch Đông phát động. Các tác giả trên ghi lại: “*Cuối năm 1963, miền Nam Việt Nam có khoảng 15,000 cố vấn quân sự Mỹ. Kế hoạch của Mao là tạo tình huống làm cho Mỹ phải gọi thêm quân đội vào miền Nam, ngay cả có thể xâm chiếm miền Bắc giáp giới với Trung quốc... Để thực hiện kế hoạch này, năm 1964 Mao thúc ép CSVN đẩy mạnh chiến tranh Đông Dương. Mao huấn thị Bắc Việt tránh đụng độ lớn, và cào xới khắp diện địa... biến thành cuộc chiến rộng lớn là tốt nhất. Mao bảo Bắc Việt phải đưa thêm bộ đội vào miền Nam, và đừng sợ sự can thiệp của Mỹ. Ông ta nói, cùng lắm là như chiến tranh Triều Tiên. Bộ đội Trung Cộng đã sẵn sàng. Nếu Mỹ tấn công Bắc Việt, bộ đội Trung Cộng sẽ tràn qua ngay...*”⁽⁹⁰⁾

Diễn biến thực tế cùng các tài liệu tiết lộ ý đồ Trung Cộng cho thấy 2 điều trong ý nghĩa thực sự của cuộc chiến.

Trước hết, cuộc chiến là một kế hoạch được sắp đặt từ khi ký kết hiệp định Genève 1954 của khối Cộng Sản mà

⁽⁹⁰⁾ Mao : *The Unknown Story*, Anchor Books & Random House.

Việt Nam là công cụ thực hiện. Mục tiêu kế hoạch là đặt Đông Nam Á dưới quyền lực cộng sản. Do biết chắc sẽ bị Mỹ ngăn trở nên luận điệu chụp mũ Mỹ xâm lược được tung ra dù kẻ xâm lược thực sự chính là khối cộng sản.

Kế tiếp là Trung Cộng âm mưu cuốn Mỹ vào vòng chiến để đặt cả Mỹ lẫn Việt Nam vào thế khó khăn hầu khai thác cho nhiều mục đích từ mở đường thương thảo với Mỹ, ngăn chặn ảnh hưởng Liên Xô tới đây Việt Nam vào cảnh thế cùng lực tận sẽ biến thành chư hầu, đặc biệt là tạo cơ hội lấn chiếm đất đai, mở rộng lãnh hải, nhất là giành quyền khống chế vùng Biển Đông...



Tóm lại, sau cuộc chiến để tranh giành và củng cố quyền lực cộng sản tại Việt Nam dưới chiêu bài đánh Pháp giành độc lập dù Việt Nam đã độc lập từ tháng 3/1945, là cuộc chiến dưới chiêu bài chống Mỹ để áp đặt ảnh hưởng cộng sản tại Đông Nam Á khi quân Mỹ không hề có mặt tại đây. Cả hai cuộc chiến đều nhân danh quyền lợi Việt Nam nhưng trên thực tế chỉ mang đến cho đất nước và dân tộc Việt Nam những tác hại nặng nề và kẻ thủ lợi thực sự chỉ là Trung Cộng.

Thực trạng thảm khốc trên diễn ra chỉ vì tham vọng độc chiếm quyền lực của Hồ Chí Minh và đảng cộng sản ở mức độ sẵn sàng phụng sự Trung Cộng. Đây là thực tế mà chính đảng viên cộng sản Việt Nam đã công khai nhìn nhận như bài viết sau của một đảng viên: *“Trong ba lần hoạt động dài ngày ở Trung Quốc, có lúc Bác tham gia chi đội Bát Lộ Quân của Diệp Kiếm Anh nhưng ngay cả những lúc chuyên hoạt động vì cách mạng Việt Nam, Bác không quên cách mạng Trung Quốc.*

Bộ Toàn Tập Hồ Chí Minh mà tôi có trong tay được xuất bản vào những năm quan hệ hai nước chưa bình thường và tôi biết có một số bài viết của Bác về Trung Quốc

không được đưa vào, nhưng chỉ bằng vào những bài đã được công bố trong đó, tôi có thể mạnh dạn nói rằng ngay từ khi ở Pháp, ở Liên Xô cho đến khi hoạt động ở Trung Quốc và về Việt Nam, khi còn là nhà cách mạng hoạt động bí mật cho đến khi trở thành người đứng đầu một nước, Bác luôn là người nước ngoài tuyên truyền cổ vũ nhiều nhất cho cách mạng Trung Quốc.”⁽⁹¹⁾

Bài viết này còn trích dẫn lời phát biểu của Hồ Chí Minh đồng hóa tham vọng bá quyền Trung Quốc với lợi ích quốc tế cộng sản để biện bạch cho sự tuân thủ mọi ý đồ của Trung Cộng trong mối quan hệ Việt – Trung: *“Trong lĩnh vực này, tôn trọng vai trò và lợi ích nước lớn của Trung Quốc trong quan hệ quốc tế, với Bác, không có nghĩa là không tôn trọng lợi ích chung của phe xã hội chủ nghĩa của phong trào cộng sản quốc tế, của nhân dân các nước khác.”*

Tinh thần nô lệ của Hồ Chí Minh đã được tiếp nối bởi lớp đồng chí kế thừa biểu hiện qua phát biểu sau của Lê Duẩn với Mao Trạch Đông trong cuộc họp tại Vũ Hán năm 1970 : *“Tại sao chúng tôi giữ lập trường bền bỉ chiến đấu cho một cuộc chiến kéo dài, đặc biệt trường kỳ kháng chiến ở miền Nam? Tại sao chúng tôi dám trường kỳ kháng chiến? Chủ yếu là vì chúng tôi phụ thuộc vào công việc của Mao chủ tịch... Chúng tôi có thể tiếp tục chiến đấu, đó là vì Mao Chủ tịch đã nói rằng 700 triệu người Trung Quốc đang ủng hộ nhân dân Việt Nam một cách vững chắc.”*⁽⁹²⁾

Một câu tuyên bố khác của Lê Duẩn vào dịp kết thúc cuộc chiến năm 1975 còn trực tiếp diễn tả rõ thực chất cuộc chiến mà đảng CSVN đã phát động với danh nghĩa “giải phóng miền Nam” như sau : *“Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô, đánh cho Trung Quốc, cho các nước xã hội chủ nghĩa và cả nhân loại.”*

⁽⁹¹⁾<http://www.tuanvietnam.net/2010-05-14-ho-chi-minh-voi-trung-quoc>

⁽⁹²⁾*War in Viet Nam – Trung tâm lưu trữ Wilson, Mỹ — Trg 23.*

Sept 11, 1979 Vietnamese refugees huddle on their junk boat to Hong Kong Harbor
Providing dramatic evidence that Hanoi has failed to halt the exodus of the boat people



Hai hình ảnh đời sống Việt Nam sau 1975: Thảm cảnh trốn chạy chế độ cộng sản trong thế thập tử nhất sinh — Xếp hàng tại sứ quán Hàn Quốc, xin đi lao động. — Trẻ em lao động bê đá ở Đồng Văn, Hà Giang.



Đó chính là bằng cứ minh chứng cho sự phi nghĩa của cuộc chiến đã đem lại bao đau thương cho dân tộc. Hồ Chí Minh và đảng cộng sản tuân thủ chỉ thị của Liên Xô – Trung Cộng đã biến nhiều thế hệ con dân Việt Nam thành lính đánh thuê cho cộng sản quốc tế để cuối cùng sau thảm cảnh tóc tang trùm phủ khắp đất nước là cả dân tộc bị đẩy vào cuộc sống đói rách, kim kẹp, đọa đày chưa từng có trong suốt ngót năm ngàn năm lịch sử. Đồng thời, đất đai do cha ông để lại và toàn vùng lãnh hải Biển Đông bị Trung Cộng ngang nhiên chiếm đoạt.

Từ đây, hàng loạt nghi vấn đang cất lên về hậu quả thực tế đời sống Việt Nam, sau hai cuộc chiến mà Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản đã gây ra theo lệnh Liên Xô – Trung Cộng. Thảm cảnh thuyền nhân trốn chạy chế độ cộng sản bạo tàn với trên nửa triệu người vùi thân xác nơi lòng biển cả có xảy ra hay không? Việt Nam có bị mất đất, mất đảo, mất biển cho Trung Cộng hay không? Việt Nam có bị Trung Cộng khống chế và công khai trấn áp như hiện nay hay không? Thiếu nữ và trẻ thơ Việt Nam có bị xuất cảng làm nô lệ tình dục cho ngoại bang hay không? Công nhân Việt Nam có lâm vào cảnh “*đem con bỏ chợ*” như ở Samoa, Mã Lai và các xứ khác hay không? Dân nghèo có phải đi bán máu để mua thức ăn hay không? Mafia đỏ có cấu kết với bọn đầu tư ngoại quốc để đàn áp công nhân Việt Nam ngay trên đất Việt hay không?...

Cả chuỗi những câu hỏi xót lòng ấy đều được trả lời bằng tiếng “không” nếu không có những hành động mà Hồ Chí Minh và đảng CSVN đã và đang theo đuổi.

Hồ Chí Minh và đảng CSVN đã hiện hình là những tội phạm chiến tranh thật sự đúng như Nguyễn Trãi nói “*Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn.*”

— 05/08/2012

– **Chương 13 :**
AI LÀM CHO HUẾ
ĐAU THƯƠNG ?

Trong một dịp đến Huế, tôi đã vô tình gặp và nói chuyện với một anh bạn hơn tôi gần 10 tuổi. Anh là con của một nữ chiến sĩ Quân Đội Nhân Dân và vừa xin ra khỏi đảng. Anh đề nghị tôi giữ kín danh tính anh đến ngày đất nước có tự do, dân chủ thực sự và anh sẽ công khai tất cả sự thật đau thương của Huế năm 1968 mà mẹ của anh chính là một nhân vật trong cái gọi là “*phe chiến thắng*.”

Mẹ anh là trung đội phó một trung đội chuyên đi chặt đầu, treo cổ và chôn sống đồng bào tại Huế. Khi bà thức tỉnh thì bà bị chết một cách kỳ quái không rõ nguyên nhân và đến nay mặc dù mẹ anh chết trong chiến tranh vẫn không được công nhận là liệt sĩ.

Bởi vì cuốn nhật ký ghi lại tội ác của bà và những nhận xét có phần ăn năn của bà đã bị bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thừa Thiên Huế tịch thu.

Xin không bình luận về anh bạn, không bình luận về câu chuyện của bà mẹ mà chỉ xin được nhắc lại như lời mở đầu cho những dòng viết về sự thật đau thương của gần 5000 người dân Huế vô tội bị giết hại oan khuất.

Xin được coi những dòng chữ do tấm lòng chân thành của một người đáng tuổi con cháu đối với các nạn nhân bị cộng sản tàn ác giết chết như lời cầu mong cho gần 5000 linh hồn oan khuất được siêu thoát.

Thực ra, sự kiện này từng được nhắc bởi rất nhiều người viết, nhưng đa phần chỉ nói mơ hồ hoặc thiếu bằng chứng rõ nét về vai trò cầm đầu cuộc thảm sát tại Huế năm 1968 chính là Hồ Chí Minh.

● HUẾ TANG TÓC

01.– *Những con số khủng khiếp*

Con số nạn nhân Huế bị cộng sản giết hại trong dịp Tết Mậu Thân 1968 được thống kê từ nhiều nguồn và không thể kể hết các nguồn nên chỉ xin nêu một số.

– Đầu tiên, theo báo cáo tổng kết của Douglas Pike, lúc đó là viên chức ngoại giao Mỹ tại Việt Nam, trong cuốn *Vietcong Strategy of Terror* in năm 1970:

“Câu chuyện (về Huế) chưa chấm dứt. Nếu ước đoán của giới chức Huế được coi như gần đúng, khoảng 2.000 người vẫn còn mất tích.

Tổng kết về người chết và mất tích như sau:

Tổng số dân sự tử vong: 7.600 chết lẫn mất tích



► *Chiến trường:*

- 1.900 bị thương vì chiến cuộc
- 944 thường dân chết vì chiến cuộc

► *Nạn nhân của những vụ giết tập thể:*

- 1.173 tử thi tìm được đầu sau cuộc chiến, 1968
- 809 tử thi tìm trong đợt nhì, kể cả tìm thấy ở đụn cát, tháng 3 đến 7/1969.
- 428 tử thi tìm trong đợt thứ ba, trong khe Đá Mài (khu Nam Hoa), tháng 9/1969.
- 300 tử thi tìm trong đợt thứ tư, khu Phu Thu, tháng 11/1969.
- 100 tử thi tìm thấy các nơi trong năm 1969.
- mất tích (tính đến năm 1970)."

Các con số trên của Douglas Pike đã được nhận định bởi Gareth Porter và được ghi lại như sau:

"Theo Gareth Porter (*The 1968 Hue Massacre* – tạp chí *Indochina Chronicle* số 33, 24/6/1974), một học giả Mỹ, các ước lượng ban đầu của Bộ Di Dân và An Sinh Xã Hội Việt Nam Cộng Hòa, số dân thường thiệt mạng do giao tranh và bom pháo là 3.776, trên tổng số thường dân bị thương, chết hoặc mất tích là 6.700 người, chứ không phải các con số 944 và 7.600 do Tiểu Đoàn Chiến Tranh Chính Trị số 10 của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đưa ra. (Các con số 944 và 7.600 này đã được Douglas Pike dùng trong thống kê của mình.)

Về các con số cụ thể tại các địa điểm khai quật, Gareth Porter viết: "... tại địa điểm trường trung học Gia Hội, báo cáo chính thức của Mỹ, dựa trên thông tin cung cấp bởi Tiểu Đoàn Chiến Tranh Chính Trị số 10, đưa ra tổng số 22 mộ tập thể và 200 tử thi, với binh quân 9 tử thi mỗi mộ. Nhưng khi Steward Harris, phóng viên Thời Báo Luân Đôn, được đưa đến địa điểm đó, người sĩ quan Việt Nam hộ tống nói với anh ta rằng mỗi ngôi mộ trong số 22 ngôi có từ 3 đến 7 xác, cho ra tổng trong khoảng từ 66 đến

150. Cũng khoảng thời gian đó, Tiểu Đoàn Chiến Tranh Chính Trị số 10 xuất bản một cuốn sách nhỏ dành cho người đọc Việt Nam, trong đó nói rằng tại trường học có 14 mộ (chứ không phải 22), con số này còn làm giảm tổng số hơn nữa.”

Cũng theo Gareth Porter, Alje Vennema, một bác sĩ làm việc cho đội y tế Canada tại bệnh viện Quảng Ngãi và đã tình cờ có mặt tại bệnh viện Huế trong thời gian xảy ra sự kiện Tết Mậu Thân, nói tổng số tử thi tại bốn địa điểm chính được phát hiện ngay sau Tết là 68, chứ không phải con số 477 như đã được tuyên bố chính thức.”⁽⁹³⁾

Nếu lấy các con số của Gareth Porter, kể cả con số của nữ bác sĩ Elje Vennema để bào chữa cho cộng sản thì cũng phải thấy Vennema chỉ nói về những nơi bà chứng kiến là trường trung học Gia Hội và bệnh viện Huế. Cứ tạm coi các con số đó là đúng thì với hàng chục điểm nhân dân bị chôn sống, bị chặt đầu..., con số lên tới hàng ngàn có đúng không? Có là tội ác không? Hơn thế nữa, Elje Vennema chỉ dựa trên những gì nhìn thấy ngay sau Tết nên không thể chính xác bằng Douglas Pike năm những con số của chính phủ Mỹ và được thống kê cho đến năm 1970.

– Thứ hai, đài RFA qua bài “Huế, 25 ngày kinh hoàng của 40 năm trước” ghi lời kể của cựu dân biểu khu vực Thừa Thiên Huế Nguyễn Lý Tường như sau: “Tại thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên, 22 địa điểm tìm được là các mộ chôn tập thể. Trong 22 địa điểm này, người ta đếm được 2.326 sọ người. Sau tết, chúng tôi lập Hội Gia Đình Nạn Nhân Cộng Sản trong Tết Mậu Thân. Các gia đình kê khai có người chết, có người mất tích, lên đến 4.000 gia đình. Người ta ước tính vào khoảng 6.000 người. Có nhà báo ước tính 5.000 người. Chúng tôi cho con số 5.000 đến 6.000 là không sai lệch lắm đâu... Điểm điểm là Khe Đá Mài, thuộc

⁽⁹³⁾ http://vi.wikipedia.org/wiki/Thăm_sát_Huế_Tết_Mậu_Thân

núi Đình Môn Kim Ngọc, tại đây khoảng 400 bộ hài cốt đã được tìm thấy. Những hài cốt tìm thấy tại Khe Đá Mài chính là của những người trú ẩn tại xứ đạo Phủ Cam, xã Thủy Phước, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên.

Cộng Sản bắt đi trên 500 người, thanh niên từ 15-16 tuổi đến ông già 60-70 bị đưa đi giam ở chùa Từ Đàm. Đến đêm, họ bị dẫn đi lên đường núi và qua sông. Sau đó tàn sát hết mọi người trong tư thế bị trói.”

Cũng đài RFA tháng 1/2008, phỏng vấn cựu phó ty cảnh sát Thừa Thiên – Huế, Nguyễn Phúc Liên Thành, đã được trả lời về con số nạn nhân bị tàn sát tại Huế thời điểm Mậu Thân 1968 như sau: *“Những báo cáo của các cuộc Cảnh Sát các xã thuộc 13 quận của thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên, do các xã báo cáo, khoảng 5.300 nạn nhân bị chôn sống tại tỉnh Thừa Thiên.”* Đồng thời, theo phúc trình của chính phủ Hoa Kỳ trong cuốn sách có nội dung mật *The Pentagon's Papers* trang 128 viết: *“Sự thật ước tính có khoảng từ 4600 đến 5200 người bị chặt đầu hoặc chôn sống trong thảm sát ở Huế năm 1968. Đa phần họ là nhân viên hành chính và dân thường...”*

Như vậy, các nguồn tài liệu khác nhau đều xoay quanh con số từ 4000 tới 5000 nạn nhân bị sát hại, chưa kể con số mất tích khoảng 2000 người. Những con số này có thể chưa đủ sức thuyết phục vì xuất phát từ phía đối đầu hoặc không cộng tác với cộng sản nên xin được dẫn chứng thêm.

– Thứ ba, cuốn *Mao Chủ Tịch Của Tôi* tái bản năm 2000, trang 202 nói về chiến tranh Việt Nam có đoạn:

“Với khoảng 4.900 người bị chết oan trong cuộc tổng tiến công vào Huế mùa xuân năm 1968, uy tín của đảng cộng sản và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam bị ảnh hưởng rất nặng nề. Việc đổ tội cho cấp dưới không đem lại hiệu quả cao...”

Trong khi đó, tạp chí Quân Đội số 21, năm 1968 trang 3 có bài viết của tác giả Văn Bình ca ngợi chiến thắng Tết

Mậu Thân: “*Chúng ta đã đánh nhanh, thắng nhanh tiêu diệt được hàng nghìn tên địch để giải phóng Huế, Sài Gòn. Tại mặt trận Huế, nhân dân và các lực lượng vũ trang nhân dân đưa ra xét xử công khai hàng nghìn tên có tội ác với nhân dân...*” Tác giả của đảng không viết rõ số người bị giết nhưng với hai tiếng “*hàng nghìn*” thì nghi vấn và các con số nêu trên hoàn toàn có cơ sở. Và lại, chính học giả Trung Cộng đã nêu con số 4.900 nạn nhân bị giết oan. Nhưng đi tìm con số chính xác từng người không phải là điều quan trọng. Bởi dù với con số 4000, 5000, 6000 hay chỉ là “*hàng nghìn*” thì vẫn là tội ác giết người cần phải lên án.

02.– Đảng cộng sản đã giết đồng bào vô tội

Về cuộc thảm sát Tết Mậu Thân tại Huế, một luận điệu phản bác do cộng sản đưa ra là nhiều thường dân chết do đạn pháo và máy bay trực thăng bắn được chôn cất chung với lính của Mặt Trận GPMNVN.

Trên thực tế, cho đến nay nhiều nhân chứng và người thân của các nạn nhân vẫn còn sống để khẳng định về sự kiện hàng nghìn người bị chôn sống hoặc bị chặt đầu, bị đập chết... tại Huế, dù không phải không có một số người chết do tên bay đạn lạc. Nhưng xin hãy nghe lời lẽ của một số người trong cuộc liên hệ trực tiếp tới sự việc.

– Thứ nhất, Lê Minh nguyên bí thư Thừa Thiên Huế với vai trò tư lệnh chiến trường Huế Tết Mậu Thân đã tâm sự trong Hồi Ký của mình: “*Tôi thấy cần phải nói đến một điều đáng buồn. Về sự tang tóc trong biến cố Mậu Thân (...) còn lại một mặt của vấn đề, việc trừng trị những người có tội ác với nhân dân đã nổi dậy. (...) Rốt cuộc là đã có những người bị xử oan trong chiến tranh. Dù lý do thế nào thì trách nhiệm vẫn thuộc về lãnh đạo, trong đó có trách nhiệm của tôi. (...)*”

Vị tư lệnh chiến trường của cộng sản đã nói gì?

Đó là thừa nhận có việc xử tội những người bị cho là

phạm tội ác với nhân dân và thừa nhận có người bị xử oan. Lê Minh chối tội bằng cách đổ cho “nhân dân nổi dậy” như đảng CSVN từng đổ cho đám bần nông tội giết người trong CCRĐ, nhưng sự đổ thừa này chỉ thêm bằng chứng chỉ tổ thủ phạm chính là đảng cộng sản. Vì thế, Lê Minh đã phải nhìn nhận có một phần trách nhiệm. Ngoài ra, xin nhìn lại phát biểu của Hoàng Phủ Ngọc Tường trả lời phỏng vấn của nhà văn Thụy Khuê khi Hoàng Phủ Ngọc Tường đến Pháp:

– **TK:** *Nhìn từ phía những dữ kiện lịch sử mà anh nắm bắt được, diễn biến Mậu Thân đã xảy ra trong một trình tự như thế nào?*

– **HPNT:** *Huế Mậu Thân đã xảy ra cách đây gần 30 năm. Sách vở, tài liệu đã được công bố từ nhiều phía của cuộc chiến, khá đầy đủ, có thể làm cơ sở cho những phân tích khoa học để giải phẫu một cuộc chiến mà thật ra, không thể đơn giản tách riêng ra trong biến cố Mậu Thân. Điều quan trọng còn lại tôi xin ngỏ bày ở đây, với tư cách là một đứa con của Huế, đã ra đi và trở về, ấy là nỗi thống thiết tận đáy lòng mỗi khi tôi nghĩ về những tang tóc thảm mà nhiều gia đình người Huế đã phải gánh chịu, do hành động giết oan của quân nổi dậy trên mặt trận Huế năm Mậu Thân. Đó là một sai lầm không thể nào biện bác được, nhìn từ lương tâm dân tộc, và nhìn trên quan điểm chiến tranh cách mạng.*

Nhưng tôi tin rằng đây là một sai lầm có tính cục bộ, từ phía những người lãnh đạo cuộc tấn công Mậu Thân ở Huế, chứ không phải một chính sách toàn cục của cách mạng. Bởi vì tình trạng giết chóc bừa bãi như vậy, đã không xảy ra ở những địa phương khác trong Mậu Thân, ngay cả trên một địa bàn rộng lớn với tình trạng xen kẽ giữa những lực lượng đối địch rất phức tạp như ở Sài Gòn thời ấy.”⁽⁹⁴⁾

Hoàng Phủ Ngọc Tường cũng biện hộ như Lê Minh và

⁽⁹⁴⁾ <http://nghianhan.multiply.com/notes/item/53>

coi là một sai lầm cục bộ, nhưng đã cho thấy tội ác do đảng CSVN gây ra qua “tình trạng giết chóc bừa bãi.”

Một người khác thuộc hàng ngũ cộng sản là Trương Như Tảng ⁽⁹⁵⁾ từng giữ chức Bộ Trưởng Tư Pháp trong cái gọi là chính phủ Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam cũng viết trong hồi ký như sau: “*Trong cuộc chiếm đóng Huế, một số lớn người đã bị xử tử vì thuộc thành phần phục vụ cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa (viên chức, cảnh sát, sĩ quan, chính trị gia, địa phương quân...) nhưng cũng có người bị giết mặc dù không tham gia chiến trận.*”

Các bằng chứng này cho thấy ngay người trong hàng ngũ cộng sản cũng không thể chối bỏ tội ác chính họ đã giết những người dân vô tội tại Huế năm 1968.

– Thứ hai, Marilyn B. Young trong tác phẩm *The Vietnam Wars, 1945-1990* ghi lại: “*Trong những ngày đầu của cuộc chiếm đóng quả thực có những vụ xử tử công khai tại chỗ... khi trận chiến gần kết thúc bởi cuộc công pháo, lính miền Bắc trên đường rút lui xử tử những người họ đang giam giữ thay vì thả họ ra hay bắt theo làm tù binh — với con số người chết không nhiều như chính phủ Sài Gòn và Washington công bố, nhưng nhiều đủ để tạo những câu hỏi tang thương cho những người sống sót ở Huế...*”

Nữ sử gia Mỹ Marilyn B.Young dù luôn bênh vực cộng sản Việt Nam và Hồ Chí Minh cũng chỉ có cái rằng con số nạn nhân không nhiều như đã công bố chứ không thể phủ nhận cuộc tàn sát. Và ngay trong lập luận bênh vực của Marilyn B. Young còn nêu thêm một bằng chứng về sự tàn ác của đảng cộng sản là việc tàn sát tù binh.

– Thứ ba, tạp chí Time số ra ngày 31/10/1969, trong bài *The massacre of Hue* đặt câu hỏi “*Điều gì đã khiến Cộng Sản tàn sát?*” và trả lời: “*Nhiều người dân Huế tin rằng lệnh hành quyết được đưa thẳng từ Hồ Chí Minh*

⁽⁹⁵⁾ Về sau ly khai, vượt biên sang sống lưu vong ở Pháp.

xuống. Tuy nhiên, có lẽ chắc chắn hơn, đơn giản là Cộng Sản đã mất tinh thần. Họ đã bị nhồi sọ để tin tưởng rằng nhiều người dân miền Nam sẽ xuống đường tranh đấu cùng với họ trong cuộc tổng tấn công vào dịp Tết. Nhưng điều đó đã không xảy ra, và khi trận chiến ở Huế bắt đầu nghiêng về phía quân đồng minh, Cộng Sản đã hoảng sợ và giết sạch tù nhân.”

Theo cách truy nguyên của báo Time thì tội ác đã xảy ra một cách tự phát trong cảnh hoảng loạn tinh thần vì bị dồn vào thế thất trận. Đây cũng là cách nhìn của một cựu đại tá cộng sản, Bùi Tín, sau nhiều năm bỏ hàng ngũ, sống tị nạn tại Pháp. Ngày 24-1-2008, trong cuộc phỏng vấn về biến cố Tết Mậu Thân 1968, Bùi Tín đã phát biểu: *“Khi quân Mỹ đổ bộ lại từ Phú Bài trở ra để lấy lại Huế thì anh em họ trối, di chuyển đi hàng mấy trăm tới hàng nghìn người. Do vướng chân, mệt, rồi bị pháo bắn ở ngoài biển vào dữ dội cho nên phần lớn do tự động các chỉ huy trung đội tới trung đoàn đồng lõa với nhau để thủ tiêu không cho cấp trên biết.”*

Bỏ qua luận điệu tự phát theo cách diễn tả cộng sản thì hành động giết dân là có thật và tội ác này do chính đảng viên cộng sản gây nên vì cán bộ chỉ huy từ trung đội tới trung đoàn đều là đảng viên cộng sản.

Vậy tại sao những người này không hề bị kỷ luật?

Trên thực tế, những người này còn được ca ngợi và thăng quan tiến chức nên phải nói là đảng cộng sản đã tự trao quyền được tàn sát người dân theo ý muốn hay giết người là chủ trương của đảng cộng sản.

– Thứ tư, qua *Vietcong Strategy of Terror*, Douglas Pike ghi nhận có 3 giai đoạn đưa đến các vụ xử tử:

“Giai đoạn đầu là một loạt các cuộc xử án công cộng kéo dài khoảng 5 – 10 phút do giới chức trong quân Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng dựng lên. Bị cáo luôn bị kết án “có tội với nhân dân.”



Việt cộng giết người chôn sống các hố chôn tập thể hàng trăm người.



Giai đoạn nhì, khi họ cho rằng họ sẽ giữ được Huế lâu dài, quân Mặt Trận Giải Phóng bắt đầu tiến hành công tác giáo dục tư tưởng yêu nước cho quần chúng. Những ai bị tình nghi có thái độ chống cách mạng từ từ bị truy lùng trong giai đoạn này. Người theo đạo Công giáo, các nhà trí thức, thương gia, và đám người bị tội làm “tay sai đế quốc” bị chiếu cố để “tạo dựng xã hội mới.”

236 * ĐẶNG CHÍ HÙNG

Giai đoạn sau cùng, khi thấy rõ họ đang bị đánh bật ra khỏi Huế, quân Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng thi hành những vụ thủ tiêu nhân chứng — bất cứ ai biết mặt họ, nhìn thấy những tội ác trong lúc Huế bị chiếm đều bị giết và chôn mất xác.”

Phân tích trên cho thấy không phải tình trạng ngẫu nhiên bộc phát mà thuộc một trình tự diễn biến theo dự liệu cho mục tiêu củng cố quyền lực và bảo đảm an toàn cho tổ chức, trong đó lực lượng Mặt Trận DTGPMN chỉ là cánh tay nối dài của đảng cộng sản trong việc gây tội ác với người dân Huế vô tội. Dù nhìn theo cách nào thì thực tế vẫn là chính những người cộng sản và trung lập đều không thể chối bỏ đã có cuộc thảm sát do đảng cộng sản với cánh tay nối dài là MTDTGPMN gây ra khi công khai thừa nhận đã lập tòa án xử tù nhân và đã thủ tiêu nhiều nạn nhân khác.

Vậy kẻ thực sự đứng đầu cuộc thảm sát là ai?

● AI LÀM CHO HUẾ ĐAU THƯƠNG?

Trả lời câu hỏi, chỉ cần nhìn lại hệ thống tổ chức đảng và quyền lực tối thượng của lãnh tụ trong thế giới cộng sản.

– Thứ nhất, sự lãnh đạo chặt chẽ và sắt máu trong hệ thống tổ chức cộng sản đã được minh chứng qua mọi sinh hoạt của các đảng cộng sản từ Liên Xô, Đông Âu qua Trung Quốc, Bắc Hàn, Việt Nam... Đây là thực tế không còn ai ngờ vực, theo đó hết thảy đảng viên đều bị kiểm soát, đều là công cụ thi hành chỉ thị chứ không ai có thể tự ý làm điều gì theo ý riêng. Đồng thời có một thực tế ngược lại là các lãnh tụ mặc sức tự tung tự tác và nắm trọn quyền sai phái người dưới quyền. Trong hệ thống tổ chức đó, mọi việc lớn nhỏ của một cơ quan, một đơn vị...đều phải do đảng ủy quyết định dựa theo kế hoạch từ trung ương.

Nhìn gọn trong phạm vi một đơn vị quân đội thì khi được giao nhiệm vụ không thể thiếu kế hoạch quy định khi tiến cần làm gì, khi lui cần làm gì và mọi người phải tuân

thủ chỉ thị thượng cấp trong đó chính ủy nắm vai trò quyết định. Như thế, đảng CSVN phải chịu trách nhiệm trước dân tộc và lịch sử về vụ tàn sát Tết Mậu Thân 1968 tại Huế. Bởi từ các cấp chỉ huy tới binh sĩ đều phải theo lệnh của chính ủy là người thay mặt đảng trực tiếp điều động công tác. Việc đưa hàng loạt người ra tàn sát bằng mọi cách, kể cả chôn sống đâu có thể gán cho một cá nhân nào đó tự phát mà phải do mệnh lệnh dứt khoát từ thượng cấp trong khi mọi cấp đều chỉ là công cụ thi hành lệnh của Đảng. Từ đây, người đứng đầu quyết định không thể là ai khác Hồ Chí Minh đang ngự trị trên ngai lãnh tụ tối cao và là nhân vật độc quyền ban bố các lệnh truyền cho toàn đảng. Cũng xin đừng quên rằng Hồ Chí Minh luôn ngưỡng mộ Stalin, Mao Trạch Đông và chắc chắn đã biết tường tận về bàn tay đầm máu đồng bào của hai con người này.

Do đó, không thể đổ lỗi cho các cán binh rút lui hoảng loạn nên tàn sát bừa bãi, và cũng không thể đổ lỗi cho các đơn vị địa phương hay tỉnh uỷ Thừa Thiên Huế đã phạm sai lầm hoặc giết người để tự vệ.

Xác định thêm cho nhận định trên là nội dung Nghị Quyết 9 Ban Chấp Hành Trung Ương ⁽⁹⁶⁾ qua đoạn viết :

“Tháng Mười Hai năm 1963, chỉ một tháng sau khi tổng thống Việt Nam Cộng Hòa Ngô Đình Diệm bị lật đổ trong một cuộc đảo chính quân sự, Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam đã họp tại Hà Nội để bàn luận và thông qua nghị quyết hội nghị lần thứ chín Ban Chấp Hành. Nghị quyết này nhận định rằng “tổng công kích, tổng khởi nghĩa sẽ là hướng phát triển tất yếu của cách mạng miền Nam để đạt tới toàn thắng.” Trung ương Đảng dự tính khả năng chiến thắng cuộc chiến một cách nhanh chóng, trước khi Mỹ quyết định có nên điều các đội quân Mỹ tới cứu chế độ Việt Nam Cộng Hòa hay không.

⁽⁹⁶⁾ Văn Kiện Đảng Toàn Tập, T.24, 1963 — Hà Nội 2003.

Vẫn duy trì đường hướng chung về việc tiến hành một cuộc “chiến đấu lâu dài” ở miền Nam, nghị quyết 9 kêu gọi nỗ lực đến mức tối đa nhằm “tranh thủ thời cơ thuận lợi, tập trung lực lượng, quyết tâm giành cho được những thắng lợi có tính chất quyết định trong mấy năm tới.”

Đoạn trên của bản nghị quyết cho thấy điều gì?

Đó là chủ trương tổng công kích và nổi dậy đẫm máu mà đỉnh điểm là cuộc tổng tấn công diễn ra năm 1968 đã được vạch kế hoạch từ năm 1963 là thời điểm Hồ Chí Minh đang giữ vai trò kẻ đứng đầu đảng cộng sản Việt Nam.

– Thứ hai là bản chất hiếu chiến hiếu sát của Hồ Chí Minh được biểu hiện qua bài thơ chúc tết trước cuộc tàn sát kinh hoàng Mậu Thân 1968.

*“... Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua
Thắng trận tin vui khắp mọi nhà
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ
Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta.”*

Bài thơ cổ động chém giết vào thời điểm mà theo truyền thống Việt Nam là thời điểm ngưng mọi công việc, rũ bỏ mọi giận hờn để cùng nhau quây quần với ước mong hết thảy sẽ gặp nhiều điều tốt lành, may mắn.

Trên thực tế, Hồ Chí Minh không chỉ viết những câu thơ thúc đẩy chém giết mà đã hết sức tích cực trong việc sắp đặt và thúc đẩy cuộc chém giết.

Trên báo Văn Nghệ số Tết Mậu Dần 1998, trong bài *Bác Hồ Với Tết Mậu Thân Năm Ấy*, Vũ Kỳ, thư ký riêng thân tín và lâu năm của Hồ Chí Minh, đã ghi lại hoạt động của Hồ Chí Minh như sau: “Sáng 25 tháng 12 năm 1967, thứ hai, 7 giờ 15 phút, Bác sang hội trường Ba Đình, chủ tọa cuộc gặp mặt chúc mừng năm mới của Đoàn Ngoại Giao ở Hà Nội. Bác rất vui, chúc năm mới Đoàn Ngoại Giao. Tiếng Bác sang sàng và như trẻ ra.

Ngày 28 tháng 12 năm 1967, Bộ Chính Trị họp phiên đặc biệt ngay bên nhà Bác Hồ, có bản đồ to kê trên bục

trong phòng họp và nhiều tướng lĩnh đến báo cáo.

Từ sự phân tích và nhận định tình hình, Bộ Chính Trị đề ra: “Nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của ta là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên một bước phát triển cao nhất, bằng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định.”

Qua lời kể của Vũ Kỳ, Hồ Chí Minh đã tham gia cuộc họp giờ chót để chỉ đạo cuộc tổng công kích đẫm máu 1968 trên toàn miền Nam, nhất là với nhân dân Huế. Vũ Kỳ còn miêu tả “tiếng Bác sang sàng và như trẻ ra” không chỉ cho thấy Hồ Chí Minh hoàn toàn khỏe mạnh mà còn rất hứng khởi với quyết định đẩy đất nước vào vòng tang tóc. Vũ Kỳ viết thêm: “Chiều 29 tháng 12, Bác Hồ mời Bác Tôn đến cùng ăn cơm. Ngắm hai cụ già thân mật đi bên nhau, thanh thản, ung dung, nói cười vui vẻ, ta cảm thấy cuộc đời đẹp biết bao, tưởng như đất nước thanh bình.

Ngày 30 tháng 12 Thứ Bảy, buổi sáng từ 7 giờ 15 đến 9 giờ 30 Bác lại dự họp Bộ Chính Trị, nghe đồng chí Cao Văn Khánh, phó tổng tham mưu trưởng, báo cáo thêm những diễn biến mới nhất của tình hình chiến sự miền Nam. Bác ngồi nghe, một tay giữ lấy kính, chăm chú nhìn vào bản đồ khổ lớn treo trên tường.

Buổi chiều từ 17 giờ đến 18 giờ, Bác tham dự phiên họp cuối năm của hội đồng chính phủ. Bác tặng mỗi người, từ bộ trưởng đến nhân viên phục vụ một quả cam hái từ vườn Bác và một thiệp hồng chúc mừng năm mới. Nói chuyện trong phiên họp, Bác biểu dương những thắng lợi to lớn của quân và dân hai miền Nam Bắc, khen ngợi sự cố gắng của các Ngành, các Bộ...”

Cuối cùng Vũ Kỳ mô tả: “Ngày Chủ Nhật 31-12-1967, ngày cuối cùng của một năm chiến đấu quyết liệt và chiến thắng vẻ vang trên khắp hai miền đất nước. Bảy giờ 30 sáng, Bác Hồ ung dung ra Phủ Chủ Tịch để thu thanh

chúc mừng năm mới Mậu Thân mà có lẽ Bác đã ngẫm nghĩ và trao đổi có lẽ đến 3 tháng ròng. Bài thơ “Toàn Thắng ắt Về Ta” như bài hịch đã đi vào lịch sử... 2 giờ 30 phút chiều, Bộ Chính Trị đến làm việc, Bác căn dặn công việc trước khi Bác lên đường tiếp tục đi nghỉ ở Trung quốc. Đó là quyết định của Bộ Chính Trị và hội đồng bác sĩ.

Thế trận đã dàn xong. Ba quân đã sẵn sàng. Lời hịch đã phát. Bác Hồ ra đi chuyển này an tâm hơn. Ngoài liên lạc hàng ngày, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà Nước vẫn thay nhau đến Bắc Kinh, trực tiếp báo cáo và xin ý kiến Bác.”

Dịp nói chuyện tại trường Cán Bộ Giáo Dục Quản Lý Hà Nội ngày 11/4/2001, Vũ Kỳ đã tả hình ảnh Hồ Chí Minh ở Bắc Kinh thời điểm khởi sự trận đánh khi nhận báo cáo từ Võ Nguyên Giáp cho biết “*đã đánh khắp miền Nam, ánh mắt Bác rực sáng niềm vui.*” Tiết lộ của Vũ Kỳ cho thấy Hồ Chí Minh không chỉ thúc đẩy mà đã theo dõi sát từng diễn biến của cuộc chiến. Như vậy, chắc chắn Hồ Chí Minh biết rõ mọi chuyện xảy ra nhưng hoàn toàn im tiếng về vụ thăm sát tại Huế nên phải nói chính là kẻ chỉ đạo giết người.

Bên lời kể của Vũ Kỳ là một đoạn trong bài Đình Phong viết về cuốn *Mãi Mãi Theo Con Đường Của Bác* của Hoàng Tùng nhắc tới mức gắn kết của Hồ Chí Minh với cuộc tổng công kích Mậu Thân 1968 qua ý muốn lúc nhận tin cuộc tổng công kích thất bại:

“Tháng 2-1968, từ mặt trận Sài Gòn, chúng tôi trở về cơ quan, lòng nặng trĩu! Ta đã không thắng ngay trận đầu. Khi nói về quyết tâm của ta, một đồng chí lãnh đạo phổ biến: “Bác Hồ nóng lòng muốn về Nam để trực tiếp chỉ đạo trận đánh cuối cùng này. Bác đã tập đeo đá, đi bộ để chuẩn bị sức khỏe. Bộ Chính Trị xin Bác yên lòng, sẽ quyết tâm chỉ đạo cách mạng miền Nam giành thắng lợi.”⁽⁹⁷⁾

⁽⁹⁷⁾ <http://www.baothanhhoa.vn/vn/bht/n93301/Mai-mai-theo-con-duong-cua-bac>



Tết Mậu Thân 1968 – An táng người thân tìm được xác.



Điều kể trên là có thật hay thủ thuật tuyên truyền đều cho thấy khó thể tách tên Hồ Chí Minh khỏi cuộc tổng công kích Mậu Thân 1968. Cùng biểu hiện ý hướng trên là đoạn viết ca ngợi tướng Nguyễn Chí Thanh của “đội ngũ hồng vệ

binh cộng sản Nguyễn Chí Minh”: “Nguyễn Chí Minh, anh bộ đội cụ Hồ tiêu biểu có viết: Bài viết Năm Bài Học Phản Công Chiến Lược Mùa Khô mang bút danh Trường Sơn của anh đã ngay lập tức trở thành tác phẩm có giá trị. Nó là vũ khí tư tưởng cho toàn đảng, toàn quân và toàn dân quyết đánh và quyết thắng quân Mỹ xâm lược. Nó gây ấn tượng mạnh mẽ và niềm tin cho bè bạn năm châu. Nó làm cho quân thù sửng sốt và lúng túng hoang mang. Và nó đã **góp phần cùng Bộ Chính Trị và Quân Ủy Trung Ương hạ quyết tâm chiến lược chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công Mậu Thân – 1968 để thực hiện tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Hồ chủ tịch “Đánh cho Mỹ cút” một cách tin cậy.**”⁽⁹⁸⁾

Tóm lại, dù ở Hà Nội hay Bắc Kinh, Hồ Chí Minh luôn hướng về cuộc tổng tấn công miền Nam, thậm chí còn muốn đích thân vào Nam chỉ huy khi nghe tin trận đánh không diễn ra theo ý muốn.

Do đâu mà Hồ Chí Minh đắm chìm trong cơn mê xô đẩy đồng bào vào vòng máu lửa như vậy?

Xin nhớ lại những điều trình bày về quan hệ giữa Hồ Chí Minh với Trung Cộng, nhất là về tình trạng mà Mao Trạch Đông gọi là “*theo giao kết*” để hiểu rõ thêm các dẫn chứng kể sau.

– Thứ ba là những tin tức về các trao đổi giữa cộng sản Việt Nam với Trung Cộng trước và trong khi diễn ra cuộc tổng tấn công 1968. Ngày 04/07/1967, Võ Nguyên Giáp và Phạm Văn Đồng đã sang Bắc Kinh tường trình về tình hình và chiến lược quân sự, bao gồm cuộc tổng tấn công sắp diễn ra. Phạm Văn Đồng đã báo cáo Chu Ân Lai như sau: “*Một số chiến lược đang được áp dụng trên chiến trường miền Nam theo lời đề nghị khi trước của các đồng chí.*” Chiến tranh nhân dân với chiến lược Mao Trạch Đông

⁽⁹⁸⁾ <http://hosotulieu.wordpress.com/tag/tau-khong-so/>.

gồm 2 điểm chủ yếu là “*lấy nông thôn bao vây thành thị*” và “*vũ trang tổng tấn công và nổi dậy*.” Trung Cộng đã “đề nghị” cộng sản Việt Nam áp dụng chiến lược này để tiến hành cuộc chiến chống miền Nam nên chiến lược này cũng là kim chỉ nam cho cuộc tổng tấn công Mậu Thân 1968.

Trong buổi họp, Chu Ân Lai than thở về bản thân cùng các đồng chí đều đã trên, dưới bảy mươi tuổi và nhấn mạnh: “*Mặc dù tôi đã già, tham vọng vẫn còn đó. Nếu chiến tranh ở miền Nam không chấm dứt vào năm tới, tôi sẽ thăm các đồng chí và tham quan.*” Năm tới mà Chu Ân Lai muốn nhắc là Mậu Thân 1968.

Những câu đối thoại trên được ghi trong *Biên Niên Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam* do nhà xuất bản Quân Đội in năm 1983.

Điểm đáng lưu ý là cuộc đối thoại cho thấy cả hai phía đều nhìn cuộc chiến đã tới hồi chót tức qua giai đoạn “*lấy nông thôn bao vây thành thị*” để bước vào giai đoạn “*vũ trang tổng công kích, tổng nổi dậy*” là giai đoạn tẩm máu. Trớ trêu là cộng sản Việt Nam đi bàn tính chuyện tẩm máu đồng bào với một chế độ ngoại bang luôn thúc đẩy Việt Nam “*đánh Mỹ tới người Việt Nam cuối cùng*” trong khi cả hai đều hiệu danh xưng Mỹ ở đây chỉ là chiêu bài phủ lên những người Việt Nam không chấp nhận cộng sản.

Cũng trong khuôn khổ tương quan với Trung Cộng, cuốn *Mao Chủ Tịch Của Tôi* của Hà Cẩn đề cập tới cuộc tổng tấn công 1968 còn cho biết: “*Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo cần phải thanh trừ bọn chống đối nhân dân khi các thành phố được giải phóng trong cuộc tổng nội dậy Tết 1968, chúng không có lợi cho lực lượng cách mạng vào tiếp quản thành phố. Hồ chủ tịch đã học theo cách làm của Mao chủ tịch khi Trung quốc tiến hành Vạn Lý Trường Chinh....*”

Qua những chứng cứ này, Hồ Chí Minh đắm chìm trong cơn mê đầy đồng bào vào vòng máu lửa vì triệt để học

theo cách làm của Mao Trạch Đông, và vì không dám đi ngược sự chỉ đạo của Trung Cộng do sợ hãi sẽ mất hết quyền lực nếu không được Trung Cộng hỗ trợ.



Tới đây đã nói chắc được rằng Hồ Chí Minh là kẻ trách nhiệm cao hơn hết về cuộc tổng công kích Mậu Thân 1968, do đó cũng là kẻ chủ mưu thúc đẩy các cuộc tàn sát mà tiêu biểu là cuộc tàn sát 5000 thường dân vô tội tại Huế. Bởi như Hà Cẩm ghi lại, Hồ Chí Minh đã chỉ đạo “*thanh trừng bọn chống đối*” như Mao Trạch Đông từng làm trong cuộc Vạn Lý Trường Chinh nên các cấp cán binh phải hành xử theo lệnh. Cho nên khi các trận đánh diễn ra, dù Hồ Chí Minh đang nghỉ ngơi dưỡng sức tại Bắc Kinh hay ung dung họp bạn tại Hà Nội tức không trực tiếp cầm dao, cầm súng thì vẫn là chính phạm giết người nhờ bàn tay của đảng cộng sản.

— 18-08-2012

– **Chương 14 :**
NGƯỜI CHỒNG,
NGƯỜI CHA TÔI TỆ

C ho tới nay, đảng cộng sản vẫn không ngừng tô vẽ hình ảnh Hồ Chí Minh như một anh hùng cứu quốc, một vị thánh sống đã đưa đất nước khỏi vòng lầm than đen tối để có cuộc sống hạnh phúc ấm no. Nỗ lực đổi trắng thay đen này đã hiện hình là một trò bịp xảo trá trước thực tế với những sự thật không thể chối bỏ cho thấy mọi hành vi tác hại của Hồ Chí Minh từ khích động oán thù giai cấp gây tội ác giết người hàng loạt tới phân ly dân tộc bằng nội chiến tương tàn, thậm chí sẵn sàng biến đất nước thành chư hầu cho Trung Cộng, kể cả bán đứng đất đai và âm mưu Hán hóa Việt Nam, nhất là đẩy đất nước vào cảnh sống u uất, bi thương, thoái hoá hiện nay. Cùng với những nét tô vẽ đó, đảng cộng sản còn rao truyền về tình thương vô bờ và đạo đức tuyệt vời của Hồ Chí Minh trong huyền thoại “*Cả đời hi sinh hạnh phúc riêng tư cho dân tộc*” với dẫn chứng Hồ Chí Minh đã vứt bỏ hẳn cuộc sống riêng tư, suốt đời chỉ là một ngày dài thăm thẳm trong cô đơn, cay cực để dâng hiến trọn vẹn tâm lực cho mục tiêu phụng sự đồng bào.

Trên thực tế, đã có không ít người đưa ra những chứng cứ về trò lừa dối nhơ nhuốc này của đảng cộng sản và của chính Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, vẫn xin thêm một lần nhìn lại các sự thật không thể chối bỏ về cuộc sống riêng tư của con người đang còn được coi là huyền thoại “*Cả đời hi sinh*”

hạnh phúc riêng tư cho dân tộc.” Cũng cần nhấn mạnh vấn đề không quan trọng ở điểm Hồ Chí Minh từng có vợ con, thậm chí nhiều vợ nhiều con, mà cần lưu ý tới cung cách Hồ Chí Minh cư xử với vợ con, và nhất là hành vi lừa dối cả dân tộc.

Xin bắt đầu bằng đám cưới năm 1926 tại Quảng Châu khi Hồ Chí Minh ở độ tuổi từ 30 tới 36 theo 5 năm sinh ghi trên các giấy tờ là 1890, 1891, 1892, 1894 và 1895.

● TĂNG TUYẾT MINH

Wikipedia viết về việc Tăng Tuyết Minh kết hôn với Hồ Chí Minh với các chi tiết tóm lược như sau: *“Tăng Tuyết Minh là một phụ nữ Trung Quốc mà theo một số học giả Trung Quốc, Pháp và Hoa Kỳ, đã kết hôn với Hồ Chí Minh khi có bí danh Lý Thụy năm 1926 và sống chung được nửa năm cho đến khi ông phải rời Trung Quốc sau vụ chính biến 1927. Tháng 10/1926, hôn lễ giữa Lý Thụy, và Tăng Tuyết Minh được tổ chức tại nhà hàng Thái Bình, với sự chứng kiến của Thái Sướng, Đặng Dĩnh Siêu (vợ của Chu Ân Lai) và một số học viên khóa huấn luyện phụ vận. Đây cũng là địa điểm mà Chu Ân Lai và Đặng Dĩnh Siêu tổ chức kết hôn trước đó một năm.”*⁽⁹⁾

Riêng chuyên gia Pháp về các vấn đề Đông Dương, Pierre Brocheux nêu nhiều chi tiết cụ thể hơn về cùng vụ việc. Theo Pierre Brocheux, người làm môi cho vụ này là Lý Huệ Quần, vợ của Lâm Đức Thụ vốn là bạn thân với Tăng Tuyết Minh.



曾雪明 1905–1991
Hình giữa thập niên 1920

⁽⁹⁾ http://vi.wikipedia.org/wiki/Tăng_Tuyết_Minh

Brocheux thuật theo một tài liệu ghi lại lời kể của chính Lâm Đức Thụ: “Tháng 10 năm 1926, Lý Thụy đã thành hôn với một nữ hộ sinh đồng môn với vợ tôi. Nguyễn Hải Thần và Lý Hồng Sơn không tán thành cuộc hôn phối này nên tìm cách chống. Nhưng Lý Thụy đã trả lời : “Tôi cứ lấy vợ bất chấp các anh không chấp thuận, vì tôi cần một người đàn bà dạy tiếng Trung Hoa cho tôi và săn sóc việc nhà.”⁽¹⁰⁰⁾

Những tài liệu đó khẳng định Hồ Chí Minh chính thức thành hôn ngày 18/10/1926 và Tăng Tuyết Minh là người vợ có hôn thú và hôn lễ đàng hoàng. Nếu nghi ngờ các tài liệu trên thì còn một bằng chứng lưu trữ tại Trung Tâm Lưu Trữ Hải Ngoại CAOM — Centre des Archives d’Outre-Mer tại Ais-en-Provence, Pháp. Bằng chứng này là lá thư viết tay bằng Hán tự của Hồ Chí Minh gửi cho vợ, nhưng đã bị mật thám Pháp chặn được và giữ lại ngày 14/8/1928. Thư viết khi Hồ Chí Minh đang ở Thái Lan với nội dung như sau:

“Dữ muội tương biệt,
Chuyển thuận niên dư,
Hoài niệm tình thâm,
Bất ngôn tự hiểu.
Tư nhân hồng tiện,
Dao ký thốn tiên,
Tỷ muội an tâm,
Thị ngã ngưỡng
(hoặc sở) vọng.
Tình thỉnh
Nhạc mẫu vạn phúc.
Chuyết huynh Thụy.”

Lettre envoyée par Nguyen Ai Quoc
à sa femme, transmise à la Sécurité
indochinoise le 14 août 1928

與妹相別、轉瞬年餘、懷念情深、不
言自曉、茲因瑞便、遙寄寸笑、俾妹
安心、是我所望。并請
岳母萬福。
拙兄
瑞

⁽¹⁰⁰⁾ Hồ Chí Minh – Pierre Brocheux, Paris 2000

Dịch nghĩa:
“Cùng em chia tay,
đã hơn một năm trôi
qua.
Nhớ thương khắc khoải,
chẳng nói cũng hiểu.
Nay mượn cánh hồng,
gửi mấy dòng thư
để em yên tâm,
đó là điều anh mong mỏi,
và cầu cho nhạc mẫu vạn phúc.
Người anh vụng về, Thụy”

Lá thư được in trong tác phẩm của Daniel Hémery⁽¹⁰¹⁾ và tờ Tuổi Trẻ của Thành Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh tại Sài Gòn đăng trong số ra ngày 18/5/1991 đã khiến tổng biên tập Kim Hạnh bị kiểm điểm và mất chức.

Nhiều nguồn tài liệu khác cũng nói về cùng sự việc như tác phẩm *Mảnh Trời Riêng Của Lãnh Tụ* của học giả Liên Xô Mikhail Vasaep in tại Nga năm 1986, tác phẩm *Ho Chi Minh : The Missing years 1919-1941* của nữ tác giả Anh Sophia Quinn-Judge in tại Mỹ năm 2002 và đặc biệt là bài viết của học giả Trung Cộng Hoàng Tranh trên tạp chí Đông Nam Á Tung Hoành tại Nam Ninh số tháng 12/2001.

Tác phẩm của Mikhail Vasaep viết: “... *Hồ Chí Minh cưới người vợ Tăng Tuyết Minh tại Trung Quốc sau khi được Lâm Đức Thụ tích cực thu xếp...*”

Riêng Sophia Quinn-Judge và học giả Hoàng Tranh lưu ý nhiều tới khía cạnh không tái hợp của cặp vợ chồng này. Theo Sophia Quinn-Judge, “vì một vài lý do nào đó các giới chức tại Hà Nội vẫn chưa chịu chấp nhận gì đến những điều tiết lộ theo đó ông Hồ có liên hệ tình cảm thực sự với những người thuộc phái nữ. Mặc dầu giờ đây phía Trung

⁽¹⁰¹⁾ *Ho Chi Minh, de l'Indochine au Vietnam*, Nxb. Gallimard, Paris, 1990

Quốc đã trình bày trước công luận cả một bức ảnh và một bài viết nói về việc ông Hồ kết hôn với một phụ nữ vào tháng Mười, năm 1926, nhưng Hà Nội vẫn chưa chính thức xác nhận.”

Trong khi đó, Hoàng Tranh viết : *“Tháng 5 năm 1950, Tăng Tuyết Minh nhìn thấy ảnh Hồ Chí Minh trên Nhân Dân Nhật Báo cùng với tiểu sử, bà tin chắc đó chính là vị chủ tịch Việt Nam. Bà đã cố gắng liên lạc với ông qua đại sứ Hoàng Văn Hoan và tổ chức Đảng Cộng Sản Trung Quốc. Nhưng tất cả cố gắng của bà đều không thành.”*

Chi tiết nêu ra bởi Hoàng Tranh không chỉ xác định Hồ Chính Minh đã chính thức kết hôn với Tăng Tuyết Minh mà còn cho biết 23 năm sau khi Hồ Chí Minh biệt tích, Tăng Tuyết Minh vẫn tìm kiếm người chồng và nhận biết người chồng đang ở đâu.

Đặc biệt là bà đã nhờ đại sứ Việt Nam ở Bắc Kinh là Hoàng Văn Hoan và nhờ cả đảng Cộng Sản Trung Hoa giúp đỡ để liên lạc nhưng Hồ Chí Minh không trả lời.

Năm 1991, bà Tăng Tuyết Minh qua đời ở tuổi 86 khi vẫn sống âm thầm với bức hình Hồ Chí Minh treo trên vách. Câu chuyện của Hoàng Tranh cũng cho thấy Daniel Hémery đã biện bạch sai lầm trong tác phẩm *Ho Chi Minh, de l'Indochine au Vietnam* khi nêu giả thuyết Hồ Chí Minh *“không gặp lại được vợ mình là Tăng Tuyết Minh từ sau năm 1927, có thể vì Tuyết Minh bị thất lạc do chiến tranh Quốc – Cộng ở Trung Hoa đầu năm 1927.”*



Tăng Tuyết Minh ở tuổi già vẫn treo hình Hồ Chí Minh trên vách nhà.

● NGUYỄN THỊ MINH KHAI

Theo Wiki, *Nguyễn Thị Minh Khai* tên là *Nguyễn Thị Vinh*, sinh năm 1910 tại Vinh (Nghệ An), con ông *Nguyễn Huy Bình*, nhân viên hỏa xa, và là chị của *Nguyễn Thị Quang Thái*, vợ đầu của *Võ Nguyên Giáp*. *Minh Khai* học trường tiểu học Pháp-Nam ở Vinh. Năm 1928, *Minh Khai* gia nhập Tân Việt Cách Mạng Đảng, sau đó qua đảng Cộng Sản Đông Dương và sang Hồng Kông năm 1930.”⁽¹⁰²⁾

Trong tập thư của đảng Cộng Sản Liên Xô hiện lưu trữ tại Cục Lưu Trữ Liên Bang Nga có một danh sách gửi tới Moscow về tên người tham gia hội nghị đảng cộng sản quốc tế năm 1935 nói đến việc bà *Minh Khai* có chồng tên là *Lin*. Sự việc này được *Bùi Tín* ghi lại trong cuốn *Mặt Thật* như sau: “Ngày 25-7-1935, tới Moscow khai mạc đại hội cộng sản quốc tế. Phái đoàn đại diện đảng Cộng Sản Đông Dương do *Lê Hồng Phong* dẫn đầu gồm có *Lê Hồng*



Nguyễn Thị Minh Khai
(1910-1941)

Phong, Quốc, Kao Bang, vợ Quốc và hai đại biểu khác từ Nam Kỳ và Ai Lao đến. Khi đến Moscow, Minh Khai khai báo lý lịch là đã có chồng, và mở ngoặc tên chồng là Lin. Lin là bí danh của Nguyễn Ái Quốc lúc đó.

Những phiếu ghi nhận đồ đạc trong phòng riêng hai người tới nhà ở tập thể của các cán bộ cộng sản cũng đều ghi hai vợ chồng Minh Khai, Lin cùng chung phòng, chung giường, chung đồ dùng ...”

Bí danh *Lin* của *Hồ Chí*

⁽¹⁰²⁾ http://vi.wikipedia.org/wiki/Nguyễn_Thị_Minh_Khai

Minh được nhắc trên nhiều tài liệu chính thức của đảng Cộng Sản mà ngay lúc này có thể kiểm nhận dễ dàng qua các website của tỉnh Thừa Thiên Huế, của bộ Nông Nghiệp Việt Nam... có xác nhận Lin là một trong những bí danh của Hồ Chí Minh. Trên website của bộ Nông Nghiệp, tác giả Nguyễn Lân Dũng còn ghi rõ bí danh Lin được “*dùng tại 5 tài liệu viết từ tháng 1 năm 1935 đến tháng 9 năm 1939.*”⁽¹⁰³⁾

Như vậy, sau khi kết hôn với Tăng Tuyết Minh tại Quảng Châu, Hồ Chí Minh đã có vợ khác là Nguyễn Thị Minh Khai vào thời gian sống tại Moscow.

Thêm một bằng chứng là lời kể của con gái bà Vera Vasilieva, một đảng viên cộng sản Nga trong tổ chức Quốc Tế Cộng Sản. Người con gái này thuở đó còn nhỏ nhưng vẫn nhớ nhiều việc và đã trực tiếp thuật với Sophia Quinn-Judge là ông Lin hay ghé nhà thăm mẹ cô, thường đi cùng với một phụ nữ Việt Nam tên là Phan Lan.

Vậy Phan Lan là ai?

Một bài trên tờ Báo Mới của đảng CSVN đã trả lời cho câu hỏi này. Bài *Tổng Bí thư Lê Hồng Phong và chị Minh Khai: Một Tình Yêu Lớn* có đoạn sau: “*Trong Đại Hội 7 Quốc Tế Cộng Sản, Lê Hồng Phong và Minh Khai đều có tham luận. Minh Khai đề cập đến “Vai trò phụ nữ trong cuộc đấu tranh chống việc chuẩn bị chiến tranh chống đế quốc mới, đấu tranh cho hòa bình.” Bài phát biểu của Phan Lan (bí danh của Minh Khai), đại biểu trẻ nhất đại hội đã gây được tiếng vang và cảm tình của nhiều người.*”

Sophie Quinn-Judge không dừng ở việc xác định các bí danh trên là của Hồ Chí Minh và Nguyễn Thị Minh Khai mà còn nêu bằng chứng về quan hệ vợ chồng giữa hai

⁽¹⁰³⁾ <http://nongnghiep.vn/nongnghiepvvn/72/122/21/58006/Cac-but-danh-cua-Bac-Ho.aspx>

người. Sophie Quinn-Judge là một cây bút thiên tả rất ngưỡng mộ Hồ Chí Minh nhưng trước các tài liệu tìm được đã viết: *“Một tiết lộ khác được khám phá qua các tài liệu này là có hai sự kiện liên quan đến thời kỳ hoạt động của bà Nguyễn Thị Minh Khai chứng tỏ bà là vợ của ông Hồ Chí Minh. Một sự kiện thể hiện qua lá thư được viết vào năm 1934 của Hà Huy Tập gửi tới Ban Bí Thư Miền Đông, nêu tên đại biểu được cử đi tham dự Đại Hội Quốc Tế Cộng Sản lần thứ bảy, trong đó có một người nói là “vợ của Quốc”, còn sự kiện kia là ở một chỗ khác thấy nói tới danh xưng người đàn bà đó là bà Vải (Minh Khai vào thời gian những năm đầu hoạt động có làm nghề hàng vải). Vì trong phái đoàn chỉ có một phụ nữ cho nên dĩ nhiên đó phải là có ý nói tới Nguyễn Thị Minh Khai. Sau này tại Mạc Tư Khoa, phải làm tờ khai lý lịch cá nhân, khi điền vào câu hỏi về tình trạng gia đình, bà đã ghi là có chồng và kể tên chồng là Lin. Đó cũng là danh xưng của ông Hồ tại Mạc Tư Khoa kể từ năm 1934 cho đến năm 1938.”*

Cuối cùng là khẳng định của Mikhail Vasaep, một học giả Liên Xô trong tác phẩm *Mảnh Trời Riêng Của Lãnh Tụ* nơi trang 366: *“Hồ Chí Minh cũng đã có vợ là người Việt Nam cũng là đồng chí của mình từ năm 1933 sau khi ông không còn liên lạc gì với người vợ đầu tiên Tăng Tuyết Minh. Người vợ thứ hai của Hồ Chí Minh chính là nữ chiến sĩ cách mạng Việt Nam thời kỳ đầu – Nguyễn Thị Minh Khai.”*

Cuốn sách của Mikhail Vasaep xuất bản năm 1986 tức 5 năm trước khi chế độ Cộng Sản sụp đổ tại Nga và 16 năm trước khi xuất hiện tác phẩm của Sophie Quinn-Judge. Thời điểm đó, đại sứ quán Việt Nam tại Liên Xô đã phản đối việc phổ biến cuốn sách nên rất ít người Việt Nam biết về cuốn sách này. Tuy nhiên, cuốn sách cho thấy chính cộng sản Liên Xô đã biết rất rõ sự việc Nguyễn Thị Minh Khai là vợ Hồ Chí Minh trong thời gian cả hai sống ở Moscou và còn

biết trước đó Hồ Chí Minh đã kết hôn với Tăng Tuyết Minh.

● ĐỖ THỊ LẠC.

Ngoài hai người vợ trên, Hồ Chí Minh còn tương quan tình cảm với một phụ nữ tên là Đỗ Thị Lạc. Các tài liệu cho biết Đỗ Thị Lạc đã có một người con gái với Hồ Chí Minh. Khác với hai người vợ trước của Hồ Chí Minh, trường hợp Đỗ Thị Lạc không được nhiều người biết và sau đó cũng không ai rõ mẹ con bà Lạc đã siêu bạt tới đâu, sống hay chết ra sao. Tuy vậy, những tài liệu gom góp được vẫn cho biết chi tiết cụ thể về thời kỳ Hồ Chí Minh chung sống với Đỗ Thị Lạc là lúc rời Trung Hoa về Việt Nam, sau khi Hồ Chí Minh được chính quyền Quốc Dân Đảng Trung Hoa tha ra khỏi tù và thuận cho về Việt Nam. Theo các tài liệu này thì khi Tiêu Văn đồng ý cho Hồ Chí Minh về Việt Nam cùng 18 cán bộ vừa tốt nghiệp khóa huấn luyện quân sự ở Đại Kiều gần Liễu Châu, tuy không được cấp vũ khí nhưng được mang theo nhiều tài liệu tuyên truyền, bản đồ quân sự, thuốc men và cộng thêm 76.000 quan kim.

Hồ Chí Minh về tới Pắc Bó, Cao Bằng vào cuối năm 1944. Trong số 18 cán bộ theo Hồ Chí Minh về nước lần này có Đỗ Thị Lạc tức “chị Thuần.” Nhân thân của Đỗ Thị Lạc không rõ ràng, chỉ biết năm 1942, khi tướng Trương Phát Khuê, Quốc Dân Đảng Trung Hoa, tổ chức lớp huấn luyện chính trị và quân sự cho các tổ chức cách mạng Việt Nam ở Đại Kiều, Đỗ Thị Lạc theo học lớp truyền tin.

Khi về Pắc Bó, Đỗ Thị Lạc sống chung với Hồ Chí Minh một thời gian, lo dạy trẻ em và vận động vệ sinh ăn ở của dân chúng tại Khuổi Nặm gần Pắc Bó. Do tình hình biến chuyển, Hồ Chí Minh rời Pắc Bó qua Trung Hoa, bắt liên lạc và hợp tác với tổ chức OSS dưới bí danh Lucius vào tháng 3/1945. Đầu tháng 5/1945, Hồ Chí Minh về Việt Nam, ghé Khuổi Nặm thăm Đỗ Thị Lạc một thời gian ngắn rồi đi Tân Trào, Tuyên Quang, và bị cuốn theo những biến

chuyện lịch sử sau đó. Chuyện tình giữa Hồ Chí Minh với Đỗ Thị Lạc cũng như với Minh Khai, Tăng Tuyết Minh bị giấu nhẹm nên sau đó không còn dấu vết gì. Tuy vậy, trường hợp này vẫn được ghi lại trên giấy trắng, mực đen trong tác phẩm của 3 tác giả đáng tin cậy.

Trước hết, trong hồi ký *Một Con Gió Bụi*, sử gia Trần Trọng Kim cũng là chính khách từng là thủ tướng đầu tiên của quốc gia Việt Nam độc lập đã viết: *“Đỗ Thị Lạc sống chung với họ Hồ một thời gian, lo dạy trẻ em và vận động vệ sinh ăn ở của dân chúng ở Khuổi Nậm và họ đã có một người con gái chung.”* Sử gia Trần Trọng Kim sống cùng thời với Hồ Chí Minh, nổi tiếng là nhà nho chân chính và nhà viết sử trung thực nên những gì ông viết đều đáng tin.

Tuy nhiên nếu nghi ngờ mức chính xác của trích đoạn trên thì vẫn có thể đọc thêm đoạn trích sau trong tác phẩm *Mảnh Trời Riêng Của Lãnh Tụ* của Mikhail Vasaep, trang 368 viết: *“Có một phụ nữ đã sinh cho Hồ Chí Minh một người con gái tại Cao Bằng (một địa danh ở phía Bắc Việt Nam) nhưng sau này vì nhiệm vụ với cách mạng, Hồ Chí Minh dường như không muốn thừa nhận cháu bé ...”*

Đoạn trích trên không nêu tên người phụ nữ nhưng thời gian và không gian mà tác giả Liên Xô nhắc tới hoàn toàn trùng khớp với câu chuyện do sử gia Trần Trọng Kim kể lại nên có thể đoán chắc Mikhail Vasaep đề cập tới trường hợp Đỗ Thị Lạc và Hồ Chí Minh với người con gái của hai người. Tài liệu thứ ba tương đối rõ hơn là cuốn *Mao Chủ Tịch Của Tôi* của tác giả Hà Cẩm thuộc Viện Văn Học Trung Quốc. Tác phẩm này ấn hành lần đầu năm 1997 tái bản năm 2000 nơi trang 134 có đoạn so sánh những cảnh sống rủi may của Mao Trạch Đông với Hồ Chí Minh như sau: *“Cùng là đồng chí cách mạng nhưng Mao chủ tịch không có đời sống tình ái bi đát như Hồ chủ tịch. Hồ Chủ tịch thậm chí có một người con gái với người đồng chí tên Thuần ở Pacbo mà không được công bố...”*

Các tài liệu chính thức cho biết Thuận là bí danh của Đỗ Thị Lạc trong khi địa danh Pắc Bó được cả hai tác giả Trần Trọng Kim, Mikhail Vasaep đều nhắc tới nên sự việc kể như đã sáng tỏ, nhất là khi 3 tác giả không cùng chung ngôn ngữ, không có chung môi trường hoạt động và hoàn toàn cách biệt cả về thời gian lẫn không gian nên hẳn đã khai thác các nguồn tin khác biệt — Trần Trọng Kim qua đời năm 1953 tức đã vắng mặt hơn 3 thập niên so với thời điểm xuất hiện tác phẩm của Mikhail Vasaep và Hà Cẩn.

● NÔNG THỊ XUÂN.

Mối tình với cô gái Nùng Nông Thị Xuân được bạch hóa rõ ràng nhất qua nhiều nhân chứng viết và kể lại. Tại Hà Nội, Xuân được ở nhà riêng số 66 Hàng Bông Nhuộm cùng em gái là cô Vàng, nhưng đêm đêm đều có xe đến đón đi “*gặp bác*.” Năm 1956, Nông Thị Xuân sinh một con trai được Hồ Chí Minh đặt tên là Nguyễn Tất Trung.

Do có con nên Nông Thị Xuân ngỏ ý muốn chính thức hóa hôn nhân. Ngày 11/2/1957, khoảng 7 giờ tối, Xuân được xe đến đón đi gặp Hồ Chí Minh.

Sáng hôm sau, 12/2/1957, công an tới báo tin cho cô Vàng hay là Xuân đã chết vì tai nạn ô tô. Cô Vàng đến thăm xác chị ở nhà thương Phủ Doãn và được nghe về biên bản khám nghiệm tử thi của bác sĩ.

Bác sĩ cho biết nạn nhân không chết vì tai nạn ô tô, vì khám toàn cơ thể không có dấu vết gì ngoại trừ vết nứt trên sọ, và bác sĩ tuyên bố, có thể nạn nhân bị trùm chăn trên đầu rồi bị đập bằng búa...



Nông Thị Xuân,
sau đổi là Nguyễn Thị Xuân,
sinh năm 1932, mất năm 1957.
Chụp cuối năm 1956 tại Hà Nội
sau khi đẻ Nguyễn Tất Trung.

Cô Vàng vội chạy về báo tin cho người chồng sắp cưới là một bộ đội đang bị thương tật sống ở tỉnh Cao Bằng. Vàng sợ rằng cô cũng sẽ bị thủ tiêu vì đã chứng kiến sự thật về chị cô bị âm mưu sát hại. Mấy tháng sau, mối lo của cô trở thành sự thật. Ngày 2/11/1957, cô Vàng bị giết chết và đến ngày 5/11 mới tìm thấy xác nổi lên trên sông Bằng Giang, gần cầu Hoàng Bồ.

Tin này được phổ biến nhờ lá thư của anh bộ đội là chồng chưa cưới của cô Vàng gửi Nguyễn Hữu Thọ, chủ tịch Quốc Hội CHXHCN Việt Nam ngày 29/7/1983, trước khi anh qua đời vì bạo bệnh. Trong thư, anh bộ đội ghi lại những gì cô Vàng đã kể, từ việc bộ trưởng Công An Trần Quốc Hoàn được Hồ Chí Minh giao phó “trông coi” cô Xuân tới hình ảnh Trần Quốc Hoàn hăm hiếp cô Xuân tàn nhẫn một tuần trước khi giết cô Xuân...

Năm 2007, nhà văn đấu tranh trong nước, Trần Khải Thanh Thủy đã tìm hiểu tông tích Nguyễn Tất Trung và gặp anh ta. Qua kể lại của Trần Khải Thanh Thủy, sự việc Nguyễn Tất Trung là con Hồ Chí Minh đã rõ và anh ta hiện đang được Đảng “nuôi” đằng hoàng trong khu nhà sang trọng tại Hà Nội.

Khi Nông Thị Xuân qua đời, Nguyễn Tất Trung mới một tuổi, mồ côi mẹ, được dì là cô Vàng nuôi, nhưng rồi bị bắt đem đi gởi cho Nguyễn Lương Bằng (1904-1979), một lãnh tụ cộng sản bí danh Sao Đỏ. Năm 1961, bé Trung 5 tuổi được chuyển cho tướng Chu Văn Tấn nuôi. Chu Văn Tấn cùng sắc tộc Nùng với Nông Thị Xuân, là người đứng ra tổ chức đơn vị cứu quốc quân đầu tiên của cộng sản ở vùng rừng núi Việt Bắc. Khi Hồ Chí Minh qua đời ngày 2/9/1969, thư ký kiêm cận vệ của Hồ Chí Minh là Vũ Kỳ nhận Trung làm con nuôi, đổi tên là Vũ Trung.

Toàn bộ diễn tiến trên cùng lá thư của anh bộ đội được ghi trong cuốn *Công Lý Đòi Hỏi* của Nguyễn Minh Cần. Nguyễn Minh Cần là đảng viên cộng sản từ năm 1946, giữ

chức Phó Chủ Tịch Ủy Ban Hành Chính Thành Phố Hà Nội từ 1954 đến 1962 là thời điểm xảy ra câu chuyện. Năm 1962, ông được cử qua Liên Xô học tại trường Đảng Cao Cấp, sau đó đã xin tỵ nạn chính trị tại Nga tới nay.

Tác phẩm *Công Lý Đòi Hỏi* của Nguyễn Minh Cần ấn hành tại Mỹ năm 1997 với đoạn kể về câu chuyện Nông Thị Xuân với Hồ Chí Minh như sau :

“Theo những điều người ta kể cho tôi trong những năm gần đây và được xác minh qua tài liệu đã xem thì có hai chi tiết hơi khác (các cô họ Nguyễn và cô Xuân chỉ có một con với ông Hồ), ngoài ra, các chi tiết khác về cơ bản đều giống nhau. Sự việc cụ thể như sau:

Cô Nguyễn Thị Xuân (tên gọi trong gia đình là Sang) và em họ, cô Nguyễn Thị Vàng, 22 tuổi, quê làng Hà Mạ, xã Hồng Việt, huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng, cuối năm 1954, đã tình nguyện vào làm công tác hộ lý trong một đơn vị quân nhu. Được mấy tháng thì ủy viên Trung Ương Đảng, chủ nhiệm Tổng Cục Hậu Cần Trần Đăng Ninh, gặp cô Xuân nói chuyện vài lần, rồi đầu năm 1955 cho xe đón cô



Nguyễn Tất Trung và vợ Lưu Thị Duyên cùng con trai (bên phải) chụp năm 1998 cùng gia đình ông Vũ Kỳ, người có râu trắng dài (giữa)

Xuân về Hà Nội, “nói là để phục vụ Bác Hồ.” Mấy tháng sau, cô Xuân cũng xin cho cô Vàng và cô Nguyệt (con gái của ông Hoàng Văn Đề, cậu ruột của cô Xuân) về Hà Nội ở trên gác nhà 66 Hàng Bông Nhuộm. Vì các vị lãnh đạo không cho chị Xuân ở cùng với Bác trên nhà Chủ tịch phủ, giao cho ông Trần Quốc Hoàn, bộ trưởng Bộ Công An, trực tiếp quản lý chị Xuân, cho nên chị Xuân mới được đem về 66 Hàng Bông Nhuộm, nhà của công an.

Cuối năm 1956, chị Xuân sinh được một cậu con trai. Cụ Hồ đặt tên là Nguyễn Tất Trung.

“Em có nhiệm vụ bế cháu”, đây là lời Vàng kể lại cho người chồng chưa cưới của mình trước khi cô bị giết. Và cũng nhờ Vàng đã kể lại, nên chúng ta biết được những sự việc sau đây: Khoảng mùng 6, mùng 7 tháng 2 năm 1957, Trần Quốc Hoàn đến, nói chuyện vu vơ một lúc, rồi giở trò... kéo cô Xuân vào cái buồng xép, định hãm hiếp. Cô Xuân ứ ớ la lên. Vàng hoảng sợ tru tréo, còn Nguyệt khiếp sợ quá co dúm lại ngồi ở trong góc.

Máy lúc đó có tiếng cửa sổ nhà dưới xô sầm vào tường, Hoàn sợ, bỏ cô Xuân ra, rút súng lục ra dọa: “Chúng mày im mồm, không ông cho chết hết.”

Rồi xuống thang, ra ô tô chuồn.

Mấy hôm sau, Hoàn lại đến, lên gác, đi thẳng vào phòng, ôm ghì cô Xuân hôn. Cô Xuân xô nó ra: “Không được hôn, tôi là vợ ông Chủ tịch Nước.” Nó nói: “Tôi biết bà to lắm, nhưng tính mạng bà nằm trong tay tôi.” Rồi lấy súng dí vào ngực cô Xuân, nó rút ra sợi dây dù đã thắt sẵn thông lọng tròng vào cổ cô Xuân kéo cô lên giường, tự tay lột hết quần áo, ngắm nghía, rồi hiếp cô. Cô Xuân xấu hổ lấy tay che mặt. Nó kéo tay cô và nói: “Thanh niên nó phục vụ không khoái hơn ông già, lại còn vờ làm gái.”

Hành vi côn đồ của Trần Quốc Hoàn có thể coi là bằng chứng về thái độ của Hồ Chí Minh đối với người phụ nữ đã chung sống và có con với mình ra sao.

Bởi Trần Quốc Hoàn không thể ngang nhiên đối xử như vậy với Nông Thị Xuân nếu Hồ Chí Minh không ra lệnh hay bày tỏ ý nghĩ gạt bỏ người phụ nữ được coi như vợ của mình.

Chuyện cũng được ghi trong hồi ký *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên từng có thời gian gần gũi với Hồ Chí Minh vì là con trai của đảng viên cộng sản lão thành Vũ Đình Huỳnh, bí thư của Hồ Chí Minh, phụ trách lễ tân tại phủ chủ tịch. Trong hồi ký, Vũ Thư Hiên ghi việc Nông Thị Xuân có với Hồ Chí Minh một đứa con trai tên Nguyễn Tất Trung rồi bị thủ tiêu.

Tháng 7/1993, khi Vũ Thư Hiên gặp Nguyễn Minh Cần tại Nga, hai người đã nhắc về chuyện này và Nguyễn Minh Cần kể lại: *“Hồi tháng 7 năm 1993, khi gặp nhà văn Vũ Thư Hiên, một người “cùng cảnh ngộ”, tức là cùng bị dính vào “vụ án xét lại – chống đảng”, đã sang được Moskva, tôi mới đem chuyện đó kể ra. Hiên bật người lên, vui mừng ra mặt, dường như anh được thêm một người nữa biết cái chuyện “thâm cung bí sử” này và chuyện tôi kể cho anh lại một lần nữa xác nhận điều mà cụ thân sinh của anh, ông Vũ Đình Huỳnh, đã dặn dò anh. Hiên nói liền: “Nhưng không phải ô tô từ Chủ tịch phủ phóng ra đâu, anh ạ. Mà từ phố Hàng Bông Nhuộm đi lên Nhật Tân...” Tôi đáp lời: “Chính là Quốc Hùng nói với tôi thế!” Rồi Hiên thủng thẳng tâm sự với tôi “Có một hôm, ông cụ tôi bảo tôi lên xe, chúng tôi đi lên Hồ Tây, rồi theo đường Quảng Bá đi lên đường Nhật Tân, chỗ làng Đào, anh biết chứ?” Tôi trả lời theo kiểu dân Bắc: “Biết quá đi, chứ lị! Từ 51, tôi phụ trách ngoại thành cơ mà.” Yên trí là tôi biết rõ địa thế vùng này, anh kể tiếp, dừng xe lại, hai bố con ra xe, ông cụ dẫn anh đến một đoạn đường, hình như một bên có rặng ổi, rồi bảo: “Con ơi, con nhớ những lời bố dặn đây! Tới đây, đánh dấu một vụ án mạng, một vụ oan khuất khủng khiếp mà Trần Quốc Hoàn (ủy viên Bộ Chính Trị, bộ trưởng Công An) là*

chính danh thủ phạm. Con hãy ghi nhớ, khi có dịp thì nói lên sự thật...”

Ngoài hai nhân chứng Nguyễn Minh Cần và Vũ Thu Hiền, chính phía Trung Cộng đã biết việc này và coi như một vết nhơ mà đảng cộng sản Việt Nam và Hồ Chí Minh muốn giấu nhem để che đậy sự thật về con người tàn nhẫn Hồ Chí Minh. Tác giả Hà Cần trong cuốn sách nhắc ở trên đã viết tiếp ở trang 134: *“Ngoài người con gái với người phụ nữ tên Thuần, Hồ chủ tịch cũng còn có người con trai khác mà mẹ của anh ta bị chết một cách đầy ngờ vực trong một tai nạn giao thông tại Hà Nội.”*

Hà Cần không nói rõ thủ phạm là ai nhưng khi nhắc đến tính chất vụ án *“đầy ngờ vực”* đã cho thấy ngay một dấu hỏi về Hồ Chí Minh và đảng cộng sản trong cái chết của Nông Thị Xuân.

Cuối cùng là ghi nhận của sử gia cũng là đảng viên cộng sản Ba Lan Constatin Kostadinov. Khi nghiên cứu về Hồ Chí Minh, Constatin Kostadinov đã viết trong cuốn *Những Người Con Của Lãnh Tụ* in năm 1984 tại Ba Lan như sau: *“Một người con trai của chủ tịch Hồ Chí Minh có tên Nguyễn Tất Trung được nuôi nấng bởi trợ lý riêng của chủ tịch nhưng đã không nối nghiệp cha làm chính trị...”*

● NÔNG THỊ NGÁC.

Tương tự trường hợp Đỗ Thị Lạc, trường hợp Nông Thị Ngác ít được biết cho đến năm 1997 nhân bài phỏng vấn của một tờ báo Xuân tại Việt Nam. Nhà báo phỏng vấn muốn tìm hiểu về thời kỳ Hồ Chí Minh mới về Việt Nam vào năm 1940 ở hang Pắc Bó. Do đó, một nhân chứng đã được tìm gặp. Nhân chứng này là một phụ nữ sắc tộc Tày, tên là Nông Thị Ngác.

Trả lời phỏng vấn, Nông Thị Ngác không giấu giếm những gì đã xảy ra trong thời gian Hồ Chí Minh sống tại hang Pắc Bó đầu thập niên 40. Bà kể hằng ngày đến “học

tập” với “Chú Thu” rờn rã cả năm vì Hồ Chí Minh căn dặn gọi là “Chú Thu” và xưng “Cháu.”

Theo lời kể, Nông Thị Ngác là nữ cán bộ được Hồ Chí Minh yêu quý đến mức đặt cho tên mới là Nông Thị Trung để gọi nhắc đến hai bậc nữ anh thư Trung Trắc, Trung Nhị.

Sau tháng 9/1945 và khi đã trở thành nhân vật lãnh đạo tối cao, Hồ Chí Minh đưa Nông Thị Ngác lên làm Chánh Án Tòa Án Nhân Dân tỉnh Cao Bằng. Tuy nhiên, nhà báo phỏng vấn không ghi hết những điều trả lời được gọi là “*không giấu giếm*” cũng như tác giả Thép Mới trong cuốn *Năng Động Hồ Chí Minh* được nhà xuất bản Văn Nghệ ấn hành năm 1990 tại Sài Gòn chỉ nhắc một số chuyện bình thường như “*Bác trực tiếp hỏi chuyện, nghe kể về hoàn cảnh gia đình và bản làng đau khổ, rất thương, nhận làm cháu nuôi, đặt cho bí danh là Trung, Nông Thị Trung. Trung ở với vợ chồng Đại Lâm, tên tục là Sù, hàng ngày được đến lán Bác một giờ để Bác chỉ bảo...*”

Vẫn theo Thép Mới, năm 1961, tức 20 năm sau ngày rời Pắc Bó, Hồ Chí Minh trở lại đây để tìm người cũ, cảnh xưa. Hồ Chí Minh đã tới thăm gia đình Nông Thị Ngác, tiếp xúc với Dương Đại Lâm là người mà trước đây Hồ Chí Minh đã gửi gắm Nông Thị Ngác. Tác giả không nhắc gì tới Nông Thị Ngác mà chỉ cho biết các cháu thân mật vây quanh Hồ Chí Minh và trong số có một cháu đã trở thành “*thanh niên tuấn tú*”

Điều mà các tác giả trong nước tuyệt nhiên không nhắc tới thì một tác giả ngoại quốc luôn đề cao Hồ Chí Minh là William Duiker lại viết rõ ràng: “*Vào tháng 4/2001, người vô danh tên Nông Đức Mạnh chính thức nhậm chức trong cơ quan chính quyền, dư luận xôn xao bàn tán rộng rãi cho rằng Mạnh là con rơi của Hồ Chí Minh, và ông ta đã được chọn làm Tổng Bí Thư Đảng Cộng Sản Việt Nam.*”

Cuối đoạn trên, Duiker còn ghi thêm chú thích:

“*Nông Đức Mạnh phủ nhận những tin đồn này, nhưng*

ông ta lại công nhận rằng mẹ ông, một thành viên của dân tộc thiểu số Tây, là người phục vụ ông Hồ sau khi ông Hồ trở về Việt Nam vào đầu thập niên 1940.”

Khi báo Time phỏng vấn Nông Đức Mạnh năm 2002 thì ghi ông ta 61 tuổi. Đối chiếu với dòng viết của Thép Mới về người *“thanh niên tuấn tú”* trong đám cháu thân mật vây quanh Hồ Chí Minh năm 1961 thì có thể đoán người thanh niên đó là Nông Đức Mạnh bởi Mạnh phải được sinh ra cuối năm 1941 hoặc đầu năm 1942. Một điều khác cũng đáng suy nghĩ là sau khi có cuốn sách của Duiker và cuộc phỏng vấn của báo Time thì website của Đảng CSVN đã xóa hoàn toàn tiểu sử Nông Đức Mạnh trước đó ghi rõ như sau: *“Nông Đức Mạnh, con của nhà cách mạng Nông Văn Lai và bà Hoàng Thị Nhị.”*

Việc minh bạch lý lịch, cụ thể là ghi rõ tên cha mẹ, có gì là sai mà phải xóa đi?

Đây là câu hỏi vẫn luôn hiện ra cho đến lúc này.

Phải chăng đó là một cách gián tiếp xác nhận tính chính xác của dư luận về nguồn gốc Nông Đức Mạnh, vì không thể công khai hóa sự thật?

Nếu William Duiker và báo Time chỉ nhắc là dư luận đồn đại thì sử gia Nga Mikhail Vasaep không lưu tâm tới dư luận mà viết thẳng như sau: *“Có những nguồn tin đáng tin cậy từ KGB cho biết một người con trai của Hồ Chí Minh với người phụ nữ tên Nông Thị Trung được nuôi nấng bởi một gia đình người dân tộc thiểu số tại Cao Bằng...”*

Nguồn tin được khẳng định từ mật vụ KGB của Nga chắc chắn không thể là tin vô căn cứ. Trong khi đó, sử gia Ba Lan Constatin Kostadinov cũng viết về việc này trong tác phẩm *Những Người Con Của Lãnh Tụ*: *“Thật ra trong một nghiên cứu cho thấy chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ có một mà có những hai con trai nhưng đến nay chưa biết số phận chính trị có giống như người con mang tên Nguyễn Tất Trung hay không...”*

Cuốn sách của Kostadinov ấn hành năm 1984 khi Nông Đức Mạnh chưa có dấu ấn trên chính trường nên nhận xét trên hoàn toàn hợp lý, nhưng điểm chính là cho thấy Hồ Chí Minh thực sự có 2 con trai.

Ngoài ra, trong cuốn *Mao Chủ Tịch Của Tôi*, tại trang 135, Hà Cẩn cũng viết:

“Bi kịch tình ái của Hồ Chủ Tịch không chỉ dừng lại ở những bà vợ không được thừa nhận mà còn kể cả 2 người con trai của Chủ Tịch...”

Như vậy, các tác giả ngoại quốc trong thế giới cộng sản nghiên cứu về Hồ Chí Minh đều nhắc tới mối quan hệ già nhân ngãi non vợ chồng giữa Hồ Chí Minh với Nông Thị Ngác và con trai của hai người là Nông Đức Mạnh.



Ngoài 5 phụ nữ để lại dấu ấn hôn thú hoặc con cái và thăm kịch như trên, Hồ Chí Minh còn được nhắc đã có nhiều người tình khác ở Pháp, ở Nga, ở Trung Hoa. Trong hồi ký *Con Rồng An Nam*, cựu hoàng Bảo Đại cho biết vào một dịp đi công tác chung với Võ Nguyên Giáp năm 1945 khi cựu hoàng đang là cố vấn chính phủ đã được nghe Võ Nguyên Giáp kể Hồ Chí Minh là cán bộ cộng sản nhiệt tình trong Đệ Tam Quốc Tế và cả tương quan với phụ nữ mà cựu hoàng ghi lại nơi trang 205: *“Hồ Chí Minh có một người vợ Nga và có chung một người con gái, nhưng ông ta không bao giờ nhắc đến.”* Nhưng ngoài hân mức tưởng tượng của mọi người là vài dòng văn gọn trong tác phẩm của Duiker, người vẫn luôn coi Hồ Chí Minh là thần tượng. Trong tác phẩm *Ho Chi Minh, a life*, Duiker ghi: *“Lý Sâm và Hồ Chí Minh đã bị cảnh sát Hongkong bắt tại một phòng hotel khi hai người đang trong phòng ngủ, lúc 2 giờ sáng ngày 6/6/1931.”* Sự việc vượt xa tưởng tượng bởi ngay sau đó Duiker cho biết Lý Sâm chính là vợ của Hồ Tùng Mậu, một đồng chí của Hồ Chí Minh. Tiết lộ này chưa phải

tiết lộ cuối cùng về Hồ Chí Minh nhưng đã quá đủ để không cần biết thêm điều nào khác, dù vẫn còn nhiều cái tên phụ nữ được nhắc có tương quan với Hồ Chí Minh.

Nhìn ngược lại mọi sự việc, sự thật đầu tiên không thể chối bỏ là Hồ Chí Minh không hề như huyền thoại “*Cả đời hi sinh hạnh phúc riêng tư cho dân tộc.*” Bởi suốt từ 1926 tới cuối thập niên 1950 gần như không lúc nào Hồ Chí Minh sống cô đơn như đã được diễn tả. Quan trọng hơn là cách ứng xử của Hồ Chí Minh đối với những người vợ hoặc người tình của mình. Sự thực hiển nhiên là Hồ Chí Minh đã nhẫn tâm tới mức tàn ác, vì không chỉ ruồng bỏ hết cả những người từng chung sống với mình mà còn sẵn sàng loại trừ họ khỏi cuộc sống như trường hợp Nông Thị Xuân.

Một sự thực không thể chối bỏ khác là với những đứa con ruột thịt của chính mình, Hồ Chí Minh cũng coi như không hề có mặt trong cuộc sống. Một người chồng, người cha như vậy có thể coi là người tốt lành gương mẫu không, khi tục ngữ Việt Nam có câu “*Hổ dữ không ăn thịt con.*” Thực tế cho thấy loài ác thú cộp dũ cũng không so nổi mức tàn nhẫn trong ứng xử với vợ con của Hồ Chí Minh.

Vượt qua tất cả những sự thực đó là mức độ dối trá tận cùng đối với dân tộc mà Hồ Chí Minh đã biểu hiện qua việc tự tạo cho mình bức chân dung “Thánh Sống” bằng cả cái giá hạ sát chính người cùng mình đầu gối tay ấp. Một con người như vậy có thể hết lòng yêu nước thương dân, cung phụng sự dân tộc như Hồ Chí Minh vẫn tự diễn tả và như đảng Cộng Sản vẫn tuyên truyền tô vẽ chăng? Câu trả lời đã rõ.

— 01/09/2012



Tượng Hồ Chí Minh
trong một ngôi chùa

– **Chương 15 :**
SỰ THẬT VỀ
“ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975”

Gia đình tôi có rất nhiều thương binh, liệt sĩ của chế độ cộng sản. Bố tôi là một người lính cộng sản từ lúc tốt nghiệp cấp 3 cho đến lúc về hưu trí. Tuy nhiên do nguyên tắc tôn trọng sự thật, tôi không thể cho phép tự lừa dối mình và lừa dối mọi người bằng luận điệu ca tụng giả tạo. Vì vậy, xin được trình bày sự thật về “*đại thắng mùa xuân*” năm 1975 kết thúc bằng ngày 30/4 mà chính Võ Văn Kiệt từng thốt lên “*ngày của triệu người buồn...*”

Thất bại của Việt Nam Cộng Hòa có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, nhưng xin chỉ giới hạn trong nguyên nhân chính yếu dẫn tới kết cục buồn cho một nền dân chủ non trẻ. Đó là vấn đề quân sự.

Thật ra, tới nay ít nhất đã có hàng trăm bài phân tích về kết cục 1975 của cuộc chiến Việt Nam với nhiều nhận định, trong đó có những đánh giá trái ngược về tinh thần và khả năng chiến đấu của quân đội hai phía. Nhưng nhìn thẳng vào sự thật thì có đúng cuộc chiến đã kết thúc bởi tinh thần “*anh hùng thần thánh*” của quân đội cộng sản hay chính bởi quân đội VNCH bị tước bỏ khả năng chiến đấu trong khi đối thủ của họ được tăng cường viện trợ một cách khủng khiếp từ sau năm 1973?

Trong chiến tranh việc thua kém về quân số, về trang bị quân sự không thể phủ lấp bằng chiến thuật hay sự anh

dùng dù có cố gắng đến mấy. Chính quân đội cộng sản cũng trải qua điều này, vì trước 1973, quân đội cộng sản hết sức cố gắng vẫn không thể đánh chiếm miền Nam dù họ có chiến thuật du kích giúp bảo tồn lực lượng khá tốt. Cho nên cứ cho rằng chiến thuật rút bỏ Tây Nguyên hoặc triệt thoái quân đoàn 1 của VNCH là sai lầm thì nguyên nhân chính đưa đến thất bại cuối cùng của VNCH vẫn chỉ là cán cân nghiêng hẳn về phía VNDCCH trong vấn đề quân số và trang thiết bị vào thời điểm 1975. Từ đây có thể bảo chẳng có chiến thắng thần thánh nào mà chỉ là kết quả tất yếu dành cho kẻ thủ đắc sức mạnh vượt trội mà thôi. Kết luận này không do phỏng đoán hay gán ghép mà hiển hiện từ sự thật là người Mỹ từ bỏ đồng minh VNCH trong khi Liên Xô và Trung Cộng gia tăng chi viện tối đa cho phía VNDCCH.

● MỸ TỪ BỎ ĐỒNG MINH.

Trong cuộc chiến Việt Nam, ai cũng thấy đứng sau VNCH là Mỹ còn đứng sau VNDCCH là Liên Xô và Trung Cộng. Nói chính xác thì cuộc chiến Việt Nam đã nổ ra do miền Bắc đưa quân xâm chiếm miền Nam theo mưu đồ nhuộm đỏ vùng Đông Nam Á của Cộng Sản Quốc Tế. Bước đầu thực hiện mưu đồ này là chiếm đoạt miền Nam và đảng CSVN do Hồ Chí Minh lãnh đạo được giao nhiệm vụ với sự yểm trợ tối đa về súng đạn của Liên Xô và Trung Cộng.

Chính vì thế Mỹ đã hỗ trợ VNCH ngăn chống cuộc xâm lược từ miền Bắc cũng có nghĩa là chặn đứng mưu đồ mở rộng làn sóng đỏ của khối Cộng Sản Quốc Tế. Tuy nhiên Mỹ tự giới hạn mức can thiệp trong mục tiêu bảo vệ miền Nam chứ không nhắm tấn công miền Bắc, dù không quân Mỹ vẫn thực hiện các cuộc oanh tạc vượt vĩ tuyến 17. Nhờ vậy, VNDCCH có thể kéo dài cuộc chiến dù cho đến trước năm 1973, quân đội cộng sản đều không thành công trong các chiến dịch đánh chiếm miền Nam và đã chịu tổn thất nặng về cả trang thiết bị quân sự như năm 1968, 1972.

Tình thế trở nên thuận lợi cho VNDCCH khi Mỹ không muốn tiếp tục cuộc chiến do đa số dân chúng Mỹ bày tỏ bất đồng và đặc biệt là do Hoa Thịnh Đốn chọn đối sách ngoại giao của ngoại trưởng Kissinger. Minh chứng cho thực tế này ngoài các phong trào phản chiến bùng nổ khắp nước Mỹ là các quyết định cụ thể của chính giới Mỹ mà ngay báo chí cộng sản đã ghi nhận.

– Đầu tiên, báo Thanh Niên của đảng Cộng Sản từng gộp tài liệu của CIA và có bài *Mỹ bỏ rơi VNCH*: “Ngày 21-/4, tổng thống Thiệu từ chức ở Sài Gòn. Ngày 23/4, tổng thống Ford đáp chuyên cơ đi News Orleans để diễn thuyết tại đại học Tulane.

Tình hình VN biến chuyển quá nhanh, và dư luận quốc tế cũng như cử tri Mỹ đang chờ đợi xem vị nguyên thủ cường quốc hàng đầu thế giới sẽ nói gì đây. Theo tài liệu thì chiều hôm đó, như để lấy thêm can đảm, tổng thống Ford đã uống một ly cocktail trong tiệc chiêu đãi, rồi ông bước vào nơi mọi người đang chờ nghe diễn văn.

Địa điểm Tổng thống Ford diễn thuyết là sân chơi bóng trong nhà của trường đại học, nơi đã có hàng ngàn sinh viên tụ họp chờ đợi. Ông chậm rãi, nhấn mạnh từng chữ: “Đối với Mỹ, chiến tranh VN đã kết thúc.”⁽¹⁰⁴⁾

Câu nói của ông Ford cho thấy với người Mỹ việc bỏ VNCH cho cộng sản xâm chiếm là điều hiển nhiên.

– Thứ hai, việc Mỹ bỏ rơi VNCH còn được chứng minh bằng các con số viện trợ. Trên thực tế, từ sau 1954, VNCH được Mỹ viện trợ cả về kinh tế lẫn quân sự. Về ngân sách quốc phòng Hoa Kỳ dành cho cuộc chiến Việt Nam thì Cục Nghiên Cứu của Bộ Tổng Tham Mưu Quân Đội Nhân Dân VNDCCH đã nêu các con số dự toán chính thức là 29 tỉ 220 triệu cho tài khóa 1968-1969, 23 tỉ 700 triệu cho tài khóa 1969-1970 và 15 tỉ 300 triệu cho tài khóa 1970-1971.

⁽¹⁰⁴⁾ <http://www.thanhnienvn.com.vn/pages/20100427/my-bo-roi-vnch.aspx>

Các con số dự toán này đã đổ dốc từ năm 1968 tới năm 1971 với mức cắt giảm gần 50%. Thực tế còn bi đát hơn vào đầu năm 1975 khi Quốc Hội Mỹ quyết định cắt hẳn viện trợ cho Việt Nam. Hậu quả của sự kiện này là tác hại tức khắc vào hoạt động quân sự trên chiến trường như ghi nhận của tác giả Nguyễn Tiến Hưng trong tác phẩm *Khi Đồng Minh Tháo Chạy*: “Trở lại vấn đề lệ thuộc về vật chất, như chính tổng thống Ford đã viết trong Hồi Ký của ông: chỉ tới đầu 1975, khi Quốc Hội Mỹ cắt hẳn hết quân viện, Miền Nam mới mất một tỉnh đầu tiên trong suốt cuộc chiến, đó là Phước Long. Rồi từ Phước Long tới Ban Mê Thuột, tới Pleiku, Đà Nẵng và sau hết là Sài Gòn. Có điều là trong năm 1974, tuy quân đội VNCH tiếp tục chiến đấu, nhưng kho đạn dự trữ đã được xử dụng gần hết. Vào thời điểm cuối cùng, số đạn tồn kho chỉ còn đủ cung ứng từ 30 tới 45 ngày. Thay vì được tiếp liệu đầy đủ như đã được cam kết, Hoa Kỳ từng bước một, đi đến quyết định cắt đứt luôn. Ấy là chưa kể số tiền viện trợ cần thiết để yểm trợ cho nền kinh tế. Nó đã vừa bị cắt xén, vừa bị mất giá (vì khủng hoảng dầu lửa), nên đã giảm xuống tới mức bi đát. Vì vậy, từ mùa hè 1974, không những khả năng chiến đấu đã kiệt quệ mà cả tinh thần của giới lãnh đạo, chỉ huy các cấp đã bắt đầu lung lay rồi.”

Tinh thần lung lay là tất yếu vì bằng cách nào có thể thần nhiên khi trực tiếp đối đầu với kẻ địch mà cây súng trong tay không còn đạn. Từ đây, việc miền Nam Việt Nam rơi vào tay cộng sản đã hiện ra như chuyện đương nhiên. Một câu hỏi: Có đúng người Mỹ chấp nhận như vậy?

Câu hỏi này đã được giải đáp bằng biên bản cuộc họp giữa Chu Ân Lai và Kissinger ngày 20/6/1972 tại Bắc Kinh. Tài liệu gồm 37 trang ghi lại đối đáp giữa hai nhân vật trong đó có phát biểu sau của Kissinger: “Nếu chúng tôi sống chung được với chính quyền cộng sản Trung Hoa, chúng tôi sẽ chấp nhận được cộng sản ở Đông Dương.”

Thời điểm đó, Kissinger chủ trương khai thác tình trạng mâu thuẫn Nga Xô – Trung Cộng bằng cách từ bỏ đối đầu với Trung Cộng. Hai điều lợi theo đánh giá của Kissinger là chấm dứt sự tham chiến của Mỹ tại Việt Nam đang gây bất bình trong quần chúng, đồng thời đẩy khối Cộng Sản Quốc Tế vào thế phân tranh giữa Nga Xô – Trung Cộng, đặc biệt còn có triển vọng mở ra cho Mỹ một thị trường lớn là Hoa Lục.

Qua tài liệu giải mật, 26 trang đầu ghi lại cuộc bàn thảo về tương quan giữa các quốc gia cùng an ninh toàn cầu và từ trang 27 đến trang cuối đề cập đến kế hoạch giải quyết vấn đề Đông Dương trong đó có đoạn sau:

“Thủ Tướng Chu: Bây giờ chúng ta sang tới vấn đề Đông Dương. Tôi muốn nghe ông trình bày.

Tiến Sĩ Kissinger: Thủ Tướng có nói ông có vài nhận định muốn nói với tôi. Có lẽ chúng ta nên đổi vị trí để Thủ Tướng phát biểu trước.

Thủ Tướng Chu: Có những vấn đề cần tranh luận, và chúng tôi muốn nghe ông trước để biết giải pháp của ông cho vấn đề.

Tiến Sĩ Kissinger: Thủ Tướng muốn gợi ý là sau khi nghe tôi trình bày tôi sẽ thuyết phục được khiến mọi tranh luận sẽ biến mất, và sẽ không còn điều gì thêm để Thủ Tướng phải nhận định?

Thủ Tướng Chu: Tôi không có những dự tính đó, nhưng thực sự mong sẽ giảm thiểu được tranh luận.

Tiến Sĩ Kissinger: Tôi sẽ trình bày sự thẩm định thật vô tư của chúng tôi. Tôi biết không hợp với ý Thủ Tướng, nhưng tôi nghĩ dù sao nó cũng ích lợi để Thủ Tướng hiểu quan điểm của chúng tôi về hiện tình. Và tôi sẽ trình bày tình hình từ khi Bắc Việt bắt đầu vụ tấn công ngày 30 tháng 3. Tôi tin rằng đã giải thích với Thủ Tướng những mục tiêu tổng quát của chúng tôi ở Đông Dương. Hiển nhiên không phải mục tiêu của chính phủ này là sẽ duy trì vĩnh viễn

những căn cứ tại Đông Dương hoặc tiếp tục chính sách khởi xướng bởi vị ngoại trưởng đã từ chối bắt tay Thủ Tướng. Không phải như vậy? Chúng ta đang ở một giai đoạn lịch sử khác. Chúng tôi tin rằng tương lai quan hệ của chúng tôi với Bắc Kinh quan trọng vô biên cho tương lai Á Châu hơn là những gì xảy ra tại Phnom Penh, tại Hà Nội hoặc ở Sài Gòn. Chắc Thủ Tướng còn nhớ khi Tổng Thống Johnson đưa quân đội Hoa Kỳ vào Việt Nam, ông biện minh rằng một phần những gì xảy ra tại Đông Dương đã được kế hoạch tại Bắc Kinh và là một phần của âm mưu thôn tính toàn cầu. Dean Rusk đã diễn đạt như vậy trong một bản tuyên bố.....Với thực tế chúng ta đang ngồi họp trong phòng này đủ thay đổi nền tảng mục đích của cuộc can thiệp đầu tiên tại Đông Dương. Là người thừa hưởng cuộc chiến, vấn đề của chúng tôi là tìm cách thanh toán nó với một phương thức không ảnh hưởng đến uy tín toàn cầu của chúng tôi và — đây không phải mối quan tâm chính của Thủ Tướng — để ổn định nội bộ tại Hoa Kỳ. Chúng tôi đã chân thành cố gắng để chấm dứt chiến tranh, và Thủ Tướng có thể biết hoặc không biết, tôi đã đích thân khởi xướng thương lượng với Bắc Việt năm 1967 khi tôi còn ở ngoại biên của chính quyền không được quần chúng ưa thích, vì tôi tin rằng phải có một giải pháp chính trị để chấm dứt cuộc chiến. Rồi từ khi nắm chính quyền, chúng tôi đã cố gắng chấm dứt cuộc chiến. Và chúng tôi hiểu, như tôi đã thừa với Thủ Tướng trước đây, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là một nhân tố vĩnh viễn trên bán đảo Đông Dương và có thể là một thực thể mạnh nhất. Và chúng tôi đã không có ý định tiêu diệt họ hoặc ngay cả đánh bại họ. Sau khi chiến tranh chấm dứt chúng tôi sẽ triệt thoái xa 12 ngàn dặm. Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa vẫn chỉ cách Sài Gòn 300 dặm. Đó là một thực tế mà họ có vẻ không hiểu.

Thủ Tướng Chu: Điều mà họ quan tâm tới là vụ gọi là Việt Nam Hóa chiến tranh của quý quốc.

Tiến Sĩ Kissinger: Nhưng họ có một sự thiếu tự tin kỳ lạ. Chúng tôi đã cố gắng làm gì?... Chúng tôi đã cố gắng tách rời hậu quả quân sự ra khỏi hậu quả chính trị để rút ra khỏi vùng và để những thế lực địa phương tự xếp đặt tương lai của họ. Thật rất kỳ lạ, phía Bắc Việt cố níu chúng tôi ở lại để chúng tôi giải quyết vấn đề chính trị cho họ. Thí dụ như ngày 30 tháng 5 vừa qua, chúng tôi đã đề nghị là chúng tôi sẽ triệt thoái tất cả lực lượng nếu có sự ngưng bắn và hoàn trả tù binh. Đúng là ngày 31, không phải 30. Phía Bắc Việt sẽ ở đâu ngày hôm nay nếu họ đã chấp thuận đề nghị này. Tại sao? Vì họ muốn chúng tôi lật đổ chính quyền và đặt để chính quyền của họ vào. Chúng tôi không thương lượng. Tôi cố gắng giải thích điều chúng tôi suy nghĩ. Hậu quả thực tế của những đề nghị của chúng tôi vẫn là để chúng tôi triệt thoái. Hậu quả thực tế của những đề nghị của họ là giữ chúng tôi ở lại. Họ có hỏi chúng tôi “có một đòi hỏi họ đưa ra mà chúng tôi đã không đáp ứng, không thể đáp ứng và sẽ không đáp ứng, dù phải trả với giá nào với những quan hệ khác.” Đó là chúng tôi lật đổ những nhân vật chúng tôi vẫn thường giao thiệp và cũng là những người tin tưởng ở chúng tôi... Đây không phải là sự ưa thích cá nhân của một nhân vật nào đó đối với những nhân vật liên hệ. Không phải vì chúng tôi muốn có một chính quyền thân Mỹ ở Sài Gòn. Tại sao chúng tôi lại muốn một chính quyền thân Mỹ ở Sài Gòn khi chúng tôi có thể sống với những chính quyền không thân Mỹ tại các quốc gia to lớn hơn nhiều ở Á Châu? Vì rằng một quốc gia không thể bị đòi hỏi để ràng buộc vào một hành động phản bội to lớn và coi đó như một nền tảng của chính sách đối ngoại.

Thủ Tướng Chu: Ông nói triệt thoái những lực lượng. Ông muốn nói triệt thoái toàn bộ Lục quân, Hải quân, Không quân, các căn cứ và tất cả?

Tiến Sĩ Kissinger: Năm ngoái khi tôi ở đây, Thủ Tướng đã hỏi tôi điều này. Tôi đã trình Thủ Tướng chúng

tôi muốn lưu lại một số cố vấn. Rồi Thủ Tướng có nói một câu rất hay về hậu quả của cái mà Thủ Tướng gọi là “để cái đuôi ở lại.” Phần lớn do lời nói đó, chúng tôi, trong vòng một tháng, đã thay đổi đề nghị của chúng tôi nên bây giờ bao gồm luôn việc triệt thoái toàn bộ cố vấn trong những loại Thủ Tướng nêu lên bây giờ. Chúng tôi đã chuẩn bị triệt thoái tất cả lực lượng....” ⁽¹⁰⁵⁾

Qua cuộc đối thoại, Kissinger không chỉ nêu quyết định rút quân đội Mỹ mà còn khuyến khích phía Cộng Sản chiếm đoạt miền Nam Việt Nam với lời nhắc “*Tại sao chúng tôi lại muốn một chính quyền thân Mỹ ở Sài Gòn khi chúng tôi có thể sống với những chính quyền không thân Mỹ tại các quốc gia to lớn hơn nhiều ở Á Châu?*” và “*Sau khi chiến tranh chấm dứt chúng tôi sẽ triệt thoái xa 12 ngàn dặm. Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa vẫn chỉ cách Sài Gòn 300 dặm.*”

Đặc biệt là câu nhấn mạnh “*Như tôi đã thưa với Thủ Tướng trước đây, Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là một nhân tố vĩnh viễn trên bán đảo Đông Dương và có thể là một thực thể mạnh nhất. Và chúng tôi đã không có ý định tiêu diệt họ hoặc ngay cả đánh bại họ*” đã khẳng định dứt khoát chọn lựa trao miền Nam Việt Nam cho phía Cộng Sản và gần như cam kết công nhận sự tồn tại chế độ Cộng Sản trên bán đảo Đông Dương.

Thực ra có thể kể thêm nhiều chứng liệu khác về việc Mỹ quyết định từ bỏ đồng minh VNCH, nhưng chỉ riêng bằng cứ này đã đủ sức thuyết phục.

Thực tế này đẩy VNCH vào tình huống cực kỳ căng thẳng khi khối Cộng Sản gia tăng tới đa nỗ lực quân sự để gấp rút giành thắng lợi cuối cùng, vì việc Mỹ từ bỏ đồng minh VNCH đã được loan truyền nhanh chóng từ Bắc Kinh qua Mạc Tư Khoa, Hà Nội...

⁽¹⁰⁵⁾ www.gwu.edu/~nsarchiv/NSAEBB/NSAEBB193/HAK%206-20-72.pdf

● CHI VIỆN KHỦNG KHIẾP.

Các tài liệu từ Trung Cộng và Liên Xô đều đề cập tới thái độ của Mỹ đối với VNCH như lý do chủ yếu dẫn đến kết thúc cuộc chiến.

Cuốn *Trung Quốc và Đông Nam Á* của hai tác giả La Cường - Kim Văn do nhà xuất bản Lý Luận Trung Ương Trung Quốc ấn hành nơi trang 56 có đoạn sau: “*Trung Hoa có công lớn trong việc đẩy Hoa Kỳ vào một thế bị động kinh tế cũng như quân sự trên chiến trường Việt Nam. Chính điều này dẫn đến hậu quả tất yếu của sự thoái lui hoàn toàn, bỏ mặc sống chết chính quyền Sài Gòn của Hoa Kỳ sau năm 1973. Quan trọng hơn chính việc này giúp cho VNDCCH giành ưu thế tuyệt đối trong cuộc đối đầu quân sự năm 1975...*”

Trong khi đó, báo cáo tổng kết của quân đội Liên Xô năm 1977 nơi trang 20 cho biết: “*Sau khi chúng ta có đầy đủ báo cáo về sự thiếu hụt lực lượng, khí tài của quân đội VNCH do người Mỹ không muốn lún sâu vào chiến tranh Việt Nam thì thông tin đã kịp thời đến với phía VNDCCH. Chúng ta cũng có quyết sách đúng đắn khi gửi tới Hà Nội phái đoàn quân sự cao cấp để giúp chính phủ VNDCCH thêm sức mạnh quân sự kết thúc cuộc chiến Việt Nam...*”

Phái đoàn cao cấp kể trên do đại tướng tham mưu trưởng V.A.Jukilov cầm đầu tới Việt Nam vào tháng 12/1974 và tháng 1/1975. Kế tiếp, từ tháng 2/1975 là sự xuất hiện phái đoàn quân sự Trung Cộng do tướng Yang Yung, cựu phụ tá tư lệnh chỉ huy quân Trung Cộng tại Triều Tiên cầm đầu với lý do “*viếng thăm dài hạn!*”

Các sự kiện này cho thấy chính Liên Xô và Trung Cộng trực tiếp dự phần chỉ đạo cái gọi là “*chiến dịch đại thắng mùa Xuân*” của VNDCCH dù trong hồi ký, tướng Văn Tiến Dũng mô tả chiến dịch này chỉ do bộ chính trị Đảng và bộ tổng mưu quyết định: “*Nhận thấy tình hình Mỹ không còn muốn chi viện cho địch, bộ chính trị và bộ tổng*

tham mưu họp khẩn trương thống nhất để tổng tấn công trên khắp miền Nam.”

Trên thực tế, Liên Xô – Trung Cộng không chỉ góp phần thúc đẩy hoặc hoạch định công việc mà đã cung cấp đủ loại vũ khí, đạn dược cùng các nhu yếu phẩm cần thiết cho Cộng Sản Việt Nam thực hiện cuộc chiến từ thập niên 1950 nhằm chiếm đoạt miền Nam.

Tài liệu giáo khoa bậc Trung Học phổ biến trên Website lịch sử của trường trung học phổ thông Lý Nhân, Hà Nam đã có bài viết ghi lại vai trò Liên Xô trong cuộc chiến Việt Nam như sau: *“Một trong những ủng hộ kịp thời và giá trị của Liên Xô đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ của nhân dân Việt Nam trong những năm 1965-1975 là viện trợ quân sự. Tên lửa “đắt đôi không” của Liên Xô đã được sử dụng lần đầu tiên tại Việt Nam vào ngày 24/7/1965 và đã bắn rơi máy bay Mỹ...*

...Mùa khô 1965-1966 và 1966-1967, khi cuộc chiến đấu của quân dân ta trên cả hai miền Nam, Bắc diễn ra quyết liệt, chúng ta rất cần vũ khí, đạn dược, Liên Xô đã đưa gấp sang Việt Nam 100 khẩu súng chống tăng, 500 súng cối các loại, 400 dàn pháo phản lực và 45 chiếc máy bay chiến đấu... Trong những năm 1969-1972, mức viện trợ quân sự của Liên Xô cho ta đạt 143.793 tấn. Cùng với viện trợ quân sự, Liên Xô còn tích cực đào tạo giúp Việt Nam đội ngũ cán bộ quân sự giỏi, có thể vận hành được những vũ khí hiện đại do Liên Xô cung cấp. Riêng năm 1966, có 2.600 sĩ quan Việt Nam được đào tạo tại Liên Xô. Đồng thời, nhiều chuyên gia quân sự của Liên Xô cũng đã sang chiến trường Việt Nam trực tiếp giúp bộ đội Việt Nam về mặt kỹ thuật.....Từ 1973-1975, Liên Xô chuyển sang Việt Nam 65.601 tấn hàng hậu cần và trang bị vũ khí, kỹ thuật. Đây là một trong những điều kiện đảm bảo cho quân dân ta đẩy mạnh các hoạt động quân sự và giành thắng lợi quyết định trên chiến trường...”

Thực ra không riêng Liên Xô mà các quốc gia cộng sản khắp nơi cùng Trung Cộng, Triều Tiên đều góp phần bằng mọi cách vào cuộc chiến Việt Nam như tác giả Tiệp Khắc Kolosov từng viết về quan hệ Tiệp Khắc - Việt Nam trong cuốn *Chặng Đường Đã Qua* ấn hành năm 1980:

“...1973 cho đến 1975, quan hệ Tiệp - Việt được củng cố thêm bằng việc chúng ta xây dựng cho Việt Nam nhiều nhà máy cơ khí, chế tạo máy và đặc biệt để đáp lại yêu cầu của chính phủ Việt Nam, chính phủ Tiệp Khắc đã gửi tặng các bạn Việt Nam 50 chiếc xe vận tải quân sự, 1000 khẩu súng AK-47 do Tiệp Khắc sản xuất ...”

Những con số cụ thể về sự đóng góp của Liên Xô – Trung Cộng và các quốc gia Cộng Sản khác vào cuộc chiến Việt Nam được ghi lại trong bản tham luận của hai tác giả thuộc Viện Quân Sự Việt Nam là Lê Quang Lạng và Trần Tiến Hoạt như sau :

- 1955/60: 45.480 tấn vũ khí, 4.105 tấn hàng.
- 1961/64: 70.065 tấn vũ khí, 230 tấn hàng.
- 1965/68: 411.779 tấn vũ khí, 105.614 tấn hàng.
- 1969/72: 684.666 tấn vũ khí, 316.130 tấn hàng.
- 1973/75: 649.245 tấn vũ khí, 75.267 tấn hàng.

Qua đó, khối Cộng Sản đã viện trợ cho Cộng Sản Việt Nam 2 triệu 362 ngàn 581 tấn dụng cụ gồm 501.346 tấn hàng hậu cần và 1 triệu 861 ngàn 235 tấn súng đạn.

Trong tác phẩm *Vietnam, qu'a tu fait de tes fils*, ký giả Pháp Pierre Darcourt còn cho biết: *“Năm 1974, trong khi Mỹ giảm viện trợ cho miền Nam từ 2 tỉ 300 triệu xuống 964 triệu và cuối cùng bác bỏ luôn ngân khoản này thì Liên Xô tăng mức viện trợ quân sự năm 1974 cho Bắc Việt lên gấp đôi là 1 tỉ 700 triệu. Trung Quốc cũng gửi qua Bắc Việt 500 ngàn súng cá nhân với 90 triệu đạn, 21 ngàn súng cộng đồng với 4 triệu 500 ngàn đạn và ngót 3 triệu quân trang, quân phục...”*

Về vấn đề này, báo cáo tổng kết năm 1977 của quân

đội Liên Xô nơi trang 23 nêu rõ một số chi tiết:

“Trong năm 1974, chúng ta đã chi viện thêm cho Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa 100 xe tăng T54, một trung đoàn tên lửa phòng không SA-2, 300 tên lửa vác vai SA-7., 2 trung đoàn và cơ sở đạn pháo 130 mm...”

Dù nhìn vấn đề theo cách nào thì thực tế này đã cho thấy mức chênh lệch về sức mạnh quân sự giữa hai phía ra sao sau khi có hiệp định đình chiến Paris 1973.

● SỨC MẠNH VƯỢT TRỘI.

Theo khung sơ bộ của hiệp định Paris, quy định “*quân đội Mỹ và các đồng minh nước ngoài phải rút khỏi Việt Nam, còn quân đội Nhân Dân Việt Nam được ở lại miền Nam Việt Nam*” đã đặt VNCH vào thế hoàn toàn bất lợi. Đồng thời, việc Liên Xô – Trung Cộng gia tăng tối đa viện trợ quân sự trong khi Mỹ cắt bỏ hết mọi khoản viện trợ càng đẩy VNCH vào thế hiểm nghèo cùng cực, bởi cùng với thế bị động tự vệ do kẻ địch có mặt ngay bên cạnh là tình trạng thua kém về trang bị quân sự, thậm chí còn thiếu hụt ngay cả súng đạn.

Trên thực tế, cho đến trước 1968 quân lực VNCH chưa được trang bị súng trường tự động M16 mà chỉ có súng trường bán tự động Carbine. Trong khi đó, quân đội VNDCCH và cả lực lượng du kích của MTGPMN đều được trang bị AK47 là súng trường tự động hiện đại.

Như vậy so về trang bị trước năm 1968, cộng sản đã ở thế thủ đắc các điều kiện chiến đấu tốt hơn phía VNCH.

Nhưng ưu thế trang bị của Cộng Sản không dừng lại ở riêng khía cạnh này, nếu so sánh tổng quát hơn.

— Thứ nhất, xe tăng - thiết giáp là vũ khí quan trọng của lực quân trong chiến tranh thì quân lực VNCH được trang bị xe tăng M41, M48 và thiết giáp M113, V100.

Thiết giáp M113, V100 là loại xe chiến đấu hạng nhẹ có vỏ hợp kim nhôm hoặc thép mỏng dễ bị bắn cháy bằng

B40, B41, không thể so với lớp thép dày của xe chiến đấu bộ binh hạng trung BMP1, BMP2 của quân đội cộng sản. Đặc biệt khi đối đầu thì M113, V100 không có hệ thống tên lửa chống tăng như BMP do Liên Xô sản xuất nên không thể là đối thủ của BMP.

Về xe tăng, quân lực VNCH chỉ được trang bị xe hạng trung M48 và hạng nhẹ M41. So với T54, T55 thì M41 không thể sánh nổi. Riêng M48 chỉ có thể tạm sánh ngang với các thông số của T54, T55 như nòng pháo T54 là 100 còn M48 là 90. Dù vậy, quân lực VNCH không có nhiều M48 để đương đầu với T54, T55. Thêm nữa, theo thống kê cho đến năm 1975, quân lực VNCH chỉ có 162 xe M48 và 221 xe M41, trong khi đó, tài liệu chính thức của đảng Cộng Sản Việt Nam cho biết chỉ riêng trong cuộc tấn công miền Nam năm 1975, quân đội VNDCCH đã dùng 365 xe tăng T54...(106)

Bên cạnh đó, quân đội VNCH không có loại xe tăng lội nước chuyên nghiệp tương tự T59, K63, PT76 như quân đội VNDCCH được Liên Xô – Trung Cộng viện trợ. Thêm một điều quan trọng là xe tăng của quân lực VNCH không chỉ chống chọi với xe tăng mà còn với tên lửa AT3, pháo, B41, B40, DKZ... trong khi quân lực VNCH chỉ được trang bị duy nhất M72 để chống tăng.

– Thứ hai, nói đến chiến trường bộ binh vào thời kỳ chiến tranh Việt Nam, pháo binh là một yếu tố quan trọng, nhưng quân đội VNCH chỉ được trang bị pháo 105mm và 155mm có tầm tác xạ không quá 15 km. Họ có được trang bị pháo 175mm nhưng chỉ với số lượng không đáng kể. Với số lượng khoảng 1500 khẩu pháo có tầm bắn ngắn ngủi đó so với gần 2500 khẩu pháo 130mm có tầm bắn 30 km thì quá sức chênh lệch. Vì tầm bắn của 105mm, 155mm chỉ ngang với tầm bắn của loại 122mm mà quân đội VNDCCH

(106) Theo Tài Liệu Quân Sử Việt Nam - Nxb QĐND tập 2, tr.92.

có khoảng 1000 khẩu. Đó là chưa kể tới quân đội VNDCCH còn được trang bị rất nhiều loại pháo và súng cối từ 80mm, 85mm...

– Thứ ba, ưu thế rõ nhất của quân lực VNCH thuộc về không quân với nhiều loại máy bay như UH1, A37, L19, C130, C119, A-H1, F5... Tuy nhiên phía VNDCCH có trang bị phòng không cực mạnh do Liên Xô chi viện như pháo phòng không 122mm, 12,7mm, tên lửa SA-1, SA-2, tên lửa phòng không vác vai SA-7. Do đó, ưu thế không quân của VNCH đã giảm xuống đáng kể trước hệ thống phòng không dày đặc và hiện đại ở thời điểm đó mà ngay không quân Mỹ cũng bị tổn thất nghiêm trọng. Đây là chưa kể tình trạng thiếu thốn đủ mọi thứ từ nhiên liệu tới bom đạn vào thời điểm 1974-1975 đã khiến không lực VNCH gần như không còn sức tác chiến theo đúng yêu cầu mở rộng của chiến trường.

– Cuối cùng là mức chênh lệch về quân số giữa hai bên. Theo số liệu từ hồi ký *Đại Thắng Mùa Xuân* của tướng Văn Tiến Dũng, năm 1975, quân lực VNCH gồm 13 sư đoàn chủ lực, 18 liên đoàn biệt động quân với tổng quân số 1.351.000 người trong đó có 495.000 quân chủ lực, 475.000 quân địa phương, 381.000 phòng vệ dân sự vũ trang. Nhưng theo tác giả Walter J. Boyne, toàn bộ quân lực Việt Nam Cộng Hòa chỉ gồm 750.000 người, trong đó 229.000 là lực lượng chiến đấu nòng cốt chống lại gần 500.000 quân cộng sản ở miền Nam bao gồm hơn 200.000 bộ đội chính quy mà 80.000 quân đã xâm nhập từ trước và ở lại miền Nam sau hiệp định Paris năm 1973.

Riêng ký giả Pierre Darcourt ghi lại những tin chính thức về việc quân đội VNDCCH xâm nhập miền Nam sau khi ký hiệp định Paris như sau:

“Cuối tháng 2/1973, tức vón vẹn 30 ngày sau hiệp định ngưng bắn, phi cơ quan sát đã ghi nhận 175 xe vận tải và 223 chiến xa Bắc Việt băng qua khu phi quân sự vượt

đường mòn Hồ Chí Minh xâm nhập miền Nam. Cuộc xâm nhập không còn lén lút vì quân đội Mỹ đã rời cuộc chiến và hiệp định ngưng bắn cũng loại bỏ hoàn toàn khả năng ngăn chặn bằng không quân của quân đội Miền Nam. Cuối tháng 4/1975, tin ghi nhận cho biết đã có 18 ngàn lượt xe vận tải công khai chạy trên đường mòn Hồ Chí Minh chở vào Nam gần 80 ngàn quân cùng hàng trăm ngàn tấn chiến cụ, các loại đại pháo, hoả tiễn tối tân của Nga Xô và 650 xe tăng...

Giữa năm 1974, tin tình báo xác định 17 sư đoàn cơ giới chính quy Bắc Việt đầy đủ quân số và trang bị vũ khí tối tân gồm nhiều loại đại bác hạng nặng, hoả tiễn phòng không ... đã hiện diện tại miền Nam. Tin chi tiết cho biết lực lượng xâm nhập bố trí 7 sư đoàn tại Vùng I, 5 sư đoàn tại Vùng II, 3 sư đoàn tại Vùng III, 2 sư đoàn tại Vùng IV. Ngoài ra, một lực lượng trừ bị cũng đã tập trung tại nhiều căn cứ thuộc lãnh thổ Lào và Campuchia với quân số 40 ngàn tại Campuchia và 50 ngàn tại Lào. Một tháng sau, lực lượng xâm nhập được ghi nhận tăng lên 23 sư đoàn và một sư đoàn đặc công thành lập tại Nam Kinh, Trung Quốc đã được đưa về vùng Thượng Du Bắc Việt để sẵn sàng tham chiến.”

Chỉ dừng lại với con số 23 sư đoàn cùng 1 sư đoàn đặc công xâm nhập miền Nam từ năm 1974, quân số miền Bắc xâm nhập đã gần gấp đôi tổng quân số miền Nam theo ghi nhận của tướng Văn Tiến Dũng chưa kể đến lực lượng du kích địa phương và lực lượng xâm nhập từ trước.

Với mức chênh lệch về mọi mặt như thế, chuyện thắng bại không còn là điều khó thẩm định hay phản ánh tinh thần chiến đấu “chân sắt, vai đồng” như các guồng máy tuyên truyền cộng sản luôn ca ngợi cho tới hôm nay.



Những sự kiện kể trên chính là tiếng nói bác bỏ mọi hình ảnh tô vẽ về ngày 30/4/1975 cùng mọi luận điệu tuyên

truyền Cộng Sản diễn tả về ý nghĩa cuộc chiến trên đất nước Việt Nam kéo dài tới tháng 4/1975.

Trước hết, miền Bắc giành chiến thắng không do tài năng lãnh đạo của đảng Cộng Sản và cũng không do tinh thần chiến đấu “*chân sắt, vai đồng*” của chiến binh Cộng Sản trước sự “*hèn kém, hoảng loạn*” của quân lực VNCH. Nguyên nhân chủ yếu đã hiện rõ là tác động tất yếu của cuộc cờ quốc tế dẫn tới sự đổi hướng của Bắc Kinh và Hoa Thịnh Đốn khiến người Mỹ không còn thấy nguy hiểm khi vùng Đông Nam Á bị nhuộm đỏ nên xoay chiều 180 độ, bỏ mặc VNCH đơn phương đối đầu với toàn khối Cộng Sản giữa tình thế kiệt quệ cả về vũ khí, đạn dược trong khi “*tàu hàng Nga Xô chở đầy ắp chiến cụ nối nhau cập bến cảng Hải Phòng*” và “*Trung Cộng gửi qua Bắc Việt 500 ngàn súng cá nhân với 90 triệu đạn, 21 ngàn súng cộng đồng với 4 triệu 500 ngàn đạn...*” như ký giả Pierre Darcourt ghi nhận. Trong tình huống này, thắng bại nghiêng về phía nào không còn là điều ngờ vực hay khó nhận ra. Bởi không có kết cục nào khác sự thất bại của phía chỉ ôm những cây súng thiếu đạn, đặc biệt là số lượng súng đó còn ít hơn số lượng súng dư đạn của đối phương với quân số ít nhất cũng đông gấp hai lần. Từ đây rõ ràng chẳng có “*đại thắng thần kỳ*” nào vì phần thắng đã là kết quả tất yếu của phía vượt trội cả về quân số lẫn vũ khí.

Trên thực tế, hồi kết chiến tranh Việt Nam đã được nhìn thấy ít nhất từ khi có hiệp định Ba Lê 1973 và chính Liên Xô, Trung Cộng đã tiếp tay thu ngắn thời gian do cơ hội giành chiến thắng hiển hiện trước mắt không chỉ bằng cách gia tăng viện trợ vũ khí mà còn đưa các phái đoàn quân sự cao cấp qua Việt Nam như tin đã loan hồi đó về phái đoàn của tướng Jukilov, tham mưu trưởng hồng quân Liên Xô, tướng Yang Yung cựu phụ tá tư lệnh chí nguyện quân Trung Cộng tại Triều Tiên.

Cũng trên thực tế, chỉ qua trận đánh Xuân Lộc, tỉnh

thần và khả năng chiến đấu của hai phía đã được phản ánh rõ ràng khi sư đoàn 18 bộ binh VNCH không những cầm chân và đẩy lui một đối phương có quân số gấp 3 lần mà còn gây tổn thất nặng nề cho đối phương.

Bên cạnh đó, tấm gương tuần tiết của nhiều tướng lĩnh, sĩ quan và binh sĩ miền Nam cho thấy chưa chắc phía chiến thắng đã có nổi mức độ tinh thần sánh ngang với họ.

Nhắc lại những chuyện này không phải để bênh vực cho quân lực VNCH mà chỉ do đòi hỏi công tâm khi nhìn lại một đoạn đường lịch sử. Tháng 4/1975, VNCH thất bại, nhưng các chiến binh miền Nam đã thể hiện tinh thần chiến đấu đến cùng trong nhiệm vụ giữ gìn hơi thở tự do cho đất nước, dù bị đẩy vào cảnh huống cùng đường. Cho nên phải khẳng định thất bại của VNCH hoàn toàn không do quân đội yếu kém, hèn nhát như đảng Cộng Sản Việt Nam bôi trát cũng không hề do tinh thần *chân sắt vai đồng* của các chiến binh Cộng Sản mà chỉ là thảm họa tất yếu do những dàn xếp của một cuộc cờ thế giới.



Kế tiếp là sự thật không thể bỏ qua về ý nghĩa đích thực của *“chiến thắng mùa Xuân 1975.”*

Cho tới nay, hết thảy tài liệu lịch sử tại Việt Nam đều gọi cuộc chiến 1955-1975 là cuộc chiến *“chống xâm lược Mỹ”* hay cuộc chiến *“giải phóng miền Nam.”* Với ý nghĩa này, dân tộc Việt Nam luôn bị đòi hỏi phải coi đảng Cộng Sản và Hồ Chí Minh là những đại ân nhân thao lược đã cứu nguy đất nước để mang lại cuộc sống ấm no hạnh phúc cho mọi người. Ngoài ra, dân tộc Việt Nam còn phải ghi nhớ công ơn Liên Xô – Trung Cộng cùng khối xã hội chủ nghĩa do *“sự giúp đỡ chí tình chí nghĩa đã dành cho Việt Nam suốt thời gian chiến đấu”* như bản tham luận của Lê Quang Lạng và Trần Tiến Hoạt ghi: *“Trong 21 năm chiến đấu, Việt Nam đã nhận được sự ủng hộ chí nghĩa, chí tình của nhân*

dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, đặc biệt là Liên Xô, Trung Quốc và các nước XHCN anh em.”

Riêng cuốn sách có tựa đề *Tổng Kết Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ, Cứu Nước – Thắng Lợi Và Bài Học* do nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia ấn hành tại Hà Nội năm 1996 viết: *“Thắng lợi của chính sách ngoại giao thời đại Hồ Chí Minh là thắng lợi của đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ; của chính sách ngoại giao trên tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, mềm dẻo, có tình, có lý. Chính vì vậy, ở vào thời điểm hai nước Liên Xô và Trung Quốc xảy ra những bất đồng quan điểm, vào lúc cuộc chiến tranh ở Việt Nam được Mỹ đẩy lên tới mức cao nhất, thì sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc cho cách mạng nước ta vẫn được bảo đảm.”*

Cần nhìn nhận các diễn giải trên đã nhắc tới một sự thật hiển nhiên là mức đóng góp to lớn của Liên Xô – Trung Cộng cùng các quốc gia cộng sản vào kết quả cuộc chiến Việt Nam. Ngay từ năm 1955, VNDCCH đã nhận được khoản viện trợ 50 ngàn tấn hàng trong đó có hơn 45 ngàn tấn vũ khí. Bỏ qua các khoản viện trợ đặc biệt vào thời điểm cuối năm 1974 đầu năm 1975 thì tính từ 1955 tới 1975, khoản viện trợ bình thường từ các quốc gia trên đã đạt gần 2 triệu 400 ngàn tấn, trong đó có ngót 1 triệu 900 ngàn tấn vũ khí.

Nhưng, khoản viện trợ khổng lồ trên có thực sự là *“sự giúp đỡ chí tình, chí nghĩa”* hay có thực sự là kết quả từ *“chính sách ngoại giao độc lập, tự chủ, trong sáng, mềm dẻo, có lý, có tình”* do Hồ Chí Minh đề ra?

Câu hỏi kế tiếp là tại sao một đất nước vừa trải gần 10 năm chiến tranh với mọi hậu quả tàn phá, đời sống nghèo đói khó khăn lại không hề được lưu tâm về các mặt sinh hoạt xã hội dân sinh mà chỉ được viện trợ tối đa về súng đạn — như các tài liệu đã cho biết trong tổng số 2 triệu 400 ngàn tấn hàng viện trợ có ngót 1 triệu 900 ngàn tấn vũ khí?

Lời giải cho các câu hỏi này đã có trong mục tiêu của Đề Tam Quốc Tế Cộng Sản qua khẳng định của các lãnh tụ Nga Xô – Trung Quốc cùng các lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam ngay từ các thập niên đầu thế kỷ trước. Trên thực tế, sau khi đoạt chính quyền tại Nga, vào năm 1922, Lê Nin đã cho tổ chức Đông Phương Cục với tham vọng cộng sản hóa Á Châu trong đó Hoa Lục và Đông Nam Á là địa bàn chiến lược đầu tiên. Thời gian này, Hồ Chí Minh đã tham gia Đề Tam Quốc Tế Cộng Sản và là một đảng viên Cộng Sản công tác tại Hoa Lục dưới quyền điều động của Đông Phương Cục từ cuối năm 1924 với nhiệm vụ tuyên truyền vận động hình thành một lực lượng cộng sản trên bán đảo Đông Dương.

Tài liệu về hoạt động của Hồ Chí Minh tại Hoa Lục thời điểm này đã nhấn mạnh về yêu cầu tuyệt đối tuân thủ nội dung nghị quyết chiến lược Đề Tam Quốc Tế Cộng Sản do Đại Hội V tháng 6/1924 đề ra được Hồ Chí Minh liên tục lập lại như sau: *“Chúng ta không bao giờ chấp nhận các phần tử dân tộc... Chúng ta chỉ lợi dụng sự bất mãn của họ để phục vụ cuộc cách mạng vô sản.”*

Mấy năm sau đó, Đông Dương Cộng Sản Đảng được thành lập nhưng trực thuộc Đảng Cộng Sản Pháp do Hồ Chí Minh xuất thân là đảng viên Cộng Sản Pháp. Phải chờ hơn một năm sau, Đề Tam Quốc Tế Cộng Sản mới đưa ra quyết định ngày 11/4/1931 nguyên văn như sau: *“Đảng Cộng Sản Đông Dương trước đây là một chi bộ của Đảng Cộng Sản Pháp, từ nay được công nhận là chi bộ độc lập trực thuộc Quốc Tế Cộng Sản.”*

Trên danh nghĩa, Đông Dương Cộng Sản Đảng được coi như độc lập, nhưng hàm nghĩa của từ độc lập trở thành hài hước qua lời Hồ Chí Minh diễn tả về nhiệm vụ của Đảng: *“Đề Tam Quốc Tế là một đảng Cộng Sản thế giới, các đảng ở các nước như là chi bộ, đều phải nghe theo kế hoạch và quy tắc chung. Việc gì chưa có lệnh và kế hoạch*

của Đệ Tam Quốc Tế thì các đảng không được làm.”

Cụ thể hơn là mục tiêu tranh đấu theo nghị quyết trung ương Đảng Cộng Sản Đông Dương tháng 3-1931 xác định như sau: *“Cuộc đấu tranh giai cấp cần được mở rộng và mọi ảnh hưởng của chủ nghĩa dân tộc phải được phá hủy tận gốc rễ.”*

Những thực chứng này cho thấy mục tiêu tranh đấu của Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản không hề liên quan đến quyền lợi đất nước cũng như nguyện vọng dân tộc. Đây không phải điều ngạc nhiên vì cho tới nay, đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn truyền nhắc phát biểu của Hồ Chí Minh khi quảng cáo cho báo Le Paria năm 1923 như *“Chỉ có chủ nghĩa Cộng Sản mới cứu nhân loại... Tất cả mọi người hãy đứng lên quanh lá cờ đỏ để chinh phục thế giới”* hay *“Chủ nghĩa Lenin là cẩm nang, địa bàn dành cho chúng ta, những người cách mạng và nhân dân; nó cũng là mặt trời rực sáng soi đường dẫn lối tới thắng lợi cuối cùng, tới xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa.”*

Ngoài ra, báo Thanh Niên của Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội do Hồ Chí Minh thành lập tại Quảng Châu, số ra ngày 20/12/1926 đã nhắc nhở hội viên phải luôn tâm niệm: *“Dân tộc chỉ là màu sắc chứ không phải bản chất... Chủ nghĩa ái quốc là điều nguy hiểm.”*

Do các thực chứng không thể chối bỏ này, chuyên gia quốc tế về các vấn đề Á Châu là Dennis J. Duncanson đã có nhận định sau: *“Phong trào cộng sản Việt Nam là một phong trào khuynh đảo phát động từ bên ngoài do Liên Xô dùng làm khí cụ khuấy phá...”* và *“Đảng Cộng Sản Đông Dương không bao giờ là lực lượng đấu tranh yêu nước mà trái lại, còn gần như chống-lại-những-người-chống-thực-dân — almost anti-anti-colonial.”*

Nhận định trên của Duncanson còn được xác định bởi bản giao kết giữa Hồ Chí Minh và Mao Trạch Đông ký ngày 12/6/1953 tại Quảng Tây trong đó có 3 điều sau:

– Điều 1: Chính phủ Trung Quốc sẽ đồng ý viện trợ vũ khí theo yêu cầu chỉ viện của quân đội nhân dân Việt Nam. Ngoài ra sẽ gửi các cố vấn, chuyên gia quân sự để giúp đỡ quân đội nhân dân Việt Nam.

– Điều 2: Đảng Lao Động do đồng chí Hồ Chí Minh lãnh đạo đồng ý sáp nhập đảng Lao Động Việt Nam là một bộ phận của đảng Cộng Sản Trung Quốc.

– Điều 3: Hai bên thống nhất Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là một bộ phận của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa với quy chế của một liên bang theo mô hình các quốc gia nằm trong Liên Bang Xô Viết ...

Qua các điều kể trên, chính Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Việt Nam đã phủ nhận sự tồn tại của đất nước Việt Nam, phủ nhận tình cảm và tinh thần yêu nước, đồng thời biến dân tộc Việt Nam thành công cụ tranh thủ mục tiêu nhuộm đỏ thế giới cho Quốc Tế Cộng Sản.

Các câu hỏi từng nêu đã có lời đáp dứt khoát là không có sự giúp đỡ *chí tình, chí nghĩa* nào, cũng không có mục tiêu nào gắn kết với nguyện vọng người dân Việt Nam như *giải phóng, thống nhất...*



Ngược lại, hết thảy các mỹ từ được vận dụng chỉ mang tính lường gạt xảo trá để lôi cuốn mọi người vào vòng chi phối tàn ác của Cộng Sản mà thôi. Tới đây, câu hỏi tại sao chỉ viện trợ tới đa về súng đạn cho một đất nước đang ngập lặn trong hố lầy nghèo đói, cực khổ cũng không cần giải đáp nữa.

Xin ghi thêm một lời nhắc của Chu Ân Lai với đại diện Cộng Sản Việt Nam theo tài liệu chính thức của Cộng Sản Việt Nam: *“Trong cuộc gặp giữa đại biểu bốn đảng cộng sản Việt Nam, Trung Quốc, Ấnô-nê-xia và Lào tại Quảng Đông tháng 9 năm 1963, thủ tướng Chu Ân Lai nói: “Nước chúng tôi thì lớn nhưng không có đường ra, cho nên rất mong Đảng Lao Động Việt Nam mở cho một con đường mới xuống Đông Nam Châu Á.”*

Và xin mượn lời Khrushchev ca tụng Hồ Chí Minh để kết thúc câu chuyện: *“Hồ Chí Minh là tông đồ nhiệt thành của tôn giáo Cộng Sản, là vị thánh của chủ nghĩa Cộng Sản... Các bạn phải tôn kính người này, hãy quỳ gối trước ông ấy để tỏ lòng biết ơn về những đóng góp vô vị lợi của ông ấy cho chính nghĩa Cộng Sản...”* với công lao cụ thể là đã vận dụng *“người dân Việt Nam đổ máu và hiến dâng sinh mạng mình cho lợi ích của phong trào cộng sản thế giới.”*

— 26/09/2012

– **Chương 16 :**

**VNCH – NẠN NHÂN CHÍNH SÁCH
“NGẬM MÁU PHUN NGƯỜI”**

Là một người trẻ, chưa một lần biết đến ngôi trường nào của Việt Nam Cộng Hòa, chưa từng sống dưới chế độ tự do non trẻ đó, tuy nhiên qua sách báo, tài liệu và nhiều nhân chứng sống, cộng với suy nghĩ của mình, tôi nhận thấy đó là một chế độ, một nhà nước khác hẳn những lời tuyên truyền cộng sản.

Một câu hỏi day dứt gần 10 năm trời đòi tôi phải tìm câu trả lời là *“Tại sao một chế độ thối nát, bị quy chụp là nguy quân, nguy quyền lại được người dân thương nhớ, tiếc nuối?”* Cuối cùng, câu trả lời cũng đã hiện ra: *“Việt Nam Cộng Hòa chỉ là nạn nhân chính sách ngậm máu phun người của đảng cộng sản Việt Nam.”*

Vì sao? Vì không có một chế độ xấu xa nào mà hàng triệu người ở hải ngoại hay vẫn ở lại trong nước đã từng sống dưới chế độ đó và thân nhân họ, thậm chí cả những người miền Bắc có tư duy đều thương tiếc. Tâm lý chung của con người là luôn muốn quên đi mọi dĩ vãng xấu xa, không tốt đẹp. Vậy khi hàng triệu người dù phải ly tán vẫn nhớ về nó thì đó không thể là điều xấu xa. Đây chính là câu trả lời chính xác nhất.

Thật ra, bất cứ xã hội nào cũng có mặt hạn chế, ngay cả nước Mỹ nhân bản và dân chủ hiện nay cũng còn nhiều điều cần sửa đổi. Việt Nam Cộng Hòa không thể là ngoại lệ.

Nhưng trong một chừng mực nhất định, những hạn chế sẽ dần dần khắc phục theo thời gian. Hơn nữa, trong cùng thời điểm lịch sử, thậm chí ngay cả với hiện tại, VNCH hiển nhiên dân chủ gấp vạn lần Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Đây là lý do đòi hỏi những người công tâm phải lên tiếng nói rõ sự thật — sự thật về một nhà nước dân chủ non trẻ và sự thật về chính sách ngấm máu phun người của đảng cộng sản Việt Nam.

Riêng tôi gửi những dòng chữ này tới bạn đọc với nỗi mong muốn:

– Với những người yêu VNCH dù đã sống hay chỉ biết đến qua sách vở thì đây là lời khẳng định chắc chắn rằng những gì họ đã yêu mến không hề nhầm lẫn.

– Với những người bị lừa dối hi sinh cho đảng cộng sản như thế hệ cha ông tôi thì đây là lời tâm sự chân tình giúp họ thật sự nhận ra bản chất của đảng CSVN và Hồ Chí Minh đã lừa dối họ bao lâu nay.

– Với những người còn vì danh vị, quyền lợi mà cố lừa bịp dân tộc thì đây là lời nhắc nhở hãy tỉnh lại đi, sự thật không thể bị bùng bít được mãi. Đừng tự lừa dối mình và lừa dối nhân dân nữa, hãy để cho lương tâm con người lên tiếng trong tâm hồn mình.

● MỸ XÂM LƯỢC VIỆT NAM?

Như đã trình bày, sự thật về cái gọi là “đại thắng mùa xuân 1975” hoàn toàn khác với luận điệu Cộng Sản tuyên truyền bịa đặt. Bởi thất bại của VNCH không do chế độ hèn kém và mất lòng dân hay do “*đảng Cộng Sản Việt Nam đã đánh thắng để quốc xâm lược Mỹ.*”

Sự việc chỉ là hậu quả tất yếu của một thế cờ quốc tế trong đó nước Mỹ cần tự cứu mình trong lĩnh vực kinh tế và cũng do chính sách nhân bản, không muốn lún sâu vào chiến tranh. Tuy nhiên, có một điều rất quan trọng cần nhìn rõ là có đúng Mỹ đã xâm lược Việt Nam như đảng CSVN

vẫn tuyên truyền?

Xin cùng duyệt lại các khía cạnh thực tế của vấn đề.

– Thứ nhất, cho đến nay dù bất cứ ai cũng có thể thấy người Mỹ không lấy của Việt Nam dù chỉ một ly đất đai hay hải đảo. Ngược lại, họ còn giúp xây dựng một Sài Gòn tự do và phồn vinh để giữ vẹn uy danh Hòn Ngọc Viễn Đông từng có, và ở thời điểm trước 1975, ngay cả Singapore hay HongKong cũng phải xếp hàng từ xa ở phía sau. Một tấc đất không chiếm, một giọt dầu cũng không trong khi còn giúp tạo xây dựng một đời sống tốt lành thì người Mỹ xâm lược gì ở Việt Nam? Trong khi đó, tương quan giữa VNDCCH với Trung Cộng thì sao? Trung Cộng đã lấy Hoàng Sa - Trường Sa “nhờ” công hàm bán nước 1958 của chủ tịch nước Hồ Chí Minh và thủ tướng Phạm Văn Đồng. Sau đó, còn hàng trăm cây số biên giới phía Bắc gồm cả ải Nam Quan, thác Bản Giốc cũng nối tiếp rơi vào tay Trung Cộng. Đó là chưa kể các chương trình thuê mướn đất đai hay khai thác bô-xit Tây Nguyên.

Ai xâm lược đây?

Hai chữ “xâm lược” như cách đảng CSVN vẫn rêu rao rõ ràng chỉ có thể dành cho “*Đồng chí 16 chữ vàng, 4 tốt, tri ân sâu nặng*” của đảng CSVN hay nói cách khác là đảng cộng sản đã ngấm máu phun người đối với người Mỹ.

– Thứ hai, nếu cứ nói Mỹ xâm lược thì có nghĩa là Mỹ phải đổ quân vào Việt Nam ít nhất cũng trước thời điểm đảng Cộng Sản có hành động đổi phỏ. Trên thực tế, ngay sau hiệp định Genève 1954, đảng Cộng Sản đã cài đặt du kích, cán bộ tại miền Nam theo kế hoạch nằm vùng, khủng bố, đồng thời rao truyền luận điệu Mỹ xâm lược, chiếm đóng miền Nam chia đôi đất nước Việt Nam. Trong bộ môn lịch sử chương trình lớp 12 tại miền Bắc, đảng cộng sản tuyên truyền: “*Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam*” thành lập ngày 20/12/1960 với mục tiêu “*đấu tranh chống quân xâm lược Mỹ và chính quyền tay sai, nhằm giải phóng miền*

Nam, thống nhất đất nước.”

Nhưng thực tế thì sao? Chính VNDCCH đã ký kết thuận chia đôi đất nước để được nắm chủ quyền tại miền Bắc và nhìn nhận miền Nam dưới chủ quyền của chính phủ Quốc Gia Việt Nam. Năm 1961, khi tổng thống Ngô Đình Diệm ký hiệp ước quân sự với Mỹ thì miền Nam mới có một số cố vấn và một ít binh sĩ Mỹ mang tính yểm trợ (US Support Troopes) với nhiệm vụ xây dựng phi trường, cầu cống, đường sá ... Mỹ chỉ đưa quân vào miền Nam từ năm 1965 sau sự kiện vịnh Bắc Bộ năm 1964 để giúp VNCH chống lại cuộc chiến đang ngày càng leo thang của cộng sản ở miền Nam. Cho đến năm 1964 cả về quân số và trang bị quân sự, VNCH không thể bằng VNDCCH. Vậy thì thời điểm sau hiệp định Genève, thậm chí tới ngày 20/12/1960, làm gì có bóng dáng lính Mỹ ở Miền Nam, làm gì đã có ai xâm lược mà chống? Đảng CSVN phải chống ai, chống cái gì vào năm 1960? Điều này cho thấy bản chất dối trá, lật lọng trong việc kích động chiến tranh phi nghĩa tại Việt Nam và việc vu khống cho người Mỹ xâm lược là phi lý.

– *Thứ ba*, hãy nghe người Liên Xô nói về việc Mỹ đổ quân vào Việt Nam để thấy anh cả của đảng CSVN biết rõ Mỹ không “xâm lược.” Tài liệu Liên Xô trong cuốn *Một Bước Đi Lớn* ⁽¹⁰⁷⁾ nói về hoạt động tình báo của Liên Xô trang 128 có đoạn: “*Người Mỹ chắc chắn không xâm lược Việt Nam như cách người Pháp thực dân làm trước năm 1945, nhưng Việt Nam phải là một trong những tiền đồn ngăn cản chủ nghĩa tư bản ở Á Châu bao gồm Bắc Triều Tiên, Trung Hoa, Afghanistan ...*”

Như thế, người Liên Xô với những con mắt lão luyện của tình báo KGB đâu có cho rằng Mỹ xâm lược và đô hộ Việt Nam như cách người Pháp thực dân. Người Liên Xô chỉ lo ngại cho chủ nghĩa cộng sản bị Mỹ đánh bại chứ họ

⁽¹⁰⁷⁾ *Nhóm tác giả KGB – Nxb. Quân Đội Liên Bang Nga xuất bản 1999.*

không nói là Mỹ xâm lược và đô hộ Việt Nam như cách cộng sản Việt Nam tuyên truyền. Nhưng chính sách ngấm máu phun người của CSVN vẫn lừa gạt hàng triệu người bỏ xác vì quyền lợi của chớp bu cộng sản do tính kích động của chiêu bài “*giải phóng dân tộc*” mà Hồ Chí Minh cùng đảng cộng sản vận động tối đa cho ý đồ nhuộm đỏ Việt Nam.

– Thứ tư, thật ra mong muốn Mỹ đổ quân vào Việt Nam để tạo cơ xuyên tạc Mỹ xâm lược cũng nằm trong âm mưu Trung Cộng chỉ đạo Hồ Chí Minh và đảng CSVN thực hiện. Cuốn *MAO: The Unknown Story* của Jung Chang và Jon Halliday⁽¹⁰⁸⁾ trang 470 có đoạn: “*Có một nơi gần Trung Quốc đã có người Mỹ, đó là Việt Nam. Cuối năm 1963, miền Nam Việt Nam có khoảng 15,000 cố vấn quân sự Mỹ. Kế hoạch của Mao là tạo tình huống buộc Mỹ phải gửi thêm quân đội vào miền Nam...*”

Như thế, Trung Cộng đã nhìn nhận là tới năm 1963 chỉ có 15000 cố vấn Mỹ tại miền Nam. Và chính Mao muốn Hồ Chí Minh “*tạo tình huống*” khiến Mỹ phải đổ quân vào Việt Nam hầu có cơ gán cho Mỹ vai trò xâm lược để dễ vận dụng chiêu bài lừa gạt “*chống xâm lược Mỹ*” nhằm che đậy ý đồ xâm lược của Cộng Sản.

– Thứ năm, một đồng minh khác của VNDCCH cũng khẳng định Mỹ không hề xâm lược Việt Nam. Tác phẩm *Đối Nghịch* in năm 2000 tại Pháp của J. Leroy, một nhà hoạt động xã hội và đảng viên đảng cộng sản Pháp từng phân tích tính đối lập của đảng cộng sản cùng các đảng phái khác với dẫn chứng cuộc chiến Việt Nam là sự đối nghịch đỉnh điểm về ý thức hệ. Trang 187 của cuốn sách có đoạn sau: “*Một cuộc chiến tại Việt Nam là điều Hoa Kỳ không mong muốn. Họ đến với Việt Nam khác hẳn lũ người độc ác của chúng ta trước đây. Nhưng họ phải đổ quân vào vì họ không muốn Liên Xô bành trướng tư tưởng Mác, Lê Nin...*”

⁽¹⁰⁸⁾ *Anchor Books và Random House xuất bản năm 2005.*

Tác giả cộng sản Pháp này rất trung thực khi đánh giá Mỹ không xâm lược Việt Nam như thực dân Pháp mà chỉ vào Việt Nam trong thế bất buộc chống lại sự bành trướng tư tưởng đỏ của Liên Xô. Đánh giá này cũng thêm một lần cáo giác tính lừa bịp trắng trợn trong luận điệu tuyên truyền cộng sản mà mọi người đã và vẫn đang nghe. Tóm lại, lời đáp cho nghi vấn Mỹ xâm lược Việt Nam đã được khẳng định bởi chính tài liệu của phía Cộng Sản là: Không!

Thêm nữa, kẻ xâm lược không thể không áp bức, không bóc lột, không chiếm đoạt tài nguyên đất đai của nạn nhân bị xâm lược. Kẻ xâm lược cũng không thể chỉ xuất hiện nhiều năm sau hoạt động “chống xâm lược” của lực lượng mệnh danh là chống xâm lược. Bởi làm sao có thể chống xâm lược từ 10 năm trước khi kẻ xâm lược xuất hiện, nhất là chống xâm lược chỉ bằng cách trút đạn bom lên đầu chính đồng bào cùng chung huyết mạch với mình.

Trên thực tế, Mỹ chỉ đổ quân vào miền Nam để giúp đồng minh VNCH chống lại tham vọng bành trướng của cộng sản độc tài, bạo ngược, và trở thành “kẻ thù” được dựng lên với mục đích lừa dối theo chiêu bài “*chống Mỹ cứu nước*.” Việc tạo ra kẻ “xâm lược” giả tưởng này cũng tương tự tấn tuồng cảnh báo về bóng ma “*thế lực thù địch*” hoặc “*hiểm họa diễn biến hòa bình*” chi phối đội ngũ đấu tranh dân chủ ở Việt Nam... theo luận điệu tuyên truyền hiện nay.

● VNCH LÀ NGỤY QUÂN, NGỤY QUYỀN?

Có thể nói ngay là nếu không có kẻ xâm lược thì làm gì có kẻ làm tay sai hay “ngụy quân, ngụy quyền.” Bởi như các ghi nhận ở trên, từ những tác giả trung lập đến ngay cả người cộng sản Pháp, Liên Xô trong các tác phẩm nghiên cứu nghiêm túc đều công nhận Mỹ không xâm lược Việt Nam mà chỉ là đồng minh của VNCH. Như vậy, có thể gán cho VNCH là tay sai bán nước, là ngụy quân, ngụy quyền

như cộng sản đã nhồi nhét vào đầu mọi người được không?

Chỉ có một lời đáp duy nhất là Không, hoàn toàn Không! Ngược lại, VNCH là một chế độ dân chủ non trẻ theo đuổi những tư tưởng và ý niệm tốt đẹp cho đời sống người dân. Chính vì thế mà Dương Thu Hương, một nữ văn sĩ miền Bắc theo đoàn quân Cộng Sản vào Sài Gòn tháng 4-1975 đã cất tiếng than: *“Đây mới là một chế độ của nền văn minh. Và thật chua chát khi nền văn minh đã thua một chế độ man rợ. Đó là sự hàm hồ và lầm lẫn của lịch sử. Đó là bài học đắt giá và nhằm lẫn lớn nhất mà dân tộc Việt Nam phạm phải...”*

Chính vì thế, cựu thủ tướng CHXHCNVN Võ Văn Kiệt phải thốt lời tự thú *“ngày 30/4 là ngày của triệu người buồn”* vì là ngày VNCH chính thức mất đi trên danh nghĩa dù mãi tồn tại trong lòng những người yêu dân chủ, tự do.

Tuy nhiên, để xét rõ vấn đề hơn vẫn cần nhìn qua hai lãnh vực sinh hoạt chủ yếu là kinh tế và xã hội coi chế độ VNCH đã mang lại được gì cho đời sống người dân cùng những điều gọi là thành quả tốt đẹp do chế độ XHCN mang lại cho đất nước Việt Nam.

01.– Sinh hoạt kinh tế tại VNCH và VNDCCH:

Miền Nam từ 1955 tới 1975 trải hai chế độ Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa. Gần trọn thời gian đó, cụ thể là từ 1955 tới 1965 miền Bắc hoàn toàn thanh bình để xây dựng xã hội trong khi miền Nam không lúc nào yên ổn. Ngay từ năm 1957, cán bộ Cộng Sản nắm vùng đã khởi sự phá hoại, khủng bố tại nông thôn bằng các hành động đặt bom phá đường, giạt cầu, ám sát các viên chức địa phương... như tài liệu Đảng Cộng Sản ghi *“tới năm 1959 đã có thêm 6000 cán bộ tập kết được bí mật đưa trở về miền Nam”* và thành tích khuấy động là *“1700 viên chức nguy quyền bị hạ năm 1959 và năm 1960 có 4000 tên đến tội”*... Không lâu sau đó, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam được thành lập đẩy miền Nam

vào tình trạng chiến tranh. Dù vậy, miền Nam vẫn phát triển theo hướng tạo dựng và duy trì một đời sống ổn định về mặt kinh tế cho người dân. Xin cùng nhìn lại một số tài liệu để thấy sự thật qua 4 giai đoạn diễn biến.

- Giai đoạn 1954-1956: Công nghiệp khá nghèo nàn với số lượng nhà máy ít ỏi có từ thời Pháp thuộc.

- Giai đoạn 1957-1967: Bùng nổ công nghiệp nhờ chính sách công nghiệp tích cực của chính quyền và nhờ các biện pháp bảo hộ nền công nghiệp trong nước.

- Giai đoạn 1967-1972: Phân hóa rõ rệt giữa các phân ngành. Các phân ngành như sản xuất đường và dệt không được bảo vệ nên bị hàng ngoại tràn ngập bóp chết. Trong khi đó, các ngành như chế biến thực phẩm phục vụ quân nhu, chế biến gỗ, vật liệu xây dựng phát triển mạnh. Đặc biệt, ngành luyện kim phát triển rất nhanh mặc dù miền Nam không có mỏ kim loại.

Chính phế thải kim loại của chiến tranh là nguồn nguyên liệu dồi dào và rẻ cho ngành luyện kim. Do ngành luyện kim phát triển, ngành gia công kim loại cũng phát triển vượt bậc.

- Giai đoạn sau 1972: Các ngành luyện kim và điện tiếp tục phát triển với nhiều nhà máy mới được xây dựng nhưng các ngành sản xuất vật liệu xây dựng suy giảm. Cơ cấu công nghiệp VNCH thời điểm 1973 cho thấy công nghiệp chủ yếu là công nghiệp nhẹ. Công nghiệp nặng và hóa chất mới ở trình độ sơ khai. Nguyên liệu cho ngành chế tạo chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài. Đặc biệt năm 1973, chính phủ đã tổ chức 2 vòng đấu thầu khai thác dầu lửa ngoài khơi thềm lục địa. Nhiều công ty khai thác dầu lửa nước ngoài đã tham gia, bất chấp tình hình an ninh chưa ổn định. Chính phủ cấp giấy phép cho 6 tổ hợp công ty khai thác 13 địa điểm trong một khu vực 82.000 cây số vuông bằng 16% diện tích thềm lục địa. Tháng 10-1974, hãng Mobil khoan mỏ Bạch Hổ tại lô 04-TLD, tìm được dầu dưới

độ sâu trên 2,7 km. Theo ước tính, cuối năm 1975 sẽ có ít nhất 20 giàn khoan, bắt đầu sản xuất một lượng dầu khả quan muộn lắm là vào cuối năm 1977. Các công ty đề nghị hai điểm: thứ nhất, cho công ty đào ngay mà không qua thủ tục đấu thầu, hành chánh; thứ hai, dầu khai thác được sẽ chia đôi, một nửa cho công ty, một nửa cho chính phủ. Sau 1975, các mỏ dầu này do liên doanh Vietsopetro của CHXHCNVN quản lý và khai thác.

Bức chân dung tổng quát trên không phải các màu sắc tô vẽ do ý riêng, cũng không phải nét họa theo tưởng tượng mà có thể kiểm tra bằng nhiều thực chứng.

– Thứ nhất là các số liệu và nhận xét đã có về nền kinh tế VNCH như sau : *“Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đã tích cực triển khai chiến lược công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu. Các hàng rào thuế quan và phi thuế quan được dựng lên để bảo hộ một loạt ngành công nghiệp nhẹ. Kết quả phải kể đến nhà máy giấy đầu tiên ở Việt Nam: nhà máy giấy Cogido An Hảo (1961) ở Biên Hòa, thỏa mãn 30-40% nhu cầu tiêu thụ giấy trong nước; hai xưởng dệt Vinatexco và Vimytex với năng suất 13,2 triệu mét vải mỗi năm; nhà máy thủy tinh Khánh Hội năng suất 15.000 tấn/năm; hai nhà máy xi măng, một ở Hà Tiên, một ở Thủ Đức với năng suất 540.000 tấn mỗi năm; và đập thủy điện Đa Nhim, hoàn thành năm 1961. Đồng thời, các loại máy móc, kim loại — những đầu vào cho các ngành được bảo hộ — được ưu tiên nhập khẩu. Trong khi hạn chế nhập khẩu, xuất khẩu được khuyến khích. Một số mặt hàng xuất khẩu còn được chính quyền trợ cấp. Ngay cả tỷ giá hối đoái cũng được điều chỉnh thuận lợi cho xuất khẩu (thông qua trừ đi một mức phụ đảm).*

Ở nông thôn thì Cải Cách Ruộng Đất (lúc đó gọi là Cải Cách Điền Địa) được triển khai từ năm 1955 và kéo dài tới cuối năm 1960. Những ruộng đất của địa chủ bỏ hoang sẽ bị thu hồi và cấp cho tá điền. Địa chủ không được phép

sở hữu quá 100 hecta đất (riêng các đồn điền dù hơn 100 ha vẫn được phép). Số dư ngoài 100 ha sẽ bị buộc phải bán cho chính quyền để bán lại cho tá điền. Tá điền được yêu cầu lập hợp đồng khai thác ruộng đất với địa chủ, gọi là khế ước tá điền trong đó có ghi mức địa tô mà tá điền phải trả cho địa chủ. Thời hạn khế ước là 5 năm, có tái ký. Tá điền có quyền trả đất và phải báo trước chủ đất 6 tháng.”⁽¹⁰⁹⁾

Theo “số liệu kinh tế - GDP”, thu nhập bình quân ở miền Nam trước 1975 là 190 USD. Thu nhập này so với hiện nay chắc chắn khá thấp nhưng vào thời đó đã cao hơn thu nhập ở các nước Á Châu như Bangladesh, Pakistan, Ấn Độ, Thái Lan... Trong khi ngót 40 năm sau, GDP bình quân hiện nay tại Việt Nam là khoảng 1100 USD mới chỉ bằng ¼ GDP bình quân 4000 USD của Thái Lan. Như vậy rõ ràng chỉ tồn tại một thời gian ngắn, VNCH đã đạt mức phát triển kinh tế vượt xa lân bang, ngược lại CHXHCN VN nắm quyền một thời gian dài gấp hơn hai lần và ở thời hậu chiến lại tụt hậu thê thảm so với chính các nước lân bang từng xếp hạng sau VNCH thuở nào.

– Thứ hai, đầu thập niên 1950 nền kinh tế Đài Loan gần như không có gì đáng kể, nhưng mức GDP bình quân ở Đài Loan năm 1960 đã đạt 170 USD tức ở sau miền Nam Việt Nam. Nhưng năm 2010, mức GDP bình quân ở Đài Loan là 37.000 USD và đạt mức dự trữ ngoại tệ 400 tỉ USD. Tương tự, kinh tế Hàn quốc thua xa miền Nam trong thập niên 1950, nhưng năm 2010 mức GDP bình quân ở Hàn quốc là 20.757 USD, mức dự trữ ngoại tệ là 311 tỉ USD, còn Singapore tự trị năm 1959 là quốc gia nghèo, nhỏ bé, thiếu tài nguyên, thua miền Nam về mọi lĩnh vực vào thời đó, nhưng năm 2010 đã có GDP bình quân 43.000 USD và đạt mức dự trữ ngoại tệ 300 tỉ USD.

⁽¹⁰⁹⁾ http://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_tế_Việt_Nam_Cộng_Hòa

Đây là những con số thống kê từ *Tạp chí Kinh Tế Châu Á* năm 2010. Qua những con số biết nói này, rõ ràng các quốc gia thua kém VNCH trước thời điểm 1975 đã là những quốc gia vượt xa CHXHCNVN hàng trăm lần hiện nay về phát triển kinh tế.

Như vậy, giả dụ VNCH còn tồn tại thì nền kinh tế Việt Nam có phải chạy ngược về phía sau để đẩy đời sống người dân vào cảnh huống bị vây hãm ngặt nghèo giữa trăm ngàn khốn khó như hiện nay không?

– Thứ ba, đa phần dân chúng miền Nam thời đó sống ở nông thôn, làm nghề nông là chính. Với chương trình Người Cày Có Ruộng đầu thập niên 1970, chính phủ đã chia hàng triệu mẫu ruộng cho nông dân. Đời sống dân chúng nhờ đó cải thiện đáng kể. Về kỹ nghệ, miền Nam chưa có nhiều công nghiệp nặng, nhưng tiểu thủ công nghệ phát triển mạnh. Các ngành dệt vải, kim khí điện máy khá xôm tụ. Thương mại và các hoạt động tiểu thương cũng sầm uất. Nhiều sản phẩm nội địa được ưa chuộng như kem đánh răng Hynos, xà bông Cô Ba, bột giặt Viso...

Điều này còn cho thấy người tiêu thụ miền Nam thời đó có tinh thần yểm trợ hàng nội hóa khá cao.

Một thế mạnh khác của VNCH là đội ngũ trí thức, kỹ sư, cán sự được huấn luyện kỹ lưỡng, làm việc tận tâm. Về mặt này, VNCH cũng vượt xa các lân bang cùng thời như Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Singapore... Có thống kê cho thấy tỉ lệ 3/4 kỹ sư trong toàn vùng khi đó là công dân Nam Việt Nam. Năm 1961, kỹ sư miền Nam tiếp tục đón nhận nhà máy thủy điện Đa Nhim từ Nhật.

Thời điểm này, các chuyên gia miền Nam đã mạnh nha dự án khu chế biến lọc dầu Dung Quất ngày nay. Nguồn chuyên viên lành nghề, mẫn cán còn giúp thực thi các kế hoạch khai triển nhiều khu kỹ nghệ như Khu Kỹ Nghệ Biên Hòa, Khu Kỹ Nghệ Phong Dinh... Khi tin về mỏ dầu ở Vũng Tàu loan ra, VNCH cũng có đủ chuyên viên thiết lập

ngay Tổng Cục Dầu Hỏa, còn Trung Tâm Nguyên Tử Năng Đà Lạt hoạt động từ thời Đế Nhất Cộng Hòa do kiến trúc sư Ngô Viết Thụ vẽ mẫu thiết kế.

– Thứ tư, cuốn *Lịch Sử Kinh Tế Việt Nam 1945-2000*, xuất bản tại Hà Nội năm 2004 viết về miền Nam giai đoạn 1955-1975 cho biết: “Năm 1973 nông dân thu hoạch gần 5 triệu tấn gạo, gần đủ cho nhu cầu quốc nội. Ước lượng sang 1976 có thặng dư để xuất cảng. Cũng có kế hoạch xuất cảng tôm lên đến 30 triệu USD năm 1975. Về hạ tầng cơ sở, đến đầu 1970, Việt Nam Cộng Hòa có trên 1,200 cây số đường xe lửa, khoảng 20,000 điện thoại, 50 đài phát thanh và 4 đài truyền hình lớn ở Sài Gòn, Huế, Quy Nhơn và Cần Thơ. Cuối thập niên 1950, VNCH xây xa lộ Biên Hòa ở phía Bắc Sài Gòn, là công trình giao thông công cộng có thể nói tân tiến nhất toàn vùng Đông Nam Á khi đó... Có thể kể thêm nhà máy giấy Cogido An Hảo (1961, Biên Hòa) có lúc sản xuất giấy đủ đến 40% nhu cầu nội địa. Hai xưởng dệt Vinatexco và Vimytex trình làng hơn 13 triệu mét vải hằng năm. Hai nhà máy xi măng, một ở Hà Tiên và một ở Thủ Đức cho ra lò hơn 540,000 tấn mỗi năm...”

Các con số mà đảng cộng sản phải công nhận đủ nói lên thực tế không thể chối bỏ là VNCH có một nền kinh tế tự do phát triển ổn định.

Ngoài các con số trên, nhiều người sống ở miền Nam thuở trước hẳn còn nhớ chiếc xe La Dalat, biểu tượng của công nghệ xe hơi non trẻ. Thời điểm đó sáng lập viên hãng Hyundai mới chỉ là tiểu thương tại Hàn Quốc. Dù lắp ráp với nhiều phụ tùng ngoại nhập, La Dalat vẫn là chiếc xe hơi đầu tiên mang nhãn “Made in Vietnam” theo mẫu mã riêng của Việt Nam.

Trước 1975, 11 dàn máy tính IBM360 hiện đại đã được đưa về Bộ Tổng Tham Mưu và Bộ Giáo Dục. Lúc đó, toàn vùng Đông Nam Á chỉ có Singapore sắm được vốn... 1 chiếc máy tương tự.

– Thứ năm là cái nhìn từ phía Trung Cộng về kinh tế miền Nam Việt Nam. Hà Cẩn trong tác phẩm *Mao Chủ Tịch Của Tôi* từng viết: “*Miền Nam Việt Nam có nền kinh tế phát triển, đó là điều bất lợi cho chúng ta...*” Phát biểu của Hà Cẩn chỉ nhằm diễn tả một thực tế bất lợi cho mục tiêu nhuộm đỏ Đông Dương và cũng là một trở lực cho âm mưu Hán hóa vùng đất này của Trung Cộng. Nhưng phát biểu đó đã khẳng định sự thật về nền kinh tế phát triển của Việt Nam Cộng Hòa hay nói khác đi là Việt Nam Cộng Hòa đã thực sự chu toàn trách nhiệm xây dựng và vun bồi cho cuộc sống ổn định của người dân về phương diện vật chất.

Một câu hỏi không thể tránh là cùng thời điểm đó, đảng Cộng Sản Việt Nam và Hồ Chí Minh đã đạt những thành quả tốt đẹp nào trong công cuộc xây dựng xã hội và thực hiện trách nhiệm chăm lo cho đời sống người dân tại miền Bắc? Câu trả lời có thể dễ dàng tìm thấy qua những ghi nhận về các sự việc tiêu biểu mà đảng CSVN vẫn nhắc nhở như thành tích vẻ vang đã đạt được.

– Thứ nhất là chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất mà chính Hồ Chí Minh diễn tả là “*một cuộc cách mạng long trời lở đất*”, “*một thắng lợi vô cùng to lớn... nhờ Đảng và Chính Phủ ta có chính sách đúng đắn...*” ⁽¹¹⁰⁾

Bỏ qua mọi thâm kích chém giết man rợ để chỉ thu gọn tầm nhìn vào hiệu quả đóng góp cho đời sống người dân để thấy rõ tính chất “*đúng đắn*” và “*thắng lợi to lớn*” mà Hồ Chí Minh diễn tả là thế nào. Một cách tổng quát, toàn bộ chiến dịch đã đạt thành quả cụ thể với các con số thống kê chính thức như sau: “*Tổng cộng chiến dịch Giảm Tô tịch thu của địa chủ, phú nông 31.110 tấn thóc tô, 15.475 ha ruộng, 8.246 trâu bò. Tổng cộng chiến dịch Cải Cách Ruộng Đất tịch thu của địa chủ 810.000 ha ruộng, 106.448 trâu bò, 1.846.000 nông cụ, 148.565 ngôi nhà. Số*

⁽¹¹⁰⁾ *Hồ Chí Minh Toàn Tập – tập 7, tr. 507.*

tài sản này được phân chia cho 2.104.138 hộ bản nông, trung bình mỗi hộ được 0,38 ha, 0,87 nông cụ, 0,071 ngôi nhà.”⁽¹¹¹⁾

Thu nhập bình quân đầu người ở các hộ xã viên hợp tác xã nông nghiệp có sự bất bình thường về cơ cấu. Trong tổng thu nhập của họ, khoản thu nhập trong hợp tác xã nhỏ hơn thu nhập ngoài hợp tác xã, trong khi 95% ruộng đất và toàn bộ công cụ sản xuất (trâu, bò, cày, bừa...) đều nhập vào tập thể. Phần 5% ruộng đất chia về các hộ chỉ nhằm tạo thêm thu nhập phụ và thường là những thửa ruộng đầu thừa đuôi thẹo. Cuốn *Những Điều Cần Nhìn Lại Sau CCRĐ* do nhà xuất bản Văn Hóa của Đảng CSVN ấn hành đã ghi:

“Năm 1961: Tổng thu nhập bình quân đầu người là 11,50 đồng/tháng, trong đó thu nhập trong hợp tác xã là 4,5 đồng, còn thu nhập ngoài hợp tác xã là 7,0 đồng.”

Ngoài ra, theo Bernard Fall, một gia đình bốn người cần ít nhất 1,5 mẫu tây tức 15 mét vuông để bảo đảm đời sống, chưa kể số thuế nông nghiệp phải đóng hằng năm, nhưng trên thực tế mỗi hộ chỉ được chia 3800 mét vuông.

– Thứ hai, kể cả sau khi kết thúc CCRĐ, nền kinh tế VNDCCH không sáng sủa và kém xa so với VNCH. Cuốn sách của Ruslan Kobachenko, đảng viên cộng sản Liên Xô và là nhà giáo Nga chuyên nghiên cứu về lịch sử Châu Á từng giảng dạy tại đại học Minsk, Nga, do nhà xuất bản Lịch Sử của Liên Bang Nga xuất bản năm 1995 trang 197 viết: *“So với Miền Nam thì người đồng chí Miền Bắc của chúng ta chịu thua kém nhiều về kinh tế. Chúng ta đã nhận ra điều này như là một yếu điểm cần phải được sửa chữa của lãnh đạo Miền Bắc mà đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhưng thật khó làm điều này vì kinh tế Miền Bắc rất lạc hậu và theo mô hình của Trung Hoa...”*

Đoạn trích cho thấy chuyên gia Nga đã khẳng định

⁽¹¹¹⁾ ://vi.wikipedia.org/wiki/Cải_cách_ruộng_đất_tại_miền_Bắc_Việt_Nam

nền kinh tế VNDCCH không bằng VNCH do lạc hậu và theo mô hình Trung Cộng và chuyên gia Nga đã gián tiếp tổ giác luận điệu của đảng CSVN về miền Nam bị “kìm kẹp” chỉ là sự bịa đặt mang tính ngậm máu phun người đối với VNCH. Sự thật này cũng được chứng minh bằng các con số nêu trong sách *Lịch Sử Kinh Tế Việt Nam 1945-2000* qua phần viết về kinh tế VNDCCH giai đoạn 1955-1975 như sau: “Cho đến 1973 nông dân miền Bắc sản xuất gần 4 triệu tấn gạo, chưa đủ chi dùng cho nhân dân và vẫn phải nhận viện trợ từ Trung Quốc, Liên Xô bột mì, bôbo... Về hạ tầng cơ sở, đến đầu 1972, VNDCCH chỉ có trên 500 cây số đường xe lửa, điện thoại chỉ có trong cơ quan nhà nước, 2 đài phát thanh, chưa có máy điện toán...”

Chỉ cần đối chiếu những con số trên với những con số cùng loại và cùng thời điểm tại miền Nam, sự thật đã hiện hình là thủ phạm kìm kẹp đời sống người dân không thể là VNCH mà chính là VNDCCH. Tiếng nói trung thực của những con số cho thấy VNCH đã nỗ lực phát triển theo hướng tạo dựng đời sống no ấm cho nhân dân trong khi VNDCCH suốt 20 năm độc chiếm quyền lực lại đẩy người dân vào cảnh ngộ không kiếm đủ miếng cơm phải trông nhờ vào bột mì, bô bo từ Liên Xô, Trung Cộng để cầm hơi.

02.– Sinh hoạt xã hội tại VNCH và VNDCCH.

Nếu trong lãnh vực kinh tế, VNDCCH không thể so nổi với VNCH thì trong lãnh vực xã hội, thực tế đời sống đã biểu lộ ra sao về các phương diện văn hóa, giáo dục, chính trị... tại hai miền Nam – Bắc?

– Thứ nhất, điểm khác biệt rõ nhất của VNCH so với VNDCCH biểu hiện qua sự tôn trọng mọi quyền tự do căn bản của người dân mình định tính chính danh của tinh thần dân chủ. Thực tế minh chứng cho điều này là hoạt động của những thành phần cộng sản nằm vùng trong lòng VNCH như Huỳnh Tấn Mẫm, Lê Hiếu Đằng...



Đường phố Hà Nội



Đường phố Sài Gòn



Máy tính IBM thời VNCH ↑
& Xe hơi La DaLat →

*NHỮNG SỰ THẬT CẦN PHẢI BIẾT * 303*



Biểu tình tại VNCH ↑

↓ Biểu tình tại CHXHCNVN

Chính quyền VNCH biết rõ họ là cộng sản và biết họ hành động chống chính quyền, nhưng họ vẫn được biểu tình, kích động dân chúng theo cộng sản. Điều này trái ngược hẳn với quyền tự do bị chà đạp của nhân dân yêu nước khi tham gia biểu tình chống Trung Cộng xâm lược...

Ngoài ra, các bài hát phản chiến của Trịnh Công Sơn vẫn được phép tồn tại, thậm chí các bài hát có nội dung lăng

mạn bị đảng cộng sản triệt để cấm đoán vẫn được tự do ca hát tại miền Nam.

Từ đây không thể phủ nhận VNCH tôn trọng quyền tự do tư tưởng và thưởng thức âm nhạc của nhân dân. Xin lấy một ví dụ: Bài hát “*Những đôi hoa sim*” bắt nguồn từ một nhà thơ miền Bắc là Hữu Loan cũng là người theo đảng cộng sản trước khi về quê ở ẩn do không chấp nhận sự thối nát của cộng sản, vẫn được các nhạc sĩ VNCH phổ biến và tự do ca hát.

Ngược lại VNDCCH thì tuyên truyền “*Không nghe, không dùng văn hóa của Ngụy*” với những bài hát, bài thơ miền Nam dù là những bài hoàn toàn mang tính nhân văn không hề truyền tải ý đồ chính trị nào. Nạn nhân của những nghệ sĩ trong chế độ VNDCCH nhiều vô kể như nhạc sĩ Tô Hải, hay nạn nhân của cái gọi là “*phản cách mạng*” Nhân Văn - Giai Phẩm. Trong khi đó VNCH không có cuộc thanh trừng nào như vậy, và quan trọng hơn cả là VNCH không hề có cuộc “*cách mạng*” nào thực chất là CẮT MẠNG người như Cải Cách Ruộng Đất long trời lở đất.

Cuốn sách nghiên cứu khá sâu sắc về quốc tế cộng sản là cuốn *Chủ Thuyết Của Chúng Ta* của tác giả A. Schenaldor, học giả và đảng viên cộng sản CHDC Đức, ấn hành năm 1981 tại Đông Đức trang 189 viết: “*Nếu cứ tự do như VNCH thì VNDCCH sẽ bị đánh mất chủ thuyết của mình ...*” Tác giả này đã công nhận VNCH có tự do về tư tưởng và VNDCCH thì ngược lại rất độc tài và quân phiệt chỉ cố thống trị nhân dân ta, đẩy nhân dân ta đến cuộc chiến huynh đệ tương tàn nhằm giữ vững “*chủ thuyết cộng sản sai lầm*” và quyền lực của họ.

Chỉ qua câu *Tổ Quốc - Danh Dự - Trách Nhiệm* (1954-1967) và *Tổ Quốc - Công Minh - Liêm Chính* (1967-1975) của Việt Nam Cộng Hòa đặt Tổ Quốc lên trên hết đã thấy khác hẳn với câu “*Trung với Đảng, hiếu với dân*” của VNDCCH và CHXHCNVN đặt lợi ích đảng cộng sản trên

cả nhân dân và chẳng thấy bóng dáng Tổ Quốc ở đâu.

– Thứ hai, nền giáo dục Việt Nam Cộng Hòa theo chiều hướng giáo dục nhân bản, dân tộc và khai phóng. Hiến pháp VNCH nhấn mạnh quyền tự do giáo dục và xác định *“những người có khả năng mà không có phương tiện sẽ được nâng đỡ để theo đuổi học vấn.”* Hệ thống giáo dục VNCH gồm ba bậc tiểu học, trung học, đại học với một mạng lưới cơ sở giáo dục công lập, dân lập ở cả ba bậc và hệ thống tổ chức quản trị từ trung ương tới địa phương.

Điều này được minh chứng bằng việc số lượng đông đảo học sinh và học sinh các trường công lập dưới chế độ VNCH không phải đóng học phí. Cuốn *Giáo Dục Việt Nam* do nhà xuất bản Giáo Dục của đảng cộng sản Việt Nam ấn hành năm 2001 đã ghi nhiều con số về học sinh miền Nam. Niên khóa 1973-1974, 20% dân số VNCH là học sinh và sinh viên đang đi học trong các cơ sở giáo dục. Con số này bao gồm 3 triệu 101 ngàn 560 học sinh tiểu học, 1 triệu 091 ngàn 779 học sinh trung học và 101 ngàn 454 sinh viên đại học; số người biết đọc biết viết ước tính khoảng 70% dân số. Năm 1975, tổng số sinh viên tại các viện đại học miền Nam là khoảng 150.000 người, không kể số sinh viên theo học ở Học Viện Quốc Gia Hành Chính và ở các trường đại học cộng đồng.

Năm 1958, dưới thời bộ trưởng Quốc Gia Giáo Dục Trần Hữu Thế, Việt Nam Cộng Hòa họp Đại Hội Giáo Dục Quốc Gia lần I tại Sài Gòn. Đại hội quy tụ nhiều phụ huynh học sinh, thân hào nhân sĩ, học giả, đại diện của quân đội, chính quyền, các tổ chức quần chúng và đại diện ngành văn hóa giáo dục các cấp từ tiểu học đến đại học, từ phổ thông đến kỹ thuật...Ba nguyên tắc “nhân bản”, “dân tộc”, “khai phóng” được chính thức hóa ở hội nghị này. Đây là những nguyên tắc nền tảng cho triết lý giáo dục của VNCH được ghi cụ thể trong tài liệu *Những Nguyên Tắc Căn Bản* do Bộ Quốc Gia Giáo Dục VNCH ấn hành năm 1959 và sau đó

trong Hiến Pháp Việt Nam Cộng Hòa 1967.

Văn bản phụ lục của hiến pháp VNCH ghi rõ:

“Giáo dục Việt Nam là giáo dục nhân bản. Triết lý nhân bản chủ trương con người có địa vị quan trọng trong thế gian này, lấy con người làm gốc, lấy cuộc sống của con người trong cuộc đời này làm căn bản, xem con người như một cứu cánh chứ không phải như một phương tiện hay công cụ phục vụ cho mục tiêu của bất cứ cá nhân, đảng phái, hay tổ chức nào khác. Triết lý nhân bản chấp nhận có sự khác biệt giữa các cá nhân, nhưng không chấp nhận việc xử dụng sự khác biệt đó để đánh giá con người, và không chấp nhận sự kỳ thị hay phân biệt giàu nghèo, địa phương, tôn giáo, chủng tộc... Với triết lý nhân bản, mọi người có giá trị như nhau và đều có quyền được hưởng những cơ hội đồng đều về giáo dục.

Giáo dục Việt Nam là giáo dục dân tộc. Giáo dục tôn trọng giá trị truyền thống của dân tộc trong mọi sinh hoạt liên hệ tới gia đình, nghề nghiệp, và quốc gia. Giáo dục phải bảo tồn và phát huy được những tinh hoa hay những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc. Dân tộc tính trong văn hóa cần phải được các thế hệ biết đến, bảo tồn và phát huy, để không bị mất đi hay tan biến trong những nền văn hóa khác.

Giáo dục Việt Nam là giáo dục khai phóng. Tinh thần dân tộc không nhất thiết phải bảo thủ, không nhất thiết phải đóng cửa. Ngược lại, giáo dục phải mở rộng, tiếp nhận những kiến thức khoa học kỹ thuật tân tiến trên thế giới, tiếp nhận tinh thần dân chủ, phát triển xã hội, giá trị văn hóa nhân loại để góp phần vào việc hiện đại hóa quốc gia và xã hội, làm cho xã hội tiến bộ tiếp cận với văn minh thế giới.”

Trong khi đó, tại VNDCCH, học sinh bị nhồi nhét luận điệu Mỹ “xâm lược” mà thực tế không phải vậy, “bác Hồ yêu nước, cả đời vì nước vì non” mà thực tế ngược lại. –

nghư hàng trăm ngàn tư liệu, bằng chứng sống đã chứng minh. Hơn nữa là “*yêu nước là phải yêu đảng cộng sản*” một định nghĩa dốt nát và ấu trĩ.

Những bài thơ như thơ Tố Hữu với những câu như “*Giết, giết nữa...*” được nhà trường VNDCCH gieo vào đầu con trẻ ý tưởng giết người ngược hẳn với xu thế nhân bản của thế giới nói chung và VNCH nói riêng. Website Sở Giáo Dục Đào Tạo tỉnh Hà Nam có bài nói về Hồ Chí Minh gửi thư cho học sinh nhân ngày 1/6 ⁽¹¹²⁾ và báo Sự Thật, số 134 ngày 1/6/1950, đăng bức thư gửi thiếu nhi toàn quốc nhân ngày 1/6 của Hồ Chí Minh viết: “...Ở các nước tư bản, cha mẹ là người lao động bị bóc lột, thì trẻ con cũng bị bóc lột, phải chịu cực khổ.” Điều này vạch rõ đảng CSVN và Hồ Chí Minh đã bịa đặt trắng trợn về cuộc sống trẻ em ở những nước dân chủ trong đó có Mỹ và VNCH là bị “bóc lột.” Nhớ lại lớp người trẻ bị buộc phải cầm súng khi chưa đủ tuổi thành niên thời trước hay cảnh tượng trẻ em ở Việt Nam hiện nay đang làm nô lệ tình dục, nô lệ lao động... chỉ thấy dụng tâm tuyên truyền bịa đặt của cộng sản nhằm đưa đến một ý thức lệch lạc cho nhân dân.

– Thứ ba, từ ngày 7 đến 28-6-1975, tức sáu tuần sau sự kiện ngày 30-4, Arthur W. Galston, giáo sư sinh học ở Viện Đại Học Yale, viếng thăm miền Bắc Việt Nam lúc đó vẫn là VNDCCH. Theo tạp chí Science số ra ngày 29-8-1975 thì một trong những chủ đề khiến các nhà lãnh đạo miền Bắc bận tâm lúc đó là vấn đề thống nhất với miền Nam qua tường trình của Galston như sau:

“Việc thống nhất trong lĩnh vực khoa học và giáo dục có lẽ sẽ có nhiều khó khăn vì hai miền đã phát triển theo hai chiều hướng khác nhau trong nhiều thập niên. Nhưng dù cho có nhiều khó khăn, Galston nhận thấy các nhà lãnh đạo miền Bắc công khai bày tỏ sự ngưỡng mộ đối với nhiều đặc

⁽¹¹²⁾ <http://phuly.edu.vn/bacho/chuyen83.htm>

điểm của nền khoa học và giáo dục ở miền Nam; họ dự định kết hợp những đặc điểm này vào miền Bắc khi quá trình thống nhất đang được thảo luận sôi nổi vào lúc đó thực sự diễn ra.”

Giới lãnh đạo miền Bắc được Galston nhắc trong bài là Nguyễn Văn Hiệu, viện trưởng Viện Khoa Học Việt Nam và Phạm Văn Đồng, thủ tướng VNDCCH, đều quan tâm đến hệ thống giáo dục, đặc biệt “*nhấn mạnh đến các ngành kỹ thuật và điện tử cùng hệ thống các trường đại học cộng đồng hệ hai năm đã thiết lập ở miền Nam — Nguyên văn: the widespread educational emphasis on engineering and electronics and the system of two-year, community colleges.*”

Như vậy, ngay đảng cộng sản cũng phải thừa nhận nền giáo dục VNCH chính là cái gương cho họ tự soi vào. Nhưng thực chất họ chỉ nói nhưng không làm vì chủ đích duy trì tình trạng ngu dân hầu củng cố vị thế độc tài. Một đảng viên Cộng Sản từng giữ chức phó chủ tịch Hội Đồng Nhân Dân thành phố Đà Lạt trong thời CHXHCNVN là Mai Thái Lĩnh, cựu sinh viên Viện Đại Học Đà Lạt đã có lời chứng và đánh giá về nền giáo dục VNCH như sau: “*Tôi là con của một cán bộ Việt Minh – tham gia Cách Mạng tháng Tám tại Lâm Đồng sau đó tập kết ra miền Bắc. Chế độ Việt Nam Cộng Hòa lúc đó biết lý lịch của tôi, nhưng vẫn không phân biệt đối xử, cho nên tôi vẫn có thể học hành đến nơi đến chốn. Tính chất tốt đẹp của nền giáo dục cũ của miền Nam là điều tôi công khai thừa nhận, vì vậy suốt 14 năm phục vụ trong ngành giáo dục “xã hội chủ nghĩa” (1975-1989), tôi bị người ta gán cho đủ thứ nhãn hiệu, chụp cho nhiều thứ mũ chỉ vì tôi nêu rõ những ưu điểm của nền giáo dục cũ cần phải học hỏi. Chính là do thừa hưởng nền giáo dục đó của miền Nam mà tôi có được tính độc lập trong tư duy, không bao giờ chịu nô lệ về tư tưởng...”*

Ngoài ra, nhà phê bình văn học Thụy Khuê đã viết:

“Có thể nói, trong suốt thời gian chia đôi đất nước, mặc dù với những tệ nạn của xã hội chiến tranh, tham nhũng; miền Nam vẫn có một hệ thống giáo dục đứng đắn. Trong chương trình giáo khoa, các giai đoạn lịch sử và văn học đều được giảng dạy đầy đủ, không thiên hướng. Ở bậc trung học, học sinh gặt hái những kiến thức đại cương về sử, về văn, và tới trình độ tú tài, thu thập những khái niệm đầu tiên về triết học. Lên đại học, sinh viên văn khoa có dịp học hỏi và đào sâu thêm về những trào lưu tư tưởng Đông Tây, đồng thời đọc và hiểu được văn học nước ngoài qua một nền dịch thuật đáng tin cậy, dịch được những sách cơ bản.”

– Thứ tư, ngay từ thời điểm 1960-70, cấu trúc của chính phủ VNCH đã đầy đủ chuẩn mực, khuôn mẫu của một đất nước văn minh hiện nay với các vai trò Tổng Thống và Lưỡng Viện Quốc Hội. Bên cạnh đó là một nền tự do báo chí thật sự với hơn 50 tờ báo tư nhân xuất bản tại Sài Gòn chưa kể đủ loại tạp chí ở nhiều tỉnh so với ngày nay không có tờ báo tư nhân nào sau gần 70 năm trời chứ không nói đến VNDCCH cùng thời điểm.

Dưới thời đệ nhất Cộng Hòa, chính quyền của tổng thống Ngô Đình Diệm đi theo chủ nghĩa Cần Lao Nhân Vị, nhưng tại miền Nam không có chuyện người dân bị đòi hỏi phải tán trợ hay nhọc tập chủ nghĩa này. Trong thời đó, chỉ khoảng 5 năm, Việt Nam Cộng Hòa đã có một số thành tựu như xã hội ổn định, kinh tế phát triển, định cư gần 1 triệu dân di cư từ miền Bắc, thành lập các viện đại học địa phương như Huế, Đà Lạt...

Tiếp nối, hiến pháp 1967 thời đệ nhị Cộng Hòa xác lập cơ cấu tổ chức chính quyền rất hoàn chỉnh, theo mô hình của Hoa Kỳ. Hiến pháp VNCH đã thể hiện đầy đủ tinh thần dân chủ pháp trị qua việc phân định minh bạch các quyền hạn Lập Pháp, Hành Pháp, Tư Pháp và Quốc Hội có những quyền hạn sau: Biểu quyết các đạo luật; phê chuẩn các hiệp

ước và hiệp định quốc tế; quyết định việc tuyên chiến và nghị hòa, tuyên bố tình trạng chiến tranh; kiểm soát chính phủ trong việc thi hành chính sách quốc gia; hợp thức hóa sự đắc cử của dân biểu hoặc nghị sĩ quốc hội; có quyền khuyến cáo thay thế từng phần hay toàn thể chính phủ với đa số 2/3 tổng số dân biểu và nghị sĩ. Nếu Tổng Thống không có lý do đặc biệt để khước từ, sự khuyến cáo sẽ có hiệu lực. Trong trường hợp Tổng Thống khước từ, Quốc hội có quyền chung quyết sự khuyến cáo với đa số 3/4 tổng số dân biểu và nghị sĩ.

Đến năm 1975, VNCH đã thiết lập ngoại giao với 87 quốc gia và 6 quốc gia ở cấp bán chính thức đồng thời tại miền Nam có hàng chục đảng phái, tổ chức chính trị bên cạnh các nghiệp đoàn của nhiều nghề nghiệp, tôn giáo, xã hội... Đây là thực tế trái ngược hoàn toàn với miền Bắc thuở mang danh VNDCCH và với Việt Nam hiện nay vì luôn chỉ có một đảng duy nhất tự tung tự tác với tiêu chí *“Bỏ điều 4 hiến pháp là tự sát.”*

Ngoài ra cũng có thể nhắc đến quyền ứng cử của mọi người dân cùng không khí bầu cử tự do minh bạch của VNCH khác hẳn với bầu cử theo chỉ thị và sắp đặt của VNDCCH hay CHXHCNVN. Ngoài ra, tự do tôn giáo cũng là vấn đề được đề cập tại VNCH mà cụ thể là các cuộc biểu tình rầm rộ của giới tăng ni Phật Giáo năm 1963 cho thấy chính quyền VNCH không hề trấn áp các tôn giáo, không có hiện tượng cướp đoạt đất đai, đập phá nhà thờ như ở Thái Hà, Cồn Dầu... hiện nay.

Khi nhắc đến vấn đề này, tác giả Cộng Sản Đông Đức A. Schenalter đã viết trong cuốn *Chủ Thuyết Của Chúng Ta* nơi trang 193: *“Tự do tôn giáo ở miền Nam là sự tổng hòa cân bằng giữa các tôn giáo nhưng lại là điểm tựa cho đảng cộng sản ở Việt Nam lợi dụng để chiến thắng chính quyền ông Diệm, ông Thiệu...”*

Tác giả Trung Cộng là Vương Văn cũng nhận định

tương tự A.Schenalder, cho rằng chủ trương dân chủ tự do là một khuyết điểm khiến VNCH gặp nhiều bất lợi trong cuộc chiến chống lại khối Cộng Sản. Trong cuốn *Tư Bản Hay Dân Chủ* xuất bản tại Trung Cộng năm 2002, trang 92, Vương Văn viết: *“Dân chủ trong chủ nghĩa tư bản cho nhân dân hưởng nhiều cái lợi nhưng lại là sự bất lợi cho chính quyền vì chính quyền không thể kiểm soát nổi nhân dân tự do. Hãy nhìn Việt Nam Cộng Hòa ở miền Nam Việt Nam làm tấm gương ...”*

Nhận xét của Vương Văn có thể đúng với thực tế miền Nam trong tình huống bị dồn ép giữa hàng loạt mặt trận do khối Cộng Sản Quốc Tế mở ra, nhưng không thể viện lý do củng cố vị thế của một tập thể thủ đắc quyền lực để tước đoạt mọi quyền sống căn bản của người dân. Dù sao, nêu nhận định trên, Vương Văn đã thêm một lần xác định VNCH chính là chế độ tự do, dân chủ, đem lại cho người dân các điều kiện để hưởng nhiều cái lợi...

– Thứ năm, một nét tiêu biểu khác của VNCH là lĩnh vực y tế thời điểm trước 1975 đã vượt xa CHXHCNVN hiện nay chứ đừng nói đến VNDCCH trước kia. Cụ thể là vào thời điểm đó VNCH đã xây dựng được nhiều bệnh viện hiện đại và không có cảnh 2, 3 bệnh nhân nằm chung 1 giường như “thiên đường Xã Hội Chủ Nghĩa” hiện nay.

Xin đọc qua một tài liệu về y tế tại VNCH.

“Dịch vụ y tế bắt đầu ở cấp xã. Mỗi xã có một ủy viên y tế và một nữ hộ sinh, thường gọi là “cô đỡ” trông coi và giúp đỡ sản phụ ở thôn quê. Ủy viên y tế làm việc dưới sự giám sát của hội đồng Xã.

Ở cấp quận thì có Chi y tế dưới sự điều hành của cán sự y tế. Mỗi tỉnh thì có một bệnh viện thuộc Ty y tế. Trưởng ty y tế là một bác sĩ phụ trách chương trình y tế trong tỉnh. Giám đốc bệnh viện cũng là một bác sĩ y khoa. Bệnh nhân nhập viện vào các bệnh viện công cộng không phải trả tiền. Những bệnh viện công cộng lớn gồm có bệnh viện Chợ Rẫy,

Vĩ Dân, bệnh viện Nhi Đồng Sài Gòn và bệnh viện Từ Dũ.

Tổng số bệnh viện dân sự toàn quốc vào năm 1965 là 101 cơ sở với 25.000 giường. Riêng thủ đô Sài Gòn có 11 bệnh viện công cộng cung cấp gần 5.000 giường. Tính vào năm 1970 thì trên toàn quốc có hơn 570.000 ca nhập viện. Một số chuyên khoa có bệnh viện riêng như Bệnh viện Nhi Đồng Sài Gòn (220 giường). Khoa tâm thần có ba cơ sở chính: Bệnh viện Chợ Quán ở Sài Gòn, bệnh viện Huế, và bệnh viện Nguyễn Văn Hoài ở Biên Hòa. Nằm ngoài hệ thống của chính phủ là các phòng mạch, đường đường và bệnh viện tư nhân (bốn bệnh viện ở Sài Gòn với hơn 800 giường). Vào giữa thập niên 1960 Việt Nam Cộng Hòa có khoảng 800 bác sĩ y khoa. Bệnh viện tư lớn phải kể bệnh viện Grall và bệnh viện Saint Paul ở Sài Gòn, bệnh viện Sùng Chính (200 giường) ở Chợ Lớn...”⁽¹¹³⁾

Còn “thiên đường XHCN” tại Việt Nam hiện nay thì sao? Xin đọc một bài trên báo Tuoitre Online của đảng cộng sản được Baomoi.com trích đăng lại:

“Chuyện 3, 4 bệnh nhân nằm chung một giường đã có từ lâu lắm rồi, nhưng thật đáng tiếc khi gần đây bộ trưởng Bộ Y Tế mới biết và thấy nỗi khổ nhục của người bệnh. Người dân luôn đặt ra câu hỏi rằng tại sao khi xây các dự án nhà ở, các khách sạn, sân golf... mọc lên nhanh thế nhưng các bệnh viện xây mới lại không có hoặc rất ít (với tiến độ con rùa). Vậy mong các vị đứng đầu hãy quan tâm và trả lời cho cử tri biết... Rất nhiều bệnh viện quá tải, nhất là Bệnh Viện Nhi Đồng, Bệnh Viện Ung Bướu, Bệnh Viện Từ Dũ... người ta dễ “phát sợ hơn cả là bệnh” khi nhìn thấy cảnh đông đúc. Quá tải... chắc khoảng... 300% chứ không phải là vừa.”



⁽¹¹³⁾ http://vi.wikipedia.org/wiki/Y_tế_Việt_Nam_Cộng_Hòa

VNCH
và
Hoàng
Sa →



CH
XHCN
VN
và
Hoàng Sa
→



Quá tải
thường
xuyên
tại bệnh
viện Nhi
Đông 1
Sài Gòn
↓

Qua những sự thật hiển nhiên đó, VNCH là một nền dân chủ non trẻ nhưng thật sự dân chủ trong cả tư tưởng, chính trị và tôn giáo, giáo dục... Sự thật hiển nhiên này khác xa với luận điệu tuyên truyền ngấm máu phun người của VNDCCH và CHXHCNVN.

Vì thế, dẫu rằng quá khứ đã qua, VNCH trên thực tế đã không còn tồn tại, nhưng trong lòng những người dân từng sống tại miền Nam trước 1975 cùng người thân của họ dù sống ở hải ngoại hay Việt Nam đều thương tiếc cho VNCH đã bị bức tử. Và bản thân chúng tôi, những người sinh ra và lớn lên giữa xã hội độc tài đảng trị của đảng cộng sản cũng đã nhận ra sự thật không như đảng CSVN tuyên truyền.

Bởi đã không có chuyện Mỹ xâm lược thì làm gì có chế độ tay sai. Hơn nữa, so sánh những thành quả mà VNCH đã đem lại cho đời sống người dân miền Nam với những tai họa mà VNDCCH trút lên đầu người dân miền Bắc cùng hàng loạt thảm kịch mà CHXHCNVN đang gây ra trong đời sống Việt Nam hiện nay thì chỉ có thể nói rằng chính VNDCCH và CHXHCNVN hiện nay mới là tay sai của Liên Xô – Trung Cộng và thực sự là nguy quân, nguy quyền đã bức hại dân tộc Việt Nam gần một thế kỷ qua cho tới nay.

Xin coi những dòng viết này như một lời tri ân từ đáy lòng của một công dân trẻ sống trong chế độ độc tài cộng sản gửi về những công dân yêu nước VNCH.

— 16/10/2012

– **Chương 17 :**

NỔI DẬY HAY KHỦNG BỐ ?

C ho tới nay, đảng Cộng Sản vẫn không ngừng diễn tả nguyên nhân bùng nổ cuộc chiến Việt Nam sau 1954 là do Mỹ xâm chiếm miền Nam tạo ra một nhóm tay sai áp bức bóc lột tàn khốc khiến dân chúng phần nộ “nổi dậy và đồng khởi” để chống lại.

Cuốn *Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam* do nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia tái bản năm 2000 có đoạn:

“Trong giai đoạn 1957-1959, cách mạng miền Nam gặp nhiều khó khăn. Hàng loạt cơ sở của ta bị chính quyền Ngô Đình Diệm phát hiện và bắt giữ. Tháng 1/1959, diễn ra hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Lao Động Việt Nam, đã quyết định cho phép lực lượng miền Nam sử dụng bạo lực để đánh đổ chính quyền Mỹ-Diệm.

Kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang để lật đổ chính quyền Mỹ-Diệm, cao trào diễn ra ở các địa phương: Bắc Ái (02/1959), Trà Bồng (08/1959)... phong trào lan nhanh ra khắp miền Nam, đặc biệt là phong trào đồng khởi ở tỉnh Bến Tre.

17/1/1960, phong trào nổ ra ở huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre, sau đó lan ra các huyện Giồng Trôm, Thạnh Phú, Ba Tri... phong trào đã phá tan từng mảng lớn chính quyền Mỹ-Diệm.

Từ Bến Tre, phong trào lan rộng ra khắp miền Nam Việt Nam, Tây Nguyên, và các nơi khác như miền Trung. Cuối năm 1960, phong trào đã làm chủ nhiều thôn xã ở

miền Nam, Tây Nguyên và ven biển miền Trung Việt Nam.

Sự thành công của phong trào đã chiếm được nhiều vùng rộng lớn và thúc đẩy sự thành lập Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng miền Nam Việt Nam (20/12/1960). ”

Chỉ đọc lướt qua những dòng trên có thể không thấy điều gì bất ngờ. Nhưng tài liệu chính thức này của Đảng CSVN đã biểu lộ nhiều tình tiết minh chứng tính khác biệt giữa thực tiễn và luận điệu tuyên truyền Cộng Sản. Bởi qua các tình tiết được nêu, phản ứng “*nổi dậy, đồng khởi của người dân chống lại đế quốc Mỹ xâm lược*” đã hiện hình chỉ là một luận điệu xảo trá nhằm mục tiêu lừa gạt mà thôi.

● NHÂN DÂN CÓ “ĐỒNG KHỞI” KHÔNG?

Trên thực tế cho đến nay, không mấy ai còn xa lạ với luận điệu diễn giải các hành động của đảng CSVN. Chẳng hạn khi đàn áp những người đấu tranh đòi tôn trọng nhân quyền, thậm chí biểu lộ tinh thần chống Trung Cộng xâm lược hoặc phản đối hành vi cướp đoạt đất đai, tài sản của nhân dân trong nước thì đảng CSVN luôn vu khống cho những người bày tỏ nguyện vọng tự do, tình yêu nước hay kêu gào bị oan khuất là làm theo “*thế lực thù địch*” và bị “*đế quốc Mỹ*”, “*tàn dư ngụy*” lợi dụng để can thiệp vào nội bộ một nước có chủ quyền.

Thu hẹp vào trường hợp riêng bản thân tôi với tư cách công dân nước CHXHCNVN cũng bị gán cho là thế lực thù địch hải ngoại khi trình bày cảm nghĩ về cái gọi là Thiên Đường Cộng Sản chỉ là Thiên Đường Mù. Cho nên có thể nói không mấy ai không biết trò ngậm máu phun người, biến trắng thành đen là một sách lược tuyên truyền luôn được cộng sản tận dụng để che giấu chân tướng tàn độc của chính họ. Vì thế lời giải cho câu hỏi được nêu — *nhân dân miền Nam có nổi dậy đồng khởi cuối thập niên 1950 không* — kể như đã rõ.

Dù vậy, vẫn cần nhìn lại một số sự kiện thực tế liên

quan đến vấn đề từ khía cạnh chính quyền VNCH là tay sai cho đế quốc Mỹ xâm lược đến khía cạnh người dân miền Nam đã phần nộ nổi dậy chống đối.

– Về tính chính danh của chính quyền miền Nam Việt Nam, một thực tế lịch sử hiển nhiên là VNCH hiện diện với tư cách một quốc gia độc lập được quốc tế công nhận. Đây là điều được công khai khẳng định trong bản tuyên bố của chính phủ VNCH về vấn đề thống nhất đất nước vào ngày 26/4/1958:

“Những tổ chức dân chủ và các tiến bộ mà chính phủ chúng tôi đã đạt được trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội, đã được cảm thông của cả thế giới. Đến ngày hôm nay đã có 56 quốc gia công nhận chính phủ chúng tôi, duy trì quan hệ ngoại giao với chúng tôi, hoặc đã đề nghị chúng tôi được gia nhập Liên Hiệp Quốc.

Nhà cầm quyền cộng sản ở miền Bắc chỉ được sự công nhận của khoảng 10 chính phủ cộng sản. Trong những năm gần đây, ảnh hưởng của Việt Nam Tự Do đã được tăng đáng kể: Nước chúng tôi hiện nay là thành viên của 33 tổ chức quốc tế và Sài Gòn được chọn là trụ sở của nhiều hội nghị quốc tế.”

Đặt con số 56 quốc gia công nhận VNCH bên con số vồn vện 10 quốc gia thuộc riêng khối cộng sản công nhận VNDCCH đã thấy mức độ chênh lệch ra sao về tính chính danh trên trường quốc tế giữa hai chế độ. Điều này không do quyết đoán thiên lệch mà là một sự thật không thể chối bỏ. Chính nhóm tác giả thuộc Viện Nghiên Cứu Lịch Sử Liên Xô trong cuốn *Chỉ Dẫn Lịch Sử* đã viết nơi trang 42:

“Việt Nam Cộng Hòa là một Quốc Gia Hợp Pháp được công nhận bởi nhiều quốc gia trên thế giới qua Hiệp Định Genève 1954, đã từng có quy chế là một quốc gia quan sát viên của Liên Hiệp Quốc. Từ năm 1954 cho đến năm 1975.”

Vượt xa hơn nữa là trong hồ sơ lưu chiếu của Liên

Hiệp Quốc tháng 2/1998 nơi danh sách thành viên, mục 3, trang 236 về VNCH đã ghi: “84 quốc gia trên thế giới đã từng đặt nền tảng bang giao với nước Việt Nam Cộng Hòa từ 1954 – 1975.”

Như vậy, các quốc gia trên thế giới kể cả Liên Hiệp Quốc và quốc gia cộng sản đàn anh của CSVN là Liên Xô đều khẳng định tính chính danh và hợp pháp của VNCH. Nói cách khác, sự thật đã cho thấy luận điệu “VNCH là tay sai để quốc Mỹ xâm lược, đàn áp và bóc lột tàn khốc người dân” là một luận điệu vu khống trắng trợn với mục tiêu lường gạt bí ối của đảng CSVN. Mức độ lường gạt còn đi xa hơn khi nêu vấn đề người dân phần nộ nổi dậy chống lại chính quyền VNCH trong khi qua thực tế, chính đảng CSVN đã chủ động gây chiến theo thúc đẩy của Liên Xô – Trung Cộng với mục tiêu chiếm đoạt miền Nam để mở đường thực hiện tham vọng nhuộm đỏ toàn vùng Đông Nam Á. Chính tài liệu của đảng CSVN, lúc đó mang tên Đảng Lao Động, đã khẳng định sự thật này qua câu sau:

“Tháng 1/1959, diễn ra hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Lao Động Việt Nam, đã quyết định cho phép lực lượng miền Nam sử dụng bạo lực để đánh đổ chính quyền Mỹ-Diệm.”

Tháng 1/1959 tại miền Nam không có sự hiện diện của quân đội Mỹ trong khi chính quyền VNCH được cả Liên Xô cùng Liên Hiệp Quốc xác định là một quốc gia hợp pháp có quan hệ bang giao với 84 quốc gia trên thế giới và còn hưởng quy chế quan sát viên tại Liên Hiệp Quốc.

Đồng thời, nhiều tài liệu chính thức gồm cả từ phía Cộng Sản từng nhìn nhận tính dân chủ của VNCH và không có một chứng cứ thực tế nào cho thấy đã xảy ra tại miền Nam tình trạng đàn áp, bóc lột dân chúng.

Vậy thì tại sao nhân dân đang yên ả lại phải đứng lên “đồng khởi, nổi dậy” để làm gì?

Và thực sự thì có đúng là nhân dân đã nổi dậy không?

Câu trích ngắn gọn trên cho thấy sự việc chỉ khởi đầu bằng quyết nghị của đảng CSVN “*cho phép lực lượng miền Nam xử dụng bạo lực*” để lật đổ chính quyền VNCH mà họ gán cho cái tên là “*Mỹ-Diệm.*”

Dù nhìn vấn đề theo cách nào thì sự thật đã nêu rõ bộ mặt kẻ chủ mưu gây chiến là đảng CSVN và thành phần tham chiến là cán binh của họ được cài đặt nằm vùng tại miền Nam từ sau hiệp định Genève 1954 và được đặt tên là “*lực lượng miền Nam.*” Cho nên, chỉ có một câu trả lời dứt khoát là đảng CSVN đã chỉ đạo đội ngũ cán binh nằm vùng tạo dựng các hình thức đấu tranh gọi là “*đồng khởi*” và vận dụng mọi phương tiện truyền thông với sự tiếp tay của khối Cộng Sản Quốc Tế để tuyên truyền lừa gạt dân chúng Việt Nam cùng dư luận thế giới.

Thực ra không chỉ riêng cuốn *Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam* mà có thể phát hiện cùng sự kiện qua nhiều tài liệu khác của đảng Cộng Sản.

– Về tình trạng nhân dân đồng khởi, trang chủ của đảng bộ Bến Tre viết: “*Tháng 12-1959, hội nghị đại biểu các tỉnh miền Trung Nam Bộ được triệu tập để truyền đạt nghị quyết 15 của Trung Ương và bàn chủ trương chuyển hướng phong trào. Đêm 2-1-1960, Hội nghị cán bộ lãnh đạo Bến Tre do Thường Vụ Tỉnh Ủy triệu tập tại một địa điểm ở Mỏ Cày để truyền đạt nghị quyết của Trung Ương và bàn kế hoạch phát động quần chúng nổi dậy diệt ác, phá thế kiểm kẹp của địch. Nghị quyết của hội nghị là phát động một tuần lễ nổi dậy đồng loạt trong tỉnh từ 17/1/1960 đến 25/1/1960. Ngày 17/1/1960, theo kế hoạch đã định, cuộc Đồng khởi nổ ra thắng lợi đúng như dự kiến tại 3 xã Định Thủy, Phước Hiệp, Bình Khánh (Mỏ Cày).*” ⁽¹¹⁴⁾

Như vậy, điều gọi là sự “*nổi dậy của nhân dân*” thực

⁽¹¹⁴⁾ http://www.bentre.gov.vn/index.php?option=com_content&task=view&id=301&Itemid=47

chất chỉ là một hình thức kích động bạo lực do đảng CSVN đề xướng và thúc đẩy. Thực chất trên được xác định thêm do nhìn nhận của đảng cộng sản về việc cài đặt lại miền Nam 60.000 đảng viên qua những dòng ghi trong cuốn *Tổng Kết Cuộc Kháng Chống Thực Dân Pháp, Thắng Lợi và Bài Học*, xuất bản tại Hà Nội năm 1996: “Cán bộ và đảng viên được đặt dưới quyền lãnh đạo của đồng chí Lê Duẩn, bí thư Xứ Ủy Nam Bộ. Vào ngày cuối cùng của thời hạn tập kết ở Cà Mau, sau khi chúng ta đánh lừa địch bằng cách giả bộ lên tàu tập kết, đồng chí Lê Duẩn đã tìm cách rời khỏi tàu vào lúc nửa đêm để ở lại.”

Sự việc này rõ ràng còn cho thấy miền Bắc đã chuẩn bị tấn công miền Nam ngay khi Hiệp Ước Genève chưa kịp ráo mực, chứ không phải vì miền Nam không chấp nhận tổng tuyển cử vào năm 1956 hoặc vì có sự hiện diện của quân đội Mỹ tại miền Nam như đảng cộng sản luôn tuyên truyền dối gạt dân.

“Đồng khởi” chỉ là chiêu bài che giấu ý đồ dùng bạo lực quân sự xâm chiếm miền Nam theo chủ trương của Liên Xô – Trung Cộng mà đảng CSVN đóng vai trò công cụ thi hành. Thực tế này được minh thị bằng việc cài đặt lại miền Nam 60 ngàn cán bộ đảng viên và kế tiếp là việc lập đoàn 559 theo nguyên văn bài viết của Ban Tuyên Giáo Trung Ương đảng CSVN: “Ngày 19/5/1959, “Đoàn công tác quân sự đặc biệt” —Đoàn 559— ra đời, với nhiệm vụ mở đường, đưa đón cán bộ, bộ đội, vũ khí, đạn dược, lương thực... từ miền Bắc vào miền Nam và vận chuyển vật chất giúp nước bạn Lào. Được khai sinh vào ngày sinh chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5), đường mang tên “Đường Hồ Chí Minh.”⁽¹¹⁵⁾

Chính nhóm tác giả KGB Liên Xô trong cuốn *Một Bước Đi Lớn* nơi trang 130 cũng ghi về sự kiện này như sau: “Chính quyền VNDCH dưới sự lãnh đạo của chủ tịch

⁽¹¹⁵⁾ <http://tuyengiao.vn/Home/Viet-Lao/Tu-lieu-lich-su/2012/10/46657.aspx>

Hồ Chí Minh có đường lối rõ rệt để có thể tiến công miền Nam Việt Nam. Họ biết kết hợp kích động nổi dậy do các chiến sĩ nông cốt được cử vào miền Nam làm chỉ huy với việc cho xây dựng con đường vận tải chiến lược 559 sau này mang tên của chính chủ tịch Hồ Chí Minh...”

Ngoài ra, tác giả J. Leroy, đảng viên Cộng Sản Pháp trong cuốn *Đối Nghịch* từng đề cập tới sự kiện này như biểu hiện tài năng lãnh đạo của đảng CSVN qua những lời ca ngợi: “*Lực lượng cách mạng do VNDCCH chỉ đạo làm rất tốt công việc đầu tàu trong việc gây nên tâm lý hoang mang cho chính quyền ông Diệm tại miền Nam Việt Nam trong cuộc nổi dậy ở một số tỉnh miền Trung và Bến Tre...*”



Từ những chứng cứ cụ thể đó đã vang lên tiếng nói khẳng định đảng CSVN và Hồ Chí Minh đã kích động những người nhẹ dạ nghe theo các luận điệu tuyên truyền lừa gạt như “*Mỹ xâm lược, chính quyền VNCH đàn áp bóc lột dân chúng...*” để khai thác khả năng và cả mạng sống của những người này cho ý đồ gây chiến nhằm chiếm đoạt miền Nam. Đồng thời, với những luận điệu tuyên truyền lừa gạt đó, đảng cộng sản đã đặt toàn thể dân chúng miền Bắc vào tình thế bị đòi hỏi tuyệt đối tuân hành mọi đòi hỏi phục vụ hy sinh theo các lệnh truyền của đảng cộng sản. Hậu quả thâm trầm là đất nước bị chìm trong cảnh lửa đạn chiến tranh và toàn bộ miền Nam còn ngập ngụa xương máu do “*quyết định xử dụng bạo lực*” với chiêu bài “*nổi dậy*” để tiến hành chính sách khủng bố nhắm vào chính những người dân vô tội.

● KHỦNG BỐ ĐẮM MÁU !

Chính sách khủng bố được đảng cộng sản đề ra dưới chiêu bài “*nổi dậy*” và thúc đẩy bằng thủ đoạn kích động “*căm thù giặc*”, bằng các tấn tuồng dụ dỗ “*anh hùng*”, “*liệt*

sĩ”... mà hậu quả là cảnh tượng tàn thê thảm giữa người Việt Nam. Cảnh tượng thê thảm này rõ ràng không nằm trong mong đợi của bất kỳ người dân nào nhưng là mục đích cần đạt tới của đảng CSVN như ghi nhận trong cuốn *Tổng Kết Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ, Cứu Nước: Thắng Lợi Và Bài Học* qua đoạn viết: “*Kết hợp đấu tranh xuống đường với nổi dậy vũ trang khiến cho chính quyền Mỹ-Diệm rối loạn và thiệt hại về kinh tế cho chúng là phương pháp cách mạng bạo lực đem lại thành công...*”

Đoạn trích đã cho thấy đảng CSVN không chỉ trắng trợn dối gạt bằng việc che giấu chủ trương khủng bố, phá hoại bằng chiêu bài nguy tạo “*kháng chiến chống Mỹ cứu nước*” mà còn vô cảm bất lương tới mức tự hào về hành động gieo tai họa tang tóc cho chính những đồng bào mang chung huyết mạch. Đảng cộng sản luôn diễn tả chủ trương này như phản ứng tự phát của người dân đối với kẻ thù xâm lược Mỹ và hàng ngũ tay sai, nhưng thực sự nạn nhân là ai thì thực tế đã minh chứng, đồng thời tính phản ứng tự phát của người dân cũng bị phủ nhận bởi chính các văn kiện chính thức của đảng cộng sản. Xin hãy đọc đoạn sau trên trang Dư Địa Chí của Tỉnh Ủy Thừa Thiên:

“*Tháng 11/1957, Tỉnh Ủy Thừa Thiên họp tại bản Ấp Rừng, xã Thượng Long miền Tây Thừa Thiên Huế. Hội nghị đã quyết định xây dựng miền núi Thừa Thiên Huế thành căn cứ cách mạng. Tỉnh Ủy bố trí cán bộ từ đồng bằng lên, cùng với một số cán bộ đã cầm bản từ trước kiên trì bám trụ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng bào nhanh chóng giác ngộ, phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang tự vệ bằng vũ khí thô sơ đã nảy sinh trong phong trào quần chúng.*

Giữa lúc phong trào cách mạng miền núi Thừa Thiên Huế đang có bước chuyển biến quan trọng thì ánh sáng nghị quyết 15 (1/1959) của Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng (khóa II) về đường lối cách mạng miền Nam được

truyền đến Đảng Bộ và nhân dân tỉnh nhà. Tỉnh Ủy khẩn trương tổ chức học tập và triển khai thực hiện nghị quyết 15 của Trung Ương. Một trong những nhiệm vụ chiến lược của nghị quyết Trung Ương 15 là việc mở đường 559 – đường Hồ Chí Minh. Miền núi Thừa Thiên Huế với con đường 559 nối liền mạch máu với cả nước từng bước trở thành căn cứ địa cách mạng vững chắc làm chỗ dựa cho đồng bằng.”

Cũng trên trang này ở bài viết khác có đoạn:

“Sau năm 1963, Tỉnh Ủy Thừa Thiên Huế tích cực, khẩn trương chuẩn bị mọi mặt nhằm đưa phong trào lên một thời kỳ mới, thời kỳ phá kìm, giành dân, đưa phong trào đồng bằng lên thế đấu tranh chính trị, quân sự, tiến công địch bằng cả ba mũi giáp công: chính trị, quân sự, binh vận. Đầu năm 1964, Thường vụ Tỉnh Ủy Thừa Thiên Huế chủ trương: “Phát huy sức mạnh của quần chúng có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, lợi dụng sự sụp đổ của chính quyền Sài Gòn mà tổ chức lực lượng, tiến công mạnh mẽ, đều khắp, làm tan rã, tê liệt chính trị, tư tưởng và tổ chức, phá áp chiến lược, chuẩn bị thiết thực cho việc phá thế kìm kẹp của địch.

Thực hiện chủ trương trên, nhân dân Thừa Thiên Huế bước vào phong trào đồng khởi đồng bằng năm 1964. Đến mùng 5 rạng ngày 6/7/1964, phong trào đồng khởi diễn ra khắp vùng đồng bằng trong tỉnh. Ở phía Bắc tỉnh, nhân dân nhiều xã nổi dậy phối hợp với bộ đội và đội công tác vũ trang tiến hành tấn công địch, phá áp chiến lược, xóa bỏ nguy quyền, tuyên bố thành lập Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng ở cơ sở và chính quyền tự quản của nhân dân. Phong trào Đồng Khởi đã mở ra một vùng giải phóng rộng lớn gồm nhiều xã: Phong Sơn, Phong An, Phong Thái, Phong Hòa, Phong Bình, Phong Chương (Phong Điền), Phong Nhiêu, Quảng Thái (Quảng Điền) và Hương Vân, Hương Thọ, Hương Hồ, Hương Mai, Hương Thái, Hương Bình, Hương Thanh (Hương Trà). Ở phía Nam, lực lượng vũ

trang phối hợp với nhân dân tấn công và nổi dậy giải phóng các xã Phú Đa, Phú Hồ và một số thôn của Vinh Phú, Vinh Thái, Phú Xuân, Phú Lương (Phú Vang); Lộc An, Lộc Tụ (Phú Lộc); nhiều thôn xã của xã Thủy Bằng, Thủy Thanh, Thủy Phương (Hương Thủy)...” (116)

Trước hết, qua hai đoạn trích trên, thời điểm của mọi hoạt động đều khởi phát chậm nhất cũng trước năm 1965 tức là trước khi có sự xuất hiện của quân đội Mỹ tại Việt Nam. Đó cũng là giai đoạn tại miền Nam tiến hành thành công các chính sách cải cách kinh tế và đời sống người dân sau 9 năm chiến 1945-1954 đang đi dần vào ổn định.

Kế tiếp, hai đoạn trích trên đã nêu bằng chứng cụ thể về vai trò đề xướng và khởi động chủ trương khủng bố và gây chiến chống lại miền Nam chính là đảng CSVN.

Trên thực tế, không chỉ riêng các tài liệu chính thức của đảng CSVN đã nhìn nhận vai trò chủ động và chủ trương gây chiến với mục tiêu xâm lược miền Nam. Chính tài liệu Trung Cộng cũng làm việc này và còn đi xa hơn là xác nhận đảng CSVN đã hành động dưới sự chỉ đạo và giúp đỡ của Trung Cộng như những dòng viết sau của tác giả Hà Cẩn trong cuốn *Mao Chủ Tịch Của Tôi*: “*Với sự chỉ đạo và giúp đỡ của Trung Hoa mà đứng đầu là Mao chủ tịch thì nhân dân miền Bắc đủ sức chi viện và lãnh đạo các cuộc đánh bom, gài mìn, nổi dậy tại Miền Nam của ông Diệm.*”

Hà Cẩn không nhắc đến các từ “*khủng bố, phá hoại*” nhưng đã nêu đích danh các hành động là “*đánh bom, gài mìn...*” thì cần phải hiểu ra sao, nhất là khi các hành động trên thực sự chỉ nhắm vào người dân miền Nam? Thêm nữa, tiết lộ của Hà Cẩn còn cho thấy chân tướng của đảng CSVN chỉ là một công cụ của chế độ Bắc Kinh đã đem xương máu người Việt Nam phục vụ cho tham vọng của Trung Cộng theo Mao Trạch Đông chỉ đạo. Một câu hỏi không thể

(116) www3.thuathienhue.gov.vn/GeographyBook/Default.aspx?sel=3&id=280

không hiện ra là với chủ trương hành động đó, đảng cộng sản đã đem lại điều gì cho đời sống người dân Việt Nam?

Lời giải kể như đã có, tuy nhiên hãy đọc lại bài viết ca ngợi một hành động mà đảng CSVN coi là thành tích về vang. Bài viết có tựa đề *Huỳnh Phi Long và trận đánh nhà hàng Mỹ Cảnh* trên báo Quân Đội Nhân Dân, phổ biến lại trên trang web *baomoi.com*: “*Diễn biến trận đánh như sau: Phi Long đi xe máy môbylet chở một trái mìn đi trước, đồng chí Rẫy đạp xe giả làm người bán báo chở một trái DH10 đi sau đủ tầm nhìn thấy nhau. Gần đến cầu Hang, Phi Long đi chậm lại quan sát, chờ thời cơ vượt trạm gác. Khi người dân tập trung đi về phía giữa cầu, lợi dụng đông người che khuất, Phi Long cho xe vượt qua, đồng chí Rẫy cũng đạp xe theo qua khỏi trạm gác cùng lao nhanh về hướng mục tiêu. Dừng lại một phút để quan sát, thấy 3 tên cảnh sát vẫn đứng trước cầu thang lên xuống nhà hàng, còn phía trên bờ sông 4 tên cảnh sát đứng dàn hàng ngang súng tiểu liên cầm tay, hai tên công an chìm đi lại ngay bãi trống đối diện nhà hàng. Tại các ngã tư địch tăng cường xe bọc thép và bọn lính đã chiến hình thành thế bảo vệ quanh mục tiêu. Đây là một sự bất thường xảy ra trong khu vực, một tình huống ngoài dự kiến.*

Nhưng Phi Long quyết tâm là phải đánh và đây cũng là thời cơ đánh khi địch tập trung cao nhất. Anh động viên đồng chí Rẫy: *Dù hy sinh hai anh em mình cũng phải hoàn thành nhiệm vụ trước Đảng và Quân Đội trong trận đánh này. Quan sát thêm, Phi Long thấy có vài người bán hàng rong qua lại trước mục tiêu và kế đó lại có hàng bán thuốc lá. Nhìn đồng hồ đeo tay chỉ còn vài phút nữa thôi, Long liền chạy xe cập mục tiêu.*

Long tự nhủ thật bình tĩnh để địch không nghi ngờ phát hiện, anh dừng xe máy nhắm đúng hướng mìn thổi vào 2/3 thân tàu. Mồ hôi rịn đầy trên trán, song anh vẫn cố tỏ ra ung dung thản nhiên móc tiền bước đến quầy mua thuốc

lá, những tên công an vẫn qua lại không biết gì. Chỉ còn 2 phút nữa thôi, trái mìn DH10 sẽ nổ.

Anh nhanh chóng đi đến bên cạnh công viên, áp sát người vào một trụ cột, lợi dụng bóng tối bỏ 2 trái thủ pháo xuống sông rồi lẹ làng lách người qua công viên cách đó 5m nhảy lên chiếc xe gắn máy mà đồng chí Tám Sâm đã để sẵn. Đồng chí Rầy cũng đã gài xong quả mìn định hướng thứ hai. Hai người lên xe, vừa chạy ra khoảng 50m thì trái mìn thứ nhất mà Phi Long gài đã nổ.

Lao xe đến bùng binh Nguyễn Huệ thì Long bị cảnh sát chặn lại khám xét, kiểm tra thấy giấy tờ hợp pháp bọn chúng để cho hai người đi. Vừa lúc đó, trái mìn thứ hai của đồng chí Rầy gài nổ tiếp.

Cả Sài Gòn như bùng lên khi thể tiến công.

Tiếng còi báo động của địch vang lên inh ỏi, đường phố trở nên một cảnh tượng hỗn loạn, chỉ riêng những người lính đặc công biệt động mừng vui khôn tả. Vài phút sau, đại sứ Mỹ ở Sài Gòn cũng có mặt và chứng kiến cảnh tan nát này đã lắc đầu thất vọng và ủ rũ cúi đầu leo lên xe như không dám tin vào những gì vừa xảy ra. Ngày 23/6/1965, Huỳnh Phi Long được cấp trên tặng thưởng huân chương Chiến Công hạng nhất, các đồng chí Lê Văn Rầy, Tám Sâm, Kiều Nương và Nguyễn Thị Hoài đều được tặng huân chương Chiến Công hạng 3. Riêng tập thể đội biệt động 67 được tặng thưởng huân chương Quân Công hạng 3.”

Nhà hàng Mỹ Cảnh với người dân Sài Gòn là điểm họp mặt sau giờ làm việc cuối ngày để tâm sự trong đợt gió mát cất lên từ mặt sông phẳng lặng. Nhưng nơi này đã là mục tiêu khủng bố để tạo “cảnh tượng hỗn loạn” và đem lại “niềm vui khôn tả cho những người lính đặc công biệt động” – và tất nhiên cho đảng CSVN – bằng cách gây ra cái chết thê thảm cho những người dân gồm cả trẻ thơ vô tội như vài tấm hình đã ghi.

Nhà hàng Mỹ Cảnh





Quang cảnh
nhà hàng Mỹ Cảnh
với trận đánh
được coi là chiến công đặc biệt
của lực lượng giải phóng
và chân dung Huỳnh Phi Long
với các huân chương
Chiến Công và Quân Công.

Tất nhiên không chỉ riêng nhà hàng Mỹ Cảnh bị chủ trương khủng bố của đảng CSVN đặt bom, gài mìn cho tan nát, gây ra cái chết oan khuất cho hàng loạt nạn nhân mà chuyện đã trở thành thường xuyên trên hầu khắp miền Nam. Ký giả nổi tiếng người Đức, Uwe Siemon-Netto, khi đi theo một đơn vị quân đội VNCH tiến vào một ngôi làng vừa bị Cộng Sản khủng bố năm 1965 đã kể lại như sau:

“Lũng lẳng trên các cành cây và sào trong sân làng là thân xác xã trưởng, người vợ và 12 đứa con vừa trai, vừa gái kể cả cháu bé. Tất cả nam đều bị cắt cu dái nhét vào mồm, còn nữ bị cắt rời vú.

Dân làng được lệnh bắt buộc tập trung chứng kiến cảnh tàn sát. Việt Cộng bắt đầu giết em bé rồi với một điệu bộ thao diễn chậm rãi ra tay lần lượt giết các em lớn, tới giết người mẹ và sau cùng là giết người cha. Việt Cộng đã giết cả nhà 14 người, giết một cách lạnh lùng như thể bằm cò súng đại liên bắn máy bay.

Việc Việt Cộng tàn sát thế này là việc bình thường hàng ngày... Vì với chúng tôi nó đã trở thành bình thường nên chúng tôi không tường thuật tới, tường thuật lui mãi mãi.” ⁽¹¹⁷⁾

Ký giả Uwe Siemon-Netto không chỉ nhắc về một cuộc tàn sát đã xảy ra mà còn cho thấy tính cách dã man cùng cực của những kẻ tạo ra tội ác đó, đồng thời nêu rõ chẳng hề có chuyện dân chúng miền Nam “nổi dậy” mà thực ra chính dân chúng miền Nam đang phải gánh chịu

⁽¹¹⁷⁾ Nguyên văn : “Dangling from the trees and poles in the village square were the village chief, his wife, and their twelve children, the males, including a baby, with their genitals cut off and stuffed into their mouths, the females with their breasts cut off”. The Vietcong had ordered everyone in the village to witness the execution. They started with the baby and then slowly worked their way up to the elder children, to the wife, and finally to the chief himself... It was done very coolly, as much an act of war as firing anti-aircraft gun. “It was routine... Because it became routine to us, we did not report it over and over again”. (Trích “The Real War” của cựu tổng thống R. Nixon tr. 39-40.)

những tội ác dã man của các đoàn quân Cộng Sản từ miền Bắc vượt tuyến xâm nhập miền Nam gieo rắc lên đầu người dân vô tội không có một tác sát trong tay.

Đỉnh cao của loại tội ác này là vụ thảm sát Tết Mậu Thân tại Huế năm 1968 cũng là một trong các minh chứng tang thương cho số phận người dân vô tội miền Nam do chính sách tàn bạo và khủng bố của đảng cộng sản. Nhưng có thể nói về tính chất dã man tàn ác thì vụ thảm sát Mậu Thân không phải là duy nhất mà chỉ là một trong hàng trăm vụ tương tự ở khắp mọi nơi khiến một người ngoại quốc như ký giả Uwe Siemon-Netto đã gọi là chuyện bình thường tới mức không ai còn muốn nhắc tới nữa.

Ngoài ra, không ít vụ thảm sát đã rơi vào quên lãng do chính thủ phạm tìm mọi cách che giấu bởi mức tàn ác kinh hoàng có thể tức khắc đem lại phản ứng thích đáng cho kẻ chủ mưu. Chẳng hạn vụ pháo kích vào một trường tiểu học tại thị trấn Cai Lậy, Tiền Giang qua ghi nhận trong cuốn *Một Bước Đi Lớn* của nhóm tác giả KGB Liên Xô như sau: “*Có vài sự kiện mà phía quân đội VNDCCH gây ra thiệt hại cho trẻ nhỏ mà sau này được giấu đi như một phần tất yếu của cuộc chiến như cuộc tấn công bằng DKZ và 122mm vào một trường học tại Miền Nam Việt Nam năm 1974*”.

Dòng ghi ngắn ngủi trên rõ ràng là lời khẳng định của nước đàn anh Xô Viết về tội ác không thể tha thứ của đảng cộng sản Việt Nam đối với người dân miền Nam.

Trên thực tế, ngày 9/3/1974, ngay giữa giờ ra chơi của trường tiểu học Cai Lậy thuộc tỉnh Tiền Giang, Cộng Sản đã pháo kích bằng hỏa tiễn DKZ và 122 mm vào giữa ngôi trường, sát hại 32 em nhỏ học sinh và gây thương tích cho 55 em khác đang tập hợp vui đùa trên sân trường. Không ai có thể tìm nổi lý do biện giải cho tội ác thảm sát bất nhân man rợ này. Điểm đáng lưu ý là Cộng Sản đã thực hiện cuộc thảm sát này ngày 9/3/1974 trong khi hơn một năm trước, ngày 27/1/1973 chính đại diện của họ đã đặt bút ký kết hiệp

định đình chiến Paris. Đây cũng là thời điểm mà khối Cộng Sản Quốc Tế vận dụng tối đa các phương tiện để từng ngày từng giờ tố cáo VNCH không chịu thi hành hiệp định đình chiến Paris và vì thế tất nhiên khối Cộng Sản đã tìm mọi cách che giấu vụ thảm sát này cùng nhiều vụ tương tự khác như các tác giả KGB Liên Xô đã ghi.

Dù vậy, mọi mưu toan che giấu vẫn không thể vùi xóa nỗi sự thật. Ba người từng tận mắt chứng kiến cuộc pháo kích Trường Tiểu Học Cộng Đồng Cai Lậy và cũng là những người đích thân băng các em bị thương đầy máu me lên xe cứu thương chở về Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa tỉnh Định Tường cấp cứu hiện đang sống tại Mỹ — 2 người định cư tại Westminster, California và 1 người tại Jacksonville, Florida. Ngoài ra sự việc cũng thúc đẩy nhạc sĩ Anh Bằng, một nhạc sĩ nổi tiếng lúc đó tại miền Nam sáng tác một bài ca với những lời ca như sau:

*...Hỡi bé thơ ơi, sao tội tình gì em lại bỏ đi,
em lại bỏ đi
Kìa thầy giảng bài tình thương trong lớp,
Bạn bè còn ngồi chăm chỉ lắng nghe.*



*Sao em vội bỏ mái trường ngày xưa thân mến,
vội bỏ ra đi....*

Tương tự vụ thảm sát Tết Mậu Thân tại Huế, Cộng Sản đã hơn một lần chối cãi bằng luận điệu cho rằng đó chỉ là “*sự bịa đặt.*”

Nhưng vụ thảm sát Tết Mậu Thân tại Huế đã có quá nhiều chứng cứ cụ thể dưới sự chứng kiến tận mắt của báo giới quốc tế và vụ pháo kích trường tiểu học cộng đồng Cai Lậy cũng phơi bày không ít chứng cứ. Thêm nữa, ngoài các nhân chứng đang còn hiện diện thì chính các tác giả KGB của quốc gia đàn anh Liên Xô phải thú nhận là một tội ác mà đảng CSVN đã tìm mọi cách che lấp.

Tuy nhiên, chính bản chất phi nhân và tham vọng cuồng điên là yếu tố khiến họ không thể che nổi vai trò thủ phạm gây ra thảm nạn tang tóc cho đất nước. Bởi tính phi nhân và tham vọng cuồng điên đó luôn khiến họ say mê chém giết và tự hào về trò chém giết nên không thể ngăn nổi chính bản thân thốt lên tiếng nói khoe khoang trở thành những lời tự tổ cáo tội ác của họ.

Xin hãy đọc lời tự kể thành tích đầy hào hứng của Lê Duẩn về cuộc “*nổi dậy*” tại Bến Tre để thấy rõ đó là dân chúng nổi dậy hay do đảng cộng sản chủ động tạo nên:

“Cuối năm 1959 tại nhiều nơi ở Nam Bộ, quần chúng đã vùng lên diệt ác, phá kìm, khiến cho bộ máy tề nguỵ của hàng trăm thôn, xã phải tan vỡ. Đặc biệt đêm 17-1-1960, dưới sự chỉ đạo của Đảng Bộ Bến Tre, nhân dân huyện Mỏ Cày đã nổi dậy khởi nghĩa đồng loạt mở đầu cho một cao trào mới. Từ đó, làn sóng “đồng khởi” như nước vỡ bờ lan ra toàn tỉnh Bến Tre và khắp các tỉnh Nam Bộ, Tây Nguyên và Trung Trung Bộ...”⁽¹¹⁸⁾

“... Những cuộc đấu tranh cách mạng ấy thực chất là

⁽¹¹⁸⁾ *Thư vào Nam, Nxb Sự Thật, Hà Nội 1985, tr.397.*

cao trào khởi nghĩa của quần chúng, bao gồm những cuộc khởi nghĩa từng phần, để giành thế mạnh về chính trị, xây dựng một hình thức chính quyền cách mạng ở thôn xã, hình thức bước đầu lực lượng vũ trang của nhân dân” ⁽¹¹⁹⁾

Trong khi đó, việc trút tang tóc lên đầu người dân đã được tô vẽ bằng đủ mọi thứ ngôn từ xảo trá:

** Đại hội Anh Hùng Chiến Sĩ Thi Đua toàn miền Nam do TUCMN và Quân Ủy Miền chủ trì (1968) có đại biểu các tỉnh, thành và Bộ Tư Lệnh các quân khu 5, 6, 7, 8, 9 và đặc khu Sài Gòn - Gia Định về dự đã nhất trí tuyên dương 3 tỉnh đạt những thành tích xuất sắc trong sự nghiệp chống Mỹ (giai đoạn 1954-1968) với các danh hiệu sau đây:*

1-Tỉnh Bến Tre: “Anh Dũng Đồng Khởi, thắng Mỹ diệt Ngụy.”

2-Tỉnh Long An: “Trung Dũng Kiên Cường, toàn dân đánh giặc.”

3- Tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng: Trung Dũng Kiên Cường, đi đầu diệt Mỹ” ⁽¹²⁰⁾

Và kết quả của nó ra sao?

Một bài giảng về lịch sử đảng cộng sản đã viết:

“Sau một tuần: 22 xã được giải phóng, 29 xã khác tiêu diệt ác ôn, vây đồn, giải phóng nhiều ấp.” ⁽¹²¹⁾

Những lời lẽ cho thấy cộng sản rất hả hê về các “thành tích” khủng bố đã làm cho các xã phường tiêu điều kiệt quệ và dân lành bị chết oan.

Có thể kể thêm vụ ám sát giáo sư Nguyễn Văn Bông mà đến nay cộng sản vẫn cho là thành tích tuyệt vời qua bài báo *Tôi Ám Sát Người Sắp Làm Thủ Tướng Sài Gòn* trên tờ Dân Việt của đảng cộng sản Việt Nam.

⁽¹¹⁹⁾ *Thư gửi Xứ ủy Nam Bộ, ngày 28-2-1961, tr. 40*

⁽¹²⁰⁾ <http://nguoibentre.vn/threads/khu-di-tich-lich-su-dong-khoi-ben-tre.15212/>

⁽¹²¹⁾ http://violet.vn/th-tanphu-dongphu-binhphuoc/present/showprint /entry_id/3765592/cat_id/2761132

Theo wikipedia, Nguyễn Văn Bông sinh tại Gò Công, Tiền Giang ngày 2/6/1929 trong một gia đình lao động. Ông là một học sinh học giỏi và tự lập. Năm 12 tuổi đã làm các nghề như sửa xe đạp, phụ đánh máy, quét dọn trường học để kiếm tiền đi học, vì cha mẹ ly dị.

Ông tự túc du học bên Pháp, tốt nghiệp cử nhân luật từ đại học Sorbonne (1956), tiến sĩ chính trị học (1960), thạc sĩ công pháp quốc tế (1962). Ông về nước dạy học, rồi giữ chức viện trưởng Học Viện Quốc Gia Hành Chánh thời đệ nhị Cộng Hòa. Cuối năm 1968 ông thành lập *Phong Trào Quốc Gia Cấp Tiến*, một tổ chức đối lập với chính phủ của tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Ông bị mưu sát lần đầu năm 1968 thoát hiểm nhưng đến lần 2, năm 1971 bị chết lúc mới 42 tuổi. Ông qua đời để lại vợ mới 30 tuổi và ba người con, hai trai, một gái.

Sau 1975, vợ ông là Lê Thị Thu Vân — người ông gặp ở Paris, còn gọi là “Cô Út” — tái giá với một nhà ngoại giao Mỹ là Lacy Wright, và lấy tên là Jackie Bông Wright. Bà có viết và xuất bản một hồi ký tựa đề *Autumn Cloud: From Vietnamese War Widow to American Activist — Mùa Mùa Thu: Từ Một Góa Phụ Chiến Tranh Đến Một Người Hoạt Động Xã Hội*.

Lúc mới nghe tin ông bị ám sát, bà Thu Vân tố cáo thủ tướng Trần Thiện Khiêm là thủ phạm giết hại chồng bà. Lời tố cáo này xuất phát từ suy luận giáo sư Nguyễn Văn Bông đã nhận lời làm thủ tướng trong chính phủ Nguyễn Văn Thiệu tức là ngăn chặn bước đường công danh của tướng Trần Thiện Khiêm, người sau này là thủ tướng. Thế nhưng bà Thu Vân đã sai. Người ám sát giáo sư Nguyễn Văn Bông là Vũ Quang Hùng, tức tác giả bài viết trên tờ Dân Việt.

Theo một nguồn tin, Vũ Quang Hùng lúc đó là sinh viên năm thứ ba Đại Học Khoa Học Sài Gòn, tức Đại Học Khoa Học Tự Nhiên hiện nay, và là thành viên tổ trinh sát vũ trang của Ban An Ninh T4. Còn người ngồi sau xe honda

nếu trong bài báo tường thuật là Lê Văn Châu, trung úy quân đội VNCH đồng thời cũng là cơ sở An Ninh T4.

Theo lời kể trên Dân Việt thì hai người trình sát giết giáo sư Bông bằng cách ném chiếc cặp da chứa chất nổ và lựu đạn dưới gầm xe của ông khi đang ngừng tại đèn đỏ ngã tư Cao Thắng – Phan Thanh Giản.

Giáo sư Bông chết tại chỗ cùng 4 người thân cận là 3 vệ sĩ và 1 tài xế. Vũ Quang Hùng đã kể lại hành vi giết hại một nhà giáo với lời lẽ tự hào như sau:

“Và nếu tình huống này xảy ra (tức giáo sư Bông trở thành thủ tướng), cách mạng có thể gặp khó khăn hơn bởi Nguyễn Văn Bông là một trí thức có uy tín và chính quyền ngại chuyển từ quân sự sang dân sự mọi diễn tiến sẽ có lợi cho địch.”

Ngoài giọng kể đầy tự hào, Vũ Quang Hùng còn cho thấy mục đích chính của hành vi trên không hề liên can tới cuộc sống của người dân mà chỉ phản ánh quyết tâm bằng mọi giá giành đoạt quyền lực cho đảng Cộng Sản, trong đó gồm cả cái giá tàn sát bất kỳ cá nhân nào dù là người mang nhiệt tâm thiện chí và có tài năng phục vụ đất nước.

Bởi Vũ Quang Hùng đã nói rõ *giáo sư Nguyễn Văn Bông là người trí thức có uy tín* nên có thể sẽ tạo được những bước tiến tốt cho triển vọng dân chủ hóa miền Nam và điều đó sẽ gây khó khăn cho đảng Cộng Sản nên cần phải diệt trừ.



Tóm lại, sử dụng bạo lực là phương châm tối thượng của cộng sản nên đảng CSVN đã chủ trương khủng bố để thủ đoạt quyền lực.

Nhưng không thể lộ bộ mặt thực tàn ác phi nhân, đảng đã tung ra luận điệu tuyên truyền lờ mờ gạt để lôi cuốn quần chúng là miền Nam bị Mỹ xâm lược, nhân dân miền Nam bị đàn áp bóc lột đang đồng khởi nổi dậy...



Vài
hình ảnh ghi khắc
“Chiến công
Chống Mỹ Cứu Nước”
tại Sài Gòn
của
đảng CSVN

NHỮNG SỰ THẬT CẦN PHẢI BIẾT * 337



↑ Giáo sư
Nguyễn Văn Bông
và chiếc xe bị bom.

Thủ phạm
Vũ Quang Hùng
Lê Văn Châu



Trong lúc liên tục hô hào luận điệu tuyên truyền đó, Cộng Sản đã chỉ đạo lực lượng nằm vùng khuấy rối, phá hoại, giết chóc với mục đích tạo ra tình trạng hỗn loạn trong khi ào ạt đưa quân đội cùng bom đạn vào Nam thực hiện cuộc xâm chiếm.

Chủ trương này đã được chuẩn bị từ sau hiệp định Genève 1954 để bùng nổ vào năm 1957 mở đường cho quân đội Cộng Sản khai diễn cuộc chiến vào năm 1959.

Suốt thời gian này tại miền Nam không có bóng dáng binh sĩ Mỹ — vì quân đội Mỹ chỉ xuất hiện năm 1965 — nhưng mọi khẩu hiệu do Cộng Sản đưa ra luôn là chống Mỹ, diệt Mỹ. Đặc biệt là sau tháng 1-1973, khi đã có hiệp định Paris và quân đội Mỹ đã hoàn toàn rút khỏi miền Nam, những khẩu hiệu này vẫn tiếp tục được hô hào kể cả trong các vụ ám sát, gài mìn, giật cầu, phá đường hay các vụ pháo kích chỉ trút bom đạn vào các khu dân cư vô tội tương tự như pháo kích trường tiểu học Cai Lậy ...

Như thế, từ khi quân đội Mỹ chưa có mặt ở Việt Nam trước năm 1965 cho đến sau khi quân đội Mỹ đã rút về nước năm 1973, hàng loạt các cuộc bắn giết bừa bãi, ám sát tàn bạo vẫn diễn ra. Vậy đảng cộng sản đang “giết Mỹ” hay giết chính đồng bào gồm toàn thường dân và cả trẻ em vô tội?

Đảng CSVN luôn dùng mọi danh từ xâm lược, khủng bố, man rợ, phi nhân... để gán cho các đối tượng không chấp nhận họ. Nhưng thực tế đã cho thấy chính đảng cộng sản đang tự vả vào mặt mình khi gào thét các danh từ đó.

— 27/11/2012

– **Chương 18 :**

THỐNG NHẤT ? — XẢO NGÔN !

Trên thực tế đến hôm nay vẫn còn một bộ phận không nhỏ trong nhân dân, kể cả giới trí thức XHCN bị căn bệnh xuất phát từ các cụm từ “*thống nhất*”, “*giải phóng*.” Chính do các cụm từ này mà hàng triệu con tim Việt Nam đã phải ngừng đập. Cũng chính do các cụm từ này mà đến nay vẫn có nhiều người chưa dám đứng thẳng lên để nhìn lại lịch sử, nhìn lại thực tế, nhìn lại chính mình.

Bản thân tôi cũng không thoát khỏi cảnh sống trong cái môi trường nhồi nhét và tẩy não của đảng cộng sản. Tuy nhiên, qua quan sát, tìm hiểu và suy ngẫm dẫn đến những câu hỏi về nhiều vấn đề liên quan đã nhắc nhở tôi cần nhìn thẳng vào sự thật, nhất là những sự thật lịch sử đã bị vùi lấp bởi những mưu đồ tàn hại.

Bởi tìm lại sự thật lịch sử không chỉ có ý nghĩa đơn thuần là phục hồi hình ảnh chính xác của một đoạn đường lịch sử mà còn mang thêm ý nghĩa giải tỏa tình trạng lạc hướng cho nhiều người đã không may bị nhồi nhét và dắt dẫn bởi những dụng tâm lường gạt xảo trá.

Nhìn lại đoạn đường 20 năm từ 1955 đến 1975 của đời sống Việt Nam, điểm nổi bật nhất là có không ít lời lẽ xưng tụng đảng CSVN đã “*lãnh đạo thành công cuộc đấu tranh giải phóng và thống nhất đất nước.*”

Trên thực tế, cụm từ “*giải phóng - thống nhất*” chỉ là thứ bình phong được đảng cộng sản đưa ra biện giải cho các hành vi tội ác chất chồng của họ với dân tộc.

Khi gây cuộc chiến xâm lược miền Nam, cộng sản ra rả rao truyền là tiến hành đấu tranh “*giải phóng*” miền Nam và “*thống nhất*” đất nước. Nhưng ai cũng dễ dàng thấy không thể có chuyện “*ngược đời*” là một nước có nền kinh tế, văn hóa, giáo dục, dân trí, đời sống...thua kém và trì trệ lại đi “*giải phóng*” cho một nước phát triển hơn mình về mọi mặt. Bởi không ai không thấy vào thời điểm 1955-1975, sự thật hiển nhiên là đời sống nhân dân miền Nam dưới chế độ VNCH hoàn toàn vượt xa đời sống nhân dân miền Bắc dưới chế độ VNDCCH. Đồng thời, cái có thứ hai được viện dẫn cho yêu cầu “*giải phóng*” đã trở nên lố bịch bởi không hề có tình trạng nhân dân bị “*kìm kẹp*” và cũng không có chuyện bị Mỹ “*xâm lược*.”

Cụm từ “*giải phóng*” đã được đảng cộng sản khai thác theo thủ đoạn “*ngâm máu phun người*” để làm bình phong che giấu chủ trương khủng bố nhằm đạt mục tiêu xâm lăng VNCH để hoàn thành thâu tóm quyền lực, thâu tóm của cải cũng như thực hiện chỉ thị của Trung Cộng

Tính xảo trá của cộng sản để lừa dối nhân dân khi vận dụng cụm từ “*giải phóng*” đã được đề cập nhiều lần nên những dòng kẻ tiếp sẽ chỉ giới hạn trong việc phân tích về cụm từ “*thống nhất*.”

Trước hết, “*thống nhất*” có ngữ nghĩa ra sao?

Theo các từ điển tiếng Việt hiện nay, *thống nhất* là một động từ và cũng là một tính từ. Do đó, *thống nhất* đã được định nghĩa như sau: “*Là một động từ, thống nhất hàm nghĩa diễn tả **hợp thành một khối có chung cơ cấu, tổ chức.** Là một tính từ, thống nhất hàm nghĩa **nhất trí với nhau.***” Một định nghĩa khác của từ *thống nhất* mang tính bao quát hơn là “***có sự phù hợp, nhất trí với nhau, không mâu thuẫn, hợp thành một khối.***”

Như vậy, *thống nhất* theo ngữ nghĩa dù là động từ, hay tính từ cũng đều nói lên ***tính hợp chung thành một cơ cấu có sự nhất trí với nhau.***

Chính hàm nghĩa này của từ *thống nhất* đòi hỏi phải khẳng định đảng cộng sản đã xảo ngôn khi tuyên xưng mục tiêu đấu tranh giành thống nhất đất nước. Bởi cả hai phương diện mục tiêu và phương sách đấu tranh mà đảng cộng sản theo đuổi đều hoàn toàn đi ngược với hàm nghĩa của từ *thống nhất*. Nói cách khác, từ “*thống nhất*” đã bị đảng cộng sản lợi dụng như một liều thuốc mê gây liệt bại trí não của nhiều thế hệ con dân Việt Nam trong những năm qua hầu cuốn hút mọi người để biến thành một loại công cụ phục vụ cho tham vọng của đảng cộng sản.

● THỐNG NHẤT ĐỂ LÀM GÌ?

Không bao giờ làm lần khi nói hết thấy mọi con dân Việt Nam đều mong muốn đất nước độc lập, toàn vẹn và thống nhất thực sự. Đó là điều mà cá nhân nào cũng rất, rất mong muốn.

Nhưng thống nhất không bao giờ được biến thành cái cớ để làm bừa, làm sai, làm theo kiểu cướp giật, khủng bố...chỉ do tham vọng độc chiếm quyền lực, bất chấp làm suy yếu đất nước và đẩy những người chung huyết mạch vào cảnh huynh đệ tương tàn, đầu rơi máu chảy. Đây chính là cách mà đảng CSVN đã vận dụng từ ngữ thống nhất suốt giai đoạn lịch sử 1955-1975 vừa qua.

Xin cùng nhìn lại vài khía cạnh thực tế.

– Thứ nhất, thực tế từng chứng minh rằng VNCH là một chế độ dân chủ, phát triển hơn hẳn VNDCCCH nên không cần đến yêu cầu giải phóng ngược. Như thế, trong một chừng mực nhất định, yêu cầu hợp tình hợp lý biểu hiện tinh thần vì dân vì nước là không thể cản trở hay phá hư công cuộc xây dựng dân chủ, tự do và phát triển kinh tế đang nảy mầm tại Việt Nam, ít ra là tại miền Nam. Cũng trên căn bản tinh thần vì dân vì nước, vấn đề thống nhất trong hoàn cảnh này sẽ phải được cân nhắc mức độ lợi hại theo dòng tiến hóa lịch sử và các quy luật tất yếu chứ không

thể nhắm mắt chọn ngay biện pháp chiến tranh để gieo tai ương tang tóc trên khắp nước. Những người lãnh đạo đảng CSVN chắc chắn cũng nhận ra sự thật đó, nhưng họ đã chọn con đường bạo lực. Tại sao?

Lời đáp đơn giản là đảng Cộng Sản thực sự không đặt vấn đề thống nhất trên căn bản phụng sự quyền lợi chung của dân tộc, đất nước mà trên căn bản tranh giành quyền lực cho riêng đảng Cộng Sản, đặc biệt là theo chỉ đạo của Cộng Sản Quốc Tế, cụ thể là Trung Cộng.

Chính từ căn bản này, đảng Cộng Sản đã thấy không thể thống nhất hai miền Nam - Bắc Việt Nam đang theo đuổi hai ý hệ trái ngược là độc tài chuyên chế và dân chủ tự do. Thực ra, tình trạng mâu thuẫn cùng cực trên vẫn có thể vượt qua khi các tập thể thủ đắc quyền lực thành tâm phụng sự đất nước, đặt đất nước cao hơn các tham vọng riêng của cá nhân, phe phái... Đây là điều đã biểu hiện bằng thực tế qua việc thống nhất Đức Quốc dù hai miền Đông - Tây Đức cũng theo hai ý hệ đối nghịch y hệt Nam - Bắc Việt Nam. Nhưng thực tế cho thấy qua chọn lựa này, chế độ cộng sản Đông Đức đã hoàn toàn bị đẩy khỏi chính trường và đây là điều mà giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam không thể chấp nhận do tham vọng cá nhân, phe phái ở tầm cao vượt xa quyền lợi chung của dân tộc và đất nước.

Cho nên, sử dụng vũ lực gây chiến để tiêu diệt chế độ dân chủ tự do tại miền Nam trở thành mục tiêu tối thượng của đảng CSVN. Hai yếu tố trực tiếp hình thành mục tiêu này là tham vọng độc chiếm quyền lực quốc gia của đảng Cộng Sản và yêu cầu nhuộm đỏ bán đảo Đông Dương của Liên Xô - Trung Cộng. Lời tuyên bố của Lê Duẩn — “*Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô, cho Trung Quốc...*” — đã xác nhận vai trò công cụ của đảng Cộng Sản đối với Liên Xô - Trung Cộng trong khi chủ trương giành đoạt quyền lực bằng xương máu nhiều thế hệ con dân Việt Nam qua lời phát biểu của Hồ Chí Minh với Chu Ân Lai — “*Dù phải*

chiến đấu 10 năm, 20 năm, thậm chí 50 năm vẫn phải đánh” — đã cho thấy mức độ cuồng điên về tham vọng của các lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam.

– Thứ hai, trong cuốn *Sự Thật Về Quan Hệ Việt Nam - Trung Quốc Trong 30 Năm Qua* xuất bản tháng 10/1979 tại Hà Nội có đoạn: *“Trong chiến lược toàn cầu của những người lãnh đạo Trung Quốc, nếu họ coi Liên Xô và Mỹ là những đối tượng chủ yếu cần phải chiến thắng, thì họ coi Việt Nam là một đối tượng quan trọng cần khuất phục và thôn tính để dễ bề đạt được lợi ích chiến lược của họ...”*, *“Đường vẽ chấm là “biên giới” của Trung Quốc theo quan điểm bành trướng, những vùng đánh số là những lãnh thổ mà nhà cầm quyền Bắc Kinh cho là đã bị nước ngoài “chiếm mất” bao gồm một phần lớn đất vùng Viễn Đông và Trung Á của Liên Xô (số 1, 17, 18), Át Xam (số 6), Xích Kim (số 4), Butan (số 5), Miến Điện (số 7), Nêpan (số 3), Thái Lan (số 10), Việt Nam (số 11), Lào, Campuchia...Chủ tịch Mao Trạch Đông còn khẳng định trong cuộc họp của Bộ Chính Trị Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc, tháng 8 năm 1965: “Chúng ta phải giành cho được Đông Nam Châu Á, bao gồm cả miền Nam Việt Nam, Thái Lan, Miến Điện, Malayxia và Singapore...Một vùng như Đông Nam châu Á rất giàu, ở đây có nhiều khoáng sản...xứng đáng với sự tốn kém cần thiết để chiếm lấy...Sau khi giành được Đông Nam Châu Á, chúng ta có thể tăng cường được sức mạnh của chúng ta ở vùng này, lúc đó chúng ta sẽ có sức mạnh đương đầu với khối Liên Xô - Đông Âu, gió Đông sẽ thổi bạt gió Tây...”*

Đoạn trích này cho thấy chính cộng sản Việt Nam đã công nhận Trung Cộng muốn “*khuất phục*” Việt Nam và tự coi Việt Nam là một phần lãnh thổ của họ.

Cuốn sách còn viết tiếp: *“Trong cuộc gặp giữa đại biểu bốn đảng cộng sản Việt Nam, Trung Quốc, Ấnô-nê-xia và Lào tại Quảng Đông tháng 9 năm 1963, thủ tướng Chu*

Ân Lai nói: “Nước chúng tôi thì lớn nhưng không có đường ra, cho nên rất mong Đảng Lao Động Việt Nam mở cho một con đường mới xuống Đông Nam Châu Á.

“Để làm suy yếu và nắm lấy Việt Nam, họ ra sức phá sự đoàn kết giữa ba nước ở bán đảo Đông Dương, chia rẽ ba nước với nhau, đặc biệt là chia rẽ Lào và Campuchia với Việt Nam. Đồng thời họ cố lôi kéo các nước khác ở Đông Nam Châu Á đối lập với Việt Nam, vu khống, bôi xấu, hòng cô lập Việt Nam với các nước trên thế giới... “Trong 30 năm qua, những người lãnh đạo Trung Quốc coi Việt Nam là một trong những nhân tố quan trọng hàng đầu đối với chiến lược của họ, luôn luôn tìm cách nắm Việt Nam. Muốn như vậy, nước Việt Nam phải là một nước không mạnh, bị chia cắt, không độc lập và lệ thuộc Trung Quốc.”

Như vậy, Việt Nam bị đặt dưới rất nhiều cách nhìn của Trung Cộng và cách nhìn nào cũng nhằm đẩy Việt Nam xuống hố thẳm từ đối tượng bị cô lập với các nước lân bang tới đối tượng bại liệt bởi nội chiến tương tàn rồi công cụ mở đường bành trướng cho Trung Cộng hoặc bị Trung Cộng xóa sổ trên bản đồ thế giới... Đáng kể là chính CSVN đã nói lên sự thực trên, và càng đáng kể hơn nữa là sau khi nói lên sự thực như vậy, CSVN vẫn chọn nẻo đường cúi đầu khoanh tay tuân thủ mọi chỉ đạo của Trung Cộng.

Những chứng cứ này đã góp thêm tính xác thực cho kết luận về mục tiêu của đảng CSVN khi đưa quân xâm chiếm miền Nam chỉ là nhằm đạt toàn tham vọng riêng của đảng Cộng Sản đồng thời đáp ứng yêu cầu của Cộng Sản Quốc Tế mà đại diện gắn bó với CSVN lúc đó là Trung Cộng. Từ đây, có thể nói hàm nghĩa chính xác của từ ngữ “*thống nhất*” mà Cộng Sản luôn nhắc nhở không dính dáng gì đến cuộc chiến Việt Nam 1955-1975 mà chỉ là một tấn tuồng lường gạt bằng chữ nghĩa mà thôi. Bởi dù chỉ giới hạn trong phương diện lãnh thổ, từ ngữ “*thống nhất*” được dùng cũng không hề diễn tả hướng nhắm của người Cộng

Sản. Cho nên sẽ hoàn toàn chính xác khi kết luận rằng từ ngữ “*Thống Nhất*” mà người Cộng Sản đã dùng để diễn tả nguyên nhân cuộc chiến do họ gây ra từ 1955 đến 1975 tại Việt Nam chỉ là một thứ xảo ngôn không hơn không kém.

– Thứ ba, trên thực tế, tính lệ thuộc của CSVN khi mở ra cuộc chiến xâm lược miền Nam không chỉ riêng đối với Trung Cộng mà còn đối với Liên Xô. Cuốn *Một Bước Đi Lớn* của nhóm tác giả KGB Liên Xô nơi trang 126 viết:

“Khả năng rất lớn là Mỹ sẽ có vai trò quan trọng trong việc thiết lập hòa bình ở Đông Nam Á trong đó có Việt Nam. Trung quốc cũng hiểu điều này. Chính vì thế Liên Xô phải chuẩn bị cho tình huống xấu nhất là chủ nghĩa tư bản ngự trị tại nơi mà Liên Xô đang mong muốn xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội...”

Trích đoạn này soi tỏ hai điều: thứ nhất là ý đồ nhuộm đỏ vùng Đông Nam Á của Liên Xô và thứ hai là chủ trương thiết lập hòa bình của Mỹ tại đây. Qua lời lẽ khẳng định, người cộng sản Liên Xô đã nói rõ mục đích của họ là nhuộm đỏ vùng Đông Nam Á và nói rõ vai trò của Mỹ tại vùng đất này sẽ gây trở ngại lớn cho họ. Do đó, Liên Xô đã chuẩn bị kế hoạch đối phó với sự tiếp tay của Trung Cộng và Việt Nam được chọn đóng vai con chốt cho cuộc cờ tiền chiếm miền Nam bằng vũ lực. Vì thấy trước vai trò quan trọng của Mỹ nên luận điệu tuyên truyền vu không Mỹ xâm lược được tung ra vừa để che giấu hành vi xâm lược của chính họ đồng thời cũng để lôi cuốn những người nhẹ dạ cả tin biến thành tay sai của họ. Như thế, chính Liên Xô đã thúc đẩy CSVN gây chiến với VNCH để bành trướng chủ thuyết cộng sản chứ đâu có liên hệ đến bất kỳ yêu cầu chính đáng gì của dân tộc và đất nước Việt Nam. Tới đây, mọi từ ngữ “*giải phóng*”, “*thống nhất*” đã hiện nguyên hình chỉ là những tiếng nói lừa gạt bi ối trắng trợn mà thôi.

– Thứ tư là liên hệ không thể chối cãi của vấn đề với bản công hàm 1958 của VNDCCH công nhận các quần đảo

Hoàng Sa, Trường Sa là lãnh thổ của Trung Cộng. Bản công hàm do Phạm Văn Đồng ký nhân danh thủ tướng VNDCCH nhưng hiển nhiên không thể do ý riêng của Phạm Văn Đồng mà phải hiểu là quyết định chính thức của Đảng CSVN do Hồ Chí Minh lãnh đạo. Đã hơn một lần, đảng Cộng Sản giải thích lý do Phạm Văn Đồng ký kết công hàm 1958 vì VNDCCH cần được Trung Cộng viện trợ vũ khí để tiến hành cuộc chiến “*giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước*” nên bắt buộc phải đáp ứng các đòi hỏi của Trung Cộng. Sự việc này cho thấy điều gì?

Đó là việc sẵn sàng bán nước đổi lấy vũ khí để gây ra cuộc chiến huynh đệ tương tàn nhằm mục tiêu độc chiếm quyền lực cho đảng Cộng Sản. Đây là một sự thực không thể chối cãi dù lúc đó hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đang thuộc quyền quản lý của VNCH. Bởi dù thuộc quyền quản lý của miền Nam hay miền Bắc thì các hải đảo trên vẫn là lãnh thổ Việt Nam, vẫn là di sản tạo dựng bằng xương máu của cha ông truyền lại cho con cháu. Trong khi đó, chính đảng Cộng Sản đã nhân danh vấn đề “*thống nhất*” để tiến hành cuộc chiến chống miền Nam thì tại sao lại cắt một phần đất Việt Nam để dâng cho ngoại bang?

Nhìn vấn đề theo cách nào cũng không thể nói khác là đảng CSVN không hề nghĩ đến nguyện vọng thống nhất đất nước mà chỉ mượn từ ngữ thống nhất làm bình phong cho hành vi bán nước do tham quyền cố vị nên đã biến thành tay sai cho quốc tế cộng sản. Vì chẳng có từ THỐNG NHẤT đúng nghĩa nào lại đem lãnh thổ của cái THỐNG NHẤT đó giao cho nước ngoài cả.

● THỐNG NHẤT NHƯ THẾ NÀO?

Như đã trình bày, người Việt Nam nào cũng mong “thống nhất” đất nước với sự vẹn toàn lãnh thổ. Nhưng bảo vệ thống nhất lãnh thổ như thế nào là vấn đề đòi hỏi nhiều cân nhắc, đặc biệt là không thể tùy nghi định đoạt bất chấp

cuộc sống an lành của người dân. Nói cho đúng, dù thực sự nhiệt tình với nguyện vọng thống nhất thì các thể chế chính trị vẫn luôn phải tôn trọng nguyện vọng của nhân dân và tôn trọng cuộc sống của nhân dân chứ không thể độc đoán xử dụng bạo lực và khủng bố để cưỡng bách nhân dân, tàn phá cuộc sống của nhân dân.

Thực tế đã cho thấy đảng CSVN không đáp ứng mà còn trả đũa điều kiện tất yếu này khi phát động cuộc chiến mệnh danh là giành thống nhất đất nước.

Đã có luận điệu biện giải là họ bị vây hãm trong vòng chi phối của hoàn cảnh lịch sử khiến không có chọn lựa nào khác ngoài việc chấp nhận chiến tranh. Luận điệu biện giải này sẽ phù hợp với sự thật nếu chỉ nhắm diễn tả vai trò của đảng CSVN trong hệ thống tổ chức Cộng Sản Quốc Tế. Ngoài ra, không có hoàn cảnh lịch sử nào thúc ép phải đặt đất nước Việt Nam dưới bão lửa đạn bom mà ngược lại hoàn cảnh lịch sử Việt Nam từ 1945 còn mở ra không ít cơ hội tốt lành cho đất nước. Đây không phải quyết đoán riêng của người viết những dòng này mà chính là tiếng nói cất lên từ không ít sự kiện lịch sử từ 1945 tới 1975.

– Thứ nhất, năm 1954, cuộc chiến Việt Nam đã kết thúc theo hiệp định Genève tạm thời chia đất nước thành 2 miền Nam - Bắc đặt dưới quyền quản lý của hai chế độ Quốc Gia và Cộng Sản. Phía Quốc Gia từ chối ký hiệp định vì phản đối việc phân đôi lãnh thổ, nhưng vẫn cam kết tôn trọng các điều khoản quy định việc ngưng chiến để văn hồi hòa bình. Ngược lại, CSVN ký kết tán thành việc phân đôi lãnh thổ, nhưng ngay khi chữ ký chưa khô mực đã chuẩn bị gây chiến như chính các tài liệu Cộng Sản ghi nhận về các sự việc như cài đặt 60 ngàn cán binh và cả Lê Duẩn ở lại miền Nam để sắp đặt kế hoạch ám sát, khủng bố, phá hoại và nổi dậy...

Điều này cũng được lập lại sau hiệp định Paris 1973. Thời điểm này, đảng CSVN cũng long trọng ký kết hiệp

ước và ngay sau đó là lợi dụng bản hiệp ước để gia tăng nỗ lực chiến tranh gấp bội lần.

Như thế không thể nói hoàn cảnh lịch sử buộc phải chọn lựa như thế, vì thực tế cho thấy hiển nhiên CSVN hoàn toàn tự do trong mọi quyết định. Về các nguyên nhân khác mà Cộng Sản viện dẫn như Mỹ xâm lược miền Nam, VNCH đàn áp bóc lột dân chúng thì thực tế đã chỉ rõ chỉ là điều bịa đặt trắng trợn. Bởi CSVN đã sắp đặt chiến tranh và khởi chiến từ gần 10 năm trước khi quân đội Mỹ hiện diện để hỗ trợ VNCH, trong khi cuộc sống của nhân dân miền Nam thì chính người dân miền Bắc đều coi là cuộc sống mơ ước của họ. Cùng thời điểm này, Đức Quốc cũng lâm cảnh chia đôi nhưng thực tế đã cho thấy việc thực hiện thống nhất không bắt buộc phải tiến hành bằng chiến tranh.

Tóm lại, vấn đề đã hiện hình là đảng CSVN thực chất không hề lo cho dân, cho nước mà chỉ mưu cầu độc chiếm quyền lực bằng cái giá sẵn sàng đẩy nhân dân hai miền đất nước đến những đau thương vô hạn. Nói cho đầy đủ thì đảng cộng sản với bản năng khát máu chỉ muốn củng cố vai trò thống trị hầu thỏa mãn mục tiêu bành trướng chủ nghĩa cộng sản mà thôi.

– Thứ hai, sự thực trên không phải chờ đến sau năm 1954 hay sau năm 1973 mà đã hiện hình ngay từ năm 1945. Trên website của tỉnh Thừa Thiên Huế, bài giới thiệu về điện Kiến Trung có đoạn: *“Ngày 9 tháng 3, Nhật đảo chính Pháp và thỏa thuận trao trả độc lập cho Việt Nam. Hai ngày sau, 11 Tháng Ba vua Bảo Đại triệu cố vấn tối cao của Nhật là đại sứ Yokoyama Masayuki vào điện Kiến Trung để tuyên bố nước Việt Nam độc lập. Cùng đi với Yokoyama là tổng lãnh sự Konagaya Akira và lãnh sự Watanabe Taizo.”*

Như vậy, chính đảng Cộng Sản từng công nhận một sự thật lịch sử hiển nhiên là Nhật đã trao trả độc lập cho Việt Nam thông qua chính quyền của vua Bảo Đại.

Sự kiện này cũng được ghi lại trong cuốn *Đường Dài Xã Hội Chủ Nghĩa* của N. Badasov, chuyên gia nghiên cứu lịch sử và đảng viên cộng sản Liên Xô. Cuốn sách tổng kết những phát biểu của Lê-nin, Stalin, Breznev... về xã hội chủ nghĩa Liên Xô và thế giới, và nơi trang 233 đã ghi lại câu nói bật thốt lên của Stalin khi nhận được tin Nhật trao trả độc lập cho Việt Nam như sau: “*Thật sự khó khăn cho hệ thống xã hội chủ nghĩa khi Việt Nam được người Nhật ưu ái.*”

Điều này minh chứng thêm rằng sự kiện Nhật trao trả độc lập cho Việt Nam là có thật, đồng thời cũng cho thấy sự kiện này là trở ngại lớn cho giấc mơ nhuộm đỏ vùng Đông Nam Á của Liên Xô.

Như thế Việt Nam đã độc lập và thống nhất ngay từ thời chính phủ Trần Trọng Kim mà người dân không hề phải gánh chịu tai họa đổ máu. Thế nhưng đảng Cộng Sản lại gọi chính quyền Trần Trọng Kim là tay sai Phát Xít Nhật để có cơ cướp chính quyền thay vì hợp tác để cùng điều hành đất nước. Lý do chỉ đơn giản là đảng CSVN cần độc chiếm quyền lực để mặc sức khai thác tài lực và mạng sống người dân cho cuồng vọng thống trị thế giới của Cộng Sản Quốc Tế.

Luận điệu biện giải do hoàn cảnh ép buộc phải chọn chiến tranh để giải phóng và thống nhất đất nước rõ ràng không có căn bản thực tế. Bởi thực tế cho thấy Việt Nam đã thống nhất và độc lập không cần phải gây chiến với ai từ 1945. Nếu Hồ Chí Minh và đảng CSVN không phải là công cụ của Liên Xô – Trung Cộng thì lịch sử đất nước chắc chắn đã không bị xô vào nẽo đường ngập ngụa máu xương tang tóc từ 1945 tới 1975.

– Thứ ba là nhận định của một học giả quốc tế về con người Hồ Chí Minh cũng góp thêm dữ liệu đáng kể cho việc nhìn lại thực chất cuộc chiến Việt Nam. Cuốn sách *Chủ Thuyết Của Chúng Ta* ấn hành năm 1981 tại Đông Đức là

một cuốn sách nghiên cứu khá sâu sắc về quốc tế cộng sản của học giả A. Schenaldar cũng là một đảng viên đảng cộng sản CHDC Đức. Trên trang 93 của cuốn sách, A. Schenaldar nói về nhân vật Hồ Chí Minh như sau: *“Người cộng sản chân chính không đánh giá quá cao về tầm lòng nhiệt thành và lý tưởng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chí Minh). Nhiều vị lãnh tụ như Stalin nhận thấy ở ông ta một sự tư lợi cá nhân mà người có tinh thần dân tộc ít có.”*

Đoạn trích cho thấy chính các lãnh tụ cộng sản từng biết rõ về Hồ Chí Minh, cụ thể như Stalin, đã cho rằng Hồ Chí Minh không hoạt động vì lý tưởng dân tộc mà chỉ nghiêng theo mưu cầu *“tư lợi”* cho bản thân. Đánh giá này chắc chắn không nhầm chệ bai Hồ Chí Minh mà chỉ nhầm định rõ bản chất của Hồ Chí Minh để khai thác trong công việc mà thôi. Nhưng một người chỉ mưu cầu tư lợi không hề có lý tưởng dân tộc, sẵn sàng đóng tròn vai công cụ cho Cộng Sản Quốc Tế bằng mọi giá thì có thể là người đem lại những điều tốt lành cho dân tộc không?

Cũng cần nhắc là chính Hồ Chí Minh đã từng có những phát biểu tới nay vẫn còn ghi trong các tài liệu chính thức của đảng Cộng Sản như chỉ thị các đảng viên phải tuân thủ tuyệt đối nghị quyết của Đại Hội V Đệ Tam Quốc Tế tháng 6/1924 — *“Chúng ta không bao giờ chấp nhận các phần tử dân tộc... Chúng ta chỉ lợi dụng sự bất mãn của họ để phục vụ cuộc cách mạng vô sản”* — và lời khuyên các đồng chí in trên báo Thanh Niên ngày 20/12/1926 : *“Dân tộc chỉ là màu sắc chứ không phải bản chất ... Chủ nghĩa ái quốc là điều nguy hiểm.”*

Sẽ không ngạc nhiên với kết luận Hồ Chí Minh là kẻ xảo ngôn khi hô hào *“giải phóng dân tộc”*, *“thống nhất đất nước.”* Và càng không ngạc nhiên về việc đảng Cộng Sản do Hồ Chí Minh lãnh đạo đã gây vô vàn tai họa bi thương cho dân tộc dưới các chiêu bài lừa bịp *“giải phóng, thống nhất.”*



Thống nhất đất nước là điều hợp lý và thuận theo ước muốn có một Việt Nam thật sự vững mạnh. Nhưng không thiếu gì cơ hội đi theo con đường hòa bình để thống nhất đất nước mà đảng cộng sản đã cố tình bỏ qua.

Đơn giản vì đảng cộng sản chỉ muốn tiêu diệt mọi thành phần, đảng phái chủ trương dân chủ, tự do để độc chiếm quyền lực nên biện pháp thích hợp với họ là sử dụng bạo lực tiến hành chiến tranh. Song song với lý do độc chiếm quyền lực, đảng Cộng Sản còn phải thi hành vai trò công cụ cho Liên Xô – Trung Cộng thực hiện âm mưu nhuộm đỏ đất nước để biến thành bàn đạp nhuộm đỏ toàn vùng Đông Nam Á. Vì vậy Hồ Chí Minh đã cố giành “*thống nhất*” bằng bạo lực dẫn đến cái chết vô nghĩa của hàng triệu thanh niên hai miền và hậu quả khốc hại thì đến nay nhân dân vẫn đang gánh chịu.

Như vậy, trên thực tế đảng cộng sản không bao giờ nhằm “*giải phóng*” cùng “*thống nhất*” đất nước mà chỉ vận dụng xảo ngôn để che đậy mưu đen tối của mình với nhân dân. Đã đến lúc những người tự cho mình là “*nhân sĩ trí thức, lão thành cách mạng, có công với đảng...*” hãy nhìn lại sự việc “*thống nhất*” một cách rõ nét và thẳng thắn để thấy bản thân đã bị lừa dối bởi đảng cộng sản mà người đứng đầu là Hồ Chí Minh.

Đảng nào thì đã “*thống nhất*” bằng đổ máu rồi.

Đảng nào thì nhân dân và các vị “*lão thành cách mạng, nhân sĩ XHCN*” cũng bị đảng lừa dối rồi.

Bây giờ không phải lúc kêu than đảng sửa sai, van xin đảng thay đổi vì đảng cộng sản không thể thay đổi.

Xin các vị vì chính danh dự của mình đã bị đảng, bị Hồ chí Minh lợi dụng, lừa đảo bao năm qua, hãy quay về với nhân dân để tranh đấu cho tự do, dân chủ thực sự tại Việt Nam. Chỉ có thế thì mới đúng với tinh thần dân tộc

Việt Nam trường tồn. Đừng để đảng lừa nữa và cũng đừng để thế hệ con cháu như chúng tôi phải xấu hổ về những nhận thức ngây thơ, tự hào quá khứ "*cách mạng*" của các vị. Hãy để tinh thần dân tộc lên tiếng trong con tim các vị và hãy để cho thế hệ trẻ Việt Nam tôn trọng sự thật. Sự thật thì mất lòng, nhưng mất lòng mà nhận ra cái sai của lũ bán nước, để nhân dân cùng một lòng đứng lên dẹp bỏ cũng là việc nên làm.

Cũng xin chuyển thông điệp này đến với đảng cộng sản Việt Nam: ***Thống nhất ư? Các vị đừng xảo ngôn!***

— 11/12/2012

– *Chương 19 :*

MẤT !

● *Viết cho ngày 30/04,
ngày mà đất nước Việt Nam đã thực sự Mất!*

Tôi băn khoăn mãi về tựa đề đặt cho chương này.
Rất may là tôi đã tìm được nhờ âm nhạc.

Cảm ơn nhạc sĩ Lam Phương đã cho tôi và đồng bào
nghe bài hát *Mất*.

Xin mạn phép được sử dụng tựa đề của bài hát với câu
hát làm tôi xúc động: “*Em có biết ngày 30 mất nước, ngày
chia ly ngày của tù đầy...*”

Vâng! Tôi biết nhạc sĩ Lam Phương đã viết bài hát
này cho những người dân VNCH mà ngày 30 là ngày mất
nước, ngày chia ly, tù đầy của hàng triệu gia đình.

Tuy nhiên trên quan điểm của mình, tôi cho rằng ngày
30 cũng chính là ngày đánh dấu cho cái *Mất* của cả Việt
Nam chứ không riêng VNCH.

Đó là *Mất tự do, mất dân tộc và mất cả tương lai*.



Sau hiệp định Genève tháng 7-1954, VNDCCH đã
vận dụng tối đa mọi phương tiện tuyên truyền để tô vẽ cho
lý do khởi chiến tấn công VNCH là giải phóng miền Nam.
Nhưng chính xác là giải phóng cho ai?

Trong các chương trước, chúng ta đã có dịp đối diện
với nhiều sự thực chứng minh rằng VNCH không bao giờ là

“ngụy quyền” mà ngược lại là một thể chế dân chủ, tự do, nỗ lực phục vụ đời sống nhân dân, dẫu rằng còn có nhiều khiếm khuyết cần sửa đổi theo quy luật bất khả thập toàn đối với mọi diễn hóa trong cuộc sống.

Cho nên hai tiếng “ngụy quyền” chỉ là lời lẽ vu cáo do thủ đoạn “ngâm máu phun người” của đảng cộng sản Việt Nam mà thôi. Những người lính VNCH đã ngã xuống cho chính nghĩa và tự do của nhân dân, và phải nói ngay chính VNDCCH mới là “ngụy quyền” đánh thuê cho Liên Xô, Trung Cộng — như tổng bí thư Lê Duẩn của đảng Cộng Sản từng tuyên bố.

Bởi trên nền tảng thực tế hiển nhiên không thể chối cãi cho đến tháng 4/1975, người dân miền Nam không hề bị đàn áp, bóc lột nên không phải *nổi dậy* và cũng không cần được *giải phóng*.

Cũng trên nền tảng thực tế hiển nhiên đó, đảng CSVN và Hồ Chí Minh đã mượn mĩ từ *giải phóng* lừa gạt và thủ đoạn tàn bạo khủng bố để ép buộc người dân *nổi dậy* phá hoại cuộc sống bình yên của miền Nam đồng thời “*nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn*” cố cưỡng chiếm một nước có chủ quyền hợp pháp nhằm thủ đạt quyền lực cho bè phái bản thân, cho thể giới cộng sản và cho kẻ chủ mưu thôn tính Việt Nam là Trung Cộng.

Như vậy, ý nghĩa giải phóng nếu có thì có thể bảo đã giải phóng cho chính những người dân VNDCCH để họ thấy rõ bản chất lường gạt của đảng cộng sản và sớm nhìn ra hướng đường cứu nguy cho đất nước. Xin cùng nhìn lại vài minh chứng từ thực tế cho điều này.

— Thứ nhất, tại văn kiện đại hội đảng cộng sản Việt Nam lần 3 năm 1993, trang 49 viết: “*Nhờ có được vũ khí và cơ sở vật chất của chế độ Sài Gòn để lại mà chúng ta có thể nói là có sự vượt bậc tiến bộ về vũ khí cũng như giải quyết đời sống nhân dân bớt khó khăn sau nhiều năm chiến tranh. Cũng vì điều này mà bọn phản động lưu vong ở hải ngoại*

tuyên truyền chúng ta thôn tính Lào và Campuchia, chúng ví quân đội chúng ta như kẻ khổng lồ đi liên minh với 2 kẻ tí hon nhằm mục đích thôn tính Lào và Campuchia...”

Qua đoạn trích trên, đảng cộng sản đã cùng nhau tự thừa nhận rằng “nhờ” có tài nguyên, vũ khí và kinh tế VNCH thì nước Việt Nam của các ông đỉnh cao trí tuệ mới “bớt khó khăn”. Vậy ra là giải phóng ngược và ai giải phóng cho ai hồi các vị lão thành cách mạng?

– Thứ hai, khi tiến hành “*giải phóng miền Nam*”, đảng cộng sản Việt Nam không chỉ bị chi phối bởi Liên Xô mà còn chịu nhiều tác động từ Trung Cộng.

Chính cuốn *Sự Thật Về Quan Hệ Việt Nam – Trung Quốc Trong 30 Năm Qua* ⁽¹²²⁾ có đoạn: “Tháng 8 năm 1965, tại cuộc họp Bộ Chính Trị BCH Trung Ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc, ông Mao Trạch Đông tuyên bố: “Chúng ta phải giành cho được Đông Nam Á, gồm cả miền Nam Việt Nam, Thailand, Miến Điện, Malaysia, Singapore... Một vùng như Đông Nam Á rất giàu, ở đây có nhiều khoáng sản, xứng đáng với sự tốn kém cần thiết để chiếm lấy.”

Vậy sự thật ở đây là VNDCCH giải phóng cho nhân dân hay cho chính họ và cho Trung Cộng đang thèm khát tài nguyên? Thực tế cho thấy nhân dân Việt Nam hoàn toàn không được gì từ cuộc chiến tranh đó, ngoại trừ phải hy sinh xương máu và tính mạng.

Nơi trang 53 cuốn sách này còn có đoạn nêu rõ dã tâm của CSVN tiếp tay cho Trung Cộng. qua nguyên văn câu nói của lãnh đạo đảng CSVN trả lời Đặng Tiểu Bình năm 1966, như sau: “*Sự nhiệt tình của một nước XHCN, với một nước XHCN khác là xuất phát từ tinh thần quốc tế vô sản. Chúng tôi không bao giờ nghĩ nhiệt tâm là có hại. Nếu các đồng chí nhiệt tâm giúp đỡ thì chúng tôi có thể đỡ hy sinh 2-*

⁽¹²²⁾ Nhà xuất bản Sự Thật, Hà Nội 1979.

3 triệu người... Miền Nam chúng tôi sẽ chống Mỹ đến cùng và chúng tôi vẫn giữ vững tinh thần quốc tế vô sản.”

Nhưng ở trang 73 thì những người CSVN cay đắng thú nhận: *“Những người cầm quyền Trung Quốc, xuất phát từ lợi ích dân tộc, họ có giúp Việt Nam khi nhân dân Việt Nam chiến đấu chống Mỹ, nhưng cũng không muốn Việt Nam thắng Mỹ và trở nên mạnh, mà chỉ muốn Việt Nam yếu, lệ thuộc Trung Quốc... Họ lợi dụng xương máu của nhân dân Việt Nam để buôn bán với Mỹ... Họ muốn chia rẽ Việt Nam với Liên Xô và các nước XHCN khác.”*

– Thứ ba, một tài liệu được lưu trữ tại Trung Tâm Wilson, Hoa Kỳ cho thấy trong cuộc họp với Mao Trạch Đông hồi năm 1970, Lê Duẩn đã cho Mao Trạch Đông biết Việt Nam đang trường kỳ kháng chiến chống Mỹ là vì Trung Quốc. Lê Duẩn đã nói như sau: *“Tại sao chúng tôi giữ lập trường bền bỉ chiến đấu cho một cuộc chiến kéo dài, đặc biệt trường kỳ kháng chiến ở miền Nam? Tại sao chúng tôi dám trường kỳ kháng chiến? Chủ yếu là vì chúng tôi phụ thuộc vào công việc của Mao chủ tịch... Chúng tôi có thể tiếp tục chiến đấu, là vì Mao chủ tịch đã nói rằng 700 triệu người Trung Quốc đang ủng hộ nhân dân Việt Nam một cách vững chắc.”*

Như vậy giải phóng miền Nam cho ai?

Cho Việt Nam hay cho Trung Cộng?

Câu trả lời đã rõ.

– Thứ tư, cuốn *Mao Chủ Tịch Của Tôi* của Hà Cẩn, trang 154 nói về quan hệ với Việt Nam có đoạn viết: *“Việt Nam sẽ chỉ yếu đi nếu họ cứ tiếp tục chiến tranh và bất ổn liên miên. Trung Hoa tin rằng Hồ chủ tịch biết điều này chỉ có lợi cho chúng ta. Nhưng Mao chủ tịch cũng tin tưởng Hồ chủ tịch sẽ làm đúng nghĩa vụ của mình.”*

Hà Cẩn gần như khẳng định hai nhân vật Hồ - Mao Trạch Đông hiểu rõ về nhau và Hồ Chí Minh được Mao Trạch Đông tin tưởng *“sẽ làm đúng nghĩa vụ.”*

Nghĩa vụ đó là gì?

Đoạn trích cho thấy rõ âm mưu làm suy yếu nội lực Việt Nam và Hồ Chí Minh là người được Mao giao nhiệm vụ thực hiện âm mưu đó. Do đam mê quyền lực, Hồ Chí Minh đã dễ dàng chấp nhận cái gọi là nghĩa vụ bất kể gây biết bao đau thương cho Việt Nam trong cuộc chiến tương tàn Nam Bắc.

Như thế, “*giải phóng*” chỉ là một mỹ từ tô vẽ cho nhiệm vụ mà Hồ Chí Minh và đảng cộng sản thực hiện vì quyền lợi riêng của mình và Trung Cộng mà thôi.

– Thứ năm, cuốn *MAO: The Unknown Story* của Jung Chang và Jon Halliday do Anchor Books và Random House phát hành năm 2005 trang 470 viết:

“Có một nơi gần Trung Quốc, nơi đã có người Mỹ, đó là Việt Nam. Cuối năm 1963, miền Nam Việt Nam có khoảng 15,000 cố vấn quân sự Mỹ. Kế hoạch của Mao là tạo tình huống làm cho Mỹ phải gửi thêm quân đội vào miền Nam, ngay cả có thể xâm chiếm miền Bắc giáp giới với Trung quốc.”

Qua tiết lộ này, đâu phải Hồ Chí Minh và đảng cộng sản Việt Nam lo “*giải phóng*” cho nhân dân miền Nam Việt Nam mà do Mao và Trung Cộng sai thực hiện cuộc chơi của Trung Cộng với Mỹ biến nhân dân Việt Nam thành con tốt thí qua con rối là đảng cộng sản Việt Nam.

Cũng xin nhắc lại là thực tế đã chứng minh người dân miền Nam đâu cần ai *giải phóng*, nhất là *giải phóng* ngược do mức chênh lệch mọi trình độ sống giữa hai miền Nam – Bắc như phát biểu của một người đi *giải phóng* là nhà văn Dương Thu Hương: “*30 tháng 4 năm 75, nền văn minh đã thua chế độ man rợ.*”

Thêm nữa, nơi trang 69 cuốn 365 Ngày Ở Việt Nam của nhóm công tác do Liên Xô chỉ đạo trong năm 1975 tại Việt Nam được giải mật năm 2008 cho biết:

“Chúng ta đã thắng Mỹ nhưng người dân miền Nam

không chào đón những người anh miền Bắc của chúng ta trên chính quê hương miền Nam của họ...”

Rõ ràng nhân dân miền Nam đã gián tiếp cho thấy không cần ai giải phóng nên không cần chào đón những người giải phóng. Đúng ra diễn tả trên vẫn che giấu sự thật là nhân dân miền Nam đã bày tỏ thái độ khinh miệt người giải phóng.

– Thứ sáu, trong một cuộc phỏng vấn của đài VOA, luật sư Cù Huy Hà Vũ đã phát biểu: *“Như chúng ta đã thấy, chủ nghĩa cộng sản dưới màu sắc chủ nghĩa xã hội chưa bao giờ là một hiện thực ở Việt Nam bởi cho đến ngày hôm nay hệ tư tưởng ấy vẫn chỉ là “định hướng” như chính ban lãnh đạo cộng sản Việt Nam thừa nhận. Nói cách khác, tính ưu việt hay hơn hẳn của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản mà Hoa Kỳ đại diện chưa bao giờ được chứng minh ở Việt Nam nên sẽ là quảng xiên khi nói rằng bên chiến thắng trong cuộc chiến tranh Việt Nam là hệ tư tưởng cộng sản. Sự sụp đổ ngoạn mục của Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu vào cuối những năm 80 của thế kỷ trước chỉ có thể xác nhận quan điểm này của tôi.”*

Luật sư Hà Vũ đã vạch rõ một sự thật mà cho đến nay đảng cộng sản vẫn chưa dám thú nhận là sự thất bại hoàn toàn của họ trong công cuộc được mệnh danh là *“xây dựng xã hội chủ nghĩa”* tại Việt Nam.



Trước những khía cạnh thực tế đó quanh chiêu bài giải phóng, thành quả do cuộc chiến giải phóng mang về cho Việt Nam là những gì? Có thể nói ngay toàn bộ thành quả chỉ hiển hiện bằng những tổn thất, những tiêu vong — nói chung là chỉ gom trong một từ: MẤT.

Bởi, đảng CSVN và Hồ Chí Minh chỉ là con rối trong tay cộng sản quốc tế, đặc biệt là tay sai cho Trung Cộng giày xéo đất nước. Chính vì thế toàn thể Việt Nam chứ

không riêng gì VNCH đã mất, mất rất nhiều thứ kể từ ngày 30-4-1975 đó.

– Thứ nhất, chúng ta đang mất biển đảo (Hoàng Sa, Trường Sa và Biển Đông) mà điển hình là các hành động vây bắt tàu cá của ngư dân Việt Nam.

– Thứ hai, chúng ta đang mất dần các vị trí chiến lược như Tây Nguyên và trong quá khứ đã mất cho Trung cộng ải Nam Quan, Thác Bản Giốc, bãi đá Tục Lãm...

– Thứ ba, chúng ta có thể sẽ mất nước không phải bắt đầu từ hiệp ước Thành Đô mà chính xác từ năm 1953 và ngày 30-4 là rơi vào về tay Trung Cộng.

– Thứ tư, chúng ta mất mọi quyền tự do căn bản như thực tế hàng ngày đang chứng minh qua hành vi đàn áp biểu tình của dân oan mất đất, bắt giam đầy ải người dân bày tỏ tình yêu nước như nhạc sĩ Việt Khang, blogger Điều Cày...

– Thứ năm, chúng ta đang bị đảng cộng sản lừa mị bởi chiêu bài “phát triển kinh tế” bằng những đồng vốn đi vay để làm giàu túi quan tham.

– Thứ sáu, chúng ta đang mất các điều kiện tạo dựng một đời sống xã hội an lành tiến bộ vì chủ trương ngu dân cùng các thủ đoạn xảo trá của đảng cộng sản tước đoạt hết niềm tin và kiến thức của con người...

Còn rất, rất nhiều thứ mất mà ngày 30 tháng 4 năm 1975 làm cái mốc chỉ dấu. Đúng như nhạc sĩ Lam Phương đã viết “Ngày của chia ly ngày của tù đầy.” Quân dân cán chính VNCH đã là những người mất trước hết vì họ là nạn nhân của cái gọi là giải phóng với vạn người chết trong lao tù và làm mồ cho những cơn sóng dữ biển Đông. Sau đó là cả nước Việt Nam mất, mất dần mòn, mất hết vào tay cộng sản khát máu và Trung Cộng bá quyền.

*Ba mươi là ngày chia ly
Là ngày tang tóc hai miền Việt Nam
Ai làm cho mẹ làm than?
Là loài Cộng phi, là bầy vong nô*

*Tại vì nô lệ Trung Xô
Phơi thân người Việt, hoang tàn nước non
Sau này muôn lớp cháu con
Hồn căm muôn thuở, nước nào rửa đây?
Mong rằng sông núi cỏ cây
Hồn thiêng dân tộc phơi bày trắng đen...*

— ĐCH

Quá khứ đã qua nhưng cần thiết phải nhìn lại bằng lăng kính trung thực nhất để trả cho lịch sử những gì của lịch sử. Ngày 30/4/1975 đã gây ra không biết bao nhiêu cái mất và cái mất đã mất để tạo thành một thảm cảnh chung đồ nát. Chính vì thế chúng ta càng cần phải nhìn lại để nắm vững thực tế và dứt khoát đứng lên để cùng nhau chung sức đưa đất nước ra khỏi vòng đồ nát.

Nhưng có điều an ủi là những cái MẤT đó đã mang lại một cái ĐƯỢC. Đó là ít nhất thì những người miền Bắc như chúng tôi đã được giải phóng bởi sự hy sinh của VNCH để không phải sống như dân Bắc Hàn.

Và cũng nhờ cái mất đó mà người dân ngày nay nhìn nhận rõ cộng sản hơn để không còn ảo tưởng về cộng sản nhận đã từng sai lầm. Người Mỹ đã có lý khi cho rằng muốn thắng cộng sản phải cho cộng sản tạm thời thắng.

Cuối cùng chúng ta, những người Việt Nam hôm nay, phải ghi ơn những người lính VNCH, những con dân VNCH vì chính họ đã hy sinh, đã mất cho những cái được ở hôm nay và trong tương lai. Không có họ, Việt Nam chỉ là Bắc Hàn không hơn không kém. Họ xứng đáng với biểu tượng “phải thua” để cho toàn dân tộc Việt Nam “sẽ thắng” trong cuộc chiến chống cộng sản sau này.

Ôi! 30-4, ngày của triệu người buồn, ngày mà đất nước Việt Nam **Mất** quá nhiều.

— 25/04/2013

– **Chương 20 :**

**CỘNG SẢN VN : TRẺ EM
LÀ CÔNG CỤ CHIẾN TRANH !**

Trong quá trình xâm chiếm miền Nam, tiến hành chiến tranh phi nghĩa gây biết bao đau thương, đảng cộng sản đã vắt kiệt sức lực của dân tộc.

Bằng nhiều thủ đoạn ép buộc thanh niên vào Nam chiến đấu cho lợi ích của đảng như cắt khẩu phần, hộ khẩu, ruộng đất, đẩy dọa những ai không muốn tham gia chiến tranh phi nghĩa. Đồng thời, đảng CSVN còn vi phạm công ước quốc tế, xử dụng trẻ em như công cụ trong chiến tranh.

● **NHỮNG BẰNG CHỨNG.**

– Thứ nhất, báo Dân Trí của đảng CSVN kể lại chuyện một phụ nữ tham gia du kích và khủng bố từ khi là một bé gái mới 14 tuổi: *“Năm 1964, khi đó chỉ mới 14 tuổi, chị đã quyết định tiếp bước bố và anh trai đi theo con đường cách mạng. Chị tham gia Đội Thiếu Niên An Ninh Mật làng Hà Xá và được giữ chức vụ đội trưởng. Đội hoạt động trên địa bàn hết sức nguy hiểm, phức tạp; ban ngày là địch chiếm đóng càn quét, ban đêm là lực lượng cách mạng của ta bí mật về hoạt động... Những ngày đầu tham gia cách mạng, dù tuổi đời còn trẻ song bằng mưu trí, sự khôn khéo, chị luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Lúc chị cải trang thành đứa trẻ chăn trâu, đứa cắt cỏ thuê để bí mật chuyển vũ khí, thuốc men vào căn cứ cách mạng; khi chị hóa thân làm người bán hàng rong trà trộn vào lòng địch cài bom*

hẹn giờ nổ đánh xe, tiêu diệt địch..." ⁽¹²³⁾

Câu chuyện cho thấy cộng sản đã xử dụng một bé gái chỉ 14 tuổi vào cuộc khủng bố “cài bom hẹn giờ”.

Tất nhiên đây không phải trường hợp duy nhất mà chỉ là một trường hợp điển hình tương tự trường hợp của Nguyễn Tấn Dũng. Chính Nguyễn Tấn Dũng khi trở thành thủ tướng đã đích thân kể lại với báo giới rằng tham gia quân đội cộng sản lúc vừa 12 tuổi: “*Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng kể với Hagel rằng ông đã tham gia cách mạng khi mới 12 tuổi.*” ⁽¹²⁴⁾

Với cộng sản, trẻ em đã bị dùng như một công cụ chiến tranh, một hành động phi pháp phi nhân mà người khắp thế giới đều không tha thứ.

– Thứ hai, theo báo Người Đưa Tin, một người 14 tuổi được chính Hồ Chí Minh phong danh hiệu “dũng sĩ diệt Mỹ”, đặc biệt là người này đã tham gia chiến đấu khi chỉ là một đứa bé mới vừa 8 tuổi và chính Hồ Chí Minh đã đích thân tôn vinh để khuyến dụ thúc đẩy tình trạng phi nhân phi pháp này: “*Năm lên 8, chị trở thành một liên lạc nhanh nhẹn, can trường bên dòng sông Thu Bồn... Đến khi nghe gà gáy, biết trời sắp sáng, tôi vác cây súng Kräng M2 chạy về báo cho bộ đội địa điểm giấu súng. Tôi là người con gái đầu tiên của miền Nam được phong Dũng Sĩ Diệt Mỹ, chị Thu nhớ lại.*” ⁽¹²⁵⁾

– Thứ ba, cũng báo Người Đưa Tin của quyền cộng sản đã đưa tin sau về một bé gái: “*Sinh ra trong một gia đình nghèo có truyền thống cách mạng ở xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, cô bé Tuyết chưa học*

⁽¹²³⁾ <http://dantri.com.vn/phong-suky-su/chan-dung-nu-du-kich-tung-muu-sat-tong-thong-nguyen-van-thieu-477455.htm>

⁽¹²⁴⁾ <http://vnexpress.net/gl/the-gioi/2013/06/thu-tuong-tro-chuyen-voi-bo-truong-my-ve-chien-tranh/>

⁽¹²⁵⁾ <http://m.nguoiduatin.vn/nguoi-phu-nu-duoc-phong-dung-si-diet-my-khi-14-tuoi-a30059.html>

tròn chữ nhưng sớm có tinh thần giác ngộ cách mạng. Với lòng căm thù giặc sục sôi. Năm 13 tuổi cô bé Tuyết đã theo mẹ cùng em trai che giấu, tiếp tế lương thực cho chiến sĩ cách mạng. 15 tuổi làm công tác thăm dò quân địch và thông tin cho cách mạng.

Ngày ấy, năm 1965 giặc Mỹ bắn phá ác liệt tại quê hương Bình Sơn, cô bé 17 tuổi tham gia vào đội quân du kích xã Bình Đông, rồi góp phần vào chiến thắng vang dội tại thôn Vạn Tường (Bình Hải-Bình Sơn, ngày 18/8/1965)."

– Thứ tư, là một bài báo của đảng cộng sản giới thiệu 3 trẻ em được dùng vào mục đích khủng bố:

"Đoàn Văn Luyện: Quê Quảng Ngãi, Luyện lặn mang lựu đạn phục kích định hạ chiếc trực thăng Mỹ. Không đánh được, Luyện quăng trái lựu đạn vào bụi Mỹ, giết 5 tên. Em gài mìn bẫy giặc rất mưu trí và diệt thêm 9 tên nữa. Thành tích giết giặc đó đã đưa em tới danh hiệu "Dũng Sĩ Diệt Mỹ Nhỏ Tuổi"..."

Hồ Văn Mên: Mên đã tiêu diệt gần 80 tên địch gần gấp 6 lần tuổi mình. Tại đại hội chiến sĩ thi đua tỉnh, Mên được Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc tỉnh tặng 3 danh hiệu: "Dũng Sĩ Diệt Mỹ, Dũng Sĩ Diệt Cơ Giới và Dũng Sĩ Quyết Thắng cấp ưu tú..."

Kơ-Pa-Kơ-Long: Người đội viên anh hùng của núi rừng Bơ-lây-me... Mười lăm tuổi, đánh tổng cộng 30 trận, khi trở thành chiến sĩ giải phóng, anh lại được tuyên dương là Anh Hùng Các Lực Lượng Vũ Trang Giải Phóng Miền Nam." ⁽¹²⁶⁾

Các thành tích được nêu chưa chắc phản ánh thực tế mà chỉ là khoa trương bịa đặt như trường hợp ô nhục về "liệt sĩ" Nguyễn Văn Bé. Nhưng sự khoa trương bịa đặt đó đã biểu hiện cụ thể chủ trương của đảng Cộng Sản khai thác trẻ nít vào các hành động khủng bố sát nhân.

⁽¹²⁶⁾<http://tinhdoancamau.com.vn/home/?74642c7368772c313934392c7067652c>



↑
 Năm 1967,
 Ngô Thị Tuyết
 được gặp
 thủ tướng
 Trung Cộng
 Chu Ân Lai
 khen
 “anh hùng”!

Ảnh :
 Người Đưa Tin

Hai
 chiến binh nhí
 cộng sản



NHỮNG SỰ THẬT CẦN PHẢI BIẾT * 365

– Thứ năm, một bài báo của tỉnh ủy Bình Dương hết lời ca ngợi trẻ em tham chiến rất sớm tại chiến khu D của cộng sản như sau: *“Cũng giống như dũng sĩ diệt Mỹ Nguyễn Văn Lân và Thái Văn Cung, dũng sĩ diệt Mỹ Võ Thành Long sinh ra và lớn lên trong giai đoạn đất nước bị chiến tranh, ngày ngày chứng kiến cảnh giặc Mỹ giết hại dân lành, tàn phá quê hương. Lòng căm thù giặc của ông đến cao trào, năm 17 tuổi ông theo các chú tham gia cách mạng. 8 năm liên tục chiến đấu và phục vụ chiến đấu, ông Long luôn thể hiện quyết tâm cao, hăng say đánh giặc.”* ⁽¹²⁷⁾

Bỏ qua các ngôn ngữ đao to búa lớn *quyết tâm cao, hăng say đánh giặc...* ” là một thực tại đáng buồn. Đó là tính phi nhân tới mức man rợ thúc đẩy trẻ em biến thành công cụ phục vụ ý đồ giành quyền lực cho một tập đoàn tham vọng.

– Thứ sáu là một số hình ảnh chứng minh trẻ em đã bị cộng sản đẩy ra chiến trường trong cuộc chiến do Cộng Sản khởi phát để chiếm đoạt miền Nam.

● CS CHỦ TRƯỞNG KHAI THÁC TRẺ EM

Đồng thời với các hình ảnh trên, trẻ em miền Nam được chăm sóc chu đáo và nhiều hình ảnh người lính Mỹ, lính VNCH...thân thiện với trẻ em đã cho thấy luận điệu tuyên truyền về *“Mỹ-Ngụy kìm kẹp”* chỉ là trò ngậm máu phun người...Bởi thực tế này còn hoàn toàn ngược với những hình ảnh đau thương mà cộng sản gây ra cho người dân, đặc biệt là trẻ em dưới quyền thống trị của họ.

Cộng Sản đã sắp đặt nhiều cách để đẩy thanh niên miền bắc vào "lò nung thịt" Trường Sơn như rút ngắn chương trình học phổ thông chỉ còn 10 năm thay vì đúng 12 năm. Rất nhiều cán binh cộng sản khi bị bắt chưa tới tuổi trưởng thành.

⁽¹²⁷⁾ <http://becamexisc.com.vn/home/tin-tuc/xa-hi/497-chin-khu-anh-hung-bai-3-dng-s-dit-m-v-vang-nhng-chin-cong-.html>



Bộ đội
Nguyễn
Xuân
Mai
14 tuổi,
cầm
trên tay
Giấy
Thông
Hành
Hội
Chánh



Chiến
binh
nhí CS
với khẩu
AK47
đang đi
tuần tại
Huế
2-1968



Tù binh Bắc Việt 15 tuổi bị bắt tại Bù Đốp (1967)



Rất nhiều
tù binh cộng sản
đều là
thiếu niên
chưa quá
tuổi 16!



Tại sao cộng sản sử dụng trẻ em trong chiến tranh?

Có rất nhiều mục đích như tận dụng tối đa nhân lực, kích động lớp trẻ nhẹ dạ hăng máu làm công cụ chiến tranh dưới danh nghĩa yêu nước và sẵn sàng vu vạ phía VNCH đàn áp trẻ em. Tài liệu giải mật cho thấy điều đó là sự thật.

– Thứ nhất, trang thông tin của đảng CSVN cung cấp tài liệu lịch sử cho học sinh về ngày 26/3 có đoạn:

“Đúng lúc ấy, ngày 15/5/1941, Đảng ta đã ra chỉ thị cho Đoàn thành lập đội Thiếu Niên Tiền Phong và Hội Nhi Đồng Cứu Vong và tổ chức thi điểm ngay tại Pác Bó (Cao Bằng). Sự kiện này có ý nghĩa lịch sử đối với công tác thiếu niên và nhi đồng ở nước ta, vì thế ngày 15/5/1941 được coi là ngày chính thức thành lập Đội.

Hoạt động của đội thời kỳ này nhằm vào mục đích "Dự bị vào giúp đánh Tây, đánh Nhật làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập" (điều lệ Hội Nhi Đồng Cứu Vong). Các em trong đội được tổ chức học quốc ngữ, học hát những bài ca cách mạng. Các em còn tham gia bảo vệ cán bộ cách mạng, làm liên lạc cho các đội Cứu Quốc Quân, Việt Nam Tuyên Truyền Giải Phóng Quân...”

Sự thực đã hiển hiện là ngay lúc mới thành lập đội Thiếu Niên Tiền Phong, đảng CSVN đã định hướng hoạt động cho trẻ em là tham chiến. Sau đó tài liệu còn cho biết :

”Trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, thiếu niên hai miền Nam Bắc đã biểu lộ tinh thần yêu nước nồng nàn cùng cha anh đánh giặc. Truyền thống anh hùng của Kim Đồng, Lê Văn Tám được tiếp tục phát huy với tên tuổi của Đoàn Văn Luyện, Kơ-pa-kơ-long... (miền Nam), của Nguyễn Bá Ngọc, Nguyễn Đỗ Hùng (miền Bắc).” (128)

Như vậy lợi dụng khai thác trẻ em là chủ trương ban đầu của đảng cộng sản chứ không phải hành động tự phát của thanh thiếu niên như cộng sản biện minh.

(128) <http://maxreading.com/?chapter=2999>

– Thứ hai, thêm bằng cứ về chủ trương khai thác trẻ em làm công cụ chiến tranh là một bài trên website thành phố Tam Kỳ-Quảng Nam: “Tháng 8 năm 1964, tỉnh ủy Quảng Nam ra nghị quyết phát động quần chúng khởi nghĩa giải phóng đại bộ phận nông thôn đồng bằng, trong đó trọng điểm là giải phóng vùng đông quốc lộ I và vùng cát của các huyện. Thực hiện chủ trương đó, Đảng bộ Tam Kỳ đã chỉ đạo quân và dân Kỳ Anh vùng lên phá áp chiến lược, giải phóng quê hương Kỳ Anh vào tháng 9/ 1964...Địa đạo có hầm cứu thương, hầm tác chiến, hầm chỉ huy, hầm chứa lương thực, thực phẩm ..., **lực lượng đào địa đạo là lực lượng tổng hợp, là sức mạnh dân quân: Bộ đội, du kích địa phương, phụ nữ, nông dân, thanh thiếu niên.**” ⁽¹²⁹⁾

– Thứ ba, thêm nữa là bài trên trang tin tức của Đội Thiếu Niên Tiền Phong: “Với tinh thần “ Tuổi nhỏ chí lớn”, thiếu niên nhi đồng miền Nam gan dạ, anh hùng không sợ hi sinh đứng lên cùng cha anh đánh giặc. Ngày 5 tháng 8 năm 1964, đế quốc Mỹ cho không quân đánh phá miền Bắc, thiếu nhi cả nước bước sang một thời kì mới với lời son sắt thêu trên lá cờ của Trung Ương Đảng trao cho nhân dịp kỉ niệm lần thứ 25 ngày sinh nhật Đội (15/5/1966): “ Vâng lời Bác dạy, Làm nghìn việc tốt, Chống Mỹ cứu nước, Thiếu niên sẵn sàng!” ⁽¹³⁰⁾

Rõ ràng luận điệu “Mỹ xâm lược, Ngụy bán nước” chỉ là trò xảo trá lừa gạt. Bởi khi Mỹ ném bom ra Bắc chỉ do ở thể phản ứng bắt buộc để ngăn cản cộng sản xâm nhập khủng bố miền Nam. Đây là hành động tự vệ hoàn toàn chính đáng. Trích đoạn trên còn chứa thêm một điều đáng nói là cộng sản đã kích động trẻ em tham chiến bằng nhiều

⁽¹²⁹⁾ <http://tamkyrt.vn/vi/news/DU-LICH-TAM-KY/Dai-dao-Ky-Anh-dau-an-lich-su-cua-thoi-ky-chong-my-1961/>

⁽¹³⁰⁾ <http://tintuc.thieunien.vn/TinTuc/ChiTietTin/tabid/67/newsid/672/seo/So-luoc-lich-su-Doi-TNTP-Ho-Chi-Minh/language/vi-VN/Default.aspx>

hình thức dụ dỗ trong đó có lá cờ ghi lời Hồ Chí Minh hô hào thúc đẩy trẻ em lao vào cái chết để phục vụ tham vọng của đảng cộng sản.

– Thứ tư là Cương Lĩnh Hành Động Đội Thiếu Niên Tiền Phong số tháng 3/1967 mang số TL/023-TNTP ghi: *“Quân ủy Trung Ương và Bộ Chính Trị đã thống nhất giao nhiệm vụ cho Đội Thiếu Niên Tiền Phong phải thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần yêu nước của thanh thiếu niên. Chúng ta cần phải đưa thanh thiếu niên ra mặt trận **nhằm đánh lừa kẻ thù, bù đắp vào lực lượng quân chính quy thiếu hụt.** Ngoài ra chúng ta cần phải lợi dụng tình hình này để gây sức ép với Mỹ-Ngụy trong trường hợp cần thiết về vấn đề trẻ em...”*

Tài liệu bí mật lưu giữ tại Cục Lưu Trữ Trung Ương CSVN đã cho thấy gì? Đó là cộng sản chủ trương dùng trẻ em như công cụ tham chiến thay cho lính chính quy đồng thời lợi dụng hành vi đẩy trẻ em vào chỗ chết như một sự kiện gây sức ép với truyền thông về *“tội ác Mỹ-Ngụy.”*

– Thứ năm, trang web của tỉnh đoàn Bình Thuận có bài *Vâng Lời Bác Dạy, Làm Nghìn Việc Tốt, Chống Mĩ Cứu Nước, Thiếu Niên Sẵn Sàng* như sau: *“...**Dưới sự chỉ đạo của Đảng**, dù trong hoàn cảnh khốc liệt, nhiều đoàn viên thanh niên và thiếu nhi vẫn kiên cường bám trụ.... **Được Đảng giao phụ trách thiếu niên, nhi đồng**, nhiều đoàn viên và thanh niên đã tìm mọi cơ hội hướng dẫn các em thiếu niên, nhi đồng tham gia các phong trào của nhân dân, như phong trào “Bảo Vệ Hòa Bình” của nhân dân Sài Gòn do luật sư Nguyễn Hữu Thọ, giáo sư Phạm Huy Thông, và Nguyễn Văn Dương lãnh đạo; cùng cha mẹ, anh chị xuống đường “ăn mừng hòa bình” ở Huế, ở Tây Nguyên; tham gia phong trào “Tuần Lễ Hòa Bình” của nhân dân các tỉnh Trung Trung Bộ.”* ⁽¹³¹⁾

⁽¹³¹⁾ http://www.tinhdoanbinhthuan.vn/lichsudoitmtphcm/ltd_chuong3.htm

PFC. John
Stananback, công
tù binh CS nhĩ
đến trạm
cấp cứu
Bầu Bàng

Lính Mỹ
di tản
trẻ mồ côi
khỏi khu
giao tranh
Cầu
Phan Thanh Giản
SG 1968



Pháo
kích
CS
giết chết
trẻ nít

Liệt sĩ
"nhĩ"
cộng sản





↑ 1966, Vietnam
 Một y tá lực lượng hải quân Mỹ
 đang điều trị cho trẻ em trong
 làng .

— Hình của
 Bettmann/CORBIS



↑ Lính Mỹ
 băng bó
 vết thương
 cho trẻ em.



← 1966,
 Binh sĩ Úc
 làm trò giải trí
 với một nhóm
 trẻ em Việt Nam
 trong lúc
 hành quân
 ngang qua
 Vũng Tàu.

— Hình / Corbis

Đoạn trích nêu rõ việc khai thác trẻ em là do “*Đảng giao, Đảng chỉ đạo*” nên đã xác nhận đảng CSVN chủ trương vận dụng mọi thủ đoạn để biến trẻ em thành công cụ chiến tranh, đẩy trẻ em vô tội vào vòng lửa đạn vừa dùng trẻ em như lá chắn cho cộng sản khủng bố nhân dân miền Nam vừa rêu rao trước dư luận là “*Mỹ-Ngụy ác độc tàn sát trẻ em vô tội.*”

Cuốn sách của tác giả Nga, Ruslan Kobachenko từng nhắc ở các chương trên cũng đề cập tới sự kiện này và nơi trang 250 có đoạn sau: “*Trong chiến tranh Việt Nam, việc kích động và xử dụng thanh thiếu niên đã được đảng cộng sản áp dụng đem lại thành công vang dội ở cả hai mặt : truyền thông cổ động và tổ ngược lại chính quyền của Sài Gòn khi cần ...*”

Ruslan Kobachenko vạch rõ hai khía cạnh của chủ trương đẩy trẻ em vào cỏi chết với lời lẽ ca tụng tài năng đảng CSVN. Điều này không gây ngạc nhiên vì Ruslan Kobachenko là người Nga và đảng viên cộng sản Nga.

Tuy nhiên, lời ca ngợi của Ruslan Kobachenko đã cho thấy mức độ phản dân hại nước kinh hoàng của đảng cộng sản Việt Nam và Hồ Chí Minh qua chủ trương biến trẻ em thành công cụ chiến tranh.



Sau bao năm cuộc chiến trôi qua, nhìn lại mới thấy âm mưu thâm độc của đảng cộng sản và Hồ Chí Minh không từ bỏ bất kỳ thủ đoạn nào để đẩy trẻ em vào chỗ chết.

Những tấn tuồng như tuyên dương “công trạng”, phong tặng danh hiệu “anh hùng” không chỉ là bình phong che giấu một âm mưu tàn ác nhóp nhúa đẩy trẻ em lên làm lá chắn, làm công cụ hy sinh trong cuộc chiến giành đoạt quyền lực đỏ cho đảng mà còn được khai thác như chứng liệu về tội ác của phía đối kháng là VNCH và đồng minh Mỹ “*nhấn tâm xuống tay bắn giết đám đứa trẻ thơ vô tội.*”

Không chỉ riêng người dân sống trong cảnh bưng bít tại Việt Nam mà ngay dư luận quốc tế cũng từng bị thủ đoạn này lừa gạt.

Chính vì thế nên ngay trong phong trào phản chiến ở nước Mỹ đã có không ít người lập lại luận điệu cộng sản kết án “*Mỹ-Ngụy gây chiến, tàn sát dân lành.*”

Tuy nhiên cuối cùng thì không có bàn tay nào che nổi mặt trời nên sự thật vẫn hiện ra và không lâu sau 1975, cũng không còn mưu mẹo ma quái nào có thể che giấu nổi chân tướng bất lương xảo trá của đảng cộng sản. Từ đó đến nay, gần như không có một ngày nào mà trên thế giới không cất lên những lời phê phán, những lời kết buộc nặng nề đối với chế độ CHXHCNVN.

Cho nên, trước hơn bất kỳ ai hết, mọi người dân Việt Nam cần phải nhìn thẳng vào bộ mặt thật bất lương tàn ác của đảng cộng sản và cùng nhau đứng lên lật đổ lũ bán nước đã khai thác sinh mạng của hàng triệu nạn nhân để thủ đoạt quyền lực và đang sống như bản bằng gian dối, lừa lọc vơ vét trên thân xác nhân dân.

— 17/7/2013.

– **Chương 21 :**
SINH BẮC TỬ NAM !

Từ mấy chục năm nay ở Việt Nam, hàng năm, đảng Cộng Sản Việt Nam đã lấy ngày 27/7 làm ngày “*thương binh liệt sĩ*” nói là để “*tri ân gia đình thương binh liệt sĩ, mẹ Việt Nam anh hùng.*”

Thật ra, đây là trò dối gạt mị dân nhằm che mờ tội ác đã đẩy hàng triệu thanh niên miền Bắc tới những cái chết oan uổng chỉ do bị biến thành công cụ cho tham vọng tranh giành quyền lực và vị thế độc tài độc tôn của đảng Cộng Sản Việt Nam

Trong không khí những ngày cuối tháng 7, xin được bày tỏ nỗi cảm thông với những ai từng là lính, đang là lính, những bà mẹ mất con, những người vợ mất chồng, những người con mất cha, những người đi không trở về và những ai trở về không còn lành lặn, vì tất cả đều là nạn nhân của tấn tuồng “*Sinh Bắc Tử Nam.*”

Đảng cộng sản đã lợi dụng tình yêu nước của mọi người dân Việt Nam đẩy hết thầy vào cuộc chiến phi nghĩa một đi không trở lại hoặc thành tàn phế.

Và, những sự hi sinh đó đem lại điều gì?

Đó là một đất nước Việt Nam hoang tàn, nghèo đói, độc tài, tham nhũng và xa hơn nữa là hiểm họa biến thành một tỉnh của Trung Cộng sau khi đã mất Hoàng Sa-Trường Sa, thác Bản Giốc, ải Nam Quan... cho chính anh bạn vàng của nhà cầm quyền cộng sản.

● ĐẢNG LỪA DỐI TẤT CẢ:

Điềm lại những gì sau cuộc chiến cho đến hôm nay thì thấy rõ là người Mỹ vào Việt Nam chỉ muốn có một Việt Nam tự do dân chủ như cách họ làm với Nam Hàn, Nhật Bản, Tây Đức vv...

Và cũng dễ dàng nhận ra VNCH là một bước đi đúng đắn để đưa đất nước tới giàu mạnh, tự do, độc lập thật sự. Vì vậy, phải khẳng định đảng cộng sản đã lừa dối nhân dân, gây ra hàng triệu cái chết của thanh niên miền Bắc và nỗi đau của ngày “thương binh liệt sĩ” là do đảng cộng sản theo đuổi ý đồ độc chiếm quyền lực bằng chủ trương phá tan nền dân chủ tự do tại miền Nam với cái giá đánh đến người Việt Nam cuối cùng để cho đảng cộng sản đạt được tham vọng nhuộm đỏ đất nước.

Bằng cứ chứng minh cho sự kiện này không dễ kể hết và luôn hiển hiện từ thực tế.

– Thứ nhất, chính Lê Duẩn từng thừa nhận “*Ta đánh Mỹ là đánh cho Liên Xô, cho Trung Quốc.*” Điều này tiếp nối từ việc Hồ Chí Minh từng khẳng định một cách điên cuồng “*sẵn sàng đốt cháy cả dãy Trường Sơn để chống Mỹ*” và cam kết với Chu Ân Lai là quyết tâm kéo dài cuộc chiến 20 năm, 30 năm, thậm chí tới 50 năm, nếu cần.

Lý do chủ yếu không phải vì yêu cầu sống còn của dân tộc Việt Nam mà vì tham vọng độc chiếm quyền lực cho bản thân Hồ Chí Minh và đảng cộng sản. Từ đây, Hồ Chí Minh và đảng cộng sản đã thấy phải đối diện với một lực cản ngăn trở tham vọng nếu liên minh với Mỹ. Bởi Mỹ luôn chủ trương tiến tới dân chủ tự do tức không cho phép một thể lực chính trị, một tổ chức đảng phái nào được quyền tự tung tự tác trên đầu người dân.

Trong khi đó, liên minh với Trung Cộng thì hoàn toàn ngược lại bởi không những không bị cản trở mà còn được hỗ trợ tối đa, nếu thuận theo ý hướng chỉ đạo từ Bắc Kinh.

Kết cục là Hồ Chí Minh và đảng cộng sản đã sẵn sàng làm tay sai cho Trung Cộng vì chính Trung Cộng luôn muốn nhuộm đỏ miền Nam Việt Nam.

Cho nên ngay sau hiệp định Genève 1954, đảng CSVN đã chuẩn bị kế hoạch bằng cách lưu lại miền Nam 60 ngàn đảng viên và cả Lê Duẩn như tài liệu *Tổng Kết Cuộc Kháng Chống Thực Dân Pháp, Thắng Lợi và Bài Học* đã ghi:

“Cán bộ và đảng viên được đặt dưới quyền lãnh đạo của đồng chí Lê Duẩn, bí thư Xứ Ủy Nam Bộ. Vào ngày cuối cùng của thời hạn tập kết ở Cà Mau, sau khi chúng ta đánh lừa địch bằng cách giả bộ lên tàu tập kết, đồng chí Lê Duẩn đã tìm cách rời khỏi tàu vào lúc nửa đêm để ở lại.”

Như vậy, Hồ Chí Minh và đảng cộng sản đã chuẩn bị tấn công miền Nam ngay khi hiệp định Genève chưa ráo mực, chứ không phải vì miền Nam bác bỏ tổng tuyển cử vào năm 1956 hoặc vì Hoa Kỳ xâm lược như cộng sản luôn tuyên truyền dối gạt.

– Thứ hai, một viên chức từng giữ nhiều vai trò quan trọng trong hàng ngũ lãnh đạo cộng sản Việt Nam cũng khẳng định chủ trương đánh Mỹ của miền Bắc không thể tách rời khỏi ý đồ của Trung Cộng. Tướng Nguyễn Trọng Vĩnh, đại sứ đặc mệnh toàn quyền VNDCCCH tại Trung Quốc từ năm 1974 đến 1987 từng có bài viết với các trích đoạn sau: *“...Giúp nhiều như vậy, một mặt họ bắt ta phải hàm ơn, phải đi theo; mặt khác, buộc ta phải lệ thuộc họ về phụ tùng nguyên liệu. Vì vậy họ tiếp tục giúp ta về tiền và vật chất mãi đến khi chúng ta giải phóng hoàn toàn miền Nam*

...Sau khi ta ký hiệp định Giơ-ne-vơ, nước ta chia làm hai miền, Trung Quốc gợi ý ta xây dựng miền Bắc trước và thực hiện trường kỳ mai phục ở chiến trường miền Nam. Ý đồ là giữ chúng ta luôn ở thế yếu thì họ mới dễ khống chế (vì ta chỉ có một nửa nước). Họ không muốn ta hoàn toàn giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, trở thành một nước mạnh tuột khỏi tay Trung Quốc...

...Sau Tết Mậu Thân, khi Mỹ dao động quyết tâm, ta cũng thấy có thời cơ thương lượng, thì Trung Quốc không muốn ta đàm phán mà muốn ta “đánh Mỹ đến người Việt Nam cuối cùng” vừa để cho ta kiệt quệ vừa để Mỹ sa lầy phải tìm đến Trung Quốc.” ⁽¹³²⁾

Ba đoạn trích lời một vị tướng Quân Đội Nhân Dân Cộng Sản cho thấy Trung Cộng luôn muốn kìm hãm sự phát triển của Việt Nam và muốn chia đôi đất nước dẫn đến chiến tranh huynh đệ tương tàn. Câu nói “*Trung quốc muốn đánh Mỹ đến người Việt Nam cuối cùng*” đã nói lên ý đồ của Trung Cộng. Trong khi đó, phía cộng sản gồm Liên Xô – Trung Cộng và ngay cả Việt Nam từng nghĩ về Mỹ: “*Sự thật là sau cuộc chiến tranh Triều Tiên, Mỹ không có khả năng can thiệp quân sự trực tiếp vào Đông Dương*” ⁽¹³³⁾

Vậy tại sao VNDCCH phải chống xâm lược Mỹ, nhất là năm 1958 phải hiến Hoàng Sa, Trường Sa cho Trung Cộng để được viện trợ súng đạn hầu gây chiến?

Thực chất phi nghĩa của cuộc chiến gây đau thương cho dân tộc còn lộ rõ hơn qua sách giáo khoa lịch sử lớp 12 ghi lại luận điệu tuyên truyền cộng sản: “*Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam thành lập ngày 20/12/1960 với mục tiêu “đấu tranh chống quân xâm lược Mỹ và chính quyền tay sai, nhằm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.”*

Trên thực tế, năm 1961 khi VNCH ký hiệp ước quân sự với Mỹ, tại miền Nam chỉ có các cố vấn Mỹ và một số ít quân mang tính yểm trợ (US Support Troopes) với nhiệm vụ chính là xây dựng phi trường, cầu cống, đường sá ...

Mỹ chỉ bắt đầu đưa quân vào miền Nam từ năm 1965, sau khi tổng thống Ngô Đình Diệm qua đời. Quân đội Mỹ thực sự đổ vào miền Nam sau sự kiện vịnh Bắc Bộ năm 1964 và để giúp VNCH chống lại cuộc chiến đang ngày

⁽¹³²⁾ <http://www.hanhchinh.com.vn/forum/showthread.php?t=33483&page=1>

⁽¹³³⁾ http://sachhiem.net/LICHSU/NXB_ST/NXBSuThat_2.php

càng leo thang của cộng sản.

Vậy thì vào thời điểm 20/12/1960, làm gì có lính Mỹ ở miền Nam, làm gì có ai xâm lược? Đảng cộng sản phải chống ai, chống cái gì vào năm 1960?

Sự mâu thuẫn trong lời nói của cộng sản chỉ cho thấy bản chất dối trá, lật lọng nhằm kích động cuộc chiến phi nghĩa tại Việt Nam do tham vọng quyền lực của đảng cộng sản cùng ý đồ thâm hiểm của Trung Cộng để đẩy nhân dân Việt Nam vào con đường địa ngục.

– Thứ ba, trang 470 trong cuốn *MAO: The Unknown Story* viết: “*Có một nơi gần Trung Quốc, nơi đã có người Mỹ, đó là Việt Nam. Cuối năm 1963, miền Nam Việt Nam có khoảng 15,000 cố vấn quân sự Mỹ. Kế hoạch của Mao là tạo tình huống làm cho Mỹ phải gọi thêm quân đội vào miền Nam, ngay cả có thể xâm chiếm miền Bắc giáp giới với Trung quốc. Được như vậy, nếu Mỹ oanh kích những căn cứ nguyên tử của ông ta, bộ binh Trung Quốc sẽ tràn vào Việt Nam và bao trùm quân Mỹ như đã xảy ra ở chiến tranh Triều Tiên. Để thực hiện kế hoạch này, năm 1964 Mao thúc ép CSVN đẩy mạnh chiến tranh Đông Dương. Mao huấn thị Bắc Việt tránh đụng độ lớn, và cào xới khắp diện địa... biến thành cuộc chiến rộng lớn là tốt nhất. Mao bảo Bắc Việt phải đưa thêm bộ đội vào miền Nam, và đừng sợ sự can thiệp của Mỹ. Ông ta nói, cùng lắm là như chiến tranh Triều Tiên. Bộ đội Trung Cộng đã sẵn sàng. Nếu Mỹ tấn công Bắc Việt, bộ đội Trung Cộng sẽ tràn qua ngay, họ đang muốn có chiến tranh.*”

Đoạn trích gần như nói chính Mao Trạch Đông trực tiếp ra lệnh cho Hồ Chí Minh phát động chiến tranh chống miền Nam và còn chỉ dẫn cụ thể cả về chiến thuật tiến hành cuộc chiến nữa.

Vai trò và ý hướng của Mao Trạch Đông cũng được xác định trong cuốn *Sự Thật Về Quan Hệ Việt Nam - Trung Quốc Trong 30 Năm Qua* do cộng sản Việt Nam ấn hành

năm 1979: “*Chủ tịch Mao Trạch Đông còn khẳng định trong cuộc họp của Bộ Chính Trị ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc, tháng 8 năm 1965: “Chúng ta phải giành cho được Đông Nam Châu Á, bao gồm cả miền Nam Việt Nam, Thái Lan, Miến Điện, Malayxia và Singapore... Một vùng như Đông Nam Châu Á rất giàu, ở đây có nhiều khoáng sản... xứng đáng với sự tốn kém cần thiết để chiếm lấy... Sau khi giành được Đông Nam Châu Á, chúng ta có thể tăng cường được sức mạnh của chúng ta ở vùng này...”*”

Chính người cộng sản Nga cũng nhận rằng Trung Cộng âm mưu đẩy Việt Nam vào thế suy yếu để lợi dụng cho mục đích bành trướng.

Và cuộc chiến Việt Nam sau 1955 thực chất là cộng sản Việt Nam theo lệnh Trung Cộng đánh chiếm miền Nam, đối chiến với Mỹ tới người Việt Nam cuối cùng như nơi trang 235 cuốn *Liên Xô – Trung Quốc Và Việt Nam, Vấn Đề Chưa Được Biết* của tác giả Nga Ruslan Kobachenko đã viết: “*Trung Quốc muốn Việt Nam không toàn vẹn và nội chiến. Họ muốn chúng ta (ý nói Liên Xô) phải suy yếu khi đối đầu với Mỹ và Việt Nam là con bài trong tay họ.*”

– Thứ tư, Lê Khả Phiêu từng nói: “*Lớp tuổi 20 hiện nay hãy thể hiện lòng biết ơn, sự ngưỡng mộ của mình với những người đi trước, những anh hùng liệt sĩ bằng hành động và trái tim của tuổi trẻ...*”

Những lời lẽ này không có ý nghĩa nào khác ngoài mục tiêu nhằm biện minh cho việc nung nấu sống tuổi trẻ qua chủ trương kích động những tâm hồn trong trắng ngây thơ chọn số phận “*sinh Bắc tử Nam*” không có đường thoát.

Bởi nhìn trên thực tế, cái hình ảnh “*Mỹ - Ngụy tàn ác*” mà cộng sản cố gieo vào nhận thức lớp trẻ miền Bắc trước năm 1975 thực sự như thế nào đã không còn là nghi vấn với đa số quần chúng hiện nay.

● SINH BẮC TỬ NAM.

Có một câu hỏi mà đến nay chưa nhân vật lãnh đạo cộng sản nào dám công khai trả lời cho người dân biết.

Đó là *ai gây chiến tại Việt Nam?*

Hiển nhiên câu hỏi không khó trả lời mà chỉ vì vị thế người cộng sản buộc họ phải im lặng không thể lên tiếng. Bởi cho tới nay, cộng sản vẫn chưa thể bỏ luận điệu tuyên truyền là Mỹ chiếm đoạt miền Nam nên đảng cộng sản đã cùng toàn dân chiến đấu đánh đuổi xâm lược Mỹ để thống nhất đất nước. Do đó trả lời chính xác câu hỏi được nêu là bất khả thi vì luận điệu đổ thừa đã bị thực tế chứng minh là dối gạt đồng thời thực tế cũng chứng minh chính đảng cộng sản là kẻ gây chiến với ý đồ độc bá quyền lực và nhuộm đỏ miền Nam theo đòi hỏi của Liên Xô – Trung Cộng.

Tuy nhiên vấn đề không còn cần nhìn lại. Điều cần nhìn rõ lúc này là cuộc chiến đã tiến hành với chính sách điên cuồng của đảng CSVN tàn sát hàng triệu con dân Việt Nam trên cả hai miền đất nước, do bị đẩy vào thế tự vệ bắt buộc hoặc ngã xuống oan uổng vì lòng yêu nước đặt sai chỗ do bị các luận điệu xảo trá dối gạt. Điển hình cho chính sách điên cuồng đó là cái khẩu hiệu “*Sinh Bắc tử Nam*” đã gây tang tóc bi thương cho người dân miền Bắc vì hàng triệu con em không mất xác thì cũng trở thành phế nhân tàn tật nếu may mắn còn có ngày về. Dù biện giải cách nào thì Hồ Chí Minh và đảng cộng sản vẫn không thể che giấu nỗi đã tâm đầy lớp trẻ miền Bắc vào con đường chết và xa hơn nữa là biến lớp trẻ này thành kẻ sát nhân đem súng đạn ngoại bang về bắn giết đồng bào miền Nam. Thực tế này tới nay đã được nhắc nhở qua nhiều hình thức, từ nhận thức của các chuyên gia tới tâm tư của chính lớp trẻ nạn nhân.

– Thứ nhất, năm 1998 trả lời phỏng vấn của tạp chí George về Võ Nguyên Giáp của quân đội cộng sản, tướng W.C. Westmoreland, tư lệnh quân sự Mỹ tại miền Nam Việt

Nam đã nhận định: “Dĩ nhiên, ông ta là một đối thủ ghê gớm... Với sự thừa nhận của chính ông ta, đến đầu năm 1969, tôi nghĩ, ông ta đã mất nửa triệu lính? Ông ta đã báo cáo điều này. Hiện tại, một sự coi thường mạng người như thế có lẽ sẽ tạo nên một đối thủ ghê gớm, nhưng nó không tạo nên một thiên tài quân sự. Một chỉ huy quân sự Mỹ thì quân như vậy sẽ khó kéo dài được vài tuần lễ.”⁽¹³⁴⁾

Qua nhận định của tướng Westmoreland, chiến thắng quân sự dựa trên chiến thuật đẫm máu, coi thường sinh mạng binh sĩ chỉ có thể tạo nên một kẻ thù nguy hiểm chứ không tạo nên một thiên tài quân sự. Điều này cho thấy CSVN thật sự tàn độc và coi thường sinh mạng binh sĩ.

Đây không nhằm ám chỉ riêng tướng Giáp “công thành” khiến “vạn cốt khô” mà nhắc tới bản chất không từ bỏ bất cứ thủ đoạn tàn khốc nào của CSVN. Nói cách khác, tướng Westmoreland đã ngầm nêu mục đích của cộng sản là lợi dụng xương máu nhân dân để thủ đoạt lợi ích riêng của đảng mà không có chút tình người, tình dân tộc nào.

– Thứ hai, việc coi thường sinh mạng binh sĩ không chỉ giới hạn trong phạm vi chiến đấu mà còn thể hiện ngay trong cung cách hành xử qua việc bắn giết chính thương binh khi rút lui. Thực tế này từng được báo chí loan tải không ít trước năm 1975 cho thấy đảng sau tấm mặt nạ “vì nước vì dân”, đảng cộng sản đã coi rẻ sinh mạng binh sĩ không hơn một thứ đồ chơi !

Trong khi cộng sản sẵn sàng bắn giết dân chúng và bắn giết chính các binh sĩ đang mang thương tích thì “những kẻ ác ôn Mỹ-Ngụy” làm gì với người dân và tù binh cộng sản qua những tấm hình sau.

⁽¹³⁴⁾ Nguyên văn: “Of course, he was a **formidable** adversary.... By his own admission, by early 1969, I think, he had lost, what, a half million soldiers? He reported this. Now such a disregard for human life may make a **formidable** adversary, but it does not make a military genius. An American commander losing men like that would hardly have lasted more than a few weeks.”.



Mỗi
tấm hình
chất chứa
cả
ngàn lời





NHỮNG SỰ THẬT CẦN PHẢI BIẾT * 385



Hình ảnh
các chiến binh
ngoài mặt trận
đối xử với
tù binh
và
các tù binh bị giam
vẫn được
tiếp tục học hành.

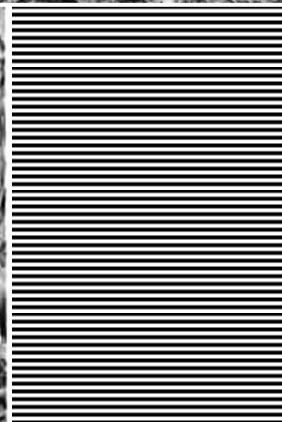


Phái đoàn đến tham quan một lớp học trong giờ dạy Toán
cho các tù binh Việt cộng. Đa số là các em độ tuổi 12 đến 16



Quân lực
VNCH phát
hiện mô chôn
tập thể nhiều
thương binh
bị
chính
cấp chỉ huy
ra lệnh
bắn hạ
trước khi
rút chạy

Xác bộ đội
cho thấy bị
còng chân



NHỮNG SỰ THẬT CẦN PHẢI BIẾT * 387

Bé gái
bị xúi đi
“giải
phóng”
trên
đường
Trường
Sơn

Các nữ
tù binh
có em
dưới 16
tuổi
đã mang
thai 6
tháng

Tù binh
được trả
về Bắc
bầy tỏ
nguyện
vọng
xin ở lại
miền
Nam



– Thứ ba, người bộ đội cộng sản ra trận không chỉ bởi các thúc ép từ quê nhà bằng chính sách hộ khẩu và đầu tồ đào ngũ mà ngay tại mặt trận họ còn bị bắt ép phải chết vì đảng cộng sản. Cuốn sách *Stalking the Vietcong* ⁽¹³⁵⁾. Tại trang 207 đã có hình ảnh minh chứng việc quân đội cộng sản đẩy những thanh niên vào những sợi xích chân bắt buộc họ phải chiến đấu đến chết.

Cũng nói về việc cưỡng bức và lên dây cót tinh thần chiến đấu cho chiến sĩ bộ đội cộng sản bằng mọi thủ đoạn, cuốn *Mặt Trái Của Chiến Tranh* do Hội Văn Nghệ Quân Đội Nga xuất bản năm 1995 tại trang 15 viết: “*Các cuộc chiến đều đem lại đau thương và người ta thậm chí còn kích thích tinh thần chiến sĩ bằng những liều thuốc. Người Đức dùng ma túy tổng hợp, người Trung Quốc dùng thuốc tự chế tên gọi “hùng tâm” mà sau này có dùng trong chiến tranh Việt Nam cho quân đội miền Bắc ...*”

– Thứ tư, những cuốn hồi ký, những bài thơ của chính các chiến sĩ cộng sản cũng thấy rất nhiều trong số họ đã sớm nhận ra sự lừa đảo của đảng cộng sản đẩy họ vào những ngày vô định để chết cho chủ nghĩa hoang tưởng và phi nhân tính. Trong tác phẩm *Mai Lĩnh Chiên*, tác giả Nguyễn Hùng Kiệt cho biết một bài thơ của sinh viên Đại Học Tổng Hợp Hà Nội Nguyễn Quốc Dũng tức thiếu úy trung đội trưởng (B trưởng) thuộc sư đoàn Sao Vàng thiện chiến của Quân Đội Nhân Dân nước VNDCCH. Bài thơ của thiếu úy Dũng gửi cho mẹ sau khi lên đường theo tiếng gọi *Sinh Bắc tử Nam* :

*Từ buổi con lên đường xa mẹ
Theo anh em sang Lào, rồi dần bước vào Trung
Non xanh nước biếc chập chùng
Sớm nắng biển, chiều mưa rừng gian khổ*

⁽¹³⁵⁾ <http://www.amazon.com/Stalking-Vietcong-Operation-Phoenix-Personal/dp/0345472519>

Tuổi thanh xuân cuộc đời như hoa nở
 Vì hoà bình đâu có ngại gian nguy
 Mấy tháng trời đêm nghỉ ngày đi
 Giày vệt gót, áo sờn vai sớm lạnh
 Rừng Trường Sơn núi đồi hiu quạnh
 Mẹ hiền ơi, con nhớ đến quê mình
 Khỏi lam chiều giàn mướp lá lên xanh.
 Con bướm nhỏ, mái đình xưa... Ôi nhớ quá!
 Và nơi đây trong cảnh người đất lạ
 Nhưng một màu xanh vẫn một quê hương.
 Vẫn bóng dừa xanh, vẫn một con đường
 Con trâu về chuồng tăng thêm gọi nhớ
Đã qua rồi phút xa đầu bờ ngõ
Con nhìn ra, nào giải phóng gì đâu ?
 Buổi chợ đông vui, đồng lúa xanh màu.
 Mái chùa cong, buông hồi chuông tín mõ.
 Lóp học tung tăng từng đàn trẻ nhỏ.
 Đang nhịp nhàng vui hát bản đồng ca.
 Và bên này luống cải vườn hoa.
 Đàn bướm nhỏ bảo nhau về hút mật.
Sao người ta bắt con đốt xóm phá cầu.
Phải gài mìn gây thương tác, thương đau.
Khi gài mìn đôi tay con run rẩy.
Rồi sau đó,
 con thấy xác người trong máu đỏ chan hoà.
Máu của ai ? Máu của đồng bào ta ,
 của những người như mẹ.
Đêm hôm ấy mắt con trào lệ.
Ác mộng về trần trọc trâu canh....

Chính những câu văn xót lòng đó đã nói lên một sự
 thật hãi hùng là “làm gì có giải phóng” mà chỉ có dối trá và
 man rợ.

Đó chính là lý do vì sao nhiều tù binh là bộ đội cộng
 sản đã không muốn quay về với cộng sản nữa.

● THAY CHO LỜI KẾT

Kính thưa các chú

là những người lính quân đội cộng sản!

Đảng cộng sản vẫn tuyên truyền rằng Mỹ xâm lược và tạo ra chế độ “ngụy” ở miền Nam. Nhưng ngày nay với thông tin rộng mở, sự thật đã hoàn toàn ngược lại. Người Mỹ vào Việt Nam chỉ nhằm giúp miền Nam xây dựng một chế độ dân chủ tự do như Mỹ đang làm tại Nhật, Tây Đức, Nam Hàn...mà kết quả sinh ra những nước dân chủ, tiên tiến.. Người Mỹ cũng không lấy của chúng ta bất cứ thứ gì từ đất đai cho đến tài nguyên như Trung Cộng, bạn vàng của cộng sản Việt Nam đang làm. Vậy thì ai là *chân*, ai là *ngụy* hỡi các chú đều sáng suốt và nhận thấy rõ ràng.

Chính vì những lời tuyên truyền bịp bợm đó mà các chú đã hi sinh tuổi thanh xuân để hôm nay con cháu của đảng dè đầu cuỡi cổ nhân dân và cả các chú. Đảng đã lợi dụng tinh thần yêu nước của các chú bác để bảo vệ cho chủ nghĩa cộng sản chứ không hề phục vụ dân tộc. Đảng đã dựng nên một tấn bi kịch, một kẻ thù giả tạo ở miền Nam để đẩy các chú vào chiến trường nhằm đem lại một Việt Nam hoang tàn, đổ nát và tràn đầy bất công ngày nay.

Thực tế đã chỉ ra rằng, đảng cộng sản không hề biết đến sự hi sinh của các chú mà chỉ lợi dụng các chú. Đảng đã hô hào các chú lên đường bảo vệ biên giới với Trung Cộng năm 1979, nhưng đáp lại sự hi sinh xương máu của các chú thì đảng xóa bia ghi chiến công của các chú ở Lạng Sơn, không dám vinh danh các thương binh, liệt sĩ để tránh làm mất lòng Trung Cộng. Tệ hại hơn, đảng đẩy các chú canh gác đảo Gạc Ma cho Tàu Cộng bắn mà không cho các chú nổ súng chống giặc. Đảng còn bán những thác Bản Giốc, ải Nam Quan, bãi Tục Lãm...là những nơi các chú đã hi sinh xương máu để gìn giữ. Vậy ai đã phản bội lại chính niềm tin và tình yêu nước của các chú, nếu không phải là đảng cộng sản Việt Nam.

Thưa các chú !

Cháu cũng có bố là đồng ngũ như các chú, cũng có người bác là liệt sĩ, người chú là thương binh như các chú. Cháu biết rằng các chú là người yêu nước và rất chân tình. Nhưng các chú cũng là nạn nhân của một đảng chuyên lừa dối để bắt người khác hi sinh cho họ. Những năm tháng các chú “*xẻ dọc Trường Sơn*” đi đánh Mỹ và đánh chính đồng bào mình cho đảng thì con cháu của đảng có ai đi bộ đội như các chú đâu? Các chú có thể thấy con cháu của Lê Duẩn, Võ Nguyên Giáp, Trường Chinh...đều đi du học ở Liên Xô, Đông Âu ... không có bất cứ ai vào Nam chiến đấu. Các lãnh đạo đảng đã lợi dụng lòng yêu nước cháy bỏng của các chú để cho con cháu họ du học và ngày nay ngồi chễm trệ viện trường này nọ, làm giám đốc ngân hàng ...với tài sản hàng tỷ USD mà tiền lấy từ đâu các chú đã rõ. Còn các chú thì sao? Hàng năm đảng tổ chức một ngày gọi là ngày “*thương binh liệt sĩ*” liệu có xứng với những gì các chú đã hi sinh để con cháu của họ hưởng lợi?

Không ít các chú đã từng cống hiến xương máu cho đảng để đầu cuối cổ nhân dân, ngày nay cũng chính là nạn nhân của đảng. Chúng cháu biết ở Hải Phòng có chú Đoàn Văn Vươn là một cựu chiến binh bị đảng cướp hết thành quả lao động, phá nhà và bắt phải vào tù.

Chúng cháu biết ở Hà Nội có chú Huỳnh Xuân Long là một thương binh bị đảng cướp hết đất đai và dùng công an trấn áp cả gia đình. Chúng cháu biết có chú Nguyễn Văn Hải tại Sài Gòn cũng là cựu chiến binh vì phản phui hành động bán nước cho Tàu mà bị đi tù mút mùa lệ thủy...Còn rất, rất nhiều trường hợp bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình liệt sĩ, thương binh bị đảng đánh cướp trắng trợn ở Hải Phòng, Trịnh Nguyễn (Bắc Ninh), Vụ Bản (Nam Định)... Đó là nỗi đau không riêng của các chú mà còn là nỗi đau của tuổi trẻ chúng cháu.

Hôm nay, nhân ngày của các chú, chúng cháu xin gửi

tới các chú lời biết ơn về lòng yêu nước, tinh thần hi sinh của các chú. Cháu viết bài này không phải cố tình khơi lại tro tàn của cuộc chiến, cũng không phải bởi móc những vết thương còn mưng mủ trong lịch sử dân tộc. Cháu chỉ mong góp phần trả lại sự thật lịch sử và cho mọi người dân Việt Nam thấy các chú cũng là nô lệ cho giới lãnh đạo cộng sản phi nhân, bất nghĩa. Đất nước chúng ta đang đứng trước họa xâm lăng Trung Cộng mà nguyên nhân xuất phát từ chính sách bán nước hại dân của đảng cộng sản. Hơn lúc nào hết, các chú hãy nhận ra ai là kẻ lợi dụng xương máu nhân dân Việt Nam trong đó có các chú để vinh thân phì gia.

Các chú hãy động viên con em mình đứng lên cùng tuổi trẻ chúng cháu vứt bỏ chủ nghĩa cộng sản hoang tưởng và bán nước. Để từ đó chúng ta xây dựng lại Việt Nam tươi đẹp và tự do thật sự .

Kính chúc sức khỏe tới tất cả các chú !

— 25/7/2013.

– *Chương 22 :* **NHỮNG KẺ CƯỚP NGÀY**

Từ đánh tư sản đến xây vùng kinh tế mới, cộng sản chỉ nhắm cướp đoạt tài sản của dân, cụ thể là nhân dân miền Nam.

Đứng đầu chủ mưu và trực tiếp điều hành thực hiện âm mưu là Đỗ Mười, Mai Chí Thọ, Lê Đức Thọ, Lê Đức Anh cùng tầng dưới là Võ Văn Kiệt, Nguyễn Tấn Dũng... với mục tiêu đoạt tối đa của cải của người dân miền Nam chuyển ra Bắc làm của cải của đảng.

Cần nhấn mạnh “của cải của Đảng” vì toàn bộ tài sản vơ vét từ miền Nam không người dân miền Bắc nào được hưởng, ngoại trừ vợ con các “*lãnh tụ kẻ cướp*” kể trên.

Chính vì thế mà một cán binh theo đoàn quân giải phóng vào Sài Gòn là Dương Thu Hương đã phải thốt lên câu nói đê đờ “*kẻ chiến thắng là kẻ man rợ.*”

Có thể nhắc thêm cuốn hồi ký *Đại Học Máu* của Hà Thúc Sinh mô tả sau năm 1975, dù Đảng chiếm được kho thuốc khổng lồ của VNCH, nhưng người dân hai miền và cả bộ đội cộng sản vẫn không có thuốc đàn hồi chờ chết trước các căn bệnh đơn giản như kiết lỵ...

Trong khi đó đảng lại viện trợ cho nước Venezuela xa xôi mấy tàu thuốc, loan báo trên đài như một hành động nghĩa hiệp. Những kẻ cướp ngày của nhân dân đã dùng tài sản cướp được để vinh thân phì gia đồng thời tô điểm cho bộ mặt nhớp nhúa của đảng cộng sản.

● CƯỚP ĐOẠT TÀI SẢN NGƯỜI DÂN VÀ ĐẨY NGƯỜI DÂN ĐI “KINH TẾ MỚI”

Đảng cộng sản tiến hành chính sách đánh tư bản, đòi tiền và tịch thu tài sản của nhân dân dưới chiêu bài “đánh gian thương”, “tiểu tư sản.” Hậu quả là hàng triệu người bị cướp nhà giao cho cán bộ, bị mất cơ nghiệp, bị đẩy đi kinh tế mới tạo thành “công lao to lớn” của Đỗ Mười, Mai Chí Thọ... thu hơn 4.000 kg vàng, gần 1 triệu 200 ngàn đô la, và một khối lượng hàng hóa không thống kê hết. Từ xe hơi, TiVi, tủ lạnh, đến bịch bột giặt, quả trứng gà đều phải kê khai và tịch thu chất trong các kho rồi...không cánh mà bay, hoặc biến thành phế thải.

Xin theo dõi những chứng cứ về sự thật này.

– Thứ nhất, chương sách mang tiêu đề *Đánh Tư Sản* trong cuốn *Bên Thắng Cuộc* của Huy Đức đề cập đến chiến dịch cướp bóc này như sau: “Sau khi hàng trăm ngàn binh lính đã được “học tập”, đã nhận thấy “tội lỗi” của mình, còn các sĩ quan thì đã bị giữ trong các trại cải tạo, Sài Gòn lại náo động bởi chiến dịch đánh tư sản mại bán. Theo nhận thức của những người cộng sản, đánh đổ giai cấp tư sản là bước đi tất yếu, là nhiệm vụ của “cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.” Chưa đầy ba năm sau khi chủ nghĩa xã hội được áp dụng ở miền Nam, các nhà doanh nghiệp, với tên gọi mới là “tư sản”, đã phải trải qua hai lần bị “đánh.”

Sự việc tiến hành dưới danh nghĩa “Chiến dịch X-2” khởi sự lúc 7 giờ 30 phút sáng ngày 10/9/1975, Ủy Ban Quân Quản Thành Phố Sài Gòn họp báo, đưa ra “*Bản Tuyên bố của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam*”, ra lệnh “bắt giữ một số tư sản mại bán có chứng cứ đầu cơ tích trữ, phá rối thị trường: Mã Hỷ, vua lúa gạo; Lưu Tú Dân, lũng đoạn vải vóc; Bùi Văn Lự, nhập cảng, đầu cơ phụ tùng xe máy; Hoàng Kim Quy, thâu cung cấp kẽm gai cho quân đội Mỹ; Trần Thiện Tứ, độc

quyền xuất cảng cà phê...”

Hơn bảy giờ trước đó tức đêm khuya ngày 9/9, phần lớn các đối tượng nằm trong danh sách sáu mươi tên đánh đột đầu đã bị bắt. Tác giả Huy Đức, một cựu nhà báo cộng sản cho biết thêm: *“Tối 10/9/1975, “tin chiến thắng” liên tục được báo về “đại bản doanh” của Trung Ương Cục đóng tại Dinh Độc Lập. Con số bị bắt cho đến khi ấy vẫn tăng lên. Các đoàn đưa ra những con số chi tiết: hàng chục triệu tiền mặt, hàng chục ký vàng, cả “kho” kim cương, hàng vạn mét vải và cả một cơ sở chăn nuôi gồm “7.000 con gà, thu hoạch 4.000 trứng mỗi ngày” ở Thủ Đức. Một nhà tư sản đang nằm viện bị yêu cầu kiểm tra xem ốm thật hay cáo bệnh, trong khi đó con trai ông ta bị bắt để buộc phải khai ra nơi cất giấu tiền, vàng. Do tin tức bị lọt ra, một số nhà tư sản đã kịp cao chạy xa bay, có người bị bắt khi đang chuẩn bị trốn.”*

Ngoài bắt bớ, chính quyền cộng sản còn tiến hành chính sách đổi tiền để vét tiền vào túi dưới hình thức cướp trắng. Huy Đức tả về sự kiện đổi tiền như sau:

“Sau Chiến Dịch X-2, Thành Ủy nhận định: “Bọn tư sản mại bản bị cô lập rất cao, chúng đã mất hết chỗ dựa về mặt quân sự và chính trị. Lực lượng kinh tế của chúng đã bị sút mẻ và đang bị tan vỡ dưới sự tiến công của ta.” Nhằm “giáng tiếp những đòn mới vào giai cấp tư sản”, ngày 22 và 23/9/75, đồng tiền cũ của chế độ Sài Gòn đã được thay thế bởi đồng tiền mới.

Đổi tiền cũng được coi là “chiến dịch” với mật danh “X-3”. Ba yêu cầu mà Trung Ương Cục đưa ra cho Chiến Dịch X-3 gồm: “Thiết lập một chế độ tiền tệ mới; ngăn chặn giai cấp tư sản xử dụng tiền mặt để thao túng thị trường, đồng thời tước đoạt bớt phương tiện hoạt động của bọn gián điệp, tình báo; đẩy lùi lạm phát.” Với nhận thức tiền còn là “phương tiện hoạt động của bọn gián điệp, tình báo”, Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Cộng Hòa Miền

Nam Việt Nam chỉ cho đổi một số tiền hạn chế.

Mỗi hộ gia đình được đổi tối đa 100.000 đồng tiền “chánh quyền Sài Gòn cũ”— 500 đồng tiền “chánh quyền Sài Gòn cũ” đổi được một đồng tiền mới Ngân Hàng Việt Nam. Cán bộ công nhân viên chức trong các tổ chức tập thể được đổi mỗi người 15.000; hộ kinh doanh tiểu công nghệ, thương nghiệp, vận tải được đổi 100.000 đồng; tổ chức kinh doanh lớn được đổi từ 100.000 đến 500.000 đồng; khách vãng lai, mỗi người được đổi 20.000, số còn lại nộp cho ban đổi tiền, lấy biên lai về địa phương giải quyết. Các hộ kinh doanh và hộ gia đình nếu có nhiều tiền hơn mức được đổi ngay thì phần còn lại sẽ quy đổi thành tiền mới, ghi vào sổ tiết kiệm, hoặc sổ tiền gửi tại Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam.”

Song song với đánh tư sản và đổi tiền, chính quyền cộng sản áp dụng biện pháp “*cải tạo công thương nghiệp tư doanh*” mà Huy Đức miêu tả:

“Nếu như đối tượng của Cách Mạng chỉ có chín mươi hai nhà tư sản giàu có nhất miền Nam thì sau năm 1975, nền kinh tế vẫn còn cơ hội để hồi sinh. Nhưng, hai năm rưỡi sau, “giai cấp tư sản” lại bị “đánh” trong một chiến dịch mới được gọi là “Cải Tạo Công Thương Nghiệp Tư Doanh”, một chiến dịch được ông Đỗ Mười triển khai với “bàn tay sắt.” (136)

– Thứ hai, trong lịch sử thì sự kiện vỡ vét tiền của nhân dân sau năm 1975 ở Việt Nam không phải là lần đầu tiên. Lần đầu tiên phải là cuộc Cải Cách Ruộng Đất vì theo thống kê chính thức trong cuốn *Lịch Sử Kinh Tế Việt Nam* cho biết đã có 172.008 người bị quy vào thành phần địa chủ và phú nông — trong đó có 123.266 người bị quy sai, hơn 70%, tức là bị oan.

(136) <http://chauxuannguyen.org/2012/12/15/ben-thang-cuoc-phan-i-mien-nam-chuong-iii-danh-tu-san-huy-duc/>

Lần thứ hai này đánh “tư sản mại bản”, tịch thu tài sản hàng triệu người, đuổi người dân đi “kinh tế mới”, vào “hợp tác xã.” Nền kinh tế bị thiệt hại kinh hoàng TRỰC TIẾP đẩy tới nạn THUYỀN NHÂN chưa từng có trong lịch sử nhân loại khiến từ 100 ngàn đến 300 ngàn người bỏ mạng ngoài biển khơi.

Báo Tuổi Trẻ Online của cộng sản Việt Nam từng viết về một người tham gia chiến dịch cướp bóc của quân chúng miền Nam như sau: *“Sau tháng 4/1975, nhà báo Đinh Phong cùng nhóm phóng viên truyền hình túc trực ngày đêm theo những tổ công tác làm công việc “kê biên tài sản” của những nhà tư sản Sài Gòn ở chợ Bến Thành, chợ Tạ Thu Thâu... Đó là một thời điểm khó quên nhưng ai cũng muốn quên. Ông Đinh Phong (ủy viên Ủy Ban MTTQVN-TP.HCM, nguyên phó giám đốc Đài Truyền Hình TP.HCM) hồi tưởng về những ngày ông và nhiều đồng nghiệp được ban tuyên huấn giao những nhiệm vụ đặc biệt nhưng bí mật đến phút cuối cùng. Ngay cả cái tên của những chiến dịch này cũng được mã hóa thành X1, X2... Những tổ công tác mật được gấp rút thành lập, bắt đầu rà soát, lên danh sách những hộ gia đình kinh doanh, những gia đình giàu có phải “cải tạo tư sản.” Nguyên tắc hàng đầu của chiến dịch này là bí mật. Những nhà tư sản chỉ bàng hoàng nhận biết những gì xảy ra khi cửa mở và tổ công tác đặc biệt bất ngờ có mặt, đọc quyết định “kê biên tài sản.” (137)*

– Thứ ba, về con số thống kê “thành tích”, cuốn sách *Thông Tin Lịch Sử Của TP.HCM* cho biết: “Cho đến ngày giải phóng 1975, Sài Gòn đã có một cơ sở vật chất, kinh tế kỹ thuật lớn nhất miền Nam, nơi tập trung hơn 80% năng lực sản xuất công nghiệp cả miền Nam. Nơi đây tập trung hơn 38.000 cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp lớn

(137) <http://tuoitre.vn/Chinh-tri-Xa-hoi/Phong-su-Ky-su/132736/ke-bien-tai-san.htm#ad-image-0>

nhỏ, trong đó có 766 công ty và 8.548 cơ sở công nghiệp tư nhân. Để công hữu hóa tư liệu sản xuất và đưa công nhân lao động làm chủ nhà máy, xí nghiệp, sau năm 1975 chính quyền cách mạng đã tiến hành vận động hai đợt cải tạo công thương nghiệp. Kết quả là đã quốc hữu hóa tài sản của 171 tư sản mại bản, 59 tư sản thương nghiệp cỡ lớn...”

Trên thực tế, “quốc hữu hóa” chính là việc nhà cầm quyền cộng sản cướp của dân rồi biến thành tài sản riêng cho đảng viên và các quan chức lãnh đạo.

– Thứ tư, kèm theo chính sách đánh tư bản là chính sách dồn người dân vừa bị cướp hết tài sản, nhà cửa vào các vùng hoang sơ, rừng thiêng nước độc. Điều cần biết là đảng CS không cung cấp bất kỳ phương tiện sản xuất nào, không hề trợ giúp cho nhân dân bất kỳ điều kiện nào về nhà cửa, thực phẩm. Trái lại, đảng chỉ làm một việc duy nhất là thúc ép mọi người sớm đi khỏi thành phố với nhãn hiệu “đi vùng kinh tế mới” để lao động khổ sai. Xin đọc bức thư của các nạn nhân cộng sản đang sống tại Việt Nam để thấy sau năm 1975 đảng cộng sản đã cướp những gì của nhân dân:

“Kính Gửi: Tổng Bí Thư Nông Đức Mạnh

Đảng CSVN Bộ Chính Trị Trung Ương (TW) Đảng CSVN,

Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội do Đảng CSVN cầm quyền.

Chúng tôi có tên dưới đây:

– Huỳnh Ngọc Cảnh, đại diện một số anh chị em công nhân Khu Công Nghiệp AMATA Đồng Nai.

– Nguyễn Tấn Hoàn, đại diện một số anh chị em Khu Công Nghiệp Điện Bàn Quảng Nam.

– Nguyễn Tấn Dung, đại diện một số anh chị em công nhân Khu Công Nghiệp Biên Hoà II

– Dương Thái Phong, Huỳnh Tiến, Trương Long, Vũ Hà, Trần Tá, Võ Hải, Nguyễn thị Tuyết, thuộc Khu Công Nghiệp Tân Bình và Khu Chế Xuất Vĩnh Lộc.

– Hoàng Anh Tuấn, Công Ty Giày Da Gia Định, quốc lộ 13 Thủ Đức, Tp. Saigon

Thưa quý Ngài lãnh đạo Bộ Chính Trị TW Đảng CSVN,

Ngày trước miền Nam 1975, gia đình chúng tôi chưa được cách mạng giải phóng. Cha mẹ chúng tôi có nhà, có đất làm ăn khấm khá chưa biết làm thuê làm mướn là gì. Trong thời đó những thương gia Ấn Độ, kỹ sư người Nhật, Hàn Quốc vào miền Nam làm thuê và mua bán. Họ hoàn toàn lệ thuộc vào người dân Việt Nam. Sau năm 1975, miền Nam được cách mạng giải phóng khỏi ách nô lệ, Đảng hô hào nâng đỡ và đấu tranh cho hai giai cấp công nhân và nông dân. Chính lá cờ Đảng CSVN thể hiện biểu tượng búa, liềm.

Sự thật có phải như vậy không?

Thưa, sự thật rất phũ phàng! Sau khi chiếm được miền Nam là cải tạo công thương nghiệp, đánh tư sản mại bản thì gia đình chúng tôi bị mất nhà, mất đất. Trong khi chúng tôi có tiền dư thóc để, thì chúng tôi bị lấy nhà và bị đuổi đi vùng sâu nước độc để khai phá đất hoang làm ăn. Do những cơn sốt rét vàng da, có những gia đình chết phân nửa, có những gia đình phải chết hết. Khi trở về thành phố thì nhà cao cửa rộng, ruộng vườn của mình bị cán bộ đảng viên thu. Điều này chúng tôi có nói sai đâu. Những villa nhà lầu hiện nay là nhà của đảng viên, thì thử hỏi cha ông của mấy ông này mua nhà đất từ thời nào để lại cho mấy ông đảng viên này, nếu không phải cướp của chúng tôi thì từ đâu mà có. Cuộc đời chúng tôi còn sống thì vẫn còn bị cướp. Đời cha tôi bị cướp, đời tôi cũng bị cướp. Những gia đình chúng tôi lên vùng kinh tế mới khai hoang được vài ba mẫu đất làm ăn, cuộc sống chưa ổn định thì trò cướp bóc lại đuổi theo người dân nghèo chúng tôi, kể đến là chiêu thức kêu gọi đầu tư rước ngoại bang vào, lại tiếp tục lấy đất của chúng tôi. Bằng nhiều chiêu thức gạt găm lừa bịp gian

manh quý quyết, trù dập vu khống chụp mũ...” (138)

● NẠN THUYỀN NHÂN VƯỢT BIỂN.

Chính vì cướp sạch kinh tế, nhà cửa và đầy đọa quân dân cán chính VNCH mà đảng cộng sản đã đẩy người dân miền Nam tới nạn “*thuyền nhân*” để kiếm tìm sự sống mới. Trên thực tế không chỉ đánh kinh tế, nhà cầm quyền cộng sản còn đánh văn nghệ sĩ không theo cộng sản. Vì thế toàn miền Nam là một trại tù khổng lồ, người dân đã phải chấp nhận đổi mạng sống trên những con thuyền lênh đênh ngoài khơi để trốn chạy cộng sản. Sau đây là bài viết của một nạn nhân, nhà báo Thanh Thương Hoàng, nói về chiến dịch X2:

“Tôi bị bắt ngày 5 tháng 4 năm 1976, trong cái trò bắt người mà cộng sản gọi là “chiến dịch X2 đánh Văn Nghệ Sĩ Phản Động”. Chiến dịch X1 trước đó “đánh” tư sản mại bản (tức những nhà tỷ phú người Việt và người Việt gốc Hoa, đa số ở Chợ Lớn). Có 3 nhà tỷ phú người Việt bị bắt là cụ Hoàng Kim Quy (cựu Thượng Nghị Sĩ đệ nhị VNCH), hai anh em vua tàu thủy Phạm Quang Khai và Phạm Quang Hoa. Trước và sau tôi bị bắt vài ngày có hơn trăm người gồm đủ bộ môn văn nghệ miền Nam (văn, thơ, báo chí, nhạc, kịch, đạo diễn điện ảnh, đạo diễn cải lương có đôi chút tên tuổi). Đa số giam ở T20 (số 4 Phan Đăng Lưu bên hông chợ Bà Chiểu, Gia Định) vài người đi khám Chí Hòa. Khoảng mười tháng sau một số lớn được tha về, chỉ còn mười người bị quy kết tội “có nợ máu nhân dân” và “chống cộng ở thượng tầng kiến trúc” bị giữ lại. Đây là những “tội” có thể đưa tới tử hình. Sau hai năm tra vấn hỏi cung xong, họ đưa bọn tôi lên trại Gia Trung (xứ sương mù Pleiku) nằm trong khu rừng già, nghe nói trước đây là mật khu của Việt Cộng, để lao động khổ sai.”

⁽¹³⁸⁾ <http://saohomsaomai.wordpress.com/2011/05/08/dang-t%C6%B0-b%E1%BA%A3n-lam-gi%E1%BA%A7u-cho-dan-ngheo/>



Bắt học sinh xuống ↑
đường "bài trừ văn hóa
phản động"
Đánh tư sản sau 1975 ↓



↑ Một thanh niên bị đeo băng đi vòng nơi cư trú, dưới sự giám sát của
bộ đội CS. Tội danh : Nhảy đầm! Sau đó phải thọ án 1 năm tù cải tạo.



Đuổi
tư sản
đi
kinh
tế
mới sau
1975



Cái gọi là "Tòa án nhân dân"





Những
con
tàu
lênh
đênh
trên
biển
cả
cộng
sản



Dù
đã tới bờ,
đôi mắt
vẫn
thất
thần

Thậm chí khi tác giả này đã ra tù và có chính sách HO vẫn bị gây khó dễ: “...tất cả đều vô vọng. Lần nào cũng vậy, hai lần, tôi “ôm” hồ sơ xin xuất cảnh tới Sở Ngoại Vụ đường Nguyễn Du đều được các viên chức hữu quyền (công an CS) trả lời dứt khoát: “Nhà Nước không có chính sách cho anh xuất cảnh. Bọn lính cũ không có súng ống đâu còn đánh được chúng tôi nhưng với bọn anh chỉ một cây viết vẫn có thể chống phá chúng tôi như các anh đã làm trước đây. Anh nên biết bên đó bọn báo chí phản động nhiều như nấm.” Thế là con đường sống bị triệt. Hết hy vọng, hết chờ mong. Tôi đành sống kiếp mặt rệ — một thứ công dân hạng bét — ngay trên quê hương đất nước mình.” ⁽¹³⁹⁾

Nạn thuyền nhân bắt đầu khi chính quyền cộng sản trả thù quân dân cán chính VNCH và cướp đi nguồn sống của nhân dân. Không ít tài liệu đã cho thấy rõ điều đó.

– Thứ nhất, đài VOA đã thống kê về con số thuyền nhân và số người không may mắn như sau: “Sau biến cố 30 tháng 4 năm 1975 — và trong cả hai thập niên kế tiếp — hàng triệu người Việt đã vượt biển, vượt biên tìm tự do. Ngày nay, người ta thường chú ý đến tập thể cựu “thuyền nhân”, “bộ nhân” đã sống sót và định cư thành công ở Bắc Mỹ, Châu Âu và Châu Úc. Cũng trong hai thập niên đen tối ấy, trên 300 ngàn thuyền nhân Việt Nam đã tử nạn trong rừng sâu, trên biển cả và tại các trại tị nạn ở Đông Nam Á. Rải rác khắp nơi tại các trại tị nạn cũ — từ Thái Lan, Malaysia đến Indonesia và Philippines, hàng ngàn ngôi mộ thuyền nhân đã bị bỏ quên — cho đến khi tổ chức Văn Khố Thuyền Nhân Việt Nam phát động chương trình thăm viếng và trùng tu mộ phần cho những đồng bào xấu số.” ⁽¹⁴⁰⁾

Những con số biết nói này đã nói rõ cộng sản là loài

⁽¹³⁹⁾ <http://khungtroisaomai.com/forums/viewtopic.php?f=9&t=7699>

⁽¹⁴⁰⁾ <http://www.voatiengviet.com/content/ky-niem-ngay-30-thang-4-thuyen-nhan-viet-nam-tu-nan/1651015.html>

thú dữ gây cảnh tang thương cho dân tộc Việt Nam.

– Thứ hai, trong tập tài liệu *The State of The World's Refugees 2000, 50 Years of Humanitarian Action* ấn hành năm 2000 viết về vấn đề tị nạn, đánh dấu 50 năm hoạt động nhân đạo của LHQ, bà Sadako Ogata, cao ủy trưởng Tị Nạn Liên Hiệp Quốc, nói về lòng can trường của hàng triệu người tị nạn trên thế giới đã mất tất cả, ngoại trừ niềm hy vọng, và đã vượt qua bao thử thách, chông gai để đi tìm con đường sống. Bà Ogata tuyên dương những người này là “những người sống sót vĩ đại của thế kỷ 20”: “Ngay từ cuối năm 1975, những đợt người tị nạn Việt Nam đã bắt đầu đến lánh nạn tại các nước lân bang. Vào những ngày đó, Thái Lan đã đón nhận 5.000 người tị nạn từ Việt Nam qua, tại Hồng Kông cũng đã có 4.000 tị nạn, Tân Gia Ba 1,800 người, và có khoảng 1.250 người cũng đã đến Phi Luật Tân.

Vào tháng 7 năm 1976, khi chế độ Hà Nội loại trừ bộ máy quản chế miền Nam của Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam để thực hiện việc thống nhất hai miền, cưỡng chế người dân đi vùng kinh tế mới, và tập trung trên một triệu người miền Nam vào các trại tù cải tạo, những làn sóng di tản bằng đường biển bắt đầu gia tăng. Và đến cuối năm 1977, đã có trên 15.000 người Việt sang tị nạn tại các nước trong vùng Đông Nam Á. Đến năm 1978, khi nhà cầm quyền Cộng Sản phát động chính sách cải tạo tư sản, và tiếp theo đó là việc xua quân xâm chiếm Cam Bốt, và phải đương đầu với cuộc chiến biên giới với Trung Quốc, làn sóng tị nạn bằng đường biển đã tăng lên gấp bốn lần, với đa số người ra đi thuộc khối người Việt gốc Hoa, để sau đó được đưa sang định cư tại các tỉnh phía Nam Trung Quốc.

Vào cuối năm 1978, đã có 62.000 thuyền nhân người Việt tị nạn tại các nước Đông Nam Á. Riêng trong tháng 6 năm 1979, đã có trên 54.000 thuyền nhân Việt Nam đến tị nạn tại các nước nói trên. Những làn sóng tị nạn này đã khiến cho các nước trong khối Đông Nam Á, như Mã Lai Á,

Thái Lan, Phi Luật Tân, Tân Gia Ba và Nam Dương tuyên bố không nhận thêm người tị nạn từ Việt Nam, khiến cho những đợt thuyền nhân đến sau đã bị xua đuổi cấm không cho lên bờ. Kể từ đó, con số thuyền nhân tử vong trên biển cả cũng đã gia tăng.

Sau những cuộc hành trình hãi hùng lênh dênh trên đại dương, một số thuyền nhân cũng đã đến được bến bờ tạm dung. Những lớp người này đã đem cho thế giới bên ngoài những mẩu chuyện về người cha, người mẹ, đã phải chia nhau những hạt cơm rơi từ miệng những đứa con; đến chuyện chia nhau từng giọt nước quý hơn vàng được vắt ra từ miếng vải thấm mưa, để đánh lừa những cơn đói khát triền miên. Hay là những chuyện thương tâm về người chết đã cứu được người sống với thịt máu của chính mình. Hoặc nữa là những chuyện nói nhỏ, kể về những trường hợp phải đương đầu với hải tặc. Ngoài những mối đe dọa do sự đầy dọa của con người đối với con người, những thuyền nhân này còn phải đương đầu với những cơn thịnh nộ của thiên nhiên. Những cơn phong ba bão táp đã khiến cho không biết bao nhiêu thuyền nhân làm mồi cho biển cả. Không ai dám phỏng đoán với mỗi người có cơ may đặt chân lên bến bờ tự do, đã có bao nhiêu người hy sinh trên đại dương.

Cuối cùng, làn sóng người tị nạn Việt Nam bằng đường biển đã viết lên thiên bi sử của thuyền nhân, và những câu chuyện hãi hùng của các cuộc vượt biển của người tị nạn Việt Nam đã đánh động được lương tâm thế giới. Vào tháng Ba 1979, chương trình Ra Đi Có Trật Tự ra đời để cố gắng ngăn chặn những làn sóng vượt biển. Ngoài ra, cũng vào thời gian này, các chương trình cứu người vượt biển đã được một số tổ chức thiện nguyện quốc tế phát động hai chiếc tàu cứu vớt thuyền nhân ngoài biển là Anamur do một tổ chức từ thiện Đức Quốc vận động vào năm 1979, L'Ile de Lumiere của tổ chức từ thiện Pháp Medecins du Monde điều hành vào năm 1980 đã cứu mạng

được nhiều thuyền nhân Việt Nam lênh đènh ngoài biển cả trong khoảng thời gian từ 1979 cho đến 1990.”

– Thứ ba, theo video tài liệu của Ủy Ban Cứu Nguy Người Vượt Biển về con tàu J. Charcot, sau 20 ngày tìm vớt ngoài khơi Việt Nam: *“Tàu đã vớt được 520 người, thành phần tuổi tác như sau: Từ 14 đến 30 tuổi có 269 người, tức 51,73%. Học trò có 224 em, gồm 136 nam, 88 nữ, chiếm 43,08%. Người trên 50 tuổi chỉ có 11 người, chiếm 2,11%. Người có nghề nghiệp là 218 người, chiếm 41,92% gồm 154 đàn ông và chỉ có 64 đàn bà ... Với thành phần trẻ chiếm đa số và nhất là giới học trò đã làm cho thế giới rung động ở mức độ kinh hoàng về cuộc ra đi của người Việt. Hàng trăm ký giả, các nhà xã hội và tôn giáo thiện nguyện đổ xô về Đông Nam Á quan sát thảm nạn thuyền nhân khi những chiếc tàu chở hàng ngàn thuyền nhân đổ bộ lên đảo hoang Pulau Bidong, Galang...”* ⁽¹⁴¹⁾

Đồng thời trang Văn Khố Thuyền Nhân Việt Nam ghi lại một thảm kịch của thuyền nhân Việt Nam trên đường vượt biển chạy trốn cộng sản: *“Sáng 1/12/1978, bão lớn kéo đến. Chẳng bao lâu sau tàu chìm. 170 người thiệt mạng. 150 người sống sót. 123 thi hài được chôn chônng chắt 4 lớp lên nhau trong nghĩa trang Cherang Ruku. 46 thi hài khác được mai táng 3 ngày sau đó tại nghĩa trang Balai Bachok, cách Cherang Ruku 30 km về hướng Bắc.”* ⁽¹⁴²⁾

– Thứ tư, cho đến nay, sau hơn 80 năm, vẫn còn người Việt Nam ra biển đi tìm tự do. Đài RFA đã có bài viết :

“Hiện nay vẫn còn có những người Việt Nam phải bỏ nước ra đi bằng thuyền như phong trào thuyền nhân vượt biển cách đây gần 40 năm sau thời điểm 1975. Hãng thông tấn AP hôm nay loan tin tính đến lúc này trong năm nay có 460 người Việt Nam tìm đến được bến bờ nước Úc. Đây là

⁽¹⁴¹⁾ <http://saigontimesusa.com/bai/thuyennhan/thuyennhan1132.shtml>

⁽¹⁴²⁾ <http://www.vnbp.org/vbpg Graves/gayquyHouston/cr/CR.htm>

con số bằng cả 5 năm qua gộp lại. Tàu chở thuyền nhân Việt Nam mới nhất đến được đảo Christmas Island của Úc là vào hồi tháng trước. Chiếc tàu có số hiệu đăng ký tại tỉnh Kiên Giang. Đây là tỉnh có khoảng cách đến đảo Christmas Island hơn 2300 kilomet... Một thuyền nhân có tên Trương Chí Liêm 23 tuổi khi AP liên lạc được qua điện thoại từ Trung Tâm Giam Giữ Người Nhập Cư Villawood, nằm ở ngoại vi Sydney, cho biết là anh ta thà chết ở trại chứ không để bị cưỡng bức về lại Việt Nam. Người này rời Việt Nam cách đây 5 năm và bị bắt giam ở Indonesia 18 tháng khi đang trên đường tìm đến Úc.”⁽¹⁴³⁾

Khó thể kể hết, ghi hết về thảm cảnh thuyền nhân Việt Nam tị nạn cộng sản nên xin kết thúc với bài viết tổng quát của ký giả người Đức Gabriele Venzky trên báo Die Zeit:

“Câu chuyện bắt đầu năm 1978.

Cuộc chiến tranh Việt Nam đã kết thúc được 3 năm. Cảnh tượng những máy bay trực thăng Mỹ cuối cùng cất cánh bay khỏi Sài Gòn, dưới càn máy bay còn bám theo bao nhiêu con người hoảng loạn tột độ vẫn còn hằn sâu trong tâm trí chúng ta, và cả làn sóng tị nạn sau đó. Và bây giờ thì dòng người ra đi khỏi Việt Nam vẫn không muốn dứt, lần này họ tìm cách vượt biển.

Họ đi trên những chiếc thuyền chài nhỏ và chen chúc đến nghẹt thở hướng về một phương trời vô vọng, không cả bản đồ và compas, cuối cùng sóng đánh trôi dạt đâu đó vào các bờ biển Đông Nam Châu Á, vào những mỏm đá bên bờ biển Hồng Kông, nếu là may mắn. Nhiều người không gặp may. Họ bị hãm hiếp, đánh chết hay bị ném xuống biển và chết đuối. Cứ hai thuyền chở tị nạn vào vùng biển Thái Lan thì một thuyền bị cướp. Cứ ba người thì một người bỏ mạng trên đường, người ta tính ra khoảng một nửa triệu người đã

⁽¹⁴³⁾ <http://www.rfa.org/vietnamese/vietnamnews/40yer-fle-vn-tke-sea-050-9-2013094355.html>

chết như thế.” ⁽¹⁴⁴⁾

Tóm lại, cả thế giới đều thấy thảm nạn thuyền nhân là có thật và ai cũng biết nguyên do gây nên là chủ trương bức chế và hành động độc đoán tàn ác của đảng cộng sản, dù đảng cộng sản phủ nhận bằng những lời ngụy biện. Trên báo Quân Đội Nhân Dân ngày 31-8-2007, tướng Nguyễn Đình Ước viện trưởng Viện Lịch Sử Quân Sự Việt Nam phát biểu: *“Nạn thuyền nhân là chuyện có thật nhưng nguyên nhân vì sau chiến tranh, đất nước bị tàn phá nặng nề mà Việt Nam còn bị bao vây, cấm vận về kinh tế.”* Viên tướng này diễn tả xã hội Việt Nam hoàn toàn tốt đẹp, không có chuyện bức chế bất kỳ ai, không có nỗi thống khổ nào và khẳng định nạn thuyền nhân là *“âm mưu hậu chiến của Mỹ”*, bởi sau khi cấm vận gây khó khăn kinh tế cho Việt Nam, *“họ lại kích động, đưa ra viễn cảnh thiên đường ở bên ngoài gây nên tình trạng có một bộ phận người Việt Nam bỏ đất nước ra đi. Không ít người đã thiệt mạng trên biển do bị chìm thuyền, bị bọn đưa người vượt biên trái phép lừa gạt giết chết. Đó đúng là một thảm cảnh nhưng là hệ quả do những chính sách chống phá Việt Nam từ bên ngoài.”*

Nhưng cho đến nay, sau 38 năm cướp được trọn vẹn miền Nam, tại sao vẫn có thuyền nhân, vẫn có người tị nạn trên đất Thái, Nga, Mã Lai...? Phải chăng vẫn chỉ do *“âm mưu hậu chiến của Mỹ”* còn xã hội Việt Nam hoàn toàn không có chuyện bức chế bất kỳ ai, đàn áp bất kỳ ai...?

● ĐIỂM MẶT MỘT SỐ KẺ CƯỚP.

Đảng cộng sản là tội đồ gây nên chiến tranh và cướp đoạt nhà cửa, tài sản...của nhân dân. Nhưng hiển nhiên đảng chỉ là cái tên chung còn thực sự nhúng tay vào các tội ác thì phải là những con người có mặt có tên trong cuộc sống mà sau đây là vài kẻ tiêu biểu.

⁽¹⁴⁴⁾ <http://rimini-protokoll.de/materialbox/vung-bien-gioi/35-2-Thuyn+nhnh.tml>

– Thứ nhất là Mai Chí Thọ qua lời tự kể trong một bài phỏng vấn trên tờ báo điện tử cộng sản *Vietbao.vn* về những hành động cướp bóc của bản thân: “*Trầm ngâm một lát, bác Tám Cao (Mai Chí Thọ) đúc kết: “Sau chiến thắng 30-4-1975 với chủ trương “Tiến nhanh, tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội”, ngay sau khi giải phóng, TW đã giao nhiệm vụ cho TP.HCM phải bắt tay ngay vào chiến dịch mang bí số X1 và X2 với nội dung “Cải tạo kinh tế tư bản chủ nghĩa” vẫn được quen gọi là “Đánh tư sản mại bản.” Chiến dịch X1, thì tạm được bởi chúng ta thực hiện cải tạo những tư sản có liên quan tới đế quốc, dù trong số họ không ít người chỉ thuần túy “làm kinh tế.”*

Và chính Mai Chí Thọ thừa nhận: “*Nhưng đến nửa chừng rà soát lại gần 2.000 “đối tượng X2”, thì chỉ đúng có... 3 đối tượng! Chủ trương duy ý chí này đã làm sa sút ghê gớm, biến dạng diện mạo cũng như nội lực của thành phố, xóa đi hết những ưu thế, cơ sở vật chất sẵn có của “Hòn ngọc Viễn Đông...”*

Mai Chí Thọ lúc đó là giám đốc công an Sài Gòn đã thừa nhận hậu quả khủng khiếp mà cộng sản gây ra cho nhân dân. Không khí cải tạo ồ ạt, tịch thu, tịch biên tài sản của các đối tượng “X1, X2”, đem về đồ dòn, chất đông đầy các kho không chứa xuể, phải tấp tắp đầu đó. Rồi một thời gian ngắn sau, những tài sản này hầu hết biến mất và số còn lại chỉ còn là một đồng đồ nát hư hỏng không lồ...

Sài Gòn từ vị thế một trung tâm công nghiệp lớn đã trở thành tê liệt sau khi “chiến dịch X1, X2” đi qua khiến toàn bộ nền sản xuất công nghiệp của thành phố đình trệ tới mức tận cùng: Nguyên vật liệu không còn, viện trợ từ các phía bị cắt đứt, cơ sở vật chất xuống cấp nhanh chóng, máy móc phương tiện “đắp chiếu” ngủ triền miên hết năm này sang năm khác. Nền kinh tế thành phố như thoi thóp với nạn lạm phát gia tăng chóng mặt từ 15,3% đến 31% năm 1979; từ 20% năm 1980 đến 40% năm 1981, cộng thêm thiên tai,

mất mùa, tăng viện cho cuộc chiến phía Tây Nam và số người thất nghiệp ngày càng gia tăng.

Rồi dịch bệnh tràn lan, thuốc men thiếu thốn đủ thứ khiến cho đời sống người dân ngày càng lâm cảnh cùng cực. Những hệ quả khủng khiếp này tất nhiên vẫn còn nguyên vẹn để vui đập đời sống người dân, dù những kẻ cướp bóc thú nhận hay không về tác hại do hành vi cướp bóc của họ

– Thứ hai cũng là một cộm cán — Đỗ Mười — mà Đoàn Duy Thành, cựu phó thủ tướng cộng sản đã ghi lại trong hồi ký *Làm Người Là Khó* giai thoại sau: “*Chính Nguyễn Văn Linh trong một lần hội nghị ở T78 đã nói thẳng với Đỗ Mười: “Anh Mười tưởng rằng làm Ủy Viên Bộ Chính Trị là to lắm, muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm, muốn phê bình ai cũng được...*

Anh Mười đừng dậy nói: “Tôi nói đó là tinh thần Bôn-Sê-Vich.”

Vẫn theo Đoàn Duy Thành ghi lại thì Phạm Văn Đồng đánh giá tệ hại về cả chủ trương cải tạo công thương nghiệp cùng cá nhân Đỗ Mười: “*Có lần tôi hỏi anh Tô (Phạm Văn Đồng): “Còn Đỗ Mười thì sao?” Anh Tô suy nghĩ hai ba phút rồi nói: “Chỉ có phá!”*

Con người mà chính đồng chí đánh giá là “*chỉ có phá*” là nhân vật chủ yếu khởi động chiến dịch X-3.

“*Đỗ Mười đọc quyết định của thủ tướng, đọc chỉ thị 100-CP, và triển khai kế hoạch cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh tại thành phố Sài Gòn (đã bị đổi tên là Tp.HCM) và các tỉnh phía Nam. Đỗ Mười nói: “Từ sau giải phóng chúng ta đã thực hiện X-1, tập trung bọn ngụy quân, ngụy quyền học tập cải tạo. Đã thực hiện X-2 đánh bọn tư sản mại bản. Bây giờ chiến dịch X-3, quyết liệt nhất, nhằm tiêu diệt tận gốc rễ chủ nghĩa tư bản, tay sai đế quốc Mỹ...Đánh rắn phải đánh đập đầu, ta đã đánh đập đầu rồi, nhưng con rắn tư bản đánh đập đầu nó chưa chết, cái đuôi*

nó còn nguy hiểm hơn cái đầu. Không giằn cho nát cái đuôi của nó, thì nó vẫn tác oai tác quái phá chúng ta...Cho nên chúng ta phải róc thịt chúng ra. Bắt chúng lao động sản xuất, tự làm lấy mà ăn. Phải biết cày ruộng, cấy lúa, trồng ngô. Đất hoang còn nhiều, bắt chúng đổ mồ hôi sôi nước mắt kiếm miếng ăn ...”

Đỗ Mười kết thúc buổi triển khai chiến dịch X-3, bằng mấy cái chém tay như có “thượng phương bảo kiếm: “Anh nào, chị nào nhứt ít chỉ thì lui ra một bên. Kẻ nào tỏ ra nhân nhượng với bọn tư sản là phản bội giai cấp, không phải Bôn-sê-vích, có tội với đảng với dân, sẽ bị trừng trị!”

7 giờ sáng hôm sau, ngày 23/3/1978, tất cả các cửa hàng kinh doanh to nhỏ, đủ mọi ngành nghề, ngóc ngách, đóng cửa, án binh bất động theo lệnh của Ủy Ban Nhân Dân thành phố. Một bản thông báo ngắn gọn do ông Vũ Đình Liệu thay mặt UBND thành phố ký được ban hành ngay sau đó, xác nhận “Chiến Dịch X-3”, bắt đầu .

Và tất cả các cơ sở kinh doanh, buôn bán, nhà hàng, cửa hàng, kho tàng, trung tâm dịch vụ bị niêm phong. Danh sách đã được lên từ trước.

– Thứ ba là Lê Đức Thọ, nhân vật thực sự nắm toàn quyền trong đảng CSVN từ đại hội 3 năm 1960 với sự đồng tình của tổng bí thư Lê Duẩn. Không ai có thể ngờ vực uy quyền tuyệt đối của Thọ qua một biệt danh kinh sợ là Sáu Búa. Trong hồi ký *Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội*, tác giả Nguyễn Văn Trấn diễn tả mức độ uy quyền của Lê Đức Thọ lớn đến mức có thể ngăn cản Hồ Chí Minh phát biểu trong một hội nghị mà Hồ Chí Minh cũng đành chịu.

Nguyễn Văn Trấn ghi lại nguyên văn câu trả lời của chủ tịch nước Tôn Đức Thắng khi Nguyễn Văn Trấn trực tiếp hỏi về Lê Đức Thọ. Tôn Đức Thắng đã thú nhận một cách mộc mạc: *"Đụ Má, tao cũng sợ nó!"*

Theo nhiều nhân chứng, Lê Đức Thọ từng nhiều lần xác quyết *“Đảng là tao!”* mặc dù trong Bộ Chính Trị, Lê

Đức Thọ chỉ đứng hàng thứ năm, sau Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Hùng, Phạm Văn Đồng. Trên thực tế, Lê Đức Thọ đúng là nhân vật quyền lực nhất, có thể bắt giam những cộng sự viên của chính các nhân vật trên mà không ai dám chống lại. Lê Đức Thọ có thể đích thân chỉ huy những công tác quan trọng nhất của chế độ khi cần như giám sát hội đàm Paris, trực tiếp thương thuyết với Mỹ; chỉ huy cuộc tổng tấn công dứt điểm chiếm miền Nam năm 1975 với vai trò chính ủy. Chính quyền lực của Lê Đức Thọ đã giúp không nhỏ cho đảng CSVN có những hành động khủng khiếp như Cải Cách Ruộng Đất; phát động cuộc chiến với Miền Nam; tổng công kích Tết Mậu Thân 1968; chiến dịch mùa hè 1972... Những chủ trương, chính sách đó tuy cũng có quyền lực cho đảng cộng sản nhưng cũng gây không ít thiệt hại cho đảng và chế độ.

Tất nhiên sau năm 1975, Lê Đức Thọ đã tham gia quyết định “đánh tư sản” tại miền Nam. Trong văn kiện đại hội đảng năm 1979 chính Lê Đức Thọ khẳng định: *“Với đường lối đúng đắn của bộ chính trị và toàn đảng, chúng ta đã quét sạch được lũ tư bản mại bản và lấy lại những gì của chúng...”*

– Thứ tư cũng cần phải nhìn tới lớp bộ hạ của các cộm cán trên là thành phần trực tiếp thi hành mọi chính sách, chủ trương. Thành phần này chắc chắn khá đông nhưng gương mặt tiêu biểu chính là Nguyễn Tấn Dũng.

Năm 1961, Nguyễn Tấn Dũng 12 tuổi đã vào bung theo du kích tham gia hoạt động quân sự. Trong bung, Nguyễn Tấn Dũng vừa “*đánh Mỹ cứu nước*” vừa theo học bổ túc văn hoá tới năm 1975 được coi là tốt nghiệp *Y Sĩ Nhân Dân* và được giao chức vụ thủ trưởng bệnh viện huyện Hà Tiên.

Như vậy, một học sinh bậc tiểu học có thêm 10 năm học bổ túc văn hóa không theo trường lớp nào đã trở thành một chuyên gia y tế sánh ngang học vị bác sĩ. Khi nắm vai

trò bác sĩ điều hành một bệnh viện, Nguyễn Tấn Dũng vẫn phần đầu lập thành tích phục vụ Đảng nên được đánh giá là đảng viên trung kiên và thành phần trí thức nòng cốt, tài sản hiếm quý của Đảng. Nguyễn Tấn Dũng còn được tin cậy là có kiến thức trong quản lý kinh tế nên được Đảng giao cho trọng trách Trưởng Ban tiêu diệt tư sản mại bản tỉnh Rạch Giá. Trong đợt đánh tư sản mại bản năm 1978, tỉnh Rạch Giá dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Tấn Dũng đạt thành tích vượt chỉ tiêu, nêu cao ngọn cờ đầu trong công tác tiêu diệt tư sản. Dù chỉ giới hạn hoạt động trong phạm vi một tỉnh, nhưng thành tích vượt chỉ tiêu chắc khó giới hạn tài sản người dân bị cướp đoạt bởi tay Nguyễn Tấn Dũng ở mức độ nào.



Khó thể nói hết về những chính sách tàn bạo của đảng cộng sản đối với người dân Việt Nam, nhưng sự thật này từ nhiều năm qua đã là một sự thật hiển nhiên không thể chối cãi trước dư luận quốc tế.

Dù vậy cho tới nay, tập thể lãnh đạo cộng sản Việt Nam vẫn tìm mọi cách che lấp tội ác không chỉ bằng các lời lẽ dối trá mà còn bằng cả những hành vi nhuốm đầy thủ tính nhơ nhuốc mà báo chí Indonesia từng loan báo.

Ngày 20/6/2005, tờ Jakarta Post cho biết chủ tịch nhà nước CSVN đã yêu cầu Indonexia phá bỏ văn bia thuyền nhân bằng tuyên bố yêu cầu “*khẩn cấp đập tượng đài*” vì lý do “*xúc phạm tới Việt Nam*” và cho rằng những nạn nhân chết thảm trên Biển Đông là do “*chính sách chống phá Việt Nam từ bên ngoài*.”

Đảng CSVN đã hiện nguyên hình là một bầy ác thú chỉ lo ve vuốt bộ lông của mình ngay giữa lúc đồng chủng đang gục chết.

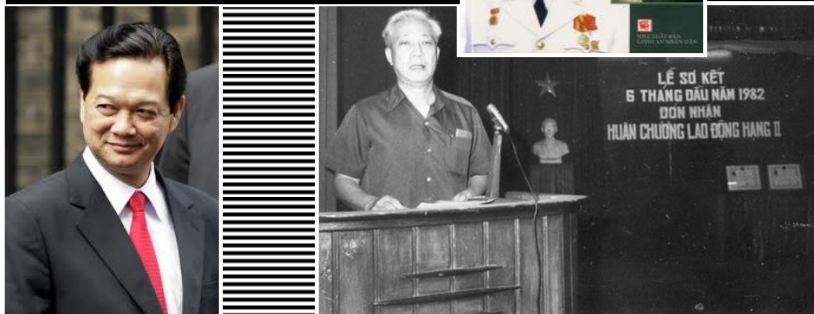
— 02/8/2013.



Khu mộ thuyền nhân ở Galang ↑
Hay những tên cướp đoạt tài sản
người dân và vui đùa trên xương máu
đồng bào đã xúc phạm Việt Nam?



Nguyễn Tấn Dũng ↓ Lê Đức Thọ ↑



– *Chương 23 :*

**ĐÀN ÁP VÀ PHỈ BÁNG
TÔN GIÁO.**

Nếu nhìn bề ngoài trong vài năm gần đây thì có thể nói tình hình tự do tín ngưỡng ở Việt Nam không có gì đáng nói. Tuy nhiên, nếu nhìn sâu vào bên trong bộ mặt hào nhoáng của đền chùa mới xây ấy thì lại thấy một thực tế khác hẳn. Bên cạnh những chùa to lớn như Bái Đính ở Ninh Bình mới được xây dựng, những bức tượng kỷ lục... thì vẫn còn đó những giáo dân Thái Hà bị cướp đất, đánh đập, vẫn còn đó những tín đồ Phật giáo Hòa Hảo bị đàn áp... Vậy đâu là lý do có sự khác biệt đến mức đối nghịch của những hiện tượng này?

Xin trả lời, đó là sự khác biệt giữa tôn giáo quốc doanh và không quốc doanh.

Trong vài năm qua, các doanh nghiệp có mối quan hệ chặt chẽ với đảng cộng sản để luôn lách làm ăn phi pháp, cướp đoạt ... đã rất giàu có và mượn tôn giáo làm chỗ thể hiện mình, ví dụ trường hợp xây dựng chùa Bái Đính ở Ninh Bình.

Xuất phát từ một thợ đánh giày, nhờ cơ may mưu mô đầu cơ mỏ đá cùng quan chức địa phương mà doanh nghiệp Xuân Trường được phát đạt. Muốn phô trương thanh thế và rửa những đồng tiền làm ăn bất minh cùng quan chức cộng sản mà ngôi chùa Bái Đính được xây dựng hoành tráng với các kỷ lục vang danh thiên hạ.

Chính vì vậy nếu ai đã một lần đến chùa Bái Đính sẽ

thấy ngay cảnh ăn xin, chặt chém và hết sức bừa bãi giữa chốn linh thiêng. Ngôi chùa xây dựng rất quy mô, nhưng không từ những đồng tiền trong sạch của người dân mà bởi những đồng tiền vơ vét của tư bản đồ và quan chức cộng sản nên Bái Đính đã không còn ý nghĩa của chốn Phật môn.

Cũng là đền chùa nhưng ở khu du lịch Đại Nam, lại xây cung điện thật hoành tráng và đưa cả tượng Hồ Chí Minh vào thờ với thực chất là để kinh doanh khu du lịch. Như vậy, đã có những đền chùa liên quan tới các đại gia đồ hoặc thờ Hồ Chí Minh được đảng cộng sản tu bổ uy nghi, tráng lệ. Nói cách khác, tôn giáo đã bị cộng sản quốc doanh hóa để phá hoại bằng nhiều cách trong khi tình trạng đàn áp tôn giáo tiếp tục ở nhiều nơi với không ít bằng chứng.

– Thứ nhất, linh mục Nguyễn Hữu Lễ là một người tù cộng sản, đã mô tả trong hồi ký *Tôi Phải Sống* nhiều cảnh sống của nhà tù giành cho quân dân cán chính VNCH cũng như những người hoạt động tôn giáo.

Chật chội, ngột ngạt, hôi hám, mọi thứ bệnh hoạn của mỗi người cả tháng không tắm... Cả ngàn người chỉ có một giếng nước, kéo một lúc đã cạn, nhiều khi chuột bọ chết thối trong giếng. Đi cầu vào các hầm hố đào trên mặt đất...

“Cả trại nhốn nháo về bệnh kiết lỵ. Hầu như không khu nào thoát. Chưa bao giờ buổi sáng lại đông người chờ đi cầu như vậy. Mặt mũi người nào cũng nhăn nhó, mệt mỏi trông thật thảm hại... Thật đau khổ, lúc nào bụng cũng quặn đau, mỗi lần đi cầu són ra một chút, phân ít, mũi máu nhiều. Từ nơi tôi ở ra nhà cầu khá xa. Để tiện việc, tôi không về nhà, ngồi ngay ở căn nhà chiếu Tivi, sẵn sàng chạy ra hố cầu khi cần. Không phải mình tôi như vậy mà hàng chục người tay cầm lon nước, ngồi bệt xuống mặt cát. Bệnh của tôi kéo dài cả tuần sau khi uống cả lọ tetracycline do Lan cho. Trong thời gian kỷ luật chúng tôi được xuống sông tắm mỗi hai tuần một lần. Tuy nhiên nhiều khi cán bộ bận hay có việc gì bất thường thì phải chờ lâu tới ba tuần.”

Cùng đó là cảnh thiếu thốn:

“Điều quan trọng đối với tôi là cái đồng rác! Mỗi lần đi ngang đồng rác trước cổng trại là mỗi lần đòi tôi lên hương. Hai con mắt hoạt động tích cực để tìm nhặt những thứ cần thiết cho cuộc sống trong buồng như vải rách dùng đại tiện, bọc nylon làm nhiên liệu chất đốt, hoặc may mắn hơn thì cái bàn chải đánh răng cũ hoặc ít giấy bao xi măng làm vở viết chữ Tàu, thứ ngôn ngữ tôi đang cố học.”

Và cùng đó là những cảnh thân xác bị hành hạ:

“Tùy theo mức độ nặng nhẹ khác nhau của các hình thức vi phạm nguyên tắc mà tù nhân bị “đại ca” ra hình phạt tương xứng theo luật giang hồ tù. Nếu chỉ để cảnh cáo và áp đảo tinh thần những lính mới để bắt phải đi vào khuôn phép thì chỉ cần xử dụng “chương” tức là đánh bằng hòn đá bọc trong cái vớ hoặc “bể ngà” là dùng đá cà hoặc đập gãy hết cả hai hàm răng. Trường hợp nặng hơn thì “lấy cấp pha” tức là móc đôi mắt, hoặc “xin cặp nạng” nghĩa là cắt gân gót chân. Trường hợp nghiêm trọng thì đối phương sẽ được “cắt” có nghĩa là giết chết.”

– Thứ hai, phần trên là ít dòng hồi ký của một linh mục Thiên Chúa Giáo. Phật Giáo cũng chẳng khá hơn dưới chính sách đàn áp tôn giáo của cộng sản. Hồi ký *Hai Sáu Năm Lưu Đày Dưới Chế Độ Cộng Sản Việt Nam* của hòa thượng Thích Thiện Minh cũng có những dòng sau:

“Tại đây, từ việc đánh đập bằng tay chân, bằng gậy gộc, bằng dùi cui, bằng báng súng cho đến cùm, quây, giam vào phòng giam riêng là điều xảy ra hàng giờ hàng buổi. Trại giam có đủ mọi cán bộ, công an từ Bắc vào Nam, kể cả kháng chiến lâu năm cho đến những tên công an loại mới vào ngành mà dân gian thường gọi là bọn “công an 30/4”. Họ đều có những ngón nghề độc đáo để điều tra, nào là đánh túi bụi, đánh kiểu trên đao dưới búa, còng tay đứng, còng chéo tay sau lưng, còng ngồi đan chéo hai tay. Họ dùng nhục hình để điều tra, bản thân tôi khi giam giữ tại

đây, cũng không tránh khỏi những nhục hình này. Hàng ngày hai chân tôi luôn ở trong cùm, bị cùm suốt ngày đêm, suốt tháng quanh năm. Hai chân bị cùm quện tại chỗ, không thể đứng thẳng được nên dần dần bị tê liệt.”

– Thứ ba, là những vụ đàn áp tôn giáo một cách dã man, điển hình là một số trường hợp mọi người đã biết rõ từ những năm 1945 tới hiện nay.

► **Vụ án Thái Hà:** Vào lúc 2g30 chiều 3/11/2011, hàng trăm côn đồ hung hãn, dưới sự hỗ trợ của an ninh, cảnh sát các loại, đồng loạt tấn công nhà thờ Thái Hà. Một số mặc thường phục đã dùng búa trĩu sẵn ở Trạm Bảo Vệ ngay trước cửa nhà thờ để phá cổng nhà thờ, và đặc biệt là đập hư nát mấy cánh cửa nhà thờ.

Đêm 16/11/2011 rạng sáng ngày 17/11/2011, chính quyền Hà Nội đã cho đám dân phòng, công an chìm, công an sắc phục tới chặn đường hành hung giáo dân, các vị lãnh đạo tôn giáo và cho xe xúc đất, ủi đất, xe cần trục... tới đào đất, đặt 3 thùng chứa nước loại cực lớn để làm cái mà chúng gọi là “Trạm Xử Lý Nước Thải” chính thức lấy đất của Nhà Dòng Chúa Cứu Thế và Giáo Xứ Thái Hà.

Linh mục Chánh Xứ Thái Hà Giuse Nguyễn Văn Phụng đã phản đối việc chiếm đất này của chính quyền Hà Nội và gửi thư cầu cứu đi khắp các nơi. Công luận khắp nơi đã lên tiếng phản đối thái độ đàn áp tôn giáo của chính quyền Cộng sản Hà Nội, đã hành hung giáo dân và chiếm đoạt tài sản của Nhà Dòng Chúa Cứu Thế Thái Hà.

► **Đàn áp Phật Giáo Hòa Hảo:** Xảy ra từ tháng 9/1945 vẫn in hằn dấu vết trong ký ức mọi người.

Thuở đó, hầu hết dân chúng miền Nam đều bày tỏ sự đồng tình ủng hộ Việt Minh. Nhưng không lâu sau, với các thủ đoạn sát máu như bắt cóc, cho “mò tôm”, chặt đầu, móc mắt, cắt lưỡi, mổ bụng...nhắm vào những người cổ vũ tự do, dân chủ bị chụp mũ là “Việt gian”, “phản động”, “phản cách mạng”... đã tạo một làn sóng căm phẫn trong dân

chúng. Thể hiện nguyện vọng của người dân, đại diện các giáo phái tại miền Nam là Phật Giáo Hòa Hảo và Cao Đài đã nhiều lần đòi hỏi đại diện cộng sản trong Mặt Trận Việt Minh phải chấm dứt các thủ đoạn sát hại người khác chính kiến đang đe dọa hủy hoại tình đoàn kết dân tộc, biến những người cùng chung huyết mạch thành thù địch của nhau.

Theo lệnh Đức Giáo Chủ Huỳnh Phú Sổ, tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo các vùng lân cận tỉnh Cần Thơ và một số thị dân đã quyết định tập trung biểu dương tình đoàn kết và nguyện vọng dân chủ tự do, đặc biệt là tự do tín ngưỡng. Cuộc biểu tình đã xin phép Chủ tịch Ủy Ban Hành Chánh Trần Văn Khéo và người tham gia biểu tình chỉ mang theo biểu ngữ. Dù vậy Việt Minh vẫn cố ngăn chặn bằng cách mời các đại diện Phật Giáo Hòa Hảo tại Cần Thơ tới gặp và yêu cầu không được biểu tình.

Tất nhiên lời yêu cầu không được đáp ứng vì không có lý do chính đáng, nhất là cuộc biểu tình đã theo thủ tục xin phép và tiến hành trong trật tự chỉ để bày tỏ ý nguyện của người dân. Vì thế sáng sớm ngày 8/9/1945, các đám đông tín đồ vẫn tiến về địa điểm tập trung như đã được nhắc nhở.

Hết thấy người tham dự biểu tình chỉ có tay không với bình nước uống. Nhưng nhiều người vừa từ ghe mới cập bến bước lên bờ đã bị tự vệ Việt Minh nổ súng bắn chết ngay tại bờ sông. Vụ thảm sát này được một người tập kết ra Bắc là Hoàng Quốc Kỳ, ghi lại lời tự thuật của chính một người đã xả súng bắn vào nhóm biểu tình ấy, như sau:

“Nguyễn Văn Nghệ, một tay súng tiểu liên đầu đàn của Vệ Quốc Đoàn miền Tây Nam Bộ (CS), kể lại trận “tắm máu đỏ”: “Tụi Hòa Hảo gan cùng mình! Lốp này ngã xuống, lốp khác tiến lên, cả đàn bà con nít cũng vậy. Bóp cò đến rung cả tay, máu loang đỏ hết cả mặt đường mà chúng nó vẫn nhào vô họng súng. Chiến sĩ ta đã tửng thần nhưng lệnh bắt phải bắn tiếp.” Đàn áp xong, Việt Minh dùng xe có loa phóng thanh chạy khắp đường phố loan tin : “Hòa Hảo

dùng ghe vượt sông Cần Thơ, đổ bộ vào châu thành, bị Vệ Quốc Đoàn đẩy lui.”

Tất nhiên, tín đồ Hòa Hảo không thể bình yên hành đạo sau vụ thảm sát đó mà đã phải nhận chịu cho tới hiện nay không ít thảm cảnh do chính sách đàn áp liên tục của đảng cộng sản. Đây cũng là cảnh ngộ của tín đồ các tôn giáo khác trong đó có tín đồ Cao Đài.

► **Tội ác đối với Cao Đài:** Từ khi khai đạo đầu thế kỷ 20, đạo Cao Đài gồm 3 hệ phái là Cao Đài Tây Ninh, Cao Đài Bến Tre và Cao Đài Minh Chơn Hậu Giang. Dù thuộc hệ phái nào thì tín đồ Cao Đài đều theo đuổi nguyện vọng tranh thủ độc lập, tự do cho đất nước. Riêng hệ phái Cao Đài Tây Ninh từ cuối thập niên 1940 đã lập lực lượng vũ trang chống Pháp.

Tháng 9/1945, tòa thánh Cao Đài Tây Ninh cùng Giáo Phái Hòa Hảo và các đoàn thể quốc gia quyết định hợp tác với Mặt Trận Việt Minh để chiến đấu chống lại ý đồ của Pháp muốn tái chiếm miền Nam.

Trên thực tế, Mặt Trận Việt Minh chỉ là binh phong do đảng cộng sản dựng nên để lừa gạt những người yêu nước. Bởi Việt Minh luôn hô hào đoàn kết dân tộc nhưng không ngừng thi hành thủ đoạn triệt hạ các lực lượng quốc gia như ám sát, thủ tiêu v.v... Trong khi bắn giết tín đồ Hòa Hảo, Việt Minh cũng tàn sát hàng ngàn tín đồ Cao Đài tại miền Trung. Do đó, cũng như Phật Giáo Hòa Hảo rời bỏ Việt Minh sau khi giáo chủ Huỳnh Phú Sổ bị cộng sản sát hại, hệ phái Cao Đài Tây Ninh cũng rút lực lượng về Tây Ninh chấm dứt hợp tác với Việt Minh.

Trước tình thế này, chính Hồ Chí Minh đã nhúng tay vào kế hoạch đánh phá đạo Cao Đài với một thủ đoạn tinh vi là dụ dỗ lôi kéo hệ phái Cao Đài Minh Chơn Hậu Giang.

Từ năm 1932, Cao Đài Minh Chơn dựng thánh thất Ngọc Minh tại Giồng Bướm, Phong Thanh, quận Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu do một nhà cự phú Bạc Liêu là Cao Triều

Phát và chương pháp Trần Đạo Quang lãnh đạo.

Thực hiện kế hoạch, Việt Minh dựng ra cái gọi là “Cao Đài Cứu Quốc Hợp Nhứt 12 Chi Phái” với nhân vật cầm đầu là Cao Triều Phát để phân hóa hàng ngũ Cao Đài đồng thời lường gạt dân chúng là Cao Đài luôn ủng hộ Việt Minh. Thủ thuật lôi cuốn Cao Triều Phát do chính Hồ Chí Minh thực hiện như thuật lại của nhà văn An Khê trong một lá thư gửi cho bạn năm 1994 như sau: “...*Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến, có một lá thư của “bác Hồ” gửi Ủy Ban Hành Chánh Kháng Chiến Nam Bộ, trong đó nhắc tổ chức trao chiếc áo và thư “của Bác” cho ông Cao Triều Phát. Đó là chiếc áo lụa, do các em thiếu nhi Hà Đông tặng khi bác Hồ còn ở Hà Nội...*”

Vẫn theo nhà văn An Khê thì sau đó “*Trong “tuần lễ vàng”, Việt Minh lại đem chiếc áo ấy bán đấu giá, buộc ông Cao Triều Phát phải mua với giá 5 vạn đồng (50,000 đồng) 1 chiếc áo lụa nhàu nát như miếng giẻ rách. Từ đó, ông Cao Triều Phát đã lọt vào quỹ đạo của Cộng Sản, sẵn sàng làm bù nhìn để bị mặc tình sai khiến đóng trò.*”

Như thế, bắt đầu bằng dụ dỗ và tiếp theo là đe dọa, Việt Minh đã đẩy hệ phái Cao Đài Minh Chơn ở Bạc Liêu vào vòng chi phối. Nhưng trên thực tế thì đảng cộng sản chỉ khai thác được cái tên Cao Triều Phát vốn là người nhu hòa hiền hậu chứ không thu hút được các tín đồ Cao Đài.

Vì thế cho tới nay, tín đồ Cao Đài dù thuộc hệ phái nào vẫn luôn là mục tiêu triệt hạ của đảng cộng sản mà thực tế được chứng minh bằng nhiều vụ trấn áp, đánh đập, quấy phá xảy ra ở nhiều nơi như sự vụ tại thánh thất Long Bình, Gò Công Tây ngày 3/7/2013 vừa qua.

Thời điểm trên, tín đồ tập trung cầu nguyện tại thánh thất Long Bình, Gò Công Tây đã bị một đám đông kéo đến phá cửa thánh thất, xâm nhập dùng gạch đá tấn công tàn nhẫn. Theo chánh trị sự Lê Văn Ngọc Diệp thì đám đông do chính quyền đưa tới, mạo danh là “tín đồ Cao Đài” đòi phải

trao thánh thất cho họ cai quản. Đòi hỏi ngang ngược này tất nhiên không được đáp ứng nên đám đông đã biến thành cơn đồ đập phá, hành hung mọi người.

Chánh trị sự Ngọc Diệp phát biểu uất ức: *“Chúng tôi chỉ tu hành, cầu nguyện cho nhân dân bá tánh được an lạc, nhưng chúng nó tàn ác quá và dã man quá...”*

Tuy nhiên, chánh trị sự Ngọc Diệp khẳng định: *“Nhiều thánh thất đã bị lấy đi, riêng thánh thất này giữ được mấy năm nay nên chúng nó dùng thủ đoạn này để lấy... Dầu cho nhà cầm quyền có lấy thánh thất đi nữa, anh em chúng tôi sẽ về nhà, tu tại gia bảo thủ luật pháp của Đạo Cao Đài. Chúng tôi chỉ biết một Đạo Cao Đài mà thôi...”*

– Thứ tư là những vụ đàn áp công khai của lực lượng công an và quân đội như đã xảy ra tại Con Cuông, Nghệ An và tại Nhà Thờ Đức Bà, Sài Gòn.

“Sáng 1/7/2012, tại giáo điểm Con Cuông, linh mục J.B Nguyễn Đình Thực tới dâng thánh lễ Chúa Nhật cho giáo dân như thường lệ đã bị một nhóm cơn đồ chặn đánh dã man. Khi giáo dân nghe tin đến nơi thì hàng loạt cơn đồ được nhà cầm quyền Nghệ An huy động đã đánh đập các giáo dân này một cách man rợ và tàn bạo. Nhiều giáo dân đã bị tấn công trọng thương và nguy cấp đến tính mạng. Đặc biệt nguy hiểm đến mạng sống là chị Maria Ngô Thị Thanh bị đánh vỡ hộp sọ đã phải chuyển đi bệnh viện Việt Đức, Hà Nội... Nghiêm trọng hơn, khi giáo dân không chịu bỏ dở thánh lễ, nhà cầm quyền Nghệ An đã huy động quân đội thuộc trung đoàn 335 trang bị đầy đủ súng ống và các loại vũ khí đến đàn áp giáo dân tại hiện trường. Công an, cơn đồ đã đánh đập, giáo dân, đập phá nhà nguyện và đặc biệt là đã đập nát tượng Đức Mẹ Maria..” ⁽¹⁴⁵⁾

Riêng tại Sài Gòn, chính quyền cộng sản đã thêm một lần biểu lộ bản chất cơn đồ và chủ trương đàn áp tôn

⁽¹⁴⁵⁾ http://www.nuvuongcongty.net/xa-hoi/binh-luan/quandoi_concuong/

giáo bằng các hành vi man rợ đối với những dân oan đang chỉ còn biết cầu xin Ôn Trên đoái thương để giúp dựng lại đời sống bình thường đã bị cướp đoạt:

”Khoảng 9 giờ sáng nay ngày 31/7/2013, nhiều bà con dân oan từ các tỉnh miền Tây và miền Đông Nam Bộ đã đi đến nhà thờ Đức Bà, Sài Gòn để cầu nguyện, mong đòi được nhà đất. Họ là những dân oan bị cướp nhà đất và tham gia khiếu kiện hàng chục năm nay, nhưng chính quyền địa phương không giải quyết và làm ngơ với họ.

Khi đang cầu nguyện tại tượng đài Đức Mẹ, thì họ bị công an, an ninh, thanh tra xây dựng và thanh niên tình nguyện lôi xềch lên xe. Những người ngồi xuống không chấp hành thì bị đánh đập dã man và bị giật điện thoại di động. Hiện có vài người đang cấp cứu ở bệnh viện trong đó, cô Nguyễn Ngọc Hoa dân oan tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu bị công an đánh đập dã man nhất.⁽¹⁴⁶⁾

Tới nay gần như không ai còn ngạc nhiên trước tin tức về những vụ việc này tại Việt Nam bởi đây đã là các vụ việc quen thuộc với dư luận qua không ít hình ảnh.



⁽¹⁴⁶⁾ <http://danlambaovn.blogspot.com/2013/07/buoi-cau-nguyen-cua-dan-oan-tai-nha-tho.html#more>



Cướp đoạt thánh thất Cao Đài làm trường mẫu giáo,
dùng tấm tôn che biểu tượng Thiên Nhân



Công an đàn áp dã man tín đồ PGHH tại Quang Minh Tự, An Giang



↑ Tượng Đức Mẹ nhà thờ Đức Bà Sài Gòn bị đập nát và các nạn nhân của cơn đồ ↓



Công an, cơn đồ bao vây dân oan ở nhà thờ Đức Bà, Sài Gòn.
←



Quân đội, công an & xã hội đen đàn áp giáo dân Con Cuông
←



Một câu hỏi có thể được nêu là vì đâu có chuyện đàn áp tôn giáo?

Lý do đầu tiên được viện dẫn là nền tảng duy vật vô thần của chủ nghĩa cộng sản phủ nhận mọi ý hệ duy tâm, duy linh được coi là khởi nguồn của mọi tôn giáo. Đây là điều không còn xa lạ với mọi người và là mục tiêu tối thượng của mọi đảng cộng sản.

Tài liệu *Những Nguyên Lý Cơ Bản Của Chủ Nghĩa Mác – Lênin* trong tủ sách học tập của đảng CSVN có đoạn: “Để khắc phục mặt tiêu cực của tôn giáo, trước hết phải không ngừng phát triển khoa học - công nghệ. **Trang bị thể giới quan của chủ nghĩa vô thần khoa học cho nhân dân**, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho nhân dân. **Phải khắc phục những tiêu cực của tôn giáo** bởi vì chủ nghĩa Mác-Lênin và hệ tư tưởng tôn giáo có sự khác nhau cơ bản về thể giới quan, nhân sinh quan và con đường mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân.”⁽¹⁴⁷⁾

Bỏ qua các mỹ từ “*mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân*”, giáo điều trên cho thấy cộng sản đặt tôn giáo vào vị thế “*tiêu cực*” theo nghĩa tác hại cho cuộc sống. Trên thực tế, dưới mắt người cộng sản, mọi tôn giáo đều là ma túy đầu độc con người bằng cách tạo ra các hình ảnh thần linh, cổ vũ tình trạng mê tín dị đoan...đặt con người vào thế luôn bị sai khiến, bị khai thác, bị bóc lột...

Lý do thứ hai hiển hiện là chủ trương đấu tranh cách mạng theo quan điểm cộng sản. Do nền tảng duy vật vô thần phủ nhận mọi ý hệ duy tâm, duy linh, người cộng sản ấn định mục tiêu là chủ nghĩa cộng sản với giá trị chân lý duy nhất phải độc chiếm toàn bộ cuộc sống.

Vì vậy, với người cộng sản các ý hệ tâm linh, cụ thể là

⁽¹⁴⁷⁾ http://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/Những_nguyên_lý_cơ_bản_của_chủ_nghĩa_Mác_-_Lênin/P3.VIII.3.

mọi tôn giáo đều phải bị tiêu diệt. Ngay từ cuối thập niên 1930, đảng CSVN đã không ngừng rao giảng về khẩu hiệu “tam vô” — vô gia đình, vô tổ quốc, vô tôn giáo — với diễn giải là cách giành lại tự do tuyệt đối cho con người.

Trong hướng nhắm này, tôn giáo luôn là đối tượng cần liên tục kìm hãm bằng mọi cách cho tới khi bị đẩy hẳn khỏi mọi sinh hoạt xã hội. Đây chính là công tác trọng tâm của chính quyền cộng sản từ cấp trung ương tới cấp cơ sở hạ tầng mà một bài viết của Sở Nội Vụ tỉnh Quảng Bình đã nêu rõ: “Công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng”, “Công tác tôn giáo là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị”; từ đó xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị thôn, bản, các tổ chức đoàn thể đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà Nước như nghị quyết số 24-NQ/TU ngày 16 tháng 10 năm 1990 của Bộ Chính Trị về công tác tôn giáo trong tình hình mới; nghị quyết số 25-NQ/TU ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng lần thứ bảy, khoá IX về công tác tôn giáo; pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo và gần đây nhất là nghị định 92/2012/NĐ-CP ngày 08-11-2012 của chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo...”⁽¹⁴⁸⁾

Những chứng cứ cụ thể này cho thấy đàn áp tôn giáo chính là một nỗ lực đấu tranh của cộng sản để giành đoạt mục tiêu độc chiếm quyền lực và củng cố vị thế độc tôn cho chủ nghĩa cộng sản.

Lý do thứ ba về đàn áp tôn giáo tại Việt Nam khởi từ con người Hồ Chí Minh như Stalin đã đánh giá là luôn lo to về bản thân. Từ căn bản này, Hồ Chí Minh đã tìm mọi cách tự thần tượng hóa và tất nhiên cũng tìm mọi cách dập tắt hướng ngưỡng mộ của quần chúng đang có đối với mọi đối

¹⁴⁸⁾ <http://snv.quangbinh.gov.vn/vi/xã-thanh-hóa-huyện-tuyên-hóa-làm-tốt-công-tác-quản-lý-nhà-nước-về-tôn-giáo>

tượng khác. Thực tế đã chứng minh sự kiện này qua việc Hồ Chí Minh giả danh là Trần Dân Tiên, là T.Lan ...viết sách ca ngợi chính mình, tôn xưng mình là “cha già dân tộc.”

Đi xa hơn, Hồ Chí Minh còn làm thơ đặt mình ngang hàng với các vị thánh nhân tiên liệt như bài thơ *Viếng Đền Kiếp Bạc* với giọng điệu tự tôn hỗn xược ví mình như bạn bè cùng trang lứa với Đức Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, thậm chí ngăm khoe mình tạo vĩ nghiệp lớn lao hơn khi diễn tả Hưng Đạo Vương chỉ giải phóng một dân tộc còn cá nhân mình cứu vớt cả năm châu.

Tới nay bài thơ vẫn được rao truyền như một kiệt tác văn chương của Hồ Chí Minh:

*Vốn tay hào kiệt, vốn anh hùng
Tôi Bác cùng chung nợ kiếm cung
Bác thắng quân Nguyên thanh kiếm bạc
Tôi trừ giặc Pháp ngọn cờ hồng
Bác đưa một nước qua nô lệ
Tôi dắt năm châu đến đại đồng
Bác có linh thiêng cười một tiếng
Mừng tôi cách mạng sắp thành công*

Càng đi xa hơn nữa là những phát biểu của Hồ Chí Minh về các đảng giáo chủ của hai tôn giáo đã có lịch sử hướng thiện cho con người khắp thế giới tới hơn hai ngàn năm là Phật Giáo và Thiên Chúa Giáo. Trong cuốn sách suy tôn lãnh tụ của nhà xuất bản Thanh Niên — cuốn *Hồ Chí Minh, Cứu Tinh Dân Tộc Việt* — ghi lại một dịp nói chuyện với giáo dân tại Vạn Phúc, Hà Đông, khi đề cập tới Đức Chúa, Hồ Chí Minh đã nói: “*Nếu Chúa còn sống đến bây giờ thì Chúa cũng làm cộng sản.*” ⁽¹⁴⁹⁾

Tương tự là lời phát biểu của Hồ Chí Minh về Đức Phật ghi trong sách giáo khoa của Đại Học Khoa Học Xã Hội Nhân Văn, khoa Tâm Lý Học như sau: “*Có đức mà*

⁽¹⁴⁹⁾ <http://tiki.vn/ho-chi-minh-cuu-tinh-dan-toc-viet.html>

không có tài như ông Bụt (Phật), thì không có hại gì cho xã hội, nhưng cũng chẳng có ích lợi gì cho xã hội.”

Một kẻ tự phụ tự tôn điên cuồng như vậy lại là đệ tử một chủ nghĩa duy vật vô thần coi mọi tôn giáo đều là thuốc độc thì việc đàn áp tôn giáo trở thành chuyện đương nhiên.



Nhìn chung, đàn áp tôn giáo tại Việt Nam là một sự thực hiển nhiên, mặc dù chính quyền cộng sản Việt Nam luôn tuyên bố tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng. Nhưng những bằng chứng từ thực tế đã cho thấy chính quyền cộng sản Việt Nam chỉ đưa ra những lời nói dối trá để lừa gạt dư luận quốc tế cùng nhân dân Việt Nam.

Cộng sản Việt Nam cũng luôn viện dẫn các ngôi chùa hay giáo đường mới xây tráng lệ với những bức tượng đồ sộ để chứng minh là các tôn giáo tại Việt Nam vẫn được tự do phát triển. Nhưng thực tế lại cho thấy chính những đền chùa, những pho tượng được viện dẫn là bằng chứng cụ thể về chủ trương đàn áp tôn giáo ở Việt Nam.

Bởi những ngôi chùa đó chỉ là hình thức kinh doanh trá hình của các mưu toan buôn thần bán thánh trong khi những pho tượng nếu lên tiếng được hẳn đã không thể ngậm câm khi phải đặt bên tượng Hồ Chí Minh.

Thêm nữa, chuyện cướp đoạt tài sản đất đai của các giáo phái đã trở thành một tệ nạn gây bất bình không riêng cho các tín đồ, giáo dân Việt Nam mà còn khiến dư luận quốc tế gần như hàng ngày phải tố giác chủ trương đàn áp tôn giáo tại Việt Nam.

Ngoài ra, dù đưa ra luận điệu tuyên truyền xảo quyệt mức nào thì đảng CSVN cũng không thể phủ nhận nền tảng duy vật của chủ nghĩa cộng sản, nhất là không thể phủ nhận chủ trương kết buộc mọi tôn giáo là thuốc phiện cần phải loại trừ trong học thuyết Mác-Lê.

Hơn nữa, mối lo tâm phúc của các chính quyền cộng

sản luôn là sự hình thành trong xã hội các khối lực quần chúng vững chắc với ý chí bền vững nguyện vọng chính đáng của người dân. Ai cũng dễ dàng nhìn thấy trong các khối lực quần chúng đó chắc chắn có tập thể tín đồ, giáo dân các tôn giáo.

Vì thế chuyện chính quyền cộng sản Việt Nam chủ trương đàn áp tôn giáo không còn là điều ngờ vực nữa.

Vấn đề cần đặt ra chỉ do mức gian manh quỷ quyệt trong các thủ đoạn đàn áp tôn giáo của cộng sản. Thực tế đã cho thấy ngoài lực lượng an ninh, công an chìm, chính quyền cộng sản Việt Nam còn sử dụng cả các băng đảng côn đồ xã hội đen để trấn áp các tôn giáo.

Nhưng mức gian manh quỷ quyệt của cộng sản không dừng tại đó mà còn được mở rộng bằng nhiều thủ đoạn như dụ dỗ, mua chuộc hoặc dàn dựng mạo danh mà thực tế đã chứng minh qua sự xuất hiện các tôn giáo quốc doanh, các tổ chức gọi là quần chúng luôn được giám sát, điều hành bởi các bàn tay đảng viên thông qua bình phong Mặt Trận Tổ Quốc hoặc một loại hình nào đó tùy hoàn cảnh và thời thế.

Cho nên song song với việc tổ giác cộng sản không bao giờ ngưng đàn áp tôn giáo là đòi hỏi phải hết sức tỉnh táo để luôn cảnh giác trước các thủ đoạn hiểm độc tinh vi hầu tránh rơi vào các loại cạm bẫy khó thể kể tên của cộng sản.

— 11/8/2013

– **Chương 24 :**
NGU DÂN VÀ MỊ DÂN
ĐỂ GIỮ ĐẢNG.

Củ nghĩa cộng sản đã hiện rõ chân tướng là một quái thai của nhân loại.

Nhận định này khởi từ chính những người từng sống với cộng sản, thậm chí từ nhiều nhân vật từng nắm giữ các vai trò quan trọng trong hàng ngũ lãnh đạo cộng sản, tại Liên Xô và Đông Âu, chẳng hạn như Brejnev...

Đó là một sự thật không thể chối bỏ.

Vì thế, che giấu chân tướng trở thành yêu sách bắt buộc thường xuyên của các đảng cộng sản. Và đáp ứng tốt nhất cho yêu sách này là thực hiện bùng tai bịt mắt quần chúng bằng mọi giá, trong đó có chính sách ngu dân và mị dân để dối gạt và lợi dụng mọi người.

Cộng sản Việt Nam không thể là ngoại lệ nên ngay thuở ban đầu xuất hiện đã vận dụng mọi phương tiện dụng nên chiêu bài “*dân tộc yêu nước*” trong khi bài học căn bản đầu tiên mà Hồ Chí Minh dạy cho các đồng chí giữa thập niên 1920 là “*chỉ lợi dụng các phần tử dân tộc để phục vụ cách mạng vô sản*” và “*chủ nghĩa yêu nước là cực kỳ nguy hiểm*” ...

Cho tới nay, cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục bám chặt hướng đường trên và các thủ đoạn bùng tai bịt mắt quần chúng được thực hiện khắp mọi lãnh vực từ kinh tế, văn hóa tới quân sự, chính trị.

● DỐI GẠT TRONG KINH TẾ

Sau ngót 40 năm gọi là “giải phóng Miền Nam”, trên thực tế, đảng cộng sản chẳng tạo được bước tiến nào về kinh tế mà ngược lại còn đẩy lùi đất nước so với miền Nam trước 1975. Nhưng ngay lúc này có thể không ít người vẫn bị lừa gạt bởi những hình ảnh do đảng cộng sản nêu ra để diễn tả “nền kinh tế đang tăng trưởng.”

Cần nói ngay rằng về thực chất, kinh tế Việt Nam chỉ đang tăng trưởng ảo. Cái ảo không nằm nơi các con số mà nằm ở những cội nguồn tạo ra các con số.

Chỉ với tầm nhận thức bình thường, ai cũng có thể hiểu một nền kinh tế muốn phát triển bền vững cần lấy công nghiệp làm trọng, vì công nghiệp là nền tảng cho việc tăng trưởng GDP và gia tăng giá trị thặng dư. Môn Kinh Tế Chính Trị Học Mác-Lê cũng khẳng định điều ấy.

Vậy, nền công nghiệp của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ra sao?

Theo các nguồn tin chính thức, nền công nghiệp Việt Nam quy hoạch với các ngành trọng yếu được mô tả như mũi nhọn, quả đấm thép là Vinashin, Vinaline, Petro, EVN... Nhưng cũng các nguồn tin chính thức đã cho biết các mũi nhọn, các quả đấm thép trên đều lỗ nặng, thậm chí phá sản hàng trăm nghìn tỉ đồng.

Thê thảm hơn thì trên thực tế, ngay từ con đinh vít cũng phải đi nhập khẩu, một cái tăm xỉa răng cũng “*made in China*” nên tìm đâu ra giá trị thặng dư?

Cho nên giá xăng, giá lương thực liên tục leo thang đẩy lạm phát tới mức kỷ lục. Đồng thời, nợ công lên 95% GDP, và nguồn thu sụt giảm khiến trong vòng 6 tháng đầu năm 2013, mức bội chi ngân sách nhà nước là 92 ngàn tỷ đồng, tức hơn 4 tỷ USD, vượt mức ấn định của quốc hội VN hồi đầu năm. Trong khi đó, hơn 500 công ty có vốn đầu tư nước ngoài đình chỉ hoạt động tại VN, thậm chí nhiều chủ

nhân đã bỏ về nước, và mất liên lạc khiến nhiều công nhân không được trả lương suốt mấy tháng qua.

Những con số tăng trưởng kinh tế do đảng cộng sản đưa ra không thể khóa lấp các sự kiện đó.

Với những người tìm hiểu sâu hơn về kinh tế Việt Nam thì không thể tránh đối diện với hai nguyên do là tình trạng lệ thuộc kinh tế Trung Cộng và dòng vốn vay của ngoại quốc.

01.– Kinh tế lệ thuộc Trung Cộng:

Bằng chứng về sự lệ thuộc nguy hiểm hiện ngay trên báo chí của đảng cùng nhan nhản hàng hóa Trung Cộng đủ mọi loại kể cả những loại đã bị chỉ đích danh là độc hại, nhất là với mức độ nhập siêu kinh hoàng.

Theo số liệu chính thức từ Trung Tâm Nghiên Cứu Và Phân Tích Dữ Liệu Gafin có văn phòng tại 27A Lò Đúc, Hà Nội — chi nhánh của Phòng Thương Mại Và Công Nghiệp Việt Nam VCCI — về giao thương với Trung Cộng năm 2011 thì *“kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc trong năm đạt 24,59 tỷ USD, tăng 23% so với năm trước. Như vậy, năm qua nhập siêu từ Trung Quốc đạt 12,47 tỷ USD, tăng 6% so với năm 2010.”*

Số liệu do Trung Tâm này lấy từ Tổng Cục Hải Quan Việt Nam cho thấy tỉ lệ nhập siêu gia tăng, báo động nền kinh tế Việt Nam khó tránh phụ thuộc hoàn toàn vào Trung Cộng. Tất nhiên Việt Nam cũng xuất khẩu qua Trung cộng nhưng xuất khẩu sản phẩm gì?

Trả lời câu hỏi này là một thực tế đau đớn vì gần như Việt Nam không xuất khẩu nổi một sản phẩm gì ngoài các nguyên liệu thô như dầu mỏ, than đá, bô-xít, quặng sắt hoặc hàng hóa nông nghiệp như hoa quả, hải sản... trong khi phải nhập khẩu những sản phẩm cơ bản mà một nền kinh tế công nghiệp không cho phép như tin từ Tổng Cục Hải Quan:

“Một số mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn từ

Trung Quốc là máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác (5,2 tỷ USD, tăng 17% so năm 2010 và chiếm 34% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này của cả nước); vải (2,8 tỷ USD, tăng 23% và chiếm 42%); máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (2,4 tỷ USD, tăng 41% và chiếm 30%), điện thoại các loại và linh kiện (1,7 tỷ USD, tăng 54% và chiếm 65%), xăng dầu (1,3 tỷ USD, tăng 22% và chiếm 13%)...”

Như vậy, rõ ràng kinh tế Việt Nam đang lệ thuộc toàn diện vào nền kinh tế Trung Cộng.

Cán cân xuất nhập khẩu mất cân bằng và nguy hiểm hơn là nền công nghiệp Việt Nam gần như số không. Thực tế này khiến chính tuần báo Vietnamnet của đảng cộng sản đã không giấu nổi lo âu trước những con số trong giao thương với Trung Cộng: “*Nhập siêu của Việt Nam và Trung Quốc đã tăng liên tục kể từ khi hiệp định tự do mậu dịch ASEAN-Trung Quốc có hiệu lực ngày 1/7/2005. Những năm gần đây mức nhập siêu này đã tăng rất nhanh từ 2,67 tỉ USD năm 2005 vọt lên tới 12,7 tỉ USD năm 2010, tức là gần gấp năm lần. Con số này khiến chúng ta bức xúc hơn khi 10 năm trước, tức vào năm 2000, thặng dư thương mại của Việt Nam với Trung Quốc là 130 triệu USD. Theo các số liệu do Tổng Cục Thống Kê công bố, chỉ trong 5 tháng đầu năm 2011 mức nhập siêu của Việt Nam đã lên tới khoảng 6,5 tỉ USD mà trong đó phần lớn vẫn là nhập siêu từ Trung Quốc (nhưng đáng tiếc là không thấy cơ quan này công bố số liệu cụ thể).*

Trung Tâm Nghiên Cứu Kinh Tế và Chính Sách (VEPR) thuộc trường đại học Kinh Tế (Đại Học Quốc Gia Hà Nội) trong một báo cáo công bố gần đây đã cho rằng, mức độ thâm nhập kinh tế của Trung Quốc vào nước ta đang ngày càng tăng trong đa số các sản phẩm, từ máy móc, thiết bị đến hàng tiêu dùng. Theo đó các ngành sản xuất Trung Quốc thâm nhập nhiều nhất hiện nay tập trung vào một số lĩnh vực như điện lực, dầu khí, cơ khí, luyện kim,

khai khoáng, hóa chất. Góp phần lớn nhất vào tình hình này xuất phát từ hàng loạt gói thầu các công ty Trung Quốc giành được với rất nhiều hợp đồng EPC (Engineering, Procurement and Construction), Thiết Kế, Mua Sắm và Xây Dựng. Loại hợp đồng nói trên thường được thực hiện trong lĩnh vực xây dựng các nhà máy điện (của tập đoàn Điện Lực VN), mỏ (như bauxit Tân Rai, Nhân Cơ, đồng của tập đoàn Than Khoáng Sản VN-TKV), hóa chất (phân đạm Hà Bắc), giao thông (như xây dựng, cải tạo đường sá ở TP. Hồ Chí Minh, đường sắt trên cao ở Hà Nội)..., qua đó các công ty Trung Quốc nhập từ máy móc, thiết bị, vật liệu, đến sắt thép và thậm chí cả nhân công vào VN. Điều này càng bộc lộ sự yếu kém của các tập đoàn kinh tế nhà nước trong vai trò chủ đạo nhưng thường buông bỏ trận địa chính mà đầu tư vào lĩnh vực ngoài ngành nghề.”⁽¹⁵⁰⁾

Như vậy, trong khi đảng cộng sản tuyên truyền là kinh tế Việt Nam đang tăng trưởng thì hầu hết công việc thuộc nhiều lãnh vực, ngành nghề đều giao cho Trung Cộng thực hiện. Một tờ báo khác của đảng CSVN là báo Người Lao Động cũng không nín nổi lo âu như báo Vietnamnet và đã phải thốt lên: “*Trung Quốc dù đã trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam nhưng doanh nghiệp nước ta lại lệ thuộc vào thị trường này quá nhiều và “căn bệnh” nhập siêu ngày càng trầm trọng. Năm 2012, kim ngạch thương mại 2 chiều Việt Nam – Trung Quốc đạt hơn 41,2 tỉ USD nhưng nước ta nhập siêu trên 16,3 tỉ USD. Bước sang năm 2013, trong khi xuất khẩu qua thị trường Trung Quốc 2 tháng đầu năm chỉ 2,93 tỉ USD thì nhập khẩu đã lên đến 7,41 tỉ USD khiến cán cân thương mại tiếp tục thâm hụt hơn 4,4 tỉ USD.*”⁽¹⁵¹⁾

⁽¹⁵⁰⁾ [http://tuanvietnam.vietnamnet.vn/2011-07-01-can-som-thoat-khoi-su-le - thuoc-ve-kinh-te](http://tuanvietnam.vietnamnet.vn/2011-07-01-can-som-thoat-khoi-su-le-thuoc-ve-kinh-te)

⁽¹⁵¹⁾ <http://nld.com.vn/20130505102955273p0c1014/qua-le-thuoc-trung-quoc.htm>

Nghi vấn đang cần được giải đáp là tại sao qua từng ấy năm mà đảng cộng sản không thay đổi nổi cán cân thương mại này? Phải chăng chính họ đã tự cho nền kinh tế Việt Nam “phải” là sân sau của Trung Cộng?

Thực ra, Việt Nam không chỉ nhập siêu từ Trung Cộng mà còn từ một số quốc gia khác như Thái Lan, Malaysia, Nhật Bản qua các số liệu “*nhập siêu từ Thái Lan 4,6 tỷ USD, Malaysia 1,1 tỷ USD, Nhật Bản 300 triệu USD...*”

Các số liệu nhập siêu này không đạt mức nguy hại nhưng đã cho thấy thực chất của nền kinh tế Việt Nam là đang ngụp lặn giữa nợ nần chứ không đang tăng trưởng như lời lẽ khoa trương của đảng cộng sản, đặc biệt là khoa trương với dụng tâm xảo trá chỉ nêu những con số phản ánh riêng một khía cạnh theo kiểu Việt Nam xuất khẩu 14 tỉ USD năm 2000, 32 tỉ USD năm 2005, 71 tỉ USD năm 2010...trong khi tuyệt đối giấu kín những con số nhập khẩu 15 tỉ USD năm 2000, 36 tỉ USD năm 2005, 84 tỉ USD năm 2010...

Sẽ không thể nói khác rằng với mức “tăng trưởng” này, gánh nặng nợ nần của nền kinh tế Việt Nam chỉ ngày một phình lớn và có thể trở thành một đại họa cho nhiều thế hệ tiếp nối. Bởi thực tế tới nay vẫn không có dấu hiệu thay đổi mà trái lại còn đi sâu hơn vào ngõ cụt đang có như một báo cáo chính thức về số liệu nợ nần: “*Theo số liệu mới nhất của Bộ Tài Chính, đến cuối năm 2011, nợ công chiếm 54,6% GDP, trong đó nợ chính phủ là 43,6% GDP còn nợ nước ngoài chiếm 41,5% GDP, tương đương 50 tỉ USD, dự kiến đến hết năm nay, nợ công khoảng 58,4% GDP, đến 2015, tổng số nợ công sẽ khoảng 60 - 65% GDP. Các tổ chức quốc tế cho rằng quy mô nợ của Việt Nam gia tăng nhanh trong giai đoạn 2006-2010, và tiếp đà tăng này trong giai đoạn 2011-2015. IMF dự báo tới năm 2015, nợ công của Việt Nam sẽ tăng lên 86,2 tỷ USD, nợ nước ngoài cũng*

tăng tương ứng từ 41,7 tỷ USD lên 73,8 tỷ USD.” ⁽¹⁵²⁾

02.– Nền kinh tế tăng trưởng ảo:

Như thế, kinh tế Việt Nam đang sống dựa trên các khoản nợ khổng lồ. Một mặt liên tục nhập siêu, mặt khác không có sản xuất công nghiệp.

Song song với tình trạng đó là vay tiền nước ngoài với danh nghĩa hoàn thiện các phương tiện hạ tầng nhưng phần lớn được dành xây cất cao ốc, biệt thự để tạo dựng cảnh quan bề thế ...

Đáng kể là những điều này có thể nhất thời tạo cảm giác xã hội Việt Nam đang vươn lên do cảnh quan bề ngoài có phần đổi mới, dù không hề tác động tích cực chút nào vào hoạt động công nghiệp cần thiết để tạo nền tảng vững chắc cho kinh tế phát triển.

Đáng kể hơn nữa là tình trạng tệ hại này lại là cơ hội tốt lành cho một tập thể quan chức đang theo đuổi ý đồ vị kỷ như khai thác cơ hội cho mục tiêu vinh thân phì gia bất chấp tác hại tới đời sống xã hội. Tiền vay nước ngoài cho các dự án trở thành một món lợi có thể bị rút tĩa bằng đủ mọi thủ thuật, mưu mẹo, nhất là bởi giới chức đang nắm các dự án trong tay.

Khi có tiền, những kẻ này khó tránh cất nhà lầu, sắm xe hơi và hưởng thụ mọi thú vui bằng cách ném tiền qua cửa sổ. Vì thế đồng tiền sẽ chuyển đến các cơ sở kinh doanh xe cộ, các cao lầu tửu quán, các trung tâm giải trí...và cuối cùng có thể sẽ đến với những người lao động, những kẻ bán mồ hôi, sức lực đang vất vưởng trên đường phố.

Tại các đô thị sẽ xuất hiện những ngôi nhà cao tầng, những quán ăn sang trọng, đồng thời trên các nẻo đường sẽ xuất hiện những xe hơi đời mới, xe gắn máy hiện đại cùng

⁽¹⁵²⁾ <http://www.baomoi.com/Mo-xe-nhung-khoan-vay-no-cong-o-Viet-Nam/126/8397314.epi>

những bộ y phục đắt giá, hợp thời trang...

Đối diện các hình ảnh này và lại luôn nghe những lời tán dương nền kinh tế đang tăng trưởng chắc chắn không ít người sẽ đặt niềm tin vào những lời đó. Bởi các hình ảnh trước mắt rõ ràng cho thấy đã có một đổi khác so với cảnh đời cơ cực không lâu trước đó, khi tầm nhìn không vươn khỏi một thị trấn nào đó, nhất là có mấy ai biết những đồng tiền mình vừa nhận được là một phần trong số những đồng tiền vay nợ của nhà nước và càng không mấy ai biết rằng con nợ chính là bản thân mình và con cháu mình.

Trong khi đó, một sự thực vô phương chuyển đổi là kẻ sống bằng tiền vay nợ chẳng bao giờ được coi là có cuộc sống vững vàng êm ấm, thậm chí còn khó tránh bị liệt vào hạng cổ cùng trong xã hội.

Cho nên, nếu thu nhỏ đất nước Việt Nam hiện nay như một gia đình thì có thể hình dung đó là một gia đình mà cha mẹ bất tài, bất lực. Nhờ gặp người từ tâm muốn giúp, hoặc kẻ mạnh tâm muốn lợi dụng nên đã nhận được những số tiền cho vay.

Không may là cha mẹ không chỉ bất tài mà còn vô hạnh chỉ nghĩ đến hưởng thụ. Cho nên tiền vay được không biến thành vốn làm ăn mà thành phương tiện ăn chơi phung phí. Con cái nhờ đó có thể sẽ chia phần cảnh sống sa hoa và ngỗ gia đình mình giàu có nên không biết đang đội trên đầu một gánh nợ nần mà theo thời gian vốn - lãi chồng chất khó đo nổi mức nặng sẽ tới đâu và khi vỡ nợ hậu quả cũng khôn lường.

Ví dụ trên chỉ khác thực tế Việt Nam hiện nay về vai trò cha mẹ. Trong ví dụ, dù bất tài vô hạnh thì cha mẹ vẫn là cha mẹ sẵn sàng chia xẻ cảnh sa hoa với con cháu còn thực tế Việt Nam hiện nay, những kẻ cầm đầu đất nước không hề chia xẻ cho ai mà chỉ muốn bùng tai bịt mắt quần chúng bằng những trò bịp bợm.

Bởi những hình ảnh xe hơi, nhà lầu chỉ có riêng tại

một số thành phố và thuộc quyền sở hữu của tập đoàn thủ đắc quyền lực chứ không dính đến bất kỳ người dân nào. Trên thực tế, người dân vẫn ngụp lặn trong cảnh sống lam lũ kéo dài ngay cả trong trường hợp nhờ có cơ may nhận được những đồng tiền rơi vãi từ các cuộc ăn chơi của các đại gia đắc thời, đắc thế.

Nói cách khác, tập đoàn thủ đắc quyền lực chỉ tập trung vào mục tiêu vinh thân phì gia và không ngừng thi thố mọi thủ đoạn củng cố vị thế đặc quyền đặc lợi đang có hầu tiếp tục khai thác phục vụ bản thân. Một trong số thủ đoạn đó là tạo các vẻ ngoài hào nhoáng để lừa gạt những người nhẹ dạ tin tưởng đất nước đang ở thời kỳ phát triển kinh tế nhờ tài lãnh đạo của đảng cộng sản nên sẽ không lưu tâm nhận thức đúng tác hại từ các hành vi của cộng sản đối với đời sống xã hội nói chung.

Trong cảnh huống bị lường gạt này của người dân, giới chức cộng sản sẽ mặc tình bòn rút công quỹ, cướp đoạt tài sản của chính người dân với chiêu bài phục vụ yêu cầu tăng trưởng kinh tế như chuyện đuổi nhà cướp đất tiếp diễn từ nhiều năm qua vì sức phản kháng các hành vi ngang ngược luôn ở mức chưa đủ mạnh.

Từ đây viễn tượng kinh tế Việt Nam đã hiện rõ đầy bóng tối vì bên cạnh tình trạng bỏ mặc hoạt động mọi ngành công nghiệp rơi vào tê liệt chỉ còn nỗ lực đối gạt của tập đoàn quyền lực với ý đồ duy nhất là khai thác cơ hội để thủ lợi cho bản thân. Đó là nền kinh tế không sản xuất nổi một con ốc vít cho ra hồn, chỉ nhằm nhằm vay tiền từ FDA, ODI...rồi tạo bề nổi giàu có giả tạo lường gạt dân làm lơ cho các quan tư bản đồ vơ vét.

Như thế, không những không có nỗ lực xây dựng để phát triển mà trong tình trạng khủng hoảng như hiện nay cũng không có biện pháp nào để chống đỡ.

Chứng minh cho sự thực này là cách đẩy nền kinh tế đến mức phá sản qua việc không thay đổi chính sách quản

lý và đầu tư trong khi đổ hàng nghìn tỉ đồng vào nền bất động sản đã chết từ lâu bởi thói thói phong giá.

Đồng thời, đảng cộng sản thân nhiên cho ngân hàng nhà nước bán vàng nhập lậu trong khi tiếp tục vẽ ra các dự án hoang tưởng nhưng hứa hẹn tạo cơ hội làm giàu cho một số quan chức.

Cụ thể là hiện nay đang có toan tính mở dự án nhà lọc dầu Bình Định với số vốn khổng lồ 27 tỷ USD trong khi nhà nước không có một xu vốn đối ứng, chỉ nhăm nhăm dùng tài nguyên và đất đai hầu vay tiền nước ngoài bất kể nền kinh tế càng chịu sức ép nặng nề hơn từ đồng vốn đi vay. Tương tự là dự án xây dựng Viện Kỹ Thuật Hạt Nhân với số tiền 500 triệu USD được thông báo là do tập đoàn Nga Rosatom tài trợ tức.

Trên thực tế, các nguồn tin báo chí gần đây cho hay không có khoản tài trợ nào mà chỉ có vấn đề vay 500 triệu USD của chính phủ Nga với mức lãi 5%.

Tạm gác chuyện loan tin dối trá để lường gạt dư luận thì việc xây một viện nghiên cứu về điện hạt nhân trong tình trạng khốn khó hiện nay của kinh tế đất nước rõ ràng chẳng đáp ứng yêu cầu cụ thể nào, đặc biệt là nhiều quốc gia sản xuất điện hạt nhân đang xét lại vấn đề sau các biến cố Chernobyl và Fukushima.

Đảng cộng sản có thể biết điều này hơn ai hết, nhưng vẫn làm vì 2 mục tiêu: Tham nhũng, vơ vét cho đầy túi tham nhờ vay tiền nước ngoài và tiếp tục lừa dối dân ta bằng một nền kinh tế phát triển ảo.

● DỐI GẠT TRONG VĂN HÓA XÃ HỘI.

Duy trì và củng cố vị thế độc quyền độc tôn là mục đích tối trọng nên đảng cộng sản không giới hạn các thủ đoạn dối gạt ở riêng lãnh vực nào và thực tế cũng phơi bày đầy rẫy chứng liệu dối gạt trong lãnh vực văn hóa.

– Thứ nhất, đảng cộng sản đã tổ chức hàng trăm cuộc

thi hoa hậu lớn nhỏ và game shows vô bổ trên truyền hình. Thực chất đó là những cuộc mua bán danh hiệu bằng tiền và thân xác của chính không ít người đẹp. Bằng chứng là hàng loạt vụ hoa hậu bán dâm vừa qua, hàng loạt vụ kiện tụng trong những cuộc thi như Idol, Nextop Model đã minh chứng cho điều này. Đảng cộng sản muốn nhân dân, đặc biệt là thanh niên quên đi cái gọi là “họa mất nước” để vui vẻ với những ảo giác giàu sang trước mắt.

Ngoài ra, đảng còn thực hiện các chính sách hết sức trái ngược nhằm băng hoại đạo đức tầng lớp thanh niên. Ví như họ chặn internet với trang lễ Dân luôn nói sự thật mà không chặn những web sex.

Đảng cộng sản cũng tuyên bố cấm cá độ bóng đá trong khi cho các đài truyền hình từ trung ương đến địa phương cùng hơn 700 tờ báo đăng tin “kèo thơm, độ hay”... Vậy thực chất là gì? Đó là một mặt đảng muốn mị dân rằng mình trong sạch với cờ bạc nhưng mặt khác không thể quên tạo cơ hội cho tệ nạn tràn lan.

Trên thực tế những vụ đâm chém, giết người, hãm hiếp tràn lan mà ngày nào lên mạng cũng thấy.

Thê thảm hơn là ngay trong lúc Trung Cộng ngang nhiên lấn áp biên giới biển đảo, bắt bớ ngược đãi ngư dân Việt Nam thì chính Bộ Giáo Dục thực hiện chương trình “Dạy chữ Hoa” mà từ trước thập niên 1950, khi đảng cộng sản đang mang tên Lao Động, từng kêu gọi trên một văn bản chính thức như sau: *“Đồng bào của ta nên loại hẳn cách viết theo lối Âu Tây ấy — một cách viết rõ ràng có mau thật đấy — và ta hãy trở về với thứ chữ của ông bà ta ngày trước, là thứ chữ nho của Trung Quốc.”*

Khó tránh thắc mắc tại sao đảng cộng sản làm điều này, nhưng cũng dễ hiểu trước lý giải đảng cộng sản đang dựa vào Trung Cộng để giữ chiếc ghế thống trị nên phải lấy lòng Bắc Kinh, đồng thời cũng muốn nhân dân tuân phục Bắc Kinh để trở nên dễ trị hơn dưới tay họ.

– Thứ hai, mình chứng cụ thể cho việc đảng cộng sản lợi dụng hoạt động văn hóa để mị dân là một số sự việc gần đây. Ở Việt Nam không thiếu những tấm gương tàn tật đáng trân trọng như Nick Vujikic, nhưng đảng muốn thanh niên phải thần tượng hóa, phải khóc lóc thảm thiết cho những ai không ảnh hưởng đến vị thế độc tôn của đảng. Đảng sợ lớp trẻ nhận ra sự vất vả chanh bở vỏ với các cán binh đã vì đảng mà thành phế binh. Đảng cũng sợ lớp trẻ nhận ra chính sách của đảng trả thù tàn bạo những phế binh VNCH, nhất là không thể phủ nhận chính nghĩa của những người này trên thực tế. Chính nghĩa của họ là bảo vệ đất nước trước khủng bố và xâm lăng. Họ chiến đấu cho tự do và cho một nền dân chủ đang hình thành. Họ chiến đấu vì nhân dân miền Nam, chứ không vì “thần tượng sát nhân” Liên Xô – Trung Quốc nào. Họ thực sự xứng đáng được tôn vinh.

Thế nhưng sau ngày cướp đoạt miền Nam, cộng sản đã trả thù tàn bạo những thương phế binh VNCH bằng cách đẩy những người còn lành lặn vào các trại tù với những cái án không cần xử, đồng thời tàn phá nghĩa trang mai tang những người đã khuất. Cũng cần nói thêm là với chính những thương phế binh từng xả thân phục vụ họ, đảng cộng sản cũng sẵn sàng thẳng tay dày dọ.

Vì thế việc đảng CSVN cố mời Nick Vujikic không hoàn toàn thể hiện lòng ngưỡng mộ tinh thần vươn lên của những con người tàn phế mà nhằm một mục tiêu cụ thể khác. Đó là ý muốn lớp trẻ quên rằng ở Việt Nam đang có rất nhiều Nick Vujikic đáng được tôn vinh và noi gương. Đây là ý muốn từng hiện rõ qua các tấn tuồng sắp xếp, kích động lớp trẻ gào thét trước các thần tượng ca nhạc Hàn Quốc, các nghệ sĩ Việt Nam hạ cấp, thậm chí trước các hoa hậu bán dâm, trong khi Trung Cộng đưa ngư dân tới Biển Đông vét cá, đưa công nhân tới khoan dầu từ chính các trái tim Việt Nam và múc bô-xít ngay giữa lòng núi rừng Tây Nguyên.

Không ít người đã nhận định việc Nick Vujikic được mời đến Việt Nam trong bối cảnh kinh tế suy kiệt, niềm tin vào chính quyền sa sút, là một liệu pháp tinh thần mà đảng cộng sản sử dụng để níu kéo lòng tin của người dân. Vì thế, cùng với việc mời đón trọng thể Nick Vujikic, đảng CSVN còn thuyết phục anh ta tỏ ý tôn vinh Hồ Chí Minh, “thần tượng” đã thành danh bằng cái chết của hàng triệu người Việt Nam từ Cải Cách Ruộng Đất, tới chiến tranh tương tàn, nô lệ và bán nước...

– Thứ ba, mới đây tại Hà Nội, giới trẻ đã tổ chức một buổi lễ cầu siêu cho chó và mèo. ⁽¹⁵³⁾ Về ý nghĩa, đây là hành động bình thường. Việc quý trọng động vật bằng cái tâm không có gì sai, tuy nhiên cũng không thể quên nhiều việc đáng quan tâm hơn đang cần giới trẻ làm.

Chẳng lẽ các bạn không biết có những tấm bia ca ngợi những người lính đã ngã xuống vì chiến đấu ngăn quân xâm lược Tàu đã bị đảng cộng sản đục bỏ? Chẳng lẽ các bạn không biết có hàng vạn ngôi mộ của những người lính VNCH bị đảng cộng sản đập phá và ngăn cản người thân của họ trùng tu? Nếu thực sự không biết, các bạn đã vô tình coi những người hi sinh bảo vệ đất nước trước giặc Tàu, coi những người cùng dòng máu Việt Nam hy sinh vì chính chính nghĩa tự do của dân tộc không bằng những con chó, con mèo của các bạn sao? Thật đáng buồn!

Đảng cộng sản muốn các bạn tổ chức nghĩa trang, cầu siêu cho thú cưng của các bạn, nhưng các bạn có khi nào tìm hiểu về lý do đảng cộng sản đục những tấm bia ghi danh những người lính Việt Nam đánh đuổi quân xâm lược Trung Cộng năm 1979 ở cầu Khánh Khê, Lạng Sơn? ⁽¹⁵⁴⁾

⁽¹⁵³⁾ <http://vnexpress.net/tin-tuc/xa-hoi/cau-chuyen-cuoc-song/le-cau-sieu-cho-cho-meo-tai-ha-noi-2832954.html>

⁽¹⁵⁴⁾ <http://tamtinh.net/Diemnhin/13175/Duc-bo-Van-bia-yeu-nuoc-va-hang-nghin-diem-0-mon-lich-su.html>

Ai vô lễ với những người
đã khuất vì đất nước ?



Đại hội “tri ân” giặc.



Hành động tương tự của đảng cộng sản có thể kể tiếp về những nghĩa trang của người lính VNCH, nghĩa trang của những nạn nhân bị cộng sản tàn sát trên Đại Lộ Kinh Hoàng, Quảng Trị năm 1972, về những tấm bia tại

446 * **ĐẶNG CHÍ HÙNG**

Indonesia, Malaysia tưởng niệm những người dân vô tội chỉ vì bị đảng cộng sản cướp đoạt tự do đã phải bỏ mình trên biển cả?...

Hết thấy có thể gom trong một lý do là đảng cộng sản muốn làm những điều khiến cho văn hóa và đạo đức băng hoại để ngu dân hầu giữ vững quyền thống trị.

– Thứ tư, xin cùng đọc một bài viết của tác giả Hoàng Thanh Trúc về sự lố bịch của đảng cộng sản mượn văn hóa để tham ô và lừa dối nhân dân như thế nào:

“So với 4 triệu đồng bào quân, dân, hai miền cả nước đã nằm xuống, chỉ với 13 TNXP sửa chữa cầu đường không trực tiếp cầm súng chiến đấu chẳng may hy sinh vì đạn lạc bom rơi trong chiến tranh dù đã có mồ yên mả đẹp và tượng đài gọi là “chiến thắng” ổn định tại Truong Bồn, xã Mỹ Sơn, huyện Đô Lương... lại bỗng nhiên được “nâng cấp tôn tạo giai đoạn 2” với kinh phí 175 tỷ và thêm 5,2 km đường nhựa nối QL.15 dẫn vào, được phê duyệt hơn 70 tỷ đồng (tổng 245 tỷ) khởi công 19/4/2010.

(nguồn "giaothongvantai.com.vn")...

Trong khi đó thật nghịch lý và phí phạm, dù đã có một khu di tích “Hồ Chính...Mi” cùng cha mẹ dòng họ hoành tráng rộng lớn gần 200 ha, ở Kim Liên, Nghệ An nhưng để có cái hậu phong thủy “địa linh sinh quái vật” cho cháu con, ngày 10/6/2012, CT/QH Nguyễn Sinh Hùng cầm cuốc động thổ khởi công xây dựng thêm một khu đền mới trên ngọn đồi núi Chung thuộc xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An hơn 100 ha với gần 200 tỷ để thờ, tổ cha anh em dòng họ ông Hồ Chính...Mi.”⁽¹⁵⁵⁾

Bằng giọng bất bình, tác giả đã cho thấy đảng chỉ muốn dùng chính sách suy đồi văn hóa, dựng nên các giá trị ảo để lừa dối giới trẻ, lừa dối nhân dân hầu tạo điều kiện đạt tham vọng bản thân và bè phái.

⁽¹⁵⁵⁾ http://danlambaovn.blogspot.com/2013/08/toi-bi-oc.html#disqus_thread

● DỐI GẠT TRONG QUÂN SỰ.

Có thể không sai khi nhận định Việt Nam và Trung Cộng khó xảy ra bất cứ cuộc chiến nào trên biển nữa. Nếu có thì nhiều phần chắc chỉ là tấn tuồng nguy trang nhằm che giấu thái độ triệt để phục tùng của đảng cộng sản Việt Nam đối với đảng cộng sản. Trung Quốc.

Tại sao vậy?

– Thứ nhất, thực chất chuyến đi Hoa Kỳ của Nguyễn Chí Vịnh năm vừa qua không nhằm được Hoa Kỳ giúp đỡ về chính trị quân sự trong việc đối đầu với Trung Cộng. Cuộc viếng thăm này nghiêng nhiều về mục đích xin tiền trong việc rà phá bom mìn và kêu gọi Hoa Kỳ tài trợ trong việc giúp đỡ người mắc bệnh do Dioxin từ chiến tranh để lại. Hành động của Nguyễn Chí Vịnh cũng là một ngọn đèn gió với lời ca “*Ta đã thân Mỹ hơn, dân yên tâm đi*” để tỏ ra đảng đã đáp ứng làn sóng ủng hộ Hoa Kỳ của đại bộ phận nhân dân Việt Nam để mị dân và có thể thấy rõ qua 2 sự kiện thực tế.

Trước hết là tấn hài kịch về vấn đề nhân quyền trong dịp gặp gỡ với ngoại trưởng Hoa Kỳ Hillary Clinton cho thấy đảng cộng sản không hề có thiện chí đáp ứng yêu cầu của Hoa Kỳ.

Kế tiếp là hình ảnh thực tế đã biến thành châm ngôn phổ biến “*theo Mỹ mất đảng*” mà đảng cộng sản không thể không lưu tâm. Đối diện với hình ảnh đó, chắc chắn đảng cộng sản không thể có chọn lựa nào khác ngoài chọn lựa ngả theo Trung Cộng, dù cũng có châm ngôn “*theo Tàu mất nước*.” Vấn đề đối với đảng cộng sản là phải bằng mọi giá bảo vệ đảng tồn tại ở vị thế độc tôn dù phải trả bằng cái giá mất nước.

Biểu hiện cùng một ý nghĩa là chuyến thăm Hoa Kỳ của Trương Tấn Sang.

Trước khi lên đường tới Hoa Thịnh Đốn, Trương Tấn

Sang đã có chuyến đi thăm Trung Cộng với hình ảnh cúi đầu không thể cúi sâu hơn trước các lãnh tụ Bắc Kinh và đã ký hơn 10 văn kiện chấp thuận nhiều yêu sách của Trung Cộng. Ngay sau đó, Trương Tấn Sang vội vã xin gặp tổng thống Hoa Kỳ theo kịch bản “đu dây” nhưng thực chất là xin ăn về kinh tế. Vì suốt thời gian ở Hoa Kỳ, chủ đề chính của Trương Tấn Sang chỉ là “tôm và cá Ba Sa” trong khi luôn im lặng về vấn đề nhân quyền, dù sau chuyến đi đã có một động tác là giảm án cho hai sinh viên trẻ Phương Uyên và Nguyễn Kha. Ngay khi việc này diễn ra, không ít quan sát viên đã coi chỉ là một hình thức xoa dịu dư luận dân chúng, đồng thời vận động cho chiếc ghế TPP và thành viên Hội Đồng Nhân Quyền Liên Hiệp Quốc chứ thực chất không nhằm đáp ứng yêu cầu của Hoa Kỳ để được giúp đỡ về quân sự đối đầu với Trung Cộng.

– Thứ hai, đảng cộng sản không nêu bằng chứng nào cho thấy chọn thế đứng chống Trung Cộng. Đầu tiên là họ kiên quyết không kiện Trung Cộng ra tòa án Liên Hiệp Quốc như Phi Luật Tân đang làm. Như vậy, nhắc nhở mọi người không cần biểu tình, cứ để “Đảng và nhà nước lo” là hoàn toàn nguy hiểm.

Trên thực tế, đảng cộng sản còn chứng tỏ quyết tâm theo Trung Cộng khi từ chối cho hải quân Nga xử dụng căn cứ Cam Ranh, đồng thời phủ nhận nguồn tin về hợp tác Việt - Nhật trong ý hướng ngăn chặn dã tâm bành trướng lãnh thổ của Trung Cộng.

Trong chuyến công du Nga, bộ trưởng quốc phòng Phùng Quang Thanh đã kín đáo từ chối đề nghị cho phép quân đội Nga xử dụng căn cứ Cam Ranh để đổi lại việc Nga sẽ huấn luyện sĩ quan Việt Nam và trợ giúp về an ninh quốc phòng. Bộ trưởng quốc phòng cộng sản đã nhấn mạnh rằng chủ trương của Việt Nam là không liên minh quân sự và không cho phép bất cứ quốc gia nào đặt căn cứ quân sự trên lãnh thổ Việt Nam qua tuyên bố sau:

NHỮNG SỰ THẬT CẦN PHẢI BIẾT * 449

“Về vấn đề này, quan điểm nhất quán của Việt Nam là không liên minh quân sự với nước ngoài, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự ở Việt Nam, chúng ta cũng không có chủ trương hợp tác với nước lớn này làm phương hại đến quan hệ với nước lớn khác.”⁽¹⁵⁶⁾

Trước đó, sau chuyến công du Nhật, Nguyễn Chí Vịnh thứ trưởng quốc phòng đã lên tiếng phủ nhận nguồn tin về Nhật – Việt đồng ý phối hợp hoạt động chống lại hành vi xâm lấn lãnh hải của Trung Cộng. Tin này khởi từ đài truyền hình NHK của Nhật, một đài truyền hình có mối quan hệ mật thiết với chính phủ. Nguyễn Chí Vịnh nhấn mạnh là qua các buổi gặp gỡ với Nhật, hai bên “*chỉ bàn về việc hợp tác quốc phòng giữa hai nước.*”⁽¹⁵⁷⁾

Những sự kiện thực tế này cộng thêm nhiều động thái bày tỏ lòng tri ân đối với chế độ Bắc Kinh của chính Phùng Quang Thanh, Nguyễn Chí Vịnh... chỉ cho thấy cộng sản Việt Nam không hề chuẩn bị chống Trung Cộng, nếu không muốn nói là đã sẵn sàng bán nước cho Trung Cộng.

– Thứ ba là thực chất việc mua sắm vũ khí mà đảng cộng sản tung tin như nỗ lực gia tăng sức mạnh quân sự. Có thể nói ngay luận điệu trên chỉ nhằm lừa bịp nhân dân không hơn không kém.

Trên thực tế, Việt Nam đã quyết định mua sắm từ Nga một số máy bay SU-30, hệ thống tên lửa phòng không S-300 PMU1, hệ thống phòng ngư bờ biển Bastions, 2 tàu hộ vệ tàng hình cỡ lớn Gepard và 6 tàu ngầm lớp Kilo.

Sự kiện này được loan truyền theo cách nhắc nhở là đảng cộng sản đã thay đổi quan điểm với Trung Cộng và đang lo tăng cường sức mạnh quân sự để sẵn sàng đối phó.

⁽¹⁵⁶⁾ <http://www.tienphong.vn/hanh-trang-nguoi-linh/640824/'Nga-dong-y-dao-tao-can-bo-quan-su-cho-Viet-Nam-tpol.html>

⁽¹⁵⁷⁾ <http://tv.vtc.vn/594-398353/truyen-hinh/tuong-vinh-noi-ve-doi-thoai-quoc-phong-viet-nhat.htm>

Đây cũng là dịp để đội ngũ công an chính trị và hồng vệ binh theo chỉ đạo của đảng “quang vinh” ca ngợi đảng đang “chống Trung Cộng.” Nhưng sự thật không phải thế, nếu nhìn sâu hơn vào vấn đề.

Trung Cộng là một nước lớn gấp bội so với Việt Nam và đang sở hữu rất nhiều vũ khí hiện đại. Do đó, nếu chống Trung Cộng sẽ phải nhìn nhận bối cảnh chiến tranh phi đối xứng để tìm cách khắc chế ưu thế của đối phương. Nghệ thuật chiến tranh trong bối cảnh phi đối xứng là lấy tinh xảo khắc chế số đông. Vậy những vũ khí Việt Nam đang mua của Nga có tinh xảo vượt xa vũ khí Trung Cộng đang sở hữu không?

Thực tế cho biết từ 4 năm trước, Trung Cộng đã có S-300 PMU và hiện đã tự chế thành phiên bản HQ-09. Như thế, có gì bảo đảm hệ thống tên lửa S-300 PMU1 của Việt Nam đạt yếu tố kỹ thuật vượt trội và bất ngờ cho Trung Cộng? Trong khi đó, về máy bay SU-30 thì Trung Cộng cũng có từ 3 năm trước với số lượng gấp 5 lần Việt Nam. Ngoài ra số lượng tàu ngầm Kilo mà Trung Cộng đang có cũng vượt xa Việt Nam. Điểm vượt trội duy nhất của Việt Nam chỉ là 2 tàu tàng hình Gepad do Nga chưa bán cho Trung Cộng. Thế nhưng, tháng 6-2013, chính Việt Nam đã giúp cho Trung Cộng cơ hội tìm hiểu loại tàu này bằng cách đưa tàu Gepad tham gia tuần thám chung với hải quân Trung Cộng trong vịnh Bắc Bộ và sau đó ghé thăm thành phố Trạm Giang để chuyên gia Trung Cộng trực tiếp quan sát nghiên cứu.

Một nghi vấn là tại sao đảng CSVN sắm vũ khí sau Trung Cộng lại không sắm những thứ khác có thể khắc chế những thứ Trung Cộng đang có?

Chắc chắn giới lãnh đạo đảng và quốc phòng Việt Nam dư biết điều này nhưng không thực hiện vì sự việc đâu có nằm trong quyết định thực sự chống Trung Cộng. Ý nghĩa lớn nhất của sự việc chỉ là trấn an dư luận dân chúng

trước các hành vi lấn át ngang ngược của Trung Cộng mà thôi — nói thẳng ra thì chỉ là một trò mị dân và có thể là cơ hội cho một số viên chức kiếm chác.

– Thứ tư, một vấn đề khác là trong vòng 2 năm qua, Việt Nam tỏ ra tích cực đón tiếp các tàu của quân đội các nước đến thăm. Nhưng nhìn chung thì chủ yếu chỉ là tàu “y tế” và đến với tính cách giao lưu. Chỉ một lần Việt Nam tham gia cuộc tập trận Hổ Mang Vàng tại Campuchia cùng nhiều quốc gia trong đó có Hoa Kỳ, nhưng chỉ tham gia với tư cách “quan sát viên.”

Điều này cho thấy Việt Nam khác hẳn với Philippines gần như luôn có mặt trong nhiều cuộc tập trận lớn nhỏ với Hoa Kỳ, Indonexia, Nhật.

Cho tới nay, không ai ngạc nhiên về tình trạng Việt Nam là quốc gia bị mất mát nhiều nhất tại Biển Đông do chủ trương bành trướng của Trung Cộng.

Cũng không ai ngạc nhiên trước mưu toan sử dụng bạo lực quân sự của Trung Cộng để ức hiếp lân bang. Trên thực tế, Việt Nam đã bị đoạt trọn quần đảo Hoàng Sa và một phần quần đảo Trường Sa trong khi phần còn lại đang bị đe dọa lấn chiếm cùng với 80% diện tích Biển Đông.

Vậy tại sao Việt Nam luôn tỏ thái độ bàng quan trước nguy cơ chiến tranh mà Trung Cộng gây ra, nhất là gần như luôn lảng tránh kết thân với các quốc gia cùng cảnh ngộ? Vấn đề là đảng cộng sản đã biết trước: chẳng có cuộc chiến nào xảy ra cả do chọn lựa của chính họ.

Nhớ lại năm 2011 khi Trung Cộng tập trận thả bom gần Hoàng Sa – Trường Sa thì Việt Nam cũng đem bom ra thả gần Đà Nẵng trong một cuộc huấn luyện định kỳ của Không Quân và hoàn toàn im hơi khi bị Trung Cộng chỉ trích... Động thái này đi kèm với việc tàu cảnh sát biển được trang bị hiện đại, máy bay mới tầm cỡ thế giới nhưng ngư dân cứ bị “tàu lạ” bắt cho thấy giữa đảng cộng sản Việt Nam và Trung Cộng thực chất không có đối đầu, chỉ có

đồng thuận. Sự dối đầu chỉ thể hiện trên báo chí như một màn kịch trình diễn mà thôi.

● DỐI GẠT TRONG CHÍNH TRỊ.

– Thứ nhất, đảng cộng sản tận lực tạo dựng “thần tượng giả dối Hồ Chí Minh” trong khi hàng loạt sự kiện về hiện tình đất nước, hàng loạt nhân chứng, vật chứng đã cho thấy Hồ Chí Minh là một tội đồ của dân tộc.

Mục tiêu tô vẽ hình tượng giả dối chỉ nhằm lừa gạt dân tộc, nhất là giới trẻ. Hàng loạt viện nghiên cứu về Hồ Chí Minh, sách báo, cuộc thi về Hồ Chí Minh được mở ra chỉ nhằm biến Hồ Chí Minh để trở thành thánh nhân, ví dụ đưa Hồ Chí Minh vào đền thờ, dựng tượng tô vẽ, hay mời Nick Vujicic tới Việt Nam để ca tụng “Uncle Ho” vv...

Hệ quả là lớp trẻ bị tuyên truyền nhồi nhét từ nhỏ không còn đủ điều kiện nhận ra sự thật khiến không ít người đã nhầm lẫn về con người và nhân cách Hồ Chí Minh. Vì thế, dù bất đồng với tập thể đương quyền, những người này vẫn tôn thờ Hồ Chí Minh, coi Hồ Chí Minh như biểu tượng của tinh thần vì nước, vì dân nên con đường Hồ Chí Minh đã vạch ra là con đường chính nghĩa. Tâm trạng này chính là rào cản ngăn trở nâng đỡ cho đảng cộng sản tiếp tục duy trì vị thế độc chiếm quyền lực. Bởi người mang tâm trạng này khó thể nhận rõ chân tướng của Hồ Chí Minh và đảng cộng sản để có một thái độ đối xử dứt khoát. Vì thế, thần tượng hóa Hồ Chí Minh chính là chủ trương gắn liền với vận mạng của đảng cộng sản và trở thành chủ trương cực kỳ quan trọng của đảng hiện nay.

– Thứ hai là những luận điệu tuyên truyền bóp méo sự thật với dụng ý dắt dẫn người dân vào vòng mê loạn, nhìn trắng thành đen khiến đảng cộng sản có thể mặc tình tự tung tự tác theo các ý đồ riêng. Chẳng hạn trước tình trạng Trung Cộng lấn chiếm Hoàng Sa - Trường Sa, đảng cộng sản lên tiếng phản đối bằng những lời lẽ mị dân như Nguyễn Tấn

Dũng từng nói tại Nha Trang: “*Việt Nam kiên quyết bảo vệ chủ quyền biển đảo.*” Thế nhưng ngay sau đó, đảng cộng sản để mặc ngư dân Việt Nam bị bắt, bị đập phá ngư cụ, bị phạt tiền do... đánh bắt cá trên lãnh hải quê hương mình. Cũng ngay sau đó, chính người biểu tình ủng hộ tuyên bố của Nguyễn Tấn Dũng đã bị...đập mặt thẳng cánh.

Đối chiếu lời nói và việc làm đã cho thấy đảng cộng sản luôn mị dân và lừa đảo vì mọi lời nói đều là lời nói suông trong khi mọi hành động đều biểu hiện chiều theo đòi hỏi bành trướng của Trung Cộng.

Trong chiều hướng này, việc ban hành luật biển vừa qua cũng chỉ là âm mưu xảo trá nhằm giảm thiểu mức bất bình trong dân chúng để giữ chiếc ghế độc tôn quyền lực của đảng cộng sản. Bởi thực tế đã cho thấy không ít sự kiện không thể chấp nhận ngay sau khi luật biển ban hành. Đó là việc đàn áp, bắt bớ, hành hung các blogger, các cuộc biểu tình bày tỏ tình yêu nước, đồng thời, đảng vận dụng tối đa các cơ quan thông tin đại chúng để bôi nhọ, vu khống những người biểu tình chống đối hành vi xâm lược của Trung Cộng...

Như thế, rõ ràng trong thế bị nhân dân bất bình do hèn yếu trước Trung Cộng, đảng cộng sản đã phải vội vã bày ra cái Luật Biển làm như cũng ưu tư về chủ quyền lãnh thổ để xoa dịu lòng dân mà thôi.

Nguy hiểm hơn trong cú lừa gạt này là việc cài cắm đội ngũ hồng vệ binh và an ninh vào các cuộc biểu tình với mục đích giám sát những người biểu tình yêu nước và tung hô lá cờ đỏ sao vàng. Đích nhắm của thủ đoạn này, ngoài việc bám sát những người biểu tình là tẩy xóa dấu vết lá cờ Phúc Kiến vừa bị phanh phui, đồng thời để tạo tình trạng ngộ nhận là đảng cộng sản với biểu tượng là lá cờ đỏ sao vàng vẫn còn trong trái tim nhân dân, ngay cả nơi trái tim những người đang xuống đường biểu tình.

Một chiêu thức nham hiểm khác là xử dụng đám công

cụ dư luận viên hô hào chống tham nhũng, xây dựng dân chủ với khẩu hiệu “*noi gương Bác*” để giữ vững niềm tựa cho đảng cộng sản và tạo tình trạng phân tán giữa hàng ngũ người biểu tình do các bất đồng khó tránh từ sự trạng trên. Hậu quả này chắc chắn có tác dụng trì hoãn cơn bão chống đối đang đe dọa bùng lên từ quần chúng sau không biết bao nhiêu hành động hại nước, hại dân và thất nhân tâm của đảng cộng sản.

Tóm lại, trong mọi lãnh vực, qua mọi thời kỳ, chủ trương ưu tiên của đảng cộng sản là luôn vận dụng tối đa các mảnh khoe xảo trá, lường gạt để che giấu các việc làm thực của họ. Lý do chính yếu là hướng đi của họ luôn trái chiều với nguyện vọng chính đáng của nhân dân, trái chiều với yêu cầu xây dựng và trường tồn tương lai đất nước.

– Thứ ba, đi kèm các trò bịp bợm đã nêu là hình thức đổi màu chính trị cho mọi đối tượng của đảng cộng sản cũng như cho chính đảng cộng sản. Đây không phải là điều mới lạ mà ngược lại là điều quá quen thuộc tại Việt Nam từ khi có đảng cộng sản. Bởi khó có thể quên những chiếc mũ “Việt gian”, “phản động”, “tay sai đế quốc”... đã được đảng cộng sản chụp cho các đoàn thể quốc gia, đồng thời là những bình phong tự tạo của đảng cộng sản như Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội, Mặt Trận Việt Minh, Đảng Lao Động, Mặt Trận Thống Nhất Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam... Nói chung, môn võ sở trường của cộng sản là ghép mọi đối tượng ngoài cộng sản vào hàng ngũ thù địch hoặc lưu manh, trộm cướp, trong khi đồng hóa đảng cộng sản với đất nước, nhân dân và chính nghĩa.

Vì là môn võ sở trường nên không ngừng được vận dụng cho tới hiện nay. Xin đọc một bài tóm thuật lời phát biểu của Nguyễn Phú Trọng, tổng bí thư đảng cộng sản, trước lực lượng công an ngày 19/8/2013:

“...Lực lượng an ninh nhân dân cần quán triệt, vận dụng đúng đắn các quan điểm tư tưởng chỉ đạo của Đảng

về công tác bảo vệ an ninh quốc gia, quyết tâm làm thất bại mọi âm mưu hoạt động của các thế lực thù địch và các loại tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia, đẩy lùi nguy cơ, loại trừ các yếu tố gây mất ổn định.

Toàn bộ hoạt động của lực lượng an ninh tập trung phục vụ cho nhiệm vụ trung tâm là giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống...

Tổng Bí Thư nhấn mạnh 5 nhiệm vụ mà lực lượng an ninh nhân dân cần tập trung thực hiện trong thời gian tới.

Trong đó, nhấn mạnh việc tiếp tục quán triệt, cụ thể hóa, triển khai thực hiện Nghị Quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI và các Nghị Quyết, Chỉ Thị, Kết Luận của Trung Ương, Bộ Chính Trị về nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia; Nghị Quyết trung ương 4 (khóa XI) về xây dựng Đảng và các nghị quyết khác của Trung Ương, vào công tác đảm bảo an ninh quốc gia, kiên định mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Đảng, Nhà Nước, nhân dân và chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa; giữ vững ổn định chính trị xã hội; sẵn sàng ứng phó với mọi mối đe dọa an ninh phi truyền thống.

Tổng Bí Thư lưu ý, lực lượng an ninh cần phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cơ quan, đặc biệt trong lĩnh vực tuyên giáo, báo chí tuyên truyền, đẩy mạnh công tác đấu tranh, phản bác lại các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch, phản động; đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục tinh thần cảnh giác, tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc, trách nhiệm và nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc, bảo vệ chế độ, bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh, làm cho mọi người hiểu rõ những thách thức lớn tác động trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới, nhất là vấn đề chiến tranh thông tin mạng, tội phạm công nghệ cao..." ⁽¹⁵⁸⁾

⁽¹⁵⁸⁾ <http://www.baomoi.com/Giu-vung-an-ninh-quoc-gia-trong-moi-tinh-huong/122/11743681.epi>

Nguyễn Phú Trọng đã cho thấy rõ ràng đảng cộng sản quyết tâm chống lại dân chủ thông qua con bài công an côn đồ, và nhiệm vụ ưu tiên chính là bảo vệ đảng, bảo vệ chế độ.

Trước đó, ngày 09/08/2013, trong cuộc họp ban tư tưởng văn hóa Trung Ương, Đinh Thế Huynh, ủy viên Bộ Chính Trị, trưởng ban Ban Tuyên Giáo Trung Ương và chủ tịch Hội Nhà Báo Việt Nam cũng khẳng định:

*“Chúng ta không đồng ý để thế lực thù địch xuyên tạc về điều 4 Hiến Pháp. **Chúng ta chấp nhận có đổi lập, nhưng đổi lập phải ở trong khuôn khổ cho phép.** Đảng cộng sản là bước đi đột phá trong lịch sử dân tộc. Dù có thể có đảng phái nào đi chăng nữa cũng cần phải biết đảng cộng sản có công xây dựng và bảo vệ, thống nhất đất nước. **Các đảng phái khác phải tôn trọng và bảo đảm quyền lợi của đảng cộng sản ...**”* ⁽¹⁵⁹⁾

Ngoài luận điệu tự tôn công trạng và tạo dựng bóng ma thù địch đe dọa, Đinh Thế Huynh đã hé ra một tia hy vọng là có thể có đảng đổi lập trong thời gian tới. Nhưng, Đinh Thế Huynh lại không quên nhấn mạnh *“đổi lập phải ở trong khuôn khổ cho phép”* và *“đảng phái nào đi chăng nữa cũng phải tôn trọng và bảo đảm quyền lợi của đảng cộng sản ...”*

Chỉ trong một lời phát biểu, tính chất xảo trá ngược xuôi đã trắng trợn hiển lộ thì hành động thực tế sẽ ra sao? Chắc chắn không ai có thể tin thiện chí của đảng cộng sản chấp nhận có đảng đổi lập hoạt động hoặc đã nhìn thấy đang có màn kịch chuẩn bị cho các đảng đổi lập cuối, đổi lập theo lệnh đảng cộng sản xuất hiện tại Việt Nam.

Cũng cần nói thêm về một số tuyên bố của đảng viên Lê Hiếu Đằng nêu chủ trương thành lập đảng Dân Chủ Xã Hội tại Việt Nam.

⁽¹⁵⁹⁾ Báo cáo của ban chỉ đạo TGTW-06/BC

Lê Hiếu Đằng tuyên bố: *“Tôi rất mừng nghe thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng tuyên bố ở hội nghị Shangri-La chống lại nền chính trị cường quyền và những đối xử vô nhân đạo đối với ngư dân Việt Nam. Trả lời phỏng vấn một thiếu tướng Trung Quốc, thủ tướng đã khéo léo nói nước đó là nước nào ai cũng biết. Rõ ràng đây là cú đâm đích đáng bọn bành trướng Bắc Kinh trong một diễn đàn quốc tế. Tôi càng thấy vui hơn khi được biết đây là ý kiến của cá nhân thủ tướng dám chịu trách nhiệm để tuyên bố như vậy chứ không có sự chỉ đạo nào của Bộ Chính Trị cả...”*

Điều cần nêu trước hết là lòng tin của Lê Hiếu Đằng đặt vào Nguyễn Tấn Dũng. Lý do là trình độ và con người của Nguyễn Tấn Dũng cùng hệ thống tổ chức quyền lực cộng sản. Những thứ này nếu không trói buộc Nguyễn Tấn Dũng trong vòng ngu si, tham nhũng, bất nhân thì cũng trói buộc trong vòng chỉ phối của tập thể, bè phái. Đặt trọn lòng tin vào một con người như vậy thì Lê Hiếu Đằng sẽ chống ai, chống cái gì và sẽ làm được điều gì?

Vẫn có một người lên tiếng ủng hộ Lê Hiếu Đằng là Hồ Ngọc Nhuận. Bản tin đài BBC ngày 16/3/2014 tường thuật về quan điểm của Hồ Ngọc Nhuận như sau:

*“Ông Hồ Ngọc Nhuận, Phó Chủ tịch Ủy Ban Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam TP.HCM, nói với BBC **chính đảng mới sẽ không nhằm chống đối Đảng CSVN, mà cùng hợp tác để thúc đẩy “xây dựng dân chủ cho nước Việt Nam.”***

Một bản tin khác trên đài BBC ngày 21/3/2014 thì ghi lại phát biểu của Lê Hiếu Đằng về ý nghĩa đối lập:

*“Cái chữ đối lập đây không có nghĩa là mình bài bác gì đảng Cộng Sản — bản thân tôi là đảng viên đảng Cộng Sản lâu năm — và **chính điều đó giúp cho đảng một lối thoát.**”*

Quan điểm nêu trên của hai nhân vật đề xuất thành lập một đảng Dân Chủ Xã Hội gần như là đi trên mây. Nhưng nếu cứ giả dụ là chuyện thực hiện được thì phải chăng chỉ

nhằm mục tiêu “*giúp cho đảng cộng sản một lối thoát?*”

Đặt những quan điểm này bên cạnh phát biểu của Đinh Thế Huynh còn có thể dấy lên không ít gợi nhắc khó vui ngay với những người đánh giá cao thiện chí xây dựng của Lê Hiếu Đằng và Hồ Ngọc Nhuận.

Dù sao đây vẫn là điều cần lưu ý trong quá trình đấu tranh dân chủ hiện nay, bởi bất kỳ thủ đoạn, âm mưu nào cũng đều có hai mặt. Vấn đề không phải là phê phán thủ đoạn này đúng, âm mưu kia sai mà là cần nhận thức chính xác các tác dụng có thể đảo ngược của những thủ đoạn, âm mưu đó so với mục đích của kẻ chủ trương.



Như thế, qua mọi lãnh vực, một sự thực đã hiển hiện là đảng CSVN liên tiếp thi hành các thủ đoạn ngu dân, mị dân, lừa dối và lợi dụng lòng yêu nước của nhân dân với đủ các chiêu bài Cách Mạng Tháng Tám, Giải Phóng Miền Nam... Nguy hiểm hơn là đảng CSVN luôn giữ thái độ cúi đầu tuân thủ mọi chỉ thị của Bắc Kinh trong khi thẳng tay trấn áp, trù dập những người bày tỏ lòng yêu nước chống lại chủ trương xâm lấn của Trung Cộng. Mục đích tối thượng của đảng cộng sản là giữ đảng, giữ ghế quyền lực bằng cái giá bán nước cho Trung Cộng. Cho nên hết thảy mọi người cần sớm tỉnh táo đứng lên loại trừ kẻ nội thù là đảng CSVN để bảo tồn dân tộc và đất nước.

— 23/08/2013

– *Chương 25 :*

**BẰNG CHỨNG BẢN NƯỚC
CỦA CỘNG SẢN VIỆT NAM.**

Tới nay, chủ nghĩa Mác – Lênin đã được nhận diện là cội nguồn tội ác đối với nhân loại. Đây là cách nhìn từ chính người cộng sản, thậm chí từ các nhân vật từng nắm vai trò tối cao trong giới lãnh đạo tại Liên Xô và khối cộng sản Đông Âu, chẳng hạn như Gorbachev...

Cho nên cuộc sống đều bị tước đoạt tại bất kỳ nơi nào đặt dưới quyền thống trị của cộng sản.

Đất nước Việt Nam rơi vào đại nạn bi thảm này từ giữa thế kỷ trước và vẫn bị gông xiềng cho tới nay. Nhưng khác với nước Nga và khối Đông Âu đã thoát khỏi vòng đai cộng sản, Việt Nam vẫn bị cộng sản kìm kẹp và còn đối diện với hiểm họa tiêu vong do tình trạng cuồng tín, ngu si và vô cảm của đảng CSVN trong mối tương quan với chế độ cộng sản Bắc Kinh.

Đây là điều đã được chứng minh bằng những sự kiện hiển nhiên, những mất mát cụ thể của đất nước và trước nhiều dấu hiệu báo nguy từ những nghi vấn đang được phát hiện.

● **NHỮNG SỰ KIỆN THỰC TẾ.**

– Thứ nhất là bản công hàm 1958 do Phạm Văn Đồng ký tên nhân danh thủ tướng nước VNDCCH mà mọi người đã quen gọi là bản công hàm Phạm Văn Đồng. Trên thực tế

đây chính là văn bản chính thức của chính quyền VNDCCH do đảng cộng sản lãnh đạo công khai tán trợ việc Trung Cộng lấn chiếm lãnh thổ và lãnh hải Việt Nam.

Sự kiện này đã được đề cập trong các chương đầu sách nên chỉ xin lược lại một số điểm.

Trước hết, công hàm 1958 của VNDCCH nhằm đáp ứng bản tuyên bố ngày 4/9/1958 về chủ quyền lãnh hải của Trung Cộng. Vậy nội dung bản tuyên bố của Trung Cộng ra sao?

Bản tuyên bố gồm 4 điều, trong đó điều 1 xác định nguyên văn như sau:

*“ **Một:** Lãnh hải của nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa rộng 12 hải lý. Quy định này áp dụng cho toàn bộ lãnh thổ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa, bao gồm Trung Quốc đại lục cùng với duyên hải của các hải đảo, với Đài Loan cùng các hòn đảo xung quanh cách đại lục bằng hải phận quốc tế, những hòn đảo của khu vực Bành Hồ, quần đảo Đông Sa, **quần đảo Tây Sa**, quần đảo Trung Sa, **quần đảo Nam Sa** và những gì thuộc về những hải đảo của Trung Quốc.”*

Tiếp theo, điều 4 nhấn mạnh:

*“ **Bốn:** Dựa trên nguyên tắc quy định 2, 3 áp dụng cho cả Đài Loan cùng các hòn đảo xung quanh, những hòn đảo của khu vực Bành Hồ, quần đảo Đông Sa, **quần đảo Tây Sa**, quần đảo Trung Sa, **quần đảo Nam Sa** và những gì thuộc về những hải đảo của Trung Quốc ...*

...Chính phủ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa xử dụng tất cả những phương pháp thích đáng tại một thời điểm thích đáng để thu phục những khu vực này, đây là chuyện nội bộ của Trung Quốc, không cho phép ngoại quốc can thiệp.”

Việc Trung Quốc đổi tên các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam thành Tây Sa, Nam Sa còn được biểu thị bằng bản đồ nên ai cũng dễ dàng nhận biết.

Chính báo mạng Đất Việt của cộng sản Việt Nam cũng nhắc đến sự kiện này khi nói về công hàm 1958 theo lý giải Trung Cộng: “*Theo lý giải của Trung Quốc, ngày 4-9-1958, thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai đã công khai tuyên bố với quốc tế quyết định của chính phủ Trung Quốc về hải phận 12 hải lý kể từ đất liền của Trung Quốc và các đảo ngoài khơi, bao gồm cả quần đảo Tây Sa và Nam Sa (tức quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam).*”

Lý giải trên nhấn mạnh về chủ quyền Trung Quốc đối với Hoàng Sa, Trường Sa và Biển Đông ghi trên tuyên bố 4/9/1958 của Chu Ân Lai đã được công nhận bởi Việt Nam. Báo Đất Việt cho rằng lý giải đó không đúng.

Trên thực tế, công hàm 1958 của VNDCCH đã ghi:

“*Chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ngày 4 tháng 9 năm 1958 của chính phủ nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa, quyết định về hải phận Trung Quốc.*”

“*Chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà tôn trọng quyết định ấy và sẽ chỉ thị cho các cơ quan Nhà Nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận 12 hải lý của Trung Quốc, trong mọi quan hệ với nước Cộng Hoà Nhân Dân Trung Hoa trên mặt biển.*”

Với văn bản này, mọi biện bạch kiểu báo Đất Việt đều chỉ là trò cãi chày cãi cối. Đó là chưa kể nhiều sự kiện xảy ra trước và sau công hàm của VNDCCH như năm 1956, thứ trưởng ngoại giao Ung Văn Khiêm từng xác nhận với tham tán sứ quán Trung Cộng Lý Chí Dân rằng “*chứng cứ lịch sử cho biết các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa thuộc chủ quyền Trung Quốc*” và chủ tịch Á Châu Sự Vụ Lê Lộc còn giải thích rằng theo sử liệu thì các đảo trên “*thuộc Trung Quốc từ thời nhà Tống.*” Những sự kiện này đã khẳng định quan điểm của đảng CSVN hoàn toàn đúng theo lý giải của Trung Cộng.

Tuy nhiên do làn sóng bất bình của quần chúng nên

những năm về sau, đảng cộng sản đã tìm cách biện giải không phải để giành lại chủ quyền mà chỉ nhằm trấn an mọi người. Chẳng hạn năm 1977, Phạm Văn Đồng biện giải hết sức gượng gạo về lý do ký công hàm 1958 như sau: *“Đó là thời chiến nên phải nói như vậy thôi.”* Còn Nguyễn Mạnh Cầm, nguyên bộ trưởng ngoại giao trong cuộc họp báo ngày 2/12/1992 tại Hà Nội thì biện bạch: *“Các nhà lãnh đạo của ta lúc trước xác nhận về Hoàng Sa và Trường Sa như vậy là do theo hiệp định Genève năm 1954 về vấn đề Đông Dương thì tất cả lãnh thổ từ vĩ tuyến thứ 17 trở vào Nam là thuộc chính quyền miền Nam, kể cả hai quần đảo này.”*

Ngoài ra, theo tiết lộ của Hà Văn Thịnh, giảng viên sử khoa tại Đại Học Huế cho biết từng được nghe biện giải về sự việc này khi còn là sinh viên năm thứ nhất tại Đại Học Tổng Hợp Hà Nội.

Thuở đó, ủy viên trung ương Đảng kiêm tổng biên tập nhật báo Nhân Dân, Hoàng Tùng xuất hiện trước 180 sinh viên, nói chuyện về lịch sử và giải thích vụ Hoàng Sa như sau: *“Vì ta bận đánh Mỹ, không có thời gian và chưa đủ khả năng để giải phóng Hoàng Sa nên nhờ bạn Trung Quốc giải phóng. Sau này mình thống nhất đất nước rồi phía bạn sẽ trả cho mình.”*

Từ lý do *“thời chiến”*, lý do hai quần đảo này *“thuộc chính quyền miền Nam”* tới lý do *“nhờ bạn Trung Quốc giải phóng”* rõ ràng không đặt ra vấn đề nào về hành vi xâm lấn của Trung Cộng mà chỉ nhằm che giấu việc cắt biển đảo của đất nước đang hiển cho ngoại địch mà thôi.

– Thứ hai, không chỉ riêng quần đảo Hoàng Sa mà còn thêm gần nửa diện tích vịnh Bắc Bộ đã rơi vào tay Trung Cộng. Cho tới nay, các trang mạng đã lập lại không ít lần về diễn trình đảng CSVN cắt vịnh Bắc Bộ cho Trung Cộng và được Trung Cộng tặng 2 tỉ mỹ kim để chia chác cho tập đoàn lãnh đạo.

Một người nói về vụ này là cựu đảng viên cộng sản

lão thành Hoàng Minh Chính, cựu viện trưởng Viện Triết Học Mác-Lênin cho biết mọi chi tiết đều được giấu nhem nhưng cuối cùng vẫn bị bật mí giúp mọi người có thể nhìn lại toàn bộ diễn biến sự vụ.

Sự việc khởi đầu vào một chuyến thăm Trung Quốc của Lê Khả Phiêu. Dịp này, Lê Khả Phiêu đã mắc bẫy mỹ nhân kế của Trung Cộng với người đẹp tên là Trương Mỹ Vân. Sau đó, Lê Khả Phiêu được tin Trương Mỹ Vân mang thai và cuối cùng sinh một bé gái. Lê Khả Phiêu không thể đưa Trương Mỹ Vân về Việt Nam và suốt năm 1999, Trung Cộng đã hơn một lần gửi văn thư chính thức đòi phân định ranh giới vịnh Bắc Bộ. Trong tình thế bị đe dọa, ngày 30/12/1999, Lê Khả Phiêu phải hạ bút ký chấp thuận.

Ngày hôm sau, 31/12/1999, phái đoàn Trung Quốc do ngoại trưởng Đường Gia Triền cầm đầu tới Việt Nam họp kín với Lê Khả Phiêu.

Ngày 25/2/2000, Lê Khả Phiêu phái Nguyễn Dy Niên sang Bắc Kinh cho biết đồng ý hiến đất theo Trung Cộng đòi hỏi. Nguyễn Dy Niên đã được Trung Cộng mở tiệc chiêu đãi nồng nhiệt.

Hơn 4 tháng sau, Đường Gia Triền gửi thư kín cho Nguyễn Dy Niên đề nghị gặp tại Thái Lan khi Đường Gia Triền thăm nước này. Lúc 6 giờ 47 phút sáng ngày 26/7/2000, Nguyễn Dy Niên đáp chiếc AirBus rời sân bay Nội Bài qua Vọng Các, gặp Đường Gia Triền tại khách sạn Shangri-La Hotel. Cuộc gặp chớp nhoáng chỉ để Nguyễn Dy Niên nhận chồng hồ sơ ghi rõ Trung Cộng muốn chia đôi lãnh hải vịnh Bắc Bộ tức Việt Nam phải cắt cho Trung Cộng 24.000 cây số vuông. Ngày 28/7/2000, Bộ Chính Trị nhóm họp kín và cuộc họp kéo dài.

Ngày 26/9/2000, Việt Nam cử Phan Văn Khải bay chuyến bay sớm nhất qua Bắc Kinh và được xe Limo chở từ phi trường Bắc Kinh về quảng trường Nhân Dân trưa hôm đó. Lý Bằng cho Phan Văn Khải biết là hai lãnh tụ Lê Khả

Phiêu và Giang Trạch Dân đã gặp nhau 2 lần về hiến đất rồi nên Lý Bằng chỉ nhấn mạnh về ý muốn của Trung Cộng là Nông Đức Mạnh sẽ thay thế Lê Khả Phiêu làm tổng bí thư khi Lê Khả Phiêu rời chức.

Do Phan Văn Khải tỏ ý chưa dứt khoát vụ chia cắt vịnh Bắc Bộ nên vào giờ Phan Văn Khải rời Bắc Kinh để về Việt Nam, Lý Bằng đã giữ lại với lý do chủ tịch Giang Trạch Dân muốn gặp. Sau đó Phan Văn Khải được đưa đi gặp Giang Trạch Dân và dịp này thủ tướng Chu Dung Cơ đã hù dọa “*Trung Quốc đã nắm Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh trong tay....*” nếu Khải không nghe lời “*sẽ bị tẩy chay và coi chừng bị “chích thuốc.”*”

Tất nhiên Phan Văn Khải phải tuân theo để được ra về. Trước khi Phan Văn Khải ra về, Giang Trạch Dân gửi lời hỏi thăm Lê Khả Phiêu, Nông Đức Mạnh và không nhắc tới tên ai khác trong Quốc Hội VN. Chuyến đi này, Phan Văn Khải không được tiếp đãi như một quốc khách.

Ngày 24/12/2000, Trần Đức Lương mật phái thứ trưởng ngoại giao Lê Công Phụng đi gặp quan chức tỉnh báo Trung Cộng Hoàng Di, cánh tay phải của Đường Gia Triền, nói tiếng Việt rất rành. Hai bên gặp nhau ở một địa điểm gần biên giới thuộc tỉnh Móng Cái.

Qua bản báo cáo với Bộ Chính Trị cộng sản VN, Lê Công Phụng cho biết lúc đầu Hoàng Di khẳng khái đòi chia đôi vịnh Bắc Bộ với Việt Nam, muốn lấy luôn đảo Bạch Long Vĩ. Sau đó theo Bộ Chính Trị dặn trước, Lê Công Phụng xin lại 6% diện tích gần khu vực Bạch Long Vĩ với lý do đã thuộc Việt Nam từ lâu. Kết quả cuộc đi đêm là Việt Nam mất 16,000 cây số vuông diện tích vịnh Bắc Bộ.

Ngay hôm sau, 25/12/2000, Trần Đức Lương qua Bắc Kinh gặp Giang Trạch Dân và được đưa về Thành Bắc quảng trường Nhân Dân, để chính thức thông qua bản hiệp ước hiến đất. Dịp này Giang Trạch Dân cho biết sẽ gửi tặng phía Việt Nam 2 tỉ mỹ kim.

Ngày 26/12/2000, lúc 2 giờ trưa, Lý Bằng được cận vệ đưa tới gặp Trần Đức Lương ở quảng trường Nhân Dân. Lý Bằng nói số tiền 2 tỉ mỹ kim để mua 16,000 cây số vuông vịnh Bắc Bộ là hợp lý, đồng thời cho biết món nợ Trung Cộng bán vũ khí và hỗ trợ cộng sản Việt Nam trong thời chiến tranh sẽ dùng để mua lại một số đất biên giới phía Bắc Việt Nam.

Sau đó Trần Đức Lương được đưa về Trung Nam Hải gặp Chu Dung Cơ. Chu Dung Cơ không nói gì khác ngoài lời nhắc số tiền 2 tỉ USD sẽ được giao cho Việt Nam sau khi Trần Đức Lương về nước.

Hai tháng sau, ngày 26/2/2001, bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm bay qua Hải Nam gặp phó thủ tướng Tiền Kỳ Sâm để cảm ơn Trung Cộng về việc mua vùng vịnh Bắc Bộ với giá 2 tỉ. Theo các nguồn tin, lúc đầu việc này gặp sự chống đối của một số người như Võ Văn Kiệt, Phan Văn Khải... nhưng khi có 2 tỉ mỹ kim mọi chuyện đã êm xuôi do ai nấy đều có phần.

– Thứ ba là Trung Cộng không chỉ chiếm đoạt lãnh hải mà còn chiếm đoạt lãnh thổ biên giới phía Bắc Việt Nam để lúc này trở nên chủ nhân các vùng đất Việt Nam mà người Việt từ nhiều đời qua từng thuộc lòng tên như ải Nam Quan, thác Bản Giốc, đỉnh Lão Sơn ...

Diễn trình lần chiếm của Trung Cộng đã được ghi trong tài liệu của cộng sản Việt Nam là cuốn *Vấn Đề Biên Giới Giữa Việt Nam – Trung Quốc* do nhà xuất bản Sự Thật ấn hành năm 1979 tại Hà Nội. Cuốn sách cho biết Trung Cộng “chiếm đất một cách im lặng” bằng sự “lợi dụng việc xây dựng các công trình hữu nghị để đẩy lùi biên giới sâu vào lãnh thổ Việt Nam” nguyên văn như sau: “Năm 1955, tại khu vực Hữu Nghị Quan, khi giúp Việt Nam khôi phục đoạn đường sắt từ biên giới Việt – Trung đến Yên Viên gần Hà Nội, lợi dụng lòng tin của Việt Nam, phía Trung Quốc đã đặt điểm nối ray đường sắt Việt – Trung sâu trong lãnh

thổ Việt Nam trên 300 mét so với đường biên giới lịch sử, coi điểm nối ray là điểm mà đường biên giới giữa hai nước đi qua. Ngày 31 tháng 3 năm 1974, chính phủ VNDCCH đã đề nghị chính phủ hai nước giao cho ngành đường sắt hai bên điều chỉnh lại điểm nối ray cho phù hợp với đường biên giới lịch sử, nhưng họ một mực khước từ bằng cách hẹn đến khi hai bên bàn toàn bộ vấn đề biên giới thì sẽ xem xét. Cho đến nay, họ vẫn trắng trợn ngụy biện rằng khu vực hơn 300 mét đường sắt đó là đất Trung Quốc với lập luận rằng “không thể có đường sắt của nước này đặt trên lãnh thổ nước khác.”

Cũng tại khu vực này, phía Trung Quốc đã ủi nát mốc biên giới số 18 nằm cách cửa Nam Quan 100 mét trên đường quốc lộ để xóa vết tích đường biên giới lịch sử, rồi đặt cột ki-lô-mét 0 đường bộ sâu vào lãnh thổ Việt Nam trên 100 mét, coi đó là vị trí đường quốc giới giữa hai nước ở khu vực này.

Như vậy, họ đã lấn chiếm một khu vực liên hoàn từ đường sắt sang đường bộ thuộc xã Bảo Lâm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn của Việt Nam 0,500 ki-lô-mét. Năm 1975, tại khu vực mốc 23 (xã Bảo Lâm, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn), họ định diễn lại thủ đoạn tương tự khi hai bên phối hợp đặt đường ống dẫn dầu chạy qua biên giới: phía Việt Nam đề nghị đặt điểm nối ống dẫn đúng đường biên giới, họ đã từ chối, do đó bỏ dở công trình này.

Khi xây dựng công trình cầu cống trên sông, suối biên giới, phía Trung Quốc cũng lợi dụng việc thiết kế kỹ thuật làm thay đổi dòng chảy của sông, suối về phía Việt Nam để nhận đường biên giới có lợi cho phía Trung Quốc.

Cầu ngầm Hoành Mô thuộc tỉnh Quảng Ninh được Trung Quốc giúp xây dựng vào năm 1968. Một thời gian dài sau khi cầu được xây dựng xong, hai bên vẫn tôn trọng đường biên giới ở giữa cầu; vật liệu dự trữ để sửa chữa cầu sau này cũng được đặt ở mỗi bên với số lượng bằng nhau

tính theo đường biên giới giữa cầu. Nhưng do Trung Quốc có sẵn ý đồ chỉ xây một cống nước chảy nằm sát bờ Việt Nam nên lưu lượng dòng chảy đã chuyển hẳn sang phía Việt Nam, từ đó phía Trung Quốc dịch đường biên giới trên cầu quá sang đất Việt Nam. Thủ đoạn như vậy cũng được thực hiện đối với cầu ngầm Pò Hèn (Quảng Ninh), đập Ái Cảnh (Cao Bằng), cầu Ba Nậm Cúm (Lai Châu)...

Song song với thủ đoạn đó là việc đơn phương xây dựng các công trình ở biên giới lấn sang đất Việt Nam:

“Trên đoạn biên giới đất liền cũng như ở các đoạn biên giới đi theo sông, suối tại nhiều nơi, phía Trung Quốc đã tự tiện mở rộng xây dựng các công trình để từng bước xâm lấn đất.

Tại khu vực mốc 53 (xã Đàm Thủy, huyện Trung Khánh, tỉnh Cao Bằng) trên sông Quy Thuận có thác Bản Giốc từ lâu là của Việt Nam và chính quyền Bắc Kinh cũng đã công nhận sự thật đó. Ngày 2 tháng 2 năm 1976 phía Trung Quốc đã huy động trên 2000 người lực lượng vũ trang lập thành hàng rào bố phòng dày đặc bao quanh toàn bộ khu vực thác Bản Giốc thuộc lãnh thổ Việt Nam, cho công nhân cấp tốc xây dựng một đập kiên cố bằng bê-tông cốt sắt ngang qua nhánh sông biên giới, làm việc đã rồi, xâm phạm lãnh thổ Việt Nam trên sông và ở cồn Pò Thoong và ngay nhiên nhận cồn này là của Trung Quốc.

Các thị trấn Ái Điểm (đối diện với Chi Ma, Lạng Sơn), Bình Mãng (đối diện Sóc Giang, Cao Bằng) vốn đã nằm sát các mốc giới 43 và 114, lại ngày càng được Trung Quốc mở rộng ra lấn sang đất Việt Nam từ hàng chục đến hàng trăm mét với công trình nhà cửa, trường học, khu phố

Bằng các tổ chức lâm trường, trồng cây gây rừng, làm đường chắn lửa, đặt hệ thống điện cao thế, điện thoại lấn vào lãnh thổ Việt Nam, Trung Quốc đã biến nhiều vùng đất khác của Việt Nam thành đất của Trung Quốc.”

Một kiểu lấn chiếm khác theo cuốn *Vấn Đề Biên Giới*

Giữa Việt Nam – Trung Quốc là “mượn đất” cho các sinh hoạt “rồi biến thành lãnh thổ Trung Quốc: “Ở một số địa phương, do địa hình phức tạp, điều kiện sinh hoạt của dân cư Trung Quốc gặp khó khăn, Việt Nam đã cho Trung Quốc mượn đường đi lại, cho dùng mỏ nước, cho chăn trâu, lấy củi đặt mỏ mả...trên đất Việt Nam. Nhưng lợi dụng thiện chí đó của Việt Nam, họ đã dần dần mặc nhiên coi những vùng đất mượn này là đất Trung Quốc. Khu vực Phía Un (mốc 94–95) thuộc huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng là điển hình cho kiểu lấn chiếm này.

Tại đây, mới đầu Trung Quốc mượn con đường mòn, rồi tự ý mở rộng mặt đường để ô-tô đi lại được vào khu vực mỏ của Trung Quốc, đặt đường dây điện, đưa dân đến ở ngày càng đông, lập làng bản mới...”

– Thứ tư là những diễn biến quanh việc mất thác Bản Giốc do tác giả Mai Thái Lĩnh một cựu giới chức cộng sản khi trả lời phỏng vấn của đài VOA đã cho biết: “... Thật ra không phải tất cả đều là ý kiến của tôi, mà đây có thể nói là một công trình tập hợp tất cả những bằng chứng mà nhiều bài viết trước đây – nhiều người đã viết trong vòng khoảng chục năm nay, để chứng minh thác Bản Giốc hoàn toàn là của Việt Nam. Trong đó đáng kể nhất là một nhà nghiên cứu ở Pháp, ông Trương Nhân Tuấn, một Việt kiều sinh sống ở Pháp. Ông đã sưu tập được rất nhiều tài liệu thành văn về quá trình ký kết và cắm mốc giữa hai bên — giữa Pháp và nhà Thanh, vào cuối thế kỷ thứ 19.

Còn ở trong nước, tôi xin lấy ví dụ như ông Hàn Vĩnh Diệp, một đảng viên Cộng Sản và là một cán bộ hưu trí. Ông này đã từng 7 lần đến thăm Bản Giốc, từ 1958 đến 2006, và có lần từng ở lại một ngày một đêm ở bờ bắc của sông Quây Sơn. Địa điểm này bây giờ, theo như tác giả viết, đã thuộc về lãnh thổ của Trung Quốc rồi...

... Khó khăn lớn nhất là thiếu những bản đồ chi tiết để giải thích rõ trước đây đường biên giới như thế nào và

hiện nay đường biên giới thay đổi ra sao. Nhất là cột mốc số 53. Vừa rồi, trong quá trình nghiên cứu, tôi tìm được một số bản đồ. Đặc biệt là qua mạng internet tôi tìm được hai tờ bản đồ, tỉ lệ 1/50,000. Một là bản đồ do quân đội Hoa Kỳ in năm 1965 và một là của quân đội Nhân Dân Việt Nam in năm 1980. Hai bản đồ này về cơ bản thì địa hình rất giống nhau. Chỉ có khác là tờ bản đồ của Việt Nam thì Việt Nam đã Việt hóa và điều chỉnh một số điểm, nhất là địa danh. Quan trọng nhất là hai tờ bản đồ này có ghi rõ tọa độ địa lý và có những vòng cao độ, và trong đó đặc biệt là có ghi rõ các cột mốc nằm ở đâu. Cho nên tôi nghĩ rằng những người có trình độ về bản đồ học có thể căn cứ vào cái này để xác định tọa độ các cột mốc một cách hết sức chính xác.

Ngoài ra còn có một tờ bản đồ chi tiết về đường biên giới mới. Tờ bản đồ này sở dĩ có được là vào cuối tháng 10 năm 2011 có một đoàn nhà văn quân đội đã lên thăm đồn biên phòng Đàm Thủy ở gần thác Bản Giốc và chụp ảnh lại bản đồ chi tiết về đường biên giới này.

So sánh mấy tờ bản đồ với nhau thì chúng ta thấy rõ ràng là cột mốc 53 đã bị dời đi, đường biên giới bị sửa đổi, và do vậy nên ta mất đi một nửa thác chính của thác Bản Giốc. Cho nên có thể nói là với những tư liệu này chúng ta có thể chứng minh được thác Bản Giốc trước hoàn toàn là của Việt Nam.

Và tất cả những điều này rất ăn khớp với tất cả những tư liệu về địa lý trước đây của nước ta, cũng như ăn khớp với những điều mà trong bản Bị Vong Lục ngày 15 tháng 3 năm 1979 mà Bộ Ngoại Giao Việt Nam đã công bố trong cuốn sách “Vấn Đề Biên Giới Giữa Việt Nam – Trung Quốc” do nhà xuất bản Sự Thật xuất bản vào năm 1979. Có thể nói là tất cả rất có hệ thống và rất chính xác và đã chứng minh rằng thác Bản Giốc là hoàn toàn thuộc về Việt Nam.”

Với thực tế này, chính quyền cộng sản Việt Nam đã có

thái độ ra sao?

Trước công luận, thứ trưởng ngoại giao Lê Công Phụng cùng nhiều quan chức khác từng công bố với báo chí là *“theo pháp lý, Việt Nam chỉ có được một phần ba thác chính, nhưng qua đàm phán nên cuối cùng Việt Nam có được một nửa thác chính và một phần tư cồn Pò Thoong”* kể như phía Trung Cộng đã nhân nhượng nên Việt Nam đã *“được”* chứ *“không mất.”*

Tuy nhiên, Mai Thái Lĩnh khẳng định: *“Theo pháp lý và đúng theo lịch sử thì toàn bộ thác Bản Giốc là của Việt Nam, nhưng vì Trung Quốc sử dụng vũ lực để chiếm đoạt và trấn áp, cho nên cuối cùng thì việc thương thuyết của ta hoàn toàn thất bại, cho nên nước ta mất một nửa thác chính. Nhưng điều quan trọng nhất là ngoài chuyện mất đi nửa thác chính, chúng ta mất luôn dải đất chạy dài từ cồn Pò Thoong cho đến chân thác. Trước đây không có dải đất này, phía Trung Quốc tuy có một đồn trên đỉnh núi, nhưng không bao giờ có thể đặt chân xuống vùng thung lũng sông Quây Sơn ở phía trên thác Bản Giốc. Ngày nay họ có thể nhờ dải đất này để di chuyển từ hạ lưu thác đến tận thượng nguồn, đến tận cồn Pò Thoong. Cồn này rộng khoảng 2,6 hecta, và họ chiếm hết ba phần tư. Và nếu trong trường hợp chẳng may xảy ra chiến tranh, tôi nghĩ rằng họ có thể chuyển quân từ dưới lên rất dễ dàng; trong lúc trước đây trong thời Pháp thuộc họ không thể nào đặt chân xuống vùng đồng bằng.*

Ngày nay...họ tập trung xây dựng cơ ngơi, đường sá và có thể là những công sự phòng thủ và những công trình quân sự rất lớn ở vùng phía dưới thác Bản Giốc.”

Về việc Lê Công Phụng cho rằng Trung Cộng nhân nhượng công nhận chủ quyền Việt Nam với một nửa thác Bản Giốc và một phần tư cồn Pò Thoong, Mai Thái Lĩnh tiết lộ một nguồn tin cho biết *“Trung Quốc sở dĩ trả lại một phần tư cồn Pò Thoong và một phần thác Bản Giốc không*

phải “cho không” mà họ đổi lại để lấy của Việt Nam một phần tư bãi Tục Lãm ở cửa sông Ka Long ở Móng Cái.”

Như thế trong cuộc đàm phán về thác Bản Giốc, phía Việt Nam hoàn toàn thất bại.

Thực tế này cũng được gián tiếp xác nhận bởi phát biểu của thứ trưởng ngoại giao Vũ Dũng trong cuộc phỏng vấn dành cho báo chí năm 2008. Với tư cách trưởng đoàn đàm phán biên giới giữa Việt Nam và Trung Cộng, Vũ Dũng tìm mọi cách biện minh cho việc cắt đất, dâng biển với lập luận tương tự Lê Công Phụng là dựa theo các hiệp ước Pháp – Thanh 1887 và 1895, hai bên đã phân giới theo đúng pháp lý và thực tế, công nhận ải Nam Quan thuộc phần đất Trung Cộng.

Theo Vũ Dũng, hơn 7 năm sau khi cắm cột mốc đầu tiên, hai bên đã hoàn thành phân giới cắm mốc 1400 cây số biên giới và trong cuộc đàm phán cuối cùng chỉ còn lại vấn đề mấu chốt về khu vực Bản Giốc ở Cao Bằng và cửa sông Bắc Luân ở Quảng Ninh. Sau thương lượng, kết quả vẫn như cũ là tại thác Bản Giốc, hai bên thống nhất đường biên giới đi từ mốc 53 cũ.

Thác Bản Giốc có hai phần, phần hoàn toàn về phía Việt Nam gọi là thác cao nhưng là thác phụ vì lượng nước không lớn. Thác thấp là thác chính sẽ chia đôi, mỗi bên được một nửa.

Vũ Dũng cho biết hai bên hứa hẹn không xây dựng các công trình nhân tạo trong phạm vi hẹp quanh thác để giữ nguyên cảnh quan và Trung Cộng hứa hẹn sẽ hợp tác phát triển du lịch khu vực thác Bản Giốc. Vũ Dũng cho biết thêm hai bên còn hai cột mốc nữa ở thác Bản Giốc chưa cắm, đó là cột mốc trên thượng lưu ở mốc 53 và cột mốc ở ngay dưới chân thác.

Tóm lại, ngoài quần đảo Hoàng Sa, một phần quần đảo Trường Sa và gần phân nửa vịnh Bắc Bộ đã rơi vào tay Trung Cộng thì nhiều phần đất dọc biên giới phía Bắc Việt

Nam cũng không còn là của Việt Nam trong khi Biển Đông gần như đã do Trung Cộng làm chủ.

Dù vậy, suốt thời gian kéo dài từ thập niên 1950 tới nay, các chính quyền cộng sản Việt Nam luôn tránh nhắc đến vấn đề này, thậm chí còn nhiều lần biện bạch là không bị lấn chiếm lãnh thổ, lãnh hải trong khi chính họ đã nêu các sự kiện về mất đất, mất biển trong tập tài liệu *Vấn Đề Biên Giới Giữa Việt Nam – Trung Quốc*.

Điều dễ hiểu là tập tài liệu này phát hành năm 1979 sau khi Trung Cộng đưa quân “*dạy cho Việt Nam một bài học*” tức là vào thời điểm hai bên đang ở thế thù địch.

Tuy nhiên, chứng cứ về việc Trung Cộng lấn chiếm lãnh thổ, lãnh hải là những sự thật hiển nhiên và mọi chính quyền cộng sản Việt Nam đều biết rõ từ lâu.

Vậy tại sao cộng sản Việt Nam lại có thái độ như từng có và hiện vẫn không thay đổi?

Lời giải không khó tìm bởi đã hiện hình từ không ít dấu hiệu báo nguy cho tương lai Việt Nam.

● NHỮNG DẤU HIỆU BÁO NGUY.

– Thứ nhất, rõ rệt và gần đây là lời lẽ, thái độ cùng hành vi của chủ tịch nhà nước Trương Tấn Sang trước các giới chức lãnh đạo Bắc Kinh. Nhiều dịp lên tiếng trước quần chúng, Trương Tấn Sang từng hùng hồn bày tỏ tinh thần cương quyết bảo vệ bờ cõi như khi nói chuyện với cử tri quận 4 Sài Gòn ngày 18/10/2012:

“Đảng và Nhà Nước Việt Nam không lùi bước trong vấn đề biển Đông. Việc gìn giữ hòa bình trong quan hệ Việt Nam–Trung Quốc, từ ý thức đến hành động đều hết sức đầy đủ. Nhưng đồng thời nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền quốc gia vẫn tiến hành thường xuyên không có gì thay đổi...”

Tháng 4/2013, trước ngư dân Quảng Nam, Trương Tấn Sang tuyên bố: *“Bằng mọi cách phải bảo vệ hoạt động bình thường của ngư dân. Bảo vệ chủ quyền, quyền chủ*

quyền, quyền tài phán của đất nước. Các hoạt động đánh bắt hải sản, hoạt động khai thác dầu khí, các hoạt động của các doanh nghiệp, vận tải biển, nghiên cứu khoa học trên vùng biển Việt Nam phải hết sức an tâm...

“Lập trường của Đảng và Nhà Nước ta rất rõ ràng, không bao giờ từ bỏ chủ quyền. Chủ quyền quốc gia là thiêng liêng, bất khả xâm phạm, là chuyện nhất quán, bất di bất dịch...Chúng ta không tranh chấp với ai. Biển của ta, ta giữ, ta khai thác...”

Nhưng chỉ hai tháng sau đó, trong cuộc viếng thăm Bắc Kinh tháng 6/2013, Trương Tấn Sang không có một lời nào về tình trạng lãnh thổ, lãnh hải bị xâm lấn như tài liệu chính thức của cộng sản Việt Nam, cuốn *Vấn Đề Biên Giới Giữa Việt Nam–Trung Quốc* ấn hành năm 1979 từng diễn tả, mà ngược lại, đã khẳng định: *“Tình hữu nghị Việt-Trung là tài sản chung vô cùng quý giá của nhân dân hai nước do các thế hệ lãnh đạo tiền bối và nhân dân hai nước dày công vun đắp....*

*“Việt Nam hết sức coi trọng phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Đảng, Nhà Nước và nhân dân Trung Quốc, coi đây là chính sách cơ bản, nhất quán, lâu dài và ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Việt Nam....Lấy đại cục quan hệ hai nước làm trọng, xuất phát từ tầm cao chiến lược và toàn cục, dưới sự chỉ đạo của phương châm **“láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”** và tinh thần **“láng giềng tốt, bạn bè tốt, đồng chí tốt, đối tác tốt”**, kiên trì thông qua hiệp thương hữu nghị, xử lý và giải quyết thỏa đáng vấn đề trên biển, làm cho Biển Đông trở thành vùng biển hòa bình, hữu nghị, hợp tác, đóng góp vào việc phát triển quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam–Trung Quốc, góp phần duy trì hòa bình và ổn định trong khu vực.”*

Dịp này, Trương Tấn Sang đã cùng Tập Cận Bình

chứng kiến ký kết 10 văn kiện hợp tác song phương trong đó có các thỏa thuận “Hai nước mở rộng, kéo dài đến năm 2016 việc hợp tác thăm dò dầu khí ngoài khơi vịnh Bắc Việt” và “Chương trình hành động giữa hai chính phủ về triển khai quan hệ đối tác, hợp tác chiến lược toàn diện.”

Nhưng gây ấn tượng hơn hết về tính cách và ngôn ngữ của Trương Tấn Sang là hình ảnh khom lưng cúi đầu trước toán quân kỳ Trung Quốc và nói những lời sau:

“Đảng, Nhà Nước và nhân dân Việt Nam không bao giờ quên sự giúp đỡ quý báu của Đảng, Nhà Nước và nhân dân Trung Quốc trong sự nghiệp đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc trước đây cũng như trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay...”

Những sự kiện này đã khiến chuyên gia Carlyle A. Thayer liên tưởng tới tình trạng Việt Nam đàn áp những người biểu tình chống Trung Quốc và bắt giữ hàng loạt blogger vào thời gian trước khi Trương Tấn Sang thực hiện chuyến đi Trung Quốc và nêu nhận định:



NHỮNG SỰ THẬT CẦN PHẢI BIẾT * 475

“...Lấy gì giải thích cho sự gia tăng những vụ bắt giữ các blogger? Các trường hợp gần đây nhất là một phần liên quan đến chuyến thăm Trung Quốc của chủ tịch nước Trương Tấn Sang. Các vụ bắt giữ những người chỉ trích Trung Quốc làm nên bầu không khí thích hợp cho chuyến viếng thăm chính thức của ông ta...”

Qua nhận định của chuyên gia Thayler đã hiện hiện ý hướng kết thân bằng cái giá cầu cạnh. Ý hướng này được thực tế chứng minh là ý hướng chung của tập đoàn lãnh đạo Việt Nam. Bởi lời lẽ tương tự của Trương Tấn Sang từng được thốt lên từ nhiều nhân vật khác. Ngày 28/7/2012, trong buổi họp mặt kỷ niệm ngày thành lập Giải Phóng Quân Trung Quốc tại bộ Quốc Phòng Việt Nam, tướng Phùng Quang Thanh, ủy viên Bộ Chính Trị và bộ trưởng Quốc Phòng đã nhân danh quân đội và nhân dân Việt Nam phát biểu: *“... Chúng tôi luôn trân trọng, ghi nhớ và mãi biết ơn sự giúp đỡ chí tình, chí nghĩa, to lớn có hiệu quả mà Đảng, Chính Phủ, nhân dân và Quân Giải Phóng Nhân Dân Trung Quốc đã dành cho Việt Nam...”*

Trước đó, ngày 10/07/2012, chủ trì Đại Hội đại biểu toàn quốc Hội Hữu Nghị Việt Nam - Trung Quốc tại Hà Nội, phó thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân đã thay mặt nhà nước CHXHCNVN ra chỉ thị: *“Hội hữu nghị Việt Nam – Trung Quốc sẽ tổ chức các hoạt động tri ân các cá nhân, tổ chức và địa phương Trung Quốc, xuyên suốt trong 5 năm, sau đại hội này.”*

Ngày 19/12/2012, trong một buổi giảng bài tại trường Cao Đẳng Cộng Đồng Hà Tây, đại tá Trần Đăng Thanh phó giáo sư - tiến sĩ, nhà giáo ưu tú, thuộc học viện Chính Trị Quốc Gia bộ Quốc Phòng đã phân tích: *“...Trong 4 năm kháng chiến chống Pháp, 21 năm chống Mỹ, nhân dân Trung Quốc, nhà nước Trung Quốc đã từng nhường cơm xẻ áo dành cho chúng ta từ hạt gạo, từ khẩu súng, từ đôi dép để chúng ta giành thắng lợi trong kháng chiến chống Pháp*

và thắng Mỹ. Như vậy ta không quên họ đã từng xâm lược chúng ta, nhưng ta cũng không được quên họ đã từng nhường cơm xẻ áo cho chúng ta. Ta không thể là người vong ơn bội nghĩa.”

Như thế, với đảng CSVN, công ơn Trung Cộng luôn là điều phải ghi nhớ và đền đáp xứng đáng ngay cả khi không quên việc Trung Cộng từng xâm lược Việt Nam. Nói cách khác, công ơn Trung Cộng giúp đỡ đảng CSVN là điều cao trọng hơn cả vận mạng đất nước. Báo hiệu này rõ ràng không tốt lành cho Việt Nam, nhưng lại không phải báo hiệu duy nhất

– Thứ hai, theo cuốn *Vấn Đề Biên Giới Giữa Việt Nam-Trung Quốc* thì từ năm 1955, Hà Nội đã thấy rõ Trung Cộng lấn chiếm đất đai qua nhiều thủ đoạn thi thố tại vùng biên giới phía Bắc như “lợi dụng xây dựng các công trình hữu nghị để đẩy lùi biên giới sâu vào lãnh thổ Việt Nam” hoặc “mượn đất” sinh hoạt “rồi biến thành lãnh thổ Trung Quốc”... Thế nhưng tháng 5/2013, ngay tại huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh đã hiện ra cảnh tượng mà người dân tại đây mô tả là “đất Việt đã biến thành đất Tàu” bởi chạy dài 30 cây số quốc lộ 1A qua các xã Kỳ Liên, Kỳ Long, Kỳ Thịnh xuất hiện hàng trăm cơ sở kinh doanh từ nhà hàng, khách sạn, quán cơm tới tiệm hớt tóc...đều mang bảng hiệu chữ Hoa khiến một phóng viên RFA đã viết: “Chúng tôi thăm huyện Kỳ Anh và hết sức bàng hoàng khi chứng kiến cảnh tượng đập vào mắt mình là hàng trăm nhà hàng có bảng hiệu viết bằng chữ Trung Quốc, thậm chí có nhiều nhà hàng không tiếp khách Việt Nam. Chủ nhà hàng là những người Trung Quốc sang mua đất, mở doanh nghiệp, mở nhà hàng và mở nhiều dịch vụ khác phục vụ cho khách VIP người Việt và ưu tiên phục vụ cho người Trung Quốc ở Hà Tĩnh...”⁽¹⁶⁰⁾

⁽¹⁶⁰⁾ http://www.rfa.org/vietnamese/in_depth/ha-tinh-pro-swar-chi-10232013065235.html.



Tất nhiên tình trạng trên không thể do người Trung Quốc ngang nhiên xâm nhập, lộng hành và cũng không thể do các chính quyền địa phương hay người dân tại đây tự tung tự tác một cách phi pháp.

Trên thực tế, sự việc khởi đầu từ Hà Nội qua văn thư số 323/TTg-QHQT của Phủ Thủ Tướng do phó thủ tướng Hoàng Trung Hải ấn ký ngày 4/3/2008 chấp thuận cho Tập Đoàn Formosa đầu tư xây dựng Nhà Máy Liên Hợp Luyện Thép tại Khu Kinh Tế Vũng Áng và Cảng Nước Sâu Sơn Dương thuộc tỉnh Hà Tĩnh.

Sau quyết định này của phủ thủ tướng, hơn một ngàn công nhân Trung Quốc đã có mặt tại quận Kỳ Anh và thúc đẩy cuộc sống vùng này vào chạng đường biến đổi đang có. Mức quan tâm càng lớn do Hà Tĩnh không phải địa phương độc nhất đối diện với nguy cơ Hán hóa.

Trên thực tế, nhiều dự án kinh tế và khai thác tài nguyên — chẳng hạn *dự án khai thác bauxite Tây Nguyên*, hợp đồng cho thuê rừng đầu nguồn của 10 tỉnh biên giới phía Bắc — đã mở đường cho các công ty Trung Quốc có mặt từ biên giới phía Bắc tới Tây Nguyên, trong đó những nơi đang được biết tới như Lâm Đồng, Ninh Thuận, Quảng Trị, Quảng Nam... đều xuất hiện các biệt khu dành cho người Hoa với tư cách công nhân viên các công ty nhưng theo dư luận là một số không nhỏ nhập cư trái phép, đặc biệt hơn lại có nghi vấn về nguồn gốc bất minh của thành phần này với lo ngại sẽ gây nhiều di hại cho đời sống và cả vận mạng Việt Nam.

Ngay tại Đà Nẵng, hầu hết khách sạn, nhà hàng... trên tuyến đường Hoàng Sa-Trường Sa thuộc hai quận Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn đều mang bảng hiệu, bảng quảng cáo bằng chữ Hoa đã trở thành vấn đề gây khó chịu cho người dân địa phương. Từ cuối năm 2013, ngay một số giới chức tại đây đã lên tiếng nhắc về đòi hỏi dùng chữ Việt nhưng tới nay vấn đề vẫn đậm chân tại chỗ.

Bên cạnh hiệu báo về tình trạng người Hoa xâm nhập như kể trên là một hiệu báo với mức khốc hại trầm trọng hơn: Đó là chủ trương ngăn cấm bằng bạo lực trấn áp bất kỳ người dân nào lên tiếng phản đối ý đồ xâm lấn của Trung Cộng. Sự kiện này do chính quyền chủ động và diễn ra từ nhiều năm qua nên ngay những người thờ ơ trước thế cuộc cũng không còn xa lạ về hành vi côn đồ hung bạo của lực lượng công an đối với những người dân tập hợp bày tỏ lòng yêu nước và ý chí chống Trung Cộng.

Sự việc còn vượt xa tới mức nhiều người bị bắt giữ, giam cầm, kết án với các tội danh nguy tạo và gán ghép trắng trợn. Giới hạn trang sách không cho kể hết các trường hợp người bị bắt, tuy nhiên sự thật này đã được khắp thế giới ghi nhận và hơn một lần các tổ chức nhân quyền, thiện nguyện, xã hội..., thậm chí nhiều quốc gia đã chính thức lên tiếng trực tiếp đòi Việt Nam trả tự do cho những người bị bắt và chấm dứt hành vi bắt bớ phi pháp đối với những người vô tội, cụ thể là đối với những người chỉ thể hiện quyền tự do phát biểu ý kiến.



Cho tới nay, cộng sản Việt Nam vẫn giữ nguyên chủ trương đã có và điều này không chỉ tỏ ý hướng nào khác ngoài ý hướng quy phục Trung Cộng.

Ý hướng này còn được chứng minh thêm bằng hai sự việc quanh lá cờ Trung Cộng và hình ảnh hoa hậu Việt Nam trong một đại hội thể thao Trung Quốc.

Tháng 9/2011, Đại Hội Thể Thao Các Dân Tộc Thiểu Số Trung Quốc lần thứ 9 khai mạc với 6771 vận động viên thuộc 55 dân tộc thiểu số Trung Quốc tham dự đua tranh 16 môn thi.

Điều khiến mọi người Việt Nam sửng sốt là buổi lễ khai mạc đại hội với sự xuất hiện hoa hậu các dân tộc thiểu số Trung Quốc có cả hoa hậu Việt Nam trong áo dài khăn đóng truyền thống. Như vậy, Việt Nam đã đương nhiên tự ghép mình vào hàng ngũ 55 sắc tộc thiểu số Trung Quốc?

Câu hỏi này đã rơi vào im lặng tuy nhiên sự việc vẫn là một hiệu báo đáng lo về tương lai đất nước.

Trong khi đó, chuyện quanh lá cờ Trung Cộng cũng gây không ít thắc mắc ngay với đám học sinh mẫu giáo khi các em nhỏ thấy lá cờ Trung Cộng trong sách giáo khoa dành cho các em thay vì lá cờ đỏ sao vàng của chế độ.

Hai tập sách được nhắc tới là sách dành cho học sinh mẫu giáo — cuốn *Phát Triển Toàn Diện Trí Thông Minh Cho Trẻ* của nhà xuất bản Dân Trí và cuốn *Bé Tô Màu* của nhà xuất bản Đại Học Sư Phạm.

Vì là tài liệu giáo khoa lại được giới thiệu là soạn theo chương trình của Bộ Giáo Dục – Đào Tạo nên dư luận hết sức bất bình do nội dung sách chỉ diễn tả các phong cảnh và nếp sống Trung Quốc coi như đất nước của chính các em bé.

Nhiều người lên tiếng đòi giới hữu trách có biện pháp giải quyết. Bộ Giáo Dục – Đào Tạo đã phải công khai nhìn nhận “*cuốn sách có một số hình ảnh và nội dung không phù hợp với trường học và trẻ em Việt Nam, không phù hợp với*

chương trình Giáo Dục Mầm Non do Bộ ban hành.”

Tuy nhiên, biện pháp cụ thể của Bộ Giáo Dục – Đào Tạo lại chỉ là *“yêu cầu các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn không mua và sử dụng bộ sách này; nếu đã mua thì gửi trả lại các nhà sách để đơn vị phát hành và nhà xuất bản Dân Trí xử lý.”*

Riêng vụ trưởng Vụ Giáo Dục Mầm Non thuộc Bộ Giáo Dục – Đào Tạo biện bạch là không hay biết về cuốn sách nhưng *“đã kiến nghị các nhà xuất bản nên thu hồi sách.”* Chuyện xảy ra từ đầu năm 2013, nhưng theo các nguồn tin thì hiện sách vẫn bày bán ở nhiều nơi và nhà xuất bản giải thích *“đó là sách mạo danh nhà xuất bản Đại Học Sư Phạm.”*

Cuối năm 2011, cờ Trung Cộng đã thành một vấn đề khi xuất hiện trên đài Truyền Hình VTV1 và vào thời điểm Hà Nội đón chào Tập Cận Bình.

Ai cũng biết cờ Trung Cộng mang hình 5 ngôi sao gồm 1 sao lớn chỉ Hán tộc và 4 sao nhỏ chỉ 4 sắc tộc Hồi, Mông, Mãn, Tạng tại Tân Cương, Nội Mông, Mãn Châu, Tây Tạng là những vùng đất do Trung Quốc xâm chiếm.

Thế nhưng đài Truyền Hình VTV1 lại trưng cờ Trung Cộng gồm 1 ngôi sao lớn, 5 ngôi sao nhỏ và trong dịp đón Tập Cận Bình, các học sinh nhỏ cũng giơ cao những lá cờ Trung Cộng tương tự. Nghi vấn hiện ra là phải chăng Hà Nội và Bắc Kinh đã có thỏa hiệp ngầm theo đó Việt Nam sẽ trở thành một khu vực thuộc Trung Quốc tương tự các vùng Tân Cương, Nội Mông, Mãn Châu, Tây Tạng?

Tất nhiên khó tìm được lời đáp dứt khoát cho nghi vấn trên, nhưng không ai có thể tin cách biện giải mà cộng sản Việt Nam đưa ra sau đó là sở dĩ có sự việc trên chỉ do nhân viên đài truyền hình và ban nghi lễ chính phủ đã làm lẫn.

Và, nghi vấn càng lớn hơn khi hai năm sau — 2012, 2013 — vẫn xuất hiện các sách giáo khoa với cờ Trung Cộng cũng chỉ được coi là *“sơ sót”* và *“sách giả mạo.”*



Hoa hậu
VN
giữa
các
hoa hậu
sắc tộc
thiểu số
Trung
Quốc.



Cờ
Trung
Quốc
trong
sách
giáo khoa
VN
&
thêm
thành
6 sao.



NHỮNG SỰ THẬT CÂN PHẢI BIẾT * 483

Tới đây thì những chuyện cũ lại hiện ra.

– Thứ ba, chuyện được ghi lại trong bài báo mang tựa đề “*Việt Minh vận động cho Việt Nam làm chư hầu Trung Quốc*” của báo Tiếng Dội xuất bản tại Sài Gòn năm 1951. Chuyện này đã được đề cập nơi chương 8, nhưng vẫn xin mở lại chứng liệu là tờ truyền đơn ký tên Trường Chinh, tổng thư ký đảng Lao Động tức là tổng bí thư đảng Cộng Sản Việt Nam lúc đó đang đổi tên để che giấu chân tướng.

Tờ truyền đơn nguyên văn như sau:

“Ủy Ban Hành Chính Kháng Chiến

Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa – Năm Thứ VII

Tổng Thư Ký Đảng Lao Động VN

Số: 284/LĐ Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc

Hỡi đồng bào thân mến!

Tại sao lại nhận vào trong nước Việt Nam yêu mến của chúng ta, là một nước biết bao lâu làm chư hầu cho Trung Quốc, cái thứ chữ kỳ quặc của bọn da trắng Tư Bản đem vào!

Tại sao ta lại truyền bá trong dân chúng từ ái Nam Quan đến mũi Cà Mau, cách viết chữ dị kỳ của tên thực dân Alexandre de Rhodes đã đem qua xír mình như thế?

Không, đồng bào của ta nên loại hẳn cách viết theo lối Âu Tây ấy — một cách viết rõ ràng có mau thật đấy — và ta hãy trở về với thứ chữ của ông bà ta ngày trước, là thứ chữ Nho của Trung Quốc.

Vả chẳng, người Trung Hoa, bạn của ta — mà có lẽ là thầy của chúng ta nữa, ta không hổ thẹn mà nhìn nhận như thế — có phải là dân tộc văn minh trước nhất hoàn cầu không? Còn nói gì đến y khoa của Âu Mỹ: Chúng chỉ cắt, đục, khoét, nạo! Có thể thôi!

Hỡi đồng bào yêu mến!

Chúng ta hãy gạt bỏ cách chữa bệnh của bọn đế quốc phương Tây đem qua xír ta!

Ta hãy bỏ nhà bảo sanh của chúng, bỏ bệnh viện của

chúng, ta hãy dùng thuốc dán của ông cha ta để lại và nhất là dùng thuốc Tàu danh tiếng khắp cả hoàn cầu!!!!

Ta hãy trở về phương pháp này, trước nữa để ủng hộ các bạn Trung Hoa, sau nữa để loại ra khỏi nước Việt Nam yêu mến của ta bao nhiêu những đồ nhập cảng thực dân như là khoa học, phát minh v.v...

Ta hãy quét sạch lũ “trí thức” đã xuất thân ở các trường Âu Mỹ, đế quốc và thực dân!

Chúc “Tổng Phản Công” và “Thi Hành Mọi Phương Pháp Bài Trừ Thực Dân.”

TRƯỜNG CHINH

Tổng Thư Ký Đảng Lao Động.

Ít nhất nội dung tờ truyền đơn đã gọi nhắc ý hướng đủ sức thuyết phục cho lời giải nghi vấn đã có và còn gây thắc mắc với nhiều người.

Đó là ý hướng nằm ngay trên tựa đề bài báo: *Vận động cho Việt Nam làm chư hầu Trung Quốc*. Đây không phải điều xuyên tạc hay bịa đặt, vì chính Trường Chinh với tư cách tổng bí thư đảng cộng sản đã công khai bày tỏ: *“người Trung Hoa, bạn của ta — mà có lẽ là thầy của chúng ta nữa, ta không hổ thẹn mà nhìn nhận như thế — có phải là dân tộc văn minh trước nhất hoàn cầu không?”*

Từ thái độ ngưỡng mộ Trung Quốc như thế, Trường Chinh đã tự hào về một ngàn năm nô lệ Bắc Phương của đất nước theo ý nghĩ nhờ đó Việt Nam được vinh dự *“là một nước biết bao lâu làm chư hầu cho Trung Quốc.”*

Trong hành động cụ thể, Trường Chinh kêu gọi dẹp bỏ quốc ngữ để thay thế bằng chữ Tàu, dẹp bỏ mọi nếp sinh hoạt khoa học như bệnh viện, bảo sinh viện và mọi thứ thuốc Tây để quay về với keo dán, với thuốc Bắc ..., thậm chí hô hào *“hãy quét sạch lũ “trí thức” đã xuất thân ở các trường Âu Mỹ, đế quốc và thực dân.”*

Tất nhiên không thể coi đây là quan điểm cá nhân vì Trường Chinh phát biểu với tư cách một lãnh tụ và nhân

danh đảng cộng sản.

Hơn nữa, chủ trương của cộng sản Việt Nam muốn biến đất nước thành chư hầu Trung Quốc không chỉ biểu hiện qua riêng tờ truyền đơn ký tên Trường Chinh mà trong cùng thời gian còn biểu hiện trên bản giao ước của Hồ Chí Minh nhân danh chủ tịch đảng cộng sản và chủ tịch nước VNDCCH đồng ký với Mao Trạch Đông về các điều kiện hai bên thỏa thuận.

Bản giao ước có tên “*Ghi Nhớ Hợp Tác Việt – Trung. Số hiệu VT/GU-0212*” ký tại Quảng Tây ngày 12/06/1953 giữa Hồ Chí Minh và Mao Trạch Đông với nội dung chủ yếu: “.... Trước tình hình quân đội thực dân Pháp đang củng cố xâm lược Việt Nam. Đảng Cộng Sản nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa và đảng Lao Động Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa nhận thấy cần có sự tương trợ và giúp đỡ lẫn nhau để giữ tình đoàn kết hai đảng, chính phủ và nhân dân hai nước như sau:

Điều 1: Chính phủ Trung Quốc sẽ đồng ý viện trợ vũ khí theo yêu cầu chỉ viện của quân đội nhân dân Việt Nam. Ngoài ra sẽ gửi các cố vấn, chuyên gia quân sự để giúp đỡ quân đội nhân dân Việt Nam.

Điều 2: Đảng Lao Động do đồng chí Hồ Chí Minh lãnh đạo đồng ý sáp nhập đảng Lao Động Việt Nam là một bộ phận của đảng Cộng Sản Trung Quốc.

Điều 3: Hai bên thống nhất Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa là một bộ phận của Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa với quy chế của một liên bang theo mô hình các quốc gia nằm trong Liên Bang Xô Viết (Phụ lục đính kèm).

Điều 4: Trước hết, đảng và chính phủ hai nước cần tập trung đánh đuổi thực dân Pháp và giành lại chủ quyền lãnh thổ cho Việt Nam. Các bước tiếp theo của việc sáp nhập sẽ được chính thức thực thi kể từ ngày hôm nay 12-06-1953.

Điều 5: Chính phủ Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa

đồng ý cung cấp viện trợ kinh tế cho chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa theo thỏa thuận đã bàn giữa chủ tịch Mao Trạch Đông và chủ tịch Hồ Chí Minh (Phụ lục đính kèm)...

– Ký tên:

Hồ Chí Minh và Mao Trạch Đông”

Mọi thắc mắc về nguyên do đưa đến hàng loạt sự kiện bất thường cùng nguyên do xuất hiện tờ truyền đơn với chữ ký của Trường Chinh đã có lời giải minh bạch.

Bởi các điều 2, 3, 4 trong bản *Ghi Nhớ Hợp Tác Việt – Trung* đã cho thấy 3 điều cụ thể trong mối tương quan Việt Nam – Trung Quốc.

Thứ nhất là đảng Cộng Sản Việt Nam — khi đó mang tên đảng Lao Động — đã đồng ý trở thành một bộ phận của đảng Cộng Sản Trung Quốc. Thứ hai là Hồ Chí Minh đã đồng ý biến Việt Nam thành một bộ phận của Trung Quốc theo kiểu các tiểu quốc lân bang Nga biến thành các khu tự trị thuộc Nga dưới tên gọi Liên Bang Xô Viết. Thứ ba là tiến trình sáp nhập được thỏa thuận có hiệu lực tức khắc từ ngày ký bản giao ước là ngày 12/06/1953.

Từ thực tế này, việc Phạm Văn Đồng ký công hàm 1958 công nhận chủ quyền Trung Quốc tại Biển Đông và các hải đảo tại đây có thể coi là bước đầu của tiến trình sáp nhập. Cũng từ thực tế này, việc xuất hiện hàng loạt hợp đồng mở đường cho các công ty và công nhân Trung Cộng xâm nhập hình thành các biệt khu Hoa Kiều trên khắp lãnh thổ Việt Nam cũng có thể mang chung tính chất.

Tóm lại, đảng cộng sản Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh đã chọn vai trò chư hầu của Trung Cộng nên từ cách đây hơn nửa thế kỷ đã không ngừng tiến hành các bước chuẩn bị cho chương trình Hán hóa toàn dân tộc.

Trên thực tế, tiến trình này có một thời trực trặc trước sau năm 1975 mà theo các tin khó kiểm chứng là do sự bất đồng của phe Lê Duẩn. Các nguồn tin tiết lộ Lê Duẩn không

đồng ý sáp nhập vào Trung Quốc nên đã cô lập Hồ Chí Minh trong vài năm cuối thập niên 1960, cụ thể là hai năm 1968-1969, và tìm cách nghiêng về phía Nga. Chính vì thế đã có chuyện Việt Nam dùng quân lực dẹp đảng cộng sản Campuchia của Pol Pốt thân Trung Cộng và bị Trung Cộng tấn công vào biên giới phía Bắc năm 1979.

Nhưng không lâu sau đó, mọi chuyện hầu như đã được phục hồi khi mà cả Hồ Chí Minh và Lê Duẩn đều đã hoàn toàn vắng bóng. Chứng minh cho ý hướng này là không ít sự thực đã khiến nhiều người gọi là phản ánh một tiến trình bán nước có hệ thống.

– Thứ tư, ngày 3/12/2001, nhân chuyến thăm hữu nghị chính thức Trung Hoa của tổng bí thư đảng CSVN Nông Đức Mạnh, hai bên đã đưa ra bản *Tuyên Bố Chung Việt Nam - Trung Quốc* trong đó có điều 6 như sau:

“Hai bên xác định trong thế kỷ mới cần tiếp tục tăng cường và mở rộng hợp tác kinh tế, thương mại, khoa học kỹ thuật và các lĩnh vực khác giữa hai nước theo phương châm bình đẳng, cùng có lợi, chú trọng hiệu quả, bổ sung ưu thế cho nhau, hình thức đa dạng, cùng nhau phát triển; tích cực khuyến khích và ủng hộ các doanh nghiệp hai bên khai thác thêm thị trường hàng hóa của hai nước, tăng cường đầu tư và hợp tác, mở rộng quy mô hợp tác kinh tế và kỹ thuật, thực hiện các dự án hợp tác đem lại hiệu quả kinh tế và xã hội thiết thực.

Nhân dịp này, hai bên đã ký Hiệp Định Khung giữa chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và chính phủ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa về việc Trung Quốc cung cấp cho Việt Nam khoản tín dụng ưu đãi và hiệp định hợp tác kinh tế kỹ thuật giữa chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và chính phủ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa ; và nhất trí sẽ tích cực thúc đẩy các doanh nghiệp hợp tác lâu dài trên dự án bô-xít nhôm Đắk Nông.

Việt Nam nhiệt liệt chúc mừng Trung Quốc trở thành thành viên tổ chức Thương Mại Thế Giới. Trung Quốc tích cực ủng hộ Việt Nam sớm gia nhập tổ chức Thương Mại Thế Giới.”⁽¹⁶¹⁾

Ngoài khẳng định mơ hồ kiểu “*khuyến khích và ủng hộ các doanh nghiệp hai bên khai thác thêm thị trường...*” chỉ có một vấn đề cụ thể được nêu là “*tích cực thúc đẩy các doanh nghiệp hợp tác lâu dài trên dự án bô-xít nhôm Đắk Nông.*”

Vấn đề cụ thể này, theo nhận định của nhiều chuyên gia, chỉ mang tính thiết yếu đối với Trung Cộng trong khi khó tránh gây ra hậu quả tệ hại cho Việt Nam. Chính vì thế mà nhiều thành phần quần chúng lên tiếng phản đối kế hoạch chấp thuận cho Trung Quốc tiến hành các dự án khai thác bauxite.

Tuy nhiên, dư luận bất bình này không những không ngăn nổi đảng cộng sản Việt Nam tiếp tục bước tới mà còn khiến nhiều người lên tiếng đã bị bắt giữ, tống vào các trại tù với những tội danh gán ghép trắng trợn như trường hợp các tù nhân Đinh Đăng Định, Cù Huy Hà Vũ... Và năm 2006, khi Hồ Cẩm Đào sang thăm viếng Việt Nam, bản *Tuyên Bố Chung Việt Nam – Trung Quốc* ngày 17/11/2006 đã đề cập vấn đề này không còn ở mức khởi sự “*thúc đẩy các doanh nghiệp hợp tác*” mà với mức độ cụ thể “*khẩn trương bàn bạc và thực hiện các dự án*” theo nguyên văn điều 5 như sau: “*Từng bước cải thiện cơ cấu mậu dịch, cố gắng thực hiện phát triển cân bằng và tăng trưởng bền vững thương mại hai chiều. Tích cực ủng hộ và thúc đẩy doanh nghiệp hai nước hợp tác lâu dài và cùng có lợi trong các lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, công nghiệp chế tạo, khai thác nguồn nhân lực, năng lượng, chế biến khoáng sản và các lĩnh vực quan trọng khác. **Khẩn trương bàn bạc và***

⁽¹⁶¹⁾ <http://viet.vietnamembassy.us/tintuc/story.php?d=20011203000335>

thực hiện các dự án lớn như bom-xít Đắc Nông... “⁽¹⁶²⁾

Như vậy, từ sau khi kết thân với Trung Cộng năm 1990, Việt Nam hầu như luôn ở thế sẵn sàng đáp ứng mọi yêu cầu từ các lãnh tụ Bắc Kinh mà năm 2013, Trương Tấn Sang đã thêm một lần nhấn mạnh:

“Việt Nam hết sức coi trọng phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Đảng, Nhà Nước và nhân dân Trung Quốc, coi đây là chính sách cơ bản, nhất quán, lâu dài và ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại của Việt Nam...”

Chính vì thế mà báo chí Bắc Kinh đã nhận định về mối bang giao với Việt Nam bằng giọng điệu không cần che giấu như sau:

“Chiến tranh ngoại giao Trung Quốc thắng lớn, chưa từng có trong lịch sử Trung Quốc...Đã thu phục một chư hầu đòi nay chỉ cần 10 văn kiện hợp tác toàn diện.”

Nhìn ngược lại thời gian từ buổi đầu xuất hiện đảng cộng sản Việt Nam, mọi chuyện không còn gây ngạc nhiên nữa. Bởi đã có quá nhiều bằng chứng hiển nhiên chỉ tỏ chủ trương quy phục Trung Cộng của giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam từ Hồ Chí Minh tới nhiều thế hệ tiếp nối. Tuy nhiên cùng với chủ trương này cũng không thể gạt bỏ ý hướng mưu cầu danh vị và quyền lợi của tập đoàn thủ đắc quyền lực tại Hà Nội mà một tài liệu tiết lộ bởi Wikileaks từng nhắc tới như sau: *“...Theo tin từ một thân hữu báo chí ở Norway (Na Uy), một điện văn trong số 250,000 mà WikiLeaks lấy được từ Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ và đã giao cho tờ báo buổi chiều lớn nhất Na Uy là tờ Aftenposten thì có một điện văn liên quan về Việt Nam nói đến dự án khai thác bom-xít nhôm ở Tây Nguyên.*

Nội dung điện văn chính yếu là yêu cầu Bộ Tài Chính Hoa Kỳ giúp điều tra và xác minh một số giao dịch ngân

⁽¹⁶²⁾ <http://www.sggp.org.vn/apec/2006/11/71847/>

hàng quốc tế. Cụ thể, theo điện văn này thì một nguồn tin trong giới ngân hàng Việt Nam cho biết kể từ cuối năm 2001 đã có những giao dịch chuyển ngân hàng chục triệu đô la từ Trung Quốc sang các tài khoản của gia đình tổng bí thư Nông Đức Mạnh ở Thụy Sĩ và ở Cayman Islands. Vào thời điểm của điện văn này là tháng 6-2009 thì tổng số đã chuyển ngân lên tới gần 300 triệu đô la.

Cũng trong điện văn này, nguồn tin từ ngân hàng Việt Nam cho biết những giao dịch chuyển ngân cho gia đình thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng chỉ bắt đầu vào cuối năm 2006 và đến tháng 6-2009 thì tổng số cũng đã lên khoảng gần 150 triệu đô la. Các giao dịch chuyển ngân trong phần của thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thì không đề cập đến ngân hàng nước nào.”⁽¹⁶³⁾

Dù không dễ kiểm chứng tính thực - giả của văn bản Wikileaks, và ngay cả khi đã xác định là văn bản đích thực vẫn không dễ kiểm chứng nội dung mô tả ra sao. Tuy nhiên, thái độ vừa bùng bít vừa tăng lờ như không hay biết trước các ý kiến phản đối của nhiều cá nhân, tổ chức... cho thấy tài liệu Wikileaks kể trên có thể đã diễn tả đúng một phần nguyên nhân chủ yếu là lợi nhuận của các cá nhân quyền lực — như một phương ngôn quen thuộc đã nhắc: “*Há miệng mắc quai!*”

Và lại, điều quan trọng nhất là vấn đề vẫn nằm trong chủ trương của Đảng nên sẽ luôn luôn được coi như thể hiện đúng theo tinh thần chỉ đạo.

Một tài liệu khác xuất hiện trên blog Hỏi và Trả LỜI đã kể lại một sự việc bao gồm nhiều tình tiết liên hệ khá mật thiết với tinh thần chỉ đạo này như sau: “*10 giờ sáng ngày 08/04/2013, thiếu tướng Hà Thanh Châu, chính ủy Tổng*

⁽¹⁶³⁾ <http://nghiathuc.wordpress.com/2011/03/27/tiet-lo-wikileaks-vu-bauxit-tay-nguyen-nong-duc-manh-nhan-300-trieu-usd-nguyen-tan-dung-150-trieu-usd-la-c/>

Cục Công Nghiệp Quốc Phòng (chủ nhiệm Tổng Cục là trung tướng Nguyễn Đức Lâm) được luật sư William Lê hướng dẫn đến Sở Di Trú King County, Seattle, tiểu bang Washington State, nộp đơn **xin tị nạn chính trị**, sau 2 tuần lễ ông và vợ ông đi thăm 3 người con đang là “du học sinh” ở tiểu bang này.

Bốn ngày sau, qua trung gian của một viên chức cao cấp Hoa Kỳ, ông trao cho chủ bút tạp chí Foreign Policy Magazine một tập tài liệu “tối mật”, có liên quan đến sự sống còn của nước Việt Nam, dự trù sẽ đăng tải cuối năm 2013.

Tập tài liệu này, do người anh vợ của ông, thiếu tướng H.T.T. làm chính ủy Tổng Cục 2, dưới thời tổng cục trưởng trung tướng Nguyễn Chí Vịnh, chép lại nguyên văn từ cuốn băng nhựa AKAI mang bí số ML887, ghi âm những cuộc họp bí mật của các nhà lãnh đạo Việt Nam: gồm Nguyễn Văn Linh, Lê Khả Phiêu, Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Nông Đức Mạnh và Trung Cộng gồm Giang Trạch Dân (sinh năm 1926), Lý Bằng, Lương Quang Liệt, Diệp Tuyền Ninh, Dương Đắc Chí, Hứa Thế Hữu... tại Thành Đô, thảo luận các thỏa hiệp sát nhập nước Việt Nam vào lãnh thổ Trung Quốc.

Chúng tôi — tác giả bài viết này — hiện làm bình bút cho tờ Foreign Policy Magazine nên được phổ biến bằng Việt ngữ, giới hạn, trong vòng thân hữu.

Thật ra, các cam kết “giao nước Việt Nam cho Trung Quốc”, đã được “ký” bằng “lời hứa danh dự” của ông Hồ Chí Minh với 2 đại tướng Tàu Trần Canh và Vị Quốc Thanh, thay mặt cho Mao Trạch Đông vào năm 1926. Bốn năm sau, năm 1930, thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam, ông Hồ khẳng định một lần nữa với tổng lý Chu Ân Lai: “Việt Nam và Trung Quốc tuy hai mà một. Một dân tộc. Một nền văn hóa. Một phong tục. Một tổ quốc.” Nếu giúp chúng tôi thắng Pháp, thắng Nhật, thắng tất cả bọn tư bản

vùng Đông Nam Á, nắm được chính quyền, thì nợ viện trợ sẽ hoàn trả dưới mọi hình thức, kể cả cắt đất, cắt đảo, lùi biên giới nhượng lại cho Trung Quốc, chúng tôi cũng làm, để đền ơn đáp nghĩa...”

Vấn đề là trong tài liệu thiếu tướng Hà Thanh Châu cung cấp có đoạn: Ngày 10/08/1987, ông Nguyễn Văn Linh (đang mắc bệnh ung thư) bay qua Trùng Khánh gặp Hồ Diệu Bang (1915-1989), Đặng Tiểu Bình (1904-1992= thọ 92 tuổi) bàn luận về các kế hoạch cắt đất, cắt biên giới và phác họa rõ ràng hơn. Một chương trình **“sát nhập Việt Nam vào lãnh thổ Trung Quốc” qua chiến thuật “hoà bình, hữu nghị, chậm chậm, êm ả, kín đáo, không ai có quyền biết đến”** với thời gian 60 năm, phân ra làm 3 giai đoạn, mỗi giai đoạn 20 năm.

– Giai Đoạn I : Ngày 15/07/2020 : Quốc Gia Tự Trị.

– Giai Đoạn II : Ngày 05/07/2040 : Quốc Gia Thuộc Trị.

– Giai Đoạn III: Ngày 05/07/2060 : Tỉnh Lỵ Âu Lạc.

Tình trạng vẫn là người Việt, đặt dưới quyền lãnh đạo của tổng đốc Quảng Châu.”⁽¹⁶⁴⁾



Tóm lại, cộng sản Việt Nam đã bán nước toàn diện cho Trung Cộng xuất phát từ Hồ Chí Minh cho đến nay. Xác minh cho sự trượng này là hàng loạt bằng chứng hiển nhiên ghi lại các hành vi cụ thể của tập đoàn lãnh đạo đảng cộng sản. Chính vì vậy các động thái như bỏ mặc ngư dân bị Trung Cộng hành hung, cướp đoạt trong khi sử dụng lực lượng công an côn đồ ngăn chặn, đàn áp các cuộc biểu tình

⁽¹⁶⁴⁾ <http://hoilatratoi.blogspot.com/2013/06/thoa-hiep-ngam-05-07-2020-la-ngay-thuc.html#.UnoYIuX-olQ>

chống Trung Cộng xâm lấn, đồng thời cho người Tàu nhập cư Việt Nam không cần visa... là những điều quá sức dễ hiểu. Bởi hướng nhắm của Trung Cộng trong tương quan với Việt hiện nay Nam không khó nhận biết mà còn được nhiều người nêu rõ — như trong lá thư gửi Quốc Hội của Ngô Bảo Châu đã viết: *“Trung Quốc thực hiện chính sách “thực dân mới” một cách có hệ thống ở châu Phi, châu Mỹ La tinh và mọi nơi có nhiên liệu, khoáng sản trong đó có Việt Nam. Trong trường hợp của Việt Nam, ảnh hưởng quá mức của Trung Quốc có thể kéo thêm hệ quả nguy hiểm sau đây: quan hệ hữu cơ vốn có của văn hóa Trung Quốc với văn hóa Việt Nam trở thành đô hộ văn hóa. Đất nước, con người, văn hóa Trung Quốc có nhiều thứ để ta cảm phục và học tập. Nhưng nếu ta rập khuôn theo mô hình của họ, đi theo con đường họ đã đi, làm theo cái họ nói tức là cái họ muốn, thì ta chỉ nhận phần thiệt thòi, còn bản sắc ta thì tồn vong được bao lâu.*

Vấn đề độc lập văn hóa, giữ gìn bản sắc vô cùng hệ trọng, xin quý vị lưu ý...

Xin quay lại vấn đề khai thác bô xít ở Tây Nguyên. Đọc tuyên bố chung Việt Nam – Trung Quốc năm 2001 khi Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh sang thăm Trung Quốc và năm 2006 khi Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào sang thăm Việt Nam, ta nhận thấy một điều hiển nhiên là Trung Quốc rất quan tâm đến tài nguyên này và muốn ta khai thác bằng được. Trong những trường hợp như vậy, chỉ suy diễn ta cũng thấy việc này có lợi cho họ nhiều hơn cho ta.”

Nhưng, chỉ riêng tập đoàn lãnh đạo cộng sản luôn bung tai bịt mắt trước mọi lời cảnh giác khẩn thiết này để tiếp tục thể hiện mọi đòi hỏi của chế độ Bắc Kinh.

Trước tình cảnh này rõ ràng chỉ có thể có một lời khẳng định duy nhất là đảng cộng sản đã và đang tiếp tục bán nước toàn diện cho Trung Cộng.

— 06/11/2013.



NHỮNG SỰ THẬT CẦN PHẢI BIẾT * 495

ĐẶNG CHÍ HÙNG
những sự thật
cần phải biết

TẬP 2

CHỨNG TỪ VỀ CHÂN TƯỚNG
tập đoàn phản dân hại nước

LÊ DUẨN – TRƯỜNG CHINH – VÕ NGUYÊN GIÁP
– LÊ ĐỨC THỌ – PHẠM VĂN ĐỒNG – LÊ ĐỨC ANH –
NGUYỄN VĂN LINH – VÕ VĂN KIỆT – NÔNG ĐỨC MẠNH
– PHAN VĂN KHẢI – TRẦN QUỐC HOÀN – MAI CHÍ THỌ –
PHAN VĂN KHẢI – LÊ KHẢ PHIÊU – LÊ HỒNG ANH
– ĐỖ MƯỜI – NGUYỄN MINH TRIẾT – NGUYỄN CHÍ VỊNH –
PHÙNG QUANG THANH – NGUYỄN SINH HÙNG
– NGUYỄN PHÚ TRỌNG – TRƯƠNG TẤN SANG –
NGUYỄN TẤN DŨNG – TRẦN ĐẠI QUANG.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- **Đại Nam quốc sử diễn ca**,
Phạm Đình Toái và Lê Ngô Cát, Hà Nội, 1934.
- **Quốc Kỳ và Quốc Ca Việt Nam**, Nguyễn Ngọc Huy, 1982.
- **Lịch sử Việt Nam**,
Đào Duy Anh, Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội 1955, 2002.
- **Mai Lĩnh Chiến** hồi ký, Nguyễn Hùng Kiệt.
- **Phủ Biên Tạp Lục**, 8 quyển được chia làm 2
Lê Quý Đôn, Khoa Học Xã Hội, Hà Nội 1977
- **Lịch sử Việt Nam**,
Nguyễn Khánh Toàn, Khoa học Xã hội, 1985-2000-2004
- **Chủ tịch Hồ Chí Minh, tiểu sử và sự nghiệp**,
Ban Nghiên cứu Lịch sử đảng T.Ư. Sự Thật, Hà Nội 1975.
- **Những mẩu chuyện về đời hoạt động
của Hồ Chủ Tịch**, Trần Dân Tiên (HCM), Sự Thật, 1976.
- **Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh: Những tác phẩm tiêu biểu
(từ 1919 đến 1945)**. Giáo Dục, TP.HCM 2000
- **Hồ Chí Minh Toàn Tập**, Sự Thật, Hà Nội 1989,1990, 2000, 2011
- **Hồ Chí Minh - Tuyển Tập**, Sự Thật 1971, 1983, 2003
- **Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử tập**, Sự thật 1979.
- **Phát động quần chúng và gia tăng sản xuất**,
C.B (HCM). Nhân Dân 1955.
- **Thành ngữ-Điển tích-Danh nhân Từ điển**
Trịnh Văn Thanh (Trịnh Chuyết). Văn Học 2008.
- **Bác Hồ những năm tháng ở nước ngoài**, Đảng Hòa., Trung Tâm
UNESCO bảo tồn & phát triển Văn Hóa Dân Tộc VN, 1999, 2001
- **Vừa đi đường vừa kể chuyện**, T. Lan.(HCM), 1950

- **Hồ Chí Minh, Cứu Tinh Dân Tộc Việt,**
Nguyễn Ngọc Truyện, Thanh Niên 2008.
- **Mãi mãi đi theo con đường của người - Hồi ký về Bác Hồ,** Nguyễn Lương Bằng. Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội 2006
- **Đường Kách Mệnh,** Nguyễn Ái Quốc 1927.
- **Theo Bác Đi Chiến Dịch,** Ngọc Châu, QĐND & Trẻ 2008.
- **Hỏi và Đáp về Cuộc Đời và Sự Nghiệp của Chủ Tịch Hồ Chí Minh,** Viện Bảo Tàng HCM, Trẻ, 1999.
- **Bác Hồ với Tết Mậu Thân năm ấy,** Vũ Kỳ. Văn Nghệ, 1998.
- **Năng Động Hồ Chí Minh,** Thép Mới, Văn Nghệ, Tp.HCM, 1990.
- **Mặt thật,** Thành Tín (Bùi Tín), Saigon Press, California, 1993.
- **Sự thật về quan hệ Việt Nam - Trung Quốc trong 30 năm qua,** Sự Thật, Phạm Xuyên, Đình Lai, 1979.
- **Văn kiện đại hội đảng các thời kỳ** (Lưu hành nội bộ).
Ban tuyên giáo T.Ư. Sự Thật 1990, 2000, 2003
- **Tập hợp văn kiện văn bản của đảng trước 1975**
Ban tư tưởng văn hóa T.Ư, 1989 (Lưu hành nội bộ).
- **Đảng CSVN qua những biến động trong phong trào Cộng Sản Quốc Tế,** Nguyễn Minh Cần. Tuổi Xanh 2001.
- **Chính sách cải cách ruộng đất Việt Nam (1954-1994),**
Lâm Thanh Liêm. 1995.
- **Những điều cần nhìn lại sau CCRĐ,** Hồ Linh, Văn Hóa 1985.
- **Tôn Giáo & Chính Trị Phật Giáo 1963-1967**
Chính Đạo, Văn Hóa, Houston 1994).
- **Việt Nam Niên Biểu 1939-1975 – Tập I-C: 1955-1963**
Chính Đạo, Văn Hóa, Houston, 2000).
- **Trăm hoa đua nở trên đất Bắc,**
Hoàng Văn Chí, MT Bảo Vệ Tự Do Văn Hóa, Sài Gòn, 1959.
- **Bọn Nhân Văn Giai Phẩm trước tòa án dư luận**
Sự Thật (nay là Chính Trị Quốc Gia -CTQG), Hà Nội, 1959.
- **Un Excommunié - Hanoi 1954-1991: Proces d'un intellectuel (Kể bị khai trừ),** Nguyễn Mạnh Tường, *Quê Mẹ*, Paris 1992.
- **Trần Dần,** nhật ký những ghi chép trong hai thời kỳ CCRĐ và NVGP 1954-1960, Trần Dần, Văn Nghệ, California 2001.

- **Đêm giữa ban ngày**, hồi ký,
Vũ Thư Hiên, Văn Nghệ. California 1997.
- **Thép Đen**, I, II, III, IV
Đặng Chí Bình, Đông Tiến & Đại Nam 1987, 1991, 2005.
- **Văn Kiện Đảng Toàn Tập** (Tập 1, 2, 3)
Ban tư tưởng văn hóa T.Ư, Sự Thật 2002.
- **Trường Chinh, một nhân cách lớn, một nhà lãnh đạo kiệt xuất của cách mạng Việt Nam** - hồi ký, CTQG 2002.
- **Một cơn gió bụi**, hồi ký
Trần Trọng Kim, Vĩnh Sơn, Sài Gòn 1949, 1969.
- **Giọt nước Trong Biển Cả**, hồi ký Hoàng Văn Hoan, 1987
- **Những chặng đường lịch sử của B2 thành đồng**
Trần Văn Trà, Quân Đội Nhân Dân, Hà Nội, 2003.
- **Hồi ký Lê Minh**, tư lệnh chiến trường Huế Tết Mậu Thân, nguyên bí thư Thừa Thiên Huế, 1986.
- **Biên niên sử đảng Cộng Sản Việt Nam**
Tiến Dũng, Hoài Nam. Quân Đội 1983
- **Công Lý Đồi Hối**, Nguyễn Minh Cần, Văn Nghệ 1997 .
- **Về Ba Ông Thánh**, Thành Tín (Bùi Tín), 1995.
- **Con rồng Việt Nam** hồi ký,
Cựu hoàng Bảo Đại, Nguyễn Phước Tộc 1990.
- **Kinh tế Việt Nam**, Nguyệt Minh, Giáo Dục 2000,
- **Khi đồng minh tháo chạy**, Nguyễn Tiến Hưng, Hoa Kỳ 2005.
- **Đại thắng mùa xuân**, hồi ký, Văn Tiến Dũng, QĐND, 1976, 2011
- **Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng Lợi và Bài Học**, Bằng Lê, Hà Nội 1996.
- **Tổng kết cuộc chiến tranh ở Việt Nam**,
Lê Quang Lạng & Trần Tiến Hoạt, Hà Nội 2000.
- **Tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước - Thắng Lợi và Bài Học**, Trần Văn Quang, Hà Nội 1996.
- **Tài liệu quân sử Việt Nam** tập 1, 2.
Tập thể tác giả, Quân Đội Nhân Dân 2001.
- **Lịch sử lớp 12**
tổng chủ biên Phan Ngọc Liên, Giáo Dục, 1999.

- **Lịch sử Kinh Tế Việt Nam 1945-2000,(Giai đoạn 1955-1975),**
nhóm tác giả, Hà Nội 2004, .
- **Lịch sử đảng Cộng Sản Việt Nam,**
Ngô Xuyên, CTQG, Tp.HCM 2000
- **Thư vào Nam,** Lê Duẩn, Sự Thật, 1985.
- **Nội dung cơ bản của cách mạng XHCN ở Việt Nam**
Lê Duẩn, Sự Thật, Hà Nội 1986.
- **Những kỷ niệm về Lê Duẩn,** hồi ký, Trần Quỳnh, 1986 ,
- **Lịch sử cục tác chiến 1945-2000,** Cục Tác Chiến, QĐND 2000.
- **Bên thắng cuộc, Tập 1& 2,** Huy Đức, 2012, 2013.
- **Biến động miền Trung,** Liên Thành, California. 2008
- **Đáy Địa Ngục.** hồi ký, Tạ Tỵ, Cơ Sở Thăng Mỗ, California 1985.
- **Tôi phải sống,** Linh mục Nguyễn Hữu Lễ, Tự Lực 2003.
- **Đại Học Máu,** hồi ký, Hà Thúc Sinh, Nhân Văn California 1984
- **Hà Nội Báo Động Đỏ,** Dương Văn Lợi, Việt Nam 1992
- **Trại Kiên Giam,** hồi ký,
Nguyễn Chí Thiệp, Sông Thu 1992, 2010.
- **Viết cho Mẹ và Quốc Hội,** hồi ký ,
Nguyễn Văn Trán, Văn Nghệ 1993.
- **Làm người rất khó, làm người xã hội chủ nghĩa khó hơn,**
hồi ký, Đoàn Duy Thành, 2008.
- **Hồi Ký Nguyễn Đăng Mạnh,**
Nguyễn Đăng Mạnh. Hà Nội 2008..
- **Đại Việt Quốc dân đảng,** Quang Minh 1967.
- **Quê hương niềm đau và nỗi nhớ,** Huy Vũ, Xây Dựng, 2010.
- **Hai Mươi Sáu Năm Lưu Đày dưới chế độ CSVN,** hồi ký
Hòa thượng Thích Thiện Minh, 1978.
- **Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin**
P3.VIII.3, Tô Văn Sông, Giáo Dục 2008.
- **Nhật ký rồng rắn,** Trần Độ, 2000, 2001.
- **Đường tới Điện Biên Phủ,** hồi ký Võ Nguyên Giáp
Hữu Mai thực hiện, Quân Đội Nhân Dân 2003.
- **Tổng tập hồi ký,** Võ Nguyên Giáp, QĐND, 2006.

- **Dưới ngọn cờ tất thắng của Đảng hãy hăng hái tiến lên giành thắng lợi mới**, Võ Nguyên Giáp, Thanh Niên 1960.
- **Những chặng đường lịch sử**, Võ Nguyên Giáp, Văn Học 1976.
- **Việt Nam Quốc Dân Đảng**, Hoàng Văn Đào, 1970.
- **Theo chân lịch sử**, hồi ức, Mai Chí Thọ, Trẻ 2001.
- **Đại tướng Mai Chí Thọ**, Nguyễn Thị Ngọc Hải, Công An Nhân Dân 2009.
- **Tinh Thần Phật Giáo Nhập Thế**, Trần Nhu, Nguồn Sống 2005.
- **Đường lên cơ quan tổng hành dinh**, Hoàng Nghĩa Khánh, Quân Đội Nhân Dân 2008
- **Cuộc chiến tranh bất buộc**, Nguyễn Văn Hồng, Hội Nhà Văn 2004.
- **Hồi ức và suy nghĩ** – hồi ký, Trần Quang Cơ, 2004.
- **Sài Gòn Mậu Thân 1968**, Ban Tuyên Giáo Thành Ủy – Cục Chính trị QK 7- Viện nghiên cứu xã hội Tp.HCM, 2008.
- **Hồi ký Ngô Công Đức (1936 – 2007)** Bản thảo
- **Phạm Văn Đồng và Ngoại giao Việt Nam**, Bộ Ngoại giao, Chính Trị Quốc Gia, 2006.
- **Nhà tù**, hồi ký, Duyên Anh, Xuân Thu 1987.
- **Đồng chí Trường Chinh – Nhà lãnh đạo kiệt xuất của Cách mạng Việt Nam**, Học viện CTQG/TpHCM, 2007.
- **Phong trào đấu tranh của công nhân Nam Bộ 1945 – 1975**, Liên đoàn Lao động Tp.HCM, Bản thảo, 2004.
- **Tâm tư Tổng Thống Thiệu**, Nguyễn Tiến Hưng, Hứa Chấn Minh 2010.
- **Nói chuyện với Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp** Thụy Khuê, Văn Nghệ, California 2002.
- **Những chặng đường của B2–thành đồng, tập V. Kết thúc chiến tranh 30 năm**, Trần Văn Trà, Văn Nghệ Tp.HCM 1982
- **Nguyễn Chí Thanh, sáng trong như ngọc một con người**, Trần Công Tấn, Văn Học, 2009.
- **Những kỷ niệm về Bác Hồ**, Hoàng Tùng, 1999, 2003.

- **Những mẩu chuyện về đồng chí Đỗ Mười**
Diệu Ân, Dân Trí 2009.
- **Sự thật về Thác Bản Giốc** (Phần 1 và phần 2), Mai Thái Lĩnh.
- **Trong cỏi**, Trần Quốc Vượng, California, 1993.
- **Theo dòng lịch sử**, Trần Quốc Vượng, 1995.
- **Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi**
Đỗ Mậu, Văn Nghệ, California 1994.



- **Chặng đường đã qua**, N.Kolosov, Tiệp Khắc 1980,
- **Ho Chi Minh: A life**, William. J. Duiker.
Dịch giả: Nguyễn Thành Nam, 2000
- **The Viet Minh Regime, Government and Administration in the Democratic Republic of Vietnam**, Bernard Fall, CT, 1975.
- **The Two Viet Nams : A Political And Military Analysis**,
Bernard Fall, 1985
- **Ho Chi Minh on Revolution**, Bernard Fall, 1967
- **Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam**,
Georges Boudarel, Paris 1991
- **Vietnam at War**,
Phillip B. Davidson. Oxford University Press, USA; 1991.
- **A Dragon Embattled**, Joseph Buttinger, New York 1967.
- **No more Vietnams**, Richard Nixon, Avon Books 1994.
- **Ho**, David Halberstam ,
Rowman & Littlefield Publishers 1971, 1987, 2007.
- **Ép-ghe-nhi Ca-bê-lép, Đồng chí Hồ Chí Minh - Tập 1,2**
Thanh niên - Hà Nội - 1985
- **Mao chủ tịch của tôi**,
Hà Cẩn Nxb Trung ương Trung Quốc. 1997, 2000
- **Liên Xô - Trung Quốc và Việt Nam, vấn đề chưa được biết**,
Ruslan Kobachenko, Nxb Lịch Sử Liên Bang Nga 1995.

- **Décolonisation du Vietnam: Un Avocat Temoigne,**
Trịnh Đình Thảo, L'Harmattan, Paris 1994.
- **British in Vietnam: prelude to disaster, 1945-1946 ,**
Peter Neville, 2007.
- **Why Vietnam: Prelude to America's Albatross,**
A.L.Patti, UCP1982). Nxb Đà Nẵng 2007.
- **Chủ thuyết của chúng ta,** A.Schenalder, Đông Đức 1981.
- **Đông Dương và người Pháp,** D. Olivier, 1987
- **Mao's China and the Cold War,**
Chen Jian, Đại Học North Carolina 2001.
- **China and the Vietnam Wars, 1950-1975,**
Qiang Zhai, Đại Học North Carolina 2000.
- **MAO: The Unknown Story,**
Jung Chang & Jon Halliday, Anchor Books - Random House 2005
- **Vietcong Strategy of Terror,** Douglas Pike, 1970 ,
- **Ho Chi Minh De l'Indochine au Vietnam,**
Daniel Hémery, Gallimard, Paris 1990.
- **Đông Nam Á tung hoành,**
Hoàng Tranh (Huang Zheng), Nam Ninh 12/2001
- **Mảnh trời riêng của lãnh tụ,**
Mikhail Vasaep , Liên Xô 1982.
- **Ho Chi Minh: The Missing years,**
Sophie Quinn-Judge, University of California 2003
- **Những người con của lãnh tụ,**
Constatin Kostadinov,. Poland 1984
- **Trung quốc và Đông Nam Á,**
La Cường - Kim Văn, Lý Luận Trung Ương Trung Quốc, 1979.
- **How the Helicopter Changed Modern Warfar,**
Walter J. Boyne, Pelican Publishing 2011.
- **Một bước đi lớn,**
nhóm tác giả KGB, Quân Đội Liên Bang Nga 1999.
- **Đối nghịch,** J. Leroy, Pháp 1987.
- **Tường trình của Galston,**
Arthur W. Galston, Science số 29/8/1975,

- **Tư bản hay dân chủ,**
Vương Văn, Nxb Tường Minh, Trung Quốc.2002,
- **Erklärung der Regierung der Republik Vietnam von 26,**
dịch giả Nguyễn Hội, sứ quán VNCH tại CHLB Đức 1958.
- **Chỉ dẫn lịch sử,** nhóm tác giả Viện Nghiên Cứu
Lịch Sử Liên Xô, Nxb Quốc Gia Liên Xô 2001.
- **The Real War,**
Richard Nixon, Warner Books : Random House 1980.
- **365 ngày ở Việt Nam,** (giải mật năm 2008, lưu hành nội bộ)
nhóm công tác Liên Xô chỉ đạo trong năm 1975 tại Việt Nam ,
- **Vietnamerica: A Family's Journey,**
Villard, GB Tran. 2011
- **Lê Nin và Xã hội chủ nghĩa,**
B. Ivic, Moskva.
- **Lê Nin tuyển tập và Bản tuyên ngôn đảng cộng sản,**
LêNin , 1923.
- **Đường dài xã hội chủ nghĩa,** N.Badasov, Moskva 1999.
- **Stalking the Vietcong,**
Stuart A. Herrington, Presidio Press 2004.
- **Mẫu mực sáng ngời của chủ nghĩa quốc tế vô sản,** La Quý Ba,
Montreal 2009. Dịch giả Dương Danh Dy và Trần Hữu Nghĩa.
- **Le Livre Noir du Communisme: Crimes, Terreur, Répression,**
Robert Laffont, S.A, Paris 1997.
- **Victory at any cost: The Genius Of Viet Nam's**
Gen. Vo Nguyên Giáp, Cecil B.Currey.
- **Giáp,** Georges Boudarel. Paris, 1977.
- **Indochina,** , Pierre Brocheux và Daniel Héméry, phần nói về
Geographic distribution of the French in Indochina, 1913-1940.
- **Viet Nam, la face cachée du régime,** Bùi Tín, (Hoa xuyên tụyết)
1999, Paris, préface de Jean Lacouture.
- **A reporter's love for a wounded people,** Uwe Siemon-Netto
(Đức), dịch giả Lý Văn Quý & Nguyễn Hiền, 2013.
- **The Memoirs of Richard Nixon,**
Richard Nixon, Simon & Schuster 1990.

- **Battles and Campaigns in Vietnam**,
Tom Carhart, Military Press, 1984.
- **The Politically Incorrect Guide to the Vietnam War**,
Phillip Jennings, Nxb Regnery Publishing, 2010.
- **Under fire: great photographers and writers in Vietnam**,
Catherine Leroy, Nxb Random House, 2005.
- **Histoire Contemporaine de l'Indochine**,
Philippe de Villiers, Paris, 2000.
- **Background to Betrayal: the Tragedy of Vietnam**,
Hillaire du Berrier, Western Islands 1965, dịch giả Nguyễn Hùng.
- **General Giap: Politician & Strategist**,
Robert J O' Neill, Praeger (1969).
- **Losers are Pirates**, James Banerian, Tiếng Mẹ 1984.
- **Đồng chí Vi Quốc Thanh trong viện trợ Việt Nam đấu tranh chống Pháp**, Hồi ký cổ vấn Trung Quốc, Vu Hóa Thâm, Đại Bách Khoa toàn thư xuất bản năm 2000. Dịch giả : Dương Danh Dy.
- **No peace, No Honor: Nixon, Kissinger, and Betrayal in Vietnam**, Larry Berman, Free Press, Touchstone 2002.
- **Trung Quốc-Việt Nam (sách ảnh)**- Văn phòng Báo chí Quốc vụ viện Trung Hoa biên soạn. China Intercontinental Press, 2003.
- **Mao Trạch Đông ngàn năm công tội**,
Tân Tử Lăng, Thông tấn xã Việt Nam, 2008.
- **Hồi ký**, đại sứ Trung Cộng Trương Đức Duy tại Hà Nội.
Bản dịch của Quốc Thanh, 2000.
- **Ngoại sự nhật ký**, Lý Bằng, tháng 9/2010.
- **Mặt trái của chiến tranh**, Hội văn nghệ quân đội Nga 1995.
- **Vietnam: A Dragon Embattled**,
Joseph Buttinger, Frederick A. Praeger, New York 1967.



- **The 1968 'Hue Massacre**, Gareth Porter,
Tập chí Indochina Chronicle số 33, 24/6/1974.

NHỮNG SỰ THẬT CẦN PHẢI BIẾT * 507

- **The Pentagons papers**, Báo cáo của Chính phủ Hoa Kỳ, 1974.
- **Điều tra của Orange County Register về “học tập cải tạo” tại Việt Nam**, James Taranto, The Wall Street Journal, năm 2001.
- **The New Lexicon Webster’s Encyclopedic Dictionary of English Language**, Lexicon, NY, 1988, mục Brezhnev Doctrine
- **Tạp chí kinh tế Châu Á**, 2010, nhóm tác giả.
- **Hồn Nước Trong Kinh Dịch và Luận Giải Về Lễ Biến Dịch của Lá Cờ Việt Nam Quốc Gia**, Nguyễn Hữu Quang, Cộng Đồng, số 3 tháng 12/1992 tại Ottawa, Canada.
- **Giai phẩm Mùa Xuân**, tháng 1/1956,
- **The Time**, 31/10/1969, bài “**The massacre of Hue**”
- **Tạp chí Hán Nôm**, số 1/1990”, kỷ niệm 100 năm ngày sinh Hồ Chí Minh,: "Cứu Trung Quốc thị cứu tự kỷ"
- **Tiếng Dội**, số 462, năm thứ 3, 1951, âm lịch 22 tháng Bảy, Tân Mão, Chủ nhiệm Trần Chí Thành tự Trần Tấn Quốc, Sài Gòn.
- **Khoa Tâm Lý Học, bộ môn Đức Học**, nhóm tác giả ĐHKHXHNV, Đại Học KHXH Nhân Văn Hà Nội, 1997
- **Tình hình viện trợ của địch**, báo cáo của Cục Nghiên Cứu - Bộ tổng tham mưu Quân Đội Nhân Dân VN, 1974.
- **Văn kiện đại hội đảng lần thứ 3-1993**, đảng cộng sản Việt Nam.(Lưu hành nội bộ).
- **Cuộc nói chuyện giữa Lê Duẩn và Mao Trạch Đông** Trung tâm Wilson - Hoa Kỳ 1970.
- **Biên bản cuộc họp tại Bắc Kinh giữa Chu Ân Lai - Kissinger về vấn đề Việt Nam**, Châu Á ngày 20/6/ 1972 tại Bắc Kinh.
- **Tài liệu Liên Hiệp Quốc**, ghi danh các quốc gia được LHQ công nhận, lưu chiếu tháng 2/1998.
- **Nghị quyết Bộ Chính Trị tháng 12/1967**, Ban Chấp Hành T.Ư Đảng tháng 1/1968, thành nghị quyết T.Ư lần thứ 14. Tài liệu lưu tại Viện Lịch Sử Quân Sự Việt
- **Tài liệu học tập cải tạo TN/QP-14**, lưu chiếu ngày 14/02/1977 tại cục lưu trữ Bộ Quốc Phòng Cộng Sản,
- **Tài liệu về tù cộng sản**, Viện Bảo Tàng Việt Nam tại San Jose.

- **Thông cáo đặc biệt của Ban Chấp hành T.Ư Đảng, 11/7/1986.**
- **Văn thư lưu trữ của đảng cộng sản Liên Xô năm 1982,**
Cục lưu trữ Liên Bang Nga.
- **Cương lĩnh hành động đội thiếu niên tiền phong,**
số tháng 3/1967 mang số tài liệu TL/023-TNTP.
- **Phỏng vấn về Chiến tranh Việt Nam,**
tạp chí George năm 1998, phỏng vấn William C. Westmoreland.
- **Tài liệu Lưu Trữ,** Bảo tàng Hồ Chí Minh, Hà Nội. 2/2010.
- **Thông tin lịch sử của TP.HCM,**
Ủy ban nhân dân TPHCM, 2011.
- **The State of the World's Refugees 2000, 50 years of Humanitarian Action,** Bà Sadako Ogata, Cao Ủy Trưởng Tị Nạn Liên Hiệp Quốc, năm 2000.
- **Chỉ thị 100 – CP, và triển khai kế hoạch cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh tại thành phố Sài Gòn,**
Phạm Văn Đồng, 1978.
- **Văn kiện đại hội đảng cộng sản tháng 4/1979,**
(Số 03/VKĐ- BCT).
- **Nghị định 31/CP,** ban hành 14/04/1997, Võ Văn Kiệt.
- **Số liệu Trung tâm nghiên cứu và phân tích dữ liệu Gafin,**
Chi nhánh phòng thương mại & công nghiệp VN VCCI, 2011.
- **Báo cáo của ban chỉ đạo TGTW-06/BC. 09/08/2013 ,**
Ban tư tưởng văn hóa Trung Ương.
- **Quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Trung Quốc – Việt Nam,** bản tuyên bố chung 10 điểm 21/06/2013
giữa Tập Cận Bình và Trương Tấn Sang.
- **Công hàm 14/9/1958,** Phạm Văn Đồng gửi Chu Ân Lai.
- **Nghị quyết 49 (49-NQTVQH),** Hội Đồng Bộ Trưởng thông qua ngày 20/6/1961 và bắt đầu áp dụng kể từ 8/9/1961.
- **Thông Tư số 121-CP ngày 8/9/1961,**
chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng Phạm Văn Đồng.
- **Tài liệu của quân ủy quân đội cộng sản số 03,**
(BC-03/QU) ngày 12/12/1953.
- **Sắc Lệnh số 110/SL ngày 28/5/1948** của Hồ Chí Minh.

- **Báo cáo về chiến dịch mùa hè 1972**,
Bộ tổng tham mưu, bí số KHTM/1972- BQP
- **Tuyên bố chung Việt Nam – Trung Quốc: 9 điểm**,
Nông Đức Mạnh và Hồ Cẩm Đào ký ngày 2/6/2008
- **Công văn đề nghị xét phong tặng chức Đại Tướng cho Mai Chí Thọ tháng 2/1989.**
- **Bản Báo Cáo Tối Mật của Ủy Ban Kiểm Tra Trung Ương về Lê Đức Anh, Số 751-/BCKTTW**
Hà Nội, ngày 10/3/2001.
- **Báo cáo ngày 15-3-1979 của Bộ Ngoại Giao Việt Nam**,
Sài Gòn Giải Phóng 19/3/1979.
- **Báo cáo của ban kiểm tra trung ương đảng cộng sản Việt Nam BKTW – số 12/BC – ngày 26/10/2002,.**
- **Hiệp định tạm thời về việc giải quyết các công việc trên vùng biên giới hai nước**, Việt Nam – Trung Quốc ngày 7-11-1991, .
- **Về cuộc gặp tổng bí thư Đỗ Mười và đồng chí Giang Trạch Dân**, Bộ Ngoại Giao lưu chiều ngày 12/02/1992
- **Kỷ yếu Hội nghị Giang Trạch Dân, Lý Bằng và Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, 1990.**
- **Bản tổng hợp 220 sự kiện về nhân quyền và chính trị tại Việt Nam năm 2007.**
- **Trung Hoa nhật báo** số ngày 20/5/2007.
- **Công văn trích gửi C46** ngày 25/6/2010 của Trần Đại Quang.
- **Công văn số 323 – TTg – QHQT.**
Phó thủ tướng Hoàng Trung Hải, 04/03/2008.
- **Ghi nhớ hợp tác Việt Trung – số hiệu (VT/GU- 0212) ký ngày 12/06/1953 tại Quảng Tây**, giữa Hồ Chí Minh-Mao Trạch Đông.
- **Bản lên tiếng của tổ chức Human Rights Watch (HRW)**,
ngày 10/11/2010, yêu cầu Việt Nam trả tự do ngay lập tức cho luật sư Cù Huy Hà Vũ.
- **Wikileaks: Báo cáo về Trương Tấn Sang và Nguyễn Tấn Dũng, 2011.**
- **Công điện Wikileaks về báo cáo của Tổng Lãnh Sự Hoa kỳ tại Sài Gòn**, Seth Winneck, gửi về Bộ Ngoại Giao ngày 26/12/2006.

- **Báo cáo của Bộ Chính Trị Cộng Sản Việt Nam** tháng 3/2013 mang tên” **Thông Tin Cơ Bản về Trung Quốc và Quan Hệ Trung Quốc - Việt Nam.**
- **Nghị định 72, quản lý, cung cấp, xử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng**, số 72/2013/NĐ-CP, Hà Nội, Nguyễn Tấn Dũng ký ngày 15/07/2013.
- **Công văn 7169/ VPCP-NC**, Thư hỏa tốc của Nguyễn Tấn Dũng, 12/09/2012.
- **Nghị định 174/2013/NĐ-CP**, Nguyễn Tấn Dũng ký ngày 13/11/2013.
- **Sự thật về Hồ Chí Minh** – DVD, Linh mục Nguyễn Hữu Lễ 2009.
- **Trường Chinh**, Phim 24 tập của Trung Cộng, đạo diễn Kim Thao, hoàn thành 2000.
- **Video tài liệu về con tàu J. Charcot**, Ủy Ban Cứu Nguy Người Vượt Biển



Ngoài ra, tác phẩm còn xử dụng các đường links từ website của cục lưu trữ Liên Bang Nga, Wikileaks, các bảo tàng và bài viết trên các trang mạng của chính nhà cầm quyền cộng sản hay các sắc lệnh đã công bố của cộng sản Việt Nam vv...

